

RANSOM

RIGGS



TRẺ ĐẶC BIỆT CỦA CÔ PEREGRINE



vh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

RANSOM

RIGGS

52
TUẦN LIÊN TIẾP
New York
Times
BESTSELLER



TRẠI

TRẺ ĐẶC BIỆT

CỦA CÔ PEREGRINE



nh
nhà nam

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Trại Trẻ Đặc Biệt Của Cô Peregrine

Tác giả: Ransom Riggs

Dịch giả: Lê Đình Chi

**Thể loại: Best seller, Kỳ ảo, Giả tưởng, Kinh dị, Tiểu thuyết,
Văn học phương Tây**

Bộ sách: Những đứa trẻ đặc biệt của cô Peregrine (tập 1)

Công ty phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

ISBN: 978-06469-6207-6

Nguồn: vuilen.com

Edit: GiangFTG

Ebook được thực hiện hoàn toàn với mục đích phi thương mại, nhằm chia sẻ với những bạn ở xa hoặc không có điều kiện mua sách, khi sao lưu xin ghi rõ nguồn.

Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ nhà xuất bản và tác giả.

Mục Lục

Giới Thiệu

Mở Đầu

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

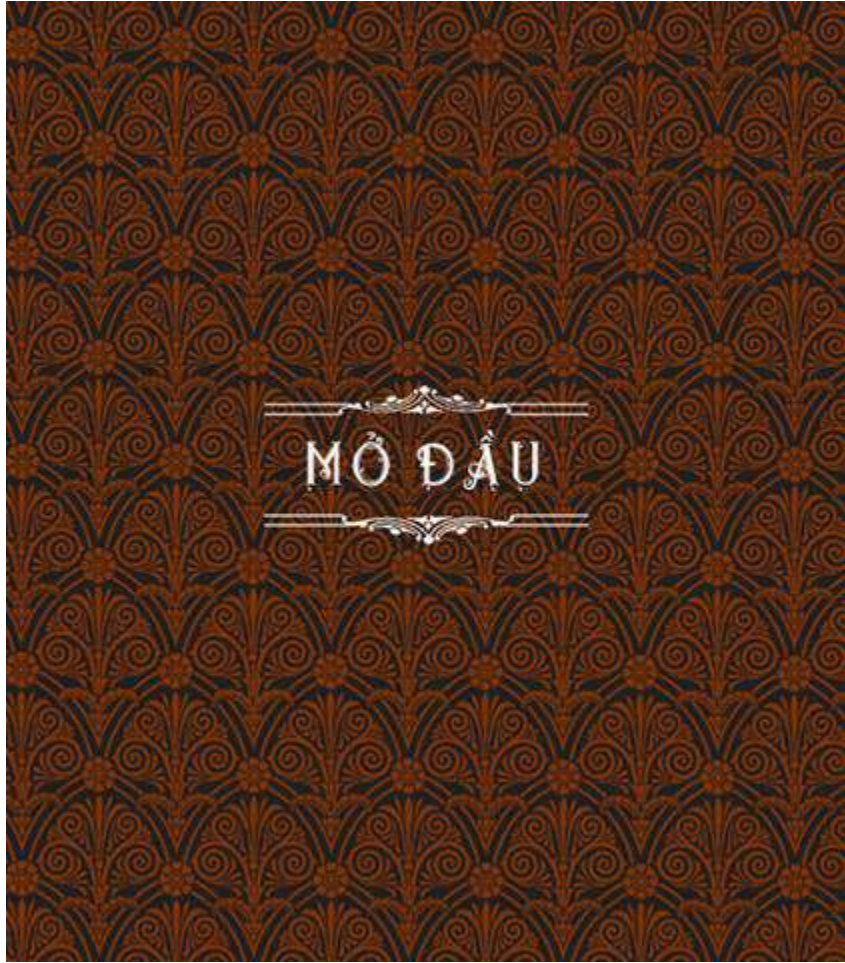
Chương 11

Giới Thiệu

Jacob lớn lên cùng những câu chuyện ông nội thường hay kể. Câu chuyện về thưở thiếu thời ông đã trải qua tại một trại trẻ đã được phù phép, nơi sinh sống của những đứa trẻ sở hữu năng lực phi thường: một cô bé biết bay, một cậu bé tàng hình, một cô bé có thể tạo ra lửa...

Năm tháng qua đi, Jacob dần không còn tin vào những điều phù phiếm, cậu đặt những bước đi đầu tiên vào một cuộc sống nhưng lụa êm đềm do bố mẹ bày sẵn trước mắt. Nhưng cái cái chết đột ngột của người ông cậu kính yêu nhất đã làm thay đổi tất cả. Theo lời trăng trối của ông, cậu lên tàu tìm kiếm trại trẻ từng được nhắc đến trong những câu chuyện xa xưa. Và chính tại đây, cậu không chỉ khám phá ra bí mật động trời về thân thế của mình, mà còn bước chân vào một cuộc phiêu lưu sẽ biến cuộc đời tầm thường tẻ nhạt vốn có của cậu sang một trang mới vĩnh viễn không thể quay đầu...

Một tuyệt phẩm với trí tưởng tượng không có giới hạn được kết hợp từ con chữ và những bức ảnh hoài cổ nhuộm màu gothic, **TRẠI TRẺ ĐẶC BIỆT CỦA CÔ PEREGRINE** sẽ làm mê hoặc không chỉ thiếu niên mà cả những người trưởng thành, bất kỳ ai còn muốn tin rằng những câu chuyện cổ tích không hoàn toàn là hư cấu.



Mở Đầu

Tôi vừa mới chấp nhận rằng cuộc đời mình sẽ bình thường thì những chuyện khác thường bắt đầu xảy ra. Chuyện đầu tiên tới như một cú sốc kinh hoàng, và như bất cứ điều gì làm bạn thay đổi mãi mãi, nó cắt rời cuộc đời tôi thành hai nửa: Trước và Sau. Như nhiều điều khác thường sẽ tới sau đó, nó liên quan tới ông nội Abraham Portman của tôi.

Ngày tôi còn nhỏ, ông nội Portman là người thú vị nhất tôi biết. Ông từng sống trong một trại mồ côi, chiến đấu trong các cuộc chiến tranh, vượt đại dương trên những chiếc tàu hơi nước và băng qua sa mạc trên lưng ngựa, biểu diễn trong các gánh xiếc, biết mọi thứ về súng đạn, cách thức tự vệ và kỹ năng sống sót trong thế giới hoang dã, nói được ít nhất ba thứ tiếng ngoài tiếng Anh. Tất cả đều có vẻ lạ lẫm vô cùng với một cậu nhóc chưa bao giờ rời khỏi Florida, và bất cứ khi nào gặp ông, tôi lại khấn khoản nài nỉ ông thết đãi mình những câu chuyện. Ông luôn chiều tôi, kể lại chúng như những bí mật chỉ có thể gửi gắm nơi tôi.

Lên sáu tuổi, tôi quyết định rằng cơ hội duy nhất để mình có được cuộc đời ngoạn mục đầu chỉ bằng một nửa của ông nội là trở thành nhà thám hiểm. Ông động viên tôi bằng cách chiều chiều cùng tôi cắm cúi nhìn xuống những tấm bản đồ thế giới, lên kế hoạch cho những chuyến thám hiểm tưởng tượng bằng các tuyến đường vạch ra bằng đinh rệp mũ đỏ và kể cho tôi nghe về những chôn lạ lũng tôi sẽ khám phá một ngày nào đó. Ở nhà, tôi thể hiện tham vọng của mình để ai cũng biết bằng cách lượn lờ vòng quanh với một miếng bìa cuộn thành ống áp vào mắt, miệng hét toáng lên, “Đất liền kia rồi!” và “Chuẩn bị một toán đồ bộ nào!” cho tới khi bố mẹ đá dít tôi ra ngoài. Tôi nghĩ hai người lo rằng ông nội có thể tiêm nhiễm vào tôi một thói mơ mộng vô phương cứu chữa nào đó mà tôi sẽ không bao giờ dứt bỏ được - lo rằng những chuyện hoang đường này sẽ khiến tôi dừng dừng với những tham vọng thực tế hơn - đến mức một ngày nọ mẹ phải kéo tôi ngồi xuống và giải thích rằng tôi không thể trở thành một nhà thám hiểm vì mọi

thứ trên thế giới đã được khám phá cả rồi. Tôi đã sinh ra nhằm thế kỷ, và tôi cảm thấy mình bị lừa dối.

Tôi thậm chí còn cảm thấy bị lừa dối nhiều hơn khi vỡ lẽ ra là phần lớn những câu chuyện hay ho nhất ông nội Portman kể không thể nào là thật. Những câu chuyện dài nhất luôn kể về tuổi thơ của ông, chẳng hạn như ông ra đời tại Ba Lan nhưng đến năm mười hai tuổi đã được đưa bằng tàu thủy tới một trại trẻ ở Wales. Khi tôi hỏi vì sao ông bị chia lìa với hai cụ nội, câu trả lời của ông luôn giống nhau: vì những con quái vật truy đuổi ông. Ba Lan nát bươm cũng chỉ vì chúng, ông kể vậy.

“Quái vật kiêu như thế nào ạ?” tôi tròn mắt hỏi. Câu hỏi này đã trở thành thường lệ. “Những con quái vật lưng gù góm ghiếc, da dẻ lở loét và hai con mắt đen ngòm ấy” ông trả lời như thế. “Và chúng bước đi thế này này!” Rồi ông nhắc từng bước chân lê tới chỗ tôi như một con quái vật trong mấy bộ phim ngày xưa cho đến khi tôi cười phá lên, vùng bỏ chạy.

Mỗi khi mô tả chúng, ông lại thêm thắt vào vài chi tiết kinh dị mới: chúng bốc mùi rác rưởi đang phân hủy; chúng vô hình, ta chỉ có thể thấy cái bóng của chúng, có một bó xúc tu uốn éo ẩn trong miệng chúng, sẵn sàng lao vút ra trong nháy mắt và lôi tuột bạn vào giữa bộ hàm mạnh mẽ. Chẳng mấy chốc tôi bắt đầu bị khó ngủ, trí tưởng tượng tích cực thái quá của tôi biến tiếng lốp xe kêu lạo xạo trên mặt đường ướt thành hơi thở phì phò nặng nề ngay bên ngoài cửa sổ phòng mình, hay những cái bóng dưới cánh cửa ra vào thành những xúc tu đen xám đang uốn éo. Tôi sợ chết khiếp lũ quái vật nhưng lại vẫn hào hứng tưởng tượng ra cảnh ông nội tôi chiến đấu với chúng và sống sót để kể lại câu chuyện.

Còn lạ kỳ hơn thế là những câu chuyện ông kể về cuộc sống tại trại trẻ ở Wales. Theo lời ông, đó là một nơi được phù phép, được lập nên để bảo vệ những đứa trẻ khỏi lũ quái vật nằm trên một hòn đảo ngày ngày đều sáng ánh mặt trời và chưa từng bao giờ có ai bị ốm hay chết. Tất cả mọi người sống cùng nhau trong một ngôi nhà lớn, được một con chim già sắc sảo bảo vệ, hay ít nhất trong chuyện kể là như thế. Tuy nhiên, khi lớn lên, tôi bắt đầu thấy nghi ngờ.

“Là chim gì hả ông?” một buổi chiều năm lên bảy, tôi hỏi trong lúc đưa mắt nhìn ông đây ngò vục từ bên kia bàn chơi bài, khi ông vừa để tôi thắng cờ tỷ phú.

“Một con chim ung to hút tẩu thuốc”, ông đáp.

“Ông ơi, ông nghĩ cháu ngớ ngẩn lắm hay sao thế ạ.”

Ông đưa ngón cái gạt qua đồng tiền màu cam và xanh dương đang vơi dần của mình. “Ông hông bao giờ ngầy cháu ngớ ngẩn, Yakob.” Tôi biết mình đã làm ông buồn vì khẩu âm Ba Lan vốn chẳng bao giờ ông để lộ bổng buột ra rất rõ, khiến cho không trở thành hông và nghĩ biến thành ngầy. Cảm thấy có lỗi, tôi quyết định dành cho ông thêm cơ hội.

“Nhưng tại sao lũ quái vật lại muốn làm hại ông ạ?” tôi hỏi.

“Vì bọn ông không giống những người khác. Bọn ông đặc biệt.”

“Đặc biệt thế nào cơ?”

“À, đủ kiểu đặc biệt”, ông kể. “Có một cô bé biết bay, một cậu bé nuôi ong trong cơ thể, một người anh trai và cô em gái có thể nâng bổng những tảng đá lên quá đầu.”

Khó mà dám chắc ông có đang nghiêm túc hay không. Thế nhưng lại phải nói rõ, ông tôi không phải người có tiếng hay kể chuyện cười. Ông cau mày khi nhìn ra vẻ nghi ngờ trên mặt tôi.

“Được rồi, cháu không nhất thiết phải tin lời ông”, ông nói. “Ông có ảnh đây này!” Ông đẩy chiếc ghế gấp đang ngồi ra sau và đi vào trong nhà, để tôi lại một mình ngoài hàng hiên có lắp kính. Một phút sau, ông trở ra, cầm theo một hộp đựng xì gà cũ. Tôi nhòm người ra trước để nhìn trong khi ông lấy ra bốn bức ảnh nhỏ nhúm ó vàng.

Đầu tiên là một bức ảnh mờ nhòe chụp thứ gì đó trông như một bộ quần áo mà không thấy người mặc. Hoặc thế, hoặc người mặc đồ không hề có đầu.

“Tất nhiên là cậu ta có đầu!” ông tôi vừa nói vừa cười. “Chỉ có điều cháu không thể nhìn thấy được.”

“Sao lại không? Cậu ấy vô hình ạ?”

“Ái chà, hãy xem bộ óc của anh chàng này kìa!” Ông nhướn mày lên như thể khả năng suy luận của tôi đã khiến ông ngạc nhiên. “Tên cậu ta là Millard. Một anh chàng rất nhộn. Thỉnh thoảng cậu ta sẽ nói, “Này Abe, tớ biết hôm nay cậu đã làm gì đấy nhé, đoạn kể lại xem cháu đã đi đâu, đã ăn gì, cả vụ cháu ngoáy mũi khi tưởng không có ai nhìn nữa. Đôi lúc cậu ta sẽ đi theo cháu, lặng thinh như một con chuột, không mặc gì trên người để cháu không thể trông thấy cậu ta theo dõi mình!” Ông lắc đầu. “Tưởng tượng được chứ, chàng trai?”

Ông đưa cho tôi một bức ảnh khác. Sau khi tôi đã có chút thời gian ngẫm nghĩ nó, ông hỏi, “Thế nào? Cháu thấy gì?”

“Một cô bé phải không ạ?”

“Gì nữa nào?”

“Cô ấy đội một chiếc mũ miện.”

Ông tôi gõ gõ vào phần dưới bức ảnh. “Còn hai bàn chân cô ấy thì sao?”

Tôi cầm bức ảnh đưa lại gần hơn. Đôi bàn chân cô gái không chạm xuống mặt đất. Nhưng cũng không phải cô đang nhảy, cô gái dường như đang lơ lửng trong không trung. Miệng tôi há hốc.

“Cô ấy đang bay!”

“Gần đúng”, ông tôi nói. “Cô bé đang bay lên. Chỉ có điều cô ấy không thể hoàn toàn kiểm soát bản thân, thành ra đôi khi bọn ông phải buộc một sợi dây vào cô ấy để giữ cô ấy khỏi trôi đi mất!”

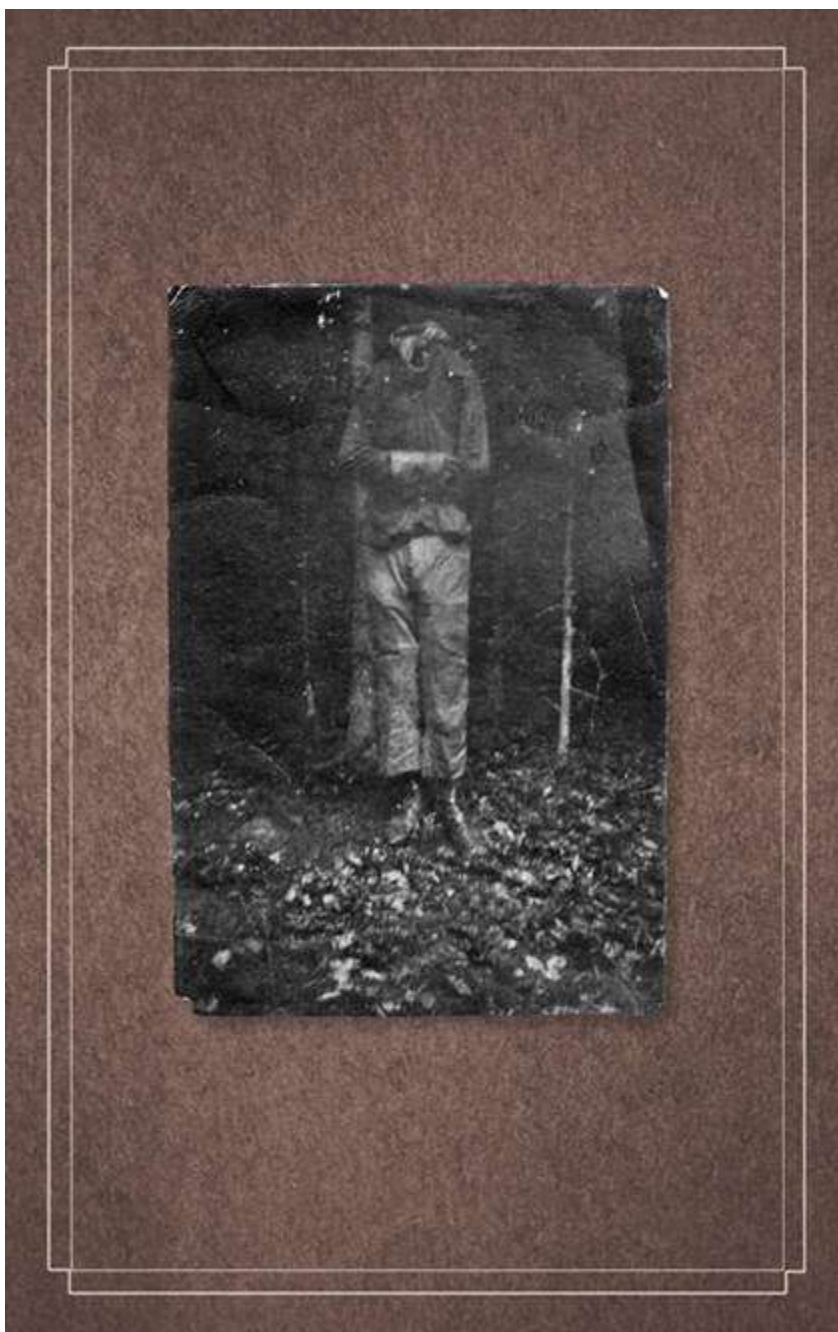
Đôi mắt tôi dán chặt vào khuôn mặt búp bê đầy ám ảnh của cô gái. “Thật thế ạ?”

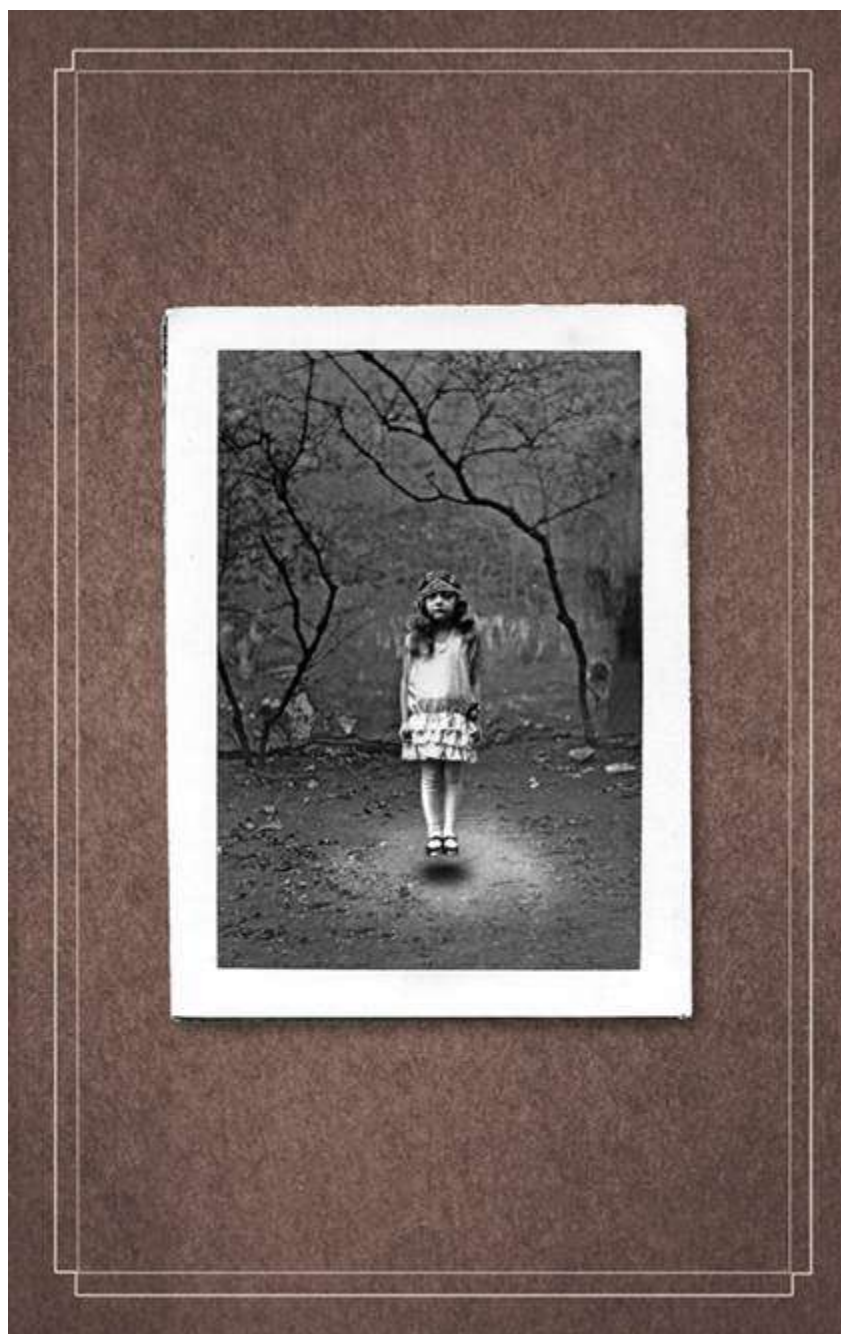
“Tất nhiên là thật”, ông cẩu kính nói, lấy lại bức ảnh và thay thế nó bằng một bức ảnh khác, lần này chụp một cậu bé gầy khảnh khi đang giơ một tảng đá lớn lên. “Victor và em gái cậu ta không thông minh cho lắm”, ông nói, “nhưng cháu ạ, hai anh em họ quả rất khỏe!”

“Trông anh ấy không có vẻ khỏe lắm”, tôi vừa nói vừa ngắm nghía hai cánh tay gầy gò của cậu bé.

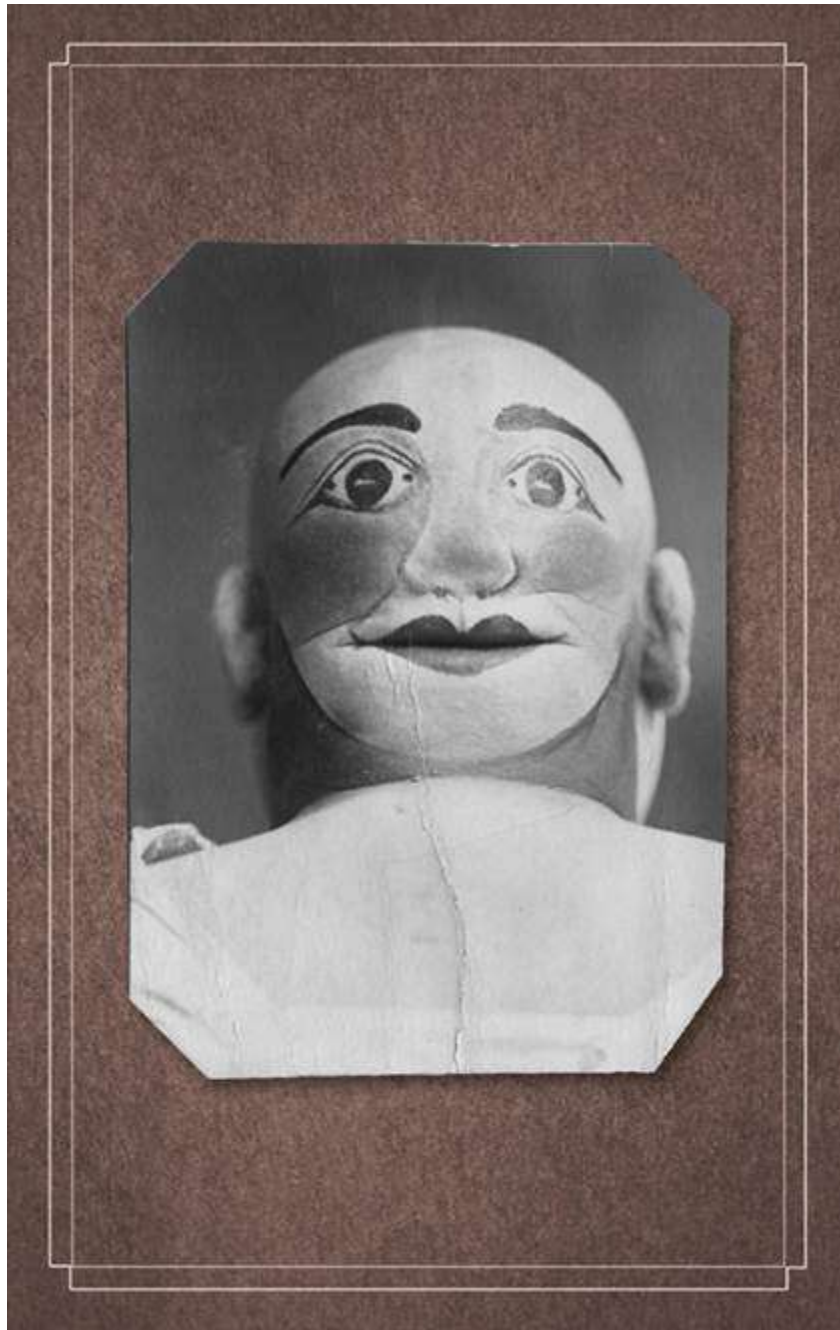
“Tin ông đi, cậu ấy rất khỏe. Ông đã thử vật tay với cậu ấy một lần, và thiếu chút nữa cậu ấy đã vặn gãy rời bàn tay ông đấy!”

Nhưng lạ lùng nhất là bức ảnh cuối cùng. Nó chụp nửa sau đầu một người, bên trên vẽ một khuôn mặt.









Tôi nhìn chăm chăm vào bức ảnh cuối cùng trong khi ông nội Portman giải thích. “Cậu ấy có hai miệng, cháu thấy không? Một đằng trước và một đằng sau. Chính vì thế mà cậu ấy rất to béo!”

“Nhưng cái miệng này là giả”, tôi nói. “Khuôn mặt chỉ được vẽ lên thôi.”

“Hẳn rồi, khuôn mặt vẽ là giả. Nó được dùng cho chương trình xiếc. Nhưng như ông đã nói với cháu đấy, cậu ấy có hai miệng. Cháu không tin ông sao?”

Tôi ngẫm nghĩ một hồi, nhìn vào các bức ảnh rồi sau đó nhìn vào ông tôi, vẻ mặt ông thành thật như không bao giờ có điều gì giấu giếm. Việc gì ông phải nói dối chứ?

“Cháu tin ông”, tôi nói.

Và tôi thực sự tin ông - ít nhất là trong vài năm - cho dù chủ yếu vì tôi muốn thế, giống như những đứa trẻ khác ở tuổi tôi muốn tin vào ông già Noel. Chúng ta bám lấy những câu chuyện cổ tích của mình cho tới khi cái giá phải trả cho niềm tin vào chúng trở nên quá cao, với tôi là hồi cấp hai khi Robbie Jensen tụt quần tôi vào bữa trưa trước một bàn toàn con gái và tuyên bố là tôi tin vào chuyện cổ tích. Tôi đoán chuyện này chỉ là kết quả từ việc tôi kể lại những câu chuyện của ông ở trường, nhưng trong khoảnh khắc bẽ bàng ấy, tôi đã mừng tưng ra biệt danh “anh chàng cổ tích” sẽ đeo đuổi tôi suốt nhiều năm và cho dù có công bằng hay không, tôi cũng thấy giận ông vì chuyện này.

Chiều hôm ấy ông nội Portman tới trường đón tôi, như ông vẫn thường làm khi cả bố mẹ tôi đều bận việc. Tôi trèo vào ghế phụ trong chiếc Pontiac cũ của ông và tuyên bố tôi không còn tin vào những câu chuyện cổ tích của ông nữa.

“Chuyện cổ tích nào cơ?” ông hỏi, đưa mắt nhìn tôi từ sau cặp kính.

“Ông biết mà. Những câu chuyện ấy. Về những đứa trẻ và lũ quái vật”

Ông tôi có vẻ bối rối. “Ông có nói đó là chuyện cổ tích đâu nhỉ?”

Tôi nói với ông rằng chuyện tưởng tượng và chuyện cổ tích cũng chỉ là một, và những câu chuyện cổ tích là dành cho lũ nhóc còn tè dầm, và tôi biết những bức ảnh và câu chuyện của ông đều là hư cấu. Tôi những tưởng ông sẽ nổi cáu hay tranh luận, nhưng thay vì thế ông chỉ nói, “Được rồi”, và khởi động chiếc Pontiac chạy. Ông nhấn ga một cái, thế là chúng tôi rời khỏi lề đường. Và câu chuyện cũng chấm dứt ở đó.

Tôi đoán ông đã nhìn ra rằng cuối cùng tôi cũng phải từ bỏ niềm tin vào chúng, nhưng ông buông bỏ mọi thứ nhanh đến mức khiến tôi cảm thấy mình đã bị lừa dối. Tôi không hiểu được tại sao ông lại bịa ra tất cả những

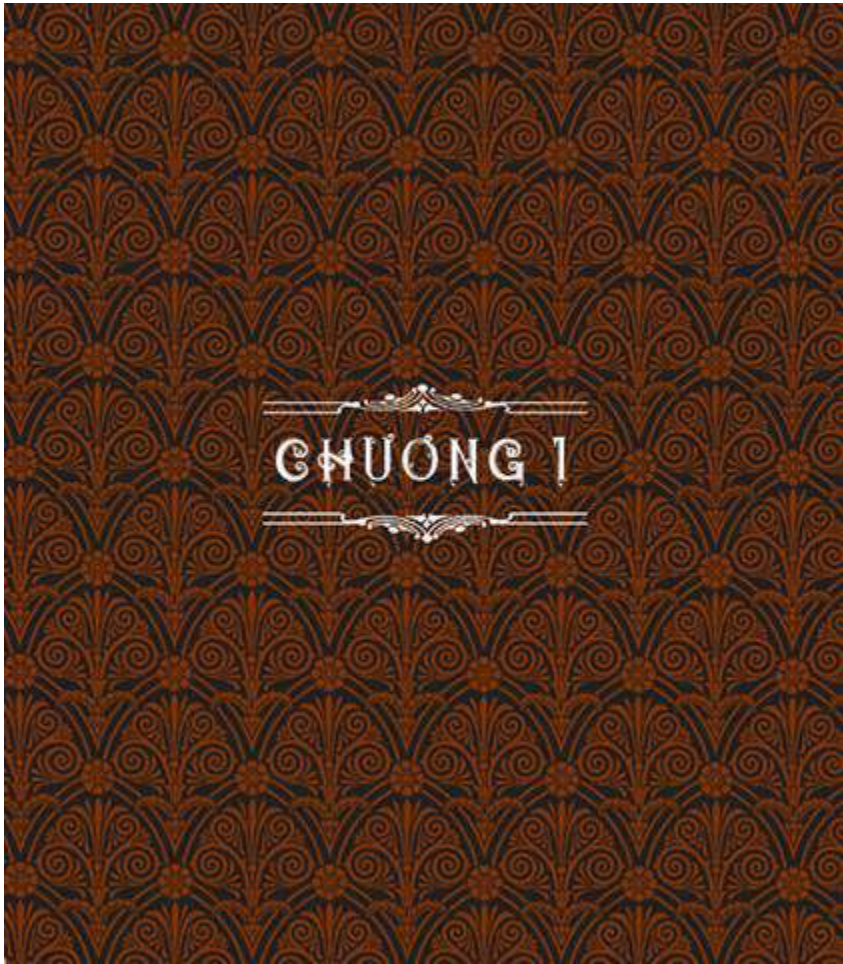
thứ đó, lừa tôi tin rằng những điều phi thường có thể xảy ra trong khi không phải vậy. Phải mấy năm sau bố tôi mới giải thích chuyện này với tôi: ông nội cũng đã kể cho bố vài câu chuyện tương tự khi bố còn nhỏ, nhưng chúng không phải bịa đặt, mà nói chính xác là những phiên bản phóng đại thái quá của sự thật, vì câu chuyện về thời thơ ấu của ông nội Portman không hề là chuyện cổ tích. Đó là một câu chuyện kinh hoàng.

Ông nội tôi là thành viên duy nhất của gia đình thoát được khỏi Ba Lan trước khi Thế chiến thứ Hai bùng nổ. Khi ông mới mười hai tuổi, hai cụ nội đã trao ông vào tay những người xa lạ, để con trai út của họ lên một chuyến xe lửa tới Anh chỉ mang theo một cái va li và quần áo mặc trên người. Đó là chuyến đi không hẹn ngày trở lại. Ông không bao giờ gặp lại bố hay mẹ mình, hay các anh trai, các anh em họ, hoặc cô dì chú bác. Tất cả hẵn đều đã mất trước ngày sinh nhật thứ mười sáu của ông, bị sát hại dưới tay những con quái vật mà ông chỉ kịp tránh thoát. Song đây không phải là loại quái vật có những cái xúc tu và da dẻ lở loét, không phải loại quái vật một đứa trẻ lên bảy tuổi có thể dễ tâm tới. Chúng là những con quái vật mang khuôn mặt người, mặc quân phục bánh bao, đi đều bước, nom bình thường tới mức bạn không thể nhận ra bản chất của chúng cho tới khi đã quá muộn.

Giống như những con quái vật, câu chuyện về hòn đảo được phù phép cũng là thực tế dưới lớp vỏ ngoài hư cấu. So sánh với cảnh tượng kinh hoàng trên lục địa châu Âu, trại trẻ đã đón nhận ông nội tôi chắc hẳn giống như một thiên đường, và vì thế nó đã trở thành thiên đường trong các câu chuyện của ông: một nơi trú ẩn an toàn với những mùa hè bất tận, các thiên thần bảo hộ cùng những đứa trẻ có phép thuật, vốn dĩ không thể bay, tàng hình hay nhắc bóng được đá tảng, tất nhiên rồi. Điểm khác thường khiến chúng bị săn đuổi chỉ đơn giản là nguồn gốc Do Thái của chúng. Chúng là những đứa trẻ mồ côi trong chiến tranh, bị con thủy triều máu đánh dạt lên hòn đảo nhỏ ấy. Điều khiến chúng trở nên đáng kinh ngạc không phải là chuyện chúng có những quyền năng màu nhiệm; nguyên việc chúng thoát khỏi các khu tập trung người Do Thái và phòng hơi ngạt cũng đã là một phép màu rồi.

Tôi thôi không đòi ông kể chuyện cho mình nữa, và tôi thậm nghĩ chắc ông cũng thấy nhẹ nhõm. Một bầu không khí huyền bí bao quanh các chi tiết về phần đời trước đây của ông. Tôi không tò mò tìm hiểu. Ông đã phải trải qua địa ngục và có quyền được giữ những bí mật của mình. Khi nghĩ tới cái giá ông phải trả tôi cảm thấy xấu hổ vì đã ghen tị với cuộc đời ông, và có cảm thấy may mắn vì cuộc sống an toàn mình đã hưởng trong khi chẳng làm gì để xứng đáng được như thế.

Rồi vài năm sau đó, khi tôi mười lăm tuổi, một việc dị thường và khủng khiếp xảy ra, thế là chỉ còn lại Trước và Sau.



Chương 1

Tôi dành buổi chiều cuối cùng của Trước để dựng một mô hình thu nhỏ cỡ một phần mười nghìn tòa nhà Empire State bằng những hộp đựng tã giấy người lớn. Đó quả là một công trình đẹp đẽ, phần đáy dài mỗi chiều một mét rưỡi và vươn lên ngạo nghễ trên khu bày mỹ phẩm, với nền móng là các hộp cỡ lớn, những hộp loại siêu nhẹ cho đài quan sát, và những chồng tã giấy dùng thử đủ cỡ được xếp cẩn thận tạo nên phần chóp nhọn mang tính biểu tượng của tòa nhà. Mô hình gần như hoàn hảo, ngoại trừ một chi tiết tối quan trọng.

“Cậu dùng tã giấy Neverleak”, bà Shelley nói, cau mày nhìn công trình của tôi đầy ngờ vực. “Loại đang bán giảm giá là Stay-Tite cơ mà.” Bà Shelley là quản lý cửa hàng, đôi vai luôn chùng xuống cùng bộ dạng khác khổ đã trở thành một phần bộ đồng phục của bà ta, cũng như somi polo màu xanh dương mà tất cả chúng tôi phải mặc.

“Cháu tưởng bà bảo là Neverleak”, tôi đáp, vì quả tình bà ta đã nói thế thật. “Stay-Tite”, bà quản lý khăng khăng, lắc đầu đầy tiếc rẻ như thể tòa tháp của tôi là một con ngựa đua bị què còn bà ta đang cầm trong tay một khẩu súng ngắn có báng nạm ngọc trai. Một im lặng lúng túng buông xuống, trong khi ấy bà ta tiếp tục lắc đầu, hết đưa mắt từ tôi đến tòa tháp rồi lại trở về phía tôi. Tôi nhìn bà ta chằm chằm vô cảm, như thể hoàn toàn không sao nắm bắt nổi bà ta đang ngụ ý công kích gì.

“Ôi trời”, cuối cùng tôi lên tiếng. “Ý bà là muốn cháu làm lại từ đầu ấy à?”

“Tôi chỉ bảo là cậu đã dùng Neverleak”, bà quản lý nhắc lại.

“Không vấn đề gì. Cháu sẽ bắt đầu ngay lập tức.” Dùng mũi đôi giày đen đế mềm vẫn hay đi, tôi gạt cái hộp duy nhất làm móng tòa tháp. Trong khoảnh khắc, toàn bộ công trình nguy nga ào ào đổ ụp xuống quanh chúng tôi, làm cả một con thủy triều tã giấy tràn ra trên sàn, những cái hộp liên

tiếp đập vào chân các khách hàng đang hoảng hồn, trượt dài ra tới tận cửa ra vào tự động lúc này đã trượt mở để luồng hơi nóng tháng Tám ủa vào.

Khuôn mặt bà Shelley chuyển sang màu quả lựu chín. Đáng lẽ bà ta nên đuổi việc tôi ngay tại chỗ, song tôi biết mình sẽ chẳng bao giờ gặp may đến thế. Suốt mùa hè tôi đã cố để bị đuổi việc khỏi Smart Aid, tuy nhiên việc này đã được chứng tỏ là gần như bất khả thi. Tôi đi làm muộn hết lần này tới lần khác mà hầu như chẳng có lý do nào; thay đổi lung tung các thứ đến mức gây sốc; thậm chí còn cố tình xếp hàng lên nhâm kệ, bày nước thom xen vào giữa thuốc xỏ và để lẫn bao cao su với dầu gội đầu trẻ em. Hiếm có lúc nào tôi tận tụy làm bất cứ việc gì, ấy vậy nhưng cho dù tôi có tỏ ra bất tài vô dụng đến đâu đi nữa, bà Shelley vẫn kiên quyết giữ tôi lại trong danh sách trả lương.

Hãy cho phép tôi chứng thực cho phát biểu lúc trước của mình: với tôi, bị đuổi việc khỏi Smart Aid gần như là điều bất khả thi. Bất cứ nhân viên nào khác hẳn cũng đã bị tổng ra khỏi cửa từ đời tám hoánh rồi. Đây chính là bài học đầu tiên của tôi về chính trị. Có ba cửa hàng Smart Aid tại Englewood, thị trấn nhỏ mơ màng kề bên bãi biển nơi tôi sống. Có hai mươi bảy cửa hàng ở hạt Sarasota, và một trăm mười lăm trên cả Florida, rải khắp tiểu bang như một chứng phát ban vô phương chữa trị. Lý do tôi không thể bị đuổi việc là vì các bác tôi sở hữu tất cả các cửa hàng kể trên. Lý do khiến tôi không thể bỏ việc là chuyện làm việc tại Smart Aid với vai trò công việc đầu tiên trong đời đã từ lâu trở thành một truyền thống thiêng liêng trong gia đình. Kết quả duy nhất từ chiến dịch tự phá hoại của tôi là mối xung khắc không thể hóa giải nổi với bà Shelley cùng sự oán giận tột độ trường tồn từ các nhân viên khác - những người, nói một cách thẳng thắn, kiêu gì cũng oán giận tôi, vì cho dù tôi có làm đổ bao nhiêu hàng trưng bày hay trả tiền thiếu cho bao nhiêu khách hàng, đến một ngày nào đó tôi vẫn sẽ thừa kế một phần đáng kể của công ty, còn họ thì không.

Lội qua đồng tã giấy, bà Shelley gí ngón tay vào ngực tôi và chực nói gì đó gay gắt thì hệ thống loa thông báo xen ngang vào.

“Jacob, cậu có điện thoại ở đường dây số hai. Jacob, đường dây số hai.”

Bà quản lý trừng mắt nhìn tôi khi tôi lúi lúi chuồn đi, để khuôn mặt như lựu chín của bà ta ở lại giữa đồng hồ nát của tòa tháp tôi dựng lúc trước.

Phòng nhân viên là một căn phòng ẩm ướt không cửa sổ, và lúc đến đó tôi gặp cô phụ việc nhà thuốc, Linda, đang gặm một cái sandwich không vỏ trong quang sáng rực rỡ của chiếc máy bán đồ uống tự động. Cô ta hát hăm về phía cái điện thoại được gắn trên tường.

“Của cậu đường dây số hai ấy. Người gọi nghe có vẻ kỳ lắm.”

Tôi cảm ông nghe đang treo toong teng lên.

“Yakob? Có phải cháu đấy không?”

“Vâng, cháu chào ông.”

“Yakob, ơn Chúa. Ông cần chìa khóa của ông. Chìa khóa của ông đâu?” Ông có vẻ lo lắng, thờ không ra hơi.

“Chìa khóa nào cơ ạ?”

“Đừng giờ trò”, ông gắt. “Cháu biết chìa khóa nào còn gì.”

“Nhờ ông để nó nhằm chỗ thì sao ạ.”

“Bố cháu xúi cháu làm chuyện này chứ gì”, ông nói. “Cứ nói cho ông biết. Bố cháu không cần phải biết.”

“Chẳng ai xúi cháu làm gì hết.” Tôi cố thay đổi chủ đề. “Sáng nay ông đã uống thuốc chưa ạ?”

“Chúng đến tìm ông, cháu hiểu chưa? Ông không biết bằng cách nào chúng tìm thấy ông sau từng ấy năm qua, nhưng chúng đã làm được. Ông sẽ phải chiến đấu với chúng bằng cái gì đây, con dao trét bơ mắc dịch này chẳng?”

Đây không phải là lần đầu tiên tôi nghe ông nói kiểu này. Ông nội tôi đã già, và thành thực mà nói ông bắt đầu lẩn lộn. Những dấu hiệu suy giảm minh mẫn của ông ban đầu chỉ loáng thoáng, như quên mua đồ tạp hóa hay

gọi mẹ tôi bằng tên dì tôi. Nhưng đến hè này, chứng lú lẫn đang phát triển dần của ông đã có một bước ngoặt tàn khốc. Những câu chuyện hoang đường ông tưởng tượng ra về phần đời của mình trong chiến tranh - những con quái vật, hòn đảo được phù phép - đã trở nên thật đến nỗi ám ảnh với ông. Ông tỏ ra đặc biệt bất an trong mấy tuần gần đây, và bố mẹ tôi, sợ rằng ông đang trở thành một mối nguy hiểm cho chính mình, đã nghiêm túc nghĩ tới chuyện đưa ông vào viện dưỡng lão. Vì một lý do nào đó, tôi là người duy nhất nhận được những cuộc gọi điện báo đêm giờ này từ ông.

Như thường lệ tôi cố hết sức để làm ông bình tâm lại. “Ông vẫn an toàn mà. Mọi thứ vẫn ổn. Cháu sẽ mang đến một bộ phim để ông cháu mình xem sau, ông thấy thế nào?”

“Không, ở yên chỗ cháu đây! Ở đây không an toàn!”

“Ông ơi, không phải lũ quái vật đang tìm đến ông đâu. Ông đã giết hết chúng trong chiến tranh rồi, ông nhớ chứ?” Tôi quay mặt vào tường, cố che giấu cuộc hội thoại kỳ lạ này để Linda khỏi nghe thấy, cô ta đang tò mò đưa mắt về phía tôi trong khi giả bộ đọc một tạp chí thời trang.

“Không phải tất cả chúng”, ông nói. “Không, không, không. Đúng là ông đã giết rất nhiều, nhưng vẫn luôn còn nhiều hơn.” Tôi có thể nghe thấy ông đang lục lọi quanh nhà, mở ngăn kéo, đóng sầm thứ này thứ kia. Ông đang rơi vào cơn hoảng loạn cùng cực. “Cháu phải tránh xa chỗ này, nghe ông nói chứ? Ông sẽ ổn thôi - cắt lưỡi chúng và đâm vào mắt chúng, đó là tất cả những gì cháu phải làm! Chỉ cần ông tìm ra cái chìa khóa mắc dịch đó!”

Cái chìa khóa đang được nhắc tới dùng để mở một cái rương to tướng trong gara của ông nội Portman. Trong rương là một kho súng và dao đủ để trang bị cho một đội dân quân nhỏ. Ông đã dành nửa cuộc đời sưu tầm chúng, cất công đi tới tận các hội chợ súng ở tận ngoài tiểu bang, thực hiện những chuyến đi săn dài ngày, lôi cả gia đình miễn cưỡng của mình tới trường tập bắn vào các chủ nhật nắng đẹp để mọi người có thể học bắn súng. Ông yêu những khẩu súng của mình đến mức thậm chí có lúc đi ngủ cùng chúng. Bố tôi có một bức ảnh cũ để chứng minh cho điều đó: ông nội ngủ trưa với khẩu súng ngắn trong tay.



Khi tôi hỏi bố xem vì sao ông nội lại phát cuồng lên vì súng như thế, bố tôi nói đôi khi chuyện này vẫn xảy ra với những người từng là quân nhân hay những người phải trải qua những điều tàn khốc cực độ. Tôi đoán là sau tất cả những gì ông nội tôi đã trải qua, ông không bao giờ còn cảm thấy được an toàn ở bất cứ đâu, thậm chí cả ở nhà. Điều mỉa mai nằm ở chỗ, giờ đây khi ảo giác và chứng hoang tưởng bắt đầu kiểm soát ông, điều đó thành ra lại đúng - ông không còn được an toàn ở nhà, làm sao mà an toàn được

khi có ngàn ấy súng ống xung quanh. Đó là lý do vì sao bố tôi lại lấy cái chìa khóa đi.

Tôi nhắc lại lời nói dối rằng tôi không biết nó ở đâu. Thêm nhiều tiếng rủa và tiếng rầm rầm nữa vang lên trong lúc ông nội Portman lục tung khắp nhà để tìm chìa khóa.

“Phù”, cuối cùng ông nói. “Cứ để bố cháu giữ cái chìa khóa nếu nó thấy điều đó quan trọng đến thế. Để nó nhất xác ông luôn!”

Tôi gác máy lẽ độ hết mức có thể rồi gọi điện cho bố.

“Ông nội lại lên cơn rồi!”, tôi cho bố biết.

“Hôm nay ông đã uống thuốc chưa?”

“Ông không nói với con. Nhưng nghe có vẻ là chưa.”

Tôi nghe thấy bố thở dài. “Con ghé qua xem ông thế nào được không? Bố không thể dứt ra khỏi công việc ngay bây giờ được.” Bố tôi làm tình nguyện viên bán thời gian cho tổ chức cứu hộ chim, giúp chữa trị cho những con diệc trắng bị ô tô đụng và những con bò nông nuốt phải lưỡi câu. Ông là một nhà điều cầm học nghiệp dư và cũng muốn trở thành tác giả viết về thiên nhiên - có cả đồng bản thảo chưa được xuất bản để chứng minh cho điều đó - những thứ chỉ có thể được coi là công việc đúng nghĩa nếu bạn tình cờ kết hôn với một phụ nữ mà gia đình sở hữu tới một trăm mười lăm nhà thuốc.

Tất nhiên, thứ tôi đang làm cũng chẳng phải công việc đúng nghĩa gì cho cam, và nếu thích thì tôi luôn dễ dàng lĩnh đi được. Vậy là tôi nói sẽ ghé qua xem ông nội thế nào.

“Cảm ơn con, Jake. Bố hứa chúng ta sẽ sớm thu xếp ổn thỏa mọi chuyện liên quan tới ông nội, được chứ?”

Mọi chuyện liên quan tới ông nội. “Ý bố là đưa ông vào viện dưỡng lão phải không ạ”, tôi nói. “Biến ông thành vấn đề của người khác.”

“Bố mẹ vẫn chưa quyết định.”

“Tất nhiên hai người đã quyết định rồi.”

“Jacob...”

“Bố, con có thể lo liệu chuyện của ông. Thật đấy.”

“Bây giờ thì có lẽ là con lo liệu được. Nhưng tình hình của ông sẽ chỉ ngày càng tệ thêm thôi.”

“Được thôi. Sao cũng được.”

Tôi gác máy và gọi cậu bạn Ricky để đi nhờ xe. Mười phút sau, tôi nghe thấy tiếng còi khàn khàn chẳng lẫn vào đâu được từ chiếc Crown Victoria cũ kỹ của cậu ta vọng vào từ bãi đỗ xe. Trên đường ra ngoài, tôi thông báo lại tin xấu cho bà Shelley: tòa tháp xây bằng tã giấy Stay-Tite của bà ta sẽ phải đợi tới ngày mai.

“Chuyện gia đình khẩn cấp”, tôi giải thích.

“Được rồi”, bà ta nói.

Tôi bước ra ngoài buổi chiều muộn nóng nực và thấy Ricky đang ngồi hút thuốc trên mui chiếc xe cà tàng. Có điều gì đó trên đôi ủng cáu bùn của cậu ta, cũng như trong cách cậu ta nhả những bụm khói thuốc lượn lờ trên môi và ánh hoàng hôn chiếu lên mái tóc màu xanh lục ấy làm tôi nhớ tới anh chàng James Dean vô dụng, lỗ mãng. Anh chàng này đúng là tất cả những thứ đó, một sản phẩm lai tạp kỳ lạ giữa các nhóm văn hóa chỉ có ở miền Nam. Trông thấy tôi, cậu ta đứng lên khỏi mui xe. “Mày bị đuổi chưa?”, cậu ta gân cổ lên hỏi với từ tí cuối bãi đỗ xe.

“Suytttt”, tôi vừa nói vừa chạy lại chỗ cậu ta. “Bọn họ không biết kế hoạch của tao đâu!”

Ricky đâm mạnh vào vai tôi với ý động viên nhưng thiếu chút nữa đã làm trật khớp xoay của tôi. “Đừng lo, Ed Đặc Biệt. Luôn có ngày mai mà.”

Cậu ta gọi tôi là Ed Đặc Biệt vì tôi có tham gia vài lớp năng khiếu, mấy lớp này, trên lý thuyết mà nói, là một phần trong chương trình giảng dạy đặc biệt của trường tôi, một cách lựa chọn từ vựng rất tinh tế mà Ricky cảm thấy vô cùng thú vị. Tình bạn của chúng tôi là thế: phần khó chịu cũng nhiều ngang với phần hợp tác. Phần hợp tác là một thỏa thuận thương mại

không chính thức mà chúng tôi đã thảo ra với nhau đôi chất xám lấy cơ bắp, trong đó tôi giúp cậu ta không trượt môn Anh văn, còn cậu ta giúp tôi không bị mất mạng dưới tay những thằng bệnh hoạn to vâm nghiệm steroid vẫn lảng vảng khắp các lối đi trong trường. Chuyện cậu ta làm bố mẹ tôi cực kỳ gai mắt chỉ là một lợi ích bổ sung. Tôi nghĩ có lẽ Ricky là bạn thân nhất của tôi, và đây là cách ít thảm hại hơn để nói rằng cậu ta là người bạn duy nhất tôi có.

Ricky đá vào cánh cửa bên phía ghế phụ chiếc Crown Vic, một cách để mở cửa, và tôi bèn chui vào trong xe. Chiếc Vic thật đáng kinh ngạc, một tác phẩm nghệ thuật dân gian không chủ đích xứng đáng được trưng bày trong bảo tàng. Ricky đã mua nó từ bãi xe thải của thị trấn với giá một phần tư vại bia - hay ít nhất đó là những gì cậu ta nói - chiếc xe là một con ngựa nòi có thứ mùi mà cả một rừng các món khử mùi không khí được cậu ta treo sau kính chắn gió cũng không thể át nổi. Các ghế ngồi được gia cố bằng băng dính để những chiếc lò xo không tìm được đường xuyên qua lớp vỏ bọc đâm vào mông bạn. Tuyệt hơn cả là phần ngoại thất, một bề mặt hoen gỉ chi chít những vết móp, vết lõm chẳng khác gì cảnh trên mặt trăng, kết quả từ kế hoạch kiếm thêm tiền đồ xăng bằng cách cho phép những kẻ tiệc tùng say xỉn dùng gậy đánh golf nện chiếc xe với mức phí một đô mỗi gậy. Quy định duy nhất, và cũng không được tuân thủ chặt chẽ cho lắm, là bạn không được phép nhắm vào bất cứ thứ gì làm bằng kính.

Động cơ nổ vang giữa một đám khói xanh lè. Trong lúc chúng tôi rời khỏi bãi đỗ xe, lăn bánh qua các dãy cửa hàng hướng tới nhà ông nội Portman, tôi bắt đầu lo lắng không biết chúng tôi có thể thấy gì khi tới đó. Những viễn cảnh tồi tệ nhất bao gồm ông nội trần như nhộng chạy ngoài phố, lăm lăm trên tay một cây súng săn, sùi bọt mép trên bãi cỏ trước nhà, hay nằm nấp đợi đầu đó với một món đồ cùn trong tay. Điều gì cũng có thể xảy ra, và tôi đặc biệt bồn chồn khi nghĩ rằng đây sẽ là ấn tượng đầu tiên của Ricky về một người tôi vẫn nhắc tới với lòng kính trọng.

Bầu trời đã chuyển sang màu của một vết bầm mới khi chúng tôi rẽ vào khu ông nội tôi sống, một mê cung rối rắm với những ngõ cụt đan xen nhau được gọi dưới cái tên chung Circle Village. Chúng tôi dừng xe tại chốt an

ninh để thông báo, nhưng vì ông lão ngồi trong phòng đang ngáy vang còn công thì mở toang, chuyện vẫn thường diễn ra, nên chúng tôi cứ thế lái xe vào. Điện thoại của tôi kêu bíp bíp báo có tin nhắn, bố tôi hỏi mọi việc thế nào, và trong khoảng thời gian ngắn ngủi cần thiết để tôi trả lời, Ricky đã thành công trong việc làm chúng tôi lạc đường hoàn toàn tới mức đáng kinh ngạc. Khi tôi nói chịu không biết chúng tôi đang ở đâu, cậu ta bật rửa và thực hiện liên tiếp một loạt cú quay đầu xe, vừa lái vừa phun thành hình vòng cung qua cửa xe những bãi nước bọt thấm thuốc lá trong lúc tôi liếc mắt nhìn quanh tìm kiếm một dấu mốc quen thuộc. Thật không dễ chút nào, cho dù tôi đã tới thăm ông nội vô số lần từ bé đến lớn, vì nhà nào nhà nấy trông cũng giống hệt nhau: thấp bè, vuông vắn như những chiếc hộp, chẳng mấy khác biệt, được tô điểm bằng các khung cửa nhôm hay gỗ sẫm màu kiểu thập kỷ bảy mươi, hay ở mặt tiền dựng các cây cột bằng thạch cao gàn như chỉ góp phần gây nhầm lẫn thêm. Các biển chỉ đường, bong tróc bạc phếch vì phơi nắng, chẳng còn mấy hữu ích. Dấu mốc thực sự chỉ có những bãi cỏ làm cảnh lạ lẫm đầy màu sắc, nhờ chúng mà Circle Village trở thành một bảo tàng ngoài trời thực sự.

Cuối cùng, tôi nhận ra một hòm thư được đỡ trên giá kim loại, cho dù có vẻ ngay ngắn và sang chảnh song lại đang chảy ra những giọt nước mắt hoen gỉ. Tôi hét lớn bảo Ricky rẽ trái; bộ lốp chiếc Vic nghiêng ken két và tôi bị hất đập người vào cửa xe. Cú va đập hẳn đã vặn lại con ốc nào đó bị lỏng trong đầu tôi, vì đột nhiên tôi vụt nhớ lại đường đi. “Ngay chỗ đám hồng hạc nhảy múa ấy! Rẽ trái ở chỗ đám ông già Noel đội mũ đủ loại dân tộc! Thẳng qua chỗ mấy cậu nhóc thiên sứ đang tè!”

Khi chúng tôi rẽ ở chỗ mấy cậu nhóc thiên sứ, Ricky giảm tốc độ đến khi xe bò rì rì và ngược mắt nhìn đầy ngờ vực vào ngôi nhà ông nội tôi sống. Ngoài cổng không một ngọn đèn nào bật, không thấy quảng sáng của màn hình ti vi sau bất cứ khung cửa sổ nào, cũng không thấy chiếc Town Car nào hiện diện ở lô để xe. Tất cả cư dân trong khu vực đều đã tháo chạy lên phía Bắc để trốn tránh cái nóng gay gắt của mùa hè, để mặc những bức tượng trang trí ngoài vườn chìm ngấm trong thảm cỏ mọc cao và các cánh

cửa chớp đóng chặt, vì thế nhà nào nhà nấy trông như một hầm tránh bom nhỏ màu phấn.

“Nhà cuối cùng bên trái”, tôi nói. Ricky đạp ga và chúng tôi chồm chồm lao xuống con đường. Tới ngôi nhà thứ tư hoặc thứ năm, chúng tôi chạy xe ngang qua một ông già đang tưới cỏ. Đầu ông ta hói nhẵn như một quả trứng, ông ta đứng đó mặc áo choàng tắm và đi dép lê, phun nước lên bãi cỏ xén cao tới mắt cá chân. Ngôi nhà cũng tối om, cửa chớp đóng chặt như những ngôi nhà khác. Tôi quay sang nhìn, và ông lão dường như trừng mắt nhìn lại - mặc dù tôi hơi sốc nhận ra rằng không thể có chuyện đó - vì đôi mắt ông ta chỉ đục một màu trắng sữa. Thật lạ, tôi nghĩ. Ông nội chưa bao giờ nhắc đến chuyện hàng xóm của ông có người bị mù.

Đi hết con phố là đến một bức tường những cây thông non, Ricky cua mạnh tay lái sang trái lượn vào đường chạy xe dẫn vào nhà ông nội tôi. Cậu ta tắt máy, ra khỏi xe, và đá mở cửa cho tôi. Chúng tôi hói hả giẫm giày lên cỏ khô đi về phía cửa.

Tôi bấm chuông và chờ đợi. Một con chó sủa ăng lên đâu đó, một âm thanh cô độc giữa màn đêm oi bức. Không nghe ai trả lời, tôi liền đập cửa vì nghĩ có thể chuông cửa hỏng rồi. Ricky vung tay lên đập những con muỗi mắt bắt đầu bu đến quanh chúng tôi.

“Có khi ông mày ra ngoài rồi cũng nên”, Ricky cười nhả nhổ nói. “Hẹn hò tình tứ chẳng.”

“Cứ cười đi”, tôi nói. “Bất cứ tối nào trong tuần ông tao cũng còn nhiều cơ hội hơn tao với mày. Chỗ này đây áp các bà góa, tha hồ chọn.” Tôi cọt nhả để làm dịu thần kinh xuống. Sự im lặng khiến tôi lo ngại.

Tôi lấy chìa khóa dự phòng từ chỗ giấu trong bụi cây ra. “Đợi tao ở đây.”

“Còn khuya ấy. Tại sao chứ?”

“Vì mày cao đến một mét chín sáu và tóc màu xanh lục, còn ông tao vừa không biết mặt mày vừa có một đồng súng trong nhà.”

Ricky nhún vai và nhét một cục thuốc lá nữa vào ngậm trong má. Cậu ta đến ngồi duỗi dài trên một cái ghế gập trong khi tôi mở khóa cửa trước

bước vào trong nhà.

Ngay cả dưới ánh sáng lò mờ tôi cũng có thể nói ngôi nhà đã gặp phải một tai họa; trông như thể nơi này vừa bị lũ trộm lục tung. Các giá sách và ngăn tủ bị vét trống trơn, những món đồ trang trí chẳng mấy giá trị và những tờ tạp chí Reader's Digest khổ lớn từng được xếp trên đó bị ném tung tóe dưới sàn. Nệm đi văng và ghế bị lật nhào. Cửa tủ lạnh và tủ đông mở toang, những thứ đựng bên trong chảy ra thành từng vũng dính bết trên vải sơn lót sàn.

Tim tôi chùng xuống. Cuối cùng thì ông nội Portman cũng đánh mất sự minh mẫn thật rồi. Tôi gọi tên ông - nhưng không nghe thấy gì.

Tôi đi từ phòng này qua phòng khác, bật đèn lên, tìm kiếm ở mọi góc ngách mà một ông lão hoang tưởng có thể trốn tránh lũ quái vật: sau các món đồ gỗ, trên tầng áp mái chật chội, dưới gầm bàn thợ trong gara. Thậm chí tôi còn kiểm tra cả bên trong ngăn tủ đựng vũ khí của ông, mặc dù tất nhiên nó bị khóa, tay cầm có những chỗ đầy vết xước do ông cố cậy mở ra. Ở ngoài hiên, một dây dương xỉ chưa được tưới nước tối sẫm dần, đung đưa theo con gió hây hây; quỳ hai đầu gối trên mặt sàn trải vải sơn, tôi cúi xuống ngó vào bên dưới những chiếc ghế mây, lo sợ những gì có thể mình phát hiện ra.

Tôi nhìn thấy một quầng sáng từ phía sân sau.

Chạy ra ngoài qua cửa sau, tôi tìm thấy một cây đèn pin bị bỏ lại trên bãi cỏ, luồng sáng chiếu về phía vạt rừng tiếp giáp với sân sau nhà ông - một khu vực hoang vu rậm rạp với những cây cọ lùn lá răng cưa và cọ chạy dài cả dặm từ Circle Village đến khu dân cư kế tiếp, Century Woods. Theo truyền thuyết địa phương, khoảng rừng này hung nhúc rần, gấu trúc Bắc Mỹ và lợn lòi. Khi hình dung ra ông nội tôi đang ở ngoài đó, lạc lối và mất trí, lang thang chỉ với chiếc áo choàng tắm trên người, một cảm giác u ám lan khắp người tôi. Tuần nào cũng có tin tức mới về một công dân lớn tuổi sảy chân rơi vào một bể lầy và bị cá sấu ăn thịt. Chẳng khó gì để tưởng tượng ra kịch bản xấu nhất.

Tôi hét lớn gọi Ricky và nháy mắt sau cậu ta xuất hiện, chạy vòng qua bên hông nhà. Cậu ta lập tức nhận ra điều tôi đã bỏ sót: một vết xước dài dữ tợn trên cánh cửa hậu. Ricky khẽ huýt sáo. “Một vết cào quý quái. Có lẽ là do lợn rừng. Hay một con linh miêu. Mà phải nhìn thấy móng vuốt của bọn chúng cơ.”

Một tràng sữa hung hãn vang lên gần đó. Cả hai chúng tôi cùng giật mình bôn chồn đưa mắt nhìn nhau. Hoặc một con chó, tôi nói. Tiếng sữa khởi đầu một phản ứng dây chuyền và chẳng mấy chốc tứ phía đều ầm ỉ tiếng sữa.

“Có thể lắm”, Ricky gật đầu nói. “Tao có một khẩu .22 trong thùng xe. Mà đợi ở đây.” Rồi cậu ta quay ra lấy súng.

Tiếng chó sữa lắng dần xuống, thay bằng dàn đồng ca đêm của những con côn trùng, vo vo xa lạ. Mồ hôi chảy rờn rờn từng giọt xuống trên mặt tôi. Lúc này trời đã tối hẳn, nhưng con gió cũng ngừng thổi và không khí dường như còn nóng hơn cả ban ngày.

Tôi bật đèn pin lên và bước về phía các hàng cây. Ông nội tôi đang ở đâu đó ngoài kia. Tôi biết chắc là thế. Nhưng ở đâu? Tôi không phải thợ săn, Ricky cũng không. Ấy thế nhưng dường như có thứ gì đó đang dẫn dắt tôi - một sự thôi thúc trong lồng ngực; một lời thì thầm trong không khí nóng nực đặc quánh - và đột nhiên tôi không thể đợi thêm một giây nào nữa. Tôi lao vào lùm cây bụi như một con chó săn đánh hơi thấy một dấu vết vô hình.

Thật khó để chạy trong một khu rừng ở Florida, từng tấc đất nếu không bị các cây lớn chiếm chỗ thì cũng ken kín những cây cọ lùn chỉ đến ngang đùi nhưng nhọn như mũi giáo và những mạng lưới chằng chịt dây mơ tròn, nhưng tôi vẫn cố hết sức, lớn tiếng gọi tên ông và đưa đèn pin chiếu khắp xung quanh. Từ khước mắt, nhìn thấy một vật màu trắng nổi bật lên, tôi bèn lao thẳng tới chỗ đó, nhưng khi lại gần hơn, vật đó hóa ra chỉ là một quả bóng đá bạc phéch đã xẹp lép tôi đánh mất từ nhiều năm trước.

Tôi đang định bỏ cuộc và quay trở lại chỗ Ricky thì trông thấy một dải hẹp những cây cọ lùn có vẻ mới bị giẫm rạp xuống cách chỗ mình không xa. Tôi bước vào đó và chiếu đèn ra xung quanh: những chiếc lá bị thứ gì

đó sẫm màu bắn lên. Cổ họng tôi khô khốc. Có trán tĩnh lại, tôi bắt đầu lần theo lối đi. Tôi càng đi xa hơn, dạ dày lại càng thắt lại, như thể cơ thể tôi đã biết cái gì nằm phía trước và đang cố gắng cảnh báo tôi. Rồi sau đó, vệt cây bụi bị đè bẹp gí xuống mở rộng ra, và tôi trông thấy ông.

Ông nội tôi nằm úp mặt xuống một đám dây leo, chân xoạc ra, một cánh tay gập lại dưới thân mình như thể ông đã bị rơi từ rất cao xuống. Tôi tin chắc rằng ông đã chết. Chiếc áo lót ông mặc ướt sũng máu, quần ông rách toạc và một chiếc giày đã mất. Suốt một lúc lâu, tôi chỉ đứng nhìn trân trối, ánh đèn pin run rẩy chiếu lên người ông. Khi đã có thể thở bình thường trở lại, tôi gọi tên ông, nhưng ông không hề cựa quậy.

Tôi quỳ gối xuống áp lòng bàn tay lên lưng ông. Máu trào ra vẫn còn ấm.

Tôi có thể cảm thấy hơi thở của ông, dù rất yếu.

Tôi luồn cánh tay xuống dưới người ông và lật ông nằm ngửa ra. Ông nội tôi vẫn còn sống, dù chỉ còn hấp hối, đôi mắt ông đờ dại, khuôn mặt hốc hác, trắng bệch. Rồi tôi nhìn thấy những vết cào rách chằng chịt trên thân người ông và thiếu chút nữa ngất xỉu. Những vết rách rất rộng và sâu, dính bết đất, còn mặt đất nơi ông vừa nằm bê bết máu dính nhớp. Tôi cố lấy những mảnh áo rách của ông che lên các vết thương mà không nhìn vào chúng.

Tôi nghe thấy Ricky gọi lớn từ phía sân sau. “TAO Ở ĐÂY!” tôi la lên, và đáng ra nên nói thêm gì đó, như nguy hiểm đây hay có máu, nhưng không thể nói nên lời. Tất cả những gì tôi nghĩ đến là những người ông đáng lẽ nên qua đời trên giường, ở nơi yên tĩnh với tiếng rì rì khe khẽ của máy móc, chứ không phải nằm một đống trên mặt đất ướt sũng hôi hám với lũ kiến bò lổm ngổm bên trên, trong bàn tay run rẩy nắm chặt một con dao mở bì thư bằng đồng thau.

Một con dao mở bì thư. Đó là tất cả những gì ông có để tự vệ. Tôi gỡ nó ra khỏi các ngón tay ông, ông đưa tay ra chơi với bất lực, tôi bèn nắm lấy tay ông. Các ngón tay bị gặm cụt móng của tôi đan vào các ngón tay ông, nhọt nhọt và nổi đầy những tĩnh mạch tím tái.

“Cháu phải đưa ông đi”, tôi nói với ông, luồn một cánh tay xuống dưới lưng ông, cánh tay còn lại dưới hai chân ông. Tôi bắt đầu nâng ông lên, nhưng ông rên lên và cứng người lại, vì thế tôi dừng lại. Tôi không thể làm đau ông. Tôi cũng không thể để mặc ông ở đó, và chẳng còn biết làm gì hơn ngoài chờ đợi, tôi cẩn thận khẽ phủi đất khỏi cánh tay, khuôn mặt và mái tóc bạc lưa thưa của ông. Đúng lúc đó tôi nhìn thấy môi ông mấp máy.

Giọng nói của ông gần như nghe không rõ, thậm chí còn khẽ hơn một tiếng thì thầm. Tôi cúi xuống, ghé tai sát vào miệng ông. Ông đang lẩm bầm lúc mê lúc tỉnh, lúc nói tiếng Anh, lúc lẫn sang tiếng Ba Lan.

“Cháu không hiểu”, tôi thì thầm. Tôi nhắc lại tên ông cho tới khi đôi mắt ông dường như tập trung vào tôi, rồi ông thở hắt ra một hơi và nói, khẽ nhưng rõ ràng, “Hãy tới hòn đảo, Yakob. Ở đây không an toàn.”

Lại vẫn là sự hoang tưởng xưa cũ. Tôi siết nhẹ bàn tay ông và cam đoan rằng chúng tôi vẫn ổn, và ông rồi sẽ ổn cả. Đây là lần thứ hai tôi nói dối ông trong một ngày.

Tôi hỏi ông chuyện gì đã xảy ra, con vật gì đã khiến ông bị thương, nhưng ông không lắng nghe. “Hãy tới hòn đảo”, ông nhắc lại. “Ở đó cháu sẽ được an toàn. Hứa với ông đi.”

“Cháu sẽ đi. Cháu hứa.” Tôi còn có thể nói gì khác đây?

“Ông tưởng có thể bảo vệ cháu”, ông nói. “Đáng lẽ ông phải nói với cháu từ lâu rồi...” Tôi có thể thấy sự sống đang rời khỏi ông.

“Nói gì với cháu cơ?” tôi cố nén khóc hỏi.

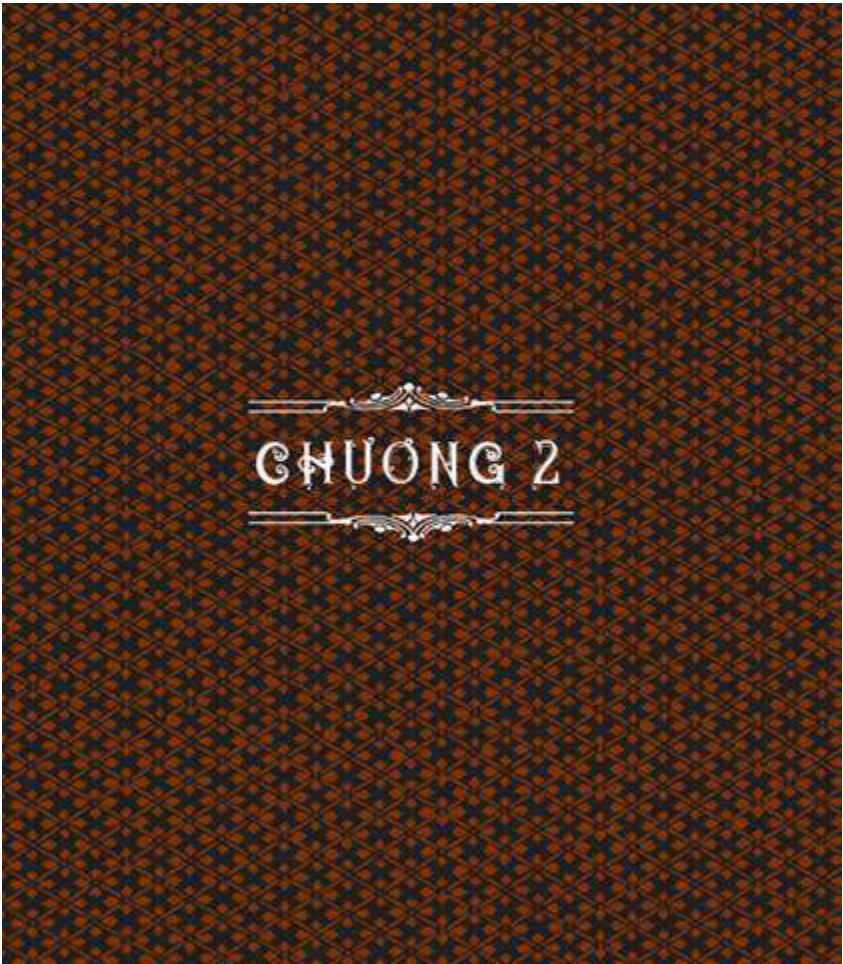
“Không còn thời gian nữa”, ông thì thầm. Rồi ông ngẩng đầu lên khỏi mặt đất, run rẩy vì gắng sức, và phều phào vào tai tôi, “Hãy tìm con chim. Trong cái vòng. Ở phía bên kia ngôi mộ ông lão. Mùng ba tháng Chín năm 1940.” Tôi gật đầu, nhưng ông có thể nhận ra tôi không hiểu. Bằng chút sức lực cuối cùng của mình, ông nói thêm, “Emerson... lá thư”. Hãy nói cho họ biết những gì đã xảy ra, Yakob.”

Nói xong, ông nằm vật xuống, kiệt sức xỉu đi. Tôi nói với ông là tôi yêu ông. Sau đó dường như ông chìm vào mê man, ánh mắt rời khỏi tôi hướng

lên bầu trời lấp lánh các vì sao.

Một lát sau, Ricky xồng xộc lao đến từ sau lùm cây. Nhìn thấy ông nằm bất động trên tay tôi, cậu ta bật lùi lại một bước. “Ôi trời ơi. Ôi lạy Chúa. Ôi lạy Chúa”, cậu ta thét lên, đưa hai tay bung mặt, và trong khi cậu ta làm nhằm về tìm mạch và gọi cảnh sát, rồi hỏi tôi có thấy gì trong rừng hay không, một cảm giác lạ lùng tột độ xâm chiếm lấy tôi. Tôi đặt ông nội xuống và đứng dậy, mọi đầu dây thần kinh căng lên nhờ cái trực giác mà tôi không hề biết mình có. Có thứ gì đó trong rừng, được rồi - tôi có thể cảm nhận được điều đó.

Không có trăng, và trong các lùm cây không có gì động cựa ngoài chính chúng tôi, ấy thế nhưng bằng cách nào đó tôi lại biết đúng thời điểm để giờ đèn pin lên, biết đúng vị trí để rọi đèn tới, và trong một khoảnh khắc, tôi nhìn thấy trong luồng sáng hẹp ấy một khuôn mặt dường như vừa bước ra từ những cơn ác mộng thời thơ ấu của tôi. Khuôn mặt đó trợn trừng nhìn lại với đôi mắt ngật giữa chất lỏng tối sẫm, những mũi thịt nhăn nheo đen như than đeo bùng bùng trên cái lưng gù, miệng nó há ngoác ra một cách quái đản để một mớ lưỡi dài như những con lươn uốn éo thò ra. Tôi hét lên gì đó, nó liền quay ngoắt lại và biến mất, làm lùm cây rung rinh khiến Ricky chú ý. Cậu ta giờ khẩu súng .22 lên và bắn, pằng - pằng - pằng - pằng, rồi hỏi, “Cái gì thế? Cái quỷ gì thế?” Nhưng cậu ta không nhìn thấy nó, còn tôi không thể nói cho cậu ta hiểu được trong khi tôi đang đứng chết cứng tại chỗ như hóa đá, cái đèn pin đang cạn nguồn chập chờn chiếu vào khoảng rừng hoang vắng. Rồi sau đó chắc tôi đã ngất đi, vì cậu ta có gọi Jacob, Jake, này Ed, mà ừn chứ hay gì đó, và đó là điều cuối cùng tôi còn nhớ được.



Chương 2

Những tháng tiếp theo sau cái chết của ông, tôi quay cuồng qua một vòng luyện ngục của những phòng chờ tường sơn màu be và những phòng khám không tên, bị mang ra phân tích và hạch hỏi, được bàn luận đến ngay ngoài tầm tai, phải gật đầu khi người ta nói chuyện với mình, phải nhắc lại những gì đã nói, trở thành mục tiêu của hàng nghìn cái nhìn thương hại và đôi lông mày nhíu chặt. Bố mẹ tôi đối xử với tôi như với một người thừa kế mong manh dễ vỡ, tránh đôi co cãi vã trước mặt tôi, sợ ngộ nhỡ sẽ làm tôi vỡ vụn ra.

Tôi không ngừng mơ thấy những cơn ác mộng khiến tôi la hét đến bưng tỉnh, nghiêm trọng đến mức tôi phải đeo một cái ngáng miệng để tránh nghiến đến nát răng trong khi ngủ. Tôi không thể nhắm mắt lại mà không nhìn thấy nó - thứ ghê rợn với cái miệng đầy xúc tu trong rừng. Tôi tin chắc nó đã giết chết ông nội và sẽ sớm quay lại tìm tôi. Đôi khi cảm giác kinh hoàng ghê rợn đó lại lan tràn khắp trong tôi hết như tối hôm đó và tôi lại cảm thấy chắc chắn nó đang chờ đợi ngay gần đó, nấp sau một lùm cây tối đen, đằng sau chiếc xe kể bên trong bãi để xe, sau gara nơi tôi cất xe đạp của mình.

Giải pháp của tôi là không lộ mặt ra khỏi nhà nữa. Trong nhiều tuần liền, tôi nhất định không chịu đi dù chỉ là ra lối chạy xe để lấy thư báo buổi sáng. Tôi ngủ trên một đồng chăn đệm trên sàn phòng giặt đồ, căn phòng duy nhất trong nhà không có cửa sổ và cửa ra vào được khóa từ bên trong. Suốt hôm đưa tang ông nội tôi đã ở đó, cầm theo laptop ngồi trên máy sấy quần áo, cố tìm lãng quên trong các trò game trực tuyến.

Tôi trách cứ bản thân về những gì đã xảy ra. Giá như mình tin ông, tôi cứ không ngừng lặp lại mãi cái điệp khúc ấy. Nhưng tôi đã không tin ông, và cũng không ai khác tin, và giờ đây tôi đã biết ông từng cảm thấy thế nào vì cũng chẳng có ai chịu tin tôi. Kịch bản tôi đưa ra về sự kiện này nghe có vẻ hợp lý một cách hoàn hảo cho tới khi tôi bị buộc phải nói những từ đó lên

thành tiếng, đến lúc ấy nó trở nên thật điên rồ, nhất là vào ngày tôi phải thuật lại tất tât cho viên sĩ quan cảnh sát tới nhà chúng tôi. Tôi kể cho ông ta mọi chuyện đã xảy ra, thậm chí cả về con vật kia, trong khi ông ta ngồi gục gặc đầu ở mé bên kia cái bàn bếp, chẳng ghi gì vào cuốn sổ gáy xoắn của mình. Khi tôi kể xong, tất cả những gì viên cảnh sát nói là, “Tuyệt lắm, cảm ơn”, rồi quay sang bố mẹ tôi hỏi liệu tôi đã được đưa đi gặp ai chưa”. Làm như tôi không biết ngụ ý của ông ta là gì. Tôi nói với ông ta là tôi còn một lời khai nữa, rồi giơ ngón tay thối lên và đi ra ngoài.

Lần đầu tiên sau nhiều tuần, bố mẹ quát tôi. Thực nhẹ nhõm biết bao - cái âm thanh quen thuộc ngọt ngào đó. Tôi gào lên đốp lại bằng những lời lẽ tẻ hại.

Rằng hai người họ vui vì ông nội Portman đã chết. Rằng tôi là người duy nhất thực sự yêu ông.

Tay cóm và bố mẹ tôi trò chuyện một hồi ngoài lối chạy xe, rồi sau đó tay cóm lái xe đi, một tiếng sau quay lại cùng một người đàn ông tự giới thiệu là họa sĩ vẽ ký họa. Ông này mang theo một giá vẽ to và yêu cầu tôi mô tả lại con vật kia, và trong khi tôi kể, ông họa sĩ phác họa lại nó, thỉnh thoảng lại dừng tay để hỏi cho rõ hơn.

“Nó có mấy mắt?”

“Hai.”

“Hiểu rồi”, ông họa sĩ nói, cứ như thể những con quái vật là chủ đề hoàn toàn bình thường của một họa sĩ ký họa làm việc cho cảnh sát.

Khá rõ ràng, đây là nỗ lực nhằm xoa dịu tôi. Hành động rõ ràng nhất là khi người họa sĩ cố gắng đưa cho tôi bản phác họa hoàn chỉnh.

“Chú không cần cho cái này vào hồ sơ của chú hay sao đó à?” tôi hỏi ông ta.

Người họa sĩ nhướn mày lên trao đổi với viên cảnh sát. “Tất nhiên rồi. Không biết chú nghĩ gì vậy nhỉ?”

Quả là một sự sỉ nhục rõ ràng rành.



Thậm chí đến cậu bạn thân nhất và duy nhất Ricky của tôi cũng không tin tôi, mà cậu ta cũng có mặt ở đó đấy chứ. Cậu chàng thề sống thề chết là chẳng nhìn thấy bất cứ con vật nào trong rừng tối hôm ấy - cho dù tôi đã chiếu đèn pin vào đúng ngay nó - và cậu ta cũng nói thề với hội cơm. Tuy thế, cậu ta đã nghe thấy tiếng chó sủa. Cả hai chúng tôi đều nghe thấy. Vì thế chẳng có gì ngạc nhiên khi cảnh sát kết luận rằng một bầy chó hoang đã giết ông nội tôi. Có vẻ như người ta đã phát hiện ra chúng ở đâu đó, và tuần trước đó một phụ nữ đi dạo ở khu Century Woods cũng đã bị chúng cắn

nhiều nhất. Tất cả đều diễn ra vào ban đêm, các bạn nhớ cho. “Đó chính là lúc khó trông thấy các sinh vật nhất?” tôi nói. Nhưng Ricky chỉ lắc đầu và lẩm bầm gì đó về chuyện tôi cần một “người tẩy não”.

“Ý mày là bác sĩ tâm lý chứ gì”, tôi đáp, “cảm ơn rất rất nhiều. Có bạn bè biết thông cảm như mày thật quý hóa quá.” Chúng tôi đang ngồi trên nóc nhà tôi ngắm nhìn cảnh hoàng hôn trên vịnh, Ricky ngồi co người lại như lò xo trên chiếc ghế Adirondack đặt đến mức phi lý bố mẹ tôi mua về từ một chuyến đi tới hạt Amish, hai chân cậu ta gập lại dưới người, hai cánh tay khoanh thật chặt, cậu ta hút liên tục hết điều thuốc này tới điều khác với vẻ kiên quyết dứt khoát. Cậu ta vẫn luôn có vẻ không thoải mái khi đến nhà tôi, nhưng từ cái cách ánh mắt cậu ta trượt qua mỗi khi nhìn sang phía tôi, tôi có thể nhận ra giờ đây thứ làm cậu ta bất an không còn là sự giàu có của bố mẹ tôi nữa, mà là chính tôi.

“Sao cũng được, tao chỉ đang thẳng thắn với mày”, cậu ta nói. “Cứ tiếp tục nói về lũ quái vật thế, kiểu gì rồi họ cũng lôi mày đi. Khi đó mày thực sự thành Ed Đặc Biệt.”

“Đừng có gọi tao như thế.”

Cậu ta búng điều thuốc lá đi và nhổ một bã thuốc dính nhớp qua lan can.

“Mày lúc nào cũng vừa hút vừa nhai thuốc lá thế à?”

“Mày là ai hả, mẹ tao chắc?”

“Trông tao có giống một kẻ đi thổi kèn cho đám lái xe tải để đổi lấy phiếu ăn không hả?”

Ricky là một chuyên gia sành sỏi về những câu pha trò về các bà mẹ, nhưng câu đùa này có vẻ vượt quá mức cậu ta nuốt nổi. Cậu ta bật dậy khỏi ghế, đẩy tôi mạnh đến mức tôi thiếu chút nữa rơi khỏi nóc nhà. Tôi hét lớn bảo cậu ta biến đi, nhưng cậu ta đã bỏ đi rồi.

Phải hàng tháng sau tôi mới gặp lại Ricky. Thế là chấm hết cho quan hệ bạn bè.

Cuối cùng, bố mẹ tôi cũng đưa tôi tới gặp bác sĩ tâm lý thật - một người đàn ông trầm lặng có nước da màu ô liu tên là bác sĩ Golan. Tôi không chống đối. Tôi biết mình cần sự giúp đỡ.

Tôi nghĩ mình là một ca rất hóc búa, song bác sĩ Golan đã giải quyết xong trường hợp của tôi nhanh tới mức đáng ngạc nhiên. Thái độ bình thản, không chút cảm xúc của ông ta khi giải thích mọi thứ gần như đã thôi miên tôi, và chỉ trong vòng hai buổi trị liệu, ông ta đã thuyết phục được tôi rằng con vật kia chẳng qua chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng bị kích động thái quá của tôi; sang chấn tâm lý từ cái chết của ông nội tôi đã làm tôi nhìn thấy thứ không thực sự có mặt ở đó. Bác sĩ Golan giải thích rằng ban đầu chính những câu chuyện kể của ông nội Portman đã ghi lại trong tâm trí tôi hình ảnh sinh vật đó, vì thế chỉ có thể lý giải một cách hợp lý là khi tôi quỳ gối đỡ ông trên tay, quay cuồng trước cú sốc kinh khủng nhất quãng đời non trẻ của mình, tôi đã tưởng tượng ra chính con quái vật ông đã kể.

Thậm chí còn có cả một cái tên cho trạng thái của tôi: rối loạn stress cấp tính. “Mẹ chẳng thấy nó có gì dễ thương^[1] cả,” mẹ tôi nói khi nghe được lời chẩn đoán mới bóng bẩy về tôi. Dẫu vậy, câu bông đùa của mẹ chẳng làm tôi bận tâm. Gần như bất cứ bệnh gì nghe cũng còn hơn bị điên.

Thế nhưng việc tôi không còn tin rằng những con quái vật có thật không có nghĩa là tôi đã khá hơn. Tôi vẫn bị những cơn ác mộng giày vò. Tôi sợ hãi, hoang tưởng và cực kỳ khó tương tác với người khác tới mức bố mẹ tôi phải thuê một gia sư để tôi chỉ phải đến trường học vào những ngày tôi cảm thấy đủ sức làm vậy. Và cuối cùng họ cũng cho phép tôi nghỉ việc ở Smart Aid. “Cảm thấy khá hơn” trở thành công việc mới của tôi.

Chẳng bao lâu sau, tôi cũng quyết định làm cho mình bị đuổi khỏi cả công việc này nữa. Khi vấn đề vật vãnh về chứng điên loạn nhất thời của tôi đã được làm rõ, chức năng của bác sĩ Golan dường như chủ yếu chỉ còn gói gọn vào chuyện kê đơn. Vẫn còn gặp ác mộng ư? Tôi đã có thuốc này cho nó. Lên cơn hoảng loạn trên xe đưa đón của trường ư? Cái này sẽ giúp giải quyết ổn thỏa. Không ngủ được? Hãy tăng liều lên thôi. Tất cả những viên thuốc đó làm tôi phát phì lên và đờ đẫn đi, trong khi tôi vẫn khổ sở như cũ,

chỉ ngủ được ba hay bốn giờ mỗi tối. Cũng chính vì thế tôi bắt đầu nói dối bác sĩ Golan. Tôi vờ như ổn cả trong khi bất cứ ai nhìn tôi đều có thể thấy bọng mắt lù lù và cái cách tôi hét hồn nhảy dựng lên khi nghe tiếng động đột ngột. Suốt một tuần tôi bịa ra toàn bộ phần nhật ký thuật lại các giấc mơ, làm các giấc mơ của tôi nghe có vẻ êm dịu và đơn giản, giống như của những người bình thường. Một giấc mơ là tới gặp nha sĩ. Trong một giấc mơ khác tôi đang bay. Tôi kể với ông bác sĩ rằng có hai đêm liền tôi mơ mình khóa thân ở trường.

Sau đó, ông bác sĩ ngắt lời tôi. “Thế còn những con quái vật thì sao?”

Tôi nhún vai. “Không thấy bóng dáng chúng. Cháu đoán như thế có nghĩa là cháu đang khá hơn, phải không?”

Bác sĩ Golan gõ gõ bút một lát rồi viết gì đó. “Tôi hy vọng không phải cậu chỉ đang kể cho tôi những gì cậu nghĩ tôi muốn nghe.”

“Tất nhiên là không rồi”, tôi nói, ánh mắt lướt qua những bằng cấp được lồng khung treo trên tường, tất cả đều xác nhận năng lực chuyên môn của vị bác sĩ trong nhiều chuyên ngành của tâm lý học, trong đó, tôi tin chắc, bao gồm cả chuyện làm thế nào phát hiện ra một cậu nhóc vị thành niên bị rối loạn stress cấp tính đang nói dối.

“Hãy thành thực trong một phút nhé.” Ông bác sĩ đặt bút xuống. “Cậu đang nói với tôi là trong tuần này cậu không hề mơ về chúng thậm chí chỉ một đêm đúng không?”

Tôi vẫn luôn là một kẻ nói dối thảm hại. Thay vì tự làm mình bẽ mặt, tôi nương theo lời bác sĩ. “À”, tôi lí nhí, “có lẽ là một đêm.”

Sự thật là cả tuần nay tối nào tôi cũng mơ thấy thế. Chỉ khác đi vài chi tiết nhỏ, nhưng nó luôn diễn ra thế này: tôi nằm phục xuống trong góc phòng ngủ của ông nội, ánh sáng lờ mờ màu hổ phách hắt vào qua các ô cửa sổ, soi sáng một khẩu súng hơi bằng nhựa màu hồng bắn đạn bi sắt dựng ngoài cửa. Một cái máy bán hàng tự động to tướng sáng trưng nằm ở vị trí đáng ra là của chiếc giường, bên trong không phải kẹo mà đựng đầy các hàng dao chiến đấu sắc như dao cạo và những khẩu súng ngắn bắn đạn xuyên giáp. Ông nội tôi đứng đó, mặc một bộ quân phục Anh cũ kỹ, nhét

những tờ đô la vào máy, nhưng phải tốn khá nhiều mới mua được một khẩu súng và chúng tôi đang cạn dần thời gian. Cuối cùng, một khẩu .45 lăn về phía khung kính, nhưng trước khi rơi xuống nó lại bị mắc kẹt. Ông nội bật rủa bằng tiếng Yiddish^[2], đá vào cái máy, đoạn quỳ gối xuống thò tay vào trong cổ với lấy khẩu súng, song cánh tay ông bị mắc kẹt.

Đúng lúc ấy chúng đến, những cái lưỡi dài đen ngòm của chúng trượt đi trên mặt kính bên ngoài, tìm một lối vào trong. Tôi chìa khẩu súng bắn đạn bi sắt về phía chúng rồi siết cò, nhưng chẳng có gì xảy ra. Trong lúc đó, ông nội Portman đang la hét như một người điên - *tìm con chim đi, tìm cái vòng, Yakob vai*^[3], *mày không hiểu sao, đồ ngốc yutz!*^[4] *quỷ tha ma bắt* - thế rồi các cửa sổ vỡ tung, kính vỡ ào ào tuôn xuống như mưa và những cái lưỡi đen ngòm trùm hết lên chúng tôi và thường tới lúc này tôi bừng tỉnh giữa một vũng mồ hôi, tim đập như trống trận, dạ dày quặn thắt.

Cho dù giấc mơ vẫn luôn như thế và chúng tôi đã nhắc qua nó cả trăm lần, bác sĩ Golan vẫn yêu cầu tôi mô tả lại nó vào mỗi buổi trị liệu. Cứ như thể ông ta đang lật đi lật lại phần vô thức của tôi, tìm kiếm một manh mối nào đó rất có thể ông ta đã bỏ qua trong chín mươi chín lần trước.

“Và trong giấc mơ ông nội cậu nói gì?”

“Vẫn luôn là mấy thứ đó”, tôi nói. “Về con chim, cái vòng và ngôi mộ.”

“Những lời trăng trối của ông cụ.”

Tôi gật đầu.

Bác sĩ Golan đan các ngón tay vào nhau rồi chống cằm, đúng phóc bộ dạng của một bác sĩ tâm lý đang ngẫm nghĩ. “Có ý tưởng mới nào xem chúng nghĩa là gì không?”

“Có chứ. Chẳng nghĩa lý gì hết.”

“Thôi nào. Cậu đâu có nghĩ thế.”

Tôi muốn làm như thể không quan tâm đến những lời trăng trối của ông, nhưng sự thực là có. Chúng đã găm nhám tôi khủng khiếp cũng gần như những cơn ác mộng. Tôi cảm thấy mình mắc nợ ông, tôi không được phép

phủ nhận với bất kỳ ai trên đời rằng những lời trắng trối của ông là vô nghĩa và hoang tưởng, còn bác sĩ Golan tin rằng việc hiểu được chúng sẽ giúp tôi xua đi những giấc mơ đáng sợ. Vậy là tôi cố.

Một số điều ông nội Portman nói thực sự có ý nghĩa, chẳng hạn như chuyện ông muốn tôi đi tới hòn đảo. Ông lo lắng rằng những con quái vật sẽ tới tìm tôi, và cho rằng hòn đảo là nơi duy nhất tôi có thể thoát được khỏi chúng, như ông từng thoát được khi còn là một cậu bé. Sau đó ông đã nói “Đáng lẽ ông phải nói với cháu”, nhưng vì không có thời gian để ông nói với tôi điều đáng lẽ phải nói đó, cho dù nó là cái gì, tôi tự hỏi biết đâu ông đã làm điều tốt nhất có thể sau lựa chọn này và để lại một manh mối dẫn tới ai đó có thể nói cho tôi biết - một người biết bí mật của ông. Tôi đoán đó chính là ý nghĩa của tất cả những lời nói bí hiểm về cái vòng, ngôi mộ và lá thư.

Trong một thời gian tôi đã nghĩ “vòng” có thể là một con phố tại Circle Village - một nơi chỉ toàn những lối cụt vòng vèo thất lại như cái vòng - và “Emerson” có thể là một người ông từng gửi thư cho. Một người bạn cũ thời chiến tranh ông vẫn giữ liên lạc chẳng hạn. Có thể nhân vật Emerson này sống tại Circle Village, ở một trong những cái vòng của khu này, gần một nghĩa địa, và một trong những lá thư ông ta giữ có đề mùng ba tháng Chín năm 1940, và đó là lá thư tôi cần đọc. Tôi biết chuyện này nghe thật điên rồ, nhưng có những chuyện còn điên rồ hơn thế hóa ra đều đúng. Vậy là sau khi đắm vào ngõ cụt khi tìm kiếm trên mạng, tôi tới trung tâm cộng đồng của Circle Village, nơi những người già tụ tập để chơi trò đẩy đĩa shuffleboard và bàn luận về những cuộc phẫu thuật mới nhất của họ, để hỏi xem nghĩa địa ở đâu và liệu có ai biết ông Emerson nào không. Họ nhìn tôi như thể tôi có cái đầu thứ hai mọc trên cổ, kinh ngạc khi thấy một cậu nhóc vị thành niên đang nói chuyện với mình. Chẳng có nghĩa địa nào tại Circle Village và không ai trong khu này tên là Emerson, cũng chẳng có con đường nào tên là hẻm Thòng Lọng, đại lộ Vòng hay cái gì Vòng cả. Hoàn toàn vô ích.

Dẫu vậy, bác sĩ Golan vẫn chưa chịu tha cho tôi. Ông ta gợi ý tôi tìm hiểu về Ralph Waldo Emerson, một nhà thơ nổi tiếng thời xưa theo lời ông bác

sĩ. “Emerson đã viết rất nhiều thư”, ông ta nói. “Có thể đó là điều ông nội cậu muốn nói tới.” Nghe chẳng khác gì chìa súng bắn bừa trong đêm tối, nhưng để thoát được Golan, một buổi chiều tôi nhờ bố đưa tới thư viện để tôi có thể kiểm tra khả năng này. Tôi nhanh chóng khám phá ra rằng Ralph Waldo Emerson quả thực đã viết rất nhiều thư được xuất bản. Trong chừng ba phút tôi thực sự vô cùng phấn khích, như thể mình đã cận kề một bước đột phá, và rồi sau đó có hai điều trở nên rõ ràng: thứ nhất, Ralph Waldon Emerson đã sống và chết từ thế kỷ mười chín, và do đó không thể viết bất cứ lá thư nào đề mùng ba tháng Chín năm 1940 được, và thứ hai là những gì ông này viết tôi nghĩa và khó hiểu đến mức khó có chuyện làm ông nội tôi, một người không thể gọi là ham đọc, mảy may quan tâm tới. Tôi khám phá ra khả năng gây ngủ của Emerson theo cách dữ dội nhất, gục xuống ngủ úp mặt lên cuốn sách, làm nước dãi chảy tùm lum lên khắp một bài luận có nhan đề “Tự lực” và lại mơ về cái máy bán hàng tự động lần thứ sáu trong tuần đó. Tôi vùng vẫy la hét om sòm và bị tổng khứ ra khỏi thư viện không chút khách khí, và từ đầu tới cuối tôi không ngừng nguyền rủa bác sĩ Golan cùng mớ giả thiết ngu ngốc của ông ta.

Giọt nước tràn ly nhỏ xuống vài ngày sau đó, khi gia đình tôi quyết định đã tới lúc nên bán ngôi nhà của ông nội Portman. Tuy vậy, trước khi có thể cho phép những người mua tiềm năng vào nhà, nơi này cần được lau dọn đã. Theo lời khuyên của bác sĩ Golan, người nghĩ rằng “đối diện với hiện trường của con sang chảnh” sẽ tốt cho tôi, tôi được huy động giúp bố và cô Susie thu dọn đồng bừa bộn bên trong. Suốt một hồi sau khi chúng tôi vào trong ngôi nhà, bố liên tục kéo tôi sang một bên để kiểm tra nhằm đoán chắc tôi vẫn ổn. Kể cũng ngạc nhiên, có vẻ tôi ổn thật, bất chấp những mẩu dây bảo vệ hiện trường đang dính vào các bụi cây và tấm màn che bị rách ngoài hiên đập phành phạch trong cơn gió nhẹ, những thứ này - cũng như cái thùng rác Dumpster được thuê đang chồm hồm ngoài lề đường, chờ đợi nuốt chửng những gì còn lại từ cuộc đời ông nội tôi - làm tôi thấy buồn, nhưng không sợ.

Khi đã dám chắc là tôi không sắp sửa lên cơn động kinh sùi bọt đầy mồm, cả nhà bắt tay vào việc. Được trang bị các túi đựng rác, chúng tôi

phăm phăm dọn dẹp cả ngôi nhà, dọn sạch các giá, ngăn tủ và các xó xỉnh, khám phá ra hàng đồng bụi đất dưới những món đồ đã nhiều năm không xê dịch. Chúng tôi xây các kim tự tháp những thứ có thể giữ lại hay tận dụng, và nhiều kim tự tháp những thứ sẽ dành cho cái thùng rác Dumpster. Cô tôi và bố tôi không phải người đa cảm, và đồng đồ dành cho cái thùng Dumpster luôn to hơn. Tôi trầy trật thuyết phục để giữ lại một số thứ, như chồng tạp chí National Geographic bị ngâm nước cao đến hai mét rưỡi đứng chông chênh trong một góc gara - đã bao buổi chiều tôi dành ra để đọc chúng say sưa, tưởng tượng mình ở giữa những thổ dân New Guinea người trát đầy bùn hay khám phá một lâu đài nằm cheo leo trên đỉnh vách núi ở vương quốc Bhutan? - nhưng lời nói của tôi luôn bị gạt đi. Tôi cũng không được phép giữ lại bộ sưu tập áo chơi bowling cũ của ông (“Chúng thật phiền phức”, bố tôi tuyên bố), những đĩa nhạc jazz thời thập niên 1920 loại 78 vòng một phút (“Sẽ có người trả khá tiền vì chỗ đĩa này cho xem”), hay những thứ ở bên trong ngăn tủ chứa vũ khí to đùng vẫn khóa kín của ông (“Con đang đùa phải không? Bố hy vọng là con đang đùa.”)

Tôi nói với bố là ông không có tim. Cô tôi rút lui khỏi hiện trường, để lại hai bố con tôi trong phòng làm việc, chúng tôi đang phải soạn một núi các hóa đơn tài chính cũ.

“Bố chỉ thực tế thôi. Đây là những gì xảy ra khi người ta qua đời, Jacob.”

“Thế ư? Thế khi bố qua đời thì sao? Con có nên đốt sạch bản thảo cũ của bố không?”

Bố tôi đỏ gay mặt. Đáng ra tôi không nên nói thế, nhắc tới các dự án viết lách dở dang của bố chắc chắn là chuyện cấm kỵ. Thay vì gắt lên với tôi, bố chỉ im lặng. “Hôm nay bố đưa con đi cũng vì bố nghĩ con đã đủ chín chắn để làm việc này. Bố đoán là bố đã nhầm.”

“Bố đang nhầm. Bố nghĩ tổng khứ hết mọi thứ của ông đi thì con sẽ quên ông. Nhưng không có chuyện đó đâu.”

Bố tôi giờ hai bàn tay lên đầu hàng. “Con biết không? Bố đã phát ốm vì cứ phải tranh cãi về nó rồi. Cứ việc giữ lại bất cứ thứ gì con muốn.” Ông ném một xấp báo đã ố vàng xuống dưới chân tôi. “Đây là một tập hợp đã

được đánh đề mục về các suy đoán từ năm Kennedy bị ám sát. Hãy mang nó về đóng khung mà treo lên!”

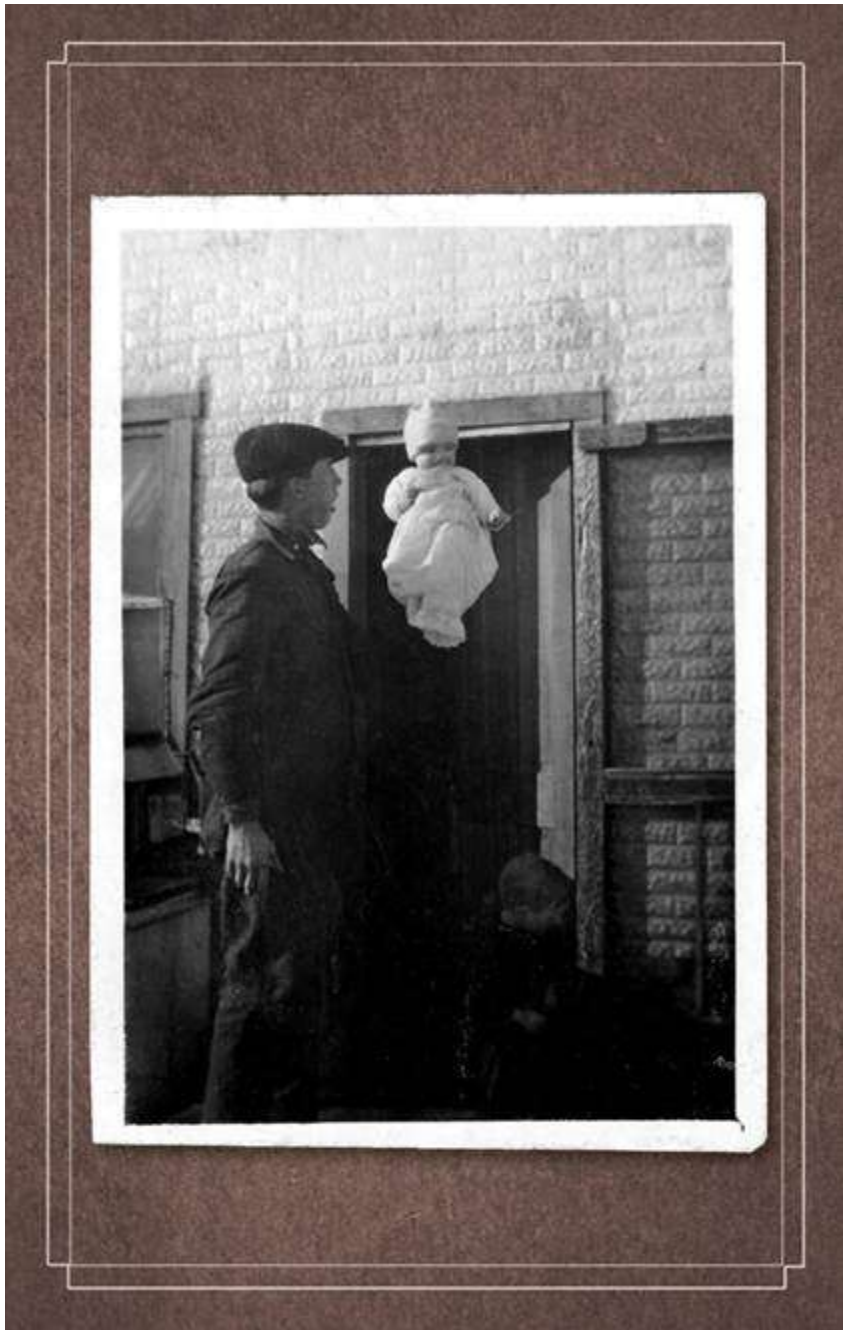
Tôi đá xấp báo đi rồi bước ra ngoài, đóng sầm cửa lại sau lưng, sau đó đợi ngoài phòng khách để chờ bố tôi ra xin lỗi. Khi nghe thấy tiếng máy hủy tài liệu hoạt động, tôi biết ông sẽ không làm thế, vậy là tôi dùng dùng lao vào nhà khóa trái mình lại trong phòng ngủ. Căn phòng sặc mùi không khí tù đọng, mùi da giày và mùi nước hoa hơi chua của ông. Tôi tựa người vào tường, đôi mắt lần theo một vệt hằn trên tấm thảm trải giữa cửa ra vào và giường nằm, chỗ đó có một vùng ánh sáng mặt trời mờ mờ hình chữ nhật chạm vào rìa một cái hộp nhô ra từ dưới lớp ga trải giường. Tôi đến bên cạnh, quỳ xuống kéo cái hộp ra. Đó là cái hộp đựng xì gà cũ bám đầy bụi - như thể ông đã để đó cho tôi tìm ra.

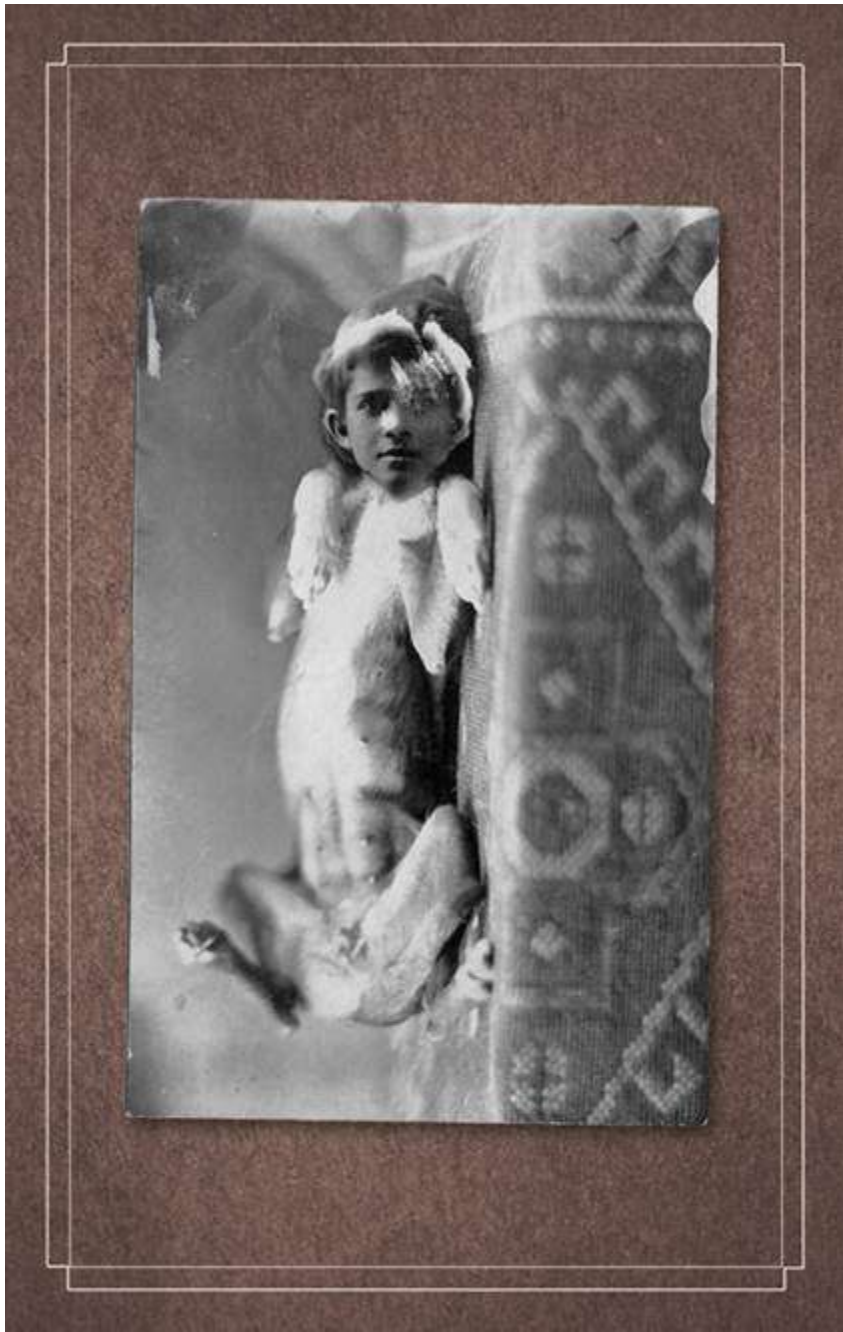
Bên trong hộp là những bức ảnh tôi biết quá rõ: cậu bé vô hình, cô bé đang bay lên, cậu bé nhắc bóng đá tảng, người có hình khuôn mặt vẽ đằng sau đầu. Tất cả đều đã trở lên giòn, bong tróc - và cũng nhỏ hơn so với trong trí nhớ của tôi - và giờ đây, ngắm nhìn chúng khi tôi đã gần như trở thành người lớn, tôi chợt nhận ra vẻ giả tạo trong mấy bức ảnh rõ đến mức nào. Có khi chỉ cần một chút tăng giảm phơi sáng khi tráng phim cũng có thể làm cái đầu của cậu nhóc “vô hình” biến mất. Tảng đá khổng lồ được đưa trẻ gầy còm đáng nghi ngờ kia nhắc lên hoàn toàn có thể dễ dàng được tạo nên từ bột xốp hay thạch cao. Nhưng những quan sát này quả là quá tinh tế đối với một cậu nhóc sáu tuổi nhất là với một cậu bé thực sự muốn tin.

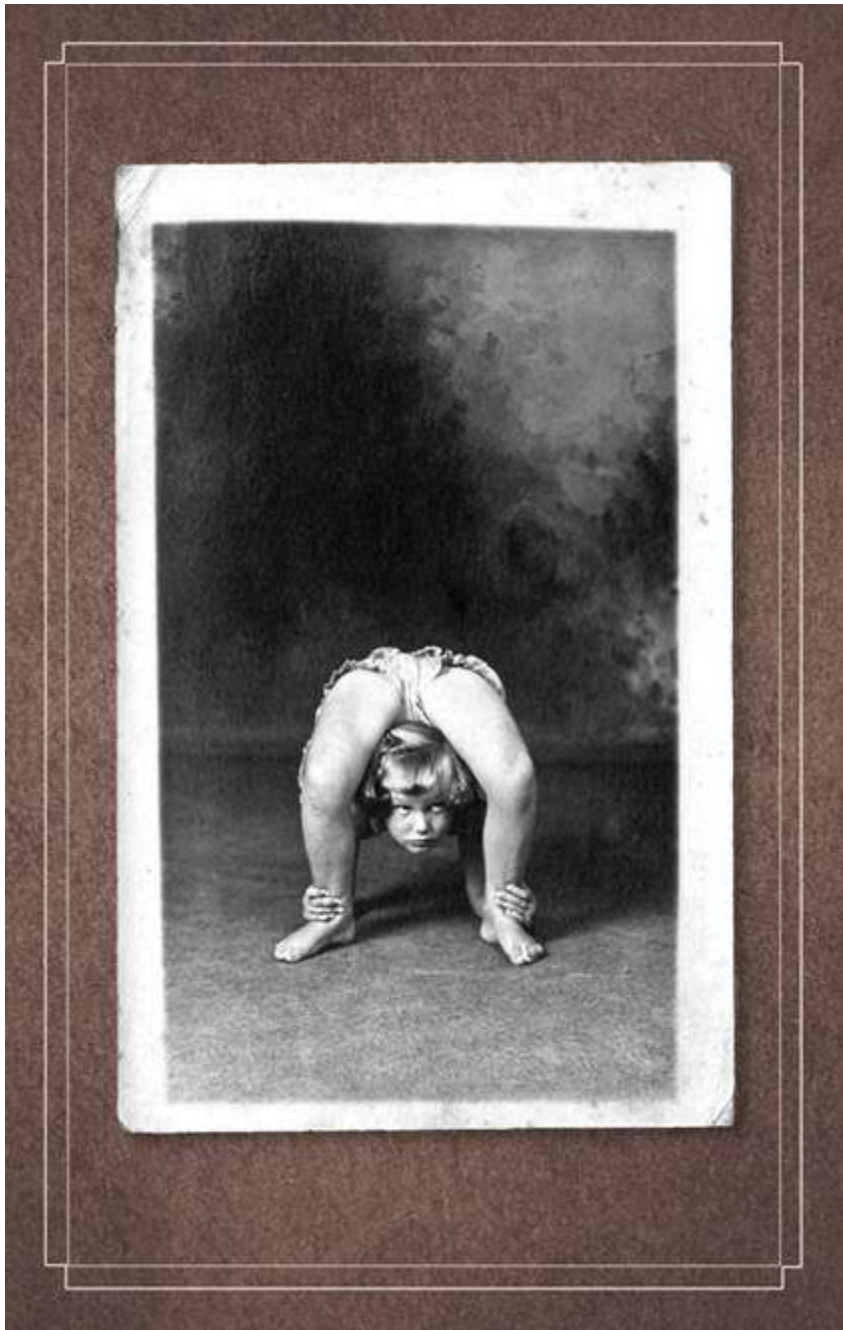
Phía dưới mấy bức ảnh đó còn có thêm năm bức nữa mà ông nội Portman chưa bao giờ cho tôi xem. Tôi tự hỏi vì sao, cho tới khi nhìn lại gần hơn. Ba bức ảnh bị dàn dựng rõ ràng tới bức thậm chí cả một đứa bé cũng phát hiện ra được: một bức ảnh ghép tức cười hình một cô gái “bị nhốt” trong một cái chai; một bức khác chụp một đứa trẻ “đang bay lên”, được treo bằng thứ gì đó giấu trong khung cửa tối om sau lưng cô bé; bức ảnh thứ ba là một con chó với khuôn mặt một cậu bé được dán lên một cách thô thiển. Như thể ba bức ảnh này còn chưa đủ kỳ cục, hai bức ảnh cuối như thể được lấy ra từ những cơn ác mộng của David Lynch^[5]: một bức chụp một nghệ sĩ uốn dẻo

trẻ không mấy vui vẻ đang biểu diễn một tư thế uốn gập lưng rợn người; bức kia là một cặp sinh đôi kỳ quái mặc những món trang phục quái đản nhất tôi từng thấy. Thậm chí cả ông nội tôi, người đã nhồi đầy đầu tôi các câu chuyện về lũ quái vật có những cái lưỡi xúc tu cũng đã nhận ra những bức ảnh kiểu này có thể khiến bất cứ đứa trẻ nào gặp ác mộng.











Quỳ gối ở đó, trên sàn nhà bụi bặm trong phòng ông với mấy bức ảnh trên tay, tôi nhớ lại mình đã cảm thấy bị lừa dối như thế nào vào cái ngày tôi vỡ lẽ ra rằng các câu chuyện của ông không phải sự thật. Giờ đây, sự thật dường như đã hiển nhiên: những lời trắng trối của ông chỉ đơn giản là một ngón xảo thuật nữa, và hành động cuối cùng của ông là để tiêm nhiễm vào tôi những con ác mộng và ảo giác hoang tưởng rồi đây sẽ phải cần đến hàng bao nhiêu năm trị liệu tâm lý cùng đồng thuốc đủ để tàn phá cơ thể mới tổng khứ đi được.

Tôi đóng cái hộp lại và mang nó ra phòng khách, nơi bố tôi và cô Susie đang trút một ngăn kéo đầy ắp phiếu mua hàng giảm giá đã được cắt nhưng chưa bao giờ được dùng vào một túi rác dung tích gần bốn mươi lít.

Tôi đưa cho hai người cái hộp. Họ cũng chẳng buồn hỏi có gì bên trong.

“Vậy sự thật là thế sao?” bác sĩ Golan hỏi. “Cái chết của ông cậu hoàn toàn vô nghĩa sao?”

Tôi đang nằm dài trên đi văng ngắm nghía một bể cá trong góc phòng, tù nhân vàng óng của nó đang lười nhác bơi lượn lờ thành từng vòng. “Trừ phi chú có ý tưởng nào hay hơn”, tôi nói. “Một học thuyết lớn lao nào đó về tất cả ý nghĩa của nó mà chú vẫn chưa nói cho cháu biết. Nếu không...”

“Cái gì?”

“Nếu không, việc này chỉ lãng phí thời gian thôi.”

Ông bác sĩ thở dài và đưa tay lên véo sống mũi như thể cố tống khứ một cơn đau đầu. “Ý nghĩa những lời trắng trời của ông cậu không phải là kết luận tôi cần rút ra”, ông ta nói. “Những gì cậu nghĩ mới là vấn đề.”

“Đó là một mớ lời lẽ tâm lý học vớ vẩn mắc dịch”, tôi gắt lên. “Những gì cháu nghĩ không phải là vấn đề; mà là thực tế! Nhưng cháu đoán là chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được, vậy thì ai thèm quan tâm? Cứ việc đánh thuốc mê cháu và nhận hóa đơn thanh toán đi.”

Tôi muốn ông bác sĩ nổi điên - muốn ông ta tranh luận, quả quyết rằng tôi sai nhưng thay vì thế ông ta ngồi đó mặt lạnh tanh, cầm bút gõ gõ vào tay vịn ghế. “Nghe có vẻ như cậu đang bỏ cuộc”, sau một lát ông bác sĩ lên tiếng. “Tôi rất thất vọng. Theo như tôi thấy cậu không có vẻ là một kẻ dễ dàng bỏ cuộc.”

“Vậy thì chú chả biết gì về cháu rồi”, tôi đáp.

Tôi chẳng có chút xíu tâm trạng tiệc tùng nào hết. Tôi biết rõ mình sắp phải tham gia một bữa tiệc khi bố mẹ tôi bắt đầu bóng gió một cách chẳng

mấy khéo léo rằng dịp cuối tuần sắp tới chắc chắn sẽ buồn chán và tẻ nhạt ra sao, trong khi tất cả chúng tôi đều biết thừa tôi sắp tròn mười sáu tuổi. Tôi đã khẩn khoản nài xin bố mẹ hãy bỏ qua bữa tiệc sinh nhật năm nay vì, bên cạnh các lý do khác, tôi chẳng thể nghĩ ra được dù chỉ một người mà tôi muốn mời, song vì lo rằng tôi đã dành quá nhiều thời gian một mình, hai người khư khư cho rằng giao tiếp xã hội là một hình thức trị liệu. Sốc điện cũng được coi là một hình thức trị liệu đấy, tôi nhắc nhở họ. Nhưng mẹ tôi rất ghét phải bỏ lỡ bất cứ cái cơ nào dù mong manh nhất để tiệc tùng ăn mừng - có lần bà đã mời bạn bè đến mừng sinh nhật con vẹt Australia mào vàng của chúng tôi - một phần vì bà rất khoái khoe ngôi nhà chúng tôi đang sống. Cầm ly rượu vang trên tay, mẹ lôi khách đi từ căn phòng chật ních đồ đạc này sang căn phòng khác, hết lời tán dương tài năng của kiến trúc sư và kể lại những câu chuyện đầy khó khăn gay cấn về quá trình xây dựng (“Phải mất hàng tháng mới mua được những cái giá đèn treo tường này từ Italia đấy.”)

Chúng tôi vừa về đến nhà sau buổi trị liệu thảm họa của tôi với bác sĩ Golan. Tôi đi theo bố vào căn phòng khách tối om một cách rất đáng ngờ còn ông đang lảm nhảm gì đó kiểu như “Thật tệ khi chúng ta lại không chuẩn bị gì cho sinh nhật con” và “À mà không sao, để năm tới cũng được mà” thì tất cả ánh sáng bừng lên tràn ngập không gian, để lộ ra băng rôn chúc mừng, bóng bay, và cả một đám đông đủ thành phần các cô dì chú bác và anh chị em họ mà hiếm khi tôi nói chuyện cùng - bất cứ ai mẹ tôi có thể huy động đến dự - và Ricky, người tôi rất ngạc nhiên thấy lớn vồn cạnh tô rượu pân lớn, trông lạc lõng đến tức cười trong chiếc áo khoác da gắn mũ đinh trang trí. Khi mọi người đã xong màn chúc mừng và tôi đã thôi giả vờ ngạc nhiên, mẹ khoác vai tôi thì thầm, “Thế này có ổn không?” Tôi rất khó chịu, mệt mỏi và chỉ muốn chơi game Warspire III: The Summoning trước khi leo lên giường và bật ti vi. Nhưng chúng tôi sẽ phải làm gì đây, bảo mọi người về nhà hết ư? Tôi nói mọi thứ đều ổn, và bà mỉm cười như thể để cảm ơn tôi.

“Ai muốn xem phần mới xây thêm nào?” mẹ tôi du dương nói, tự rót thêm cho mình một ít Chardonnay trước khi dẫn đầu một đoàn họ hàng kéo

lên lầu.

Ricky và tôi gật đầu chào nhau từ hai đầu căn phòng, im lặng nhất trí chịu đựng sự có mặt của những người khác thêm một hay hai tiếng nữa. Chúng tôi đã không hề nói chuyện với nhau kể từ hôm cậu ta suýt nữa đẩy tôi văng khỏi nóc nhà, nhưng cả hai chúng tôi đều hiểu tầm quan trọng của việc duy trì cái ảo tưởng rằng mình có bạn bè. Tôi đang định tới nói chuyện với cậu ta thì bác Bobby nắm khuỷu tay kéo tôi vào một góc. Bác Bobby là một người đàn ông vạm vỡ với khuôn ngực thùng thốn, lái một chiếc xe to tướng, sống trong một ngôi nhà lớn và sớm muộn gì cũng sẽ gục ngã trước một cơn đau tim mạnh mẽ, kết quả của bao nhiêu gan ngỗng béo và hamburger cỡ lớn ông đã nhét vào bộ ruột của mình theo năm tháng, để lại mọi thứ cho đám anh họ nghiện cần sa của tôi và bà vợ bé nhỏ lặng lẽ của ông. Ông cùng bác Les của tôi là hai đồng chủ tịch của Smart Aid, và họ luôn làm việc này - kéo người ta vào góc để thì thào bí hiểm, như thể đang toan tính một vụ giết người chứ không phải tán thưởng món xốt quả bơ của bà chủ nhà.

“Mẹ cháu bảo là cháu đang thực sự vượt qua được, ờ... chuyện ông nội cháu.”

Chuyện của tôi. Chẳng ai biết phải gọi nó là gì.

“Rối loạn stress cấp tính”, tôi nói.

“Cái gì?”

“Đó là thứ cháu gặp phải. Đã gặp phải. Thế nào cũng được.”

“Thế thì tốt. Thật mừng khi nghe thấy thế.” Ông phẩy tay như thể để gạt tất cả những chuyện chẳng thú vị gì đó lại sau lưng chúng tôi. “Mẹ cháu và bác nghĩ vậy. Cháu có thích tới Tampa vào hè này để xem tình hình làm ăn của gia đình không? Đến trụ sở công ty với bác để võ vạc đầu óc một thời gian thì sao nào? Trừ phi cháu thích các kê xếp hàng hơn!” Ông phá lên cười to đến mức tôi bất giác lùi lại một bước. “Cháu thậm chí có thể ở tại ngôi nhà, đi câu cá cháo với bác và các anh họ cháu vào dịp cuối tuần.” Sau đó, bác tôi dành ra năm phút lê thê mô tả chiếc du thuyền mới của ông, đi vào những chi tiết tỉ mỉ, gần như khêu gợi, như thể chỉ mình chuyện đó thôi

cũng đủ để chốt lại thỏa thuận. Khi nói xong, bác cười ngạo nghễ, và chìa tay ra để tôi bắt. “Vậy cháu nghĩ sao, Jacob?”

Tôi đoán nó đã được tính toán để trở thành một đề nghị tôi không thể từ chối, nhưng tôi thà trải qua mùa hè trong một trại lao động ở Siberia còn hơn ở bên bác tôi và lũ con được nuông chiều của ông. Còn chuyện làm việc tại trụ sở của Smart Aid, tôi biết nhiều khả năng đó là một phần không thể tránh trong tương lai của mình, nhưng tôi đã tính sẽ phải có ít nhất vài mùa hè tự do nữa cộng thêm bốn năm đại học trước khi buộc phải nhốt mình vào cái lồng của tập đoàn. Tôi do dự, cố nghĩ cho mình một lối thoát êm thấm. Thay vì thế, những gì tôi nói ra lại là, “Hiện giờ cháu không chắc bác sĩ tâm lý của cháu sẽ nghĩ đó là một ý tưởng hay.”

Đôi lông mày chổi sể của bác tôi nhíu lại. Gật gật gù gù ông nói, “À phải, hẳn rồi, tất nhiên. Vậy cứ coi như bác cháu mình chỉ nói suông thôi nhỉ?” Rồi ông bỏ đi không buồn đợi câu trả lời, giả bộ vừa thấy ai đó bên kia phòng mà ông cần phải tới bắt chuyện.

Mẹ tôi tuyên bố đã đến lúc mở quà. Bà luôn nhất quyết đòi tôi phải làm việc đó trước mặt tất cả mọi người, một chuyện cực kỳ rắc rối, vì như đã nhắc qua lúc trước, tôi không có khiếu nói dối cho lắm. Điều đó cũng có nghĩa là tôi không hề giỏi trong việc vờ thể hiện lòng biết ơn vì những chiếc đĩa CD nhạc Giáng sinh đồng quê được tặng lại hay phiếu đặt mua dài hạn tạp chí Field and Stream - suốt nhiều năm bác Les đã bị ám ảnh bởi ảo tưởng đáng kinh ngạc rằng tôi là một đứa “huớng ngoại” - nhưng vì phép lịch sự tôi cố nặn ra một nụ cười và nâng từng món quà đã được mở giấy bọc ra lên để mọi người cùng chiêm ngưỡng cho tới khi chồng quà trên bàn cà phê chỉ còn lại ba món.

Tôi vội lấy món quà bé nhất trước tiên. Bên trong là chìa khóa chiếc ô tô mui kín sang trọng đã chạy được bốn năm của bố mẹ tôi. Mẹ tôi giải thích là bố mẹ chuẩn bị mua một chiếc xe mới, vì thế tôi được thừa kế cái cũ. Chiếc xe đầu tiên của tôi! Mọi người đều ồ và à, nhưng tôi cảm thấy mặt mình nóng bừng. Nếu chấp nhận một món quà xa xỉ như thế trước mặt Ricky thì có khác nào khoe của, giá cái xe của cậu ta còn chưa bằng món tiền tiêu vặt hằng tháng tôi nhận được năm mười hai tuổi. Đường như bố

mẹ luôn cố gắng làm cho tôi quan tâm tới tiền bạc, nhưng thật ra tôi lại chẳng hề quan tâm. Có điều, khi đã thừa mứa thì thật dễ dàng nói mình không quan tâm đến tiền bạc.

Món quà kế tiếp là một chiếc máy ảnh kỹ thuật số mà tôi đã nài nỉ đòi bố mẹ mua suốt mùa hè năm ngoái. “Ái chà”, tôi thốt lên cảm nhận trọng lượng của nó trên tay mình. “Tuyệt quá.”

“Bố đang lên dàn ý cho một cuốn sách mới về chim”, bố tôi nói. “Bố nghĩ con có thể đảm nhiệm phần chụp ảnh.”

“Một cuốn sách mới ư!” mẹ tôi thốt lên. “Quả là một ý tưởng phi thường, Frank. Nhân nói đến nó, cuốn sách trước mà anh định viết thì sao nhỉ?” Rõ ràng bà đã cạn vài ly rượu vang.

“Anh vẫn đang chỉnh sửa lại vài thứ”, bố khẽ đáp.

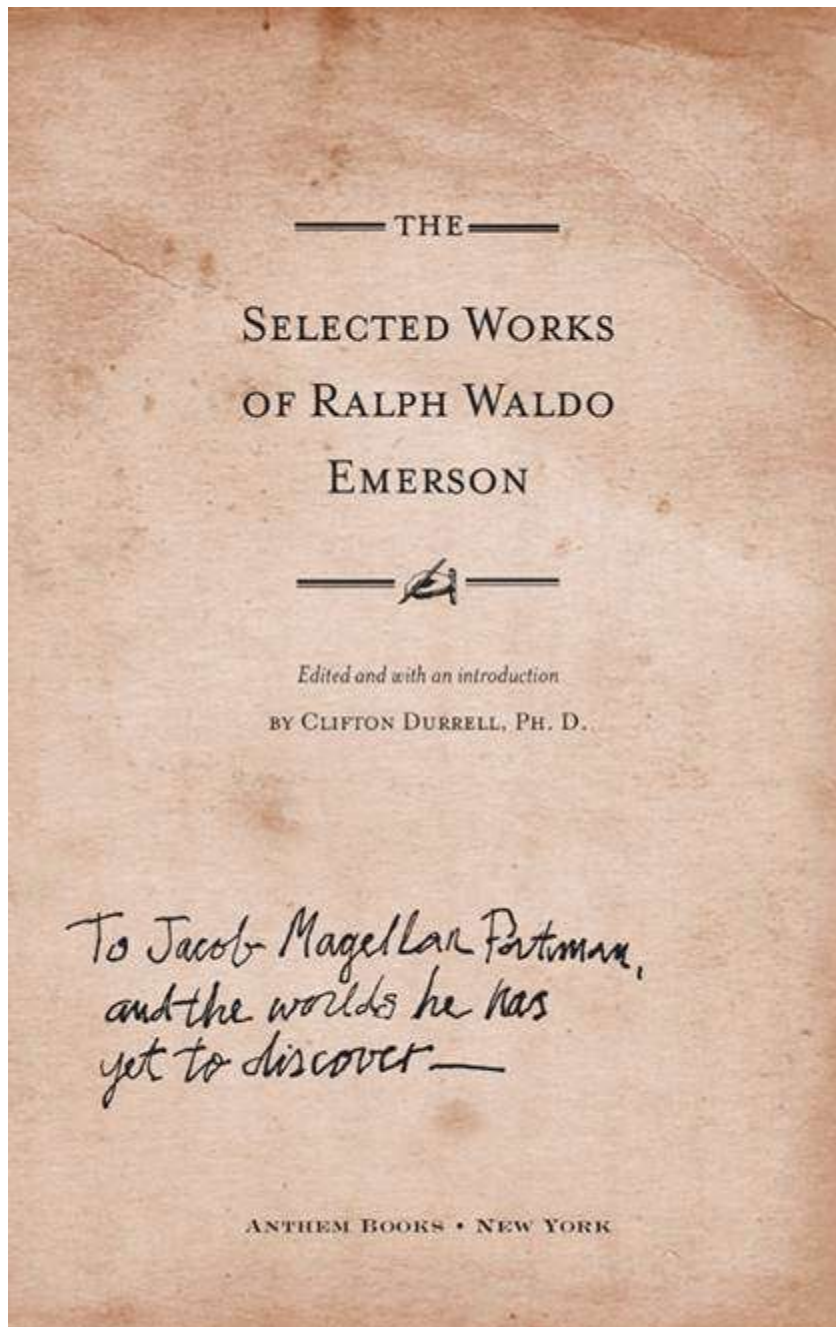
“À, tôi hiểu rồi.” Tôi có thể nghe thấy bác Bobby cười khùng khục.

“Xem nào!” tôi nói lớn tiếng, với lấy món quà cuối cùng. “Cái này là của cô Susie.”

“Thực ra”, cô tôi nói khi tôi bắt đầu xé giấy bọc, “nó là của ông nội cháu.” Tôi khựng lại giữa chừng. Cả căn phòng bỗng lặng ngắt, mọi người nhìn cô Susie cứ như thể cô vừa gọi tên một con quỷ nào đó. Quai hàm bố tôi đánh lại còn mẹ tôi phụt ngum rượu vang bà vừa uống ra. “Cứ mở nó ra rồi cháu sẽ thấy”, cô Susie nói.

Tôi lột nốt phần giấy gói còn lại và tìm thấy một cuốn sách cũ bìa cứng, mép các trang sách đã quăn, và không còn bìa áo. Đó là cuốn Tuyển tập Ralph Waldo Emerson.

Tôi nhìn nó chằm chằm như thể cố đọc xuyên qua bìa, không thể hiểu nổi nó đã tới nằm trên đôi bàn tay đang run rẩy của mình như thế nào. Không ai ngoài bác sĩ Golan biết về những lời trăng trối của ông nội, và bác sĩ đã hứa vài lần là trừ phi tôi có nguy cơ uống Drano^[6] hay nhảy lộn ngược từ trên cầu Sunshine Skyway^[7] xuống, mọi thứ chúng tôi trao đổi tại phòng khám của ông ta sẽ được giữ bí mật.



Tôi đứng dậy rời đi, sợ rằng mình sẽ bật khóc trước mặt tất cả mọi người, và chợt có thứ gì đó tuột ra từ giữa các trang sách rơi xuống sàn.

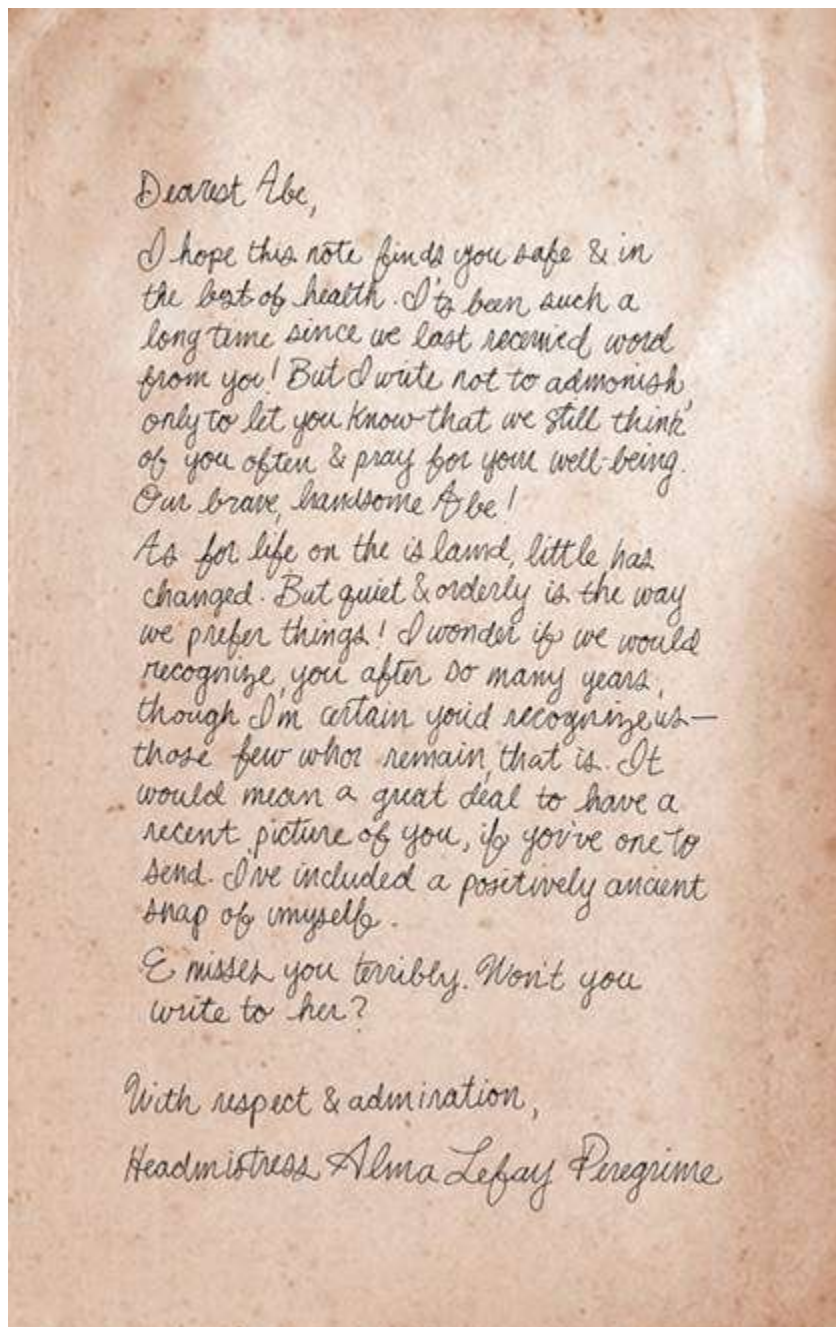
Tôi cúi xuống nhặt nó lên. Đó là một lá thư.

Emerson. Lá thư.

Tôi cảm thấy mặt mình không còn chút máu nào. Mẹ cúi về phía tôi căng thẳng thì thào hỏi liệu tôi có cần uống nước không, như một cách nhắc nhở

bình tĩnh lại, mọi người đang nhìn chăm chăm đây. Tôi nói, “Con cảm thấy hơi, ừm...” rồi sau đó, đưa một bàn tay lên ôm bụng, tôi lao vào phòng mình.

Lá thư được viết tay trên một tờ giấy đẹp không kẻ dòng, với những nét vòng nắn nót tới mức gần như là một bản thư pháp, màu mực đen đậm nhạt không đồng đều, như thể được viết ra từ một chiếc bút máy cũ. Lá thư viết:



Dearest Abe,

I hope this note finds you safe & in the best of health. It's been such a long time since we last received word from you! But I write not to admonish, only to let you know that we still think of you often & pray for your well-being. Our brave, handsome Abe!

As for life on the island, little has changed. But quiet & orderly is the way we prefer things! I wonder if we would recognize you after so many years, though I'm certain you'd recognize us - those few who remain, that is. It would mean a great deal to have a recent picture of you, if you've one to send. I've included a positively ancient snap of myself.

I miss you terribly. Won't you write to her?

With respect & admiration,
Headmistress Alma Lefay Peregrine

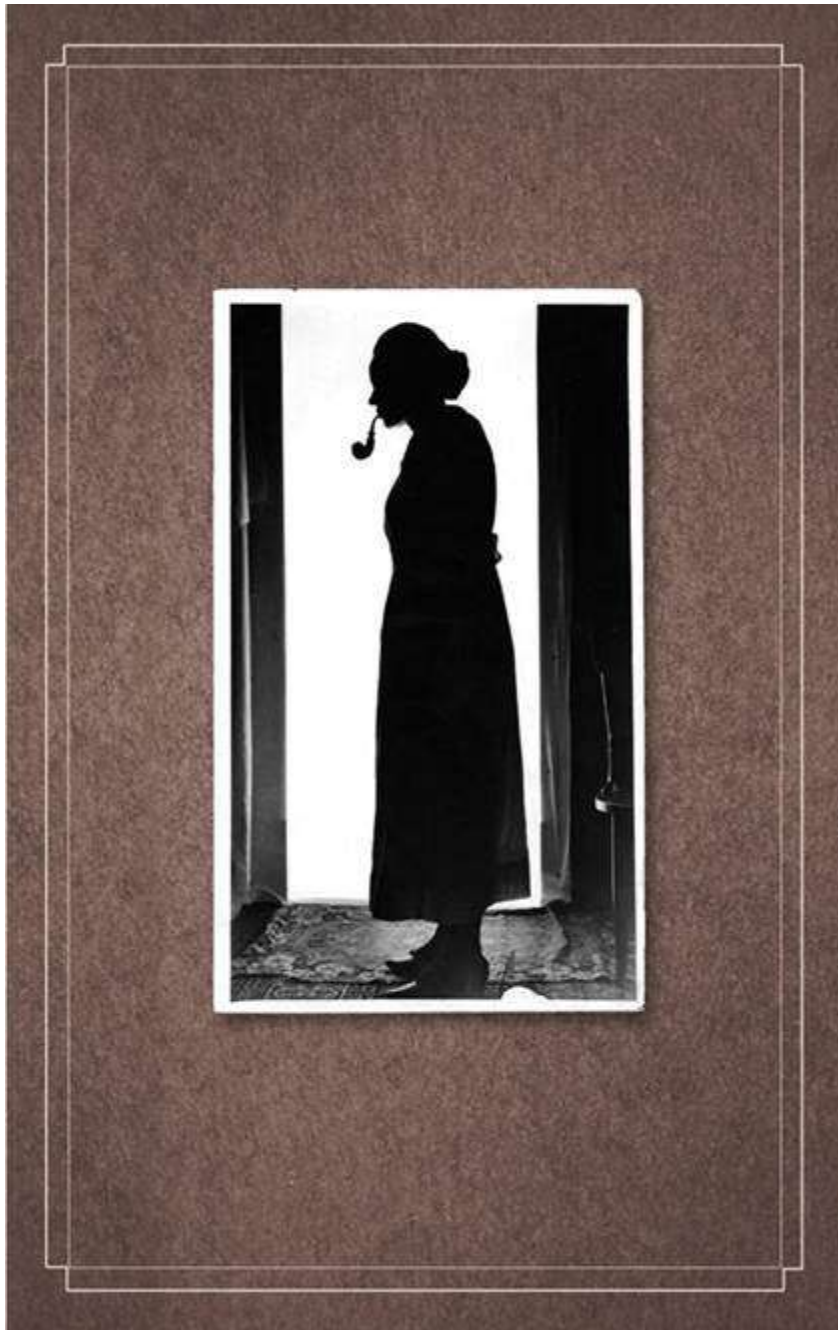
Abe thân yêu nhất đời.

Ta hy vọng lá thư này đến nơi khi cậu vẫn an toàn và vô cùng khỏe mạnh. Đã lâu lắm rồi kể từ lần cuối chúng ta nhận được tin của cậu! Nhưng ta viết không phải để trách móc, chỉ để cậu biết chúng ta vẫn hay nghĩ đến cậu và cầu mong cậu được bình yên. Abe can đảm và khôi ngô của chúng ta! Còn về cuộc sống trên hòn đảo, có rất ít thay đổi. Nhưng bình lặng và trật tự chính là cách chúng ta thích mọi thứ diễn ra! Không rõ chúng ta có thể nhận ra cậu sau bấy nhiêu năm hay không dù ta chắc chắn cậu sẽ nhận ra chúng ta - nghĩa là số ít những người còn lại. Sẽ thật ý nghĩa nếu có một bức ảnh chụp gần đây của cậu, nếu cậu có một bức để gửi. Ta gửi kèm đây một bức ảnh tất nhiên rất cũ rồi của chính ta.

E nhớ cậu kinh khủng. Cậu không viết cho cô bé sao?

Với sự tôn trọng và ngưỡng mộ.

Cô phụ trách Alma LeFay Peregrine



Đúng như lời hứa, người viết thư đã kèm theo một bức ảnh cũ.

Tôi cầm bức ảnh giơ lên dưới ánh đèn bàn, cố tìm ra một vài chi tiết trên hình bóng khuôn mặt người phụ nữ, nhưng chẳng có gì để tìm. Bức ảnh trông thật lạ, song không hề giống mấy bức ảnh của ông nội tôi. Không hề có thủ thuật nào ở đây. Trong ảnh chỉ đơn giản là một người phụ nữ - một phụ nữ đang hút tẩu. Trông nó giống như cái tẩu của Sherlock Holmes, uốn

cong và trở xuống từ môi bà. Đôi mắt tôi cứ chốc chốc lại trở lại nhìn vào nó.

Liệu đây có phải là thứ ông đã muốn tôi tìm ra không? Đúng vậy, tôi nghĩ, hẳn là thế - không phải những lá thư của Emerson mà là một lá thư kẹp trong cuốn sách của Emerson. Nhưng cô phụ trách Peregrine này là ai mới được chứ. Tôi xem phong bì để tìm địa chỉ người gửi, nhưng chỉ thấy một dấu bưu điện đã phai màu có ghi *Đảo Cairnholm., Cymru, Anh.*

Anh - đó là nước Anh. Nhờ tìm hiểu các tập bản đồ từ hồi còn nhỏ tôi biết rằng *Cymru* có nghĩa là xứ Wales. *Cairnholm* hẳn chính là hòn đảo cô Peregrine đã nhắc tới trong lá thư của mình. Có thể nào đó cũng chính là hòn đảo ông nội tôi đã sống khi còn là một cậu bé chẳng?

Chín tháng trước, ông đã bảo tôi “tìm Chim”. Chín năm trước, ông từng thề là trại trẻ nơi ông sống được bảo vệ bởi một con chim - một “con chim ung hút tẩu thuốc”. Ở tuổi lên bảy, tôi đã hiểu lời kể đó theo đúng nghĩa đen, nhưng cô phụ trách trong bức ảnh cũng đang hút tẩu, và họ của cô là Peregrine, tên một loài chim ung. Liệu có phải con chim ông nội muốn tôi tìm thực ra chính là người phụ nữ đã cứu ông - cô phụ trách của trại trẻ? Biết đâu bà vẫn còn ở trên hòn đảo đó sau bấy nhiêu năm, đã già nhưng được chăm sóc bởi số ít những học trò cũ của bà, những đứa trẻ đã lớn lên nhưng không bao giờ rời đi.

Lần đầu tiên, những lời trăng trối của ông bắt đầu có một ý nghĩa thật lạ lùng. Ông muốn tôi tới hòn đảo và tìm người phụ nữ này, cô phụ trách ngày xưa của ông. Nếu có ai đó biết về những bí mật tuổi thơ của ông nội tôi, người ấy chỉ có thể là bà. Nhưng dấu bưu điện trên phong bì đã mười lăm năm tuổi. Liệu bà có thể còn sống không? Tôi nhẩm tính nhanh trong đầu: nếu bà đã điều hành trại trẻ từ năm 1939 và, giả dụ, hai mươi lăm tuổi vào lúc ấy, vậy thì giờ đây bà đã phải ngoài chín mươi tuổi. Vậy thì có thể lắm - ở Englewood có những người còn già hơn thế vẫn sống một mình và tự lái xe - và thậm chí dù bà Peregrine đã qua đời trong khoảng thời gian sau khi gửi lá thư, nhiều khả năng tại Cairnholm vẫn còn những người có thể giúp đỡ tôi, những người đã biết ông nội Portman khi ông còn nhỏ. Những người biết các bí mật của ông.

Chúng tôi, cô phụ trách đã viết thế. *Số ít những người còn lại.*

Như bạn hẳn cũng có thể hình dung, thuyết phục bố mẹ cho phép tôi trải qua một phần mùa hè trên một hòn đảo tí xíu nằm ngoài khơi bờ biển xứ Wales là chuyện chẳng dễ dàng gì. Bố mẹ tôi - nhất là mẹ - có vô vàn lý do thuyết phục để giải thích rằng đây là một ý tưởng tồi, bao gồm cả chi phí, cũng như việc tôi dự kiến sẽ trải qua mùa hè ở chỗ bác Bobby học cách điều hành một đế quốc dược phẩm, rồi thì tôi không có ai để đi cùng, vì chẳng ai trong bố mẹ tôi có hứng thú muốn đi, mà chắc chắn tôi không thể đi một mình. Tôi không có nỗi lòng phản bác hữu hiệu nào, và lý do khiến tôi muốn thực hiện chuyến đi - tôi nghĩ - *tôi cần phải làm vậy* - thì khó mà giải thích sao cho nghe không có vẻ còn điên rồ hơn tình trạng hai người vốn đã sợ tôi đang rơi vào. Chắc chắn tôi sẽ không kể với bố mẹ về những lời trăng trối của ông nội Portman, về lá thư hay bức ảnh - họ thể nào cũng nhốt tôi lại. Lập luận nghe lọt tai mà tôi có thể nghĩ ra chỉ có những thứ đại loại như, “Con muốn biết nhiều hơn về lịch sử gia đình” và câu cự nự chẳng bao giờ thuyết phục, “Chad Kramer và Josh Bell sẽ sang châu Âu hè năm nay. Sao con lại không được?” Tôi viện tới chúng thường xuyên hết mức mà không có vẻ tuyệt vọng (và thậm chí một lần còn dùng đến bài “đâu có vẻ gì là bố mẹ không có tiền?” một chiến thuật tôi lập tức thấy hối tiếc), nhưng có vẻ như chuyến đi sẽ khó lòng mà thành được.

Thế rồi vài chuyện xảy ra đem đến cho tôi thuận lợi lớn. Trước hết, bác Bobby đã nguội hết hứng thú để tôi trải qua mùa hè cùng ông - vì ai mà muốn một kẻ tâm thần sống trong nhà họ chứ? Vậy là lịch trình của tôi bỗng dung rộng mở. Tiếp theo, bố tôi lại phát hiện ra đảo Cairholm là một khu sinh thái chim cực kỳ quan trọng, và có vẻ như nó là nơi cư trú của một nửa số lượng cá thể trên toàn thế giới của một loài chim đã khiến ông lên cơn cuồng điên học cấp tính. Bố tôi bắt đầu nói rất nhiều về cuốn sách chim muông mới ở dạng giả thuyết của ông, và bất cứ lúc nào chủ đề này được gọi ra, tôi lại cố hết sức cố vũ bố và tỏ vẻ quan tâm. Nhưng yếu tố quan trọng nhất là bác sĩ Golan. Và chỉ sau một chút phỉnh phờ tôi thiếu ở mức

đáng ngạc nhiên từ phía tôi, ông bác sĩ đã làm tất cả chúng tôi choáng váng vì không chỉ phê chuẩn ý tưởng của tôi mà còn động viên bố mẹ để tôi đi.

“Điều đó có thể quan trọng với cậu ấy”, ông bác sĩ nói với mẹ tôi vào một buổi chiều, sau buổi trị liệu. “Đó là một địa điểm ông nội cậu bé đã thần thoại hóa tới mức việc đến thăm tận nơi sẽ chỉ giúp xóa đi tấm màn thần bí. Cậu bé sẽ thấy nơi đó cũng bình thường, chẳng có gì là màu nhiệm như bất cứ nơi nào khác, và từ đó, những câu chuyện hoang đường của ông nội cậu ấy sẽ mất đi sức ám ảnh của chúng. Lấy thực tế để chống lại hoang tưởng có thể là một cách rất hiệu quả.”

“Nhưng tôi tưởng thằng bé vốn đã không tin vào mấy chuyện đó rồi”, mẹ vừa nói vừa quay sang tôi. “Phải không, Jake?”

“Con không tin vào chúng”, tôi cam đoan với bà.

“Không, một cách có ý thức thì con trai bà không tin”, bác sĩ Golan nói. “Nhưng phần vô thức mới là thứ gây phiền phức cho cậu bé lúc này. Những giấc mơ, nỗi lo lắng.”

“Và ông thực sự nghĩ đi tới đó có thể có ích?” mẹ tôi nói, nheo mắt nhìn ông bác sĩ như thể trấn tĩnh bản thân để nghe sự thật trần trụi. Về những gì tôi nên hay không nên làm, lời nói của bác sĩ Golan là luật pháp.

“Đúng thế”, ông ta đáp.

Và chỉ cần có thế.

Sau đó, mọi thứ diễn ra đâu vào đấy với tốc độ đáng kinh ngạc. Vé máy bay được đặt mua, lịch trình được lên, kế hoạch được vạch ra. Bố và tôi sẽ đi trong ba tuần vào tháng Sáu. Tôi bán khoản tiền từng đó có quá lâu hay không nhưng bố tôi tuyên bố ông cần ít nhất chừng ấy thời gian để nghiên cứu kỹ lưỡng về các quần thể chim của hòn đảo. Tôi nghĩ mẹ sẽ phản đối - những ba tuần! - nhưng chuyến đi của hai bố con càng cận kề, bà dường như lại càng cảm thấy phấn khích cho chúng tôi. “Hai người đàn ông của tôi”, mẹ tôi thường nói, mặt rạng ngời, “lên đường làm một cuộc phiêu lưu lớn nào!”

Tôi thực sự cảm động trước tâm trạng nhiệt tình của mẹ - cho tới một buổi chiều tôi nghe trộm được bà nói chuyện điện thoại với một người bạn, nói bà nhẹ nhõm tới mức nào khi được “có lại cuộc sống của mình” trong ba tuần và “không phải lo lắng đến hai đứa trẻ túng bần”.

Con cũng yêu mẹ, tôi những muốn nói thế với tất cả sự mỉa mai cay nghiệt có thể viện đến, nhưng bà lại chẳng nhìn thấy tôi, vậy là tôi giữ im lặng. Tất nhiên tôi có yêu mẹ, nhưng chủ yếu vì đó là một bổn phận, chứ không phải vì mẹ là người có lẽ tôi sẽ yêu quý khi gặp bà đi bộ dọc xuống phố. Mà nói gì thì nói, đó cũng là chuyện mẹ tôi chẳng bao giờ làm; chỉ có người nghèo mới đi bộ.

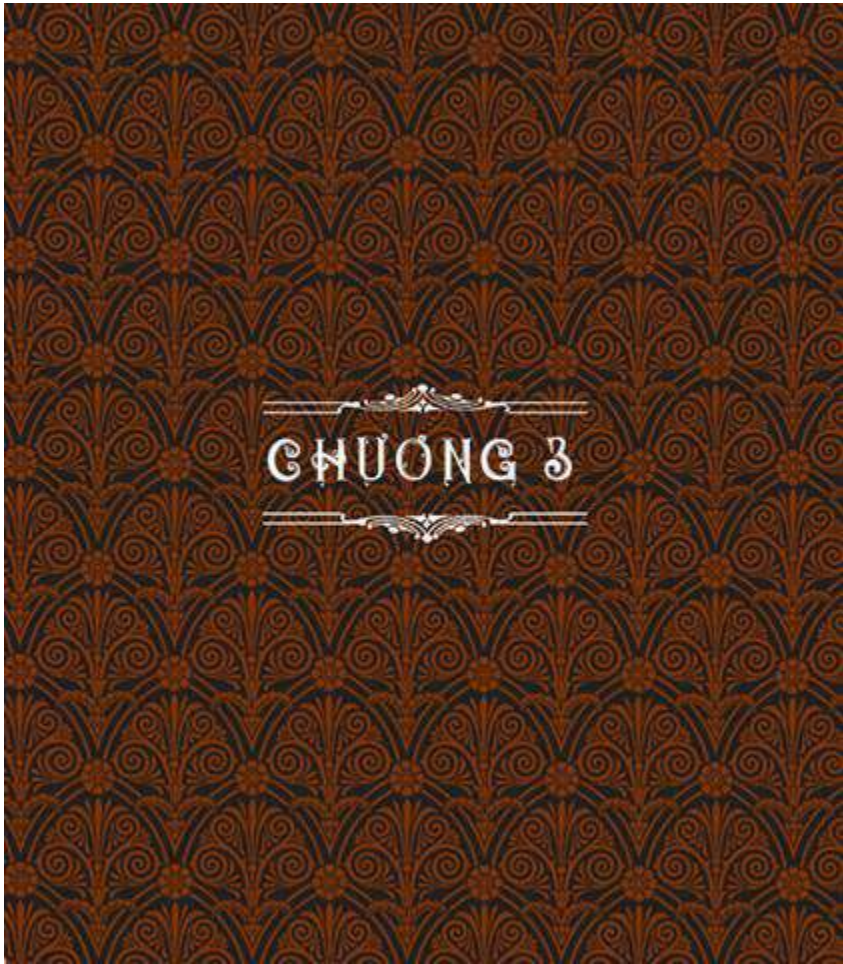
Trong quãng thời gian ba tuần từ lúc năm học kết thúc cho tới khi chuyển đi của chúng tôi bắt đầu, tôi cố gắng hết sức để tìm hiểu xem bà Alma LeFay Peregrine có còn hiện diện trên đời hay không, nhưng việc tìm kiếm trên Internet chẳng cho biết điều gì. Giả sử bà vẫn còn sống, tôi những hy vọng có thể liên lạc được với bà qua điện thoại hay ít nhất cũng báo để bà biết trước tôi sẽ đến, nhưng tôi nhanh chóng phát hiện ra thậm chí gần như chẳng có ai tại Cairnholm sở hữu một chiếc điện thoại. Tôi chỉ tìm thấy một số máy duy nhất cho cả hòn đảo, vì thế tôi bèn gọi vào đó.

Phải mất gần một phút để kết nối, đường dây kêu xì xì, lạch cạch, im bật rồi lại xì xì, đến mức tôi có thể cảm nhận được từng dặm khoảng cách xa lắc mà cuộc gọi của mình phải trải qua. Cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng chuông kiểu châu Âu lạ tai đó - goapppppp goapppppp - và một người đàn ông tôi chỉ có thể đoán là đã say mèm trả lời điện thoại.

“Hố tiêu!” ông ta gầm lên. Ở đầu dây bên kia vang lên một lượng tiếng ồn kinh người, thứ rống rít khàn khàn bạn có thể trông đợi được nghe vào lúc cao điểm của một bữa nhậu chén chú chén anh tung bùng. Tôi gắng xung danh, song không nghĩ ông ta có thể nghe tôi nói.

“Hố tiêu!” ông ta lại rống lên lần nữa. “Ai đấy hả?” Nhưng tôi còn chưa kịp nói gì, ông ta đã bỏ ống nghe xuống để hét lớn lên với ai đó. “Tao đã bảo *cum mùm*, đồ con hoang ngủ gật kia, tao đang...”

Và sau đó dường đây im tịt. Tôi ngồi đó, áp ống nghe vào tai bàn thần giây lát, rồi gác máy. Tôi cũng chẳng buồn gọi lại. Nếu chiếc điện thoại duy nhất tại Cairnholm kết nối tới một cái ổ tẻ hại nào đó gọi là “hố tiêu”, nó có thể báo trước được gì về phần còn lại của hòn đảo đây? Không lẽ chuyến đi đầu tiên tới châu Âu của tôi sẽ phải dành để trốn tránh những gã điên say bét nhè và ngắm nhìn lũ chim phóng uế trên các dải bờ biển lởm chởm đá sao? Có thể là vậy lắm. Nhưng nếu thế nghĩa là cuối cùng tôi có thể cho bí mật của ông nội được yên nghỉ và tiếp tục cuộc sống bình thường của mình, thì bất cứ điều gì tôi phải chịu đựng cũng đáng giá.



Chương 3

Sương mù quây kín chúng tôi như một dải băng bịt mắt. Khi thuyền trưởng thông báo chúng tôi đã gần đến nơi, thoát đầu tôi nghĩ ông ta đang đùa; tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy từ mặt boong đang trông tránh của chiếc phà là một tấm màn xám xịt vô tận. Tôi búi chặt lấy thanh chắn lan can và căng mắt nhìn xuống những con sóng màu xanh lục, dõi theo con cá rất có thể sắp được thưởng thức bữa sáng của tôi, trong khi bố tôi đứng co ro bên cạnh, mặc mỗi cái áo sơ mi. Thời tiết lạnh và ẩm ướt hơn so với những gì tôi từng biết về tháng Sáu. Tôi hy vọng, vì bố và cũng vì cả tôi là ba mươi sáu giờ đồng hồ kinh khủng chúng tôi đã phải gồng mình vượt qua cho tới lúc này - ba lần chuyển máy bay, hai quãng thời gian ngồi chờ, vật vờ chộp mắt ở các ga tàu hỏa bản thủ, và bây giờ là chuyến đi phà dài dằng dặc làm ruột như muốn lộn nhào này - sẽ không uổng công. Thế rồi bố tôi reo lên, “Nhìn xem”, tôi ngẩng đầu lên thì thấy một khối núi đá lừng lững hiện ra từ màn sương trắng đục trước mắt chúng tôi.

Đó là hòn đảo của ông nội tôi. Hiện ra lừng lững, lạnh lẽo cô tịch, lò mò giữa sương mù, được canh gác bởi cả triệu con chim đang kêu vẳng lên, trông nó tựa như một pháo đài cổ xưa do những người khổng lồ xây dựng. Khi tôi ngược mắt nhìn lên những vách đá dựng đứng của nó, phần đỉnh biến mất trong một dải mây ma quái, cái ý niệm nơi này là một chốn màu nhiệm chẳng hề có vẻ gì là lộ bịch.

Con buồn nôn của tôi dường như biến mất. Bố tôi chạy vòng quanh như con nít vào dịp Giáng sinh, đôi mắt dán vào những con chim bay lượn trên đầu chúng tôi. “Jacob, nhìn xem kìa!” ông reo lên, chỉ vào một đám chấm đen trên không trung. “Chim hải âu Manx!”

Khi chúng tôi lại gần các vách đá hơn, tôi bắt đầu nhìn thấy những hình thù kỳ dị lập lòe dưới nước. Một thủy thủ đi ngang qua bắt gặp tôi cúi người qua thanh lan can nhìn chằm chằm vào chúng, bèn hỏi, “Chưa bao giờ thấy xác tàu đắm hả?”

Tôi quay sang người thủy thủ. “Thật sao?”

“Cả vùng này là một nghĩa địa hàng hải. Như mấy ông thuyền trưởng già thường nói - ‘Giữa mũi Hartland và vịnh Cairnholm là một nấm mồ của thủy thủ, dù vào ban đêm hay ban ngày!’”

Đúng lúc đó, chúng tôi đi ngang qua một xác tàu lơ lờ mặt nước, đường viền của đồng xác màu xanh hiện lên rõ tới mức trông như thể nó sắp nhô lên khỏi mặt nước, chẳng khác nào một con zombie chui lên từ một nấm mồ nông. “Thấy cái kia không?” người thủy thủ vừa nói vừa chỉ vào nó. “Nó bị một chiếc U-boat^[8] bắn chìm đây.”

“Tùng có những chiếc U-boat ở quanh đây sao?”

“Hàng đồng. Cả vùng biển Ireland đầy nhóc tàu ngầm Đức. Dám cược là anh bạn trẻ sẽ có trong tay một nửa lực lượng hải quân nếu có thể làm nổi lên tất cả các tàu bị chúng bắn chìm bằng ngư lôi.” Người thủy thủ nhướn một bên lông mày lên vẻ rất kịch, rồi vừa phá lên cười vừa bỏ đi.

Tôi chạy dọc theo boong phà tới phía đuôi, nhìn theo dấu xác tàu đắm trong khi nó biến mất bên dưới phà chúng tôi. Sau đó, đúng lúc tôi bắt đầu bắn khoả liệ chúng tôi có cần đến dụng cụ leo núi để lên đảo hay không, những vách đá dốc của nó bắt đầu thoai thoải xuống để đón chúng tôi. Chúng tôi đi vòng qua một mũi đất để tiến vào một vịnh biển hình bán nguyệt có bờ lởm chởm đá. Từ đằng xa, tôi nhìn thấy một bến tàu nhỏ với những chiếc tàu đánh cá đầy màu sắc đang dập dềnh, và đằng sau bến cảng là một thị trấn nằm lọt thỏm trong một khoảng đất xanh rì hình lòng bát. Một dải các khu đồng cỏ với bầy cừu rải rác nằm trải rộng vắt qua những ngọn đồi vươn lên để gặp một ngọn núi cao, nơi một bức tường mây đang dựng lên như một tấm bình phong bằng bông. Nơi này thật kỳ thú và đẹp đẽ, không giống bất cứ nơi nào tôi từng thấy qua. Tôi cảm thấy một chút phấn khích phiêu lưu khi chúng tôi tiến vào vịnh, như thể tôi vừa phát hiện ra đất liền ở nơi mà trên bản đồ chỉ là một mảng màu xanh thuần nhất.

Chiếc phà cập bến, chúng tôi liền vác hành lý đi vào thị trấn nhỏ. Sau khi xem xét cận cảnh hơn, tôi rút ra kết luận rằng, cũng như rất nhiều thứ khác,

nơi này nhìn gần cũng chẳng đẹp như lúc nhìn từ xa. Những ngôi nhà tường quét vôi trắng, nom có vẻ cũ kỹ là lạ ngoại trừ những cái chảo thu tín hiệu vệ tinh nhô lên khỏi mái, nằm hai hàng theo một mạng lưới nhỏ những con phố rải sỏi lầy lội. Vì Cairnholm nằm ở quá xa và có vai trò quá nhỏ bé để biện hộ được cho chi phí chạy đường điện từ đất liền ra, những chiếc máy phát điện chạy dầu diesel tỏa mùi lợm giọng thi nhau kêu rù rù ở khắp mọi ngõ ngách như những con ong bắp cày đang nổi đóa, hòa nhịp cùng tiếng gầm của máy kéo, phương tiện cơ giới duy nhất di chuyển trên đảo. Ở bên rìa thị trấn, những ngôi nhà nông thôn có vẻ cũ kỹ bị bỏ hoang nằm trơ trọi, mái chẳng còn, bằng chứng của một cộng đồng dân cư đang teo tóp dần, lớp trẻ bị những cơ hội hứa hẹn quyến rũ hơn ở nơi khác thu hút từ bỏ truyền thống đánh cá và làm nông hàng thế kỷ.

Hai bố con tôi kéo lê hành lý đi qua thị trấn để tìm một nơi nào đó có tên là Priest Home, bố tôi đã đặt một phòng ở đó. Tôi mừng tưng ra một nhà thờ cũ được chuyển thành nhà trọ qua đêm - chẳng có gì đẹp đẽ, chỉ đơn giản là nơi để ngủ những lúc chúng tôi không đi ngắm chim hay lần tìm theo các manh mối. Chúng tôi hỏi vài cư dân địa phương để tìm đường nhưng đổi lại chỉ nhận được những cái nhìn bối rối. “Họ nói tiếng Anh mà, phải không nào?” bố tôi nói ra nỗi băn khoăn của mình. Đúng lúc bàn tay tôi bắt đầu đau nhức vì trọng lượng quá mức của chiếc va li tôi mang theo, bố con tôi bắt gặp một nhà thờ. Chúng tôi nghĩ đã tìm ra nơi trọ của mình, cho tới khi đi vào trong và phát hiện ra quả thực nơi này đã được chuyển đổi mục đích, nhưng là thành một bảo tàng nhỏ xám xịt, chứ không phải nhà trọ qua đêm.

Chúng tôi tìm thấy người trông coi bảo tàng làm việc bán thời gian trong một căn phòng treo đầy lưới đánh cá và kéo xén lông cừu cũ. Khuôn mặt ông này sáng lên khi trông thấy bố con tôi, rồi sau đó lại ỉu xìu khi ông ta nhận ra chúng tôi chỉ lạc đường.

“Tôi đoán là hai người đang tìm Priest Hole”, ông ta nói. “Đó là nơi duy nhất trên đảo này có phòng trọ cho thuê.”

Sau đó ông ta chỉ dẫn cho bố con tôi bằng thứ thổ âm thật du dương mà tôi thấy cực kỳ êm tai. Tôi rất thích nghe người xứ Wales nói, kể cả khi một

nửa những gì họ nói tôi hoàn toàn không hiểu nổi. Bố tôi cảm ơn ông này và quay ra để đi tiếp, nhưng thấy ông ta hữu ích đến thế, tôi bèn nán lại hỏi ông ta thêm một câu nữa.

“Bố con cháu có thể tìm thấy trại trẻ cũ ở đâu ạ?”

“Cái gì cũ cơ?” ông ta vừa hỏi vừa nheo mắt nhìn tôi.

Trong một khoảnh khắc kinh khủng, tôi đã sợ rằng chúng tôi đến nhầm đảo, hay còn tệ hơn thế, cái trại trẻ kia cũng chỉ là một thứ nữa ông nội tôi bịa ra.

“Có phải từng có một khu trại cho những đứa trẻ tị nạn không ạ?” tôi hỏi. “Trong thời chiến? Một ngôi nhà rất lớn ấy ạ?”

Người đàn ông căn môi nhìn tôi đầy ngờ vực, như thể cân nhắc xem nên giúp đỡ hay phải tay sạch sẽ. Nhưng rồi ông ta thấy thương hại tôi. “Tôi không biết gì về người tị nạn cả”, ông ta nói, “nhưng tôi nghĩ tôi biết nơi cậu muốn nói tới. Nó ở cách đây khá xa, ở bên kia hòn đảo, phải đi qua đầm lầy và khu rừng. Nhưng nếu tôi là cậu, tôi sẽ không lang thang tới đó một mình. Chỗ ấy nằm cách quá xa đường đi và sẽ chẳng ai nghe được cậu gọi - chẳng có gì ngoài cỏ ướt và phân cừu để tránh cho cậu khỏi bước thẳng ra khỏi vách đá.”

“Thật tốt được biết vậy”, bố tôi vừa nói vừa đưa mắt nhìn tôi. “Hứa với bố là con sẽ không một mình tới đó.”

“Được rồi, được rồi.”

“Mà cái gì khiến các vị quan tâm tới chỗ đó vậy?” người đàn ông hỏi. “Nơi đó đâu có trên bản đồ du lịch.”

“Chỉ là một nghiên cứu phá hệ nhỏ thôi”, bố tôi nán lại gần cửa để trả lời. “Bố tôi đã ở đó vài năm khi còn bé.” Tôi có thể thấy ông nỗ lực tránh đề cập bất cứ điều gì về bác sĩ tâm lý hay việc ông nội đã qua đời. Bố tôi cảm ơn người phụ trách bảo tàng thêm lần nữa rồi hối hả kéo tôi ra khỏi cửa.

Theo lời chỉ dẫn của người phụ trách bảo tàng, chúng tôi lần bước trở lại cho tới khi bắt gặp một bức tượng bộ dạng ảm đạm tạc bằng đá đen, một đài

tưởng niệm có tên gọi Người Phụ Nữ Đợi Chờ, dành để tưởng nhớ tới những cư dân của đảo mất tích ngoài biển. Bà ta mang bộ mặt thật đáng thương hại, đứng đó với hai cánh tay duỗi thẳng hướng về phía bến tàu, cách đó khá nhiều nhà, nhưng cũng về phía Priest Hole, nằm ở ngay bên kia đường. Quả thực tôi chẳng phải người sành sỏi về khách sạn, nhưng chỉ một lần liếc mắt qua tấm biển dãi dầu mưa nắng cũng đủ để cho tôi biết chỗ nghỉ của bố con tôi sẽ khó có khả năng là một trải nghiệm bốn sao với lá bạc hà để trên gối. Được in bằng chữ thật to ở trên cùng là RƯỢU VANG, BIA, RƯỢU MẠNH. Phía dưới, được viết bằng cỡ chữ khiêm tốn hơn nhiều, *Đồ ăn ngon*. Được viết tay ở dưới cùng, rõ ràng là một ý nghĩ tình cờ nảy ra, là *Nhiều phòng cho thuê*, cho dù chữ *Nhiều* đã bị gạch đi, để lại mỗi *phòng*. Trong lúc hai bố con khệ nệ tha lô hành lý về phía cửa ra vào và bố tôi cần nhìn gì đó về những kẻ bịp bợm và quảng cáo dối trá, tôi liếc mắt trở lại phía Người Phụ Nữ Đợi Chờ, tự hỏi liệu biết đâu bà ta chỉ đang đợi ai đó mang đồ uống cho mình.

Bố con tôi xoay xở khuân đồ qua cửa và đứng chớp mắt trong một quày rượu tràn thấp tối mờ đột ngột hiện ra. Khi đôi mắt tôi đã quen với bóng tối, tôi nhận ra *hố*^[9] là một cách mô tả khá chính xác về nơi này: những cửa sổ khung chì gắn kính bé tẹo chỉ cho lọt vừa đủ ánh sáng để tìm được vôi rớt bia mà không va đập vào bàn ghế trên lối đi. Những cái bàn cũ mềm và cập kênh, trông có vẻ làm củi sẽ hữu ích hơn. Vào thời điểm ấy, một lúc nào đó giữa buổi sáng, quày rượu đã kín một nửa, với những người ở nhiều cung bậc khác nhau của trạng thái say xỉn thảm lạng, đầu gục xuống phủ phục như đang cầu nguyện bên những cái cốc đựng thứ chất lỏng màu hổ phách.

“Hắn các vị là người thuê phòng”, người đàn ông ngồi đằng sau quày bar lên tiếng, rồi bước ra bắt tay bố con tôi. “Tôi là Kev, còn những người này đều là bạn bè cả. Hãy nói chào khách nào, các bạn.”

“Xin chào”, họ làm bầm, gật gù về phía món đồ uống của mình.

Chúng tôi đi theo Kev lên một cầu thang hẹp tới một dãy các phòng (số nhiều hẳn hoi!) có thể mô tả một cách độ lượng là tiện nghi tối thiểu. Có hai

phòng ngủ, bố tôi lấy phòng lớn hơn, và một phòng kiêm nhiệm ba vai trò bếp, phòng ăn và phòng sinh hoạt, nghĩa là nó được trang bị một cái bàn, một ghế xô pha bị một xông, và một cái bếp. Phòng vệ sinh “hầu như” lúc nào cũng dùng được, theo như lời Kev, “nhưng nếu rủi mà nó trục trặc thì vẫn luôn có Ông Lão Đáng Tin Cây”. Ông ta hướng sự chú ý của chúng tôi về phía nhà vệ sinh di động ngoài hẻm sau nhà, vừa khéo nằm trong tầm nhìn từ cửa sổ phòng ngủ của tôi.

“À, mà các vị sẽ cần đến những cái này đây”, ông ta vừa nói vừa lấy hai cây đèn dầu từ trong ngăn tủ ra. “Các máy phát điện ngừng chạy lúc mười giờ vì chuyển dầu bằng tàu ra đây đất khùng khiếp, vì vậy, hoặc là các vị đi ngủ sớm, hoặc các vị hãy học lấy cách yêu thích nến và dầu hỏa.” Ông ta nhe răng ra cười. “Hy vọng là không quá Trung cổ với các vị.”

Chúng tôi quả quyết với Kev rằng nhà vệ sinh bên ngoài và đèn dầu cũng tốt thôi, thực ra nghe còn có vẻ vui vui - vâng thưa ông, một cuộc phiêu lưu nho nhỏ - rồi ông chủ nhà dẫn chúng tôi xuống cầu thang thực hiện phần chót của chuyến giới thiệu. “Các vị cứ tự nhiên tới đây dùng bữa”, ông ta nói, “và tôi dám chắc hai người sẽ làm thế thôi, vì kỳ thực cũng chẳng còn chỗ nào khác để ăn đâu. Nếu các vị cần gọi điện thoại, chúng tôi có một buồng điện thoại ở góc đằng kia. Đôi lúc sẽ phải xếp hàng một lúc, vì sóng di động ngoài này chập chờn lắm, và các vị đang trông thấy đường điện thoại cố định duy nhất trên hòn đảo này. Đúng thế, chúng tôi có tất cả - chỗ ăn duy nhất, cái giường duy nhất, điện thoại duy nhất!” Rồi ông chủ nhà ngả người ra sau phá lên cười, thật to và thật lâu.

Cái điện thoại duy nhất trên đảo. Tôi đưa mắt nhìn nó - đó là thứ buồng điện thoại có một cánh cửa bạn có thể đóng lại để được riêng tư, giống như những buồng điện thoại bạn vẫn thấy trong những bộ phim cũ - và kinh hoàng vỡ lẽ ra đây chính là cái ổ trác táng đó, đây chính là nơi diễn ra cuộc nhậu điên rồ tôi từng được nói máy đến khi gọi tới đảo vài tuần trước”. *Đây chính là hố tiếu* ^[10].

Kev đưa cho bố chìa khóa phòng của chúng tôi. “Nếu có gì cần hỏi”, ông chủ nhà nói, “các vị biết phải tìm tôi ở đâu rồi đây.”

“Cháu có một câu hỏi”, tôi nói. “Một cái hồ tiêu - ý cháu là một cái hồ tu sĩ^[11] - có nghĩa là gì?”

Mấy người đàn ông ngồi ở quầy bar phá lên cười. “Sao chứ, nó là một cái hồ cho các tu sĩ, tất nhiên rồi!” một người nói, khiến những người còn lại càng cười dữ hơn.

Kev bước tới chỗ một miếng ván sàn lồi lõm cạnh lò sưởi, có một con chó trông dơ dáy đang nằm ngủ. “Ngay chỗ này” ông ta vừa nói vừa giậm giậm giày xuống chỗ có vẻ là một cái cửa trên sàn nhà. “Lâu lắm rồi, cái thò chỉ cần là người Công giáo là cậu đã có thể bị treo lủng lẳng lên cây, đám tu sĩ thường tìm tới đây lánh nạn. Nếu đám đồ tể của Nữ hoàng Elizabeth tìm đến sẵn lòng, chúng tôi giấu bất cứ ai cần lẩn trốn vào những chỗ giống như cái ‘hồ tu sĩ’ này.” Cái cách ông chủ nhà nói khiến tôi có cảm giác như thể chính ông ta từng quen biết các cư dân đã chết từ lâu của hòn đảo.

“Đúng là ấm cúng!” một khách nhậu nói. “Cực là bọn họ ấm sực như bánh mì nướng và căng tròn như cái trống ở dưới đó!”

“Tôi ưa ấm cúng hơn là bị đám giết tu sĩ treo cổ lên vào bất cứ ngày nào”, một người khác nói.

“Nào, nào!” người thứ nhất nói. “Uống vì Cairnholm - mong sao nơi này luôn là tảng đá trú ẩn của chúng ta!”

“Uống vì Cairnholm!” họ đồng thanh hô lên và nhất loạt nâng cốc.

Bị lệch múi giờ và mệt phờ người, bố con tôi đi ngủ sớm - hay đúng hơn là chúng tôi lên giường nằm, lấy gối che đầu để ngăn bớt tiếng thành thành đình tai lọt qua ván lát sàn, to đến mức có lúc tôi nghĩ chắc chắn đám bọm rượu đã xâm lược căn phòng của mình. Sau đó, chắc hẳn đồng hồ đã điếm mười giờ vì cùng lúc những chiếc máy phát điện rừ rừ bên ngoài chuyển sang lọc xọc rồi tắt phụt, giống như tiếng nhạc vọng lên từ dưới cầu thang và ánh đèn đường chiếu sáng qua cửa sổ phòng tôi. Đột nhiên tôi được bao

trùm trong bóng tối lặng tờ hạnh phúc, chỉ còn tiếng thì thào của những con sóng ngoài xa nhắc tôi nhớ mình đang ở đâu.

Lần đầu tiên sau nhiều tháng, tôi chìm vào một giấc ngủ thật sâu, mê mệt, không ác mộng. Thay vào đó tôi mơ thấy ông nội tôi thời còn bé, về đêm đầu tiên ông trải qua ở đây, một người xa lạ tại một nơi xa lạ, dưới một mái nhà xa lạ, sống nhờ vào những người nói một thứ tiếng xa lạ. Khi tôi bừng tỉnh, mặt trời đang chiếu vào qua cửa sổ, tôi chợt nhận ra bà Peregrine đã không chỉ cứu cuộc đời ông, mà cả cuộc đời của tôi và bố tôi nữa. Hôm nay, nếu gặp may, cuối cùng tôi sẽ có thể cảm ơn bà.

Tôi xuống cầu thang thấy bố đã ngồi tì bụng vào một cái bàn, xì xụp uống cà phê và tỉ mỉ lau bóng loáng cái ống nhòm ưa thích của ông. Đúng lúc tôi ngồi xuống, Kev xuất hiện, mang ra hai chiếc đĩa có món thịt bí ẩn và bánh mì rán. “Cháu không biết là người ta có thể rán bánh mì”, tôi nhận xét Kev bèn trả lời là ông ta nhận thấy đồ ăn mà đem rán lên thì đều ngon hơn cả.

Trong lúc ăn sáng, bố và tôi bàn bạc kế hoạch cho ngày hôm nay. Hai bố con đại loại sẽ đi thám thính, để làm quen với hòn đảo. Trước hết, chúng tôi sẽ tìm kiếm các vị trí quan sát dùm cho bố tôi, sau đó tìm chỗ trại trẻ. Tôi ngấu nghiến phần đồ ăn của mình, nóng lòng muốn bắt đầu.

Được nạp năng lượng chu đáo nhờ bữa sáng béo ngậy, chúng tôi rời quán rượu và đi bộ vào thị trấn, né tránh những chiếc máy kéo và gân cổ hét lên với nhau trong tiếng ầm ầm của những chiếc máy phát điện cho tới khi các con phố nhường chỗ cho cánh đồng và tiếng ồn lặng dần sau lưng hai bố con. Đó là một ngày mát mẻ lộng gió - mặt trời ẩn mình sau những dải mây khổng lồ rồi ngay sau đó lại lộ dạng, phủ những tia sáng lộng lẫy xuống các quả đồi - và tôi cảm thấy tràn đầy năng lượng cũng như hy vọng. Chúng tôi nhắm tới một bãi biển lổn nhổn đá, từ lúc còn ở trên phà bố tôi đã để ý thấy ở đó có một bầy chim. Mặc dù tôi không rõ hai bố con sẽ tới được nơi đó bằng cách nào - hòn đảo có hình dáng hao hao như cái bát, với những ngọn đồi leo dần lên tới đỉnh chỉ để rồi lại rơi khỏi các vách đá hiểm trở bên bờ biển - nhưng hóa ra tại đúng chỗ này, rìa đá trở nên thoải thoải và có một lối mòn dẫn xuống một dải cát hẹp chạy theo mép nước.

Hai bố con tôi lần bước xuống bãi biển, ở đó có vẻ như cả một nền văn minh chim đang vỗ cánh, kêu quàng quạc và bận rộn bắt cá trong những vũng nước thủy triều để lại. Tôi quan sát trong khi mắt bố mở to. “Thật đáng kinh ngạc”, ông lẩm bẩm, dùng đầu tù cây bút của ông gại gại vào một bãi phân chim nặng mùi. “Bố cần chút thời gian ở đây. Được chứ?”

Tôi đã từng thấy qua vẻ mặt này của ông, và tôi biết chính xác “chút thời gian” có nghĩa là gì: từ giờ này qua giờ khác. “VẬY thì con sẽ tự mình đi tìm ngôi nhà”, tôi nói.

“Không được đi một mình. Con đã hứa rồi.”

“VẬY con sẽ tìm một người có thể đưa con đi.”

“Ông Kev sẽ biết ai đó.”

Bố tôi nhìn ra biển, nơi một ngọn hải đăng lớn han gi nhô lên từ một đồng đá. “Con biết câu trả lời sẽ là gì nếu mẹ con có mặt ở đây rồi đấy”, ông nói.

Bố mẹ tôi có những lý thuyết khác nhau về mức độ dễ mất của phụ huynh mà tôi cần đến. Mẹ là nhà giám sát, luôn kèm cặp sát sao, nhưng bố lại có phần thả lỏng hơn. Ông nghĩ để tôi thỉnh thoảng phạm sai lầm cũng là điều quan trọng. Bên cạnh đó, cho phép tôi đi thì ông mới được tự do cả ngày để nghịch phân chim.

“Thôi được”, bố tôi nói, “nhưng nhớ để lại cho bố số điện thoại của người đi cùng con.”

“Bố, ở đây làm gì có ai có điện thoại.”

Bố tôi thở dài. “Phải. Được thôi, miễn là họ đáng tin cậy.”

Kev ra ngoài có việc, và bởi vì nhờ ai đó trong đám bợm rượu khách quen của ông ta đi cùng tôi dường như là một ý tưởng tồi, tôi bèn tìm đến cửa hàng gần nhất để hỏi thăm xem liệu có ai đó đáng tin nhờ cậy được chút không. Trên cửa ghi HÀNG CÁ. Tôi đẩy mở cửa và thấy mình đang thu lu trước mặt một người khổng lồ râu xồm đeo cái tạp dề đỏ lôm máu. Ông ta

rời mắt khỏi con cá vừa bị chặt đầu để nhìn tôi chăm chăm, trên tay là con dao làm cá máu nhỏ tong tỏng, và tôi thậm thề sẽ không bao giờ có thái độ phân biệt với người say nữa.

“Để làm quái gì cơ chứ?” ông ta gầm lên khi tôi cho ông ta hay nơi tôi muốn tới. “Chả có gì ở đó ngoài đầm lầy và thời tiết điên khùng hết.”

Tôi giải thích về ông nội tôi và trại trẻ. Ông hàng cá cau mày nhìn tôi, sau đó rướn người qua quây ném một cái nhìn đầy ngờ vực xuống đôi giày tôi đi.

“Tôi chắc là Dylan rảnh để đưa cậu đi đấy”, ông ta nói, chĩa con dao làm cá về phía một cậu nhóc trạc tuổi tôi đang sắp cá trong một thùng đông lạnh, “nhưng cậu sẽ cần xỏ chân vào thứ gì đó phù hợp. Sẽ không ổn nếu cứ để cậu đi với đôi giày thể thao này - bùn sẽ lột tuột chúng ngay lập tức!”

“Thật sao?” tôi hỏi. “Ông chắc chứ?”

“Dylan! Mang ra cho anh bạn đây của chúng ta một đôi ủng!”

Cậu nhóc kia rên lên rồi làm bộ chán nản từ tốn đẩy nắp thùng đông lạnh lại và lau hai bàn tay, đoạn buông thông hai vai đi tới một bức tường kê những chiếc giá chất đầy đồ khô.

“Vừa khéo chúng tôi lại có vài đôi ủng rất chắc chắn để bán”, ông hàng cá nói. “Mua một đôi không được gì miễn phí!” Ông ta phá lên cười và chém mạnh con dao xuống một con cá hồi, đầu con cá bắn vọt qua mặt quây tron nhẩy máu để rồi hạ cánh hoàn hảo vào một cái xô nhỏ chuyên hứng đầu.

Tôi moi chỗ tiền bỏ cho phòng khi khẩn cấp từ trong túi quần ra, thậm nghĩ chấp nhận bị tống tiền tí chút cũng là cái giá rẻ cho việc tìm ra người phụ nữ tôi đã vượt Đại Tây Dương để gặp mặt.

Tôi rời khỏi hàng cá với một đôi ủng cao su rộng đến mức đôi giày thể thao của tôi cũng xỏ vừa vào bên trong, đồng thời còn nặng đến mức thật khó để tôi bắt kịp người dẫn đường bất đắc dĩ của mình.

“Vậy cậu đi học ngay trên đảo à?” tôi hỏi Dylan trong lúc rảo chân chạy để cố theo cho kịp. Tôi thực sự thấy tò mò - cuộc sống ở đây sẽ thế nào với

một ai đó trạc tuổi tôi?

Cậu ta lảm bảm tên một thị trấn trong đất liền.

“Sao cơ, mất một tiếng đồng hồ đi một tiếng đồng hồ về bằng phà sao?”

“Phải.”

Và chỉ thế thôi. Cậu ta đáp lại những nỗ lực bắt chuyện tiếp tục thậm chí còn bằng ít âm tiết hơn - nghĩa là chẳng có lấy một lời - thế nên cuối cùng tôi đành bỏ cuộc và đi theo cậu ta. Trên đường ra ngoài thị trấn, chúng tôi bắt gặp một người bạn của cậu ta, một anh chàng lớn tuổi hơn mặc bộ đồ thể thao màu vàng chói, đeo sợi dây chuyền vàng giả. Cho dù có thay lên người bộ đồ của nhà du hành vũ trụ, anh chàng này trông cũng chỉ lạc lõng đến thế là cùng tại Cairnholm. Cậu ta cụng nắm tay chào Dylan và tự giới thiệu mình là Worm.

“Nghĩa là Sâu ấy à?”

“Đó là nghệ danh trên sân khấu của anh ấy”, Dylan giải thích.

“Chúng tôi là bộ đôi hát rap bệnh nhất xứ Wales”, Worm nói. “Tôi là MC ^[12] Worm còn đây là Nhà Giải Phẫu Cá Tầm, tức MC Dylan Bản Thiu, tức MC Công Việc Bản Thiu, người chơi beatbox số một Cairnholm. Muốn thể hiện cho anh chàng Mèo này thấy chúng ta biểu diễn thế nào chứ, D Bản Thiu?”

Dylan có vẻ khó chịu. “Bây giờ sao?”

“Chơi vài điệu xem nào, thanh niên!”

Dylan đảo mắt ngán ngẩm nhưng vẫn làm theo yêu cầu. Thoạt đầu, tôi nghĩ cậu ta đang sặc vì nuốt phải lưỡii, có điều những tiếng ho cậu ta bật ra cũng thành nhịp điệu - pu, pu, pu CHA, pu, pu CHA - và Worm bắt đầu rap trên nền đó.

“Tao thích rũ rượi tại Priest Hole/ Bó mảy luôn ở đó vì ông ta sống nhờ trợ cấp/ Tao gieo vắn quá là khớp, à phải, tao làm nó có vẻ dễ dàng/ Nhịp của Dylan nóng như cà ri gà!”

Dylan dừng lại. “Nghe chẳng có nghĩa gì cả”, cậu ta nói. “Mà chính bố anh mới đang sống nhờ trợ cấp.”

“Ồ cút thật, thằng D Bẩn Thủ đang hay thì đứt dây đàn!” Worm bắt đầu vừa chơi beatbox vừa biểu diễn một điệu robot tạm tạm, đôi giày thể thao của anh ta khoét thành hố xuống nền sỏi. “Cầm lấy mic, D!”

Dylan có vẻ ngượng nhưng vẫn cất giọng. “Tôi gặp một cô nàng, tên cô nàng là Sharon/ Cô nàng khoái bộ đồ thể thao và đôi giày tôi đang đi/ Tôi cho cô nàng xem giờ, như trong phim Doctor Who/ Tôi nghĩ ra bài này trong khi đang ngồi bô!”

Worm lắc đầu. “Ngồi bô hả?”

“Em chưa sẵn sàng mà lại!”

Hai người họ quay sang tôi và hỏi tôi nghĩ sao. Xét đến chuyện chính họ còn chẳng thích nối đoạn rap của nhau, tôi không dám chắc nên nói gì.

“Tớ đoán là tớ quen kiểu âm nhạc có, ừm, hát và đàn ghi ta và những thứ kiểu đó hơn.”

Worm phẩy tay cho qua ý kiến của tôi. “Cậu này sẽ chẳng nhận ra một giai điệu cực phê cho dù nó có tợp vào hai quả cà của cậu ta”, anh chàng lảm bảm.

Dylan bật cười, và hai người họ trao đổi với nhau một chuỗi cử chỉ phức tạp gồm nhiều giai đoạn từ bắt tay đến cụng nắm đấm rồi xòe bàn tay giờ lên cao đập vào nhau.

“Giờ chúng ta đi được chưa?”, tôi hỏi.

Hai anh chàng kia còn lảm bảm à ơi một lúc nữa, nhưng chẳng mấy chốc sau đó chúng tôi lại lên đường, lần này có Worm đi theo.

Tôi tụt lại sau cùng, cố mừng tượng ra xem nên nói gì với bà Peregrine khi gặp bà. Tôi trông đợi được giới thiệu với một quý bà người xứ Wales chính hiệu, ngồi nhấp trà trong phòng khách và nói chuyện xã giao cho tới lúc có vẻ là thời điểm thích hợp để báo tin buồn. *Cháu là cháu nội của ông Abraham Portman*, tôi sẽ nói vậy. *Cháu rất tiếc phải báo với bà điều này,*

nhưng ông đã rời bỏ chúng ta. Tiếp theo, khi bà đã lặng lẽ lau nước mắt xong, tôi sẽ dồn dập trút câu hỏi về phía bà.

Tôi đi theo Dylan và Worm, trên một lối mòn chạy qua những bãi cỏ chẵn cừu rồi sau đó làm một chuyến leo núi nhọc nhằn đến mức phổi muốn nổ tung. Trên đỉnh lơ lửng một màn sương mù uồn quanh như rần lượn, đặc quánh đến mức có cảm tưởng như bước chân vào một thế giới khác. Quả là một cảnh như trong Kinh Thánh; tôi có thể hình dung ra màn sương mù đó là do Chúa, trong cơn thịnh nộ ít dữ dội của Người, đã giáng xuống để nguyên rửa người Ai Cập. Khi chúng tôi đi xuống sườn núi bên kia, màn sương mù dường như chỉ càng dày thêm. Mặt trời nhạt dần thành một khối màu trắng nhợt nhạt. Sương ẩm bám vào mọi thứ, dính lên da tôi, làm ướt quần áo tôi. Nhiệt độ tụt xuống. Tôi để lạc mất Worm và Dylan trong giây lát, rồi sau đó lối mòn trở nên bằng phẳng và tôi bắt kịp họ đang đứng đợi mình.

“Anh chàng Mèo!” Dylan gọi. “Đường này!”

Tôi ngoan ngoãn đi theo. Chúng tôi rời lối mòn băng qua một đồng cỏ lầy lội. Lũ cừu nhìn chúng tôi chằm chằm bằng cặp mắt to ngơ nghếch, bộ lông của chúng ướt sũng, đuôi cụp xuống. Một ngôi nhà nhỏ hiện ra trong màn sương mù. Bốn phía căn nhà đóng ván kín mít.

“Các cậu có chắc là chỗ này không?”, tôi nói. “Trông có vẻ như vườn không nhà trống vậy.”

“Trống à? Không đâu, trong ấy đầy ắp phân”, Worm trả lời.

“Đi nào”, Dylan nói. “Đến nhìn qua xem.”

Tôi có cảm giác đây là một trò bịp, song vẫn cứ bước tới gõ cửa ra vào. Cánh cửa không cài chốt và hơi nhích ra khi tôi chạm tay vào. Bên trong quá tối để nhìn thấy gì, vậy là tôi bước tới một bước và đặt chân - thật ngạc nhiên - xuống thứ gì đó như một nền đất, nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra kỳ thực đó là một bãi phân rộng mênh mông ngập đến cằm chân. Căn nhà tôi tàn vô chủ nom từ bên ngoài thì thật vô hại, kỳ thực lại là một chuồng cừu tạm bợ. Và có thể nói là một hố phân theo đúng nghĩa đen.

“Ôi Chúa ơi”, tôi ré lên kinh tởm.

Tùng tràng cười phá lên giòn giã từ bên ngoài. Tôi loạng choạng lùi lại qua ngưỡng cửa trước khi mùi xú ối làm mình ngất xỉu và bắt gặp hai anh chàng kia đang gập người lại, đưa tay ôm bụng.

“Chúng mày là đồ đều”, tôi vừa nói vừa giậm mạnh chân để giữ bớt phân dính vào ủng.

“Sao cơ?” Worm nói. “Bọn này đã bảo anh bạn là trong đó đây ắp phân rồi còn gì!”

Tôi chỉ vào mặt Dylan. “Mày có đưa tao đến chỗ ngôi nhà hay không hả?”

“Nó nghiêm chỉnh đấy”, Worm vừa nói vừa chùi nước mắt.

“Tất nhiên là tao nghiêm chỉnh!”

Nụ cười tắt phụt trên khuôn mặt Dylan. “Tôi cứ tưởng cậu đang đùa thôi, anh bạn.”

“Gì cơ?”

“Đùa ấy.”

“Thế hả, tao không đùa đâu.”

Hai anh chàng đưa mắt nhìn nhau ngần ngại. Dylan thì thào gì đó với Worm. Worm thì thào lại cái gì đó. Cuối cùng, Dylan quay sang tôi và chỉ ngược lên lối mòn. “Nếu mày thực sự muốn thấy chỗ đó”, cậu ta nói, “cứ đi tiếp qua bãi lầy và khu rừng. Đó là một ngôi nhà cũ rất to. Mày không nhầm được đâu.”

“Thế là thế quái nào. Mày phải đi với tao chứ!”

Worm ngoảnh mặt đi chỗ khác nói, “Bọn tao chỉ đi được tới đây thôi.”

“Vì sao?”

“Chỉ là thế thôi.” Rồi bọn họ quay người và bắt đầu đi ngược trở lại con đường chỉ tôi đã đi qua lúc trước, chìm dần vào làn sương mù.

Tôi cân nhắc các lựa chọn của mình. Tôi có thể cúp đuôi và theo chân hai kẻ đã lừa gạt mình trở lại thị trấn, hoặc cứ một mình đi tiếp và nói dối bố về chuyện đó.

Sau bốn giây căng thẳng ngẫm nghĩ, tôi lên đường đi tiếp.

Một đầm lầy rộng mênh mông lơ mờ trải rộng vào trong màn sương mù từ cả hai bên lối mòn, xa hết tầm mắt tôi cũng đủ nhìn thấy những bụi cỏ màu nâu và mặt nước màu trà, gần như không có dấu mốc nào ngoài những chồng đá thỉnh thoảng nhô lên chỗ này chỗ kia. Khu đầm đột ngột kết thúc trước một khoảng rừng với những thân cây trụi như những bộ xương, tán cành xoắn xuýt vào nhau chĩa lên trên như những đầu cọ vể ảm ướt, có một đoạn lối mòn biến mất hoàn toàn dưới các thân cây đổ và thảm dây thường xuân, muốn lần đi theo nó thì chỉ có mà bằng niềm tin. Tôi tự hỏi bằng cách nào một người già cả như bà Peregrine lại có thể đi qua được một con đường đầy chướng ngại như thế này. Bà hẳn phải có người mang đồ tới tiếp tế, tôi thầm nghĩ, mặc dù lối mòn trông có vẻ đã nhiều tháng, nếu không muốn nói là nhiều năm, vắng dấu chân người.

Tôi trườn qua một thân cây khổng lồ rêu bám trơn tuột, và lối mòn đột ngột rẽ ngoặt. Những hàng cây bông rã ra như một tấm rèm, rồi đột nhiên nó hiện ra ngay kia, trong lớp sương mù bao xung quanh, trên đỉnh một ngọn đồi rậm rì cỏ dại. Trại trẻ. Tôi hiểu ra ngay lập tức tại sao hai thằng nhóc kia lại từ chối tới đây.

Ông nội tôi đã mô tả nó cả trăm lần, nhưng trong các câu chuyện của ông, nó luôn là một nơi tươi sáng, hạnh phúc - to lớn và lộn xộn, phải, nhưng tràn ngập ánh sáng và tiếng cười. Thứ hiện ra trước mặt tôi không phải là nơi để ẩn trốn khỏi lũ quái vật mà chính là một con quái vật đang trừng mắt nhìn xuống từ nơi tọa lạc của nó trên đồi với vẻ thèm thuồng đến đờ đẫn. Cây cối mọc trở ra từ các ô cửa sổ vỡ, những dây leo xù xì bầu lên các bức tường như các kháng thể đang tấn công một con virus - như thể chính thiên nhiên đã khơi chiến chống lại nó - song tòa nhà có vẻ như không thể bị giết chết, kiên quyết đứng vững bất chấp những góc cạnh vẹo

vọ của mình và những mảnh trời có mép lởm chởm như những hàm răng nhọn lộ ra qua các khoảng mái bị sập.

Tôi cố thuyết phục bản thân rằng rất có thể vẫn còn người sống tại đó, dù trại trẻ đã đổ nát đến vậy. Ở nơi tôi sống, những chuyện như thế cũng chẳng phải chưa nghe bao giờ - một ngôi nhà lụp xụp chực đổ ở bên rìa thị trấn, rèm cửa luôn luôn kéo kín, hóa ra từng là nhà của một người già cô độc sống nhờ vào món mì ramen và những mảnh móng tay móng chân cắt ra chẳng nhớ nổi từ bao giờ, tuy nhiên không ai hay biết về nó cho tới khi một người đánh giá bất động sản hay một người điều tra dân số quá tham vọng xâm nhập vào để rồi phát hiện ra linh hồn xấu số kia đã trở về cát bụi trên một chiếc xô pha hiệu La-Z-Boy. Có những người quá già đến nỗi không còn sức chăm chút cho nơi ở, bị gia đình lãng quên vì lý do này hay lý do khác - thật buồn, nhưng đời là thế. Có nghĩa là, dù có thích hay không, tôi vẫn sẽ phải gõ cửa.

Tôi viện hết chút can đảm ít ỏi mình có và len lách qua đám cỏ dại mọc cao đến thắt lưng tới chỗ cổng vòm dẫn vào nhà, giờ chỉ còn là ngói vỡ và gỗ mục, rồi ghé mắt nhìn vào qua một cửa sổ rạn nứt. Tất cả những gì tôi có thể thấy được qua mặt kính ô mờ là hình dáng của đồ đạc bên trong, vì thế tôi gõ lên cửa ra vào và lùi ra đứng đợi trong sự yên lặng kỳ quái, bàn tay mân mê lần theo mép lá thư của bà Peregrine trong túi. Tôi mang nó theo phòng khi cần chứng minh mình là ai, nhưng một phút trôi qua, rồi hai, có vẻ như khả năng tôi cần tới nó đang giảm dần.

Xuống sân, tôi vòng quanh nhà để tìm một lối vào khác, vừa đi vừa ước lượng diện tích nơi này, song dường như nó chẳng có diện tích cụ thể nào, như thể cứ mỗi lần tôi rẽ qua góc thì ngôi nhà lại mọc đâu thêm những ban công, ngọn tháp và ống khói mới. Thế rồi tôi vòng ra sau nhà và tìm thấy cơ hội của mình: một khung cửa không còn cánh cửa, chẳng chịt dây nhơ dại, mở hoác ra tối om; một cái mòm đang há sẵn chỉ đợi nuốt chửng tôi. Chỉ nguyên nhìn vào nó tôi đã nổi da gà, nhưng tôi không đi nửa vòng trái đất để rồi quay đầu hét toáng lên bỏ chạy trước một ngôi nhà đáng sợ. Tôi nghĩ tới tất cả những nỗi kinh hoàng ông nội Portman đã phải đối diện trong đời,

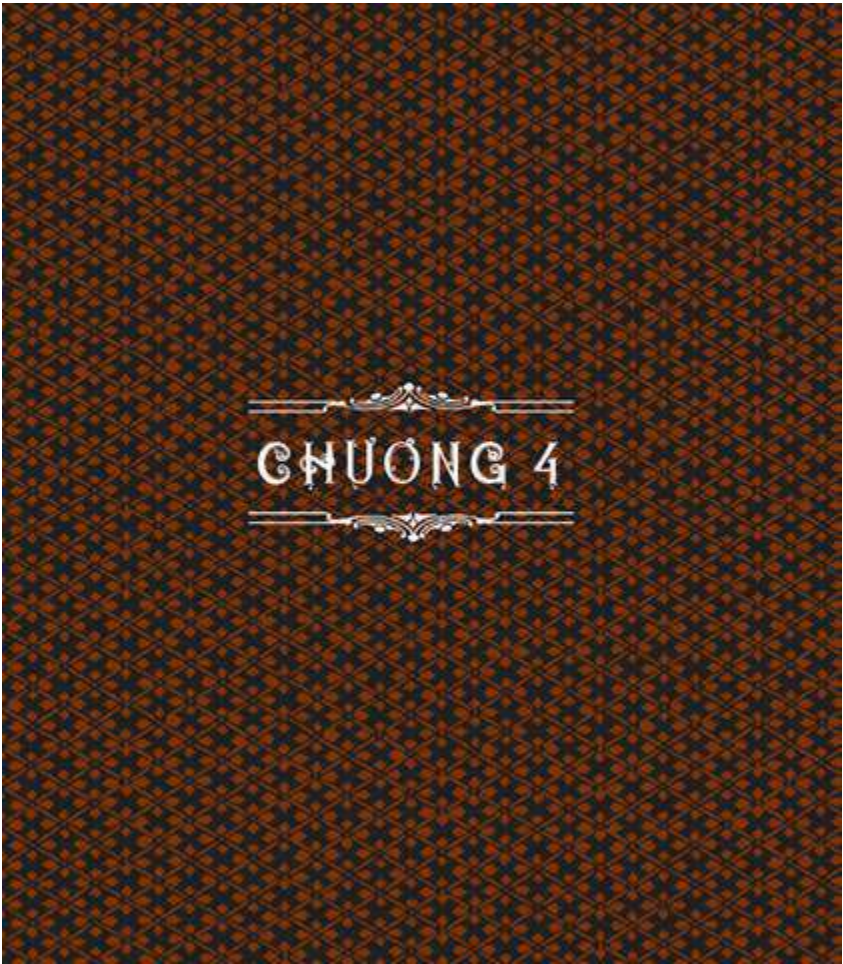
và cảm thấy quyết tâm của mình cứng rắn hơn. Nếu có ai đó bên trong, tôi sẽ tìm ra họ. Tôi leo lên những bậc cấp đồ nát và bước qua ngưỡng cửa.

Đứng trong một lối đi tối như hầm mộ ngay phía bên kia ngưỡng cửa, tôi cứng đờ người nhìn trần trời vào thứ gì đó trông chẳng khác gì những bộ da đang bị treo trên móc. Sau một khoảnh khắc xây xẩm buồn nôn tưởng tượng có một kẻ ăn thịt người vịn vẹo chồm ra từ trong bóng tối, lăm lăm dao trên tay, tôi nhận ra đó chỉ là những chiếc áo khoác đã mục nát thành giẻ rách và mốc xanh vì thời gian. Tôi bắt giắc rùng mình và hít một hơi thật sâu. Mới chỉ thám hiểm được ba mét phía trong ngôi nhà mà tôi đã sắp bĩnh cả ra quần. Bình tĩnh lại, tôi tự nhủ, rồi chậm chạp tiến lên, tim đập như trống dồn trong lồng ngực.

Mỗi căn phòng đều là một thảm họa, cái sau khó tin hơn cái trước. Những tờ báo chất thành đống. Những món đồ chơi nằm rải rác, bằng chứng cho thấy những đứa trẻ đã không còn ở đây từ rất lâu, nằm phơi dưới bụi. Nấm mốc lan tràn đã làm những bức tường gần cửa sỗ ngả màu đen kịt và đầy những đám lẩn mẩn như mọc lông. Các lò sưởi đầy nghẹt đám dây nho dại bò từ trên mái xuống và bắt đầu lan rộng ra trên các mặt sàn như xúc tu của quái vật ngoài hành tinh. Nhà bếp trông như hiện trường của một thí nghiệm khoa học thất bại thảm hại - những giá chất đầy thức ăn đóng hộp bị nổ tung sau khi trải qua sáu mươi mùa hết đông lại rồi, làm bắn tung tóe lên tường những vết ó thật kinh khủng - còn trong phòng ăn, bụi vôi vữa trên trần rơi xuống dày tới mức trong giây lát tôi chột nghĩ đang có tuyết rơi trong nhà. Đến cuối một hành lang tù mù thiếu sáng, tôi mạo hiểm thử sức nặng của mình trên một cầu thang ọp ẹp, đôi ủng dưới chân tôi để lại những dấu mới tinh trên các tầng bụi dày. Các bậc thang rên kèn kẹt như thể vừa thức dậy sau một giấc ngủ dài. Nếu có ai đó trên lầu, họ đã phải ở trên này từ lâu lắm rồi.

Cuối cùng, tôi đến hai căn phòng mất trọn cả mấy bức tường, trong đó đã mọc lên cả một khu rừng nhỏ đầy cây bụi và cây con còm cõi. Tôi đứng giữa luồng gió vừa đột ngột nổi lên, tự hỏi cái gì đã có thể gây ra hư hại này, và bắt đầu có cảm giác một chuyện khủng khiếp nào đó từng xảy ra ở

đây. Tôi không thể khớp được những câu chuyện thôn quê bình dị ông kể với ngôi nhà ác mộng này, cũng như với ý tưởng ông đã tìm nơi trú ẩn ở nơi đây trong khi cảm giác về tai họa tràn ngập khắp trong nhà. Còn nhiều chỗ nữa để thám hiểm, song đột nhiên chuyện đó có vẻ thành ra mất thời gian vô ích, không thể có chuyện ai đó vẫn còn sống ở đây, cho dù là những kẻ yếm thế khép mình nhất. Tôi rời khỏi ngôi nhà với cảm tưởng mình đang ở xa sự thật hơn bao giờ hết.



Chương 4

Sau khi đã nhảy lên ngã xuống, quờ quạng tìm đường như một người mù qua cánh rừng và màn sương mù, để rồi quay trở lại với thế giới của mặt trời và ánh sáng, tôi ngạc nhiên phát hiện ra mặt trời đã lặn, ánh sáng chuyển sang đỏ quạch. Bằng cách nào đó, cả ngày đã trôi qua. Tại quán rượu, bố đang chờ tôi, trên mặt bàn trước mặt ông là một vai bia đen kịt như màn đêm và chiếc laptop đã mở. Tôi ngồi xuống và xoay luôn vai bia của bố khi ông còn chưa kịp ngừng gõ bàn phím để ngẩng đầu lên.

“Ôi, Chúa lòng lành”, tôi phun ra phì phì sau khi ực cả một ngụm đầy, “cái gì thế này? Dầu nhớt lên men chắc?”

“Gần đúng rồi đây”, ông bật cười nói, rồi giật lại món đồ uống. “Nó không giống bia Mỹ. Mà con cũng đâu đã biết mùi vị bia Mỹ ra sao, phải không nào?”

“Đương nhiên là chưa”, tôi nói kèm theo một cái nháy mắt, cho dù đúng là như thế. Bố thích nghĩ rằng tôi cũng hòa đồng và thích phiêu lưu như ông hồi còn bằng tuổi tôi - ý tưởng huyền hoặc có vẻ dễ tồn tại lâu dài nhất.

Tôi trải qua một cuộc truy vấn ngắn xem tôi đã tới chỗ ngôi nhà bằng cách nào và ai đã đưa tôi tới đó, và vì kiểu nói dối dễ nhất là bỏ bớt chi tiết ra khỏi một câu chuyện thay vì thêm thắt vào, tôi đã vượt qua thử thách một cách xuất sắc. Tôi đương nhiên quên hẳn không nhắc tới chuyện Worm và Dylan đã lừa tôi giẫm ngập chân vào phân cừu rồi đánh bài chuồn khi còn cách đích nửa dặm. Bố có vẻ phấn khởi vì tôi đã tìm được hai cậu nhóc trạc tuổi mình; tôi đoán tôi cũng đã quên nhắc đến chuyện cả hai cậu chàng họ đều ghét tôi.

“Vậy trại trẻ thế nào?”

“Nát bươm.”

Bố tôi rụt người. “Bố đoán đã một thời gian dài trôi qua kể từ khi ông nội con sống ở đó, phải không?”

“Vâng. Hay bất cứ ai khác.”

Bố tôi đóng màn hình laptop xuống, một dấu hiệu chắc chắn cho hay tôi sắp nhận được toàn bộ sự chú ý của ông. “Bố có thể thấy con rất thất vọng.”

“Thế đây, con không vượt hàng nghìn dặm tới đây để tìm kiếm một trại trẻ đầy ắp rác rưởi.”

“Vậy con định làm gì?”

“Tìm người để hỏi chuyện. Có người sẽ biết chuyện gì đã xảy ra với những đứa trẻ từng sống tại đó. Con đoán một vài người trong số họ hẳn vẫn còn sống, nếu không phải quanh đây thì cũng trong đất liền. Trong một nhà dưỡng lão hay đâu đó.”

“Hẳn rồi. Cũng là một ý tưởng.” Song bố tôi chẳng có vẻ gì là đã bị thuyết phục. Tiếp theo là một khoảng ngừng gượng gạo, rồi ông nói, “VẬY khi đã ở đây rồi, con có cảm thấy bắt đầu nắm bắt tốt hơn về con người trước đây của ông nội không?”

Tôi ngẫm ngợi. “Con không biết. Con đoán là vậy. Đây chỉ đơn giản là một hòn đảo thôi, bố biết vậy mà phải không?”

Bố tôi gật đầu. “Chính xác.”

“Còn bố thì thế nào?”

“Bố ư?” Ông nhún vai. “Bố đã thôi không còn cố tìm cách hiểu ông nội con từ lâu rồi.”

“Thật buồn quá. Chẳng lẽ bố không thấy quan tâm sao?”

“Tất nhiên, trước đây bố cũng từng quan tâm. Thế rồi, sau một thời gian, bố không còn quan tâm nữa.”

Tôi có thể cảm thấy cuộc trò chuyện đang đi theo một hướng không làm tôi hoàn toàn thoải mái, nhưng tôi vẫn nhất quyết tiếp tục. “Tại sao?”

“Khi ai đó không chịu mở cửa cho con vào, cuối cùng con sẽ thôi không gõ cửa nữa. Hiểu bố muốn nói gì chứ?”

Hiếm có khi nào bố tôi lại nói thế này. Có thể đó là do vai bia, có thể vì chúng tôi đang rất xa nhà, mà cũng có thể vì ông cho rằng cuối cùng tôi đã đủ lớn để nghe chuyện kiểu này. Dù lý do là gì đi nữa, tôi cũng không muốn ông dừng lại.

“Nhưng ông là bố của bố. Làm sao bố lại bỏ cuộc đơn giản vậy thôi?”

“Người bỏ cuộc không phải là bố!” tiếng ông bật ra có phần hơi quá lớn, ông bèn cúi mặt nhìn xuống, bối rối lắc lắc vai bia. “Chỉ đơn giản... bố nghĩ, thực ra là ông nội con không biết cần làm bố như thế nào, nhưng cảm thấy kiểu gì cũng phải trở thành một người bố, vì không ai trong số các anh chị em của ông sống sót qua chiến tranh. Vậy là ông của con giải quyết việc này bằng cách lúc nào cũng vắng mặt - đi săn, đi công chuyện, con biết đấy. Và thậm chí ngay cả khi ông có mặt cũng chẳng khác gì không có.”

“Có phải đây là chuyện về một dịp Halloween không ạ?”

“Con đang nói về cái gì đấy?”

“Bố biết đấy... từ bức ảnh.”

Đó là một câu chuyện cũ, và nó như thế này. Lúc đó là dịp Halloween. Bố tôi đã bốn hay năm tuổi mà chưa bao giờ được chơi trò “cho kẹo hay bị ghẹo”, và ông nội Portman đã hứa đưa bố tôi đi chơi trò này khi ông đi làm về. Bà nội đã mua cho bố tôi bộ quần áo thổ màu hồng ngớ ngẩn, bố tôi mặc nó vào rồi ngồi bên lối chạy xe đợi ông nội về nhà từ lúc năm giờ đến khi tối mịt, nhưng ông nội không hề xuất hiện. Bà nội đã nổi điên đến mức bà chụp một bức ảnh bố tôi đang khóc ngoài đường để cho ông tôi thấy ông là một ông bố tồi đến thế nào. Chẳng cần phải nói, bức ảnh đó từ lâu đã trở thành một truyền kỳ trong các thành viên gia đình, và là một nỗi ngượng ngùng lớn lao cho bố tôi.



“Chuyện này còn hơn cả một cái lễ Halloween”, bố tôi cần nhằn. “Jake, quả thực con gần gũi ông hơn nhiều so với bố ngày xưa. Bố không biết nữa... chỉ là có gì đó không nói ra lời giữa ông và con.”

Tôi không biết nên trả lời thế nào nữa. Chẳng lẽ bố đang ghen tị với tôi?

“Sao bố lại nói với con chuyện này?”

“Vì con là con trai bố, và bố không muốn con bị tổn thương.”

“Tôn thương thế nào ạ?”

Bố tôi ngừng lời. Bên ngoài mây đã dạt đi, những tia nắng ban ngày cuối cùng hắt bóng chúng tôi lên tường. Cảm giác buồn nôn cuộn lên trong dạ dày tôi, giống như khi bố mẹ bạn sắp nói với bạn rằng họ sẽ ly dị, nhưng bạn đã biết điều đó từ trước khi họ mở lời.

“Bố chưa bao giờ tìm hiểu quá sâu về ông nội con vì bố sợ những gì có thể mình sẽ tìm thấy”, cuối cùng bố tôi lên tiếng.

“Ý bố là về chiến tranh ư?”

“Không. Ông nội con giữ kín những bí mật đó vì chúng đau đớn. Bố hiểu điều đó. Ý bố là về những chuyến đi, chuyện ông luôn vắng nhà. Điều ông thực sự làm. Bố nghĩ - cả cô của con và bố đều nghĩ - là có một người phụ nữ khác. Có khi nhiều hơn một.”

Tôi để những lời này lơ lửng giữa hai bố con trong giây lát. Mặt tôi chợt ngửa ran lên một cách kỳ quái. “Bố, chuyện đó thật điên rồ.”

“Có lần cô và bố tìm thấy một lá thư. Nó đến từ một phụ nữ mang cái tên mà cả cô và bố đều không biết, thư gửi cho ông nội con. *Em yêu anh, em nhớ anh, khi nào anh trở lại*, những lời đại loại như thế. Đúng kiểu thư tình sến sẩm. Bố sẽ không bao giờ quên được.”

Tôi cảm thấy một cơn hổ thẹn trào lên nóng bừng, như thể bố vừa mô tả về tội lỗi của chính tôi. Ấy vậy nhưng tôi vẫn chưa thể tin hẳn vào chuyện đó.

“Cô và bố xé lá thư đi, ném xuống bồn cầu rồi xối nước. Và cũng không bao giờ tìm thấy lá thư nào khác nữa. Bố đoán là sau đó ông đã cẩn thận hơn.”

Tôi không biết phải nói gì nữa. Tôi không thể nhìn thẳng vào bố.

“Bố xin lỗi, Jake. Thật nặng nề khi phải nghe chuyện này. Bố biết con tôn thờ ông đến mức nào.” Ông đưa tay tới bóp nhẹ lên vai tôi, nhưng tôi hất ông ra, rồi kéo ghế ra sau và đứng dậy.

“Con chẳng tôn thờ ai cả.”

“Rồi rồi. Chỉ là... bố không muốn con bị bất ngờ, vậy thôi.”

Tôi chộp lấy áo khoác vắt lên vai.

“Con định làm gì vậy? Bữa tối sắp được dọn ra rồi.”

“Bố đã hiểu lầm ông”, tôi nói. “Và con sẽ chứng minh điều đó.”

Bố tôi thở dài. Kiểu thở dài cho phép. “Ừm. Bố hy vọng con làm được.”

Tôi lao ra khỏi Priest Hole, đóng sầm cửa lại và bắt đầu bước đi, lang thang vô định. Đôi khi bạn chỉ cần bước qua cửa.

Tất nhiên, điều bố tôi nói hoàn toàn đúng: tôi tôn thờ ông nội. Có những điều về ông mà tôi cần phải chứng minh là sự thật, nhưng việc ông là một kẻ ngoại tình không nằm trong số đó. Khi tôi còn là một cậu nhóc, những câu chuyện kỳ ảo của ông nội Portman đồng nghĩa với việc có thể sống một cuộc sống màu nhiệm. Ngay cả sau khi tôi không còn tin vào chúng, vẫn còn điều gì đó thật màu nhiệm ở ông. Từng chịu đựng tất cả những nỗi kinh hoàng, từng phải chứng kiến những gì tồi tệ nhất của nhân loại và cuộc đời bị nó giày xéo đến mức không còn nhận ra nỗi nữa, ông đã bước ra khỏi tất cả những chuyện đó trong hình hài con người đáng kính trọng, nhân hậu và can đảm như tôi biết chắc - điều đó thật màu nhiệm. Vì thế tôi không thể tin ông là một kẻ dối trá, lừa lọc và là một ông bố tồi. Vì nếu ông nội Portman không phải là người đáng kính trọng và nhân hậu, thì tôi không chắc ai mới là người như thế.

Cửa ra vào bảo tàng đang mở và đèn bật sáng, nhưng dường như bên trong không có ai. Tôi tới đó để tìm người phụ trách bảo tàng, hy vọng ông ta biết đôi điều về lịch sử hòn đảo và cư dân của nó, và có thể đem lại chút ánh sáng về trại trẻ bỏ hoang kia cùng tung tích những người trước đây từng ở đó. Đoán là ông ta chỉ ra ngoài ít phút - hiển nhiên là chẳng có đám đông nào xô đẩy chen nhau vào bảo tàng của ông ta - tôi lang thang vào trong chốn tôn nghiêm này giết thời gian bằng cách xem qua các hiện vật được trưng bày.

Các hiện vật trưng bày, cũng chẳng nhiều nhận gì, được sắp xếp trong những ngăn tủ lớn hở mặt trước dàn thành hàng trên bức tường và kê ở chỗ trước đây từng dành cho các bức cầu nguyện. Đa phần chúng chán đến không tả nổi, toàn về cuộc sống tại một làng chài truyền thống cũng như những bí ẩn lâu đời của nghề chần nuôi, nhưng có một hiện vật nổi bật lên hẳn so với phần còn lại. Nó được trưng bày ở một vị trí danh dự phía đầu phòng, trong một cái lồng kỳ cục ngự phía trên nơi từng là án thờ. Nó nằm sau một rào chắn bằng dây thừng bị tôi bước qua và một biển cảnh cáo nhỏ tôi chẳng buồn đọc, còn cái lồng lại có các thành bên bằng gỗ đánh bóng và phần nắp bằng thủy tinh hữu cơ, như thế bạn chỉ có thể nhìn vào từ trên xuống.

Khi nhìn vào trong, hẳn là tôi đã thực sự há hốc miệng - và trong một giây hoảng loạn đã nghĩ quái vật! - vì tôi vừa đột ngột và bất ngờ đối diện với một thi thể đen thui. Thân hình co rúm của nó mang vẻ tương đồng kỳ lạ với các sinh vật đã ám ảnh những giấc mơ của tôi, cũng như màu da thịt của nó, trông như thứ gì đó đã bị quay trên lửa. Nhưng khi nhận thấy thân hình đó không thể sống dậy và để lại một vết sẹo vĩnh viễn trong tâm trí tôi bằng cách đập vỡ kính và chộp lấy cổ tôi, cơn hoảng loạn ban đầu dịu xuống. Đó chỉ đơn thuần là một hiện vật trong bảo tàng, cho dù là một hiện vật quá mức bệnh hoạn.

“Tôi thấy là cậu đã gặp qua Ông Lão!” một giọng nói cất lên sau lưng tôi, và khi ngoảnh lại tôi thấy ông phụ trách bảo tàng đang sải bước đi về phía mình. “Cậu trấn tĩnh khá đấy. Tôi từng thấy nhiều người lớn hẳn hoi còn phải lăn quay ra bất tỉnh!” Ông ta cười nhả nhổ và đưa tay ra để bắt tay tôi. “Martin Pagett. Đừng tưởng là hôm trước tôi nhớ được tên cậu nhé.”

“Jacob Portman”, tôi nói. “Ai đây ạ, nạn nhân của vụ án mạng nổi tiếng nhất xứ Wales ạ?”

“Chà! Vậy đấy, cũng có thể là thế lắm, tuy nhiên tôi chưa bao giờ nghĩ về ông ấy theo cách đó. Ông ấy là cư dân cao niên nhất hòn đảo của chúng tôi, nổi tiếng trong giới khảo cổ dưới cái tên Người Cairnholm - mặc dù với chúng tôi thì ông ấy chỉ là Ông Lão. Chính xác là hơn hai nghìn bảy trăm

năm tuổi rồi, cho dù khi chết ông ấy mới chỉ mười sáu tuổi. Vậy nên kỳ thực đây là một ông lão khá trẻ trung.”

“Hai nghìn bảy trăm năm?” tôi thốt lên, liếc nhìn khuôn mặt cậu thiếu niên đã chết, những đường nét tinh tế trên khuôn mặt bằng cách nào đó vẫn được lưu giữ hoàn hảo. “Nhưng ông ấy trông thật...”

“Đó là chuyện thường thôi khi người ta trải qua những năm hoàng kim của mình ở một nơi oxy và vi khuẩn không thể tồn tại, chẳng hạn như dưới đầm lầy của chúng tôi. Dưới đó là một suối nguồn tươi trẻ đích thực - tất nhiên là với điều kiện người ta đã chết rồi.”

“Và ông tìm thấy ông ấy ở đó sao? Ở đầm lầy ấy?”

Ông phụ trách phá lên cười. “Không phải tôi! Những người thợ than bùn đã tìm được ông ấy trong khi đào than bùn gần chỗ mộ đá lớn ngoài kia, từ hồi thập niên bảy mươi. Trông ông ấy còn tươi đến mức người ta cứ tưởng có thể một tên sát nhân nào đó đang lẩn khuất tại Cairnholm - cho tới khi đám cớm xem qua cây cung thời đồ đá trong tay ông ấy và cái vòng bện bằng tóc người trông quanh cổ ông ấy. Ngày nay người ta không còn bện chúng như thế nữa.”

Tôi rùng mình. “Nghe có vẻ như đây là một vụ hiện sinh.”

“Chính xác. Ông ấy bị kết liễu bằng một sự phối hợp giữa thắt cổ, nhận chìm cho ngạt, mổ bụng moi ruột và một cú nện vào đầu. Giết người như thế kể cũng hơi quá cẩn thận, cậu có nghĩ thế không?”

“Cháu đoán vậy.”

Ông Martin phá lên cười. “Cậu ta đoán là vậy cơ đấy!”

“Rồi, được rồi, đúng thế.”

“Chắc chắn là thế rồi. Nhưng nói gì thì nói, điều thực sự đáng kinh ngạc với những người hiện đại chúng ta là có vẻ như cậu thiếu niên này sẵn sàng đón nhận cái chết. Thậm chí còn hăm hở là đằng khác. Người dân chỗ cậu ấy tin rằng đầm lầy - và đặc biệt là đầm lầy của chúng tôi là lối vào thế giới của các vị thần, vì thế cũng là địa điểm hoàn hảo để hiến tặng món lễ vật quý giá nhất của họ: chính bản thân họ.”

“Thật điên khùng.”

“Có lẽ vậy. Tuy nhiên tôi cho rằng ngay lúc này đây chúng ta cũng đang giết nhau bằng đủ các cách thức rồi sẽ trở thành điên khùng với những người trong tương lai. Còn nói về những cánh cửa mở sang thế giới bên kia, một đầm lầy cũng không phải là lựa chọn tồi. Nó không hoàn toàn là nước, cũng không hẳn là đất - nó là một nơi trung gian.” Ông ta cúi người xuống cái lồng, ngắm nghía hiện vật bên trong. “Chẳng phải ông ấy thật đẹp sao?”

Tôi nhìn cái xác lần nữa, một thân thể đã bị siết cổ, mổ bụng, dìm nước và bằng cách nào đó đã trở nên bất tử trong quá trình ấy.

“Cháu không nghĩ vậy”, tôi nói.

Ông Martin thẳng người lên, rồi bắt đầu nói với giọng phô trương. “Lại đây, anh bạn, và hãy nhìn vào người hắc ín này! Ông ấy nằm an nghỉ, đen nhánh, khuôn mặt hiền hòa mang màu bò hóng, tứ chi héo tàn như những vĩa than, đôi bàn chân như những súc gỗ trời bám đầy những dây nho héo quắt!” Ông ta dang hai cánh tay ra như một nghệ sĩ sân khấu còn non kinh nghiệm và bắt đầu khệnh khạng bước đi quanh cái lồng trưng bày. “Lại đây, anh bạn, và chứng kiến sự tàn khốc trên những vết thương của ông ấy! Những đường dao rạch ngoằn ngoèo sần sùi; óc và xương bị đá đập lòi ra; thòng lọng vẫn quấn trên cổ ông ấy Món lễ vật bị cắt rạch và ném xuống - kẻ tìm kiếm Thiên Đường - ông lão bị giam cầm trong tuổi trẻ - ta gần như yêu người!”

Ông phụ trách cúi người rất kịch trong khi tôi vỗ tay. “Ái chà”, tôi nói, “là ông sáng tác cả sao?”

“Trúng phóc!” ông ta đáp lại kèm theo một nụ cười ngượng ngập. “Thỉnh thoảng tôi vẫn đùa nghịch cùng những câu thơ, nhưng đó chỉ là một thú vui thôi. Dù sao cũng cảm ơn cậu đã hòa theo tôi.”

Tôi tự hỏi người đàn ông lập dị hoạt ngôn này làm gì ở Cairnholm, với quần là thẳng nếp và những bài thơ nửa mùa, trông ông ta giống một giám đốc ngân hàng hơn một người đang sống trên một hòn đảo lộng gió chỉ có duy nhất một cái điện thoại và chẳng có con đường được lát tử tế nào.

“Còn bây giờ, tôi hẳn sẽ rất vui được giới thiệu với cậu phần còn lại bộ sưu tập của mình”, ông ta vừa nói vừa tiễn tôi ra cửa, “nhưng tôi e là đã đến giờ đóng cửa. Tuy vậy, nếu cậu thích trở lại vào ngày mai...”

“Thực ra cháu đang hy vọng ông có thể biết gì đó”, tôi lên tiếng, ngăn ông phụ trách lại trước khi ông ta có thể xua tôi ra ngoài. “Về trại trẻ cháu đã nhắc tới sáng nay. Cháu đã tới xem tận mắt.”

“À!” ông phụ trách thốt lên. “Tôi cứ tưởng đã dọa được cậu tránh xa nó rồi cơ đấy. Vậy tòa nhà ma ám của chúng ta bây giờ thế nào? Vẫn đứng vững chứ?”

Tôi cam đoan với ông ta là nó vẫn đứng vững, rồi đi thẳng vào trọng tâm. “Những người từng sống ở đó - ông có biết chuyện gì đã xảy ra với họ không?”

“Họ đã chết”, ông ta trả lời. “Lâu lắm rồi.”

Tôi ngạc nhiên - cho dù rất có thể tôi không nên cảm thấy thế. Bà Peregrine đã già. Người già thì chết. Nhưng điều đó không có nghĩa là cuộc tìm kiếm của tôi đã chấm dứt. “Cháu đang tìm bất cứ ai có thể từng sống ở đó, không chỉ mình cô phụ trách.”

“Tất cả đã chết”, ông phụ trách nhắc lại. “Không còn ai sống ở đó kể từ thời chiến tranh.”

Tôi phải mất giây lát để ngẫm nghĩ. “Ý ông là sao?” Chiến tranh nào cơ ạ?”

“Ở quanh đây, khi chúng tôi nói ‘chiến tranh’, cậu bé ạ, chỉ có một cuộc chiến chúng tôi muốn nhắc đến - Thế chiến thứ Hai. Một cuộc không kích của quân Đức đã giết chết họ, nếu tôi không nhầm.”

“Không, không thể thế được.”

Ông phụ trách gật đầu. “Hồi ấy có một trận địa pháo phòng không ở mũi đất xa nhất của hòn đảo, ngay sau khu rừng trại trẻ tọa lạc. Điều đó biến Cairnholm thành một mục tiêu quân sự chính đáng. Cũng phải nhắc luôn với cậu là chuyện ‘chính đáng’ hay không chẳng mấy quan trọng với bọn

Đức. Dù thế nào đi nữa, một trong số những quả bom đã rơi lệch hướng, và, thế là...” Ông ta lắc đầu. “Rủi thật.”

“Không thể thế được”, tôi lặp lại, cho dù tôi bắt đầu băn khoăn.

“Sao cậu không ngồi xuống để tôi pha cho cậu ít trà nhỉ?” ông ta nói. “Trông cậu không được bình tĩnh lắm.”

“Cháu chỉ thấy hơi chóng mặt thôi...”

Ông phụ trách đưa tôi tới chỗ một cái ghế trong phòng làm việc của ông ta rồi quay đi pha trà. Tôi cố trấn tĩnh lại. *Bị trúng bom trong chiến tranh* - điều đó hiển nhiên đã giải thích cho những căn phòng tường bị thổi bay nọ. Nhưng còn lá thư từ bà Peregrine - đóng dấu bưu điện Cairnholm - được gửi đi mới chỉ mười lăm năm trước thì sao?

Ông Martin quay trở lại, đưa cho tôi một chiếc cốc. “Có một chút Penderyn trong đó”, ông ta nói. “Phương thuốc bí mật đấy. Nó sẽ giúp cậu trấn tĩnh lại lập tức.”

Tôi cảm ơn ông ta và nhấp một ngụm, nhận ra quá trễ rằng phương thuốc bí mật này chính là whisky nồng độ rất cao. Có cảm giác như thể xăng đặc đang ào ào tuôn xuống thực quản của tôi. “Đúng là nó có gây chút kích thích”, tôi thừa nhận, mặt đỏ ửng lên.

Ông ta cau mày. “Có lẽ tôi cần đi tìm bố cậu.”

“Không, không, cháu sẽ ổn thôi. Nhưng nếu ông có thể kể thêm cho cháu biết về vụ không kích, cháu sẽ rất biết ơn.”

Ông Martin ngồi xuống một cái ghế đối diện với tôi. “Về chuyện đó, tôi thấy tò mò đấy. Cậu nói là ông nội cậu đã sống ở đây. Ông cậu không bao giờ kể về vụ không kích sao?”

“Cháu cũng thấy tò mò về chuyện ấy”, tôi nói. “Cháu đoán có thể nó xảy ra khi ông cháu đã rời khỏi đây. Vụ không kích ấy xảy ra vào đầu hay cuối cuộc chiến ạ?”

“Tôi rất xấu hổ phải thừa nhận là tôi không biết. Nhưng nếu cậu muốn biết đến thế, tôi có thể giới thiệu cậu với một người biết chuyện - ông bác

Oggie của tôi. Ông cụ đã tám mươi ba tuổi, đã sống ở đây suốt cả đời. Và vẫn còn minh mẫn lắm.” Ông Martin liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Nếu như chúng ta tới gặp ông cụ trước khi bộ phim Cha Ted được phát trên ti vi, tôi tin chắc ông cụ sẽ rất vui kể cho cậu nghe bất cứ điều gì cậu thích.”

Mười phút sau, ông Martin và tôi đã chen nhau ngồi lún sâu trên chiếc ghế xô pha chật chội quá mức trong phòng khách nhà cụ Oggie, nơi chất đống những chồng sách, những cái hộp đựng những đôi giày cũ mòn vẹt và đủ đèn để thấp sáng cả hang động Carlsbad, tất cả đều không cắm dây nguồn chỉ trừ một bóng. Tôi bắt đầu nhận ra rằng việc sống trên một hòn đảo xa xôi biến con người ta thành những kẻ chuyên tích trữ nhật nhật. Cụ Oggie ngồi đối diện với chúng tôi, mặc một chiếc áo khoác ngoài đã mòn trơ sợi vải và một cái quần ngủ như thể cụ vốn luôn trông đợi có người tới làm bạn - chỉ có điều là những người này không đáng để cụ phải mặc quần âu tử tế - và trong lúc nói chuyện không ngừng gật gù hết tới lại lui trên chiếc ghế bành bọc vải nhựa. Chỉ nguyên chuyện có người lắng nghe đã khiến cụ có vẻ rất vui, và cuối cùng, khi cụ đã kết thúc một tràng dài nói về thời tiết, chính trị xứ Wales và tình trạng đáng ái ngại của giới trẻ ngày nay, ông Martin cũng có thể lái cụ sang vụ không kích và những đứa trẻ ở trại trẻ nọ.

“Hẳn rồi, ta còn nhớ họ”, cụ nói. “Một nhóm người thật lạ lùng. Thịnh thoảng chúng ta lại thấy họ trong thị trấn - những đứa trẻ, rồi thịnh thoảng cả người phụ nữ trông coi họ nữa - đi mua sữa, thuốc và những thứ khác. Ta chào ‘chúc buổi sáng tốt lành’ là thể nào bọn họ cũng nhìn đi chỗ khác. Bọn họ luôn sống tách biệt trong trại trẻ lớn đó. Người ta cứ đồn đại suốt về những gì có thể đã diễn ra ở đó, dù chẳng ai biết chắc.”

“Đồn đại kiểu gì cơ?”

“Đủ thứ vớ vẩn. Như ta nói rồi đấy, chẳng ai biết chắc gì hết. Tất cả những gì ta có thể nói là những đứa trẻ đó không phải loại trẻ mồ côi thông thường người ta vẫn nghĩ đến - không giống như những trại trẻ khác, với những đứa trẻ sẽ vào thị trấn diễu hành này nọ và luôn có thời gian để tán

chuyện. Đám trẻ này khác hẳn. Vài đứa trong số chúng thậm chí còn chẳng nói chuẩn tiếng Anh phổ thông. À mà, bất kỳ thứ tiếng Anh nào luôn.”

“Bởi vì họ không hẳn là trẻ mồ côi”, tôi nói. “Họ là người tị nạn từ các nước khác. Ba Lan, Áo, Tiệp Khắc...”

“Chúng là người tị nạn sao?” cụ Oggie vừa nói vừa nhướn mày nhìn tôi. “Hay nhỉ, trước đây ta chẳng hề nghe nói gì về chuyện đó.” Cụ có vẻ tự ái, như thể tôi đã sỉ nhục cụ bằng cách ra vẻ biết nhiều hơn cả cụ về hòn đảo của cụ. Nhịp bập bênh trên ghế của cụ trở nên gấp gấp hơn, hung hăng hơn. Nếu đây là kiểu đón tiếp ông nội tôi và những đứa trẻ khác nhận được tại Cairnholm thì cũng chẳng lạ khi họ thu mình lại với nhau.

Ông Martin hắng giọng. “Vậy còn cuộc không kích thì sao, bác?”

“À, khiến người ta dựng hết tóc trên đầu. Phải, phải, bọn Jerry [13] chết tiệt. Ai mà quên được bọn chúng chứ?” Cụ bắt đầu mô tả hồi lâu về cuộc sống trên đảo dưới sự đe dọa của những cuộc không kích Đức: còi báo động rền vang; những lần hoảng loạn xô đẩy nhau xuống hầm trú ẩn; những dân phòng tình nguyện chạy từ nhà này sang nhà khác trong đêm để đảm bảo cửa được che kín, đèn đường tắt hết nhằm khiến phi công địch không dễ dàng thấy được mục tiêu. Họ chuẩn bị chu đáo hết mức có thể nhưng chẳng bao giờ thực sự nghĩ sẽ bị tấn công, nếu tính đến tất cả những hải cảng, nhà máy trên đất liền, toàn là những mục tiêu quan trọng hơn so với trận địa pháo nhỏ xíu ở Cairnholm. Nhưng đến một đêm, bom bắt đầu nã xuống.

“Tiếng nổ thật khủng khiếp”, cụ Oggie nói. “Cứ như thể những người khổng lồ đang giậm chân uỳnh uỳnh khắp đảo, và dường như nó kéo dài vô tận. Bọn chúng đã dồn chúng ta vào đường cùng, nhưng may là không ai ở thị trấn thiệt mạng, ơn Chúa. Nhưng các chàng pháo thủ của chúng ta thì không như vậy - cho dù họ đã cho đi chẳng kém gì nhận về - và cả những linh hồn tội nghiệp ở trại trẻ mồ côi nữa. Chỉ cần đúng một quả bom. Họ đã hiến dâng tính mạng cho nước Anh. Vì vậy dù họ từ đâu đến, xin Chúa ban phước lành cho họ vì điều đó.”

“Cụ có nhớ chuyện đó xảy ra khi nào không ạ?” tôi hỏi. “Vào đầu hay cuối cuộc chiến?”

“Ta có thể cho cháu biết ngày tháng chính xác”, cụ đáp. “Hôm ấy là ngày mồng ba tháng Chín năm 1940.”

Không khí như bỗng bị rút hết khỏi phòng. Trong tâm trí tôi lóe lên hình ảnh khuôn mặt tái mét của ông nội, đôi môi chỉ hơi mấp máy của ông thì thào ra đúng ngày tháng đó. *Mồng ba tháng Chín năm 1940.*

“Cụ có... cụ có chắc về chuyện đó không ạ? Chắc chắn đúng là hôm đó?”

“Ta chưa bao giờ phải chiến đấu”, cụ nói. “Ta thiếu mất một tuổi. Đối với ta, buổi tối hôm ấy là toàn bộ cuộc chiến tranh. Vì thế, phải, ta chắc chắn.”

Tôi cảm thấy đờ đẫn, hẫng hụt. Thật quá lạ lùng. Tôi tự hỏi liệu có phải ai đó đang bỡn cợt mình hay không - một trò đùa quái đản, chẳng có gì đáng buồn cười?

“Và không có bất kỳ ai sống sót sao?” ông Martin hỏi.

Ông cụ ngẫm nghĩ giây lát, ánh mắt trôi dần lên trần nhà. “Giờ cháu nhắc mới nhớ”, cụ nói, “bác nghĩ là có. Chỉ một người. Một cậu thanh niên, không lớn hơn cậu nhóc này là mấy.” Nhịp bập bênh dừng lại khi cụ nhớ ra chuyện cũ. “Cậu ta đi vào thị trấn sáng ngày hôm sau, trên người không có lấy một vết xước. Gần như không hề bị chấn động, cứ nghĩ đến việc cậu ta vừa phải chứng kiến số phận của tất cả bạn bè mình mà xem. Đó là điều kỳ quái nhất.”

“Có thể cậu ấy bị sốc”, ông Martin nói.

“Nếu thế bác cũng chẳng thấy lạ”, cụ Oggie đáp. “Cậu ta chỉ lên tiếng có độc một lần, hỏi bố bác khi nào chuyển tàu kế tiếp nhờ neo vào đất liền. Cậu ta bảo muốn tự mình cầm vũ khí giết lũ quái vật đáng nguyên rủa đã hãm hại người thân của cậu ta.”

Câu chuyện cụ Oggie kể cũng cường điệu hết như những câu chuyện ông nội Portman từng hay kể, ấy vậy nhưng tôi không có lý do gì để nghi ngờ cụ.

“Cháu biết cậu thanh niên ấy”, tôi nói. “Đó là ông nội cháu.”

Hai người nhìn tôi với vẻ kinh ngạc. “Chà”, cụ Oggie nói. “Chúa cứu rỗi cho tôi.”

Tôi cáo từ và đứng dậy. Ông Martin, để ý thấy tôi có vẻ rất buồn bã, ngỡ ý muốn đưa tôi về quán rượu, nhưng tôi từ chối. Tôi cần được ở một mình suy ngẫm. “VẬY HÃY SỚM TỚI GẶP TÔI NHÉ”, ông ta nói, và tôi hứa sẽ làm thế.

Tôi chọn con đường dài để quay về, đi qua những đóm sáng lay động của bến cảng, không khí nặng trĩu hơi mặn của biển và khói tỏa ra từ ống khói của cả trăm lò sưởi đang đổ lửa. Tôi cuốc bộ tới cuối một cầu tàu và quan sát mặt trăng nhô lên trên mặt nước, tưởng tượng ra ông nội tôi đang đứng ở đó vào buổi sáng hôm sau ảm đạm ấy, đờ đẫn vì choáng váng, chờ một con tàu sẽ đưa ông rời khỏi tất cả những chết chóc ông đã phải trải qua, đưa ông tới với cuộc chiến, và thêm nhiều chết chóc nữa. Không thể tránh khỏi lũ quái vật, thậm chí cả trên hòn đảo này, cái hòn đảo không lớn hơn một hạt cát trên bản đồ, được bảo vệ bởi hàng núi sương mù, những vách đá nhọn hoắt và những con thủy triều cuộn cuộn. Không thể, dù ở bất cứ đâu. Ông đã cố bảo vệ tôi tránh xa cái sự thật u ám ấy.

Ngoài xa, tôi nghe thấy tiếng những chiếc máy phát điện lọc xọc và lặng dần, rồi tắt cả ánh sáng dọc bến tàu và trên cửa sổ các ngôi nhà sau lưng tôi lập lờ trong giây lát trước khi tắt hẳn. Không biết một cảnh tượng như thế trông sẽ ra sao khi nhìn từ trên một chiếc máy bay - cả hòn đảo đột nhiên vụt biến mất, như thể nó chưa bao giờ tồn tại bên dưới. Một vụ nổ siêu tân tinh ở quy mô thu nhỏ.

Tôi đi bộ quay về dưới ánh trăng, cảm thấy mình thật bé nhỏ. Tôi thấy bố đang ngồi trong quán rượu, vẫn ở cái bàn ông ngồi lúc trước, một đĩa thịt bò ăn dở một nửa và nước sốt đã đông mỡ nằm trên bàn trước mặt ông. “Xem ai đã về kìa”, bố nói khi tôi ngồi xuống. “Bố đã để phần bữa tối cho con đấy.”

“Con không đói”, tôi nói, và kể cho bố những gì tôi đã tìm hiểu được về ông nội Portman.

Bố tôi có vẻ tức giận nhiều hơn ngạc nhiên. “Bố không thể tin nổi là ông con chưa bao giờ nói về chuyện này”, ông nói. “Chưa một lần.” Tôi có thể hiểu cơn giận của bố: việc một người ông giữ một bí mật như thế với đứa cháu mình là một chuyện, nhưng một ông bố lại giữ kín nó với con trai mình, và trong thời gian lâu đến vậy, lại là chuyện khác.

Tôi cố lái cuộc trò chuyện theo một hướng tích cực hơn. “Chẳng phải thật đáng kinh ngạc sao? Mọi thứ ông đã trải qua ấy.”

Bố tôi gật đầu. “Bố nghĩ sẽ chẳng bao giờ chúng ta biết đầy đủ câu chuyện được đâu.”

“Ông nội thật biết cách giữ bí mật, bố nhỉ?”

“Con đùa chắc? Ông nội con chẳng bao giờ bộc lộ cảm xúc ra cả.”

“Dẫu vậy con tự hỏi liệu điều đó có đem đến lời giải thích nào hay không. Vì sao ông lại xử sự xa cách đến vậy khi bố còn nhỏ.” Bố ném về phía tôi một cái nhìn sắc lẹm, và tôi biết mình cần nhanh chóng bày tỏ quan điểm nếu không sẽ có nguy cơ quá trớn. “Trước đó ông đã mất gia đình của mình hai lần rồi. Một lần ở Ba Lan, rồi một lần nữa ở đây - gia đình nhận nuôi ông. Vì thế khi bố và cô Susie ra đời...”

“Như chim sợ cành cong sao?”

“Con nghiêm túc đấy. Bố không nghĩ là điều này chứng tỏ có thể thực ra ông nội không hề lừa dối bà nội sao?”

“Bố không biết, Jake. Bố đoán là bố không tin mọi thứ lại có thể đơn giản đến vậy.” Bố tôi thở dài, hơi thở tạo thành sương bên trong vại bia của ông. “Dẫu vậy, bố nghĩ bố biết tất cả những chuyện này thực sự nói lên cái gì. Tại sao con và ông nội lại gần gũi đến thế.”

“Được rồi bố...”

“Ông nội con đã mất năm mươi năm để vượt qua nỗi sợ có một gia đình. Con xuất hiện vào đúng thời điểm.”

Tôi không biết phải trả lời thế nào nữa. Làm sao bạn có thể nói *Con xin lỗi, ông nội đã không yêu bố đủ nhiều* với chính bố mình được chứ? Tôi

không thể, vậy nên thay vì thế tôi chỉ chúc bố ngủ ngon và lên lầu đi ngủ.

Tôi trần trọc trở mình gần hết đêm. Tôi không thể thôi nghĩ tới những lá thư - lá thư bố tôi và cô Susie đã tìm thấy khi còn nhỏ, được gửi tới từ “người đàn bà khác” đó, và lá thư tôi tìm thấy một tháng trước, được gửi từ bà Peregrine. Ý nghĩ làm tôi thao thức là thế này: *thế nếu họ cùng là một người phụ nữ thì sao?*

Dấu bưu điện trên lá thư của bà Peregrine đã có từ mười lăm năm trước, nhưng theo mọi lời kể lại, bà đã bị thổi bay lên tầng bình lưu từ năm 1940 rồi. Trong tâm trí tôi, như vậy còn lại hai cách giải thích khả dĩ: hoặc là ông nội tôi trao đổi thư tín với một người đã chết - phải thừa nhận điều này khó xảy ra - hoặc người viết thư kỳ thực không phải là bà Peregrine mà là ai đó sử dụng danh tính của bà để che giấu thân phận mình.

Nhưng tại sao người ta lại phải che giấu thân phận của mình trong một lá thư cơ chứ? Vì người ta có điều gì đó cần giấu. Vì đó là người đàn bà khác.

Sẽ thế nào đây nếu điều duy nhất tôi khám phá ra trong chuyến đi này là ông nội tôi là một kẻ ngoại tình dối trá? Trong những hơi thở cuối cùng của mình, có phải ông đã cố nói cho tôi biết về cái chết của gia đình nhận nuôi mình - hay thừa nhận một cuộc phiêu lưu tình ái phù phiếm đã kéo dài hàng thập kỷ? Có thể là cả hai, và sự thật là hồi còn trẻ, ông đã phải chịu cảnh gia đình tan nát nhiều lần tới mức không còn biết làm thế nào để có một gia đình, hay chung thủy với một gia đình nữa.

Dẫu vậy, tất cả chỉ là suy đoán. Tôi không biết, mà cũng chẳng có ai để hỏi. Bất cứ ai có thể nắm giữ câu trả lời đều đã chết từ lâu. Chỉ trong vòng chưa tới hai mươi bốn giờ, toàn bộ chuyến đi đã trở thành vô nghĩa.

Tôi chìm vào một giấc ngủ bồn chồn. Đến rạng sáng, tôi bừng tỉnh vì có tiếng gì đó trong phòng mình. Lật người quay ra để xem đó là cái gì, tôi bật ngồi thẳng dậy trên giường. Một con chim lớn đang đậu trên cái tủ nhỏ trong phòng, trừng mắt nhìn xuống tôi. Cái đầu bóng mượt của nó có lông màu xám, hai cựa đập lạch cạch xuống cái tủ gỗ trong lúc nó dịch qua dịch

lại dọc theo rìa nóc tủ, như thể để nhìn tôi rõ hơn. Tôi cứng người trừng trừng nhìn lại, tự hỏi liệu đây có phải là một giấc mơ hay không.

Tôi hét lên gọi bố, và khi giọng tôi vang lên, con chim cũng vọt lên khỏi nóc tủ. Tôi đưa cánh tay che trước mặt và lặn người quay đi, khi tôi quay trở lại nó đã biến mất, bay vọt qua cửa sổ mở rộng.

Bố tôi vừa chạy vừa vấp lao vào, mắt nhắm mắt mở. “Có chuyện gì vậy?”

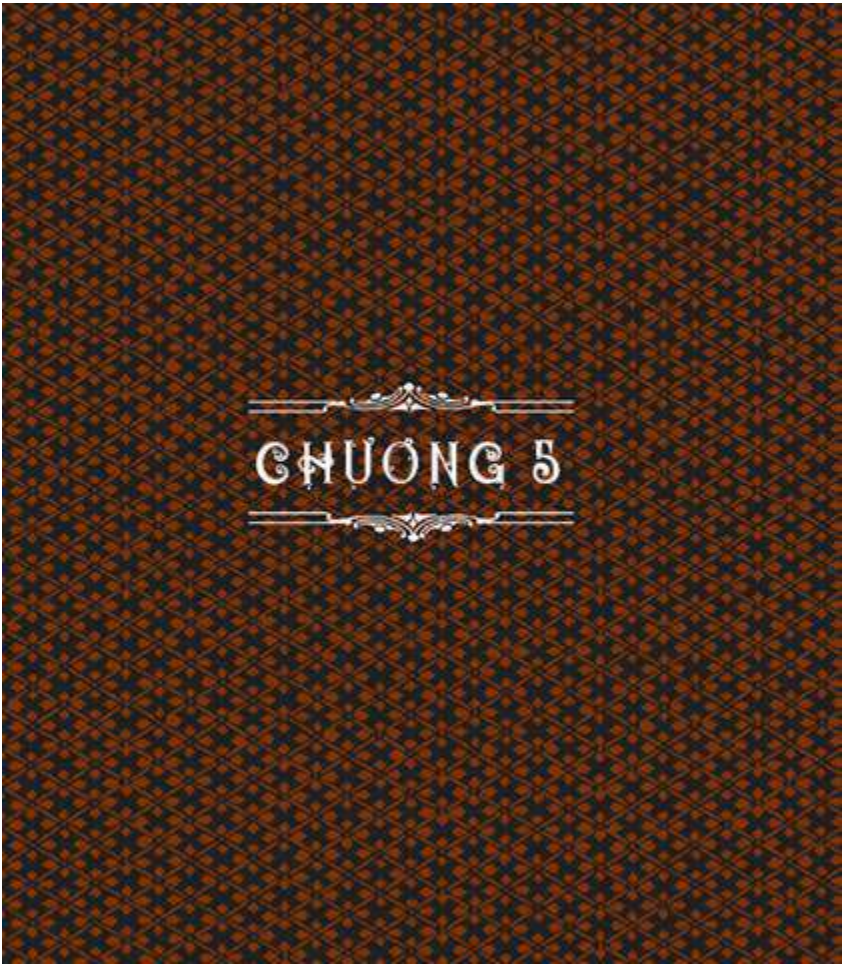
Tôi chỉ cho ông thấy những dấu cựa trên mặt tủ gỗ và một cái lông rơi dưới sàn. “Chúa ơi, thật kỳ quái”, bố tôi nói, lật đi lật lại cái lông trên bàn tay. “Chim ưng^[14] gần như không bao giờ tới gần người đến thế.”

Tôi nghĩ có thể tôi đã nghe nhầm ông. “Bố vừa nói là chim ưng ă?”

Bố tôi giờ cái lông lên. “Một con chim ưng”, ông nói. “Chúng là những sinh vật đáng kinh ngạc - loài chim nhanh nhất trên thế giới. Khi lao vút đi trên bầu trời, chúng giống như những kẻ biến hình.” Cái tên chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên kỳ lạ, nhưng nó để lại trong tâm trí tôi một cảm giác huyền bí tôi không tài nào rũ bỏ được.

Trong lúc ăn sáng, tôi bắt đầu tự hỏi liệu có phải mình đã quá dễ dàng bỏ cuộc. Mặc dù đúng là không ai còn sống để tôi có thể hỏi chuyện về ông nội, nhưng vẫn còn trại trẻ, với nhiều điều chưa được khám phá. Nếu nơi ấy từng có lúc nào đó nắm giữ những câu trả lời về ông nội tôi - có thể dưới dạng những lá thư, một album ảnh hay một tập nhật ký - nhiều khả năng chúng đã bị thiêu cháy hay mục nát từ hàng thập kỷ trước”. Nhưng nếu rời khỏi hòn đảo mà không đoán chắc được điều đó, tôi biết mình sẽ hối tiếc.

Và đó chính là lý do khiến một người cực kỳ nhạy cảm trước những cơn ác mộng, những nỗi kinh hoàng ban đêm, những hình ảnh từ các bộ phim kinh dị, và trước việc Nhìn Thấy Những Thứ Thực Ra Không Có lại thuyết phục chính mình thực hiện một chuyến đi cuối cùng tới ngôi nhà bỏ hoang gần-như-chắc-chắn-bị-ám, nơi ít nhất một tá trẻ con đã gặp phải cái chết bất thành linh.



Chương 5

Đó là một buổi sáng gần như quá hoàn hảo. Vừa rời khỏi quán rượu là y như bước ngay vào một trong những bức ảnh chỉnh sửa quá lố thường được người ta đưa lên làm hình nền trên những chiếc máy tính mới: đường phố với những ngôi nhà đổ nát một cách rất không thật chạy dài ra tận ngoài xa, rồi nhường chỗ cho những cánh đồng xanh rì được bao quanh bằng những bức tường đá chạy ngoằn ngoèo, và phủ lên toàn bộ phong cảnh là những đám mây trắng xốp. Nhưng đằng sau tất cả cảnh tượng này, đằng sau những ngôi nhà, cánh đồng và bầy cừu đang thấp thoáng xung quanh như những chiếc kẹo bông nhỏ xíu, tôi có thể thấy những vạt sương mù dày đặc liếm quanh sườn núi ngoài xa như những cái lưỡi, nơi thế giới này kết thúc và thế giới tiếp theo bắt đầu, lạnh, ẩm ướt vắng bóng mặt trời.

Tôi đi bộ vượt qua sườn dốc, bước thẳng vào cơn mưa đang rơi xuống. Như thường lệ, tôi đã quên khuấy mất đôi ủng cao su của mình, còn con đường nhanh chóng trở thành một dải uồn lượn chìm sâu trong bùn. Nhưng chịu ướt một chút dường như còn dễ chịu hơn rất nhiều so với viễn cảnh phải leo qua ngọn đồi đó hai lần trong một buổi sáng, vậy là tôi cúi gầm mặt xuống trước cơn mưa lất phất và vát vả lê bước đi tiếp. Không lâu sau, tôi đi ngang qua chuồng cừu, loáng thoáng bên trong là hình dáng lũ cừu đang chen chúc nhau trốn tránh mưa rét, rồi tiếp theo là khu đầm lầy phủ đầy sương mù, im ắng một cách ma quái. Tôi chợt nghĩ tới vị cư dân hai nghìn bảy trăm năm tuổi của bảo tàng Cairnholm và tự hỏi đầm lầy này liệu còn lưu giữ bao nhiêu người nữa như ông ta, những người dừng lại nơi cõi chết và vẫn chưa được khai quật; bao nhiêu người nữa đã từ bỏ cuộc sống của họ ở đây để tìm kiếm thiên đường.

Khi tôi tới được trại trẻ, cơn mưa vốn chỉ lất phất lúc này đã ào ào như trút nước. Không còn thời gian để nấn ná ngoài khoảng sân đầy cây dại của ngôi nhà và ngẫm nghĩ về hình hài xấu xa hiểm ác của nó - cái cách khung cửa ra vào không còn cánh cửa dường như nuốt chửng lấy tôi khi tôi bước qua nó, cái cách những tấm ván lát sàn cong vênh vì ngâm nước mưa dưới

lối đi hơi lún xuống dưới đôi giày của tôi. Tôi đứng vắt nước khỏi chiếc áo sơ mi của mình và lắc lắc mái tóc, rồi khi đã làm khô người đến hết mức có thể xoay xở được - nghĩa là cũng chẳng khô cho lắm - tôi bắt đầu tìm kiếm. Tìm cái gì, tôi cũng không rõ. Một cái hộp đựng thư chẳng? Hay tên ông nội tôi khắc trên một bức tường? Tất cả dường như đều khó có khả năng xảy ra.

Tôi đi vòng quanh, lật giở những chồng báo cũ dính bết, cúi xuống ngó dưới gầm ghế gầm bàn. Tôi tưởng tượng sẽ khám phá ra một cảnh tượng kinh hoàng nào đó - một đống xương khô mặc những mảnh giẻ rách cháy đen - nhưng tất cả những gì tôi tìm thấy là những căn phòng đã trở thành lộ thiên chứ không còn nằm trong nhà, mọi nét đặc trưng đã bị hơi ẩm, gió và những lớp bụi đất xóa hết. Tầng trệt chẳng cho biết điều gì. Tôi quay trở lại cầu thang, biết rằng lần này mình sẽ phải leo thôi. Câu hỏi duy nhất là leo lên hay xuống đây? Một lý do chống lại việc leo lên tầng là có rất ít cơ hội tẩu thoát cấp tốc (khỏi những con khi đột hay những con ma cà rồng hoặc bất cứ thứ gì khác mà bộ óc đang lo sợ của tôi có thể tưởng tượng ra) ngoại trừ lao mình xuống qua một khung cửa sổ trên lầu. Đi xuống hầm cũng gặp phải rắc rối tương tự, thêm vào đó còn có thêm điểm tệ hại là tối tăm, trong khi tôi không có đèn pin. Vậy thì lên lầu.

Các bậc cầu thang phản đối sức nặng của tôi bằng một bản giao hưởng run rẩy và cọt kẹt, nhưng vẫn đứng vững, và những gì tôi khám phá ra trên lầu - ít nhất là so với tầng trệt bị bom phá tan tành - trông giống như một cái kén thời gian. Nằm dọc một lối đi giấy dán tường đã bong tróc, các căn phòng đều ở tình trạng tốt đến mức đáng ngạc nhiên. Cho dù có một hai phòng đã bị nấm mốc xâm chiếm ở chỗ mưa lọt vào qua khung cửa sổ vỡ, trong những căn phòng còn lại là những món đồ gần như mới tinh, chỉ khác ở chỗ có một hai lớp bụi mỏng: một cái áo sơ mi bị mốc vắt bừa lên lưng tựa của một cái ghế, ít tiền xu lẻ nằm rải rác trên một chiếc giường. Có thể dễ dàng tin rằng mọi thứ vẫn y nguyên như khi những đứa trẻ để chúng lại, như thể thời gian đã ngừng lại vào đêm họ chết.

Tôi đi từ phòng này sang phòng khác, kiểm tra mọi thứ bên trong như một nhà khảo cổ học. Có những món đồ chơi bằng gỗ đã mủn nát trong một

cái hộp; những chiếc bút chì màu trên một bậu cửa sổ, màu sắc đã phai dưới ánh sáng của cả vọn buổi chiều đã trôi qua; một ngôi nhà búp bê với những con búp bê bên trong, những tù nhân chung thân trong một nhà tù lỏng lẻo. Trong một thư viện nhỏ, hơi ẩm len lỏi vào đã uốn cong các giá sách thành những nụ cười méo xệch. Tôi lướt ngón tay theo các gáy sách trở nhìn, như thể đang cân nhắc xem có nên lấy một cuốn ra đọc. Có những tác phẩm kinh điển như *Peter Pan* và *Khu vườn bí mật*, những cuốn sách lịch sử được viết bởi các tác giả đã bị lịch sử lãng quên, sách học tiếng Latin và Hy Lạp. Góc phòng kê vài bàn học cũ. Tôi hiểu ra đây là phòng học của những đứa trẻ, và bà Peregrine là cô giáo của họ.

Tôi cố mở hai cánh cửa nặng trĩu, xoay tay cầm, nhưng chúng đã bị phòng ra và đóng chặt - tôi bèn lùi lại lấy đà rồi lao tới dùng vai thúc vào cửa. Hai cánh cửa kèn kẹt bật mở ra còn tôi thì ngã sấp mặt xuống căn phòng kế tiếp. Trong lúc chống tay đứng dậy nhìn quanh, tôi nhận ra nó chỉ có thể từng là phòng bà Peregrine. Trông nó giống như một căn phòng trong lâu đài của Người Đẹp Ngủ Trong Rừng, với những cây nến chằng đầy mạng nhện bám trên giá gắn vào tường, một cái bàn trang điểm có gương, mặt bàn xếp những cái lọ pha lê, và một chiếc giường lớn bằng gỗ sồi. Tôi hình dung ra lần cuối cùng bà ở đây, tung chăn vùng dậy giữa đêm khuya khi nghe thấy tiếng còi báo động phòng không hú vang, tập hợp lũ trẻ, tất cả đều đang lơ mơ ngái ngủ và ôm khư khư áo khoác trên giường xuống dưới nhà.

Bà có sợ không? tôi tự hỏi. Bà có nghe thấy những chiếc máy bay đang tới không?

Tôi bắt đầu có cảm giác thật kỳ quái. Tôi có cảm giác mình đang bị theo dõi; rằng những đứa trẻ vẫn đang ở đây, được bảo tồn như cậu thiếu niên ở đầm lầy, bên trong các bức tường. Tôi có thể cảm thấy họ đang dõi theo tôi qua các khe nứt và lỗ khóa.

Tôi đi sang căn phòng tiếp theo. Ánh sáng yếu ớt chiếu vào qua một cửa sổ. Những mảnh vụn giấy dán tường màu xanh nhạt rơi xuống hai chiếc giường nhỏ vẫn còn nguyên ga trải đã phủ bụi. Bằng cách nào đó, tôi biết đây từng là phòng của ông nội mình.

Tại sao ông lại đưa cháu tới đây? Ông cần cháu phải thấy cái gì?

Thế rồi tôi để ý thấy thứ gì đó dưới gầm một trong hai chiếc giường và quỳ gối xuống xem. Đó là một chiếc va li cũ.

Có phải cái này là của ông không? Có phải đây chính là chiếc va li ông đã cầm theo lên tàu vào lần cuối cùng ông thấy hai cụ nội, khi cuộc đời thứ nhất của ông đang dần trôi tuột đi không?

Tôi kéo cái va li ra và lóng ngóng xoay xở với những chiếc đai da đã sờn mục của nó. Cái va li dễ dàng mở ra - nhưng ngoài một gia đình gián chết, nó hoàn toàn trống trơn.

Tôi cũng cảm thấy trống rỗng, và nặng nề lạ thường, như thể trái đất đang quay quá nhanh, làm lực hút tăng lên, kéo tôi xuống phía sàn. Đột nhiên cảm thấy kiệt sức, tôi ngồi xuống giường - rất có thể là giường của ông - và vì những lý do tôi không thể giải thích nổi, tôi nằm dài ra trên tấm ga bẩn thỉu đó và nhìn chằm chằm lên trần nhà.

Ông đã nghĩ gì khi nằm đây vào ban đêm? Có phải ông cũng gặp ác mộng không?

Tôi bắt đầu khóc.

Khi hai cụ nội chết, ông có biết không? Ông có cảm thấy họ ra đi không?

Tôi khóc dữ hơn. Tôi không muốn thế, nhưng không thể làm mình lại được.

Không thể ngăn mình lại, thế là tôi nghĩ đến đủ thứ tồi tệ, cứ nuôi dưỡng chúng mãi thêm cho tới khi tôi khóc dữ tới mức phải thở dốc lấy hơi giữa những cơn nức nở. Tôi nghĩ đến chuyện các cụ nội tôi đã bị chết đói như thế nào. Tôi nghĩ đến việc thi thể kiệt quệ của họ bị đẩy vào lò thiêu vì những người họ không hề biết lại căm ghét họ. Tôi nghĩ đến cảnh những đứa trẻ sống trong ngôi nhà này đã bị thiêu cháy và nổ tung ra thành từng mảnh bởi một gã phi công đã dừng dung bám một cái nút. Tôi nghĩ tới việc gia đình của ông đã bị tước đoạt khỏi ông như thế nào, và cũng chính vì thế mà bố tôi đã lớn lên với cảm giác không có một người cha đúng nghĩa ra sao, và giờ đây tôi phải trải qua những cơn căng thẳng tột độ, những cơn ác

mộng và đang ngồi một mình trong một ngôi nhà đổ nát mà khóc lóc, những giọt nước mắt nóng hổi ngu ngốc tưới đẫm trên khắp cái áo sơ mi tôi đang mặc. Tất cả chỉ vì một nỗi đau kéo dài suốt bảy mươi năm đã bằng cách nào đó được truyền lại cho tôi như một vật gia truyền tẩm độc, và những con quái vật tôi không thể chiến đấu chống lại vì tất cả chúng đều đã chết, không thể bị giết, bị trừng phạt hay chịu bất cứ hình thức phán xét nào khác. Ít nhất ông nội tôi đã có thể nhập ngũ và chiến đấu với chúng. Còn tôi có thể làm gì đây?

Khi cơn nức nở qua đi, đầu tôi đau như dằm. Tôi nhắm mắt lại, áp các đốt ngón tay vào sát mắt để ngăn không cho chúng gây phiền toái nữa, dù chỉ trong giây lát, và cuối cùng, khi tôi ngưng ép và mở mắt ra, một sự thay đổi thần kỳ đã đến với căn phòng: có một tia nắng duy nhất chiếu vào qua cửa sổ. Tôi đứng dậy, đi tới chỗ mặt kính rạn nứt, và thấy bên ngoài trời vừa mưa vừa nắng - một kiểu thời tiết kỳ cục mà dường như chẳng ai gọi tên được. Mẹ tôi, xin nói luôn là tôi không hề có ý đùa cợt, gọi nó là “những giọt nước mắt của trẻ mồ côi”. Thế rồi tôi nhớ những gì Ricky đã nói về kiểu thời tiết này - “Quý sứ đánh vợ!” - và tôi bật cười, đồng thời cũng cảm thấy dễ chịu hơn.

Thế rồi trong vạt nắng chiếu dọc qua căn phòng, tôi trông thấy một thứ trước đó tôi đã không nhận ra. Đó là một cái rương - hay ít nhất là cạnh của một cái rương - đang nhô ra từ dưới gầm chiếc giường thứ hai. Tôi bước tới, lật tấm ga trải giường che khỏi tầm nhìn phần lớn món đồ.

Đó là một chiếc rương cũ to, cái ổ khóa đã hoen gỉ cũng to bự. Không thể có chuyện nó trông trơn, tôi thầm nghĩ. Rương trông không thì ai khóa làm gì. *Hãy mở tôi ra!* Có vẻ như nó đang kêu gọi. *Tôi đây ắp các bí mật nè!*

Tôi bấu lấy hai bên cạnh rương và lôi nó ra. Cái rương không nhúc nhích. Tôi lại lôi, mạnh hơn, nhưng nó vẫn không xê dịch dù chỉ một phân. Tôi không dám chắc liệu có phải cái rương thực sự nặng đến thế, hay hơi ẩm và bụi tích tụ lại qua hàng thế hệ đã bằng cách nào đó làm nó dính chặt xuống sàn. Tôi đứng dậy đá vài cái vào nó, có vẻ vì thế mà thứ gì đó đã bung lỏng ra, rồi tiếp theo tôi đã có thể di chuyển cái rương bằng cách lôi lần lượt từng bên một, nhích dần nó ra ngoài theo cách bạn có thể dùng để di chuyển một

cái lò hay tủ lạnh, cho tới khi cái rương đã chui hẳn ra khỏi gầm giường, để lại một dãy vết sướt hình dấu ngoặc đơn dưới sàn nhà. Tôi giật mạnh cái khóa móc, nhưng bất chấp một lớp gỉ dày, cái khóa có vẻ vẫn rất chắc chắn. Tôi thoáng nghĩ tới việc tìm chìa khóa - hẳn phải ở đâu đó quanh đây - nhưng tôi có thể sẽ phải mất hàng giờ để tìm kiếm, mà cái khóa thì trông hoen gỉ đến mức tôi tự hỏi không biết liệu chìa khóa còn tác dụng gì với nó nữa hay không. Lựa chọn duy nhất dành cho tôi là phá khóa.

Nhìn quanh tìm thứ gì đó có thể làm được việc này, tôi thấy một cái ghế hỏng trong một căn phòng khác. Tôi bẻ một chân ghế và hăm hờ bắt tay vào phá khóa, giờ cái chân ghế lên cao quá đầu như một tay đao phủ rồi giáng nó xuống mạnh hết mức có thể, hết lần này tới lần khác, cho tới khi cái chân ghế cuối cùng cũng gãy và tôi chỉ còn lại trong tay một đoạn chân ghế vỡ. Tôi đưa mắt nhìn quanh phòng tìm thứ gì đó chắc chắn hơn và nhanh chóng nhận ra có một thanh sắt lỏng lẻo trên khung giường. Sau vài cú đá thật mạnh, thanh sắt rơi xuống sàn kêu loảng xoảng. Tôi luồn một đầu thanh sắt vào vòng móc khóa rồi đẩy mạnh đầu còn lại ra sau. Chẳng có gì xảy ra.

Tôi vịn cả người lên đầu thanh sắt, hai bàn chân nâng lên khỏi sàn như thể đang tập đu xà. Chiếc rương khẽ cọt kẹt, nhưng cũng chỉ có thế.

Tôi bắt đầu nổi nóng. Tôi đá cái rương, dồn lên thanh sắt tất cả sức lực của mình, các tĩnh mạch trên cổ tôi nổi lên căng phồng, vừa gồng mình tôi vừa hét lên, *Mở ra, đồ chết tiệt, mở ra, cái rương ngu ngốc kia!* Cuối cùng cơn tuyệt vọng và bực bội của tôi cũng có một chỗ để nhắm vào: nếu tôi không thể làm ông nội quá cố của mình thổ lộ các bí mật của ông, tôi hoàn toàn có thể moi các bí mật ra khỏi cái rương cũ kỹ này. Và rồi thanh sắt bị trượt đi, tôi bị đập mạnh người xuống sàn, bao nhiêu không khí trong phổi như bị ép hết ra ngoài.

Tôi nằm đó, nhìn chằm chằm lên trần nhà, hỏn hển thở lấy hơi. “Những giọt nước mắt của trẻ mồ côi” đã kết thúc, và lúc này bên ngoài chỉ còn là cơn mưa theo nghĩa thông thường, dữ dội hơn bao giờ hết. Tôi tính quay trở lại thị trấn tìm một cái búa tạ hay một cái cưa kim loại - nhưng điều đó chỉ làm nảy sinh những câu hỏi tôi chẳng hề muốn trả lời.

Thế rồi tôi nảy ra một ý tưởng thật thiên tài. Nếu tôi có thể tìm ra cách nào đó làm vỡ cái rương, tôi sẽ không cần bận tâm đến cái khóa nữa. Và sức mạnh nào có thể mạnh mẽ hơn tôi, mạnh mẽ hơn cơ bắp nửa trên cơ thể phải thừa nhận là kém phát triển của tôi cùng những công cụ vớ vẩn vừa bất lực với cái rương? Trọng lực. Nói cho cùng, tôi đang ở trên tầng hai của ngôi nhà, và mặc dù tôi không nghĩ sẽ có cách nào đó cho phép mình nâng cái rương lên được đủ cao để đẩy nó qua một cửa sổ, nhưng hàng tay vịn ở chiều nghỉ trên đầu cầu thang đã sập xuống từ lâu rồi. Tất cả những gì tôi cần làm là lôi cái rương theo lối đi ra đó rồi đẩy xuống. Những thứ nằm bên trong có còn nguyên vẹn được sau cú rơi hay không là chuyện khác - nhưng ít nhất cũng sẽ tìm ra được bên trong có gì.

Tôi quỳ xuống đằng sau cái rương, nhô người tựa trên hai gót chân và bắt đầu đẩy nó ra lối đi. Nhích được gần chục phân, phần chân bằng kim loại của nó lún vào mặt sàn mềm và cái rương bướng bỉnh dừng lại. Không chịu thua, tôi vòng sang bên đối diện, dùng cả hai bàn tay tóm chặt lấy cái khóa móc rồi kéo đi giật lùi. Trước sự kinh ngạc tột độ của tôi, cái rương dịch liền một hơi phải đến gần một mét. Đây chẳng phải là một thứ lao động cao quý gì cho cam - tôi phải lặp đi lặp lại động tác ngồi xổm nhích người giật lùi cọt mông xuống sàn hết lần này tới lần khác, mỗi cú trượt đi của cái rương lại đi kèm tiếng kim loại nghiêng ken két trên gỗ chói tai - nhưng chẳng mấy chốc tôi đã lôi nó ra được khỏi phòng và chuyển sang kéo lê từng chút từng chút một, từ trước khung cửa này qua trước khung cửa khác, ra phía chiều nghỉ. Tôi đắm mình vào trong nhịp điệu kéo lê, và cũng nhờ đó mà mồ hôi toát ra đầm đìa đầy nam tính.

Cuối cùng tôi cũng ra tới chiều nghỉ, rồi cùng một tiếng làu bàu chẳng mấy té nhị cuối cùng, lôi cái rương ra chiều nghỉ ngay sau mình. Giờ thì nó trượt đi thật dễ dàng, và lôi thêm vài cái nữa, tôi đã đưa cái rương ra chông chênh bên rìa chiều nghỉ; chỉ cần một cú huých cuối cùng là đủ đẩy nó rơi xuống. Nhưng tôi muốn được nhìn tận mắt cái rương vỡ ra - phần thưởng cho tất cả nỗ lực của tôi - vậy là tôi đứng dậy, cẩn thận nhích ra phía rìa cho tới khi thoáng nhìn thấy được sàn căn phòng tối mờ mờ bên dưới. Sau đó, tôi nín thở tặng cho cái rương một cú đập nhẹ.

Nó lừng khùng giãy lát, lão đảo bên bờ rìa của định mệnh, rồi quả quyết nhào ra trước và rơi, lộn vòng trên không như một điệu vũ ba lê quay chậm tuyệt đẹp. Thế rồi một tiếng va đập thật lớn rền vang dường như làm chấn động cả ngôi nhà trong khi một đám bụi từ phía dưới xộc lên tới chỗ tôi, làm tôi phải che mặt và rút lui vào trong lối đi cho tới khi nó tan đi. Một phút sau, tôi trở lại một lần nữa từ chiều nghiêng ngó xuống và rồi nhìn thấy không phải một đồng mảnh gỗ vỡ nát như tôi từng khắp khởi hy vọng thu được, mà là một cái lỗ rìa lờm chờm như răng cưa với kích thước đúng bằng cái rương trên nền ván lát sàn. Nó đã rơi thẳng xuống dưới tầng hầm.

Tôi hồi hải chạy xuống cầu thang và úp sấp bụng bò tới rìa chỗ sàn nhà bị thủng như kiểu người ta tiếp cận một cái lỗ trên băng mỏng. Cách phía dưới chừng năm mét, qua một màn bụi lơ lửng và bóng tối, tôi nhìn thấy những gì còn lại của cái rương. Nó đã vỡ nát như một quả trứng không lồ, các mảnh vỡ của nó nằm lẫn lộn trong một đồng đồ nát và ván sàn nát vụn. Nằm rải rác khắp nơi là những mảnh giấy nhỏ xíu. Có vẻ như cuối cùng tôi đã tìm thấy một hộp đựng thư! Nhưng sau đó, nheo mắt lại nhìn kỹ hơn, tôi có thể nhận ra những đường nét trên đó những khuôn mặt, dáng người - và khi đó tôi nhận ra những mảnh giấy kia không phải là thư mà là những bức ảnh. Có đến hàng tá. Tôi nóng bừng người lên vì phấn khích - rồi nhanh chóng lạnh toát người khi chợt nhận ra một điều kinh khủng.

Tôi cần phải đi xuống dưới đó.

Tầng hầm là một tổ hợp rối rắm nhiều căn phòng, thiếu ánh sáng đến mức tôi có mang băng bịt mắt thám hiểm chúng thì cũng chẳng có gì khác biệt. Tôi đi xuống các bậc thang kêu rảng rặc và đứng dưới chân cầu thang một lúc, hy vọng đôi mắt mình cuối cùng sẽ điều tiết được, nhưng bóng tối ở dưới này đen thui tới mức chẳng thể nào điều tiết nổi. Tôi cũng hy vọng rồi mình sẽ quen được với mùi - một thứ mùi khó ngửi hăng hăng kỳ lạ, giống như tủ đựng hóa chất trong một phòng dạy môn hóa - nhưng không tài nào quen nổi. Vậy là tôi lê bước đi tới, kéo cổ áo sơ mi lên che mũi, hai bàn tay chìa ra phía trước lần sờ, và hy vọng mọi sự sẽ ổn thỏa.

Tôi vấp chân suýt ngã. Có thứ gì đó bằng thủy tinh trượt đi trên sàn. Mùi có vẻ càng thêm khó chịu. Tôi bắt đầu tưởng tượng ra những thứ đang rình rập trong bóng tối phía trước mình. Quên lũ quái vật và ma quỷ đi - sẽ thế nào nếu có một cái hố nữa dưới sàn? Người ta sẽ chẳng bao giờ tìm ra xác tôi.

Thế rồi tôi chợt nhớ ra, trong một phút lóe sáng thiên tài nho nhỏ, là bằng cách bật màn hình chính của chiếc điện thoại di động vẫn dúi trong túi quần (bất chấp việc tôi đang ở cách xa trạm tiếp sóng gần nhất đến mười dặm), tôi có thể biến nó thành một cái đèn pin mờ mờ. Tôi giơ điện thoại lên, chĩa màn hình ra xa khỏi mình. Quảng sáng hầu như không thể xuyên vào bóng tối, vậy là tôi chiếu nó xuống sàn. Toàn là những phiến đá lát nứt nẻ và phân chuột. Tôi hướng quảng sáng sang bên; một tia phản chiếu yếu ớt lóe lên hắt trở lại.

Tôi bước lại gần thêm một bước và đưa điện thoại lia xung quanh. Từ trong bóng tối hiện lên một dãy những chiếc giá xếp từng hàng bình thủy tinh. Những chiếc bình có đủ loại hình dạng và kích thước, bên ngoài cấu bụi, bên trong đựng đầy thứ gì đó bèo nhèo lơ lửng trong chất lỏng đục lờ lờ. Tôi nghĩ tới khu nhà bếp và những cái bình đựng rau quả vỡ nát tôi đã tìm thấy ở đó. Có thể nhiệt độ ở dưới này ổn định hơn, và vì thế những cái bình ở đây vẫn giữ được.

Nhưng sau đó, tôi lại gần hơn và nhìn kỹ hơn, để rồi nhận ra trong những cái bình này không phải là rau quả, mà là nội tạng. Óc. Tim. Phổi. Mắt. Tất cả đều được ngâm trong một thứ formaldehyd pha lấy, giải thích cho thứ mùi kinh khủng đó. Tôi bịt mũi loạng choạng lao vào bóng tối rồi xa khỏi chúng, vừa nôn ọe vừa cố kìm lại. Đây là chỗ quái quỷ nào vậy? Những cái bình đó là thứ rất có thể người ta sẽ trông đợi tìm thấy dưới tầng hầm của một trường y có hành tung hắc ám nào đó, chứ không phải của một ngôi nhà toàn trẻ con. Nếu không vì tất cả những điều kỳ diệu ông nội Portman đã kể về nơi này, rất có thể tôi đã tự hỏi liệu có phải bà Peregrine đã cuu mang lũ trẻ chỉ để lấy nội tạng của họ.

Khi đã ít nhiều bình tĩnh lại, tôi ngược lên và thấy một quang sáng mờ khác phía trước mình - không phải ánh phản chiếu lại luồng sáng từ điện thoại của tôi, mà là một tia sáng ban ngày yếu ớt. Hẳn nó lọt xuống qua cái lỗ tôi tạo ra. Tôi kiên quyết bước tới, hít thở qua làn vải của cái áo sơ mi được kéo cao lên, đồng thời tránh xa khỏi các bức tường cũng như bất cứ nổi kinh ngạc ghê tởm nào chúng có thể chứa đựng.

Quang sáng dẫn tôi đi vòng qua một góc queo, vào một căn phòng nhỏ có một phần mái đã đổ sập xuống. Ánh sáng ban ngày chiếu xuyên qua cái lỗ xuống một đồng ván sàn vỡ nát và mảnh thủy tinh vỡ, từ đó cuộn lên đám bụi lơ lửng, những mảnh thảm rách nằm rải rác đây đó như những miếng thịt khô. Bên dưới đồng đồ nát tôi có thể nghe thấy tiếng lạo xạo của những bàn chân tí hon, một cư dân gặm nhấm sống trong bóng tối nào đó đã sống sót sau khi thế giới của nó bị đổ ập xuống. Và nằm giữa đồng tan hoang này là cái rương bị phá hủy, những bức ảnh rải tung tóe xung quanh nó như hoa giấy.

Tôi cẩn thận lần tìm đường đi qua đồng đồ nát, những mảnh gỗ nhọn hoắt nhô cao lên như những cây lao và những tấm ván chi chít đinh gỉ. Quỳ gối xuống, tôi bắt đầu cứu vãn những gì có thể từ đồng tàn tích. Tôi có cảm giác mình như một nhân viên cứu hộ, nhặt các bức ảnh lên khỏi đồng đồ nát, lau sạch đi mảnh thủy tinh và vụn gỗ. Và cho dù một phần trong tôi muốn khẩn trương - chẳng thể nói chắc được liệu phần còn lại của sàn tầng trệt có đổ sập xuống đầu tôi hay không và nếu có thì là khi nào - tôi vẫn không thể ngăn mình xem xét chúng.

Thoạt nhìn, trông chúng giống như những bức ảnh ta có thể tìm thấy trong bất cứ cuốn album gia đình nào. Có những bức ảnh chụp những người vui vẻ nhảy nhót trên bãi biển, mỉm cười ngoài vòm cổng sau nhà, những phong cảnh khác nhau trên đảo, và rất nhiều trẻ con, chụp một mình hay chụp đôi, những bức ảnh chụp phong cảnh trên đảo, những bức hình chụp thân mật hay những bức chân dung chụp trước phong nền, người được chụp ôm khư khư những con búp bê có đôi mắt vô hồn, như thể họ đã tới hiệu ảnh Glamour ở một trung tâm thương mại kinh khủng nào đó thế kỷ trước. Nhưng điều khiến tôi thực sự rợn gáy không phải là những con búp bê bộ

dạng như zombie, cũng không phải là kiểu tóc kỳ quái của những đứa trẻ hay việc dường như những đứa trẻ trong ảnh không bao giờ mỉm cười, mà là việc càng ngắm nhìn kỹ, tôi càng thấy những bức hình trở nên quen thuộc. Tất cả đều có cái vẻ gì đó ghê rợn, giống những bức ảnh cũ của ông nội tôi, nhất là những bức ảnh ông giấu kín dưới đáy cái hộp đựng xì gà của ông, cứ như thể tất cả chúng đều thuộc cùng loạt ảnh.

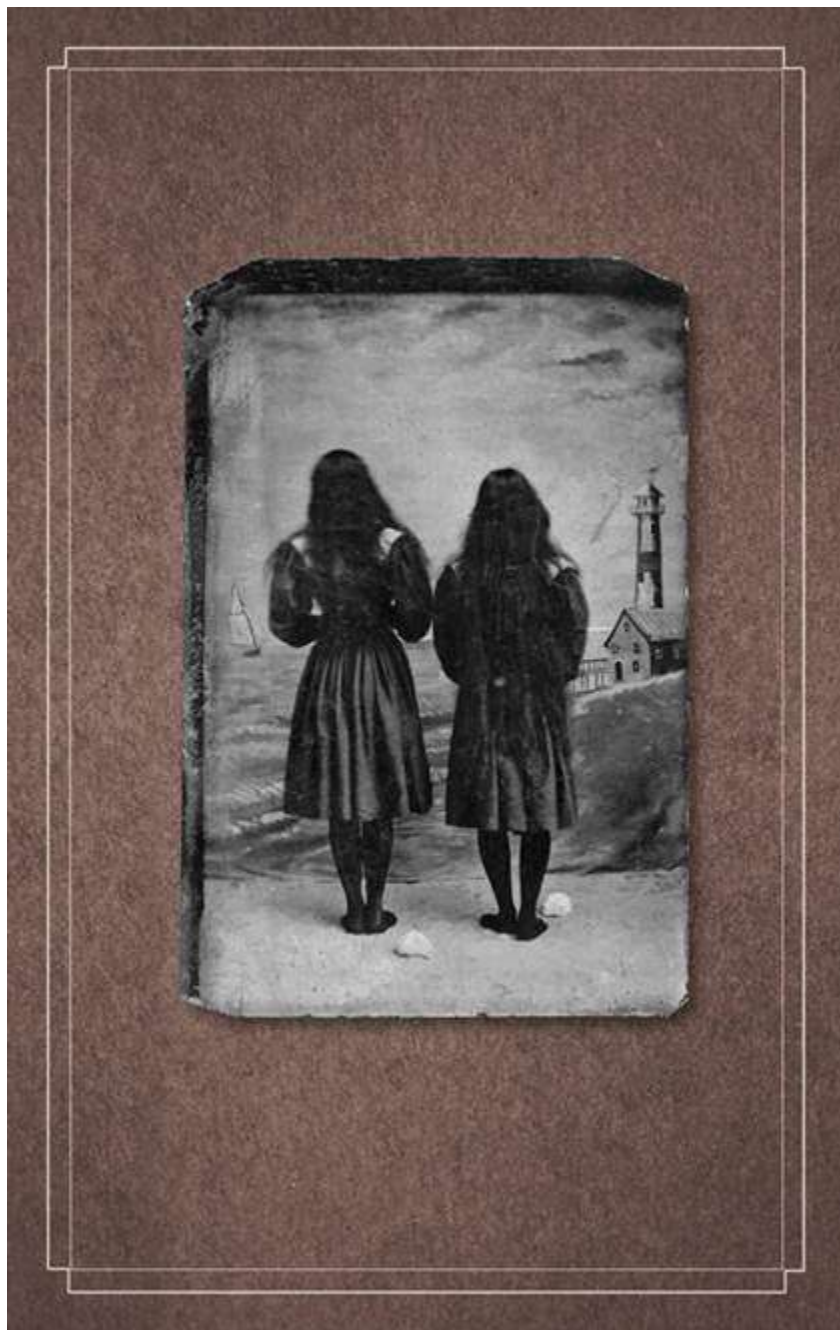
Chẳng hạn, có một bức ảnh hai cô gái trẻ tạo dáng trước phong nền vẽ cảnh đại dương trông chẳng giống lắm. Bản thân cái ảnh cũng chẳng mấy lạ, điều kỳ dị là ở tư thế của hai người chụp. Cả hai đều quay lưng lại ống kính. Tại sao họ bỏ ra bấy nhiêu công sức và chi phí để được chụp ảnh - vào thời đó chụp chân dung khá tốn tiền - để rồi lại quay lưng vào ống kính chứ. Phần nào trong tôi trông đợi sẽ tìm thấy trong đồng đồ nát một bức ảnh nữa cũng chụp các cô gái này quay mặt vào ống kính, để lộ ra những hộp sọ đang nhăn nhó thay vì các khuôn mặt.

Những bức ảnh khác dường như cũng bị chỉnh sửa theo cùng cách như một vài bức ảnh của ông nội tôi. Một bức như thể chụp cô gái đứng một mình trong một nghĩa địa nhìn xuống một hồ nước phản chiếu cảnh vật phía trên - nhưng trên mặt nước lại có bóng của hai cô gái. Nó làm tôi nhớ tới bức ảnh chụp cô gái bị nhốt trong chai của ông nội Portman, chỉ có điều thủ thuật phòng tối được sử dụng ở đây, dù là gì đi nữa, trông không có vẻ gì là giả tạo. Một bức ảnh khác chụp một cậu thiếu niên có vẻ bình thản đáng kinh ngạc trong khi phần thân trên của cậu ta có vẻ đang bị ong bu đầy. Cái đó cũng dễ làm giả thôi, phải không nào? Như bức ảnh cậu bé đang nâng bổng một vật chắc chắn là tảng đá làm từ thạch cao. Đá giả, ong giả.

Tóc gáy tôi dựng cả lên khi tôi nhớ lại điều ông nội Portman đã nói về một cậu bé ông từng biết ở trại trẻ này - một cậu bé nuôi ong trong người. *Mỗi lần cậu ta há miệng là vài con ong sẽ bay ra*, ông đã kể như thế, *nhưng chúng không bao giờ đốt trừ khi Hugh muốn chúng làm vậy*.

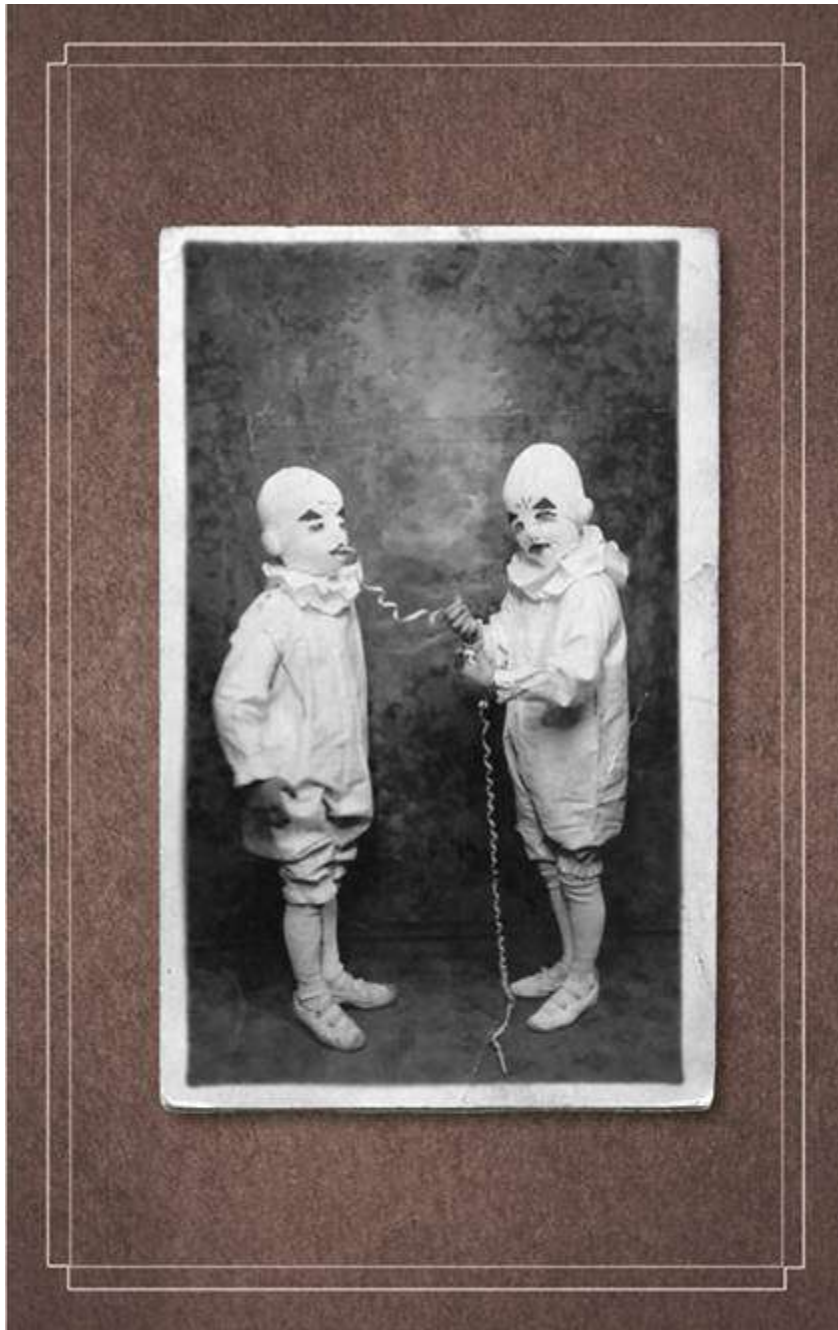
Tôi chỉ có thể nghĩ tới một cách giải thích. Nhưng bức ảnh của ông có nguồn gốc từ chính cái rương đang nằm tan nát trước mặt tôi. Song tôi vẫn chưa chắc chắn về điều đó cho tới khi tìm thấy một bức ảnh kỳ quái: hai đứa trẻ đeo mặt nạ mặc áo cổ diềm xếp nếp, một cậu dường như đang cho

cậu kia ăn một dải ruy băng. Tôi không biết chính xác hai nhân vật này có ngụ ý gì - ngoại trừ tạo cảm hứng cho những cơn ác mộng; họ là ai, hai vũ công ba lê cùng bị chứng bạo tâm chác? - nhưng tôi chắc chắn một trăm phần trăm ông nội Portman cũng có một bức ảnh chụp chính hai cậu bé này. Tôi đã thấy bức ảnh đó trong cái hộp xì gà của ông chỉ mới vài tháng trước.









Không thể nào có chuyện trùng hợp ngẫu nhiên, cũng có nghĩa là những bức ảnh ông đã cho tôi xem - và thề với tôi là của những đứa trẻ ông đã biết trong trại trẻ này - *thực sự có nguồn gốc từ trại trẻ tôi đang đứng đây.* Nhưng phải chăng thế nghĩa là, bất chấp những nghi ngờ tôi đã áp ủ thậm chí từ khi còn là cậu nhóc tám tuổi, những bức ảnh kia đều là thật? Thế còn những câu chuyện kỳ ảo đi kèm với chúng thì sao đây? Thật khó lòng tin rằng có bất kỳ chuyện nào trong đó là thật - thật theo đúng nghĩa đen. Ấy thế nhưng đứng đó giữa khung cảnh bụi bặm tranh tối tranh sáng của trại trẻ

tĩnh không bóng người nhưng đồng thời cũng có vẻ đầy những hồn ma lớn vờn, tôi thầm nghĩ, *biết đâu đây...*

Đột nhiên một tiếng đổ sập âm âm vọng lại từ đâu đó trong phần ngói nhà phía trên đầu tôi, tôi liền giật bản người tới mức tất cả các bức ảnh tuột khỏi hai bàn tay.

Ngôi nhà đang lún sụt xuống, tôi tự nhủ hoặc đang đổ sụp xuống kia! Nhưng trong khi tôi cúi xuống nhặt các bức ảnh lên, tiếng đổ sập âm âm lại vang lên, và trong nháy mắt chút ánh sáng yếu ớt chiếu xuống qua cái lỗ trên sàn tất phụt, vậy là đột nhiên tôi ngồi chồm hổm trong bóng tối đen như mực.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân, rồi những giọng nói. Tôi dỏng tai lên cố lắng nghe xem chúng đang nói gì, nhưng không thể. Tôi không dám nhúc nhích, sợ rằng cử động nhỏ nhất cũng có thể gây ra một dòng thác những mảnh vỡ âm âm đổ xuống khắp xung quanh mình. Tôi biết nỗi sợ mình cảm thấy thật vô lý - hoàn toàn có thể chỉ là mấy cậu nhóc rapper ngớ ngẩn kia lại đang bày ra một trò chơi khăm nữa - nhưng tim tôi đang đập như thể tôi chạy với tốc độ một trăm dặm trên giờ, và trực giác tinh nhạy của một con thú ẩn sâu trong tôi ra lệnh cho tôi phải im lặng.

Hai chân tôi bắt đầu tê dại. Khẽ khàng nhất có thể, tôi chuyển từ người từ chân này sang chân bên kia để máu lưu thông trở lại. Có một mảnh nhỏ xíu nào đó rời ra khỏi đồng đồ nát và lăn đi, gây nên một tiếng động nghe thật to trong khung cảnh im lặng như tờ. Những giọng nói im bật. Thế rồi một tấm ván sàn kêu răng rắc ngay trên đầu tôi và một đám bụi vữa lả tả rơi xuống như một cơn mưa nhỏ. Dù ai ở trên đó, họ cũng biết chắc tôi đang ở đâu rồi.

Tôi nín thở.

Thế rồi tôi nghe thấy giọng một cô gái dịu dàng lên tiếng, “Abe? Có phải anh đây không?”

Tôi tưởng mình vừa mơ suốt. Tôi chờ cô gái lên tiếng lần nữa, nhưng một lúc lâu sau chỉ có tiếng mưa rào rào đập xuống mái nhà, như cả nghìn ngón tay đang gõ xa xa ở đâu đó. Rồi một cây đèn bão vụt sáng lên trên đầu

tôi, tôi ngửa cổ ngược lên thì thấy sáu đứa trẻ đang quỳ gối quanh đường rìa nham nhở của lỗ vỡ trên sàn nhà, chăm chú nhìn xuống.

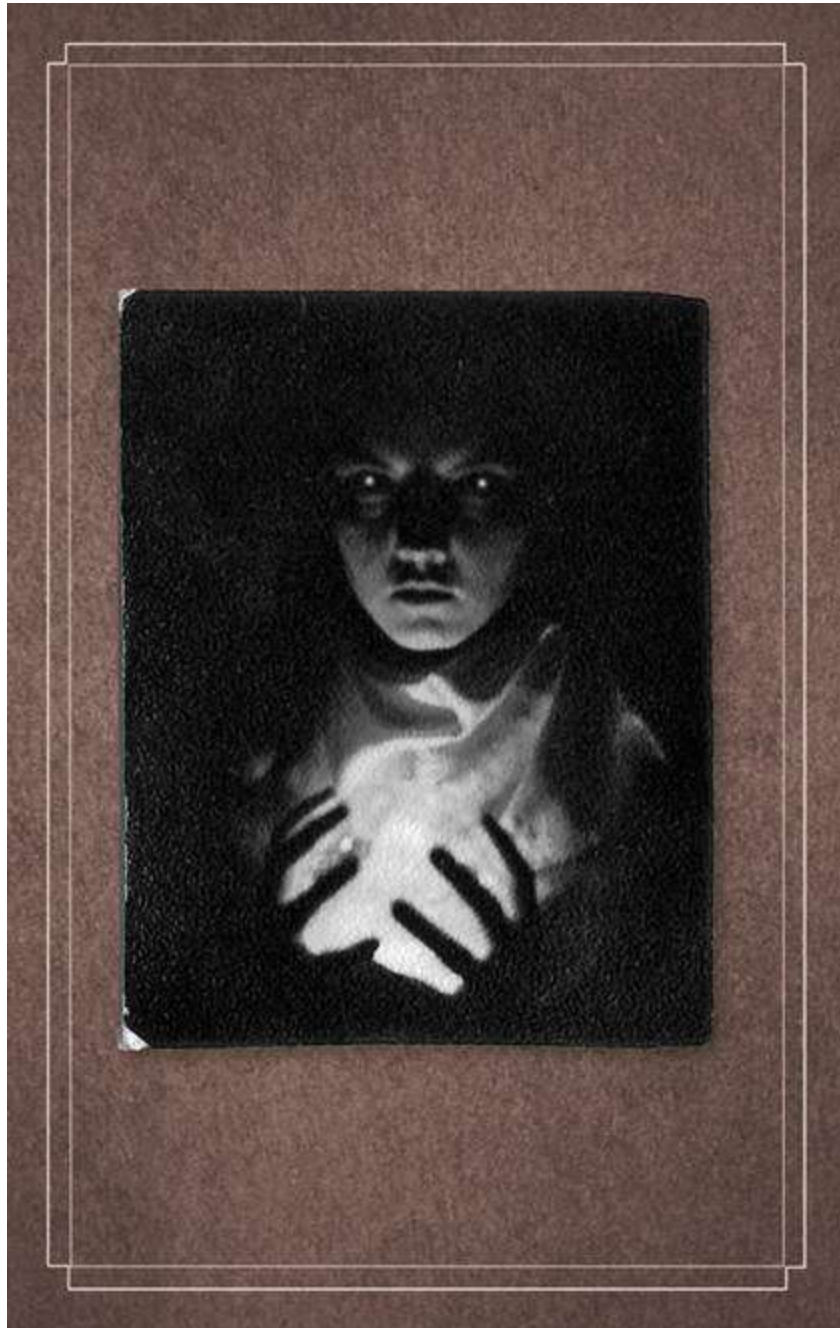
Không hiểu từ đâu, nhưng tôi nhận ra họ. Khuôn mặt họ dường như tôi đã từng gặp trong một giấc mơ nửa nhớ nửa quên. Tôi đã thấy họ ở đâu rồi nhỉ - và làm thế nào họ lại biết tên ông nội tôi được?

Sau đó tất cả trở nên rõ ràng. Trang phục của mấy đứa trẻ thật lạ, thậm chí cũng không giống người xứ Wales. Những khuôn mặt nhợt nhạt vắng bóng nụ cười của họ. Các bức ảnh rải ra trước mặt tôi, chăm chăm ngược nhìn lên tôi trong khi mấy đứa trẻ chăm chăm nhìn xuống. Tôi đột nhiên hiểu ra.

Tôi đã trông thấy họ trong những bức ảnh đó.

Cô gái vừa lên tiếng lúc trước đứng lên để nhìn tôi được rõ hơn. Trong hai bàn tay mình, cô gái giữ một quầng sáng chập chờn, không phải là một cây đèn bão hay một ngọn nến, mà dường như giống một quả cầu lửa, không có chất đốt nào ngoài làn da trần của cô gái. Tôi đã thấy bức ảnh của cô chưa đầy năm phút trước đó, và trong ảnh cô trông rất giống lúc này, thậm chí vẫn đang áp ủ cùng thứ quầng lửa lạ lùng đó giữa hai bàn tay mình.

Tôi là Jacob, tôi muốn nói lên thành tiếng. Tôi đã tìm các bạn. Nhưng quai hàm tôi đã trở nên cứng đờ, và tất cả những gì tôi có thể làm là mở to mắt nhìn trần trời.



Cô gái tỏ vẻ khó chịu. Tôi trông quả là thảm hại, ướt sũng nước mưa, cả người phủ đầy bụi và đang ngồi xồm giữa một đồng đồ nát. Cho dù cô gái và những đứa trẻ khác đã trông đợi tìm thấy cái gì phía dưới cái hố trên nền nhà này, thứ đó cũng không phải là tôi.

Đám trẻ rì rầm trao đổi gì đó, đoạn đứng dậy rồi nhanh chóng tản ra. Sự di chuyển đột ngột của họ làm tôi bừng tỉnh, lấy lại được giọng nói của mình và hét lớn lên bảo họ đợi đã, nhưng họ đã chạy rầm rập trên ván lát

sàn, lao về phía cửa ra vào. Tôi lần mò vượt qua đống đồ nát và loạng choạng mò mẫm đi trong tầng hầm sặc mùi khói về phía cầu thang. Nhưng khi tôi lên trở lại được tầng trệt, nơi phần ánh sáng ban ngày bị họ đánh cắp đã bằng cách nào đó quay trở lại, mấy đứa trẻ kia đã biến mất khỏi ngôi nhà.

Tôi lao vụt ra ngoài, hối hả chạy xuống những bậc thềm xây bằng gạch xập xệ, ra tới bãi cỏ, vừa chạy vừa hét to “Đợi đã! Dừng lại!” Nhưng họ đã biến mất: Tôi đưa mắt nhìn khắp sân, trong khoảng rừng, vừa thở hổn hển vừa thăm rủa chính mình.

Có cái gì đó gãy răng rắc đằng sau vạt cây. Tôi quay ngoắt lại nhìn và thoáng trông thấy đằng sau những cành cây đan nhau chằng chịt có cái gì đó thấp thoáng động đậy - đường gấu của một chiếc váy trắng. Chính là cô gái đó. Tôi lao vào vạt rừng, gắng hết sức chạy đuổi theo. Cô gái cũng chạy đi theo lối mòn.

Tôi vượt qua những thân cây đổ, cúi người xuống tránh những cành cây sà thấp, đuổi theo cô gái cho đến khi hai buồng phổi như bốc cháy. Cô gái vẫn cố gắng cắt đuôi tôi, rời lối mòn rẽ vào khu rừng không hề có đường đi rồi trở lại lối mòn. Cuối cùng, khu rừng cũng nằm lại đằng sau, và hai chúng tôi chạy vào khu đầm lầy trống trải. Tôi nhận ra cơ hội của mình. Giờ thì cô gái không còn nơi nào để trốn - muốn bắt kịp cô tôi chỉ cần thắng về tốc độ và trong tình hình tôi thì đi giày thể thao, mặc quần jean, còn cô gái mặc váy, thắng thua coi như đã rõ. Tuy vậy, ngay khi tôi bắt đầu thu hẹp khoảng cách, cô gái đột ngột rẽ ngoặt và lao thẳng vào đầm lầy. Tôi chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài lao theo.

Không thể chạy được nữa. Địa hình ở đây rất bất trắc: mặt bùn không ngừng lún xuống, bẫy tôi vào những hố bùn sâu đến đầu gối làm quần tôi ướt sũng và bám chặt vào hai chân tôi. Thế nhưng cô gái dường như lại biết chính xác cần đặt chân vào đâu, và cô bứt lên ngày một cách xa, rồi cuối cùng biến mất vào trong màn sương mù làm tôi chỉ còn biết bám theo dấu chân của cô.

Sau khi bị cô gái cắt đuôi, tôi vẫn tiếp tục hy vọng dấu chân của cô sẽ hướng trở lại lối mòn, nhưng chúng lại chạy mỗi lúc một sâu hơn vào đầm lầy. Thế rồi màn sương mù khép lại sau lưng tôi, khiến tôi không thể thấy được lối mòn nữa, và tôi bắt đầu tự hỏi liệu mình có thể tìm được đường ra hay không. Tôi cố gọi cô gái - *Tên tôi là Jacob Portman! Rồi là cháu nội của ông Abe! Tôi sẽ không làm hại bạn đâu!* - nhưng dường như sương mù và bùn lầy đã nuốt chửng giọng nói của tôi.

Dấu chân của cô gái dẫn tới một đồng đá. Trông đồng đá giống một lều bằng lớn màu xám, nhưng đó là một mộ đá^[15] - một trong những ngôi mộ xếp từ đá nguyên khối mà Cairnholm được đặt tên theo.

Mộ đá này cao hơn tôi một chút, dài và hẹp, có khoảng mở hình chữ nhật ở một đầu, trông như một cánh cửa, và ngôi mộ đá nhô lên khỏi bùn lầy giữa một bụi cỏ. Lội ra khỏi bãi lầy lên khoảng đất tương đối rắn chắc bao quanh nó, tôi nhận ra lối vào là một đường hầm chạy sâu vào bên trong. Ở hai bên lối vào có khắc những hình vòng khép kín và hình xoáy ốc phức tạp, những ký tự tượng hình cổ xưa mà theo thời gian đã không còn ai hiểu ý nghĩa của chúng nữa. *Cậu bé đầm lầy nằm ở đây*, các ký tự đó viết vậy tôi thầm nghĩ. Hay nhiều khả năng là, *Hãy từ bỏ hy vọng, hỡi tất cả những ai bước vào đây*.

Nhưng tôi vẫn bước vào, vì dấu chân cô gái dẫn vào trong đó. Ở bên trong, đường hầm của ngôi mộ đá rất hẹp, ẩm ướt và tối thui, chật chội tới mức tôi chỉ có thể tiến lên trong tư thế cúi khom lưng xuống đi lòng khòng như cua bò. Thật may, không gian khép kín không thuộc vào danh sách vô số thứ làm tôi sợ hết hồn hết vía.

Hình dung ra cô gái đang sợ hãi run rẩy ở đâu đó phía trước, tôi vừa tiến lên vừa nói chuyện với cô, cố hết sức trấn an cô là tôi không hề có ý xấu. Những lời tôi nói vọng trở lại chỗ tôi nghe méo mó. Đúng lúc hai đầu tôi bắt đầu đau nhức vì tư thế kỳ cục tôi buộc phải làm, đường hầm mở rộng ra thành một gian phòng, tối om nhưng đủ rộng để tôi có thể đứng thẳng, duỗi thẳng hai cánh tay sang hai bên mà không chạm vào tường.

Tôi lấy điện thoại ra và một lần nữa dùng nó làm đèn pin bắt đắc dĩ. Chẳng mất mấy thời gian để xác định được kích thước chỗ này. Nó chỉ là một căn phòng tường đá rộng cỡ phòng ngủ của tôi - và hoàn toàn trống trải. Chẳng có cô gái nào ở đây cả.

Tôi đang đứng đó, cố hình dung ra bằng cách quái quỷ nào cô gái đã trốn thoát thì chợt một điều làm tôi bừng tỉnh - một điều hiển nhiên tới mức tôi cảm thấy mình thật ngốc vì mất nhiều thời gian đến thế mới nhận ra. Không hề có cô gái nào cả. Tôi đã tưởng tượng ra cô gái, và cả những đứa trẻ còn lại nữa. Bộ óc tôi đã hình dung ra họ ngay khi tôi nhìn vào những bức ảnh của họ. Thế còn bóng tối đột ngột, lạ lùng đã ập xuống trước khi mấy đứa trẻ xuất hiện thì sao? Một thoáng mất ý thức.

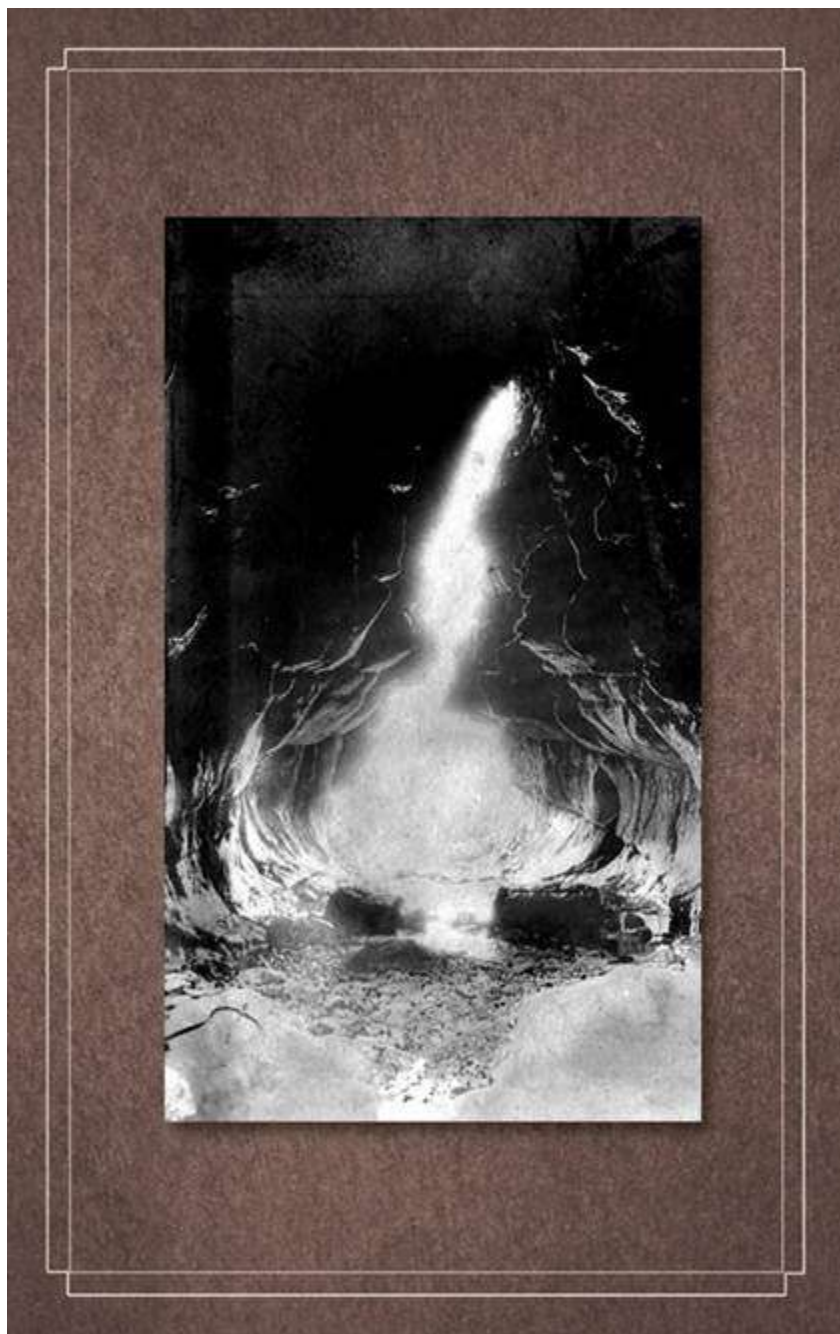
Dù thế nào đi nữa, điều đó không thể là thật, những đứa trẻ này đều đã chết lâu lắm rồi. Cho dù họ chưa chết, cũng thật ngớ ngẩn nếu tin họ vẫn trông giống hệt như trước đây, khi chụp những bức ảnh đó. Thế nhưng mọi thứ đã xảy ra nhanh tới mức tôi chưa lúc nào có cơ hội dừng lại ngẫm nghĩ xem liệu có phải mình đang đuổi theo một ảo ảnh hay không.

Tôi thậm chí đã có thể đoán trước lời giải thích của bác sĩ Golan: *Ngôi nhà đó là một nơi chứa đựng nhiều cảm xúc với cậu đến mức, chỉ cần có mặt bên trong nó là đủ để cậu bị rối loạn stress.* Phải, ông ta là một gã ngốc luôn lái nhái mớ lý luận tâm lý học. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta sai.

Tôi quay lại, cảm thấy thật ê mặt. Thay vì cúi khom người đi lòng không như cua, tôi rũ bỏ hết chút tự tôn cuối cùng của mình và bò hẳn trên hai bàn tay và hai đầu gối về phía ánh sáng mờ mờ hắt vào từ miệng đường hầm.

Ngẩng đầu nhìn lên, tôi nhận ra mình đã trông thấy cảnh này trước đây: trong một bức ảnh tại bảo tàng của ông Martin, chụp nơi người ta tìm thấy cậu bé đầm lầy. Chẳng hiểu sao người ta từng có lúc tin cái đầm lầy sặc mùi xú uế này là một cánh cổng dẫn tới thiên đường - và tin tưởng một cách chắc chắn đến mức một cậu bé trạc tuổi tôi đã sẵn sàng từ bỏ mạng sống để tới đó. Thật là một sự phí phạm ngu ngốc, đáng buồn.

Rồi tôi cảm thấy chắc chắn mình muốn về nhà. Tôi không quan tâm tới những bức ảnh dưới tầng hầm, và tôi đã ớn đến tận cổ những điều kỳ lạ, những bí ẩn và những lời trăng trối rồi. Việc chạy theo nỗi ám ảnh của ông nội với chúng chỉ khiến tinh thần tôi xuống dốc thêm chứ chẳng hề khá hơn. Đã đến lúc mặc kệ chúng.



Tôi chui ra khỏi đường hầm chật chội bên trong ngôi mộ đá, bước chân ra ngoài chỉ để rồi lại bị ánh sáng làm chói mắt. Đưa tay lên che, tôi nheo

mắt nhìn qua kẽ ngón tay vào một thế giới tôi hầu như không thể nhận ra nổi. Vẫn là khu đầm lầy, vẫn là lối mòn, vẫn là mọi thứ hết như trước, nhưng lần đầu tiên kể từ khi tôi tới đây, cảnh vật chìm ngập trong ánh mặt trời vàng óng tươi vui, bầu trời xanh ngắt, không còn vết tích của màn sương mù đặc quánh mà với tôi đã trở thành thứ đặc trưng cho phần này của hòn đảo. Không khí cũng oi nồng, giống những ngày hè nóng bức nhất hơn là những ngày đầu hè hiu hiu gió. Chúa ơi, ở đây thời tiết thay đổi chóng cả mặt, tôi thầm nghĩ.

Tôi bị bõm lội trở lại chỗ đường mòn, cố lờ đi cảm giác sồn gai óc khi bùn sình chui vào tất, và quay trở lại thị trấn. Thật lạ, lối mòn không còn lầy lội nữa - cứ như thể nó đã khô cong chỉ trong vài phút - nhưng nó đã bị ném bom rải thảm bởi vô số bãi phân động vật to cỡ quả bưởi, đến mức tôi không thể cứ thế đi thẳng. Làm sao lúc trước tôi lại không để ý tới chuyện này nhỉ? Chẳng lẽ tôi đã chìm vào một cơn hoang tưởng suốt cả buổi sáng sao? Liệu có phải lúc này tôi đang ở trong tình trạng đó không?

Tôi không ngược mắt lên khỏi lối mòn rải đầy những bãi phân động vật trải dài trước mắt mình cho tới khi vượt qua ngọn đồi và trên đường quay lại thị trấn, tôi nhận ra tất cả đồng chất thải vừa rời từ đâu ra. Sáng nay một đội quân máy kéo đã dồn dập lăn bánh trên các con đường rải sỏi, kéo theo những xe hàng chở đầy cá và gạch than bùn tấp nập lên xuống từ phía bên cảng, rồi giờ đây những xe hàng đó lại được ngựa và la kéo. Tiếng móng sắt khua lộc cộc đã thay thế tiếng gầm của động cơ.

Cả tiếng rừ rừ thường trực của những chiếc máy phát điện chạy dầu diesel cũng vắng bật. Không lẽ cả hòn đảo đã sạch hẳn nhiên liệu chỉ trong vài giờ tôi vắng mặt ư? Mà cư dân thị trấn lúc trước đã giấu tất cả lũ vật thô lớn xác này ở đâu chứ?

Thêm nữa, tại sao mọi người ai cũng nhìn tôi vậy? Tất cả những người tôi đi ngang qua đều nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt mở to hết cỡ, dừng hết mọi thứ họ đang làm lại để ngoái cổ dõi theo khi tôi đi bộ qua. Tôi nghĩ bụng *chắc mình trông nhếch nhác lắm*, đoạn nhìn xuống thì thấy từ hông trở xuống bê bết bùn còn từ hông trở lên thì toàn vôi vữa, vậy là tôi cúi gầm mặt xuống và bước đi nhanh hết mức có thể về phía quán rượu, ở đó ít nhất

chẳng ai biết tôi là ai, tôi có thể trốn trong cảnh tranh tối tranh sáng cho tới khi bố quay về ăn trưa. Tôi quyết định là khi bố về, tôi sẽ nói thẳng với bố rằng tôi muốn về nhà ngay khi có thể. Nếu ông do dự, tôi sẽ thừa nhận mình đã bị ảo giác, và chắc chắn hai bố con tôi sẽ có mặt trên chuyến phà tiếp theo.

Ở bên trong Priest Hole vẫn là tập hợp quen thuộc gồm những vị khách say sưa đang mọp người cúi xuống những vại bia sủi bọt và những cái bàn mòn vẹt cùng nội thất bản thủ tôi đã dần trở nên quen thuộc như ngôi nhà thứ hai của mình. Nhưng khi bước về phía cầu thang, tôi nghe thấy một giọng lạ hoắc gắt lên, “Mày nghĩ mày đang đi đâu vậy hả?”

Tôi quay lại, một chân đang đặt lên bậc cầu thang thấp nhất, và thấy người phục vụ quỳ nhìn tôi từ đầu đến chân. Chỉ có điều đó không phải là Kev, mà là một người bộ dạng bướng bỉnh cau có mà tôi không nhận ra. Ông ta đeo tạp dề của người phục vụ quỳ, sở hữu đôi lông mày chổi sẽ chạy dính vào nhau thành một dải liền và một hàng ria rậm dài như râu bươm khiến cho khuôn mặt ông ta trông như kẻ sọc.

Tôi có thể nói, *Cháu lên lầu xếp va li, và nếu bố cháu vẫn không chịu đưa cháu về nhà, cháu sẽ giả bộ lên con*, nhưng thay vì thế tôi trả lời, “Cháu lên phòng thôi”, một câu trả lời được đưa ra với giọng điệu giống một câu hỏi hơn là trình bày ý định.

“Thế à?” người đàn ông nói, dận mạnh cái cốc ông ta vừa rót đầy xuống. “Với mày nơi này trông có vẻ giống khách sạn lắm à?”

Tiếng ván gỗ kêu rảng rặc vang lên khi chư vị khách khứa quay người trên ghế của họ để nhìn về phía tôi. Tôi nhanh chóng nhìn lướt qua mặt họ. Không ai trong số đó tôi quen mặt.

Tôi thầm nghĩ, *Hắn mình đang rơi vào một cơn hoang tưởng. Ngay lúc này đây. Một cơn hoang tưởng là thế này đây*. Chỉ có điều nó có vẻ chẳng giống gì cả. Tôi không hề thấy những tia chớp hay đồ mờ hôi đầy lòng bàn tay. Có vẻ như thế giới đang phát điên thì đúng hơn, chứ không phải tôi.

Tôi nói với người phục vụ quỳ là hiển nhiên đã có nhầm lẫn nào đó. “Bố cháu và cháu thuê phòng ở trên lầu”, tôi nói. “Bác xem này, cháu có chìa

khóa đây”, rồi tôi lấy chìa khóa trong túi quần ra làm bằng chứng.

“Để tao xem nào”, người đàn ông nói, nhô người qua quầy giặt cái chìa khỏi bàn tay tôi. Ông ta giơ nó lên ánh sáng lờ mờ, ngắm nghía nó như một người thợ làm đồ trang sức. “Đây không phải là chìa khóa của chúng tao”, ông ta gằn giọng, rồi bỏ tọt cái chìa vào túi mình. “Giờ hãy nói cho tao xem mày thực sự muốn gì trên đó, và lần này đừng có nói láo!”

Tôi cảm thấy mặt mình nóng lên. Chưa từng có ai không phải bà con thân thích gì mà lại gọi tôi là kẻ dối trá. “Cháu đã nói với bác rồi. Bố con cháu thuê mấy căn phòng đó! Không tin, bác hỏi Kev mà xem!”

“Tao chẳng biết Kev nào hết, và tao không thích bị xô mũi”, ông ta thản nhiên nói. “Ở đây chẳng có phòng nào cho thuê cả, và người duy nhất sống trên lầu là tao!”

Tôi đưa mắt nhìn quanh, trông đợi ai đó nở một nụ cười để cho tôi biết đây là một trò đùa. Nhưng khuôn mặt của đám khách nhậu vẫn như tạc bằng đá.

“Anh chàng này là người Mỹ”, một người mang bộ râu rậm rì nhận xét. “Chắc là quân nhân.”

“Đồ ngu”, một người khác hăm hừ. “Nhìn thẳng nhóc mà xem. Nó còn búng ra sữa!”

“Nhưng nhìn cái áo khoác của nó xem”, người đàn ông râu rậm vừa nói vừa giặt tay áo khoác của tôi. “Mày còn lâu mới tìm thấy nổi thứ này ở cửa hàng. Chắc chắn phải là đồ của quân đội.”

“Nghe này”, tôi nói, “cháu không ở trong quân đội, và cháu không định lừa ai hết, cháu thề đấy! Cháu chỉ muốn tìm bố cháu, lấy hành lý của cháu, và...”

“Người Mỹ ư, quý bắt tôi đi!” một người béo phì găm lên. Ông ta nhắc thân hình đáng kể của mình dậy khỏi một cái ghế đẩu rồi đứng chắn giữa tôi và cửa ra vào, nơi tôi đang từ từ lùi đến. “Giọng thằng này tôi nghe ngứa tai lắm. Tôi dám cược nó là một thằng gián điệp của bọn Jerry!”

“Cháu không phải là gián điệp”, tôi yếu ớt phản đối. “Cháu chỉ lạc đường thôi.”

“Tóm được rồi”, ông ta vừa phá lên cười vừa nói. “Tôi đề nghị chúng ta moi sự thật từ thằng này theo cách quen thuộc. Bằng một sợi thừng!”

Những giọng say nhèm rống lên tán thành. Tôi không dám chắc họ đang nghiêm chỉnh hay chỉ đùa, nhưng tôi không hề có ý bám trụ lại để tìm hiểu. Một bản năng nguyên thủy lan đi trong bộ óc đang hỗn loạn vì lo lắng của tôi, thúc giục, *Chạy*. Sẽ dễ hình dung có chuyện quái quỷ nào đang xảy ra hơn nhiều nếu không có đám bọm rượu say mềm ngồi chật ních trong phòng đang đe dọa làm thịt tôi. Tất nhiên, bỏ chạy sẽ chỉ làm họ thêm chắc chắn về tội trạng của tôi, nhưng tôi chẳng quan tâm.

Tôi cố gắng vòng qua ông béo.

Ông ta định tóm lấy tôi, nhưng một kẻ vừa chậm chạp vừa say xỉn không phải là đối thủ của một người vừa nhanh nhẹn vừa đang sợ chết khiếp. Tôi vờ nhào sang trái rồi lẹ làng lách sang phải vòng qua người ông ta. Ông béo gầm lên giận dữ trong khi những gã bọm nhậu còn lại nhắc người khỏi những chiếc ghế cạnh quầy để ừa vào tôi, song tôi đã lách thoát khỏi các ngón tay của họ, lao qua cửa ra ngoài trời chiều nắng âm.

Tôi lao xuống phố, đôi chân tôi giẫm những tảng đất dính cỏ xuống nền sỏi, những giọng nói giận dữ dần dần lặng hẳn sau lưng tôi. Đến góc đường đầu tiên, tôi quay ngoắt người rẽ vào để thoát khỏi tầm mắt của họ, băng qua một khoảng sân đầy bùn, trong khi lũ gà vừa nhảy tránh khỏi đường tôi đi vừa kêu lên quàng quạc, rồi kể đến là một khu đất trống, một hàng các bà các cô đang đứng đó chờ bơm nước từ một cái giếng cũ lên, họ quay đầu sang nhìn khi tôi chạy vụt qua. Một ý nghĩ tôi không còn thời gian để nghiền ngẫm kỹ lưỡng chọt lướt qua trong đầu - *Ờ hay, Người Phụ Nữ Đợi Chờ biến đi đâu rồi nhỉ?* - nhưng rồi tôi bắt gặp một bức tường thấp và phải tập trung vào việc leo qua nó - *đặt tay lên, nhắc chân, đu người qua*. Tôi đặt chân xuống một con đường nhộn nhịp và thiếu chút nữa bị một chiếc xe ngựa chạy nhanh cán phải. Tay xà ích hét lên gì đó khá xúc phạm về mẹ tôi

trong khi hông con ngựa của lão ta lướt qua sát sạt ngực tôi, để lại những dấu móng ngựa và vết bánh xe chỉ cách các đầu ngón chân tôi có vài phân.

Tôi không hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra. Tôi chỉ biết có hai điều: rất có thể tôi đang ở trong tình trạng bị mất trí, và tôi cần tránh xa khỏi những người khác cho tới khi tìm hiểu được xem tôi có bị vậy thật không. Vì mục đích đó, tôi hối hả chạy vọt vào một con hẻm nằm sau hai dãy nhà, ở đó có vẻ có nhiều chỗ ẩn nấp, rồi tìm ra rìa thị trấn. Tôi giảm tốc lại thành rảo bước, hy vọng một cậu nhóc người Mỹ bê bết bùn đất, áo quần bẩn thỉu nhưng chỉ đang bước đi sẽ thu hút ít sự chú ý hơn so với một anh chàng cuồng cuồng chạy.

Cố gắng xử sự cho có vẻ bình thường của tôi thật chẳng dễ gì, vì mỗi âm thanh nhỏ nhất hay chuyển động mơ hồ nhất cũng làm tôi nhảy dựng lên. Tôi gật đầu và vẫy tay chào một phụ nữ đang phơi đồ, nhưng giống như mọi người, bà ta chỉ tròn mắt nhìn tôi. Tôi liền rảo bước nhanh hơn.

Chợt nghe thấy một tiếng động lạ lùng sau lưng, tôi vội vàng chui vào trong một nhà xí. Trong lúc tôi đợi trong đó, nắp sau cánh cửa khép hờ, đôi mắt tôi liếc nhìn qua những bức tường bị vạch lên chi chít.

Dooley là một thằng chọc hậu thích giai.

Ái chà, không có đường à? ^[16]

Cuối cùng, một con chó đi ngang qua, bám theo sau là một lứa chó con đang ăng ăng. Tôi thở phào và bắt đầu thả lỏng người ra một chút. Trấn tĩnh lại, tôi quay trở ra con hẻm.

Có thứ gì đó túm lấy tóc tôi. Tôi còn chưa kịp hét lên, một bàn tay đã vọt xuất hiện từ đằng sau, gí một vật sắc vào cổ họng tôi.

“Mày mà hét lên là tao cắt cổ”, một giọng nói cất lên.

Kề sát lưỡi dao vào cổ tôi, kẻ tấn công đẩy tôi ép người vào tường nhà xí rồi bước vòng ra để đối mặt với tôi. Tôi kinh ngạc tột độ khi thấy đó không phải là một trong những người đàn ông trong quán rượu. Mà là cô gái. Cô gái mặc một chiếc váy trắng giản dị với vẻ mặt cứng rắn, khuôn mặt cô đẹp

đến mức đáng kinh ngạc, cho dù cô có vẻ đang nghiêm túc nghĩ tới chuyện rạch khí quản của tôi.

“Mày là ai?” cô gái rít lên.

“Người... ờ... tôi là người Mỹ”, tôi lắp bắp, không chắc lắm cô gái muốn hỏi gì. “Tôi là Jacob.”

Cô gái giơ con dao sát hơn vào cổ tôi, bàn tay cô run rẩy. Cô đang sợ - cũng có nghĩa là cô rất nguy hiểm. “Mày đang làm gì trong ngôi nhà?” cô hỏi. “Tại sao mày lại đuổi theo tao?”

“Tôi chỉ muốn nói chuyện với bạn thôi! Đừng giết tôi!”

Cô gái quắc mắt nhìn tôi gườm gườm. “Nói với tao?”

“Về trại trẻ, về những người từng sống ở đó.”

“Ai cử mày tới đây?”

“Ông nội tôi. Tên ông là Abraham Portman.”

Miệng cô gái há hốc. “Dối trá!” cô hét lên, mắt tóe lửa. “Mày nghĩ tao không biết mày là ai hả? Tao không phải vừa mới ra đời hôm qua! Mở mắt ra, để tao nhìn mắt mày xem nào!”

“Tôi mở đây! Mắt đây!” Tôi mở hai mắt ra to hết mức có thể. Cô gái đứng kiễng chân lên nhìn chăm chăm vào chúng, rồi giậm chân và hét lên, “Không, đôi mắt thật của mày cơ! Đôi mắt giả này không lừa được tao đâu, cả lời nói dối lộ bịch của mày về Abe cũng thế!”

“Đó không phải là lời dối trá - và đây là đôi mắt của tôi!” Cô gái giơ dao vào cổ tôi mạnh đến mức tôi cảm thấy khó thở. Tôi lấy làm mừng vì lưỡi dao khá cùn, nếu không chắc hẳn cô gái đã cứa được cổ tôi rồi. “Nghe này, tôi không phải là thứ bạn nghĩ đâu, dù nó có là gì đi nữa”, tôi rên rỉ. “Để tôi chứng minh cho mà xem!”

Bàn tay cô gái hơi nói ra một chút. “Vậy hãy chứng minh điều đó đi, nếu không tao sẽ tưới cổ bằng máu của mày!”

“Tôi có một thứ ở ngay đây.” Tôi thò tay vào trong áo khoác.

Cô gái bật lùi lại, hét lên bảo tôi dừng lại, đồng thời giơ lưỡi dao lên làm nó cứ run run trong không trung ngay giữa hai mắt tôi.

“Chỉ là một lá thư thôi! Bình tĩnh lại nào!”

Cô gái hạ lưỡi dao trở lại xuống cổ tôi, còn tôi từ từ lấy lá thư và bức ảnh của bà Peregrine từ trong túi áo khoác ra, giơ lên để cô thấy. “Lá thư là một phần lý do khiến tôi tới đây. Ông nội tôi đã đưa nó cho tôi. Nó được Chim gửi tới. Các bạn gọi cô phụ trách của mình như thế, đúng không nào?”

“Điều đó chẳng chứng tỏ gì hết!” cô gái nói, mặc dù gần như chẳng buồn xem qua lá thư. “Làm cách nào mà bạn biết nhiều đến vậy về chúng tao hả?”

“Tôi nói với bạn rồi, ông nội tôi...”

Cô gái giật lá thư khỏi tay tôi. “Tao không muốn nghe lời nào về chuyện vợ vẫn đó nữa!” Có vẻ tôi đã làm cô nổi cáu. Cô im lặng một lát, khuôn mặt cau lại thất vọng, như thể đang cân nhắc xem tốt nhất nên xử trí cái xác của tôi thế nào sau khi cô đã thực hiện những lời đe dọa của mình. Tuy vậy, trước khi cô gái kịp quyết định, những tiếng hò hét đã vang lên âm ỉ từ đầu kia con hẻm. Chúng tôi quay lại thì thấy đám người từ quán rượu đang chạy về phía mình, được vũ trang bằng gậy gỗ và các nông cụ.

“Gì thế này? Mà đã làm gì?”

“Bạn không phải là người duy nhất muốn giết tôi!”

Cô gái thu con dao khỏi cổ tôi, thay vào đó kê nó vào sườn tôi, rồi túm lấy cổ áo tôi. “Giờ mà là tù binh của tao. Làm chính xác như tao bảo, nếu không mà sẽ phải hối tiếc!”

Tôi không đòi co gì. Tôi không biết liệu rơi vào tay cô gái thất thường này thì cơ hội của mình có khá hơn chút nào so với việc rơi vào tay đám bọm nhậu say khướt miệng dớt dải ròn ròn đang vung vẩy gậy gộc kia không, song ít nhất với cô, tôi đoán mình còn có chút hy vọng thu được vài câu trả lời.

Cô gái xô tôi một cái, vậy là chúng tôi bắt đầu chạy xuống một đường hẻm gần kề. Được nửa đường về phía cuối hẻm, cô gái dạt vào một bên đường và lôi tôi theo sau, cả hai chúng tôi chui qua dưới một dãy ga trải

giường đang phơi trên dây và nhảy qua một hàng rào mắt cáo vào trong sân một ngôi nhà nhỏ.

“Vào đây”, cô gái thì thào, rồi sau khi nhìn quanh để đảm bảo chúng tôi không bị trông thấy, cô đẩy tôi qua một cánh cửa vào trong một căn nhà chật chội sặc mùi khói than bùn.

Không có ai bên trong ngoài một con chó già đang ngủ trên xô pha. Nó mở một mắt ra nhìn chúng tôi, không mấy để ý tới những gì trông thấy, rồi lại ngủ tiếp. Chúng tôi lao tới một ô cửa sổ nhìn ra ngoài đường và nép sát người vào bức tường cạnh ô cửa. Chúng tôi đứng đó nghe ngóng, cô gái cẩn thận dùng một bàn tay giữ lấy cánh tay tôi và kê con dao vào sườn tôi.

Một phút trôi qua. Giọng nói của những gã đàn ông có vẻ tắt dần rồi lại vọng tới; thật khó mà biết họ đang ở đâu. Tôi đưa mắt nhìn quanh căn phòng nhỏ. Có vẻ quá sơ sài, ngay cả với Cairnholm. Trong góc là một chồng giỏ đan tay xếp ngả nghiêng. Một cái ghế bọc vải bố được kê trước một khung kiềng bếp đun than đá lớn rèn bằng sắt. Trên bức tường đối diện với chúng tôi treo một quyển lịch, và cho dù trong phòng quá tối để nhìn thấy rõ nó từ nơi đang đứng, chỉ nhìn qua quyển lịch tôi cũng lóe lên một ý nghĩ kỳ lạ.

“Bây giờ là năm nào?”

Cô gái bảo tôi im miệng lại.

“Tôi nghiêm chỉnh đấy”, tôi thì thào.

Cô gái nhìn tôi trong giây lát, láy làm quái gỡ. “Tao không biết mày đang định giở trò gì, nhưng tự tới đó mà xem đi”, cô vừa nói vừa đẩy tôi về phía quyển lịch.

Nửa trên là một bức ảnh đen trắng chụp cảnh vùng nhiệt đới, những cô gái được chụp cả người, tóc để mái bằng, mặc đồ tắm trong có vẻ xưa rích đang mỉm cười trên bãi biển. In trên khung thứ ngày là “Tháng Chín 1940”. Ngày thứ nhất và thứ hai của tháng đã bị gạch đi.

Một cảm giác tê dại dờ dẩn lan khắp người tôi. Tôi ngẫm lại tất cả những chuyện lạ lùng đã chứng kiến sáng hôm đó: sự thay đổi kỳ lạ và đột ngột

của thời tiết, rồi hòn đảo tôi cứ nghĩ đã biết rõ giờ đây đầy ắp những người lạ hoắc; rồi chuyện tất cả mọi thứ xung quanh tôi trông kiêu dáng đều có vẻ cũ kỹ nhưng bản thân chúng thì lại mới toanh. Quyền lịch trên tường có thể giải thích tất cả.

Mồng ba tháng Chín năm 1940. Nhưng làm sao có thể chứ?

Thế rồi lời trăng trối của ông trở lại với tôi. Ở *phía bên kia ngôi mộ của ông lão*. Đó là một điều tôi chưa bao giờ lý giải nổi. Từng có lúc tôi tự hỏi liệu có phải ông muốn nói về những bóng ma - vì tất cả những đứa trẻ ông biết ở đây đều đã chết, tôi sẽ phải tới bên kia nắm mộ để tìm họ - nhưng cách lý giải đó quá thi vị. Ông tôi là người bộc trực, không phải loại người thích bóng gió ám chỉ. Ông đã cung cấp cho tôi những chỉ dẫn trực tiếp nhưng chỉ đơn giản là không có thời gian để giải thích: tôi hiểu ra “Ông Lão” chính là cách cư dân địa phương gọi cậu thiếu niên trong đầm lầy, và ngôi mộ đá chính là mộ của ông ta. Và sáng nay tôi đã chui vào trong đó để rồi chui ra ở một thời điểm khác: mồng ba tháng Chín năm 1940.

Trong lúc tất cả những điều này diễn ra trong đầu tôi thì căn phòng cũng lộn nhào, hai đầu gối tôi mềm nhũn ra khụy xuống, cùng với nó, mọi thứ nhòa đi thành một tấm màn đen kịt chập chờn.

Tôi tỉnh dậy trên sàn nhà, hai tay bị trói vào bộ kiềng bếp. Cô gái đang bồn chồn đi đi lại lại và có vẻ đang trò chuyện rất sôi nổi với chính mình. Tôi giữ cho mắt mình khép hờ và lắng nghe.

“Nó chắc là một xác sống”, cô gái đang nói. “Nếu không tại sao nó lại rình mò quanh trại trẻ cũ như một tên trộm thế?”

“Tớ không rõ nữa”, ai đó lên tiếng, “nhưng có vẻ cậu ta cũng không.” Vậy là tóm lại không phải cô gái đang nói chuyện một mình - cho dù từ chỗ đang nằm, tôi không thể thấy cậu thiếu niên vừa lên tiếng. “Cậu nói là cậu ta thậm chí còn không nhận ra mình đang ở trong một vòng?”

“Tự kiểm tra xem”, cô gái vừa nói vừa ra hiệu về phía tôi. “Cậu có thể hình dung ra người thân thích nào của Abe lại chẳng có chút manh mối nào

như thế không?”

“Cậu có thể hình dung ra một xác sống không?” cậu thiếu niên kia hỏi. Tôi hơi nghiêng đầu đi, đưa mắt liếc quanh phòng, nhưng vẫn không thấy cậu ta.

“Tớ có thể hình dung ra một xác sống đóng giả người”, cô gái đáp.

Con chó, lúc này đã dậy, lon ton chạy tới và bắt đầu liếm mặt tôi. Tôi nhắm nghiền mắt lại và cố tăng lò, nhưng màn rửa mặt bằng lưỡi nó dành cho tôi vừa nhọn nhót nước bọt vừa nặng mùi đến mức cuối cùng tôi buộc phải ngồi dậy để cứu bản thân.

“À, nhìn xem ai dậy rồi kia!” cô gái nói. Cô vỗ tay, dành cho tôi một tràng hoan hô đầy mỉa mai. “Lúc trước mày diễn một màn khá lố. Tao rất ấn tượng đoạn ngắt xiu. Tao tin chắc sân khấu đã đánh mất một diễn viên tài ba khi thay vì làm nghệ sĩ mày lại lựa chọn làm sát nhân và ăn thịt người.”

Tôi mở miệng toan biện hộ cho sự vô tội của mình - rồi ngừng bật khi thấy một cái cốc lơ lửng trong không khí trôi về phía mình.

“Uống ít nước đi”, cậu thiếu niên nói. “Hiện giờ không thể để cậu chết trước khi chúng tôi đưa cậu về chỗ cô phụ trách, phải không nào?”

Giọng cậu ta có vẻ như vọng lại từ chân không. Tôi đưa tay với lấy cái cốc, và khi ngón tay út của tôi chạm vào một bàn tay vô hình, thiếu chút nữa tôi đánh rơi cái cốc.

“Anh chàng này hậu đậu quá”, cậu thiếu niên nói.

“Cậu vô hình à”, tôi gần như không thốt nên lời.

“Phải. Millard Nullings, sẵn sàng phục vụ quý ông.”

“Đừng cho nó biết tên cậu!” cô gái kêu lên.

“Còn đây là Emma”, cậu thiếu niên tiếp tục. “Cô ấy có hơi hoang tưởng một chút, tôi chắc cậu đã nhận ra điều đó.”

Emma nhìn trừng trừng vào cậu ta - hay vào khoảng không gian tôi hình dung cậu ta đang chiếm chỗ - nhưng không nói gì. Cái cốc run rẩy trên tay

tôi. Tôi bắt đầu lắp bắp định giải thích cho mình lần nữa nhưng bị những giọng nói giận dữ vọng vào từ ngoài cửa sổ cắt ngang.

“Im lặng!” Emma khẽ rít lên. Tiếng bước chân của Millard vang lên, tiến tới chỗ cửa sổ, và cửa chớp nhích ra một chút.

“Đang có chuyện gì vậy?” Emma hỏi.

“Họ đang lục soát các ngôi nhà”, cậu ta đáp. “Chúng ta không thể ở đây lâu hơn nữa.”

“À, chúng ta cũng không thể ra ngoài đó!”

“Tớ nghĩ là có thể đấy”, Millard nói. “Nhưng để chắc ăn, cho phép tớ tham khảo cuốn sách của tớ đã.” Cánh cửa chớp lại đóng kín, và tôi thấy một cuốn sổ ghi chép nhỏ bìa da bay lên khỏi một cái bàn và mở ra giữa không trung. Millard ậm ừ khe khẽ trong lúc lật trang. Một phút sau, cậu ta gập cuốn sổ lại.

“Đúng như tớ nghi ngờ!” cậu ta nói. “Chúng ta chỉ cần chờ khoảng một phút nữa là bước thẳng ra ngoài qua cửa trước được rồi.”

“Cậu điên à?” Emma hỏi. “Chúng ta sẽ bị cả đám người vượn đàn độn kia xúm vào ném gạch ngay!”

“Không đâu, nếu chúng ta ít đáng quan tâm hơn thứ sắp xảy ra”, Millard trả lời. “Tớ cam đoan với cậu, đây là cơ hội tốt nhất bọn mình sẽ có trong nhiều giờ nữa.”

Tôi được cởi trói khỏi bộ kiềng bép và điệu ra cửa, chúng tôi nằm phục xuống đó chờ đợi. Thế rồi một tiếng động vang lên bên ngoài, còn âm ỉ hơn cả tiếng đám đàn ông la hét: những động cơ. Có đến hàng tá, nếu căn cứ vào âm thanh của chúng.

“Ồ! Millard, sáng suốt thật!” Emma reo lên.

Cậu thiếu niên khịt mũi. “Cho nên cậu đừng nói những gì tớ học là tôn thờ gian vô ích.”

Emma đặt tay lên tay nắm cửa rồi quay lại tôi. “Nắm lấy tay tao. Đừng chạy. Làm như thể chẳng có gì xảy ra hết.” Cô đã cất con dao đi nhưng cam

đoan với tôi là nếu tìm cách chạy trốn thì tôi sẽ lại được thấy nó - ngay trước khi cô dùng nó để giết tôi.

“Làm sao tôi biết được là cô sẽ không làm thế nếu tôi không trốn?”

Cô gái ngẫm nghĩ giây lát. “Mày làm sao biết được.” Rồi sau đó đẩy mở cửa ra.

Con đường bên ngoài đông chật người, không chỉ đám khách trong quán rượu - tôi lập tức nhận ra đám này đang đứng ngay dưới chỗ ngôi nhà bên cạnh - mà cả các chủ cửa hàng mặt mày cau có, đám phụ nữ và cánh xà ích đã bỏ ở việc đang làm đến đứng giữa đường ngẩng mặt ngược lên trời. Trên đó, không xa trên đỉnh đầu chúng tôi là một đội máy bay chiến đấu của Đức Quốc Xã đang gầm rú bay qua thành đội hình hoàn hảo. Tôi đã thấy những bức ảnh chụp những máy bay kiểu này tại bảo tàng của ông Martin, phần trưng bày có tiêu đề “Cairnholm trong vòng vây”. Tôi nghĩ thật lạ kỳ biết bao khi thấy mình, vào một buổi chiều chẳng có gì đáng chú ý về mọi mặt khác, lại đột nhiên ở dưới bóng những cỗ máy chết chóc của kẻ thù, những thứ có thể trút bão lửa xuống đầu mình bất cứ lúc nào.



Chúng tôi băng qua đường với vẻ bình thản nhất có thể, Emma túm chặt cứng lấy cánh tay tôi. Chúng tôi suýt tới được con hẻm ở bên kia đường thì bị người nào đó phát hiện ra. Tôi nghe thấy một tiếng hét, cả hai chúng tôi quay đầu lại thì thấy đám đông bắt đầu lao theo mình. Chúng tôi chạy. Con hẻm rất hẹp, nằm dọc hai bên là những chuồng gia súc. Chúng tôi chạy hết nửa chiều dài con hẻm thì tôi nghe thấy Millard nói, “Tớ sẽ nán lại và ngáng chân bọn họ! Hãy đến gặp tớ đằng sau quán rượu sau đúng năm phút rưỡi nữa!”

Tiếng bước chân của cậu ta vang lên sau lưng chúng tôi và khi chúng tôi tới cuối con hẻm, Emma ngăn tôi lại. Chúng tôi ngoái lại nhìn và thấy một cuộn thùng tự trải ra lơ lửng, chạy vắt ngang qua mặt đường lát sỏi ở tầm cao ngang mắt cá chân. Sợi dây được kéo căng ra đúng lúc đám người đuổi theo chạy tới nơi, thế là bọn họ vấp phải nó và ngã nhào xuống bùn, thành một đống hỗn độn chân tay vung vẩy quờ quạng. Emma reo lên, và tôi gần như chắc chắn mình có thể nghe thấy Millard đang cười.

Chúng tôi chạy tiếp. Tôi không biết vì sao Emma đồng ý gặp Millard tại Priest Hole, vì chỗ đó ở phía bên cạnh chứ không gần phía trại trẻ. Nhưng vì tôi cũng không thể giải thích vì sao Millard biết chính xác lúc những chiếc máy bay đó sắp sửa bay qua, vậy nên tôi không bỏ công hỏi. Tôi thậm chí còn ngỡ ngàng hơn khi thấy mọi hy vọng chui được vào trong mà không bị nhận ra của chúng tôi đều bị phá hỏng hết bởi thay vì lên vòng ra đằng sau, Emma lại đẩy tôi đi thẳng vào qua cửa trước.

Chẳng có ai trong quán ngoài người phục vụ quày. Tôi quay đi cố giấu mặt.

“Phục vụ quày!” Emma nói. “Khi nào ở đây bắt đầu bán đồ uống đây? Tôi khát chẳng kém gì một người cá mắc cạn rồi đây!”

Ông ta phá lên cười. “Tôi không quen phục vụ các cô bé.”

“Đừng bận tâm mấy chuyện đó!” cô gái la lên, đập mạnh bàn tay lên mặt quày. “Rót cho tôi bốn phần thứ whisky mạnh nhất nguyên độ rượu chưa pha của ông. Và đừng có vác thứ đồ rơm pha nước nhạt thếch kinh khủng ông vẫn hay mang ra phục vụ khách!”

Tôi bắt đầu có cảm giác cô gái chỉ muốn sinh sự - muốn đùa cợt, tôi có thể nói vậy - để cố vượt mặt Millard và trò chăng dây qua đường của cậu ta.

Người phục vụ quày bar nghiêng người qua quày. “Vậy là cô bé muốn thứ dữ phải không nào?” ông ta vừa nói vừa cười nhăn nhó thật phóng đãng. “Có điều đừng để bố mẹ cô bé nghe được, nếu không tôi sẽ bị cả ông tu sĩ lẫn cảnh sát bám theo đấy.” Ông ta lấy ra một cái chai đựng thứ gì đó sẫm màu trông có vẻ xấu xa rồi bắt đầu rót cho cô gái một cốc đầy. “Thế

còn anh bạn đây của cô bé thì sao nhỉ? Tôi đoán chắc là say tíu như một anh chàng trợ tế rồi phải không?”

Tôi vờ chăm chú nhìn lò sưởi.

“Anh chàng có vẻ bẽn lễn nhỉ?” người phục vụ quầy bar hỏi. “Cậu ta từ đâu tới vậy?”

“Có thể nói là cậu ta tới từ tương lai”, Emma nói. “Tôi có thể nói cậu ta điên chẳng kém gì một bầy chồn bị nhốt trong lồng.”

Một cái nhìn lạ lùng thoáng hiện qua trên mặt người phục vụ quầy bar. “Cô bé nói anh chàng này làm sao cơ?” ông ta hỏi. Và rồi sau đó hẳn ông ta đã nhận ra tôi, vì ông ta hét tướng lên, dãn mạnh chai whisky xuống quầy, bắt đầu lao bỏ về phía tôi.

Tôi nhồm dậy để chạy, nhưng người phục vụ quầy bar còn chưa kịp lao ra từ sau quầy, Emma đã dốc ngược cốc rượu ông ta rót cho cô, làm thứ chất lỏng màu nâu đỏ tung tóe ra khắp quầy. Rồi cô làm một điều thật đáng kinh ngạc. Cô úp lòng bàn tay xuống ngay mặt quầy ướt sũng rượu, và chỉ nháy mắt sau một bức tường lửa cao gần nửa mét bùng lên.

Người phục vụ quầy bar rú lên rồi bắt đầu quật khăn của ông ta xuống để dập bức tường lửa.

“Đằng này, thằng tù kia!” Emma gọi, rồi vừa túm lấy cánh tay tôi, cô vừa kéo tôi về phía lò sưởi. “Giờ giúp tao một tay! Thò tay vào đây và nhắc lên!”

Cô gái quỳ gối xuống và thò tay vào một khe rãnh chạy dọc trên sàn. Tôi cũng thò tay vào chỗ ngay cạnh tay cô rồi chúng tôi cùng nhắc một cái nắp nhỏ dưới sàn lên để lộ ra một cái hố rộng bằng vai tôi: hố tu sĩ. Trong lúc khói mù mịt tràn ngập căn phòng và người phục vụ quầy bar đang vật lộn dập lửa, chúng tôi lần lượt tụt xuống hố và biến mất.

Cái hố tu sĩ này kỳ thực là một đường hầm dốc đứng chạy sâu xuống tầm một mét hai, dẫn vào một khoản không gian chật hẹp. Dưới hầm tối đen hoàn toàn, nhưng ngay sau đó tôi nhận ra nó tràn ngập thứ ánh sáng dịu dịu màu cam. Emma đã dùng bàn tay mình làm đuốc thấp sáng, một quả cầu

lửa nhỏ xíu dường như đang lơ lửng ngay trên lòng bàn tay cô. Tôi há hốc miệng nhìn vào nó, mọi chuyện khác đều bị quên bẵng.

“Mở nó ra!” cô gất lên, đồng thời đưa cho tôi một cái xẻng. “Có một cánh cửa ngay phía trước đây.”

Tôi lê chân tiến lên cho đến hết khoảng không gian chật hẹp. Sau đó, Emma vượt lên trước tôi, ngồi bệt xuống, dùng cả hai gót chân đá vào tường. Nó đổ xuống, mở ra ánh sáng ban ngày.

“Hai người đây rồi”, tôi nghe thấy Millard nói trong khi chúng tôi luồn vào một con hẻm. “Không thể ngăn mình làm ra chuyện gì đó ngoạn mục phải không nào?”

“Tớ không biết cậu đang nói gì”, Emma đáp, cho dù tôi có thể thấy cô đang tự mãn.

Millard dẫn chúng tôi tới chỗ một chiếc xe ngựa dường như đang đợi chính chúng tôi. Ba chúng tôi bò lên đằng sau xe, chui vào dưới một tấm vải dầu hòng đi lậu. Gần như ngay lập tức, một người đàn ông bước tới, leo lên lưng ngựa, giật cương và chúng tôi lắc lư theo nhịp chuyển động của chiếc xe.

Chúng tôi im lặng ngồi trên chiếc xe đang di chuyển một lúc. Từ những âm thanh liên hồi biến đổi xung quanh tôi có thể đoán là chúng tôi đang ra ngoài thị trấn.

Tôi thu hết can đảm hỏi một câu. “Làm sao cậu biết có chiếc xe này? Rồi những chiếc máy bay nữa? Cậu là thầy bói hay kiểu kiểu như thế à?”

Emma cười khúc khích. “Khó mà gọi là vậy.”

“Bởi vì tất cả chuyện đó đều đã xảy ra hôm qua”, Millard trả lời, “và cả hôm kia nữa. Chẳng phải đó là cách mọi thứ diễn ra trong vòng của cậu sao?”

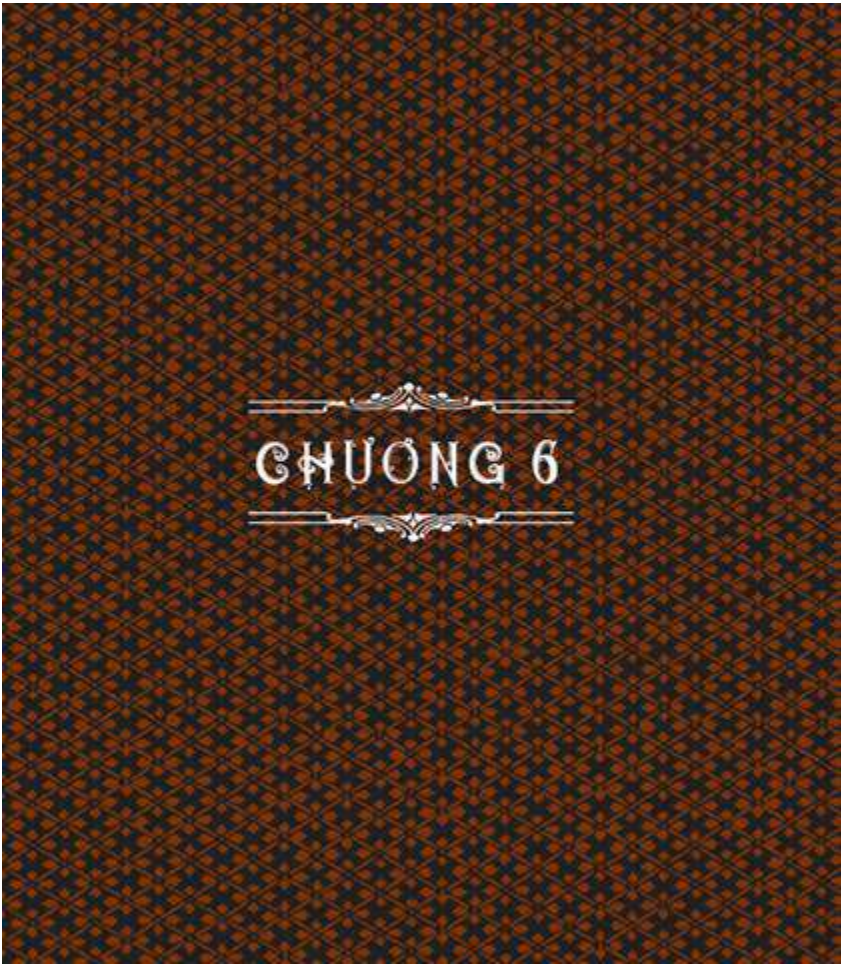
“Cái gì của tôi cơ?”

“Nó không đến từ cái vòng nào hết”, Emma nói, cố giữ giọng thật khẽ. “Tớ đã nói với cậu mãi rồi, nó là một cái xác sống chết tiệt.”

“Tớ không nghĩ vậy. Một xác sống sẽ không bao giờ để cậu bắt sống nó.”

“Thế này nhé”, tôi thì thầm. “Tôi không phải là thứ cô nói, dù nó là thứ gì đi nữa. Tôi là Jacob.”

“Chúng ta sẽ xem xét chuyện đó sau. Giờ thì im lặng đi.” Đoạn cô gái vói tay lên, hơi kéo tấm vải dầu lại một chút để lộ một dải trời xanh đang trôi qua phía trên cao.



Chương 6

Khi những ngôi nhà cuối cùng đã khuất hẳn sau lưng, chúng tôi lặng lẽ tuột xuống khỏi chiếc xe, sau đó đi bộ leo qua ngọn đồi về phía khu rừng. Emma đi bên cạnh tôi im lặng và trầm ngâm, chưa lúc nào buông rời cánh tay tôi, trong khi Millard đi bên kia, vừa ngân nga khe khẽ một mình vừa đá vào những hòn đá. Tôi cảm thấy vừa bồn chồn, vừa bối rối lại vừa kích động đến mức buồn nôn váng vất. Phần nào trong tôi có cảm giác một chuyện hệ trọng sắp xảy ra. Phần khác trong tôi chờ đợi sẽ tỉnh giấc bất cứ lúc nào, ra khỏi tình trạng hiện tại, dù đó là cơn mê sảng, cơn căng thẳng hay bất cứ cái gì khác, rồi tỉnh dậy có thể với khuôn mặt ngập giữa một vũng nước dãi trên bàn phòng nghỉ tại Smart Aid và nghĩ, *Uầy, thật lạ lùng*, rồi trở lại với công việc buồn tẻ trước đây - làm chính mình.

Nhưng tôi không tỉnh dậy. Chúng tôi chỉ tiếp tục bước đi, cô gái có thể tạo ra lửa bằng hai bàn tay, anh chàng vô hình và tôi. Chúng tôi băng qua khu rừng, con đường mòn ở đó rộng và quang đãng như bất cứ lối đi nào trong một công viên quốc gia, sau đó tới một bãi cỏ trải rộng đầy hoa với những dải vườn gọn ghẽ chạy xen giữa. Chúng tôi đã tới trại trẻ.

Tôi ngỡ ngàng tròn mắt nhìn - không phải vì nó quá xấu xí, mà vì nó quá đẹp. Không hề có một tấm ván lợp mái lệch chỗ hay một cửa sổ vỡ kính nào. Những tòa tháp và ống khói đờ đẫn nằm sụp xuống ngôi nhà tôi vẫn còn nhớ giờ đây chĩa thẳng lên bầu trời đầy kiêu hãnh. Khu rừng lúc trước có vẻ đang nuốt chửng những bức tường của ngôi nhà lúc này lùi ra tận ngoài xa.

Tôi được dẫn đi xuống một lối đi lát đá, rồi lên một dãy bậc cấp mới sơn dẫn tới vòm cổng. Emma có vẻ không còn coi tôi là một mối đe dọa như lúc trước, song trước khi vào nhà cô trói quặt hai tay tôi ra sau lưng - tôi nghĩ chắc cô muốn thể hiện thôi. Cô đang diễn vai người thợ săn trở về, còn tôi là con mồi bị tóm. Cô đang định lôi tôi vào trong thì bị Millard ngăn lại.

“Giày của cậu ta dính đầy bùn đất”, cậu ta nói. “Không thể để cậu ta tha bùn vào trong. Chim sẽ lên cơn đau tim mất.” Vậy là trong khi hai người áp giải chờ đợi, tôi cởi giày và cả đôi tất vốn cũng bết bùn ra. Sau đó, Millard gợi ý rằng tôi nên xắn hai bên ống quần jean lên để chúng không quét xuống thảm, tôi liền làm theo, và Emma sốt ruột túm lấy tôi, rồi lôi phắt tôi qua cửa.

Chúng tôi đi xuống một hành lang mà tôi nhớ rằng vốn bị bít lại tới mức gần như không qua nổi bởi những món đồ đạc vỡ, rồi lên cầu thang, lúc này được quét véc ni sáng bóng, những khuôn mặt đầy vẻ tò mò trong phòng ăn nhìn tôi qua lan can. Chỗ bụi vôi vữa trong như tuyết rơi đã biến mất, thế chỗ nó là một cái bàn gỗ dài được kê ghé tựa vòng xung quanh. Vẫn là chính trại trẻ tôi từng thám hiểm, nhưng mọi thứ đã được khôi phục lại đúng trật tự. Vị trí tôi nhớ là có đám rêu xanh bây giờ được thay bằng giấy dán tường, ván gỗ ốp chân tường và đủ loại màu sơn vui mắt. Hoa được cắm trong các bình. Những đồng gỗ mục và vải bọc mủn nát đã tự dựng lại thành hình những chiếc xô pha và ghé bành êm ái, và ánh nắng chiếu qua những khung cửa sổ cao lấp kính từng có lúc cái đầy bụi bẩn đến mức tôi đã nghĩ chúng bị bít giấy đen che lại.

Cuối cùng, chúng tôi tới một căn phòng nhỏ nhìn ra sau nhà. “Canh chừng nó trong khi tớ báo cô phụ trách”, Emma nói với Millard, và tôi cảm thấy bàn tay cậu ta nắm lấy vai mình. Khi cô gái rời khỏi, bàn tay cậu ta cũng buông ra.

“Cậu không sợ tôi sẽ ăn óc cậu hay làm gì đó đại loại thế hay sao?” tôi hỏi cậu ta.

“Không sợ lắm.”

Tôi quay sang cửa sổ và ngỡ ngàng mở to mắt nhìn ra ngoài. Ngoài sân có rất nhiều trẻ con, gần như tôi có thể nhận ra tất cả từ những bức ảnh ó vàng. Vài người lười nhác thơ thẩn dưới các bóng cây; số khác tranh giành một quả bóng và đuổi nhau qua các luống hoa rực rỡ đầy màu sắc. Đây chính xác là thiên đường ông nội tôi đã mô tả. Đây là hòn đảo được phù

phép; đây là những đứa trẻ có phép thuật. Nếu quả thực đang mơ, tôi không còn muốn thức dậy nữa. Hay ít nhất cũng là không phải thức dậy lập tức.

Ngoài sân cỏ, ai đó vừa đá quá mạnh vào một quả bóng, làm nó bay vút lên một lùm cây được xén tỉa thành hình một con vật khổng lồ và mắc kẹt lại. Có một hàng gồm mấy lùm cây được xén tỉa thành hình con vật như thế - những sinh vật kỳ vĩ cao ngang tòa nhà, đứng gác đối diện với khu rừng - gồm một con quái vật mình sư tử đầu chim có cánh, một con nhân mã đang đứng trên hai chân sau, và một người cá. Truy tìm quả bóng bị thất lạc của mình, hai cậu thiếu niên chạy tới chân lùm cây hình nhân mã, theo sau là một cô gái trẻ. Tôi lập tức nhận ra đây chính là cô gái bay lên trong tập ảnh của ông, chỉ có điều lúc này cô không phải đang bay. Cô bước đi chậm rãi, mỗi bước đều nặng nề khó nhọc, cả người cứ chúi xuống đất như thể phải chịu thêm một trọng lực bổ sung.

Khi tới chỗ hai cậu con trai, cô giơ hai cánh tay lên còn hai cậu kia buộc một vòng dây thừng quanh eo cô gái. Cô gái cẩn thận rút chân ra khỏi đôi giày của mình rồi bay lên như một quả khí cầu. Thật đáng kinh ngạc. Cô bay lên cao mãi cho tới khi sợi dây buộc quanh eo cô căng ra, sau đó cứ thế lơ lửng cách mặt đất ba mét, được hai cậu con trai níu lại.

Cô nói gì đó, hai cậu con trai gật đầu và từ từ thả dây ra. Cô từ từ bay lên cao hơn men theo sườn con nhân mã; khi lên cao ngang ngực con vật, cô đưa tay luồn vào đám cành cây để lấy quả bóng, song nó đã bị mắc kẹt rất sâu bên trong. Cô nhìn xuống và lắc đầu, hai cậu con trai bèn kéo cô xuống mặt đất, xuống đến nơi cô lại xỏ chân vào đôi giày trọng lực và tháo dây ra.

“Thích màn trình diễn chứ?” Millard hỏi. Tôi im lặng gật đầu. “Có những cách dễ hơn nhiều để lấy quả bóng đó”, cậu ta nói, “nhưng bọn họ biết đang có khán giả.”

Bên ngoài, một cô gái nữa đang lại gần con nhân mã. Cô gái đã sắp thành niên và có vẻ ngoài hoang dã, mái tóc bù xù như tổ chim của cô đang trên đường trở thành những món tóc cuốn lộn dài. Cô gái cúi người xuống, nắm lấy cái đuôi dài đầy lá của con vật tĩa từ tán cây rồi quán nó quanh cánh tay mình, sau đó nhắm mắt lại như thể đang tập trung. Giây lát sau, tôi thấy bàn

tay con nhân mã cử động. Tôi tròn mắt nhìn chăm chăm qua lớp kính cửa, chăm chú nhìn vào bàn tay màu xanh lục đó, thầm nghĩ chắc chắn nguyên nhân là con gió đang thổi, nhưng rồi từng ngón tay của nó bắt đầu động đậy như thể cảm giác đang chậm chạp trở lại với chúng. Tôi kinh ngạc theo dõi trong khi cánh tay khổng lồ của con nhân mã gập lại, rồi nó thò tay vào chính lồng ngực của mình, moi quả bóng ra, rồi ném trở lại cho mấy đứa trẻ đang reo hò. Trong khi trận bóng tiếp tục trở lại, cô gái có mái tóc rối bù buông đuôi con nhân mã ra, và nó một lần nữa trở lại bất động.

Hơi thở của Millard làm mờ lớp kính cửa sổ ngay cạnh tôi. Tôi kinh ngạc quay sang cậu ta. “Tôi không có ý bất lịch sự đâu”, tôi nói, “nhưng các cậu là loại người gì vậy?”

“Chúng tôi đặc biệt”, cậu ta đáp, nghe có vẻ hơi lúng túng. “Chẳng lẽ cậu không phải?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ vậy.”

“Tiếc quá nhỉ.”

“Sao cậu lại bỏ nó ra?” một giọng nói cất lên sau lưng chúng tôi, tôi bèn quay lại thì thấy Emma đang đứng trên ngưỡng cửa. “Mà thôi, kệ đi”, cô vừa nói vừa bước tới nắm lấy sợi dây trói. “Đi nào. Bây giờ cô phụ trách sẽ gặp mày.”

Chúng tôi vào bên trong trại trẻ, đi qua trước nhiều đôi mắt tò mò nữa đang theo dõi từ các khe cửa và đằng sau những chiếc ghế xô pha, vào một phòng khách tràn ngập ánh nắng, một người phụ nữ có vẻ ngoài nổi bật đang ngồi đan trong một chiếc ghế có lưng dựa cao, kê trên một tấm thảm Ba Tư tinh xảo. Bà mặc toàn một màu đen từ đầu tới chân, mái tóc được búi tròn hoàn hảo trên đỉnh đầu, bà đeo găng tay có viền đấng ten, và cổ áo cánh hồ bột được cài cao khít - cả con người bà cũng chẵn chu hệt như trại trẻ. Tôi đã có thể đoán ra bà là ai dù trước đó không hề nhớ tới bức ảnh của bà trong chỗ ảnh tôi tìm thấy từ cái rương bị vỡ nát. Đây chính là bà Peregrine.



Emma dẫn tôi bước lên tấm thảm rồi dăng hăng, và nhip đưa đều đặn của đôi que đan bà Peregrine đang cầm liền ngừng lại.

“Chúc buổi chiều tốt lành”, người phụ nữ ngược nhìn lên và nói. “Cậu hẳn là Jacob.”

Emma há hốc miệng nhìn bà. “Làm thế nào cô biết được.”

“Ta là cô phụ trách Peregrine”, bà nói, đồng thời giơ ngón trỏ lên ra dấu bảo Emma im lặng, “hoặc cô Peregrine, nếu cậu muốn gọi như thế hơn, vì

hiện tại cậu không phải do ta coi sóc. Rất vui vì cuối cùng cũng gặp cậu.”

Bà Peregrine đưa một bàn tay đi găng chìa về phía tôi, và khi thấy tôi không thể đón lấy, bà nhận ra sợi dây trói quanh cổ tay tôi.

“Cô Bloom!” bà la lên. “Chuyện này là thế nào? Đây là cách đối xử với khách sao? Có trói cho cậu ấy ngay!”

“Nhưng thưa cô phụ trách! Nó là một tên ăn cắp, một kẻ dối trá và em không rõ là còn những gì nữa!” Ném một cái nhìn đầy nghi ngờ về phía tôi, Emma thì thầm gì đó vào tai bà Peregrine.

“Sao chứ, cô Bloom”, bà Peregrine vừa nói vừa cười phá lên. “Thật vớ vẩn! Nếu anh chàng này là một xác sống, cô lúc này hẳn đang bị nấu trong nồi xúp của cậu ấy rồi. Tất nhiên cậu ấy là cháu của Abraham Portman. Cứ nhìn cậu ấy xem!”

Tôi cảm thấy nhẹ cả người; có thể cuối cùng tôi sẽ không phải tự biện minh cho mình. Bà đã chờ gặp tôi!

Emma dợm giọng phản đối, nhưng bà Peregrine chặn đứng cô lại bằng một cái nhìn khiến người ta bối rối. “Vâng, được thôi”, Emma thở dài, “nhưng cô đừng nói là em đã không cảnh báo trước.” Và sau vài cú giật mạnh vào nút buộc, sợi dây rơi xuống.

“Mong cậu thứ lỗi cho cô Bloom”, bà Peregrine nói trong khi tôi xoa xoa hai cổ tay trầy trụa của mình. “Cô bé ít nhiều có tố chất sân khấu.”

“Cháu cũng đã nhận thấy thế.”

Emma quắc mắt lên tức tối. “Nếu nó đúng là người nó tự xưng, vậy tại sao nó không hề biết gì về các vòng - thậm chí nó còn chả biết giờ là năm nào? Nào, cô hãy hỏi nó đi!”

“Tại sao cậu ấy lại chưa biết”, bà Peregrine chỉnh lại. Và người duy nhất ta sẽ đặt câu hỏi là cô, vào chiều mai, về vấn đề sử dụng ngữ pháp cho chính xác!”

Emma rên lên.

“Còn bây giờ, nếu cô không phiền”, bà Peregrine nói, “ta cần nói vài lời riêng tư với cậu Portman.”

Cô gái biết tranh luận chỉ vô ích. Cô thở dài và đi ra cửa, nhưng trước khi rời đi còn ngoái lại nhìn tôi lần cuối cùng. Trên khuôn mặt cô là một biểu cảm tôi chưa hề thấy trước đó: lo lắng.

“Cả cậu nữa, cậu Nullings”, bà Peregrine gọi với ra. “Người lịch sự thì không nghe lén những cuộc trò chuyện của người khác!”

“Em chỉ nán lại để hỏi xem cô có muốn dùng trà không thôi mà”, Millard lên tiếng, tôi có cảm giác cậu ta hơi nịnh đầm.

“Chúng tôi không muốn, cảm ơn cậu”, bà Peregrine trả lời ngắn gọn. Tôi nghe thấy tiếng đôi chân trần của Millard bước đi xa dần trên ván lát sàn, và cánh cửa đóng sập lại đằng sau cậu ta.

“Đáng lẽ ta phải mời cậu ngồi”, bà Peregrine vừa nói vừa ra hiệu về phía một chiếc ghế tựa có vẻ êm ái đằng sau lưng tôi, “nhưng xem ra cậu đang lấm lem khắp người.” Thay vì ngồi, tôi quỳ gối trên sàn nhà, cảm thấy mình như một người hành hương cầu xin lời khuyên từ một nhà tiên tri thông thái.

“Cậu đã ở trên hòn đảo được vài ngày rồi”, bà Peregrine nói. “Sao cậu để lãng phí nhiều thời gian đến thế rồi mới tới thăm chúng ta?”

“Cháu không biết mọi người ở đây”, tôi nói. “Làm thế nào bà biết được cháu đã ở đây vài ngày rồi?”

“Ta đã quan sát cậu. Mà cậu cũng đã thấy ta rồi, cho dù có lẽ cậu không nhận ra điều đó. Ta đã dùng hình dạng khác của mình.” Bà vớ tay lên và rút từ tóc ra một cái lông vũ dài màu xám. “Sẽ hay hơn nhiều nếu sử dụng hình dạng một con chim khi quan sát loài người”, bà giải thích.

Tôi há hốc miệng.

“Vậy ra chính bà đã ở trong phòng cháu sáng nay?” tôi thốt lên. “Chính là con điều hâu đó?”

“Chim ưng”, bà chỉnh lại. “Một con chim ưng Peregrine, tất nhiên rồi.”

“VẬY là đúng rồi!” tôi nói. “Bà chính là Chim!”

“Đó là một biệt danh ta chấp nhận nhưng không cổ súy”, bà đáp. “Còn bây giờ, đến lượt câu hỏi của ta”, bà Peregrine nói tiếp. “Cậu muốn tìm kiếm gì trong cái xác nhà đồ nát đó vậy?”

“Bà”, tôi trả lời, và đôi mắt người phụ nữ mở to ra thêm một chút. “Cháu không biết phải tìm bà như thế nào. Mãi đến hôm qua cháu mới biết được là tất cả mọi người ở đây...”

Rồi sau đó tôi ngừng lại, nhận ra những lời mình nói tiếp theo nghe sẽ lạ lùng đến thế nào. “Trước đó cháu không nhận ra là mọi người ở đây đã chết.”

Bà mím môi cười khẽ với tôi. “Chúa lòng lành. Chẳng lẽ ông nội cậu không kể bất cứ điều gì về các bạn cũ của cậu ta sao?”

“Vài chuyện. Nhưng suốt một thời gian dài cháu vẫn nghĩ chúng chỉ là chuyện cổ tích.”

“Ta hiểu rồi”, bà nói.

“Cháu hy vọng điều đó không làm bà phật lòng.”

“Chỉ hơi ngạc nhiên thôi. Nhưng nói chung chúng ta thích người khác nghĩ về mình như thế hơn, vì điều đó có thể giúp ngăn lại những kẻ không mời mà tới. Ngày nay càng lúc càng có ít người tin vào những chuyện này - các nàng tiên, xác sống, và tất cả những thứ vớ vẩn đó - và như vậy những người bình thường không còn bỏ công ra tìm kiếm chúng ta nữa. Điều đó làm chúng ta dễ sống hơn một chút. Những câu chuyện ma và những ngôi nhà cũ ghê rợn cũng có ích cho chúng ta - cho dù trong trường hợp của cậu thì có vẻ không phải thế.” Bà mím cười. “Hẳn gia đình cậu luôn có những trái tim sư tử.”

“Vâng, cháu đoán là vậy”, tôi vừa nói vừa nở nụ cười dè dặt, cho dù kỳ thực tôi cảm thấy mình có thể xiêu bất cứ lúc nào.

“Dù thế nào đi nữa, về nơi này”, người phụ nữ vừa nói vừa khoát tay thật rộng ra xung quanh. “Khi còn bé, cậu đã tin ông nội cậu đang ‘dựng lên tất

cả', như người ta vẫn nói đúng không nhỉ? Nhồi nhét vào cậu một mớ dối trá to tướng. Phải vậy không?"

“Không hẳn là những lời dối trá, nhưng...”

“Hur cấu, bóc phét, diễu võ giương oai - bất cứ cách nói nào cậu thích. Từ lúc nào cậu nhận ra những gì Abraham đã kể là sự thật?”

“À”, tôi nói, nhìn chằm chằm vào mê cung các họa tiết quyện vào nhau được dệt trên tấm thảm, “cháu đoán mình vừa mới nhận ra ngay lúc này đây.”

Bà Peregrine, lúc trước vốn rất hào hứng, dường như có phần hơi xịu xuống một chút. “Ôi Chúa ơi, ta hiểu rồi.” Rồi sau đó vẻ mặt của bà trở nên dửng dưng, như thể trong khoảng thời gian im lặng ngắn ngủi giữa hai chúng tôi, bà đã trực cảm được điều khủng khiếp tôi sắp nói với bà. Dẫu thế, tôi vẫn phải tìm một cách để nói ra thành lời.

“Cháu nghĩ ông muốn giải thích mọi thứ”, tôi nói, “Nhưng ông đã đợi quá lâu. Vì thế, ông cử cháu tới đây thay mình để tìm bà.” Tôi lấy lá thư nhàu nhĩ từ trong túi áo khoác ra. “Đây là thư bà gửi. Chính nó đã đưa cháu tới đây.”

Bà cẩn thận vuốt phẳng lá thư trên tay vịn chiếc ghế đang ngồi rồi cầm nó lên, mấp máy đọc. “Thật vô ơn làm sao! Trong khi trên thực tế ta đã cầu xin cậu ấy hồi đáp.” Bà lắc đầu, ngồi đăm chiêu trong giây lát. “Chúng ta luôn mong mỗi tin tức của Abe biết chừng nào. Ta từng hỏi cậu ấy liệu có phải muốn làm ta lo đến chết hay không mà cứ khăng khăng sống công khai như vậy. Cậu ấy có thể cứng đầu đến bất trị thế đấy!”

Bà gập lá thư lại cho vào phong bì, và dường như một đám mây đen vừa lướt qua trên đầu bà. “Cậu ấy qua đời rồi phải không?”

Tôi gật đầu. Rồi tôi ngắc ngư kể với bà những gì đã xảy ra - nghĩa là kể với bà câu chuyện cảnh sát đã dựng lên và tôi cũng đi tới chỗ tin vào nó sau vô số buổi tư vấn tâm lý. Để khỏi bật khóc, tôi chỉ kể với bà những nét chung chung: ông sống ở vùng ngoại ô thị trấn; chúng tôi vừa mới trải qua một đợt hạn hán và khu rừng đầy ắp những con thú hoang tuyệt vọng đang

sắp chết đói; ông đã ở không đúng chỗ, không đúng thời điểm. “Đáng lẽ ông cháu không nên sống một mình”, tôi giải thích, “nhưng như bà nói đây, ông rất bướng bỉnh.”

“Ta đã e sợ chuyện này”, bà nói. “Ta đã cảnh báo cậu ấy đừng rời khỏi đây.” Hai nắm tay bà siết chặt lấy đôi que đan đang để trong lòng, như thể cần nhắc xem nên dùng chúng để đâm ai. “Và rời để cháu cậu ấy mang tin xấu trở lại báo cho chúng ta.”

Tôi có thể hiểu con giận dữ của bà. Chính tôi cũng từng trải qua nó. Tôi cố an ủi bà, viện ra tất cả những sự thật nửa vơi nhằm mục đích trấn an mà bố mẹ tôi cùng bác sĩ Golan đã nói tới trong những khoảnh khắc đen tối nhất tôi trải qua mùa thu vừa rồi, “Đã đến lúc để ông ra đi. Ông rất cô đơn. Bà nội cháu đã mất nhiều năm rồi, và đầu óc ông cũng không còn sáng suốt nữa. Ông luôn quên cái này cái kia, lẫn lộn mọi thứ với nhau. Đó là lý do vì sao ban đầu ông lại có mặt trong rừng.”

Bà Peregrine buồn bã gật đầu. “Cậu ấy cứ thế để cho mình già đi.”

“Theo khía cạnh nào đó, ông cháu đã gặp may. Cái chết không kéo dài và dai dẳng. Không phải nằm viện nhiều tháng trời, bị gắn vào đủ thứ máy móc.” Những lời này thật lố bịch, tất nhiên rồi - cái chết của ông hoàn toàn vô nghĩa, ghê rợn - nhưng tôi nghĩ nói thế thì cả hai chúng tôi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn một chút.

Bỏ mớ đồ đan sang bên, bà Peregrine đứng dậy và khó nhọc bước tới cửa sổ. Dáng đi của bà cứng nhắc và vụng về, như thể một chân bà ngắn hơn chân bên kia.

Bà nhìn ra ngoài sân, về phía những đứa trẻ đang chơi đùa. “Bọn trẻ không được phép biết chuyện này”, bà nói. “Ít nhất là chưa phải bây giờ. Điều đó sẽ chỉ làm chúng phiền muộn.”

“Vâng. Tùy theo ý bà thôi.”

Bà lặng lẽ đứng một hồi bên khung cửa kính, đôi vai run rẩy. Cuối cùng, khi quay lại đối diện với tôi, bà đã hoàn toàn bình tĩnh và lý trí: “Được rồi,

cậu Portman”, bà hỏi nhanh, “ta nghĩ cậu đã bị cật vấn đủ rồi. Hẳn cậu cũng có những chuyện muốn hỏi.”

“Một nghìn lẻ một câu thôi ạ.”

Bà lấy một cái đồng hồ từ trong túi áo ra và xem giờ. “Chúng ta hãy còn ít thời gian trước giờ ăn tối. Ta hy vọng chừng đó là đủ để khai sáng cho cậu.”

Bà Peregrine ngừng lời và ngẩng đầu lên. Đột nhiên, bà hồi hải bước tới cửa phòng khách, mở toang nó ra và thấy Emma đang phủ phục ở phía bên kia, khuôn mặt đỏ bừng đầy vệt nước mắt. Cô đã nghe thấy tất cả.

“Cô Bloom! Cô đã nghe trộm phải không?”

Emma loạng choạng đứng dậy, bật ra tiếng nức nở.

“Người lịch sự thì không nghe trộm những cuộc nói chuyện không dành cho...” Nhưng Emma đã vùng chạy khỏi phòng, và bà Peregrine bèn chấm dứt câu nói bằng một tiếng thở dài chán nản. “Thật không may. Ta e rằng cô bé khá nhạy cảm với chuyện ông nội cậu.”

“Cháu thấy rồi”, tôi nói. “Tại sao vậy? Có phải họ...?”

“Khi Abraham rời đi để chiến đấu trong chiến tranh, cậu ấy đã mang theo trái tim của tất cả chúng ta, nhưng đặc biệt là cô Bloom. Phải, hai người họ ngưỡng mộ nhau, là người tình, người yêu của nhau.”

Tôi bắt đầu hiểu vì sao Emma lại gò ép bản thân không được tin tôi đến thế, bởi điều đó sẽ có nghĩa, gần như chắc chắn, là tôi có mặt ở đây để báo tin xấu về ông.

Bà Peregrine vỗ vỗ tay như để phá vỡ một thứ bùa mê. “À, vậy đấy”, bà nói, “biết làm sao được.”

Tôi theo bà rời phòng đi ra cầu thang. Bà Peregrine leo lên cầu thang với vẻ cương quyết mạnh mẽ, hai tay giữ chặt lấy tay vịn để kéo mình lên từng bậc một, từ chối bất cứ sự giúp đỡ nào. Khi chúng tôi lên tới chiếu nghỉ, bà dẫn tôi theo hành lang tới thư viện. Giờ thì trong nơi này đúng như một phòng học thực sự, bàn học được kê thành một hàng, có một tấm bảng viết

phần trong góc và những cuốn sách phủ bụi được xếp ngay ngắn trên các giá. Bà Peregrine chỉ vào một cái bàn học và nói, “Ngồi xuống đi”, vậy là tôi bèn thu người ngồi xuống đó. Bà đi tới phía đầu phòng và đối diện với tôi.

“Cho phép ta dành cho cậu một bài giới thiệu ngắn. Ta nghĩ cậu sẽ tìm thấy câu trả lời cho phần lớn câu hỏi của cậu ở trong nó.”

“Vâng.”

“Các hợp phần tạo nên loài người thực ra đa dạng hơn rất nhiều so với những gì phần lớn con người có thể ngờ tới”, bà bắt đầu. “Cách phân loại thực sự của người Homo sapiens là một bí mật chỉ một số ít người biết, và cậu giờ sẽ là một trong số đó. Về cơ bản, nó là sự phân đôi đơn giản thành hai nhánh: những người năng lực chuẩn, hay số đông bình thường tạo nên đa số nhân loại, và một nhánh ẩn - giống người bí mật, cậu có thể coi là vậy - những cá thể được gọi là dị nhân, hay ‘linh hồn đặc biệt’ trong ngôn ngữ thiêng liêng của tổ tiên ta. Và như cậu hẳn cũng đã nhận ra, chúng ta ở đây thuộc về nhóm người thứ hai.”

Tôi gật đầu như thể đã hiểu, mặc dù bà làm tôi hoàn toàn lạc hướng. Hy vọng bà nói chậm lại một chút, tôi đưa ra một câu hỏi.

“Nhưng tại sao người ta không biết tới những người như bà? Liệu những người ở đây cùng bà có phải là nhóm duy nhất không?”

“Có những người đặc biệt ở khắp nơi trên thế giới”, bà nói, “cho dù số lượng của chúng ta đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Những ai còn sống đều ẩn mình, giống như chúng ta đang làm.” Giọng bà chuyển sang một âm điệu nuối tiếc dịu dàng. “Đã từng có thời chúng ta có thể công khai hòa nhập cùng những người bình thường. Ở một số nơi trên thế giới, chúng ta được nhìn nhận như các pháp sư và người có phép thần thông, được nhờ trợ giúp vào những thời điểm khó khăn. Một số nền văn hóa đã lưu giữ lại được mối quan hệ hài hòa này với cộng đồng chúng ta, cho dù chỉ tại những nơi mà cả đời sống hiện đại lẫn các tôn giáo chính không thể tạo dựng được chỗ đứng như tại hòn đảo pháp thuật huyền bí Ambrym tại New Hebrides. Song phần lớn thế giới đã quay ra chống lại chúng ta từ lâu rồi. Người Hồi

giáo xưa đuổi chúng ta. Người Cơ Đốc giáo thiêu sống chúng ta như phù thủy. Thậm chí cả những người tà giáo tại xứ Wales và Ireland rất cuộc cũng đi tới kết luận tất cả chúng ta đều là những pháp sư độc ác và do ma quỷ đội lốt.”

“Vậy sao những người như bà lại... cháu không biết nữa... lại không tự lập quốc gia cho mình ở đâu đó? Tới đó và sống tự tại?”

“Giá như chuyện này được đơn giản như thế”, bà Peregrine nói. “Những nét dị năng thường bị gián đoạn qua một thế hệ, hay có khi là mười. Những đứa trẻ đặc biệt không phải luôn luôn, hay thậm chí là thường xuyên, được sinh ra từ những ông bố bà mẹ đặc biệt, và các bậc phụ mẫu đặc biệt không phải luôn luôn, hay thậm chí thường xuyên, sinh ra những đứa con đặc biệt. Cậu có thể hình dung vì sao điều này lại là một mối nguy hiểm cho tất cả những người có dị năng trong một thế giới luôn sợ hãi sự khác biệt đến thế hay không?”

“Vì những ông bố bà mẹ bình thường sẽ phát khiếp nếu con cái họ bắt đầu... phóng ra lửa chẳng hạn, phải thế không ạ?”

“Chính xác là vậy, cậu Portman. Những đứa con đặc biệt của những cặp bố mẹ bình thường rất hay bị ngược đãi và bỏ mặc theo những cách ghê rợn nhất. Chỉ mới vài thế kỷ trước đây thôi, bố mẹ của những đứa trẻ đặc biệt vẫn còn đơn giản cho rằng những đứa con trai hay con gái ‘thực sự’ của họ đã bị đánh cắp và trao đổi bằng các thể thân nghĩa là những tạo vật giống hệt nhưng bị phù phép và xấu xa, nếu không muốn nói là hoàn toàn giả tạo - điều này, vào những thời kỳ tăm tối, được coi như điều kiện cho phép bỏ mặc những đứa trẻ tội nghiệp, nếu họ không thẳng tay loại trừ chúng.”

“Thật kinh khủng.”

“Rất kinh khủng. Cần phải làm điều gì đó, vậy là những người giống như ta tạo nên những địa điểm mà những đứa trẻ đặc biệt có thể sống tách biệt khỏi những người bình thường - những nơi ẩn náu được tách riêng về không gian và thời gian như nơi này, một điều ta vô cùng tự hào.”

“Những người giống như bà?”

“Người đặc biệt chúng ta được phú cho những năng lực người thường không có được, những kỹ năng cũng vô hạn về sự kết hợp và đa dạng không kém gì màu da hay gương mặt của những người khác. Có nghĩa là một số năng lực khá thông dụng, chẳng hạn như đọc ý nghĩ, trong khi có những cái lại hiếm gặp hơn, như năng lực kiểm soát thời gian của ta.”

“Thời gian ư? Cháu tưởng bà biến thành một con chim.”

“Chắc chắn rồi, và trong đó ẩn chứa chìa khóa cho năng lực của ta. Chỉ có chim mới kiểm soát được thời gian. Vì thế, tất cả những người kiểm soát thời gian phải có khả năng hóa thành hình dạng một con chim.”

Bà Peregrine nói ra những lời này một cách nghiêm túc, bình thản tới mức tôi phải mất một khoảnh khắc mới tiêu hóa nổi nó. “Chim... là những người du hành vượt thời gian sao?” Tôi có thể cảm thấy mình đang nở một nụ cười ngờ nghệch.

Bà Peregrine nghiêm nghị gật đầu. “Tuy nhiên, phần lớn chúng chỉ có thể thỉnh thoảng xuyên qua thời gian một cách tình cờ. Chúng ta, những người có thể kiểm soát trường thời gian một cách có ý thức - và không chỉ cho bản thân chúng ta, mà cho cả những người khác - được gọi là các Chủ Vòng Thời Gian. Chúng ta tạo nên những vòng thời gian, trong đó những người đặc biệt có thể sống vô thời hạn.”

“Một cái vòng”, tôi nhắc lại, nhớ tới yêu cầu của ông: *tìm con chim, trong cái vòng*. “Và nơi này là một cái vòng?”

“Phải. Mặc dù đúng hơn cậu có thể gọi nó là vòng ba tháng Chín năm 1940.”

Tôi nhô người qua cái bàn học nhỏ về phía bà. “Ý bà muốn nói sao? Nó chỉ là một ngày thôi ư? Nó lặp lại sao?”

“Hết lần này tới lần khác, dù vậy chúng ta vẫn tiếp tục trải nghiệm nó. Nếu không chúng ta đã không có chút ký ức nào về, à phải, bảy mươi năm vừa qua chúng ta đã sống ở đây.”

“Thật đáng kinh ngạc”, tôi nói.

“Tất nhiên, chúng ta đã ở đây, tại Cairnholm, chừng hơn một thập kỷ, trước mồng ba tháng Chín năm 1940 - cô lập về không gian, nhờ vị trí địa lý có một không hai của hòn đảo - nhưng phải bắt đầu từ thời điểm đó chúng ta mới cần phải cô lập cả về thời gian.”

“Sao lại thế?”

“Vì nếu khác đi tất cả chúng ta đã bị giết rồi.”

“Bởi quả bom.”

“Chắc chắn là vậy.”

Tôi nhìn chăm chăm xuống mặt bàn. Tất cả bắt đầu sáng tỏ - cho dù mới chỉ mơ hồ. “Vậy còn vòng nào khác ngoài vòng này không ạ?”

“Rất nhiều”, bà Peregrine nói, “và gần như tất cả các Chủ Vòng Thời Gian quản lý chúng đều là bạn bè của ta. Để ta xem nào: có cô Gannet ở Ireland, vào tháng Sáu năm 1770; cô Nightjar ở Swansea vào mồng ba tháng Tư năm 1901; cô Avocet và cô Bunting cùng tại Derbyshire vào ngày Thánh Swithin năm 1867; cô Treecreeper ta không nhớ chính xác ở đâu nữa - à, và cô Finch^[17] đáng mến. Ta có một bức ảnh rất đáng yêu của cô ấy ở đâu đó.”

Bà Peregrine vất vả lôi một album ảnh to tướng từ một cái giá xuống và đặt lên bàn học trước mặt tôi. Bà cúi xuống phía trên vai tôi trong lúc lật những trang album cứng đơ, tìm kiếm một bức ảnh nào đó nhưng nấn ná dừng lại ở những bức ảnh khác, giọng đờm về hoài cổ mơ màng. Trong khi chúng diễu qua, tôi nhận ra những bức ảnh từ chiếc rương bị vỡ nát dưới tầng hầm và từ hộp đựng xì gà của ông. Bà Peregrine đã sưu tập tất cả chúng. Thật lạ khi nghĩ rằng bà đã cho ông nội tôi xem cũng chính những bức ảnh này bao nhiêu năm trước, khi ông còn ở vào tuổi tôi - rất có thể ngay ở đây, trong căn phòng này, tại chiếc bàn này - và giờ đây bà đang cho tôi xem tất cả chúng, như thể bằng cách nào đó tôi đã đặt chân vào quá khứ của ông.

Cuối cùng, bà giở tới bức ảnh chụp một phụ nữ với dáng vẻ thoát tục và một con chim nhỏ tròn trịa đậu trên bàn tay, và nói, “Đây là cô Finch và bà

cô của cô ấy, bà Finch.” Người phụ nữ và con chim có vẻ đang giao tiếp với nhau.

“Làm sao bà có thể phân biệt được họ với nhau?” tôi hỏi.

“Bà Finch già hầu như lúc nào cũng thích giữ hình dạng chim sẻ. Mà như thế cũng tốt, thật vậy. Bà ấy chẳng bao giờ thích trò chuyện nhiều.”

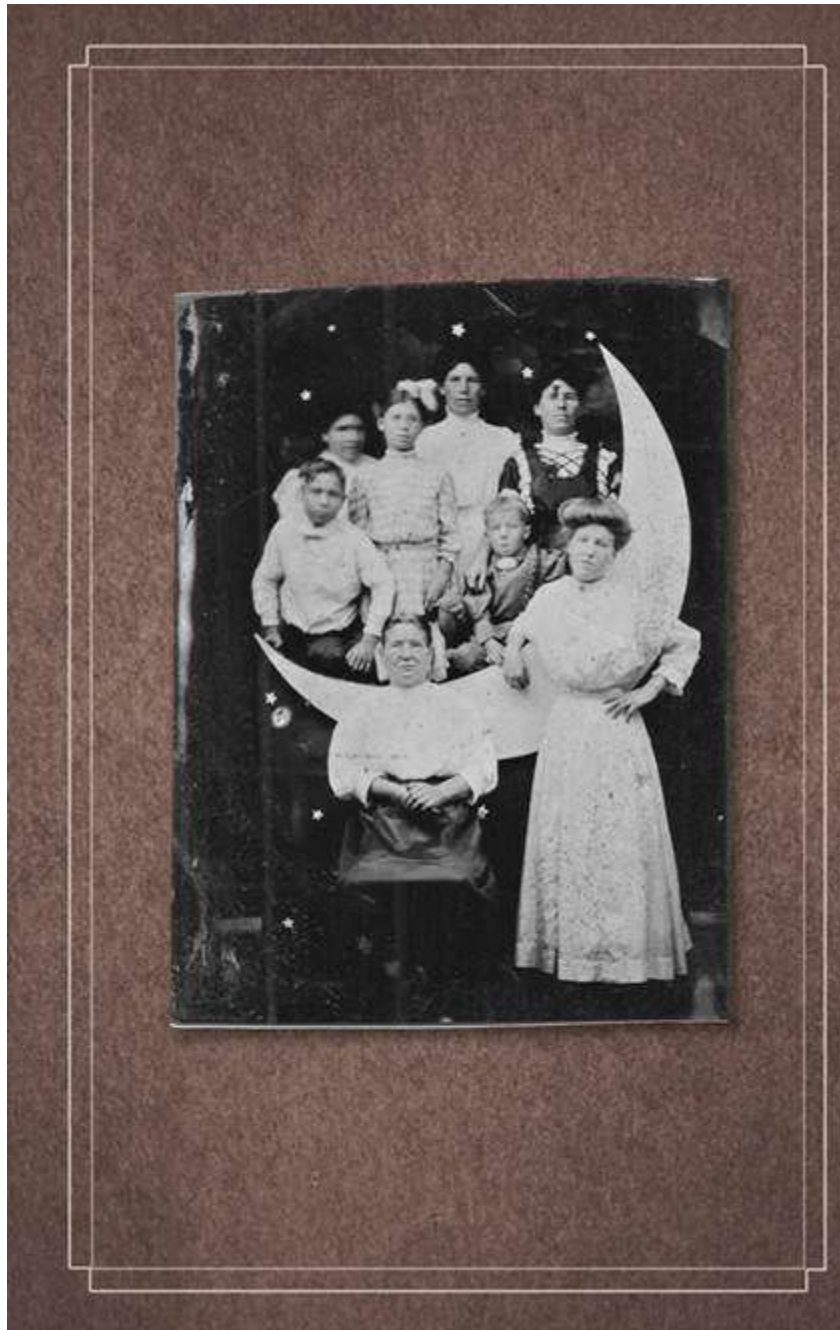
Bà Peregrine lật thêm vài trang nữa, lần này dừng lại ở một bức ảnh chụp một nhóm phụ nữ và trẻ con trông chẳng vui vẻ gì tập hợp lại quanh một mặt trăng bằng giấy.

“À, phải rồi! Ta đã gần như quên mất bức ảnh này.” Bà lấy bức ảnh ra khỏi chỗ gài và kính cẩn cầm nó lên. “Người phụ nữ đứng đằng trước kia là cô Avocet. Đến với những người đặc biệt chúng ta cô ấy cũng như một nhân vật trong hoàng tộc vậy. Suốt năm mươi năm người ta đã cố gắng để bầu cô ấy làm chủ tịch Hội đồng Các Chủ Vòng Thời Gian, nhưng cô ấy không bao giờ có thể từ bỏ việc dạy học tại ngôi trường do cô ấy và cô Bunting thành lập. Ngày nay, chẳng có một Chủ Vòng Thời Gian nào xứng đáng với danh xưng này lại chưa từng nhận được sự dạy dỗ của cô Avocet, kể cả ta! Kỳ thực, nếu nhìn thật kỹ: có thể cậu sẽ nhận ra cô bé đeo kính kia.”

Tôi nheo mắt. Khuôn mặt bà chỉ vào rất tối và hơi nhòe. “Là bà sao?”

“Ta là học viên trẻ nhất cô Avocet từng dạy dỗ”, bà Peregrine nói đầy tự hào.





“Thế còn những cậu con trai trong ảnh thì sao?” tôi hỏi. “Trông họ thậm chí còn trẻ hơn cả bà.”

Khuôn mặt bà Peregrine tối sầm lại. “Cậu đang nhắc tới những đứa em trai lầm lạc của ta. Thay vì tách riêng ra, bọn họ cùng tới trường học ta. Bọn họ được nuông chiều thái quá như hai hoàng tử vậy. Ta dám nói chính điều đó đã làm hỏng họ.”

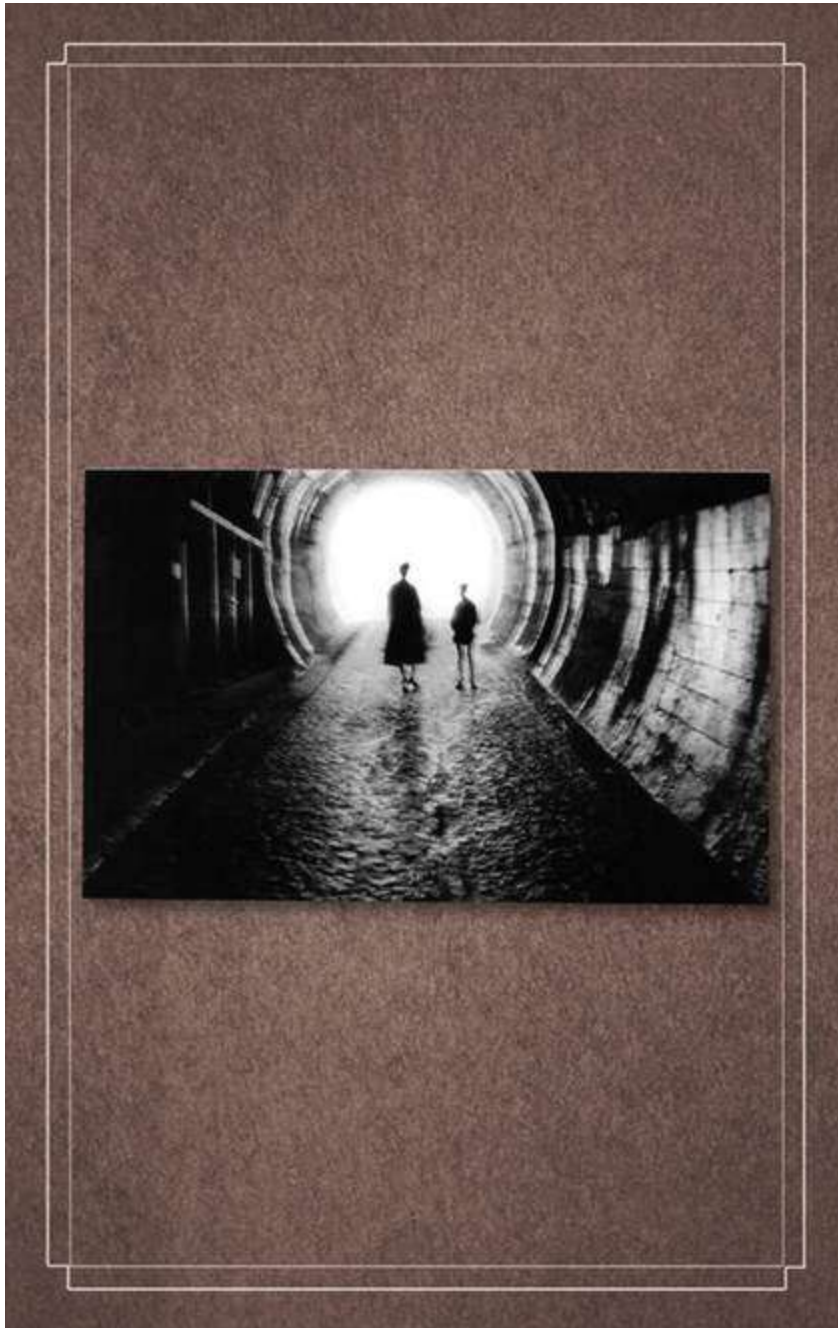
“Họ không phải là những Chủ Vòng Thời Gian sao?”

“Ồ, không”, bà gắt gỏng. “Chỉ có phụ nữ là được sinh ra để trở thành Chủ Vòng Thời Gian, và ơn trời vì điều đó! Nam giới thiếu sự nghiêm túc, phẩm chất cần thiết ở những người phải gánh vác trách nhiệm lớn lao như vậy. Các Chủ Vòng Thời Gian chúng ta phải đi lòng khắp mọi miền để tìm kiếm những đứa trẻ đặc biệt đang cần giúp đỡ, đưa bọn chúng tránh xa những kẻ muốn gây hại cho chúng ta, rồi cung cấp cái ăn cái mặc, nơi trú ẩn cho những đứa trẻ chúng ta phụ trách, và truyền dạy cho chúng những hiểu biết của tộc người chúng ta. Và thế vẫn chưa đủ đâu, chúng ta còn phải đảm bảo để vòng của mình được khởi động lại mỗi ngày như đồng hồ vậy.”

“Nếu chúng không được khởi động lại thì chuyện gì sẽ xảy ra?”

Bà Peregrine giơ một bàn tay run rẩy lên ngang mày và loạng choạng lùi lại, làm bộ kinh hoàng. “Tai ương, chấn động, thảm họa! Thậm chí ta còn không dám nghĩ tới chuyện đó. Thật may, cơ chế để khởi động lại các vòng rất đơn giản: hằng ngày một trong số chúng ta cần phải đi xuyên qua lối vào. Hành động này giúp nó thông suốt cậu thấy đấy. Lối vào vòng cũng ít nhiều giống như một cái lỗ trên bột nhào còn ướt; nếu thỉnh thoảng cậu không lấy ngón tay chọc vào nó, cái lỗ đó có thể tự động bị bít lại. Và nếu không có lối vào hay lối ra - không có cái van giảm áp nào để có thể qua đó xả bớt, nhiều thứ áp lực tự nhiên sẽ tích tụ lại trong một hệ thống thời gian khép kín...” Bà đưa hai tay ra dấu nổ *bùm*, như thể đang mình họa lại một vụ nổ pháo. “Vậy đấy, cả hệ thống sẽ trở nên bất ổn.”

Bà Peregrine lại cúi người xuống album ảnh và tỉ mỉ lần qua các trang. “Nhắc mới nhớ, có lẽ ta có một bức ảnh của... à, nó đây rồi. Một lối vào là thế này đây!” Bà lấy một bức ảnh nữa ra khỏi ví cài. “Đây là cô Finch và một trong những học trò của cô trong lối vào huy hoàng dẫn tới vòng của cô ấy, tọa lạc tại một khu hiếm khi được sử dụng của hệ thống tàu điện ngầm London. Khi nó được khởi động, cả đường hầm chìm trong một quãng sáng chói chang khủng khiếp. Ta luôn nghĩ lối vào vòng của chúng ta so với nó có lẽ khá khiêm tốn”, bà nói, một chút ghen tị thoáng lộ ra.



“Cháu hỏi cho rõ thôi nhé”, tôi nói. “Nếu hôm nay là mùng ba tháng Chín năm 1940, vậy thì ngày mai... cũng là mùng ba tháng Chín sao?”

“À, một phần nhỏ trong số hai mươi bốn giờ của vòng thuộc về mùng hai tháng Chín, nhưng, đúng vậy, ngày mai vẫn là mùng ba.”

“Vậy là ngày mai không bao giờ tới.”

“Có thể nói là vậy.”

Bên ngoài, một tiếng âm âm xa xa nghe như tiếng sấm vẳng lại, và cửa sổ tôi sấm lại rung lên lạch cạch. Bà Peregrine ngược nhìn lên và một lần nữa lấy đồng hồ ra.

“Ta e rằng ta chỉ có thể dành ra chừng đó thời gian vào lúc này. Ta hy vọng cậu sẽ ở lại dùng bữa tối.”

Tôi nói tôi sẽ ở lại dùng bữa; hầu như không bận tâm đến việc bố có thể bắn khoản xem tôi đang ở đâu. Tôi loay hoay bước ra từ đằng sau cái bàn học và bắt đầu đi theo bà Peregrine ra cửa, nhưng rồi một câu hỏi nữa lại hiện lên trong đầu tôi, câu hỏi đã đeo đẳng tôi một thời gian dài.

“Ông nội cháu tới đây có phải để chạy trốn bọn Quốc Xã thật không?”

“Đúng thế”, bà nói. “Một số đứa trẻ tới với chúng ta trong những năm kinh khủng ngay trước khi chiến tranh bùng nổ. Có rất nhiều biến động.” Trong bà có vẻ đau khổ, như thể ký ức vẫn còn tươi mới. “Ta tìm thấy Abraham trong một khu trại dành cho người tị nạn trên đất liền. Cậu ấy là một cậu bé tội nghiệp, bị giày vò, nhưng thật mạnh mẽ. Ta lập tức nhận ra cậu ấy thuộc về cộng đồng chúng ta.”

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm; ít nhất phần đời đó của ông cũng đúng như tôi từng hiểu. Song vẫn còn một điều nữa tôi thắc mắc, mà không biết nên đặt câu hỏi như thế nào.

“Ông nội cháu... ông có giống như...?”

“Như chúng ta không chứ gì?”

Tôi gật đầu.

Bà Peregrine mỉm cười thật lạ lùng. “Cậu ấy giống cậu, Jacob.” Rồi bà quay đi, tập tễnh bước về phía cầu thang.

Bà Peregrine nhất thiết yêu cầu tôi phải rửa sạch bùn đất trước khi ngồi vào bàn ăn, và yêu cầu Emma đưa tôi đi tắm. Tôi nghĩ bà hy vọng bằng cách nói chuyện một chút với tôi, Emma sẽ bắt đầu cảm thấy dễ chịu hơn. Nhưng cô thậm chí còn chẳng nhìn tôi. Tôi dõi theo trong lúc cô vắn nước

lạnh vào bồn tắm rồi làm ấm nước bằng hai bàn tay trần của mình, khóa đi khóa lại cho tới khi hơi nước bốc lên.

“Hay quá”, tôi nói. Nhưng cô gái rời đi mà không đáp lại một lời nào.

Sau khi đã biến nước trong bồn thành màu nâu khá sẫm, tôi choàng khăn tắm lên người, ra khỏi bồn và tìm thấy một bộ đồ để thay treo sau cánh cửa - một cái quần vải tuyết rộng thùng thình, một cái áo sơ mi có khuy cài cổ, một đôi dây đai đeo quần quá ngắn song tôi không tìm ra nổi cách chỉnh thế nào cho vừa. Vậy là tôi có hai lựa chọn cho việc mặc quần, hoặc là để nó tụt quanh mắt cá, hoặc là phải kéo quần tít lên tận rốn. Tôi quyết định rằng phương án hai là lựa chọn đỡ tệ hại hơn, rồi xuống dưới nhà để dùng bữa ăn có lẽ là kỳ lạ nhất trong đời mình với trang phục chẳng khác gì một anh hề chưa hóa trang.

Bữa tối là một đám nhòe nhoẹt quay cuồng chóng mặt của những khuôn mặt và cái tên, rất nhiều trong đó tôi mơ hồ hồi tưởng lại được từ những bức ảnh và những lời mô tả đã từ lâu lắm của ông. Khi tôi vào phòng ăn, đám thiếu niên, vốn trước đó đang la hét ầm ĩ để tranh chỗ ngồi quanh bàn, đều đứng sững cả lại và nhìn tôi chằm chằm. Tôi có cảm giác họ không mấy khi có khách tới ăn tối. Bà Peregrine, đã ngồi chỉnh tề ở đầu bàn, đứng dậy và dùng khoảng im lặng đột ngột này như cơ hội để giới thiệu tôi.

“Với những ai trong các cô cậu chưa có vinh hạnh gặp cậu ấy”, bà nói, “đây là cháu nội của Abraham, Jacob. Cậu ấy là khách danh dự của chúng ta, và đã vượt qua một quãng đường dài để có mặt tại đây. Ta hy vọng các cô cậu sẽ cư xử với cậu ấy đúng mực.” Sau đó, bà chỉ vào từng người trong phòng và giới thiệu tên, phần lớn những cái tên đó tôi lập tức quên ngay, như chuyện thường xảy ra khi tôi bối rối. Sau màn giới thiệu là cả một cơn mưa câu hỏi, nhưng đã được bà Peregrine đánh bật đi một cách cực kỳ hiệu quả.

“Jacob sẽ ở lại chỗ chúng ta chứ ạ?”

“Theo như ta biết thì không.”

“Abe đâu rồi?”

“Abe đang bận việc ở Mỹ.”

“Tại sao Jacob lại mặc quần của Victor?”

“Victor không cần tới nó nữa, còn cậu Portman cần tắm rửa.”

“Abe đang làm gì ở Mỹ vậy?”

Đến câu hỏi này tôi đưa mắt nhìn Emma, lúc ấy vẫn đang trừng mắt nhìn từ trong góc phòng, và cô liền đứng vụt dậy khỏi ghế, kiêu hãnh bước ra khỏi phòng. Những người khác, có vẻ đã quá quen với tính khí bốc đồng của cô gái, không hề tỏ vẻ bận tâm.

“Đừng bận tâm Abe đang làm gì”, bà Peregrine gắt lên.

“Khi nào cậu ấy quay lại ạ?”

“Đừng bận tâm tới chuyện đó. Chúng ta dùng bữa nào!”

Tất cả mọi người đồng loạt ngồi xuống ghế. Tưởng mình đã tìm thấy một cái ghế còn trống, tôi tới đó ngồi xuống và cảm thấy một cái nĩa chọc vào đùi mình. “Thứ lỗi nhé!” Millard la lên. Nhưng bà Peregrine buộc cậu ta phải từ bỏ trò đùa của mình, yêu cầu cậu ta ra khỏi phòng về mặc quần áo.

“Ta còn phải bảo cậu bao nhiêu lần nữa”, bà nói với theo sau cậu ta, “những người lịch sự không ở trần đi ăn tối!”

Các cô cậu thiếu niên làm việc ở nhà bếp xuất hiện mang lên các khay thức ăn, tất cả đều đập nắp bạc sáng bóng khiến thực khách không thể nhìn thấy những gì ở trong, bèn tha hồ tung ra những phỏng đoán hoang đường về thực đơn bữa tối.

“Ừng da rái cá!” một cậu con trai hét to.

“Mèo con muối và gan chuột chù!” một người khác nói, phỏng đoán này được những đứa trẻ ít tuổi hơn đáp lại bằng những tiếng cười khúc khích. Nhưng khi những cái nắp cuối cùng cũng được nhấc lên, một bữa tiệc vương giả lộ diện: một con ngỗng quay, lớp da ngả màu vàng cánh gián hoàn hảo; nguyên một con cá hồi và một con cá tuyết, mỗi con đều được bày kèm với chanh, thì là tươi và rưới bơ đun chảy; một bát đựng trai hấp; những đĩa đựng rau củ nướng; những ổ bánh mì nóng hôi hổi mới ra lò; và đủ

các loại thạch và xốt mặc dù tôi không nhận ra được là gì nhưng trong có vẻ rất ngon. Tất cả đều lộng lẫy mời gọi dưới ánh sáng lung linh của đèn khí đốt, cách xa cả một thế giới so với những món hầm như béo ngậy không thể luận ra nguồn gốc tôi đã phải cố nuốt vào tại Priest Hole. Chưa có gì vào bụng kể từ bữa sáng, tôi liền lao vào ăn ngấu nghiến chẳng để ý tới gì khác nữa.

Đáng lẽ tôi không nên thấy ngạc nhiên vì những đứa trẻ đặc biệt có cách ăn đặc biệt, nhưng giữa những lần đưa nĩa lấy thức ăn, tôi nhận ra mình đang lén liếc mắt nhìn quanh phòng. Olive, cô gái có thể bay lên được cái đai buộc vào một cái ghế được vít chặt xuống sàn để cô không lơ lửng bay lên tận trần nhà. Để những người còn lại không bị lũ côn trùng quấy rầy, Hugh, cậu con trai nuôi ong trong bụng, ngồi ăn trong một cái màn chống muỗi lớn, ở một cái bàn ai đó kê trong góc. Claire, cô gái trông như búp bê với những lọn tóc vàng óng hoàn hảo, ngồi ngay cạnh bà Peregrine nhưng không ăn miếng nào.

“Bạn không đói sao?” tôi hỏi cô.

“Claire không ăn cùng với chúng ta”, Hugh lên tiếng, một con ong thoát ra khỏi miệng cậu ta. “Bạn ấy ngưng.”

“Tôi không ngưng!” cô gái vừa đáp vừa trừng mắt nhìn cậu ta.

“Thế à? Vậy thì ăn gì đó đi!”

“Không ai ở đây phải ngưng về năng lực của họ cả”, bà Peregrine nói. “Chỉ đơn giản là cô Densmore thích ăn một mình. Phải vậy không, cô Densmore?”

Cô gái nhìn chăm chăm vào mặt bàn trống trước mặt mình, rõ ràng ước gì mọi sự chú ý hãy tan biến đi.

“Claire có miệng ở sau gáy”, Millard giải thích, lúc này cậu ta đang ngồi cạnh tôi, mặc trên người một chiếc áo vest dạ tiệc (ngoài ra không còn gì khác).

“Cái gì cơ?”

“Nào, hãy cho cậu ấy thấy đi!” ai đó lên tiếng. Chẳng mấy chốc, tất cả mọi người quanh bàn đều hồi thúc Claire ăn chút gì đó. Và cuối cùng, chỉ để làm bọn họ im lặng, cô gái làm theo.

Một cái đũa ngỗng được để xuống trước mặt cô. Cô xoay người ra sau, và vừa bám lấy tay vịn ghế, cô vừa ngả người về phía lưng, chạm gáy xuống đĩa. Tôi nghe thấy tiếng cắn nhai vang lên rất rõ, và khi cô gái ngẩng gáy lên trở lại cái đũa ngỗng đã hực đi một miếng lớn. Bên dưới mái tóc vàng óng của cô gái là hai hàm răng sắc lẹm. Đột nhiên tôi chợt hiểu bức ảnh lạ lùng chụp Claire tôi đã thấy trong cuốn album ảnh của bà Peregrine, người thợ ảnh đã dành cho nó hai khuôn hình: một bức chụp khuôn mặt xinh đẹp kiêu hãnh của cô gái, bức kia chụp những lọn tóc đã che khuất hoàn toàn phần gáy cô.



Claire quay người lại như trước, khoanh hai tay, bực bội vì đã để mình bị thúc giục đến chỗ thực hiện một màn trình diễn mất mặt như thế. Cô gái ngồi im lặng trong khi những người khác dồn dập đặt câu hỏi với tôi. Sau khi bà Peregrine đã gạt đi thêm vài câu hỏi về ông nội tôi, đám thiếu niên quay sang các chủ đề khác. Họ có vẻ đặc biệt quan tâm tới cuộc sống diễn ra vào thế kỷ hai mươi mốt.

“Có mô tô bay không?” một cậu con trai mới dậy thì có tên Horace hỏi, bộ vest sẫm màu cậu ta mặc khiến chủ nhân của nó trong giống như một anh chàng học việc.

“Không”, tôi nói. “Ít nhất là chưa có.”

“Người ta đã xây các thành phố trên mặt trăng chưa?” một cậu con trai khác hỏi đầy hy vọng.

“Hồi thập niên sáu mươi, chúng tôi đã để lại trên đó ít rác và một lá cờ, nhưng cũng chỉ có thể thôi.”

“Nước Anh vẫn thống trị thế giới chứ?”

“À... không hẳn là thế.”

Họ có vẻ thất vọng. Chớp thời cơ, bà Peregrine liền nói, “Các em thấy chưa? Nói cho cùng tương lai cũng không có gì ghê gớm cả. Chẳng có gì không ổn với hiện tại cũ kỹ tốt đẹp ở đây lúc này!” Tôi có cảm giác đây là điều bà thường cố in vào đầu đám trẻ, mà không mấy thành công. Nhưng nó làm tôi tự hỏi: họ đã ở đây, trong “hiện tại cũ kỹ tốt đẹp lúc này”, được bao lâu rồi?

“Các bạn có phiền nếu mình hỏi các bạn bao nhiêu tuổi rồi không?” tôi hỏi.

“Mình tám mươi ba tuổi”, Horace nói.

Olive giơ tay lên đầy phấn khích. “Tuần tới là tứ bảy mươi lăm tuổi rồi!” Tôi tự hỏi làm cách nào họ theo dõi được tháng và năm nếu ngày không bao giờ thay đổi.

“Tứ một trăm mười bảy hay một trăm mười tám tuổi gì đấy”, một cậu con trai mắt lơ đờ tên là Enoch nói. Trong cậu ta chỉ chưa quá mười ba. “Tớ từng sống trong một vòng khác trước khi tới vòng này”, cậu ta giải thích.

“Tớ gần tám mươi bảy tuổi rồi”, Millard nói trong khi mỡ ngỗng chảy nhỏ giọt từ miệng, và khi cậu ta nói, chỗ thịt ngỗng đang nhai dở không ngừng chuyển động bên trong bộ hàm vô hình của cậu ta để tất cả cùng thấy. Mọi người rên lên che mắt và nhìn đi chỗ khác.

Sau đó đến lượt tôi. Tôi nói với họ mình mười sáu tuổi. Tôi thấy một số người mở to mắt. Olive phá lên cười ngạc nhiên. Với tất cả họ, thật kỳ lạ khi tôi còn trẻ đến thế, nhưng điều lạ lùng với tôi là không hiểu sao họ dường như trông đều còn trẻ đến vậy. Tôi biết vô số người tám mươi tuổi ở Florida, và những đứa trẻ này xử sự chẳng giống gì với họ cả. Có vẻ như sự bất biến của cuộc sống họ trải qua tại đây, những ngày trôi qua không hề thay đổi - trong mùa hè bất tận này - đã làm ngưng lại cả cảm xúc lẫn cơ thể họ, gói gọn họ lại trong tuổi trẻ của mỗi người như Peter Pan và những Cậu Bé Thất Lạc của cậu ta.

Một tiếng bùm đột ngột vọng vào từ bên ngoài, lần thứ hai trong tối hôm nay, nhưng to hơn và gần hơn lần thứ nhất, làm tất cả đĩa và đồ bạc rung lên cành cách.

“Tất cả, khẩn trương kết thúc bữa ăn đi!” bà Peregrine ra lệnh, và bà vừa cất lời thì một cơn chấn động nữa rung chuyển ngôi nhà, khiến một bức ảnh lồng khung bật rơi khỏi bức tường đằng sau tôi.

“Cái gì vậy?” tôi hỏi.

“Lại là đám Jerry mắc dịch đó!” Olive càu nhàu, nắm tay nhỏ nhắn của cô xuống bàn, rõ ràng là bắt chước một người lớn nóng tính nào đó. Thế rồi tôi nghe thấy âm thanh gì đó giống như tiếng còi hụ ngoài xa, và đột nhiên tôi hiểu chuyện gì đang xảy ra. Đây là tối mùng ba tháng Chín năm 1940, và chỉ lát nữa một quả bom sẽ rơi xuống từ trên trời và phá bung ra một cái hố khổng lồ trong nhà. Tiếng còi kia là còi báo động phòng không, vọng lại từ đỉnh đồi.

“Chúng ta phải rời khỏi đây”, tôi nói, cơn hoảng hốt trào lên tận cổ. “Chúng ta cần rời đi trước khi quả bom rơi trúng!”

“Cậu ta chẳng biết gì kìa!” Olive cười khúc khích. “Cậu ta nghĩ chúng ta sắp chết cơ đấy!”

“Chỉ là thời điểm chuyển đổi thôi”, Millard nói, kèm theo một cái nhún vai chiếc áo vest dạ tiệc của cậu ta. “Chẳng việc gì phải cuống cuống lên thế đâu.”

“Tôi nào cũng thế này sao?”

Bà Peregrine gật đầu. “Tôi nào cũng vậy”, bà nói. Tuy vậy, tôi vẫn chưa hoàn toàn an tâm.

“Chúng em có thể ra ngoài và chỉ cho Jacob thấy không ạ?” Hugh hỏi. “Vâng, chúng em có thể ra không ạ?” Claire nài nỉ, đột nhiên trở nên hào hứng sau hai mươi phút hờn dỗi. “Thời điểm chuyển đổi lúc nào cũng tuyệt đẹp!”

Bà Peregrine do dự, chỉ ra rằng đám trẻ vẫn chưa ăn xong bữa tối, nhưng họ nài nỉ bà cho tới khi bà mềm lòng. “Được rồi, miễn là tất cả các em đều đeo mặt nạ”, bà nói.

Đám trẻ bật dậy khỏi ghế và ủa ra khỏi phòng, để cô bé Olive tội nghiệp lại sau cho tới khi ai đó thấy ái ngại và tới cởi cái đai buộc cô vào ghế. Tôi chạy theo sau họ qua ngôi nhà vào một căn phòng nghỉ ộp ván gỗ, tại đây mỗi người trong số họ đều vơ lấy thứ gì đó từ trong một cái tủ trước khi lao ra ngoài cửa. Bà Peregrine cũng đưa cho tôi một cái như thế, và tôi đứng xoay xoay món đồ đó trên tay. Trông nó giống như một khuôn mặt đàn hồi làm bằng cao su đen, có hai cái lỗ rộng lấp kính hết như những con mắt đông cứng lại vì kinh hoàng, còn cái mũi thò ra thành một ống trụ tròn, đáy có đục lỗ.

“Tiến lên”, bà Peregrine nói. “Đeo nó vào.” Và rồi tôi nhận ra vật đó là gì: một cái mặt nạ phòng khí độc.

Tôi chụp nó lên mặt và đi theo bà ra bãi cỏ, đám trẻ đã đứng đó rải rác như những quân cờ trên một bàn cờ không kẻ ô, chẳng biết ai là ai đằng sau những chiếc mặt nạ, tất cả đều đang ngược lên, theo dõi những cuộn khói đen cuộn trên bầu trời. Những ngọn cây đang cháy đùng đùng trong màn khói mù mịt ngoài xa. Tiếng ì ầm của những chiếc máy bay không thể trong thấy dường như vọng tới từ mọi hướng.

Thỉnh thoảng lại vọng tới một tiếng nổ ập ùng, tôi có thể cảm nhận nó dội lên trong lồng ngực mình như tiếng đập của một trái tim nữa, kéo theo là những làn hơi bỏng rát, như thể ai đó vừa mở rồi đóng một cái lò ngay trước mặt tôi. Tôi nằm phục xuống theo mỗi cơn chấn động, nhưng đám trẻ

thì chẳng hề nao núng lấy một giây. Thay vì thế họ hát, lời hát của họ được căn chính xác với nhịp nổ của những quả bom.

Chạy đi, thỏ, chạy đi, thỏ, chạy, chạy, CHẠY ĐI!

Bùm, bùm, BÙM, súng người nông dân nổ

Ông ta sẽ vẫn ổn dù không có món bánh nhân thỏ, vậy nên

Chạy đi, thỏ, chạy đi, thỏ, chạy, chạy, CHẠY ĐI!

Loạt đạn vạch những đường sáng chói lên nền trời đúng lúc bài hát kết thúc. Đám trẻ vỗ tay hoan hô như những khán giả chứng kiến một màn pháo hoa, những ánh chớp dữ dội đủ màu lóe sáng như những vết rạch trên mặt nạ họ đeo. Cuộc không kích ban đêm này đã trở thành một phần thường trực trong cuộc sống của họ, tới mức họ không còn nghĩ về nó như một điều gì đó khủng khiếp - kỳ thực, bức ảnh chụp cảnh tượng này tôi từng thấy trong cuốn album của bà Peregrine được chú thích là *Màn trình diễn tuyệt đẹp của chúng tôi*. Và tôi cho rằng cảnh tượng này đúng là thế, theo cách thức chết chóc riêng của nó.



Trời bắt đầu lất phất mưa phùn, như thể những mảnh kim loại bay lượn trên không trung đã chọc thủng các đám mây. Những cơn rung chấn giảm dần. Cuộc không kích dường như đang đến hồi kết.

Những đứa trẻ bắt đầu rời đi. Tôi tưởng chúng tôi sẽ trở vào trong, nhưng họ đi qua cửa trước tới một phần khác của sân nhà.

“Chúng ta đi đâu đây?” tôi hỏi hai đứa trẻ đeo mặt nạ.

Họ không nói gì, nhưng có vẻ như cảm nhận được sự lo lắng của tôi, họ nhẹ nhàng cầm lấy tay tôi và dẫn tôi đi cùng những người khác. Chúng tôi đi vòng quanh nhà ra góc đằng sau, tất cả mọi người đang tập trung lại đó quanh một cái cây to được xén tỉa. Song cái cây này không được tạo hình thành một sinh vật thần thoại mà thành một người đang nằm trên bãi cỏ, một khuỷu tay chống xuống đỡ lấy thân mình, tay còn lại chỉ lên trời. Phải mất một lát tôi mới nhận ra đây là một bản sao bằng cành lá phân tích họa vẽ Adam của Michelangelo trên tường nhà nguyện Sistine. Tác phẩm này quả rất ấn tượng, nếu tính đến việc nó được tạo thành từ các tán cây. Người ta gần như có thể nhận ra vẻ đằm thắm trên khuôn mặt của Adam, hai khóm vành vành đang nở kia chính là đôi mắt.

Tôi nhìn thấy cô gái có mái tóc rối bù hoang dại đang đứng ngay gần. Cô mặc một chiếc váy vải hoa đã vá vúi nhiều lần đến nỗi trông chẳng khác gì một cái mền khâu chần. Tôi tới chỗ cô gái, chỉ về phía Adam và hỏi, “Có phải cậu đã tỉa nên cái này không?”

Cô gái gật đầu.

“Bằng cách nào vậy?”

Cô gái cúi xuống, giữ một lòng bàn tay phía trên mặt cỏ. Vài giây sau, một mảng cỏ hình bàn tay uốn éo vươn dài ra, mọc lên cho tới khi chúng chạm đến lòng bàn tay cô.

“Điên rồ quá”, tôi nói. Rõ ràng, đầu óc tôi lúc này không phải đang ở trạng thái phân định mọi chuyện được rõ ràng nhất.

Ai đó bảo tôi im lặng. Tất cả đám trẻ đang đứng im lặng, nghển cổ nhìn về phía một vùng trời. Tôi ngược nhìn lên nhưng chỉ thấy những đám khói cùng ánh chớp lửa đạn màu cam phản chiếu lên chúng.

Rồi tôi nghe thấy tiếng động cơ của đúng một chiếc máy bay vang lên giữa những tiếng động khác. Nó rất gần, và ngày một gần hơn. Con hoảng loạn tràn ngập trong tôi. Đây chính là buổi tối họ bị giết. Không chỉ là buổi tối đó, mà chính là khoảnh khắc này. Tôi tự hỏi có lẽ nào những đứa trẻ này chết đi vào mỗi buổi tối chỉ để rồi được vòng thời gian làm sống lại, như

một giáo phái tôn thờ tự sát, buộc mình cứ vĩnh viễn bị nổ tung rồi lại được ghép lại nguyên hình?

Một vật nhỏ màu xám tách ra khỏi các đám mây và rít lên lao về phía chúng tôi. *Một tảng đá*, tôi nghĩ thầm, nhưng những tảng đá không rít lên khi rơi xuống như thế.

Chạy đi, thỏ, chạy đi, thỏ, chạy đi. Tôi hẳn đã làm thế nhưng giờ không còn thời gian nữa; tất cả những gì tôi có thể làm là hét toáng lên và nhào xuống đất tìm chỗ ẩn nấp. Nhưng chẳng có chỗ nào để ẩn nấp cả, vì vậy tôi nằm bẹp xuống cỏ, đưa hai cánh tay lên ôm lấy đầu như thể bằng cách nào hành động này sẽ giữ cho cái đầu gắn chặt vào cơ thể tôi.

Tôi nghiêng chặt hàm và nhắm nghiền mắt lại, nín thở nhưng thay vì tiếng nổ đình tai tôi chờ đợi, mọi thứ trở nên tĩnh lặng hoàn toàn, triệt để. Đột nhiên chẳng còn tiếng động cơ gầm rú, không còn tiếng bom vèo vèo, không còn tiếng súng nổ tung loạt ngoài xa. Cứ như thể ai đó đã làm cả thế giới câm lặng.

Tôi chết rồi sao?

Tôi bỏ hai tay ra khỏi đầu và chậm chạp nhìn ra đằng sau mình. Những lùm cây bị gió thổi uốn cong đang đông cứng tại chỗ. Bầu trời là một bức ảnh chụp những quầng lửa bất động vờn quanh một dải mây. Những giọt mưa treo lơ lửng ngay trước mắt tôi. Và ở giữa đám tre đang đứng thành vòng, trông giống như vật thờ trong một nghi lễ huyền bí nào đó, một quả bom đang lơ lửng, phần đầu mũi hướng xuống dưới của nó dường như đang thăng bằng trên ngón tay chia ra của Adam.

Sau đó, như một bộ phim bị cháy trong máy chiếu khi bạn đang xem dở dang, một quầng sáng tuyền một màu trắng lóa nóng bỏng trải rộng ra trước mắt tôi, nuốt chửng tất cả.

Thứ đầu tiên tôi nghe thấy khi có thể nghe được trở lại là tiếng cười. Sau đó, màu trắng nhạt dần đi và tôi thấy tất cả chúng tôi đang ở quanh Adam đúng như trước đó, song lúc này quả bom đã biến mất, màn đêm trở lại yên

tĩnh và thứ ánh sáng duy nhất trên bầu trời không một gợn mây là ánh trăng tròn. Bà Peregrine xuất hiện phía trên tôi và chìa tay ra. Tôi nắm lấy tay bà, loạng choạng đứng dậy, đầu óc quay cuồng.

“Cho ta xin lỗi”, bà nói. “Đáng lẽ ta phải chuẩn bị cho cậu sẵn sàng hơn.”

Dẫu vậy, bà không giấu nổi nụ cười, và cả những đứa trẻ khác cũng vậy khi họ cười bỏ mặt nạ ra. Tôi tin chắc mình vừa bị xiui đi.

Tôi cảm thấy đầu óc quay cuồng, mệt mỏi. “Có lẽ đêm nay cháu nên quay về nhà ngủ”, tôi nói với bà Peregrine. “Bố cháu sẽ lo lắng.” Rồi tôi nhanh chóng nói tiếp, “Cháu có thể về nhà chứ, phải không?”

“Tất nhiên cậu có thể”, bà đáp, và lớn tiếng hỏi xem ai tình nguyện đưa tôi về chỗ ngồi mộ đá. Tôi ngạc nhiên thấy Emma bước tới. Bà Peregrine có vẻ hài lòng.

“Bà có chắc về bạn ấy không?” tôi thì thầm hỏi cô phụ trách. “Mới vài tiếng trước bạn ấy còn sẵn sàng cắt cổ cháu đấy.”

“Cô Bloom có thể nóng tính, nhưng cô bé là một trong những học viên ta tin tưởng nhất”, bà đáp. “Vả lại ta nghĩ cậu và cô bé có thể có vài điều để trao đổi riêng, tránh khỏi những đôi tai tò mò.”

Năm phút sau, hai chúng tôi đã lên đường, chỉ có điều lần này hai tay tôi không bị trói và cô gái không còn kè dao vào sườn tôi. Vài thành viên ít tuổi hơn trong đám trẻ đi theo chúng tôi tới tận rìa sân nhà. Họ muốn biết liệu ngày mai tôi có quay lại hay không. Tôi đưa ra những lời cam đoan mơ hồ, nhưng quả thực tôi khó lòng để tâm vào những gì đang diễn ra ngay trong lúc này, chứ chưa nói gì tới tương lai.

Chỉ còn hai chúng tôi đi vào khu rừng tối tăm. Khi trại trẻ đã khuất hẳn sau lưng chúng tôi, Emma ngửa một bàn tay ra, lắc cổ tay, và một quả cầu lửa nhỏ xíu bùng lên ngay phía trên các ngón tay cô. Cô giơ nó ra phía trước mình như một người bồi bàn bung khay, ánh lửa soi sáng con đường và hắt hai cái bóng của chúng tôi lên các thân cây.

“Tớ đã nói với cậu là chuyện đó thật tuyệt chưa nhỉ?” tôi lên tiếng, cố phá vỡ sự im lặng càng lúc càng thêm khó xử.

“Nó chẳng mát^[18] tí nào cả”, cô đáp lại, chìa quàng lửa lại đủ gần để tôi có thể cảm thấy hơi nóng nó phả ra. Tôi né người tránh và lùi lại vài bước.

“Ý tứ không phải là... Ý tứ là cậu làm được như vậy thật tuyệt.”

“À, cậu phải nói năng cho rành rọt tôi mới hiểu được chứ”, cô gái găt gỏng, rồi dừng bước.

Chúng tôi đứng đối diện nhau, giữ một khoảng cách thận trọng. “Cậu không phải sợ tôi”, cô nói.

“À, thế ư? Làm sao tớ biết cậu không nghĩ tớ là một sinh vật xấu xa, còn đây không phải chỉ là một cái bẫy nhằm dụ tớ ra một mình để rôt cuộc cậu cũng có thể giết tớ?”

“Đừng có ngốc thế”, cô nói. “Cậu đến chẳng hề báo trước, cậu là một kẻ lạ mặt tôi không hề biết, rồi lại đuổi theo tôi như một gã điên. Tôi phải nghĩ gì đây?”

“Được, tớ hiểu rồi”, tôi nói, mặc dù chẳng hiểu gì.

Cô gái đưa mắt nhìn xuống đất và bắt đầu dùng mũi unction di di vào đất thành một cái lỗ nhỏ. Quả cầu lửa trên tay cô đã đổi màu từ da cam sang chàm dịu. “Những điều tôi đã nói không đúng. Tôi có nhận ra cậu.” Cô ngược mắt lên nhìn tôi. “Cậu trông rất giống ông nội mình.”

“Thỉnh thoảng người ta cũng nói với tớ như thế.”

“Tôi xin lỗi lúc trước đã nói tất cả những điều kinh khủng đó. Tôi không muốn tin rằng cậu đúng là người cậu nói. Tôi biết điều đó có nghĩa là gì.”

“Được rồi”, tôi đáp. “Khi còn bé hơn, tớ từng rất mong muốn được gặp tất cả mọi người. Bây giờ, chuyện đó cuối cùng đã diễn ra...” Tôi lắc đầu. “Thì tớ chỉ lấy làm tiếc là lại vì thế.”

Rồi sau đó cô gái lao tới chỗ tôi, dang hai cánh tay ôm vòng quanh cổ tôi, ngọn lửa trên bàn tay cô đã tắt phụt ngay trước khi cô chạm vào tôi, làn da nơi cô đỡ lấy ngọn lửa vẫn còn nóng hổi. Chúng tôi cứ đứng như thế trong bóng tối một hồi, tôi và người phụ nữ cao tuổi với vẻ ngoài vị thành niên, hay đúng hơn là cô gái xinh đẹp từng yêu ông nội tôi khi ông bằng tuổi tôi

bây giờ. Tôi chẳng thể làm gì ngoài việc cũng đưa hai cánh tay ôm lấy cô, vậy là tôi làm thế, và sau một hồi tôi đoán cả hai chúng tôi cùng khóc.

Tôi nghe thấy Emma hít một hơi thật sâu trong bóng tối, rồi buông tôi ra. Ngọn lửa bùng sáng trở lại trên bàn tay cô.

“Xin lỗi”, cô nói. “Tôi không hay...”

“Đừng lo về chuyện đó.”

“Chúng ta nên đi tiếp.”

“Dẫn đường đi”, tôi nói.

Chúng tôi đi bộ qua rừng trong sự im lặng dễ chịu. Khi tới chỗ đầm lầy, Emma nói, “Chỉ được đặt chân lên đúng chỗ tôi đặt chân thôi đấy”, và tôi làm theo, đặt chân lên đúng vết chân của cô. Khi đầm lầy cháy lập lòe thành những đốm lửa màu xanh lục ở phía xa, như thể đồng điệu với nguồn sáng của Emma.

Chúng tôi tới được chỗ ngôi mộ đá và chui vào trong, bám theo nhau tới căn phòng đằng trong rồi quay trở ra, bước vào một thế giới chìm trong sương mù. Emma dẫn tôi trở lại lối mòn, và khi chúng tôi tới đó, cô đan tay lại với tay tôi và siết chặt. Chúng tôi lặng im trong giây lát. Sau đó, cô quay người trở lại, màn sương mù nuốt chửng lấy cô nhanh tới mức trong một khoảnh khắc tôi tự hỏi liệu có thực cô đã từng ở đó hay không.

Quay trở về thị trấn, tôi có phần trông đợi sẽ thấy những chiếc xe ngựa lăn bánh trên các con phố. Thay vì thế, tôi được chào đón bằng tiếng rù rù của máy phát điện và ánh sáng tỏa ra từ màn hình tivi đằng sau cửa sổ các ngôi nhà. Tôi đã trở về nơi của mình, đúng như nó vốn thế.

Vẫn là Kev đang phục vụ ở quầy bar, ông ta giơ một chiếc cốc lên về phía tôi khi tôi bước vào. Không vị khách nào trong quán rượu đề xuất nện tôi một trận như tử. Mọi thứ trên đời có vẻ đều ổn cả.

Tôi lên lầu thì thấy bố đang ngủ gật trước laptop bên cái bàn nhỏ xíu của chúng tôi. Khi tôi đóng cửa, ông giật mình bừng tỉnh.

“À! Chào con! Con ra ngoài muộn đấy. Đúng thế không nhỉ? Máy giờ rồi?”

“Con không biết nữa”, tôi nói. “Con nghĩ là chưa đến chín giờ. Đám khách uống rượu vẫn còn ngồi lại.”

Bố vươn vai rồi dụi mắt. “Con đã làm gì hôm nay vậy? Bố đã hy vọng sẽ gặp con vào bữa tối.”

“Con chỉ tìm hiểu thêm một chút ở chỗ trại trẻ cũ thôi.”

“Có tìm thấy gì hay không?”

“À... thực ra thì không hẳn”, tôi nói, nhận thấy có lẽ đáng ra tôi phải để tâm nghĩ ra một câu chuyện thuyết phục hơn làm bình phong.

Bố nhìn tôi rất lạ. “Con lấy mấy thứ này ở đâu ra vậy?”

“Lấy cái gì cơ ạ?”

“Quần áo con đang mặc”, bố tôi nói.

Tôi nhìn xuống và nhận ra mình đã quên khuấy mất bộ đồ áo sơ mi quần vải tuyết có đai đeo tôi đang mặc. “Con nhặt được chúng trong trại trẻ”, tôi đáp, vì không có thời gian để nghĩ ra một câu trả lời ít kỳ quái hơn. “Trong oách chứ ạ?”

Bố tôi nhăn mặt. “Con mặc quần áo nhặt được lên người sao? Jake, như thế thật mất vệ sinh. Mà chuyện gì đã xảy ra với quần jean và áo khoác của con rồi hả?”

Tôi cần phải thay đổi chủ đề. “Chúng bản kinh khủng quá rồi, thế nên con, ừm...” tôi ngừng lời, làm ra vẻ vừa nhận ra tài liệu đang mở trên màn hình máy tính của bố. “Ái chà, đó là cuốn sách của bố phải không? Nó thế nào rồi ạ?”

Bố tôi đóng sập màn hình laptop xuống. “Ngay lúc này thì cuốn sách của bố không phải là chuyện cần quan tâm tới. Điều quan trọng trong thời gian chúng ta ở đây là trị liệu cho con. Bố không rõ việc dành cả ngày một mình trong trại trẻ cũ đó có thực sự là điều bác sĩ Golan nghĩ đến hay không. Khi ông ấy bật đèn xanh cho chuyến đi này ấy.”

“À, con nghĩ bố vừa lập kỷ lục đấy”, tôi nói.

“Cái gì?”

“Khoảng thời gian dài nhất từng trôi qua mà bố không nhắc tới bác sĩ tâm lý của con”, tôi giả bộ đang nhìn xuống một cái đồng hồ đeo tay tưởng tượng. “Bốn ngày, năm giờ và hai mươi sáu phút.” Tôi thở dài. “Khoảng thời gian đó thật quý báu.”

“Ông ấy đã giúp ích cho con rất nhiều”, bố tôi nói. “Chỉ Chúa mới biết nếu chúng ta không tìm được ông ấy thì bây giờ con đã đang ở trong tình trạng nào rồi.”

“Bố nói đúng. Bác sĩ Golan đã giúp con. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta nhất thiết phải kiểm soát mọi thứ trong cuộc sống của con. Ý con là, lạy Chúa, như thế có khác gì bố mẹ mua cho con một cái lắc tay khắc dòng chữ *Golan Sẽ Làm Gì Nhi?* Như thế con có thể tự vẫn bản thân trước khi làm bất cứ cái gì. Trước khi con đi vệ sinh. Bác sĩ Golan sẽ muốn con tống bãi phân đó xuống bên rìa hay đi ngay xuống giữa? Đây là bãi phân hữu ích nhất về mặt tâm lý con có thể thải ra?”

Bố tôi không nói gì trong vài giây, và khi ông lên tiếng, giọng ông rất khẽ, khàn khàn. Ông nói với tôi là ngày mai tôi sẽ đi quan sát chim với ông dù tôi có thích hay không. Khi tôi trả lời là bố đã nhầm lẫn một cách đáng buồn, ông đứng dậy đi xuống quán rượu. Tôi nghĩ ông đi uống hay làm gì đó, vì thế tôi quay sang thay quần áo, nhưng vài phút sau bố tôi lại tới gõ cửa phòng ngủ của tôi và nói có người nào đó đang chờ tôi ở đầu dây điện thoại.

Tôi đoán người đó là mẹ, vậy là tôi nghiến chặt hai hàm răng và đi theo bố xuống nhà tới chỗ buồng điện thoại ở tận cái góc đằng xa của quán rượu. Ông đưa ống nghe cho tôi rồi tới ngồi xuống bên một cái bàn. Tôi đóng cửa buồng lại.

“A lô?”

“Tôi vừa nói chuyện với bố cậu”, một người đàn ông nói. “Ông ấy có vẻ hơi lo lắng.”

Đó là bác sĩ Golan.

Tôi muốn nói rằng cả ông ta và bố tôi đều cuốn xéo đi được rồi, nhưng tôi biết tình thế lúc này đòi hỏi một chút khéo léo. Nếu tôi làm Golan méch lòng lúc này, điều đó cũng đồng nghĩa với việc chuyến đi sẽ chấm hết. Tôi chưa thể rời đi, chưa thể đi trong khi còn quá nhiều điều cần tìm hiểu về những đứa trẻ đặc biệt. Vậy là tôi diễn kịch và thuật lại những gì tôi đã trải qua - tất cả ngoại trừ phần những đứa trẻ trong một vòng thời gian - và cố làm ra vẻ tôi đang đi dần tới quan điểm là chẳng có gì đặc biệt về hòn đảo hay ông nội tôi. Màn đối thoại này cũng giống như một buổi trị liệu nhỏ qua điện thoại vậy.

“Tôi hy vọng không phải cậu chỉ đang nói với tôi những gì tôi muốn nghe”, ông ta nói. Đây đã trở thành một câu thông dụng của ông bác sĩ. “Có lẽ tôi nên tới đó và kiểm tra trực tiếp cậu. Tôi có thể tận dụng vài ngày nghỉ. Cậu thấy thế nào?”

Làm ơn hãy nói ông đang đùa đi, tôi thầm cầu khẩn.

“Cháu không sao. Thật đấy”, tôi nói.

“Thư giãn nào, Jacob, tôi chỉ đang đùa thôi, dù có Chúa làm chứng, tôi hoàn toàn có thể dành ra chút thời gian rời khỏi phòng khám. Và tôi thực sự tin cậu. Đúng là cậu nghe có vẻ ổn. Thực ra, vừa nãy tôi mới nói với bố cậu rằng có lẽ điều tốt nhất ông có thể làm là dành cho cậu một chút không gian tự do và để cậu tự mình giải quyết mọi thứ.”

“Thật thế sao?”

“Cậu đã phải chịu đựng sự giám sát của bố mẹ cậu và tôi quá lâu rồi. Đến một mức nào đó, chuyện này thành ra phản tác dụng.”

“À, cháu thực sự đánh giá cao điều đó.”

Ông bác sĩ còn nói thêm gì đó nữa mà tôi hầu như không nghe được; có rất nhiều tiếng ồn từ phía đầu dây của ông ta. “Khó nghe chú nói quá”, tôi nói. “Chú đang ở trung tâm thương mại hay sao vậy?”

“Sân bay”, ông ta trả lời. “Tôi ra đón em gái. Dù sao đi nữa, tất cả những gì tôi muốn nói là hãy tận hưởng kỳ nghỉ đi. Khám phá và đừng lo lắng quá nhiều. Tôi sẽ sớm gặp lại cậu, được chứ?”

“Một lần nữa xin cảm ơn chú, bác sĩ G.”

Khi gác máy, tôi cảm thấy áy náy vì lúc trước đã nói năng thật tệ về ông bác sĩ. Đến lúc này đã hai lần ông ta đứng ra bênh vực ủng hộ tôi trong khi chính bố mẹ tôi không hề làm thế.

Ở phía bên kia phòng, bố tôi đang đánh bàn với một vài bia. Tôi dừng lại chỗ bàn ông trên đường lên lầu. “Ngày mai thì...” tôi nói.

“Cứ làm những gì con muốn, bố cho là vậy.”

“Bố chắc chứ?”

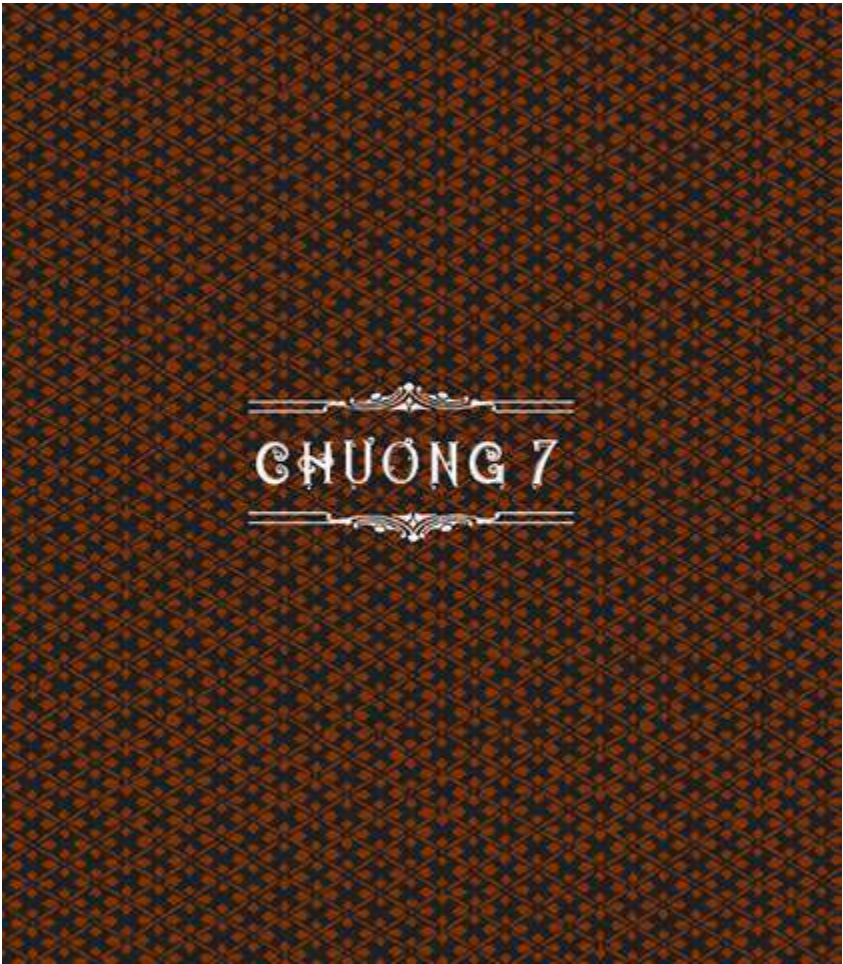
Bố tôi cau có nhún vai. “Lệnh của bác sĩ mà.”

“Con sẽ quay về ăn tối. Con hứa đấy.”

Bố tôi chỉ gật đầu. Tôi để ông ngồi lại dưới quầy bar và lên phòng đi ngủ.

Trong khi chìm vào giấc ngủ, dòng suy nghĩ của tôi lại tìm tới những đứa trẻ đặc biệt và câu đầu tiên họ hỏi sau khi bà Peregrine giới thiệu tôi: *Jacob có ở lại với chúng ta không? Vào lúc ấy tôi đã nghĩ, Tất nhiên là không. Nhưng sao lại*

không chứ? Nếu tôi không bao giờ quay về nhà, chính xác ra tôi sẽ thấy thiếu vắng cái gì chứ? Tôi hình dung ra ngôi nhà trống rỗng lạnh lẽo của mình, tới thị trấn không bạn bè đầy ắp những ký ức tệ hại, tới cuộc sống hoàn toàn chẳng có gì đáng chú ý đã được vạch sẵn ra cho tôi. Và tôi chợt nhận ra mình chưa bao giờ nghĩ tới chuyện chối bỏ nó.



Chương 7

Buổi sáng mang đến mưa, gió và sương mù, thứ thời tiết sâu thẳm khiến tôi khó lòng tin nổi ngày hôm qua có thể là gì khác ngoài trừ một giấc mơ lạ lùng và kỳ diệu. Tôi ngấu ngiến thật nhanh bữa sáng của mình và nói với bố là tôi sẽ ra ngoài. Ông nhìn tôi như thể tôi là một kẻ ngớ ngẩn.

“Trong thời tiết này ư? Để làm gì?”

“Đi chơi với...” tôi bắt đầu nói mà không hề suy nghĩ. Thế rồi, để lấp liếm, tôi giả bộ bị nghẹn thức ăn trong cổ họng. Nhưng đã quá muộn; bố đã nghe thấy tôi nói.

“Đi chơi với ai hả? Bố hy vọng là không phải với mấy thằng rapper lưu manh đó.”

Cách duy nhất để thoát khỏi cái hố này là đào xuống sâu hơn nữa. “Không. Bố chưa bao giờ thấy họ đâu, họ sống ở đầu kia của, ừm, hòn đảo, và...”

“Thật sao? Bố không nghĩ có ai sống ở phía đó.”

“À, có đấy, chỉ vài người thôi. Có vẻ là những người chần chừ và làm mấy việc linh tinh khác. Dù sao thì họ cũng rất hay ho, họ để ý trông chừng cho con trong khi con vào trong ngôi nhà.” Bận bè và an toàn: hai thứ bố tôi khó lòng có thể phản đối.

“Bố muốn gặp họ”, bố tôi nói, có làm ra vẻ nghiêm khắc. Ông vẫn hay trưng ra bộ mặt này, bắt chước một ông bố nhạy cảm, không chấp nhận những trò vớ vẩn - hình mẫu tôi nghĩ ông mong mỗi trở thành.

“Chắc chắn rồi. Nhưng con đã hẹn gặp họ ở đó, vậy nên để lần khác bố nhé.”

Bố tôi gật đầu và ăn thêm một miếng nữa. “Nhớ về ăn tối đấy”, ông nói.

“Nghe rõ mười mười rồi, thưa bố.”

Tôi hồi hả chạy tới chỗ đầm lầy. Trong lúc thận trọng dò dẫm bước qua đám lầy thụt bần thiu, cố nhớ lại con đường được tạo thành từ những đám cỏ mờ mờ ảo ảo như các hòn đảo Emma đã dùng để vượt qua nơi này, tôi thầm lo tất cả những gì tìm thấy ở phía bên kia sẽ chỉ là thêm nhiều mưa hơn nữa cùng một ngôi nhà đổ nát. Vì thế, quả là nhẹ nhõm khi tôi chui ra khỏi ngôi mộ đá và tìm được ngày mùng ba tháng Chín năm 1940 đúng như khi tôi rời khỏi: một ngày âm áp, nắng ráo, vắng bóng sương mù, bầu trời tuyền một màu xanh đáng tin cậy, trên đó những đám mây tạo thành các hình dáng có vẻ thật quen thuộc dễ chịu. Thậm chí còn tốt hơn thế, Emma đang ở đó chờ tôi, ngồi bên rìa gò mộ ném đá xuống đầm. “Thật đúng lúc!” cô vừa reo lên vừa đứng bật dậy. “Đi nào, mọi người đang đợi cậu.”

“VẬY SAO?”

“Phả... ải”, cô vừa nói vừa đảo mắt đầy sốt ruột, cầm lấy tay tôi và kéo tôi đi theo mình. Tôi cảm thấy rất kích động - không chỉ vì sự đụng chạm của Emma, mà vì cả ý nghĩ về cái ngày phía trước, đầy ắp những khả năng vô tận. Mặc dù theo cả triệu biểu hiện bề ngoài, nó hẳn sẽ giống như ngày hôm trước - cùng cơn gió sẽ thổi, và cùng những cành cây sẽ rơi xuống - song trải nghiệm của tôi về nó sẽ mới mẻ. Và những đứa trẻ đặc biệt cũng thế. Họ là những vị thần của thiên đường bé nhỏ lạ lùng này, còn tôi là vị khách của họ.

Chúng tôi hồi hả băng qua đầm lầy và qua khu rừng, như thể đang bị muợn một cuộc hẹn. Khi tới chỗ trại trẻ, Emma dẫn tôi đi vòng ra sân sau, một sân khấu nhỏ bằng gỗ đã được dựng lên ở đó. Những đứa trẻ tíu tít đi ra đi vào, mang các món đồ trang trí sân khấu, mặc lên người những bộ vest hoặc những chiếc đầm sequin lấp lánh. Một ban nhạc nhỏ đang làm quen với nhạc cụ, chỉ gồm một cây đàn xép, một cây kèn trombon méo mó và một cái cưa nhạc cụ được Horace chơi bằng cây vĩ.

“Gì thế này?” tôi hỏi Emma. “Mọi người đang dàn dựng một vở kịch à?”

“Rồi cậu sẽ thấy”, cô nói.

“Có những ai tham gia vậy?”

“Rồi cậu sẽ thấy.”

“Vỡ kịch về cái gì vậy?”

Cô liền véo tôi một cái.

Một tiếng còi vang lên, và tất cả mọi người chạy lại tìm chỗ ngồi tại một hàng ghế gấp kê đối diện với sân khấu. Emma và tôi ngồi xuống đúng lúc màn mở, để lộ ra một chiếc mũ rom dập dềnh trên một bộ vest kẻ sọc lòe loẹt màu đỏ và trắng. Chỉ đến khi nghe thấy một giọng nói tôi mới nhận ra rằng đó - tất nhiên rồi - là Millard.

“Thưa các quý... ý bà... à và quý ô... ông!” cậu ta dài giọng ê a. “Tôi vô cùng hân hạnh được trình diễn trước quý vị một màn vô tiền khoáng hậu! Một chương trình với độ táo bạo vô song, thể hiện phép thuật xuất chúng tới mức chỉ đơn giản là quý vị sẽ không tin nổi vào mắt mình! Các công dân thân mến, tôi xin giới thiệu với quý vị cô Peregrine và Những Đứa Trẻ Đặc Biệt của cô!”

Khán giả vỗ tay hoan hô vang dội. Millard nhác mũ lên.

“Cho màn ảo thuật thứ nhất của chúng tôi, tôi xin giới thiệu cô Peregrine!” Cậu ta chui vào sau màn rồi lại xuất hiện sau giây lát, trên một cánh tay có vắt một tấm ga được gấp lại, cánh tay kia có một con chim ưng đậu lên. Cậu ta gật đầu với ban nhạc, và ban nhạc bắt đầu cử lên một giai điệu rè rè có vẻ là nhạc hội hè.

Emma thúc khuỷu tay vào tôi. “Xem kìa”, cô thì thầm.

Millard để con chim ưng xuống và giơ tấm ga ra đằng trước, che khuất con chim khỏi tầm nhìn của khán giả. Cậu ta bắt đầu đếm lùi. “Ba, hai, một!”

Đến “một”, tôi nghe thấy tiếng đập cánh không lẫn vào đâu được, rồi sau đó nhìn thấy cái đầu của bà Peregrine - cái đầu người của bà - nhô lên đằng sau tấm ga trong tràng vỗ tay thậm chí còn vang dội hơn. Mái tóc bà rối bời, và tôi chỉ có thể nhìn thấy từ vai bà trở lên; dường như bà ở trần đằng sau tấm ga. Có vẻ khi bạn biến thành chim, quần áo sẽ không đồng hành trong quá trình này. Cầm lấy mép tấm ga, bà kín đáo quấn nó quanh người.

“Cậu Portman!” bà gọi, từ trên sân khấu nhìn xuống tôi. “Ta rất vui vì cậu đã trở lại. Đây là một chương trình chúng ta từng mang đi lưu diễn vòng quanh lục địa hồi những ngày thanh bình. Ta nghĩ cậu sẽ học hỏi được từ nó.” Rồi sau đó bà lướt xuống khỏi sân khấu trên nền một đoạn nhạc đệm, đi vào trong nhà để mặc quần áo.

Lần lượt từng người một, những đứa trẻ đặc biệt rời khỏi vị trí khán giả và bước lên sân khấu, mỗi người trình diễn một tiết mục của riêng mình. Millard bỏ bộ đồ dạ hội của mình ra để trở nên hoàn toàn vô hình và diễn trò tung hứng với những cái chai thủy tinh. Olive cởi đôi giày trọng lực của mình ra và trình diễn một bài thể dục thách thức trọng lực trên những cái cọc cắm song song với nhau. Emma tạo ra lửa, nuốt vào rồi lại khạc ra mà không hề làm mình bị bỏng. Tôi vỗ tay hoan hô cho tới khi nghĩ hai bàn tay mình sẽ bị phỏng rộp lên.

Khi Emma trở về chỗ ngồi, tôi quay sang cô và nói, “Tớ không hiểu. Các cậu trình diễn những hết mục này cho mọi người xem sao?”

“Tất nhiên”, cô đáp.

“Những người bình thường à?”

“Tất nhiên là những người bình thường. Vì sao những người đặc biệt lại trả tiền để xem những thứ bản thân họ có thể tự làm chứ?”

“Nhưng chẳng lẽ việc biểu diễn này không làm lộ tẩy các cậu sao?”

Emma tặc lưỡi. “Chẳng ai ngờ vực gì hết”, cô nói. “Người ta tới những buổi trình diễn nhỏ để xem những màn trình diễn mạo hiểm, các tiết mục ảo thuật và những trò loại đó, và theo như tất cả mọi người đều thấy, đó chính xác là những gì chúng tôi trình diễn cho họ xem.”

“Vậy là các cậu náu mình ngay trong tầm mắt mọi người.”

“Đó từng là cách phân lớn những người đặc biệt kiếm sống”, Emma nói.

“Và chưa từng có ai bị bại lộ sao?”

“Thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp phải một kẻ ngu ngốc mò ra sau sân khấu hỏi những câu tọc mạch, và cũng vì thế luôn phải có một cánh tay

manh mẽ thường trực để làm nhiệm vụ đá đít những kẻ đó đi. Mà nói đến quỷ sứ... thì quỷ sứ kia rồi!”

Trên sân khấu, một cô gái có bộ dạng như con trai đang lôi một tảng đá to bằng cỡ cái tủ lạnh mini từ sau màn sân khấu ra. “Bạn ấy có thể không phải là người thông minh nhất trên đời”, Emma thì thầm, “nhưng có một trái tim bao la và sẵn sàng chấp nhận xuống mồ vì bạn bè. Bronwyn và tôi, chúng tôi rất thân nhau.”

Ai đó đã đưa ra để mọi người truyền tay nhau một tập thiệp giới thiệu bà Peregrine từng dùng để quảng cáo cho chương trình biểu diễn của họ. Tập thiệp đến tay tôi, tấm của Bronwyn ở trên cùng. Trong bức ảnh, cô gái đứng chân trần, nhìn chăm chăm vào ống kính với ánh mắt lạnh lùng. Được viết chạy ngang mặt sau tấm thiệp là dòng chữ CÔ GÁI LỰC SĨ KỶ DIỆU CỦA SWANSEA!

“Tại sao bạn ấy không chụp cảnh mình đang nhấc bổng một tảng đá lên, nếu đó là điều bạn ấy thể hiện trên sân khấu?” tôi hỏi.

“Bạn ấy lúc đó đang rất khó chịu vì Chim buộc bạn ấy ăn mặc ‘như một quý bà’ để chụp ảnh. Bạn ấy từ chối nhấc bất cứ cái gì lên, dù là một cái hộp đựng mũ.”

“Trông có vẻ như bạn ấy cũng không thích đi giày nữa.”

“Thường là thế.”



Bronwyn kết thúc việc kéo tảng đá ra giữa sân khấu, và trong một khoảnh khắc lúng túng, cô chỉ nhìn chăm chăm vào các khán giả, như thể ai đó đã bảo cô dừng lại cho thêm phần kịch tính. Sau đó, cô cúi người xuống, giữ lấy tảng đá giữa hai bàn tay to bản của mình rồi từ từ nhấc bổng nó lên cao quá đầu. Tất cả mọi người cùng vỗ tay và hò reo âm lên, sự hân hoan của đám trẻ không hề giảm xuống cho dù có lẽ họ đã chứng kiến cô gái thực hiện màn trình diễn này đến cả nghìn lần rồi. Cảnh tượng này cũng gần

giống như có mặt tại một cuộc tập hợp nhằm kích thích tinh thần đồng đội tại một ngôi trường tôi không theo học.

Bronwyn ngáp dài, bước xuống, kẹp lấy tảng đá bằng một cánh tay. Sau đó, cô gái có mái tóc hoang dã lên sân khấu. Emma cho hay tên cô này là Fiona. Cô gái đứng đối diện với các khán giả đằng sau một cái chậu trồng cây đựng đầy đất, hai bàn tay cô giơ lên phía trên chậu đất như một nhạc trưởng. Ban nhạc bắt đầu chơi bản “Chuyến bay của ong nghệ” (ít nhất thì cũng cố hết mức), và Fiona xòe cụp các ngón tay bên trên chậu đất, khuôn mặt cô cau lại khó nhọc vì cố sức và tập trung. Khi giai điệu mạnh dần lên, một hàng cây hoa cúc mọc lên từ đất và mọc lá trở hoa vươn lên phía hai bàn tay cô gái. Cảnh tượng trông giống như một đoạn phim quay nhanh ghi lại cảnh cây nở hoa, ngoại trừ việc Fiona dường như đang kéo những bông hoa vươn lên khỏi chậu đất của chúng bằng những sợi dây vô hình. Tất cả khán giả đều thích thú cực độ, bật dậy khỏi ghế ngồi để cổ vũ nghệ sĩ.

Emma lật giở tập thiệp tới tấm của Fiona. “Thiệp của bạn ấy là tấm ưa thích của tôi”, cô nói. “Chúng tôi đã bỏ ra nhiều ngày cho trang phục của bạn ấy.”

Tôi nhìn vào tấm thiệp. Fiona mặc như một cô gái hành khất, đứng ôm một con gà con. “Bạn ấy muốn vào vai gì vậy?” tôi hỏi. “Một nông dân vô gia cư à?”

Emma véo tôi. “Bạn ấy muốn trông có vẻ tự nhiên, như một người hoang dã. Jill Người Rừng, bọn tôi gọi bạn ấy như thế.”

“Có thật bạn ấy tới từ trong rừng rậm không?”

“Bạn ấy tới từ Ireland.”

“Có nhiều gà rừng con lắm sao?”

Emma lại véo tôi lần nữa. Trong khi chúng tôi đang thì thầm, Hugh đã lên gia nhập cùng Fiona trên sân khấu. Cậu ta đứng đó há miệng ra, để những con ong bay ra ngoài tới thụ phấn cho những bông hoa Fiona đã tạo nên, như một nghi lễ kết đôi kỳ lạ.

“Fiona còn phát triển lên được thứ gì ngoài những bụi cây và bông hoa không?”

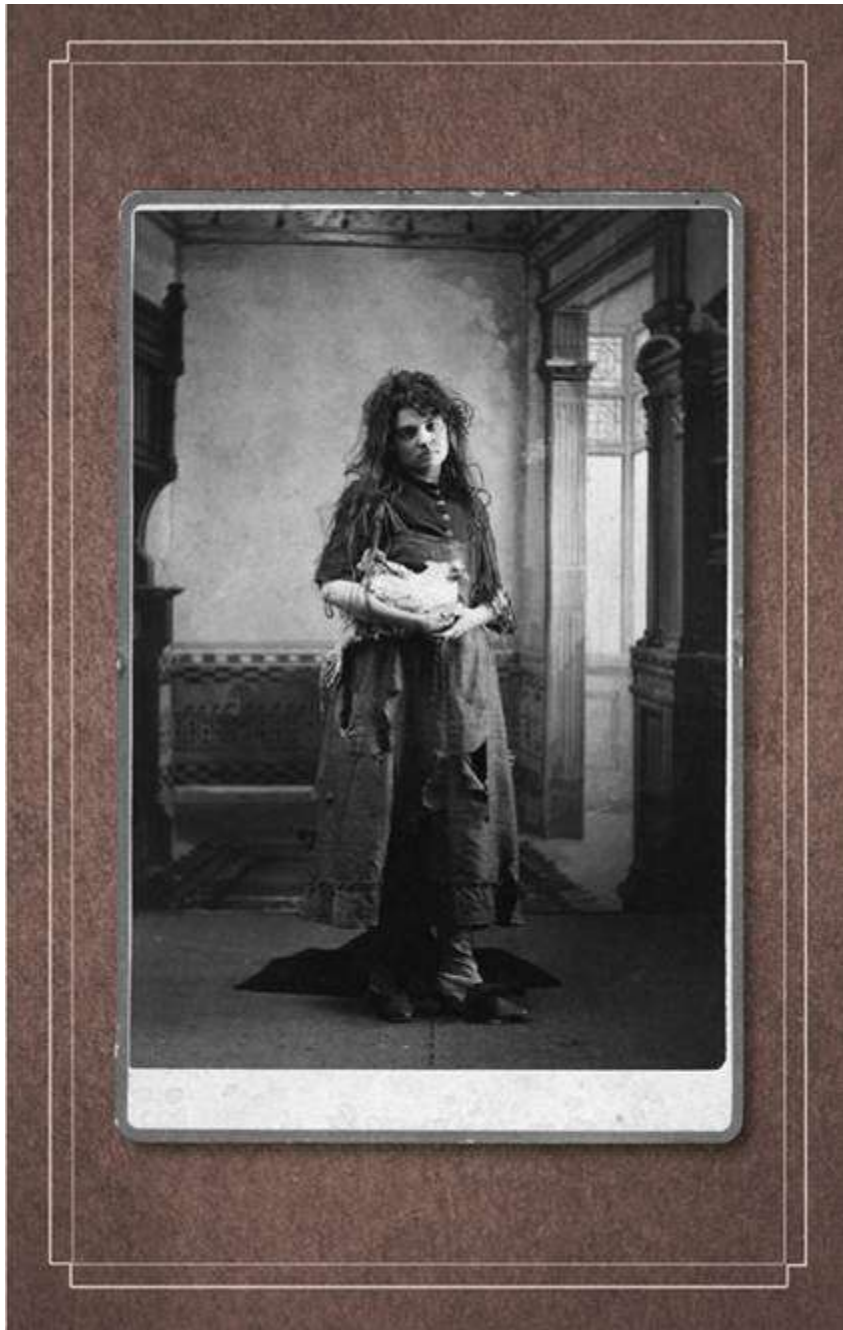
“Tất cả các luống cây cỏ này”, Emma vừa nói vừa chỉ về phía những dải vườn trong sân. “Và đôi khi cả những cây thân gỗ nữa.”

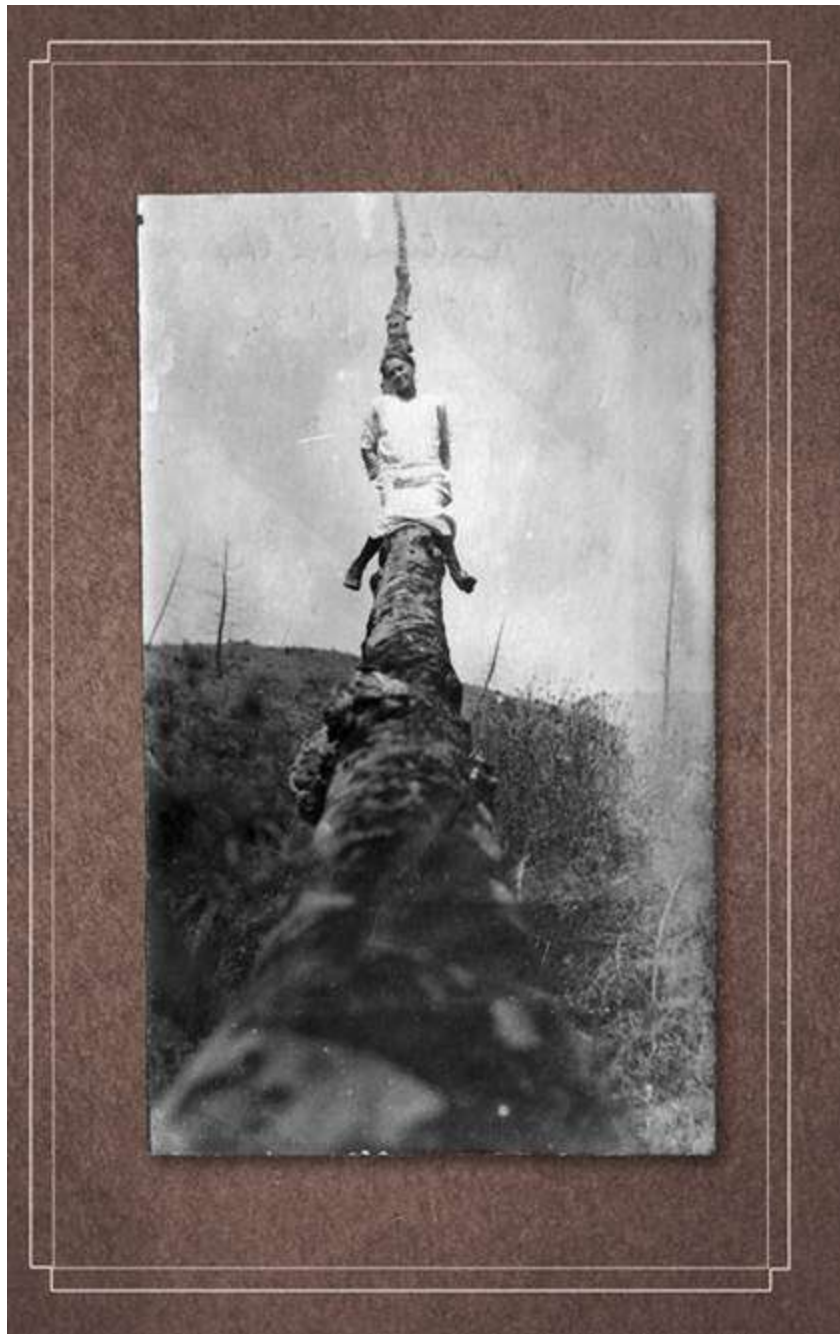
“Thật sao? Cả cây thân gỗ luôn hả?”

Emma lại lật tìm trong tập thiệp. “Đôi khi chúng tôi sẽ diễn màn Jill và cây đậu thần. Ai đó sẽ bám chặt lấy một trong những cái cây nhỏ ở bìa rừng và chúng tôi sẽ cùng xem Fiona có thể làm nó cao lên đến chừng nào trong khi bạn kia cưỡi trên cái cây đó.” Cô giở tới chỗ bức ảnh muốn tìm rồi gõ gõ ngón tay lên nó. “Đó là kỷ lục”, Emma nói đầy tự hào. “Hai mươi mét.”

“Các cậu chắc phải thấy buồn tẻ kinh khủng ở đây nhỉ?”

Cô định véo tôi lần nữa nhưng tôi đã chặn bàn tay cô lại. Tôi chẳng phải chuyên gia về các cô gái, nhưng khi một cô cố véo bạn đến bốn lần, tôi tin chắc đó là tán tỉnh.





Còn có thêm vài tiết mục nữa sau khi Fiona và Hugh rời sân khấu, nhưng đến lúc đó đám trẻ đã trở nên nhốn nháo, và không lâu sau chúng tôi giải tán để dùng thời gian còn lại của ngày hôm đó đắm chìm trong niềm hạnh phúc mùa hè: thanh thoi uống nước chanh dưới ánh mặt trời; chơi bóng vò; chăm nom cho những khoảnh vườn mà nhờ có Fiona hầu như chẳng cần phải chăm nom; thảo luận về thực đơn cho bữa trưa. Tôi muốn hỏi bà Peregrine nhiều hơn về ông nội - một chủ đề tôi né tránh với Emma, cô luôn

trở nên ỉ ê mỗi khi có ai nhắc đến tên ông - nhưng cô phụ trách đã đi giảng bài tại phòng học dành cho những đứa bé hơn đám này. Dầu vậy, có vẻ như tôi có thoải mái thời gian, và nhịp sống chậm chạp cùng cái nóng buổi trưa làm tôi nhụt hết quyết tâm để làm bất cứ việc gì cần nhiều nỗ lực hơn chuyện tha thần quanh khu nhà trong cảm giác kinh ngạc mơ màng.

Sau một bữa ăn trưa ê hề với sandwich kẹp thịt ngỗng và bánh pudding sô cô la, Emma bắt đầu gợi ý lôi kéo những đứa trẻ lớn tuổi hơn đi bơi. “Quên đi”, Millard rên rầm, cái khuy quần trên cùng của cậu ta mở bung ra. “Tớ căng phồng như một con gà tây Giáng sinh rồi.” Chúng tôi nằm ườn ra trên những cái ghế bọc nhung kê quanh phòng khách, no đến muốn vỡ bụng. Bronwyn nằm co người lại, vùi đầu giữa hai cái gối. “Tớ sẽ chìm xuống tận đáy mắt”, câu trả của cô vang lên nghèn nghẹt.

Nhưng Emma vẫn khăng khăng hồi thúc. Sau mười phút ngon ngọt phỉnh phờ, cô cũng dựng Hugh, Fiona và Horace dậy khỏi giấc ngủ trưa của họ và thách Bronwyn, người có vẻ không thể bỏ qua được bất cứ cuộc cạnh tranh nào, thi bơi với mình. Khi thấy tất cả chúng tôi cùng kéo nhau ra khỏi nhà, Millard liền la lối rằng chúng tôi đã cố tình bỏ cậu ta lại.

Nơi tốt nhất để bơi là gần bên tàu, nhưng đi tới đó cũng đồng nghĩa với việc phải đi bộ qua thị trấn. “Còn đám khùng say khướt cứ nghĩ tớ là gián điệp Đức thì sao hả?” tôi nói. “Hôm nay tớ không thích bị người khác vác gậy lừa đâu.”

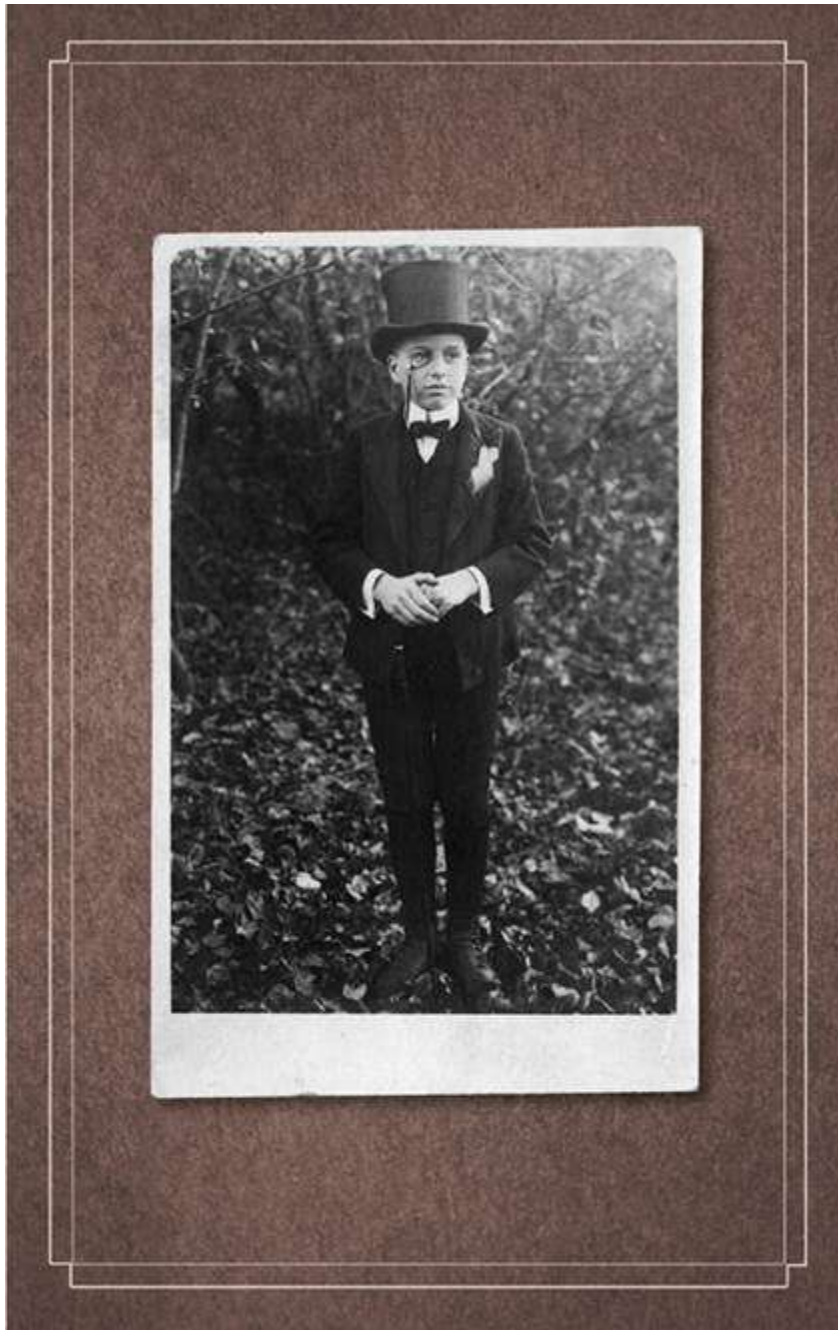
“Cậu đang trí quá”, Emma nói. “Đó là hôm qua. Họ sẽ chẳng còn nhớ gì hết.”

“Chỉ cần choàng một cái khăn quanh người cậu để họ không thấy, ờ, mấy thứ quần áo tương lai của cậu là được”, Horace nói. Tôi đã mặc lại quần jean và một chiếc áo phông, trang phục thường ngày của tôi, còn Horace mặc bộ vest đen quen thuộc của cậu ta. Anh chàng này có vẻ sở hữu cùng phong cách ăn mặc với bà Peregrine: bất cứ lúc nào cũng nghiêm chỉnh thái quá đến mức kinh khủng. Bức ảnh chụp cậu ta cũng nằm trong số ảnh tôi tìm thấy trong cái rương vỡ nát, và trong nỗ lực “phục trang” cho việc chụp

ảnh, cậu ta đã vượt quá mọi ranh giới: mũ chóp cao, gậy, kính một mắt - tóm lại là đủ lệ bộ.

“Cậu có lý”, tôi vừa nói vừa nhướn mày về phía Horace. “Tớ không muốn ai nghĩ mình mặc đồ quái dị.”

“Nếu cậu đang đề cập đến cái áo gi lê của tôi”, cậu ta trả lời thật cao ngạo, “phải, tôi thừa nhận mình là một người chạy theo mốt.” Những người khác cười khúc khích. “Tiếp tục đi, cứ việc cười anh bạn Horace của các vị! Cứ việc gọi tôi là một anh chàng bánh chọe nếu thích, nhưng chuyện những người dân trong làng sẽ chẳng nhớ các vị mặc gì không hề cho các vị quyền được mặc như một kẻ hành khất!” Nói xong, cậu ta quay sang vuốt phẳng phiu các ve áo của mình, hành động chỉ làm đám trẻ cười dữ hơn. Vừa càu nhàu, cậu ta vừa trở ngón tay như thể quy tội cho bộ đồ tôi mặc. “Còn về cậu ta, xin Chúa cứu giúp chúng ta nếu đó là tất cả những gì tú quần áo của chúng ta có thể trông đợi trong tương lai!”



Khi tiếng cười đã lắng xuống, tôi kéo Emma sang một bên và thì thầm, “Chính xác thì cái gì đã làm Horace trở nên đặc biệt - ý tớ là bên cạnh quần áo của cậu ấy?”

“Cậu ấy có những giấc mơ tiên tri. Thường xuyên có những cơn ác mộng khủng khiếp, còn chúng lại có xu hướng rất đáng lo ngại là trở thành hiện thực.”

“Thường xuyên đến mức nào cơ? Nhiều lắm sao?”

“Cậu hãy tự hỏi cậu ấy đi.”

Nhưng Horace đang chẳng có tâm trạng nào để thù tiếp những câu hỏi của tôi. Vậy là tôi đành dành chúng lại cho một dịp khác.

Khi chúng tôi đi vào thị trấn, tôi quàng một cái khăn quanh hông và khoác một cái khăn khác lên vai. Cho dù không hẳn là tiên tri, song Horace đã đúng về một chuyện: không ai nhận ra tôi. Đi xuống đường cái, chúng tôi gặp phải vài ánh mắt lạ lùng, nhưng không ai làm phiền chúng tôi. Chúng tôi thậm chí còn đi ngang qua lão béo đã gây phiền toái đủ điều cho tôi ở chỗ quầy bar. Ông ta đang nhồi một tẩu thuốc bên ngoài tiệm bán thuốc lá và ba hoa về chính trị với một người phụ nữ hầu như chẳng buồn lắng nghe. Tôi không dừng được nhìn ông ta chằm chằm khi chúng tôi đi ngang qua. Ông ta cũng trừng mắt nhìn lại, chẳng hề có lấy một dấu hiệu là nhận ra.

Cứ như thể ai đó đã “khởi động lại” cả thị trấn. Tôi tiếp tục nhận ra những thứ tôi đã thấy ngày hôm trước: cũng vẫn chiếc xe điên cuồng lao đi vùn vụt xuống con đường, bánh sau của nó trôi trượt trên mặt sỏi, vẫn cùng những người phụ nữ xếp hàng cạnh giếng nước; một người đàn ông quét hắc ín lên đáy một chiếc thuyền chèo tay, tiến độ công việc chẳng nhích lên được thêm chút nào so với hai mươi bốn giờ trước. Tôi gần như trông đợi sẽ thấy bóng ma của chính mình cầm đầu chạy băng qua thị trấn với một đám đông đuổi theo sau, nhưng tôi đoán mọi thứ sẽ không diễn ra như thế.

“Các cậu hẳn phải biết rất nhiều về những gì diễn ra quanh đây”, tôi nói. “Như hôm qua, với những cái máy bay và cái xe đó.”

“Millard là người biết tất cả”, Hugh nói.

“Đúng thế”, Millard nói. “Thực ra tớ đang trên đường hoàn tất bản tường thuật hoàn chỉnh đầu tiên trên thế giới về một ngày trong cuộc sống của một thị trấn, theo trải nghiệm của tất cả mọi người ở đó. Mọi hành động, mọi cuộc hội thoại, mọi âm thanh, tạo ra bởi mỗi cá thể trong số một trăm năm mươi chín con người và ba trăm ba mươi hai con vật cư trú tại Cairnholm, theo từng phút một, từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn.”

“Thật không tin nổi”, tôi nói.

“Tớ không thể không đồng ý”, cậu ta trả lời. “Chỉ trong hai mươi bảy năm tớ đã quan sát được nửa số động vật và gần như toàn bộ con người.”

Tôi há hốc miệng. “Hai mươi bảy năm?”

“Cậu ấy dành ra ba năm riêng cho những con lợn!” Hugh nói. “Có nghĩa là ghi chú lại mọi thứ về *những con lợn* hằng ngày trong suốt ba năm! Cậu có thể tưởng tượng nổi không? ‘Cơn này phệt ra một bãi phân!’ ‘Con kia kêu *ut it* rồi lăn ra ngủ ngay trên chất thải của chính nó!’”

“Các ghi chú là tối cần thiết cho quá trình này”, Millard kiên nhẫn giải thích. “Nhưng tôi có thể hiểu sự ghen tị của cậu, Hugh. Nó hứa hẹn sẽ là một công trình chưa từng có tiền lệ trong lịch sử giới học thuật hàn lâm.”

“À, đừng có mà vênh mũi lên”, Emma nói. “Nó cũng sẽ là một thứ chưa từng có tiền lệ trong lịch sử của những thứ dở hơi. Nó là thứ dở hơi đệ nhất từng được viết ra!”

Thay vì trả lời, Millard bắt đầu chỉ ra các biến cố ngay trước khi chúng xảy ra. “Bà Higgins sắp sửa lên cơn ho”, cậu ta nói, và sau đó một người phụ nữ trên đường sẽ ho tới ho lui cho tới khi đỏ gay cả mặt, hay “Ngay bây giờ, một ngư dân sẽ than vãn về nỗi khó khăn khi phải hành nghề trong thời chiến tranh”, và sau đó một người đàn ông tựa người vào một cái xe chất đầy lưới đánh cá sẽ quay sang một người đàn ông khác và nói, “Giờ đây dưới nước có quá nhiều lỗ U-boat chết tiệt đó tới mức đi kiểm tra lưới của mình cũng không còn an toàn nữa!”

Tôi thật sự bị ấn tượng, và nói với Millard như vậy. “Tớ rất vui là có người trân trọng công trình của mình”, cậu ta đáp.

Chúng tôi đi bộ dọc theo bến tàu ồn ào bận rộn cho tới hết cầu tàu, rồi sau đó men theo bờ biển lởm chởm đá về phía mũi đất, tới chỗ một bãi cát. Mấy cậu con trai bọn tôi cởi đồ ra chỉ mặc lại quần lót (tất cả ngoại trừ Horace, cậu ta chỉ cởi đôi giày và cái nơ ra) trong khi các cô gái biến mất để thay sang những bộ đồ tắm kiểu cổ kín đáo. Sau đó tất cả chúng tôi đều bơi. Bronwyn và Emma bơi thi với nhau, trong khi những người còn lại bơi

vòng quanh; khi đã mệt, chúng tôi lên bãi cát và đánh một giấc. Đến lúc trời nóng quá, chúng tôi lại lao xuống nước, và khi nước biển lạnh làm chúng tôi rét run, chúng tôi lại lên bờ, và cứ thế lặp đi lặp lại cho tới khi bóng chúng tôi bắt đầu dài ra trên mặt cát.

Chúng tôi trò chuyện với nhau. Họ có cả triệu câu hỏi dành cho tôi, và khi ở cách xa bà Peregrine, tôi có thể trả lời họ một cách thẳng thắn. Thế giới của tôi thế nào? Mọi người ăn, uống, mặc những gì? Khi nào khoa học sẽ khắc chế được bệnh tật và cái chết? Họ sống trong cảnh huy hoàng, nhưng thèm khát những khuôn mặt mới, những câu chuyện mới. Tôi kể cho họ tất cả những gì có thể, cố moi trong óc những mẩu chuyện về lịch sử thế kỷ hai mươi từ giờ giảng của cô Johnston - đổ bộ lên mặt trăng! Bức tường Berlin! Việt Nam! - nhưng họ khó lòng hiểu nổi.

Công nghệ và mức sống trong thời đại của tôi là điều làm họ kinh ngạc nhất. Nhà của chúng tôi có điều hòa không khí. Họ đã nghe nói về vô tuyến truyền hình nhưng chưa bao giờ được thấy một cái, và choáng váng khi được biết gần như phòng nào trong nhà tôi cũng có một cái hộp biết nói và phát hình ảnh. Di chuyển bằng đường hàng không với chúng tôi cũng thông dụng và bình dân như di chuyển bằng tàu hỏa với họ. Quân đội của chúng tôi chiến đấu với những chiếc máy bay không người lái điều khiển từ xa. Chúng tôi mang theo người những chiếc điện thoại kiêm máy tính có thể nhét vừa trong túi quần, và cho dù cái của tôi không hoạt động ở đây (nơi này dường như không có thiết bị điện tử nào hoạt động được), tôi vẫn lấy nó ra để cho họ thấy phần thân máy bóng loáng có mặt kính của nó.

Mặt trời bắt đầu lặn khi cuối cùng chúng tôi lên đường quay về. Emma bám dính lấy tôi, mu bàn tay cô cọ lên bàn tay tôi trong khi chúng tôi bước đi. Đi ngang qua một cây táo ở ngoài rìa thị trấn, cô dừng lại để hái một quả, nhưng ngay cả khi Emma đã đứng kiễng chân, quả táo ở thấp nhất vẫn nằm ngoài tầm tay cô, vậy là tôi làm điều bất cứ quý ông nào cũng sẽ làm là giúp nâng người cô lên, quàng hai cánh tay tôi quanh eo cô và cố không rên lên khi tôi nhắc cô, cánh tay trắng nõn của cô vươn lên, mái tóc ướt lấp lánh dưới ánh mặt trời. Khi tôi đặt Emma xuống, cô nhẹ nhàng đặt một nụ hôn lên má tôi rồi đưa cho tôi quả táo.

“Này”, cô nói, “cậu dành được nó đấy.”

“Quả táo hay nụ hôn cơ?”

Cô bật cười và chạy vụt đi để bắt kịp những người khác. Tôi không biết phải gọi điều vừa diễn ra giữa hai chúng tôi là gì, song tôi thích nó. Nó có vẻ thật ngây ngô, mong manh và tuyệt vời. Tôi cho quả táo vào túi và chạy theo cô.

Khi chúng tôi đi tới chỗ đầm lầy và tôi nói phải về nhà, Emma giả bộ hờn dỗi. “Ít nhất hãy để tôi đưa cậu về”, cô nói, vậy là chúng tôi vẫy tay chào tạm biệt những người khác và băng qua đầm tới chỗ ngôi mộ đá, vừa đi, tôi vừa cố hết sức để ghi nhớ những chỗ cô đặt chân.

Khi tới đó, tôi nói, “Hãy đi cùng tớ sang bên kia một phút thôi.”

“Tôi không thể. Tôi phải quay về, nếu không Chim sẽ nghi ngờ chúng ta.”

“Nghi ngờ chúng ta về cái gì?”

Emma rụt rè mỉm cười. “Về... một điều gì đó.”

“Một điều gì đó.”

“Cô ấy luôn cảnh giác tìm kiếm thứ gì đó”, cô gái vừa nói vừa bật cười.

Tôi thay đổi chiến thuật. “Vậy ngày mai cậu tới gặp tớ thì sao nhỉ?”

“Gặp cậu? Ở bên đó ư?”

“Sao không chứ? Bà Peregrine sẽ không có mặt để canh chừng chúng ta. Thậm chí cậu còn có thể gặp bố tớ. Tất nhiên, chúng ta sẽ không nói cho ông ấy biết cậu là ai. Và khi đó có thể ông ấy sẽ thoải mái hơn một chút về chuyện tớ đi đâu và làm gì suốt cả ngày. Tớ đi chơi với một cô gái hấp dẫn ư? Như thế có vẻ giống điều ước trong mơ hay ho nhất của một ông bố.”

Tôi nghĩ có thể Emma sẽ mỉm cười về chuyện cô gái hấp dẫn, nhưng thay vì thế cô lại trở nên nghiêm túc.

“Chim chỉ cho phép bọn tôi sang bên đó mỗi lần vài phút thôi, chỉ để vòng được mở thông, cậu biết đấy.”

“VẬY HÃY NÓI VỚI BÀ ẤY NHỮNG GÌ CẬU SẼ LÀM!”

Emma thở dài. “Tôi muốn thế lắm. Thật lòng đấy. Nhưng đó là một ý tưởng tồi.”

“Bà ấy quàng dây vào cổ các cậu chặt quá nhi.”

“Cậu không biết cậu đang nói về chuyện gì đâu”, cô cau mày nói. “Và xin cảm ơn vì đã so sánh tôi với một con chó. Thông thái đấy.”

Tôi tự hỏi làm thế nào chúng tôi lại đi từ tán tỉnh sang tranh cãi nhanh đến vậy. “Tớ không hề có ý như thế.”

“Không phải là tôi không thích”, Emma nói. “Mà chỉ là không thể.”

“Được rồi, tớ đề nghị thế này nhé. Quên chuyện tới chỗ tớ cả ngày đi. Chỉ qua đó phút thôi, ngay bây giờ.”

“Một phút? Chúng ta có thể làm gì trong một phút?”

Tôi cười nhăn nhó. “Cậu sẽ ngạc nhiên đấy”

“Nói cho tôi biết đi!” cô vừa nói vừa đẩy tôi.

“Chụp ảnh cậu.”

Nụ cười của Emma vụt biến mất. “Lúc này diện mạo của tôi đâu có hấp dẫn nhất đâu”, cô nói với vẻ ngờ vực.

“Không, trông cậu tuyệt lắm. Thật đấy.”

“Chỉ một phút thôi? Hứa nhé?”

Tôi để cô chui vào trong mộ đá trước. Khi chúng tôi chui trở ra, thế giới mờ mịt sương mù và lạnh lẽo, mặc dù may thay cơn mưa đã dứt. Tôi lấy điện thoại ra và vui mừng thấy lý thuyết của tôi đã đúng. Ở phía bên này vòng thời gian, các thiết bị điện tử hoạt động ngon lành.

“Máy ảnh của cậu đâu?” Emma vừa nói vừa rùng mình vì lạnh. “Làm cho xong chuyện này đi!”

Tôi giờ điện thoại lên và chụp ảnh cô. Cô chỉ lắc đầu, như thể chẳng còn gì về thế giới kỳ lạ của tôi có thể làm cô ngạc nhiên nữa. Sau đó cô chạy né đi, còn tôi phải đuổi theo cô vòng quanh mộ đá, cả hai chúng tôi cùng cười

phá lên, Emma trốn mắt khỏi tầm mắt tôi để rồi lại lao vụt ra để thu hút ống kính. Một phút sau, tôi đã chụp nhiều ảnh đến mức cái điện thoại của tôi gần như cạn sạch pin.

Emma chạy tới lối vào mộ đá và tặng cho tôi một cái hôn gió. “Gặp lại cậu ngày mai, chàng trai tương lai!”

Tôi giờ tay lên vẫy chào tạm biệt, và cô chui vào trong đường hầm đá.

Tôi trở lại thị trấn lạnh cóng, ướt sũng và cười toe toét như một gã khùng. Vẫn còn cách quán rượu nhiều căn nhà nữa thì tôi nghe thấy một âm thanh lạ lùng vang lên trên nền rì rầm của các máy phát điện - ai đó đang gọi tên tôi. Theo hướng giọng nói, tôi thấy bố đang đứng giữa phố mặc chiếc áo len sũng nước, hơi thở phả ra mờ mịt đằng trước ông như làn khói ông xả vào một buổi sáng lạnh lẽo.

“Jacob! Bố tìm con mãi!”

“Bố dặn là về trước bữa tối mà, con về đây rồi!”

“Quên bữa tối đi. Lại đây với bố.”

Bố tôi chưa bao giờ bỏ bữa tối. Chắc chắn phải có chuyện gì.

“Có chuyện gì vậy ạ?” ,

“Bố sẽ giải thích trên đường”, bố tôi vừa nói vừa sai bước về phía quán rượu. Đến đó, ông chăm chú nhìn tôi. “Con ướt sũng cả người rồi kìa!” ông kêu lên. “Vì Chúa, con đã mất nốt cái áo khoác còn lại rồi sao hả?”

“Con, ừm...”

“Mà sao mặt con đỏ gay thế kia? Trông con như bị cháy nắng vậy.”

Khỉ thật. Suốt cả một buổi chiều trên bãi biển không kem chống nắng. “Con đang nóng bừng cả người vì chạy”, tôi nói, mặc dù làn da trên hai cánh tay tôi đang nổi gai ốc lên vì lạnh. “Có chuyện gì vậy? Có ai chết hay sao ạ?”

“Không, không, không”, bố tôi nói. “À, cũng gần như thế. Một con cừu nào đó.”

“Chuyện đó thì liên quan gì đến chúng ta?”

“Người ta nghĩ lũ trẻ con đã gây ra chuyện đó. Như một hành động phá hoại.”

“Người ta là ai cơ? Cảnh sát bảo vệ cừu sao?”

“Những người nuôi cừu”, bố tôi nói. “Họ vặn hỏi tất cả mọi người dưới hai mươi tuổi. Và tất nhiên họ rất quan tâm tới chuyện con đã ở đâu cả ngày.”

Bụng tôi thắt lại. Tôi không hẳn đã có được một câu chuyện chắc chắn làm bình phong, và tôi cố gắng vắt óc nghĩ ra một chuyện gì đó trong khi chúng tôi về tới gần Priest Hole.

Bên ngoài quán rượu, một đám đông nhỏ đang xúm quanh một vài người nuôi cừu mặt mũi có vẻ rất tức giận. Một người mặc bộ áo liền quần bê bết bùn, tựa người trên một cây chĩa xọc rom đầy vẻ đe dọa. Một người khác đang tóm lấy cổ áo Worm. Worm mặc một cái quần thể thao màu sáng chói mắt và áo sơ mi có ghi dòng chữ TÔI THÍCH NGƯỜI TA GỌI TÔI LÀ BIG POPPA ^[19]. Anh chàng đang khóc, bong bóng mũi phập phồng ở môi trên.

Người nuôi cừu thứ ba, gầy khảnh khiu và đội một cái mũ len đan chỉ về phía tôi khi hai bố con tôi lại gần. “Nó đây rồi!” ông ta hét lên. “Mày đã đi đâu hả, con trai?”

Bố vỗ lên lưng tôi. “Hãy nói cho họ biết đi”, ông tự tin nói.

Tôi cố làm ra vẻ mình chẳng có gì để giấu. “Cháu đi khám phá phía bên kia đảo. Chỗ ngôi nhà lớn.”

Mũ Len Đan trông có vẻ lúng túng. “Ngôi nhà lớn nào?”

“Cái đồng đồ nát cũ kỹ trong rừng”, Chĩa Xọc Rom nói. “Chỉ một gã điên hẳn hoi mới đặt chân đến chỗ đó. Chỗ ấy bị ma ám, và là một cái bẫy chết người.”

Mũ Len Đan nheo mắt nhìn tôi. “Ồ trong ngôi nhà lớn với ai hả?”

“Chẳng ai cả”, tôi nói, và thấy bố ném cho tôi một ánh mắt tinh quái.

“Bố lão! Tao nghĩ mày ở cùng với thằng này”, người đàn ông đang tóm Worm nói.

“Cháu chẳng bao giờ giết con cừu nào cả!” Worm kêu lên.

“Câm mồm!” người đàn ông gắt lên.

“Jake?” bố tôi lên tiếng. “Thế còn chuyện về các bạn con là thế nào?”

“À, chuyện tào lao thôi, bố.”

Mũ Len Đan quay sang gắt lên, “Sao hả, đồ nhóc con dối trá. Tao phải quát cho mày một trận ngay đây trước mặt Chúa và mọi người.”

“Ông tránh xa con tôi ra”, bố tôi nói, thể hiện giọng Ông Bô Cứng Rắn khá nhất của ông. Mũ Len Đan bật rủa và tiến một bước về phía bố tôi, đoạn ông ta cùng bố tôi gườm gườm đối diện nhau. Chưa ai trong hai người kịp tung ra quả thụi thì, một giọng quen thuộc đã cất lên, “Dừng lại, Dennis, chúng ta sẽ thu xếp chuyện này”, và ông Martin chen qua đám đông tới đứng chặn giữa hai người. “Hãy bắt đầu bằng việc cho chúng tôi biết những gì con trai ông nói với ông”, ông nói với bố tôi.

Bố trừng mắt nhìn tôi. “Nó nói sẽ đi gặp mấy người bạn ở phía bên kia đảo.”

“Bạn nào?” Chĩa Xọc Rơm hoạnh hộc.

Tôi có thể thấy chuyện này sẽ chỉ xấu đi trừ phi tôi làm điều gì đó thật quyết liệt. Rõ ràng tôi không thể nói với họ về những đứa trẻ - mà đằng nào họ cũng sẽ chẳng tin tôi - vậy nên thay vì thế tôi chấp nhận một rủi ro lường trước được.

“Chẳng có ai cả”, tôi nói, cúi mặt xuống vờ xấu hổ. “Họ chỉ là tưởng tượng.”

“Nó nói gì thế?”

“Con trai tôi nói đám bạn của nó chỉ là tưởng tượng”, bố tôi nhắc lại, nghe có vẻ lo lắng.

Mấy người nuôi cừu trao đổi với nhau những cái nhìn ngờ ngàng.

“Thấy chưa?” Worm nói, một tia hy vọng lóe lên trên khuôn mặt nó. “Thằng nhóc này là một đứa thần kinh chết tiệt! Chắc chắn phải là nó!”

“Cháu chưa bao giờ chạm đến chúng cả”, tôi nói, cho dù chẳng ai đang thực sự lắng nghe.

“Không phải là cậu người Mỹ”, người nuôi cừ đang túm lấy Worm nói. Ông này giật mạnh cái áo của nó. “Còn thằng này, nó đã có tiền sự rồi. Mấy năm trước, tôi đã thấy nó đá một con cừ rơi từ trên vách đá xuống. Không thể tin nổi nếu tôi không chính mắt nhìn thấy. Sau khi nó làm thế tôi có hỏi nó vì sao. Để xem con cừ có bay được không, nó nói thế. Thằng nhóc này là một đứa bệnh hoạn, hẳn rồi.”

Đám đông rì rầm đầy ghê tởm. Worm trông không được thoải mái lắm nhưng cũng không chối cãi gì về câu chuyện.

“Thế còn thằng bạn bán cá của nó đâu?” Chĩa Xọc Rơm hỏi. “Nếu thằng này dính đến chuyện đó, các vị cũng có thể đặt cược ngay là thằng kia cũng thế.” Ai đó nói người ta đã thấy Dylan ở gần chỗ bến tàu, và mấy người được phái đi tìm cậu ta.

“Thế nếu là một con sói thì sao, hoặc là một con chó hoang?” bố tôi nói. “Bố tôi đã bị lũ chó sát hại.”

“Trên đảo Cairnholm chỉ có chó chăn cừu thôi”, Mũ Len Đan trả lời. “Và chính xác thì chó chăn cừu không có bản năng đi giết cừu.”

Tôi ước gì bố tôi chịu kết thúc chuyện này và rút lui khi còn dễ dàng làm được thế, nhưng ông đã dính sâu vào vụ này chẳng khác gì Perry Mason^[20]. “Chúng ta đang nói về bao nhiêu con cừu đây nhỉ?” bố tôi hỏi.

“Năm”, người nuôi cừu thứ tư đáp, ông ta là một người lùn hoăn, mặt mũi cau có từ nãy đến giờ chưa nói câu nào. “Tất cả đều là của tôi. Bị giết ngay trong bãi nhốt. Mấy con vật khốn khổ thậm chí chẳng có cơ hội chạy trốn.”

“Năm con cừu. Theo ông nghĩ năm con cừu sẽ có bao nhiêu máu?”

“Tôi sẽ không lạ nếu là cả một bồn đầy ắp.”

“Vậy thì chẳng phải kẻ gây ra chuyện đó người sẽ bê bết máu sao?”

Mấy người nuôi cừ đưa mắt nhìn nhau. Họ nhìn tôi, rồi sau đó nhìn Worm. Sau đó, họ nhún vai rồi gãi đầu. “Có lẽ là lũ cáo”, Mũ Len Đan nói.

“Cả một bầy cáo thì có thể”, Chĩa Xọc Rom nói đầy ngờ vực, “nếu hòn đảo này có thể có nhiều đến thế.”

“Tôi vẫn cho rằng những vết cắt quá gọn”, người đàn ông đang tóm Worm nói. “Chắc chắn phải do một con dao gây ra.”

“Tôi không tin như vậy”, bố tôi đáp.

“Vậy thì ông cứ tự đến mà xem”, Mũ Len Đan nói. Vậy là trong khi đám đông bắt đầu giải tán, nhóm nhỏ chúng tôi đi theo mấy người nuôi cừ tới chỗ hiện trường vụ án. Chúng tôi leo qua một ngọn đồi thấp, qua một cánh đồng gần đó, tới chỗ một cái lán nhỏ bằng ván gỗ màu nâu đàng sau là một khu nuôi nhốt súc vật hình chữ nhật. Chúng tôi dè dặt lại gần và nhìn vào qua khe các thanh rào.

Cảnh tượng đẫm máu bên trong trong gần như trong tranh, tác phẩm của một họa sĩ điên theo trường phái ấn tượng chỉ vẽ bằng màu đỏ. Bãi cỏ bị giày xéo ngập sũng máu, cũng như những cọc rào dãi dầu sương gió của bãi nhốt và mấy xác cừ màu trắng nằm cứng đờ, bị quăng quật trong tư thế của cơn đau đớn cực độ đầy cam chịu. Một con đã cố leo qua hàng rào và những cái chân nhỏ bé của nó bị mắc kẹt giữa các thanh rào. Cái xác cừ nằm treo trước mắt tôi ở một tư thế thật kỳ quặc, bị phanh ra làm đôi từ cổ xuống tận đáy chậu, như thể nó đã bị mở khóa kéo ra.

Tôi buộc phải quay mặt đi. Những người khác vừa thì thầm vừa lắc đầu, rồi ai đó khẽ huýt sáo. Worm ậm ọe rồi bắt đầu khóc, hành động bị nhìn nhận như ngầm thừa nhận tội lỗi; tên tội phạm không thể đối diện với tội ác của chính hắn. Nó bị điệu tới nhốt trong bảo tàng của ông Martin - ở chỗ từng là phòng cất đồ thánh và giờ làm xà lim tạm thời của hòn đảo - cho tới khi bị bàn giao lại cho cảnh sát trong đất liền.

Chúng tôi để người chủ bãi nuôi cừ ở lại bản thân với những con cừ bị giết của ông ta và quay trở lại thị trấn, khó nhọc leo qua những ngọn đồi ướt

nhẹp trong cảnh chạng vạng xám xịt. Quay về phòng mình, tôi biết sắp phải có một cuộc nói chuyện với Ông Bố Cứng Rắn, vì vậy tôi cố hết sức để tước vũ khí ông trước khi ông kịp động thủ.

“Con đã nói dối bố, và con xin lỗi.”

“Thế à?” bố tôi hỏi đầy mỉa mai, trong khi thay cái áo len ướt bằng một cái áo khô. “Con khá lắm. Giờ chúng ta sẽ nói về chuyện dối trá nào đây? Bố khó lòng hiểu nổi chuyện gì nữa.”

“Về chuyện con nói đi gặp bạn. Chẳng có đứa trẻ nào khác trên đảo cả. Con đã bịa ra bọn họ vì không muốn bố lo lắng về việc con ở đó một mình.”

“À, đúng là bố có lo lắng, thậm chí dù ông bác sĩ của con đã bảo bố đừng lo.”

“Con biết thế.”

“Vậy còn chuyện mấy người bạn tưởng tượng này thì thế nào đây? Golan có biết về chuyện này không?”

Tôi lắc đầu. “Đó cũng là một lời nói dối. Chỉ là con phải tìm cách rũ mấy người kia khỏi bám lấy mình.”

Bố tôi khoanh hai tay lại, không chắc nên tin vào cái gì nữa. “Thật là.”

“Thà để họ nghĩ con hơi lập dị còn hơn là để họ nghĩ con là một kẻ giết cừu, phải không nào?”

Tôi ngồi xuống bên bàn. Bố nhìn tôi một hồi lâu, và tôi không dám chắc ông có tin tôi hay không. Sau đó, ông đi tới chỗ chậu rửa và vục nước lên rửa mặt. Sau khi đã lau khô và quay trở lại, bố tôi có vẻ đã quyết định rằng tin tôi thì đỡ phiền phức hơn nhiều.

“Con chắc chúng ta không cần gọi lại cho bác sĩ Golan chứ?” bố tôi hỏi. “Để có một cuộc nói chuyện dài thú vị?”

“Nếu bố muốn thế. Nhưng con ỏn cả.”

“Đây chính xác là lý do vì sao bố không muốn con dây dưa với mấy thằng nhóc rapper kia”, bố tôi nói, vì ông cần viện đến một thứ gì đó đủ về

răn dạy để cuộc trò chuyện này có thể tính là nghiêm túc.

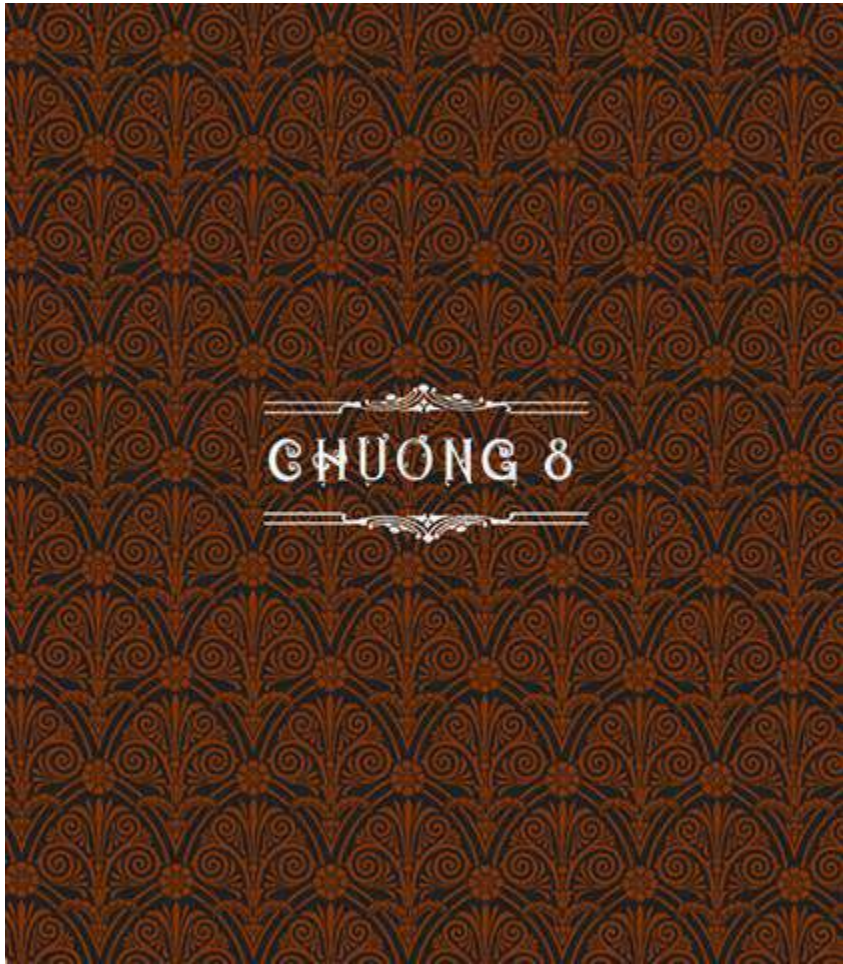
“Về chuyện đó thì bố đúng”, tôi nói, mặc dù trong thâm tâm tôi không thể tin có ai trong hai cậu chàng kia đủ khả năng làm chuyện đó. Worm và Dylan thích nói thánh nói tướng, nhưng cũng chỉ có thể thôi.

Bố ngồi xuống đối diện với tôi. Trông ông có vẻ mệt mỏi. “Bố vẫn muốn biết bằng cách nào người ta lại có thể bị bắt nắng vào một ngày như hôm nay.”

Phải rồi. Những vết bắt nắng. “Con đoán là da con hơi nhạy cảm”, tôi nói.

“Chắc là vậy thôi”, bố tôi nói khô khan.

Ông để tôi yên, và tôi đi tắm, đồng thời nghĩ về Emma. Sau đó, tôi đánh răng trong lúc nghĩ về Emma rồi rửa mặt trong lúc nghĩ về Emma. Tiếp theo, tôi về phòng, lấy quả táo cô đưa cho tôi từ trong túi ra, để nó lên bàn đầu giường, rồi sau đó, như thể nhằm đảm bảo với bản thân là cô vẫn còn tồn tại, tôi lấy điện thoại của mình ra và xem qua những bức ảnh tôi đã chụp cô hồi chiều. Khi nghe thấy tiếng bố lên giường ở phòng bên, tôi vẫn đang xem, khi những chiếc máy phát ngừng hoạt động và đèn trong phòng tôi tắt phụt, tôi vẫn đang xem, rồi đến khi không còn ánh sáng ở đâu khác, chỉ có khuôn mặt Emma trên màn hình điện thoại bé nhỏ của tôi, tôi vẫn nằm đó trong bóng tối và tiếp tục xem.



Chương 8

Hy vọng thoát được một bài lên lớp nữa, tôi dậy sớm và ra khỏi nhà trước khi bố thức giấc. Tôi nhét một tờ giấy nhấn vào dưới cánh cửa ra vào phòng ông rồi đi lấy quả táo của Emma, nhưng nó không còn ở trên cái bàn đầu giường, nơi tôi để nó lại. Một cuộc tìm kiếm kỹ lưỡng dưới sàn moi ra rất nhiều bụi lưu cữu vón lại thành cục và một vật nhẵn nhéo như làm bằng da to bằng cỡ quả bóng golf. Tôi đang bắt đầu tự hỏi liệu có phải ai đó đã xoáy mất quả táo hay không thì nhận ra cái vật nhẵn nhéo kia chính là quả táo. Vào một thời điểm nào đó đêm qua quả táo đã xuống cấp trầm trọng, trở nên teo quắt tới mức tôi chưa từng thấy quả nào quắt queo như thế. Trông như thể nó đã trải qua cả năm bị bỏ mặc trong máy sấy khô thực phẩm đóng kín. Khi tôi thử nhặt lên, quả táo liền vụn ra trên bàn tay tôi như một nhúm đất.

Ngỡ ngàng, tôi hất nó đi rồi ra ngoài. Trời mưa tầm tã, nhưng chẳng mấy chốc tôi đã bỏ lại bầu trời xám xịt sau lưng để đổi lấy ánh mặt trời đáng tin cậy của vòng thời gian. Tuy nhiên, lần này chẳng có cô gái xinh đẹp nào đợi tôi ở phía bên kia ngôi mộ đá - hay bất cứ ai khác. Tôi cố không tỏ ra quá thất vọng, nhưng đúng là tôi cảm thấy hơi thất vọng.

Ngay khi tới trại trẻ, tôi bắt đầu tìm kiếm Emma, nhưng bà Peregrine đã chặn tôi lại trước khi tôi kịp đi qua tiền sảnh.

“Ta muốn nói vài lời với cậu, cậu Portman”, bà nói, rồi dẫn tôi vào gặp riêng trong bếp, vẫn còn thơm nức mùi bữa sáng ngon lành tôi đã lỡ mất. Tôi có cảm giác như đang bị gọi lên phòng phụ trách.

Bà Peregrine tựa người vào cái bếp to. “Cậu có thích thời gian ở cùng chúng tôi không?” bà hỏi.

Tôi trả lời là có thích, rất thích.

“Thế thì tốt”, bà đáp, rồi nụ cười của bà biến mất. “Ta hiểu cậu đã có một buổi chiều vui vẻ với một vài học sinh của ta hôm qua. Và cả một cuộc trò

chuyện rất sôi nổi nữa.”

“Chuyện đó rất tuyệt. Tất cả họ thực sự rất dễ mến.” Tôi cố gắng nói đến mọi thứ thật nhẹ nhàng, song tôi có thể thấy bà Peregrine đang bực tôi vì lý do nào đó.

“Hãy nói cho ta biết”, bà nói, “cậu có thể mô tả thế nào về bản chất cuộc trò chuyện của các cô các cậu?”

Tôi cố nhớ lại. “Cháu không biết... bọn cháu đã nói về rất nhiều thứ. Mọi thứ ở đây thế nào. Mọi người ở nơi cháu đang sống thì thế nào.”

“Nơi cậu đang sống.”

“Đúng thế.”

“Và cậu có nghĩ việc trò chuyện về những thứ trong tương lai với những đứa trẻ của quá khứ là khôn ngoan không?”

“Những đứa trẻ? Bà thực sự nghĩ về họ như thế sao?” Tôi hồi tiếc vì đã nói như thế ngay khi những lời này buột ra khỏi miệng mình.

“Bản thân chúng cũng nhìn nhận bản thân như thế”, bà gắt gỏng. “Cậu định gọi chúng thế nào đây?”

Với tâm trạng của bà, đây không phải là một vấn đề tế nhị tôi sẵn sàng tranh luận. “Trẻ con, cháu đoán vậy.”

“Đúng thế. Bây giờ, như ta đang nói”, bà Peregrine nói, nhấn mạnh các từ bằng cách chém tay xuống bếp, “cậu có nghĩ việc trò chuyện về tương lai với những đứa trẻ của quá khứ là khôn ngoan không?”

Tôi quyết định thử đánh liều. “Chắc là không?”

“À, nhưng có vẻ cậu đã làm thế đấy! Tôi biết điều đó vì tối qua khi dùng bữa chúng ta được Hugh thết đãi một bài tổng kết công phu đáng kinh ngạc về những điều kỳ diệu của công nghệ viễn thông thế kỷ hai mươi mốt.” Giọng bà đầy vẻ mỉa mai. “Mọi người có biết rằng khi người ta gửi một lá thư đi vào thế kỷ hai mươi mốt, bên kia có thể nhận được gần như ngay lập tức không?”

“Cháu nghĩ bà đang nói về thư điện tử.”

“À, Hugh biết tất cả về nó.”

“Cháu không hiểu”, tôi nói. “Chẳng lẽ đó là vấn đề sao?”

Bà Peregrine thôi tựa người vào bếp, bước một bước tập tễnh về phía tôi. Cho dù bà thấp hơn tôi đến cả ba chục phân, song bà vẫn có thể chiếm thế áp đảo.

“Là một Chủ Vòng Thời Gian, ta đã tuyên thệ phải giữ an toàn cho những đứa trẻ này, và trên hết điều đó có nghĩa là giữ chúng ở đây - trong vòng - trên hòn đảo này.”

“Vâng.”

“Thế giới của cậu là nơi không bao giờ chúng có thể gia nhập, cậu Portman. Vì thế liệu có ích gì khi nhồi nhét vào đầu óc chúng những lời đao to búa lớn về những điều kỳ diệu đáng kinh ngạc của tương lai? Giờ thì cậu đã làm cho một nửa đám trẻ năn nỉ được thực hiện một chuyến đi bằng máy bay phản lực tới Mỹ và nửa còn lại mơ đến một ngày chúng cũng có thể sở hữu một chiếc điện thoại kiêm máy tính như của cậu.”

“Cháu xin lỗi. Lúc đó cháu không nhận ra.”

“Đây là nhà của chúng. Ta đã cố làm cho nó thành một nơi đẹp đẽ nhất có thể. Nhưng thẳng thừng mà nói thì chúng không thể rời đi, và ta sẽ rất biết ơn nếu cậu không làm cho chúng muốn thế.”

“Nhưng sao họ lại không thể rời đi?”

Bà nheo mắt lại nhìn tôi giây lát rồi lắc đầu. “Tha thứ cho ta. Ta đã tiếp tục đánh giá thấp mức độ khờ dại của cậu.” Bà Peregrine, người dường như không bao giờ có thể ngồi không, cầm lấy một cái xoong để trên bếp và bắt đầu dùng miếng cọ nồi bằng thép để cọ rửa nó. Tôi tự hỏi liệu bà đang tảng lờ câu hỏi của tôi hay chỉ đơn giản là cân nhắc xem tốt nhất nên đưa ra câu trả lời thế nào.

Khi cái xoong đã sạch bong, bà để nó lại lên bếp và nói, “Chúng không thể lưu lại trong thế giới của cậu, cậu Portman, bởi vì chỉ trong một thời gian ngắn chúng sẽ già đi và chết.”

“Ý bà nói sao, chết ư?”

“Ta không rõ mình có thể nói thế nào cho thẳng thắn hơn nữa. Chúng sẽ chết, Jacob.” Bà nói ngắn gọn, như thể muốn để chủ đề này lại sau lưng hai chúng tôi càng nhanh càng tốt. “Với cậu, có vẻ là chúng tôi đã tìm ra một cách để qua mặt cái chết, nhưng đó chỉ là một ảo giác thôi. Nếu lũ trẻ nán lại quá lâu bên phía cậu của vòng thời gian, tất cả bấy nhiêu năm chúng đã bỏ qua sẽ ập đến với chúng ngay lập tức chỉ trong thời gian tính bằng giờ.”

Tôi mừng tượng ra cảnh tượng một người nhăn nhoe teo tóp lại và vụn ra thành bụi đất như quả táo trên bàn đầu giường tôi. “Thật kinh khủng”, tôi rùng mình thốt lên.

Vài thời khắc như thế mà ta đã không may phải chứng kiến đều nằm trong số những ký ức tồi tệ nhất đời ta. Và để ta cam đoan với cậu nhé, ta đã sống đủ lâu để thấy một số điều thực sự khủng khiếp.”

“Vậy là chuyện này đã xảy ra trước đây rồi.”

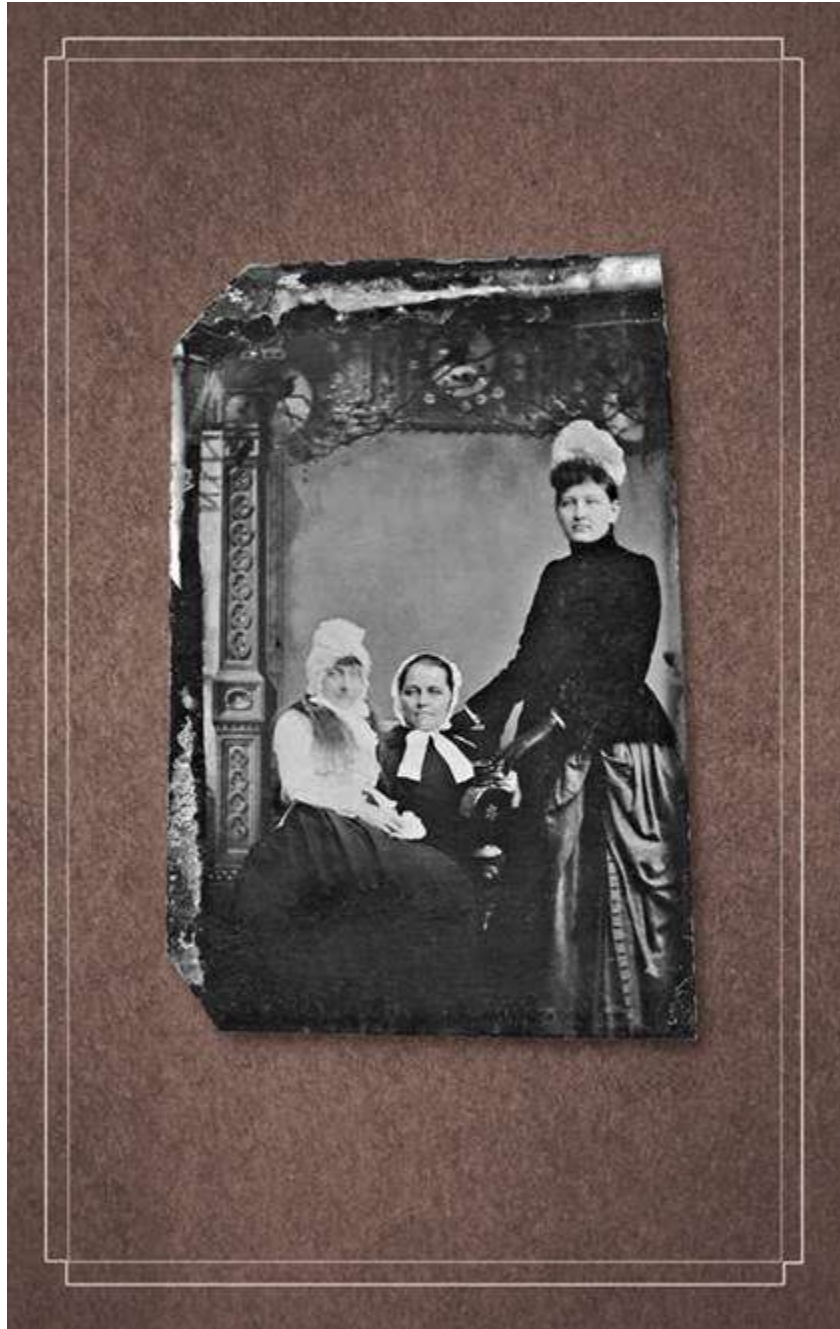
“Với một cô bé dưới sự chăm nom của ta, thật đáng tiếc. Cách đây nhiều năm rồi. Tên cô bé là Charlotte. Đó là lần đầu tiên và cũng là cuối cùng ta thực hiện một chuyến đi gặp một trong những người chị em Chủ Vòng Thời Gian của ta. Trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy, Charlotte đã tìm cách qua mặt được những đứa trẻ lớn tuổi hơn đang canh chừng cô bé và lang thang ra ngoài vòng thời gian. Hồi ấy là năm 1985 hay 86, ta tin là vậy. Charlotte đang một mình thơ thẩn trong làng thì bị một cảnh sát bắt gặp. Khi không thể giải thích được mình là ai và đến từ đâu - hay ít nhất là theo cách ông cảnh sát thấy thuận tai - cô bé tội nghiệp liền bị đưa bằng tàu thủy tới một trung tâm chăm sóc trẻ em trong đất liền. Chuyện đó xảy ra hai ngày trước khi ta có thể tìm được cô bé, và tới lúc ấy cô bé đã già đi ba mươi lăm năm.”

“Cháu nghĩ cháu đã thấy qua bức ảnh chụp cô ấy”, tôi nói. “Một phụ nữ trưởng thành trong trang phục của một cô bé.”

Bà Peregrine buồn bã gật đầu. “Sau chuyện đó cô ấy không bao giờ còn trở lại như trước được nữa. Ngay cả tâm trí cũng vậy.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cô ấy vậy?”

“Bây giờ cô bé sống với cô Nightjar. Cô Nightjar và cô Thrush phụ trách tất cả những ca khó.”



“Nhưng như thế không có nghĩa là họ bị trói buộc vào hòn đảo này, phải vậy không?” tôi hỏi. “Chẳng phải họ vẫn có thể rời khỏi *lúc này*, thời điểm năm 1940, hay sao?”

“Phải, và lại bắt đầu già đi như bình thường. Nhưng để làm gì chứ? Để bị rơi vào một cuộc chiến tranh tàn khốc sao? Hay để chạm trán những người sợ hãi và hiểu lầm họ? Và còn cả những mối nguy hiểm khác nữa. Tốt nhất là ở đây.”

“Những mối nguy hiểm khác nào vậy?”

Khuôn mặt bà tối sầm lại, như thể hối tiếc vì đã khơi ra chuyện này. “Cậu không cần bận tâm đến làm gì. Hay ít nhất là chưa.”

Nói đoạn, bà xua tôi ra ngoài. Tôi hỏi thêm lần nữa ý bà muốn nói gì khi nhắc tới “những mối nguy hiểm khác”, nhưng bà đã đóng sầm cửa lại trước mặt tôi. “Hãy tận hưởng buổi sáng đi”, bà khẽ nói, gượng cười. “Tìm cô Bloom đi, ta tin chắc cô bé đang mong gặp cậu lắm.” Rồi bà đi vào trong nhà.

Tôi tha thân ra ngoài sân, tự hỏi làm thế nào tôi có thể xua được hình ảnh quả táo teo quắt ra khỏi đầu. Tuy vậy, không mấy chốc tôi đã làm được điều đó. Không phải là tôi quên đi; chỉ là nó thôi không làm tôi bận khoăn nữa. Đó là điều lạ lùng nhất.

Trở lại với nhiệm vụ tìm kiếm Emma, Hugh cho tôi biết cô đang vào làng mua đồ, vậy là tôi ngồi xuống dưới bóng mát của một cái cây để đợi. Trong vòng năm phút, tôi đã nửa thức nửa ngủ trên mặt cỏ, mỉm cười như một gã phê thuốc, khoan khoái tự hỏi không biết thực đơn bữa trưa sẽ có gì. Dường như chỉ riêng việc có mặt ở đây cũng tạo ra một tác động như gây mê lên tôi; như thể bản thân vòng thời gian đã là một thứ ma túy - sự kết hợp giữa một thứ thuốc giúp cải thiện tâm trạng và một thứ thuốc an thần - và nếu nán lại quá lâu, tôi sẽ không bao giờ muốn rời đi nữa.

Nếu đúng như thế, tôi nghĩ, điều đó sẽ giải thích rất nhiều điều, chẳng hạn như tại sao họ lại có thể sống cùng một ngày lặp đi lặp lại triền miên trong hàng thập kỷ mà không bị mất trí. Phải, nơi này tuyệt đẹp và cuộc sống rất tốt, nhưng nếu ngày nào cũng hết như ngày nào và những đứa trẻ thực sự không thể rời đi như bà Peregrine nói, vậy thì nơi này không chỉ đơn thuần là một thiên đường mà cũng là một thứ nhà tù nữa. Chỉ có điều

nó quá tuyệt vời đến mê hoặc, vì thế người ta có thể phải mất nhiều năm để nhận ra, và đến khi ấy thì đã quá muộn; rồi đi lúc đó sẽ là quá nguy hiểm.

Vậy thì quả thực đây thậm chí còn không phải là một quyết định nữa. Bạn ở lại. Chỉ đến sau này - nhiều năm sau này - bạn mới bắt đầu tự hỏi những gì đã có thể diễn ra nếu bạn không ở lại.

Chắc hẳn tôi đã ngủ thiếp đi, vì đến khoảng gần trưa, tôi bừng tỉnh vì cảm thấy thứ gì đó đang thúc vào bàn chân mình. Tôi mở một mắt ra thì phát hiện thấy một thân người nhỏ xíu đang cố chui vào nắp bên trong cái giày của tôi, nhưng bị mắc kẹt trong mớ dây giày. Nhân vật này có tứ chi cứng đờ hậu đậu, cao bằng nửa cái nắp bịt trục bánh xe, mặc quân phục dã chiến. Tôi quan sát nó vật lộn để gỡ mình ra trong giây lát rồi đờ ra bất động như một món đồ chơi dây cót vừa chạy hết vòng cót cuối cùng. Tôi cởi giày để gỡ nó ra, rồi lật nó lại, tìm chỗ lên dây cót, nhưng không thấy chỗ nào cả. Nhìn gần, món đồ chơi này là một vật lạ lùng, trông có vẻ thô kệch, cái đầu của nó một viên đất sét vê tròn, khuôn mặt là một vết ấn ngón cái nhòe nhoẹt.

“Mang nó lại đây đi!” ai đó gọi từ bên kia sân. Một cậu con trai đang giơ tay vẫy tôi từ một gốc cây ở bìa rừng.

Chẳng có việc gì khẩn cấp phải làm, tôi nhặt chú lính đất sét lên và đi tới đó. Dàn hàng ra quanh cậu con trai nọ là cả một đội ngũ hình nhân chạy cót, lão đảo đi qua đi lại như những người máy bị trục trặc. Khi tôi lại gần, chú lính trên tay tôi vụt sống lại, cựa quậy như thể đang cố thoát đi. Tôi để nó xuống cùng chỗ với những hình nhân khác và phui đất sét còn dính trên quần mình.

“Tớ là Enoch”, cậu con trai nói. “Cậu chắc là anh chàng đó hả.”

“Tớ đoán là thế”, tôi đáp.

“Xin lỗi nếu chú lính quấy rầy cậu”, cậu ta nói, cho chú lính tôi vừa trả về vào đoàn với đồng bạn. “Chúng hiểu ý, cậu thấy đấy. Vẫn chưa được huấn luyện nghiêm chỉnh. Mới chỉ chế ra chúng tuần trước.” Cậu ta nói với

một chút khẩu âm khu Đông London. Những quàng đen hệt như của xác chết chạy vòng quanh mắt cậu ta như mắt một con gấu trúc Mỹ, và bộ áo liền quần cậu ta mặc - cũng chính là bộ đồ cậu ta đã mặc trong những bức ảnh tôi từng thấy dính đầy đất sét và bụi. Nếu không nhờ khuôn mặt phúng phính tròn trịa, cậu ta hoàn toàn có thể là một chú thợ lau ống khói từ *Oliver Twist* bước ra.

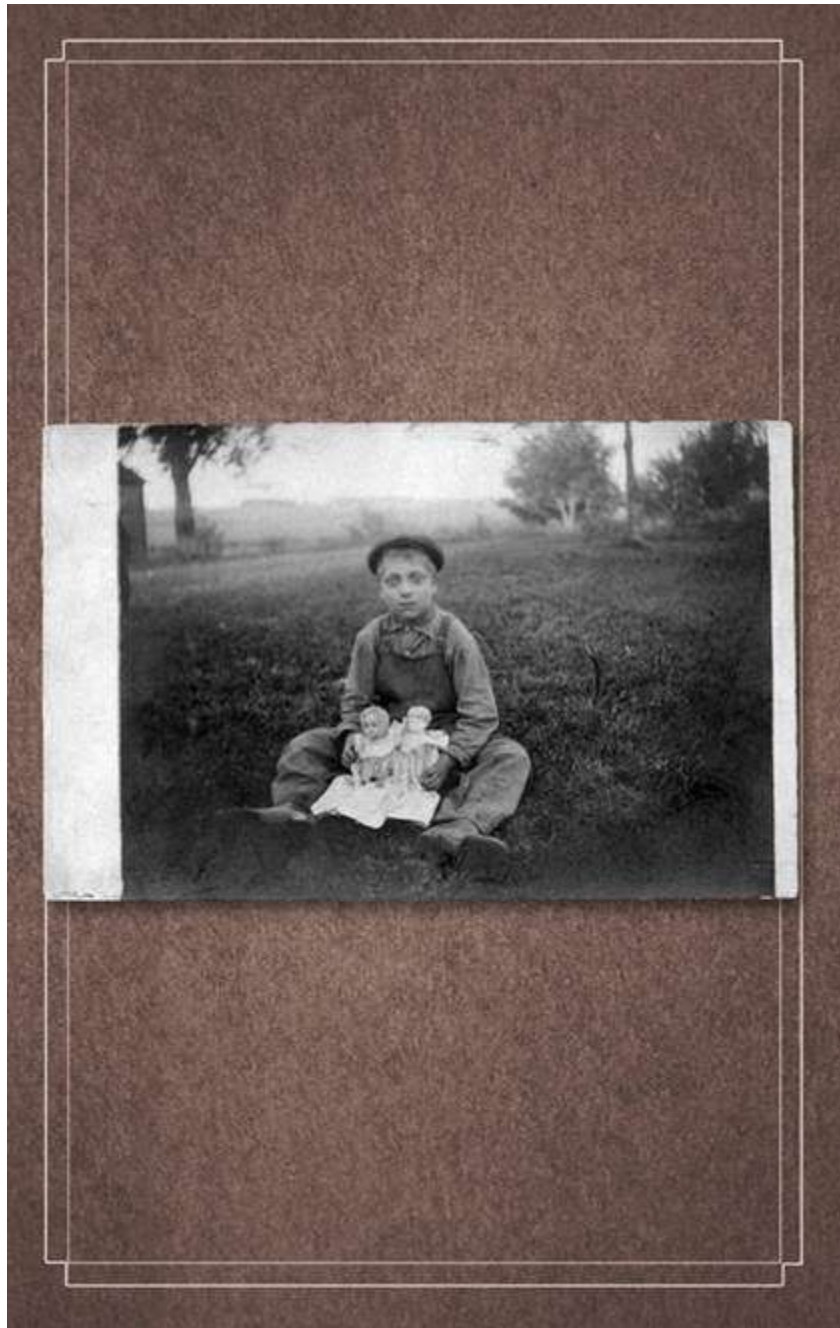
“Cậu đã tạo ra những hình nhân này sao?” tôi hỏi, thực sự thấy ấn tượng.
“Bằng cách nào?”

“Chúng là những người tí hon”, cậu con trai đáp. “Đôi khi tớ gắn đầu búp bê lên cho chúng, nhưng lần này tớ đang vội nên chẳng mất công thế nữa.”

“Những người tí hon là cái gì?”

“Là nhiều hơn một người tí hon.” Cậu ta nói như thể đó là một chuyện bất cứ gã ngốc nào cũng biết. “Vài người nghĩ chúng là các hình nhân, nhưng tớ nghĩ gọi thế thật ngớ ngẩn, cậu thấy có phải không?”

“Chắc chắn rồi.”



Chú lính đất sét tôi mang trả lại đã bắt đầu lang thang tiếp. Enoch lấy chân đẩy nó trở lại cùng đồng đội. Đám tí hon dường như đang di chuyển rất lộn xộn, va chạm vào nhau như những nguyên tử ở trạng thái kích thích. “Đánh đi, lũ ẻo lả!” cậu ta ra lệnh, và đến lúc đó tôi nhận ra lũ tí hon không chỉ đơn thuần va vào nhau, mà đang tay nắm chân đá. Tuy nhiên, anh chàng đất sét lang thang không bận tâm tới đám đá, và khi chú lính này bắt đầu tập tễnh lính đi lần nữa, Enoch chộp lấy nó và vặt luôn hai chân.

“Đây là chuyện xảy đến với những kẻ đào ngũ trong quân đội của ta!” cậu ta la lên, và ném chú lính cụt chân xuống cỏ, nó quằn quại trong thất quái gở trong lúc những chàng lính khác xông vào tấn công nó.

“Cậu luôn cư xử với tất cả đồ chơi của mình theo cách đó sao?”

“Sao cơ?” cậu ta hỏi. “Cậu thấy thương hại cho chúng à?”

“Tớ không biết nữa. Có nên thế không nhỉ?”

“Không. Nếu không nhờ tớ thì chúng còn chẳng có sự sống.”

Tôi bật cười, và Enoch quắc mắt nhìn tôi. “Có gì buồn cười hả?”

“Chắc cậu đang đùa.”

“Cậu hơi đầu đất phải không hả?” cậu ta nói. “Nhìn đây.” Cậu ta chộp lấy một lính đất sét và lột hết quần phục ra. Sau đó, bằng cả hai tay, cậu ta bẻ đôi nó ra ngang thân và moi từ trong lồng ngực đất sét ra một quả tim nhỏ xíu đang co bóp. Chú lính lập tức bất động. Enoch dùng ngón cái và ngón trỏ cầm quả tim lên cho tôi xem.

“Quả tim này lấy từ một con chuột”, cậu ta giải thích. “Đó là khả năng của tớ - lấy đi sự sống của một thứ và trao nó cho thứ khác, có thể bằng đất sét như cái này hoặc vật gì đó từng sống nhưng không còn sống nữa.” Enoch bỏ quả tim đã ngừng đập vào trong bộ áo liền quần của mình. “Ngay khi nghĩ ra cách huấn luyện đúng đắn cho chúng, tớ sẽ có cả một đạo quân như thế này. Chỉ có điều chúng sẽ rất to lớn.” Và cậu ta giơ thẳng một cánh tay lên cao quá đầu để cho tôi thấy cao lớn đến mức nào.

“Cậu có thể làm gì?” cậu ta hỏi.

“Tớ à? Không gì cả, thật đấy. Ý tớ là không thể làm gì đặc biệt như cậu.”

“Tiếc thật”, cậu ta đáp. “Nhưng dù sao cậu cũng sẽ tới sống cùng bọn tớ chứ?” Về mặt cậu ta cho thấy không hẳn muốn tôi làm thế, cậu ta dường như chỉ tò mò.

“Tớ không biết nữa”, tôi nói. “Tớ chưa nghĩ về chuyện đó.” Tất nhiên đây là một lời nói dối. Tôi đã nghĩ về chuyện đó, nhưng chủ yếu như một giấc mơ giữa ban ngày.

Cậu ta nhìn tôi với vẻ ngờ vực. “Nhưng cậu không muốn à?”

“Tớ chưa biết.”

Nheo mắt lại, cậu ta chậm rãi gật đầu, như thể đã hiểu ý tôi.

Sau đó, cậu ta cúi người sát lại và thì thầm, “Emma đã kể với cậu về Tân Công Làng rồi phải không?”

“Tân công vào đâu cơ?”

Cậu ta nhìn đi chỗ khác. “Ồ, chẳng có gì đâu. Chỉ là một trò vại người bọn tớ hay chơi thôi.”

Tôi có trực cảm rằng mình đang bị gài bẫy. “Cậu ấy không nói gì với tớ cả”, tôi nói.

Enoch nhích người trên gốc cây về phía tôi. “Tớ dám cược là cậu ấy đã không nói”, cậu ta nói. “Tớ cược là có nhiều điều về nơi này cậu ấy không muốn cậu biết.”

“Ồ vậy sao? Vì sao thế?”

“Vì khi đó cậu sẽ thấy nó không tuyệt vời như mọi người muốn cậu nghĩ, và cậu sẽ không ở lại.”

“Là những điều gì vậy?” tôi hỏi.

“Không thể nói được”, cậu ta nói, dành cho tôi một nụ cười tinh quái. “Tớ có thể gặp rắc rối to mất.”

“Thế nào cũng được”, tôi nói. “Là cậu gợi chuyện ra trước mà.”

Tôi đứng dậy bỏ đi. “Đợi đã!” cậu ta la lên, chộp lấy tay áo tôi.

“Tại sao tớ phải ở lại nếu cậu chẳng chịu nói gì với tớ cả?”

Cậu ta xoa cằm thận trọng ngẫm nghĩ. “Đúng là tớ không được phép nói gì hết... nhưng tớ đoán là tớ không thể ngăn cản nếu cậu muốn lên lầu và ngó vào căn phòng ở cuối hành lang.”

“Vì sao?” tôi hỏi. “Có gì trong đó vậy?”

“Anh bạn Victor của tớ. Anh ấy muốn gặp cậu. Hãy lên đó nói chuyện một chút.”

“Được”, tôi nói. “Tớ sẽ đi.”

Tôi bắt đầu đi về phía trại trẻ, rồi sau đó nghe tiếng Enoch huýt sáo. Cậu ta làm điệu bộ lướt một bàn tay dọc theo phía trên một khung cửa. *Chìa khóa*, miệng cậu ta tạo thành khẩu hình.

“Sao tớ lại cần chìa khóa nếu có người ở trong phòng?”

Cậu ta quay đi, giả bộ không nghe thấy.

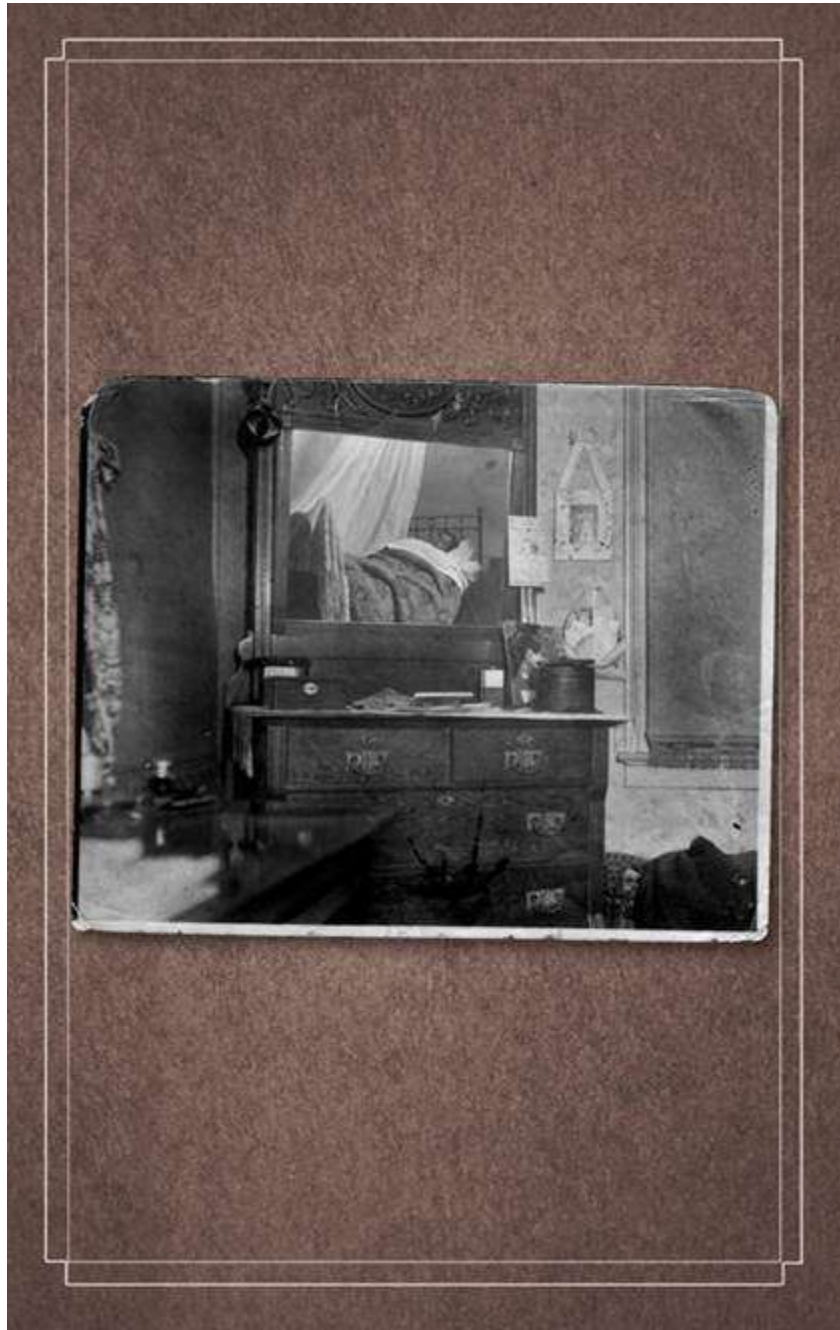
Tôi thong thả đi vào trong nhà, lên cầu thang như thể có việc ở trên đó và chẳng quan tâm nếu có ai biết chuyện. Tới lầu hai không bị ai trông thấy, tôi rón rén bước tới chỗ căn phòng ở cuối hành lang và thử mở cửa. Cửa bị khóa. Tôi gõ, nhưng không ai trả lời. Ngoái lại nhìn đằng sau để đảm bảo không có ai đang theo dõi, tôi đưa bàn tay lên dò tìm phía trên khung cửa. Tất nhiên tôi tìm thấy một cái chìa khóa.

Tôi mở cửa, lách vào trong. Căn phòng cũng giống như bất cứ phòng ngủ nào khác trong trại trẻ - có một tủ thấp có ngăn kéo, một tủ đứng đựng quần áo, một lọ hoa trên bàn đầu giường. Mặt trời gần trưa chiếu qua rèm cửa kéo kín màu mù tạt, làm ánh sáng vàng tỏa ra khắp nơi, khiến cho cả căn phòng dường như bị đóng khuôn trong hồ phách. Chỉ đến lúc đó, tôi mới để ý thấy một thanh niên nằm trên giường, mắt nhắm nghiền, miệng hơi hé mở, bị che khuất nửa người sau một tấm màn ren.

Tôi cứng người lại, sợ đánh thức anh ta. Tôi nhận ra anh ta từ cuốn album của bà Peregrine, mặc dù tôi chưa hề thấy anh ta vào các bữa ăn hay quanh ngôi nhà, và chúng tôi cũng chưa bao giờ được giới thiệu với nhau. Trong bức ảnh, anh ta đang ngủ trên giường, giống hệt như lúc này. Có phải anh ta đã bị cách ly, đã nhiễm phải một chứng bệnh ngủ nào đó không? Liệu có phải Enoch đang tìm cách để làm cả tôi cũng bị mắc bệnh nữa?

“Xin chào?” tôi thì thầm. “Anh vẫn thức chứ?”

Anh ta không cử động. Tôi đặt một bàn tay lên cánh tay anh ta và lay nhẹ. Đầu anh ta ngật sang một bên.



Thế rồi tôi bất chợt nghĩ đến một điều khủng khiếp. Để kiểm tra một giả thuyết, tôi giơ bàn tay lên trước miệng anh ta. Tôi không thể cảm thấy hơi thở của anh ta. Ngón tay tôi chạm vào môi anh ta, đôi môi lạnh ngắt như băng. Choáng váng, tôi rụt bàn tay lại.

Rồi nghe thấy tiếng bước chân, tôi quay ngoắt lại thì thấy Bronwyn trên ngưỡng cửa. “Cậu không được phép vào đây!” cô rít lên.

“Anh ấy chết rồi”, tôi nói.

Đôi mắt Bronwyn hướng về phía cậu thanh niên, và khuôn mặt cô cau lại. “Đó là Victor.”

Đột nhiên ký ức vụt qua với tôi, cho tôi hay đã thấy khuôn mặt anh ta ở đâu. Anh ta chính là cậu con trai nâng bổng tảng đá trong tập ảnh của ông nội tôi. Victor là anh trai của Bronwyn. Không thể biết được anh ta có thể đã chết bao lâu rồi; chừng nào vòng thời gian tiếp tục vận hành, có thể năm mươi năm đã trôi qua mà trông chỉ như một ngày.

“Chuyện gì đã xảy ra với anh ấy vậy?” tôi hỏi.

“Có lẽ tớ sẽ đánh thức anh bạn Victor dậy”, một giọng nói vang lên từ đằng sau chúng tôi, “và cậu có thể tự mình hỏi anh ta.” Đó là Enoch. Cậu ta đi vào và đóng cửa lại.

Bronwyn nhìn cậu ta qua làn nước mắt trào ra. “Cậu có thể đánh thức anh ấy dậy không? Ôi làm ơn đi, Enoch.”

“Tớ không thể”, cậu ta nói. “Hiện giờ tớ có rất ít tim, mà muốn làm sống dậy một con người, dù chỉ trong một phút thôi, thì cũng cần rất nhiều tim.”

Bronwyn tới chỗ người thanh niên đã chết và bắt đầu chải ngón tay lên mái tóc anh ta. “Làm ơn đi”, cô năn nỉ, “*đã nhiều năm trời* chúng ta không nói chuyện với Victor.”

“Được rồi, tớ có mấy quả tim bò ngâm bảo quản dưới tầng hầm”, cậu ta nói, làm bộ cân nhắc. “Nhưng tớ ghét phải dùng nguyên liệu thứ phẩm. Còn tươi bao giờ cũng tốt hơn!”

Bronwyn òa khóc nức nở. Một giọt nước mắt của cô rơi xuống áo khoác của người anh trai, cô liền vội vàng dùng tay áo mình lau đi.

“Đừng khóc lóc thảm thiết thế”, Enoch nói, “cậu biết là tớ không thể chịu được chuyện đó mà. Dù sao đi nữa, đánh thức Victor dậy thì thật tàn nhẫn. Anh ta thích nơi anh ta đang lưu lại.”

“Và nơi đó là ở đâu vậy?” tôi hỏi.

“Ai mà biết được? Nhưng lần nào bọn tớ làm anh ta sống dậy để nói chuyện, anh ta cũng có vẻ vội vã muốn trở lại đó ghê lắm.”

“Thật tàn nhẫn khi cậu đùa bỡn với Bronwyn như thế và lừa gạt tôi”, tôi nói. “Và nếu Victor chết rồi, tại sao mọi người không chôn anh ấy đi?”

Bronwyn ném về phía tôi một cái nhìn nhạo báng tột độ. “Như thế chúng tôi sẽ chẳng bao giờ thấy anh ấy nữa”, cô nói.

“Đừng gay gắt thế, anh bạn”, Enoch nói. “Tớ chỉ gợi ý cậu lên đây vì tớ muốn cậu biết hết sự thật thôi mà. Tớ đứng về phía cậu.”

“Thế à? Vậy thì sự thật là gì nào? Victor chết như thế nào?”

Bronwyn ngược mắt lên. “Anh ấy bị giết bởi một... *ái ái!*” cô la lên vì Enoch đã véo mạnh vào cánh tay cô.

“Im nào!” cậu ta kêu lên. “Không đến lượt cậu nói!”

“Thật lố bịch!” tôi nói. “Nếu không ai trong hai người chịu nói cho tôi biết, tôi sẽ đi hỏi bà Peregrine.”

Enoch vội sai bước tới chỗ tôi, trừng mắt. “Ồ không, cậu không được làm thế.”

“Vậy à? Sao lại không?”

“Chim không thích bọn tớ nói về Victor”, cậu ta nói. “Đó là lý do cô ấy lúc nào cũng mặc đồ đen, cậu biết đấy. Dù thế nào đi nữa, cô ấy không được phép phát hiện ra chúng ta đã từng ở đây. Cô ấy sẽ treo ngược chúng ta lên mát!”

Thật đúng lúc, chúng tôi nghe thấy vang lên trên cầu thang tiếng bước chân tập tễnh không lẫn vào đâu được của bà Peregrine. Bronwyn tái mặt và lao vụt qua trước mặt tôi ra khỏi cửa, nhưng trước khi Enoch kịp tẩu thoát, tôi đã chặn đường cậu ta. “Tránh ra!” cậu ta rít lên.

“Nói cho tớ biết chuyện gì đã xảy ra với Victor!”

“Tớ không thể!”

“Vậy nói cho tớ biết về Tấn Công Làng.”

“Chuyện đó tớ cũng không nói được!” Cậu ta cố đẩy tôi lần nữa để vượt qua, nhưng khi nhận ra không thể làm được cậu ta đành chịu thua. “Được rồi, đóng cửa lại, và tớ sẽ cho cậu biết!”

Tôi đóng cửa lại đúng lúc bà Peregrine lên tới chiều nghỉ. Chúng tôi đứng dán tai vào cánh cửa trong giây lát, lắng nghe dấu hiệu cho thấy chúng tôi đã bị phát hiện. Tiếng bước chân của cô phụ trách vang lên ngoài hành lang hướng về phía chúng tôi, đến nửa đường rồi dừng lại. Một cánh cửa khác cốt kết mở ra, sau đó đóng lại.

“Cô ấy vào phòng mình”, Enoch thì thầm.

“Được rồi”, tôi nói. “Tấn Công Làng.”

Có vẻ ân hận vì đã nhắc tới chuyện này, cậu ta ra hiệu bảo tôi rời xa khỏi cánh cửa. Tôi đi theo, cúi người xuống để cậu ta có thể thì thầm vào tai tôi. “Nhu tớ đã nói, đó là một trò bợn tớ chơi. Nó diễn ra đúng như tên gọi ấy.”

“Ý cậu là các cậu thực sự tấn công vào làng sao?”

“Phá tung nó lên, đuổi dân làng chạy tán loạn, lấy những gì bợn tớ thích, đốt trụi chỗ này chỗ kia. Một trận cười thỏa thích.”

“Nhưng như thế thật kinh khủng!”

“Bợn tớ cũng phải thực hành kỹ năng của mình bằng cách nào đó chứ, phải không? Phòng khi bợn tớ cần phải tự vệ. Nếu không, bợn tớ sẽ bị lụi nghè. Hơn nữa còn có luật chơi. Bợn tớ không được phép giết ai. Chỉ làm họ phát khiếp một chút thôi. Và nếu ai đó có bị thương thì, chắc, họ sẽ lành lặn y như cũ ngày hôm sau và chẳng nhớ gì về chuyện đó cả.”

“Cả Emma cũng chơi à?”

“Không. Bạn ấy giống hệt cậu. Nói là như thế thật tòi.”

“À, đúng thế đấy.”

Cậu ta đảo mắt đi. “Hai người quả là xứng đôi.”

“Thế có nghĩa là sao?”

Cậu ta vươn hết chiều cao một mét sáu ba của mình và chỉ một ngón tay vào ngực tôi. “Như thế nghĩa là tốt hơn hết cậu đừng có ra vẻ cao ngạo với tôi, anh bạn ạ. Vì nếu bọn này không thỉnh thoảng tấn công cái làng khi gió ấy, phần lớn những người ở đây hẳn đã mất trí từ lâu rồi.” Cậu ta đi ra cửa, đặt bàn tay lên tay nắm rồi sau đó quay lại nhìn tôi. “Và nếu cậu nghĩ *bọn này* xấu xa, thì hãy đợi đến khi thấy *chúng*.”

“Chúng là ai? Mọi người đang nói về cái quái gì vậy?”

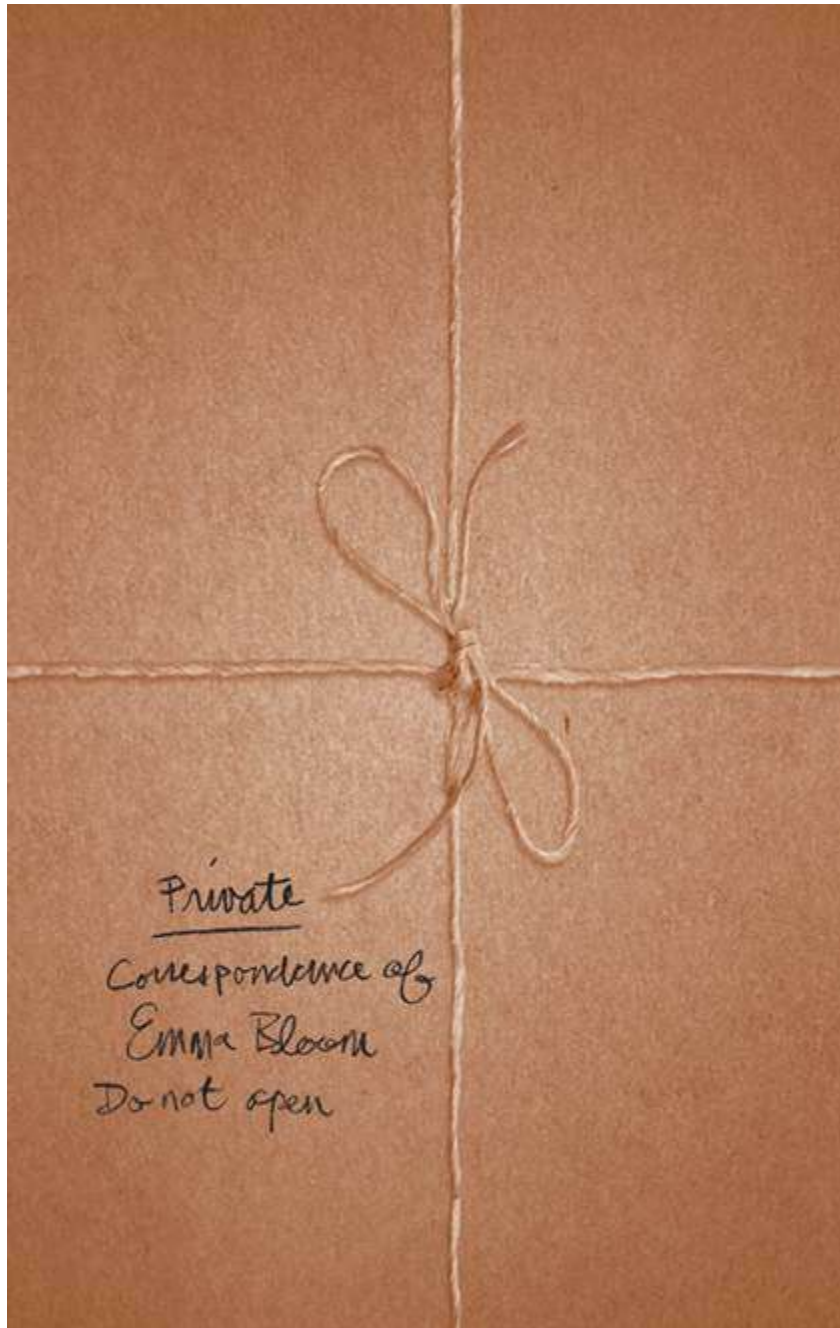
Cậu ta giơ một ngón tay lên ra hiệu bảo tôi im lặng, rồi ra ngoài.

Tôi lại chỉ có một mình. Đôi mắt tôi lại bị hút về phía người nằm trên giường. *Chuyện gì đã xảy ra với anh vậy, Victor?*

Có thể anh ấy đã hóa điên và tự sát, tôi thầm nghĩ - anh ấy quá chán ngán với sự vui vẻ nhưng vĩnh viễn không có tương lai này đến mức uống thuốc chuột hay nhảy từ trên vách núi xuống. Hoặc nguyên nhân là *chúng*, những “mối nguy hiểm khác” bà Peregrine đã bóng gió nói đến.

Tôi bước ra hành lang và vừa dợm bước về phía cầu thang thì nghe thấy tiếng bà Peregrine vang lên sau một cánh cửa khép hờ. Tôi vội chui vào trong căn phòng gần nhất nắp kín cho tới khi bà đã tập tễnh đi qua chỗ tôi và xuống dưới cầu thang. Sau đó, tôi để ý thấy một đôi ủng để trước một chiếc giường được trải ga phẳng phiu - đôi ủng của Emma. Tôi đang ở trong phòng ngủ của cô.

Đọc theo một bức tường có kê một chiếc tủ ngăn kéo và treo một tấm gương, áp vào một bức tường khác là một bàn viết có cái ghế tựa được đẩy lui vào dưới gầm bàn. Đây là căn phòng của một cô gái gọn ghẽ không có gì để giấu giếm, hay có vẻ là như vậy cho tới khi tôi thấy một cái hộp đựng mũ để ngay trong tủ tường. Cái hộp được buộc bằng một sợi dây, và ở phía trước có mấy dòng viết ngang bằng chì sấp:



Riêng tư:

Thư tín của Emma Bloom

Không được mở

Viết thế chẳng khác gì vầy vầy một món đồ lót màu đỏ trước mặt một con bò tót. Tôi ngồi xuống, ôm cái hộp trong lòng và tháo dây buộc ra. Trong đó phải có cả trăm lá thư hay hơn thế, tất cả đều do ông tôi gửi.

Tim tôi đập nhanh hẳn lên. Đây chính là tứ mỏ vàng tôi đã hy vọng tìm thấy trong trại trẻ cũ đồ nát. Tất nhiên, tôi cảm thấy không thoải mái lắm vì xem trộm thế này, nhưng nếu những người ở đây cứ khăng khăng giữ kín bí mật, thì được thôi, tôi đành phải tự mình tìm hiểu mọi thứ.

Tôi muốn đọc tất cả nhưng lại sợ rằng sẽ bị ai đó bắt gặp, vì vậy tôi khẩn trương lướt qua chúng để nắm được tinh thần chung. Nhiều lá thư được viết từ đầu thập niên 1940, khi ông nội Portman còn ở trong quân đội. Tôi chọn ngẫu nhiên để xem thử thì thấy chúng đều rất dài và ướt át, đầy ắp những lời bày tỏ tình yêu cùng những mô tả lung củng về vẻ đẹp của Emma bằng thứ tiếng Anh hồi đó còn vụng về của ông (“Em đẹp như một bông hoa, và cũng thơm nữa, anh có thể hái được chăng?”) Trong một lá thư ông gửi kèm một bức ảnh chụp ông đang ngồi trên một quả bom với một điều thuốc lá phì phèo trên môi.

Theo thời gian, những lá thư của ông dần trở nên ngắn hơn và thưa hơn. Đến thập niên 1950 có lẽ mỗi năm có một lá thư. Phong bì cuối cùng đề tháng Tư năm 1963; bên trong không có lá thư nào, chỉ có vài bức ảnh. Hai bức là của Emma, những bức ảnh cô đã gửi cho ông được ông gửi trả lại. Bức ảnh thứ nhất được gửi sớm hơn cả - một bức ảnh chụp đùa vui để đáp lại bức ảnh của ông - trong đó cô đang gọt khoai tây và giả bộ hút thuốc bằng một trong những cái tẩu của bà Peregrine. Bức ảnh tiếp theo buồn hơn, và tôi đoán cô đã gửi nó đi sau khi ông tôi không viết lá thư nào suốt một thời gian dài. Bức ảnh cuối cùng - trên thực tế là thứ cuối cùng ông tôi từng gửi cho Emma - cho tôi thấy ông ở tuổi trung niên, đang bế một cô bé.



~~Gift~~
Remind you of anything?
To my bombshell—love, Abe

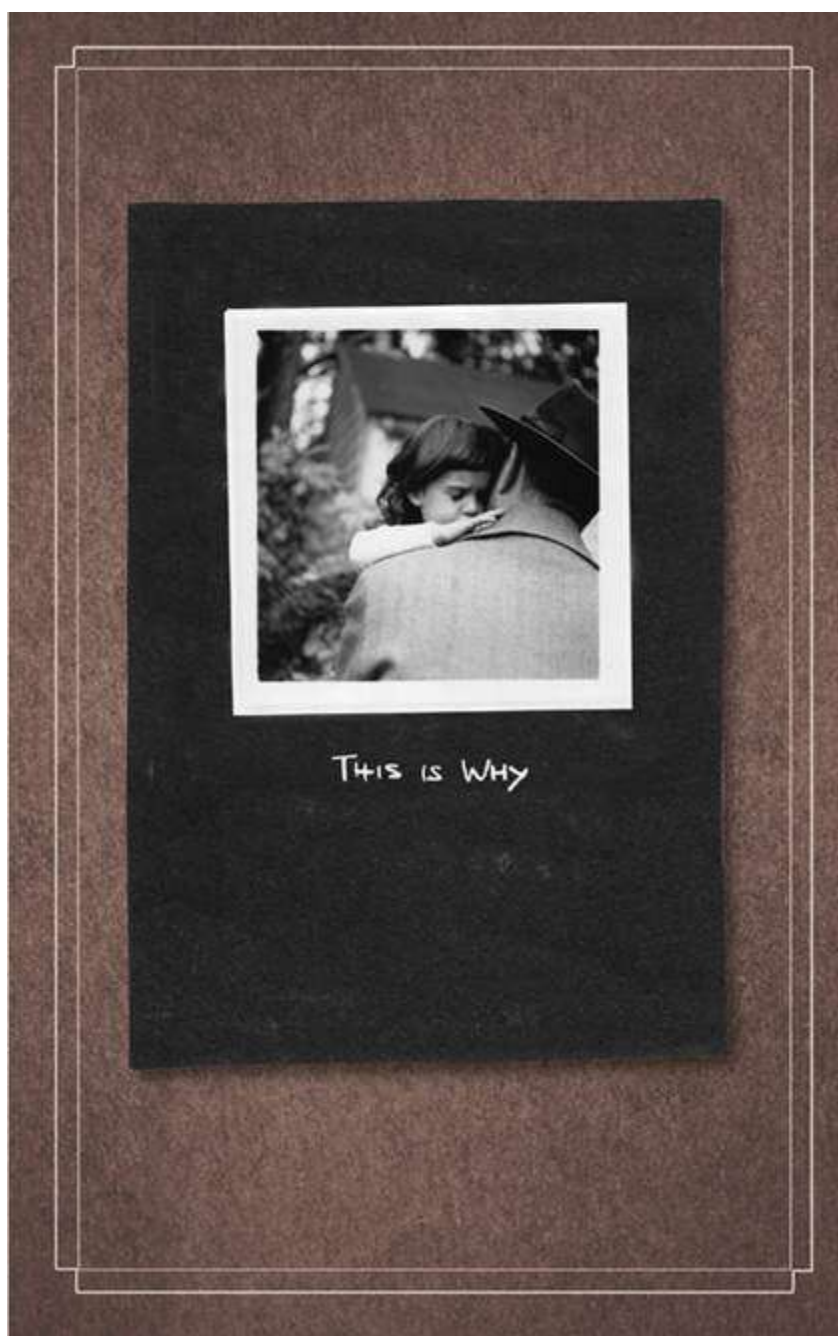


*Peeling spuds & dreaming of you. Come home soon.
Love your potato.*





Feeling caged without you.
Won't you write? I want
so. Kisses, Emma.



Tôi phải mất một phút nhìn chăm chăm vào bức ảnh cuối cùng mới nhận ra cô bé đó là ai. Đó là cô Susie của tôi, lúc ấy có lẽ khoảng bốn tuổi. Sau đó không có thêm lá thư nào nữa. Tôi tự hỏi Emma đã tiếp tục viết thư cho ông nội tôi trong bao lâu nữa mà không nhận được hồi âm, và ông đã làm gì với những lá thư của cô. Đã ném chúng đi? Hay giấu chúng vào đâu đó? Hẳn bố tôi và cô Susie đã tìm thấy một trong những lá thư đó hồi còn nhỏ, và nó đã làm họ nghĩ bố mình là một kẻ dối trá lừa gạt. Họ đã làm biết chừng nào.

Nghe thấy một tiếng đặng hắng vang lên thật rõ sau lưng mình, tôi bèn quay lại thì thấy Emma đang chăm chăm nhìn vào từ ngưỡng cửa. Tôi bò nhoài ra để nhặt nhanh các lá thư lại, mặt đỏ bừng, song đã quá muộn. Tôi đã bị bắt quả tang.

“Tớ xin lỗi. Đáng ra tớ không nên vào đây.”

“Cái đó tôi quá rõ chứ”, cô nói, “nhưng dù sao đi nữa, đừng để tôi làm gián đoạn việc đọc của cậu.” Cô dùng dùng bước tới chỗ cái tủ ngăn kéo, lôi một ngăn kéo ra rồi ném nó rơi đánh rầm xuống sàn. “Trong khi làm việc đó sao cậu không ngắm qua luôn cả quần lót của tôi đi này!”

“Tớ thực sự, thực sự xin lỗi”, tôi nói. “Tớ chưa bao giờ làm chuyện thế này.”

“À, tôi cũng không lạ. Còn mãi nhòm trộm qua cửa sổ phòng phụ nữ mà, tôi đoán vậy!” Cô đứng cúi xuống tôi, run lên vì tức giận, trong khi tôi loay hoay cố xếp trả lại tất cả chỗ thư vừa khít vào trong hộp.

“Chúng được xếp theo hệ thống, cậu ạ. Đưa chúng đây, cậu đang làm lộn tung mọi thứ lên rồi!” Cô ngồi xuống đẩy tôi sang bên, đổ hết mọi thứ trong hộp ra sàn và phân loại các lá thư ra thành từng chồng với tốc độ của một nhân viên bưu điện. Nghĩ rằng tốt nhất là nên im lặng, tôi ngoan ngoãn theo dõi trong lúc cô làm việc.

Khi đã dịu lại đôi chút, Emma nói, “Vậy là cậu muốn biết về Abe và tôi, phải không nào? Muốn biết thì chỉ cần hỏi là được.”

“Tớ không muốn tọc mạch.”

“Điều đó thì giờ còn phải tranh luận mới biết được nhỉ?”

“Tớ đoán vậy.”

“Thế nào? Cậu muốn biết điều gì?”

Tôi ngẫm nghĩ về chuyện đó. Tôi thực sự không biết nên bắt đầu từ đâu. “Chỉ là... chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Thế thì được, chúng ta sẽ bỏ qua hết những đoạn hay ho và đi thẳng tới hồi kết. Đơn giản thôi, thật đấy. Anh ta rời đi. Anh ta nói yêu tôi và hứa sẽ

trở lại một ngày nào đó. Nhưng rồi chẳng bao giờ trở lại.”

“Nhưng ông buộc phải đi, đúng không? Để chiến đấu?”

“Buộc phải đi ư? Tôi không biết. Anh ta nói không thể tha thứ cho mình nếu cứ giương mắt nhìn cuộc chiến trong khi đồng bào đang bị săn đuổi và tàn sát. Nói rằng đó là bổn phận của anh ta. Tôi đoán với anh ta bổn phận quan trọng hơn tôi. Dù thế nào đi nữa, tôi đã đợi. Tôi đã đợi và lo lắng qua suốt cuộc chiến tranh khủng khiếp ấy, cứ mỗi lá thư đến tôi lại sợ rằng đó là tin báo tử. Sau đó khi chiến tranh cuối cùng cũng kết thúc, anh ta nói không thể quay trở lại nữa. Bảo là nếu quay về anh ta sẽ hóa điên mất. Nói anh ta đã học được cách tự vệ trong quân đội và không còn cần một cô bảo mẫu như Chim trông nom nữa. Anh ta sẽ tới Mỹ tạo lập một trại trẻ cho chúng tôi, rồi sau đó sẽ báo tin cho tôi. Vậy là tôi đợi thêm nữa. Tôi đợi lâu đến mức nếu thực sự đi cùng anh ta hẳn khi đó tôi đã bốn mươi tuổi rồi. Đến lúc đó anh ta đã lập gia đình với một người bình thường. Và, như người ta nói, thế là hết.”

“Tớ xin lỗi. Tớ không hề biết.”

“Đó là một câu chuyện cũ rồi. Tôi không còn bận tâm nhiều về nó nữa.”

“Cậu trách ông về việc bị mắc kẹt ở đây”, tôi nói.

Emma trừng mắt nhìn tôi. “Ai nói là tôi bị mắc kẹt?” Rồi cô thở dài. “Không, tôi không trách anh ấy. Chỉ nhớ anh ấy thôi.”

“Đến tận bây giờ sao?”

“Mỗi ngày.”

Cô hoàn tất việc sắp xếp thư. “Vậy là cậu biết rồi đây”, cô vừa nói vừa đẩy nắp hộp lên chồng thư. “Toàn bộ câu chuyện về mối tình của đời tôi nằm trong một cái hộp phủ bụi để trong tủ tường.” Cô buông tiếng thở dài rồi nhắm mắt lại và bóp sống mũi. Trong khoảnh khắc, tôi gần như có thể thấy một bà lão ẩn đằng sau những đường nét tươi trẻ của cô. Ông nội tôi đã giẫm nát trái tim héo mòn tội nghiệp của cô, và vết thương vẫn còn há miệng, cho dù sau bấy nhiêu năm.

Tôi định đưa tay ôm quanh người cô, nhưng điều gì đó đã ngăn tôi lại. Đây là một cô gái xinh đẹp, vui nhộn, mê hoặc, và thật kỳ diệu làm sao, dường như thực sự thích tôi. Nhưng giờ tôi đã hiểu người cô thích không phải là tôi. Cô đã tan vỡ trái tim vì một người khác, và tôi chỉ đơn thuần là người thế thân cho ông nội. Chừng đó là đủ để bất cứ ai dừng lại, tôi không cần quan tâm liệu người đó có đang hăm hở đến đâu. Tôi biết có những người cảm thấy ý tưởng hẹn hò bồ cũ của bạn mình thật không chấp nhận nổi. Theo thang giá trị đó, hẹn hò với bạn gái cũ của ông nội bạn có thể coi là loạn luân.

Điều tiếp theo tôi biết là bàn tay Emma đang đặt lên cánh tay tôi. Rồi cô tựa đầu lên vai tôi, và tôi có thể cảm thấy cằm cô đang dịch dần về phía mặt tôi. Có thể cho rằng đây là thứ ngôn ngữ cơ thể để nói “hãy hôn tôi đi”. Sau một phút nữa mặt chúng tôi sẽ kề nhau, và tôi sẽ phải chọn giữa khóa môi hay xúc phạm cô nghiêm trọng bằng việc chối từ, mà tôi vốn đã xúc phạm cô một lần rồi. Không phải là tôi không muốn hôn Emma - tôi muốn thế hơn bất cứ điều gì khác - nhưng ý tưởng ôm hôn cô chỉ cách cái hộp đựng đầy những bức thư tình được gìn giữ cẩn thận tới mức thái quá của ông nội tôi có nửa mét làm tôi có cảm giác kỳ dị và bối rối.

Rồi má cô áp vào má tôi, và tôi biết đã đến thời khắc hành động, vậy là tôi nói ra thứ đầu tiên xuất hiện trong đầu mình có thể làm tắt ngấm cảm xúc.

“Giữa cậu và Enoch có gì không?”

Emma vụt lùi ra xa ngay lập tức, nhìn tôi như thể tôi vừa đề nghị hai chúng tôi ăn tối bằng thịt chó con vậy. “Cái gì?! Không! Từ đâu cậu lại có ý tưởng quái đản như thế chứ?”

“Từ cậu ta. Cậu ta nghe có vẻ cay cú khi nói về cậu, và tớ có trực cảm là cậu ta không muốn tớ có mặt ở đây, như thể tớ đang chọc gậy bánh xe vào trò chơi của cậu ta hay điều gì đó tương tự vậy.”

Đôi mắt Emma tiếp tục mở to ra. “Thứ nhất, cậu ta chẳng có ‘trò chơi’ nào để ai có thể ‘chọc gậy bánh xe’ cả, tôi có thể đoán chắc với cậu như thế. Cậu ta là một gã ngốc ghen tuông và một kẻ dối trá.”

“Có thật cậu ta thế không?”

“Thế nào cơ?”

“Là một kẻ dối trá.”

Emma nheo mắt lại. “Sao chú? Cậu ta đang bày ra trò vớ vẩn gì đây?”

“Emma, chuyện gì xảy ra với Victor vậy?”

Trông cô có vẻ sốc. Sau đó, vừa lắc đầu, cô vừa lẩm bầm, “Quý tha ma bắt thằng nhóc ích kỷ đó đi.”

“Có một điều không ai ở đây chịu nói cho tớ biết, và tớ muốn biết nó là gì.”

“Tôi không thể”, cô nói.

“Đó là tất cả những gì tớ từng được nghe! Tớ không thể nói về tương lai. Cậu không thể nói về quá khứ. Bà Peregrine đã buộc chặt tất cả chúng ta. Nguyện vọng cuối cùng của ông nội là muốn tớ tới đây và tìm ra sự thật. Chẳng lẽ điều đó không có ý nghĩa gì sao?”

Emma cầm lấy bàn tay tôi kéo vào lòng và nhìn xuống nó. Dường như cô đang tìm lời thích hợp. “Cậu nói đúng”, cuối cùng cô lên tiếng. “Có một chuyện.”

“Kể cho tớ đi.”

“Không phải ở đây”, cô thì thầm. “Để tối nay.”

Chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp nhau vào lúc tối muộn, khi bố tôi và bà Peregrine đã ngủ. Emma nhất quyết nói đó là cách duy nhất, vì tai vách mạch rừng và chúng tôi không thể cùng nhau lẩn đi đâu ban ngày mà không gây nên nghi ngờ. Để hoàn tất ấn tượng sai lầm là chúng tôi không có gì để giấu giếm, Emma và tôi dành cả phần còn lại của buổi chiều tha thẩn ngoài sân trong tầm mắt của tất cả mọi người, và khi mặt trời bắt đầu lặn, tôi đi bộ quay lại đăm lầy một mình.

Lại thêm một tối mưa tầm tã nữa ở phía thế kỷ hai mươi mốt, và đến khi về tới quán rượu, chỉ nguyên việc được ở trong một nơi khô ráo cũng đủ khiến tôi lấy làm mừng. Tôi tìm thấy bố đang một mình ngồi nhâm nhi vài bia tại một cái bàn, vậy là tôi kéo ghế ngồi xuống rồi bắt đầu dựng lên những câu chuyện về ngày hôm nay của mình trong khi dùng khăn ăn lau khô mặt. (Tôi bắt đầu khám phá ra một điều về việc dối trá: càng thực hành nó nhiều, nó sẽ càng dễ dàng hơn.)

Bố tôi thậm chí hầu như chẳng buồn lắng nghe. “Hừm”, ông nói, “thú vị đấy”, rồi sau đó ánh mắt ông lại rời đi nơi khác, và ông uống tiếp một ngụm bia nữa.

“Có chuyện gì với bố vậy?” tôi hỏi. Bố vẫn còn giận con à?”

“Không, không, không có chuyện đó đâu.” Ông có vẻ định giải thích nhưng rồi lại gạt đi. “À, nó thật ngớ ngẩn.”

“Bố. Nói cho con nghe đi nào.”

“Chỉ là... người này xuất hiện mấy ngày trước. Một người quan sát chim nữa.”

“Bố quen người đó ả?”

Ông lắc đầu. “Chưa bao giờ nhìn thấy người này trước đây. Thoạt đầu, bố nghĩ anh ta chỉ là một tay nghiệp dư có hứng thú, nhưng anh ta cứ liên tục tìm đến cùng những địa điểm, cùng những bãi làm tổ, rồi ghi chép. Chắc chắn anh ta biết mình đang làm gì. Thế rồi hôm nay bố thấy anh ta mang theo một lồng bẫy và một cặp Predator, vì thế bố biết anh ta là dân chuyên nghiệp.”

“Predator?”

“Ông nhòm. Loại cực kỳ chuyên nghiệp.” Cho đến giờ, bố tôi đã cuộn thật chặt cái khăn giấy lót đĩa của mình rồi lại vuốt phẳng nó ra được ba lần, một thói quen mỗi khi bồn chồn. “Chỉ có điều bố cứ tưởng bố đã giành được cơ hội khám phá quần thể chim này rồi, con biết không? Bố thực sự muốn cuốn sách này trở thành điều gì đó đặc biệt.”

“Và rồi gã thối tha này xuất hiện.”

“Jacob.”

“Ý con là gã mắc dịch vô tích sự này.”

Bố tôi bật cười. “Cảm ơn con trai, nghe được đây.”

“Cuốn sách sẽ đặc biệt”, tôi quả quyết nói.

Ông nhún vai. “Bố không biết nữa. Hy vọng là vậy.” Nhưng nghe giọng bố tôi có vẻ không gì chắc chắn lắm.

Tôi biết chính xác chuyện gì sắp diễn ra. Đó là một phần của cái vòng luân quần bệnh hoạn bố tôi bị mắc kẹt vào. Ông trở nên thực sự say mê với một dự án nào đó, nói về nó liên tu bất tận trong hàng tháng liền. Sau đó, không tránh khỏi, một vấn đề tí xiu nào đó sẽ xuất hiện và gây rắc rối, rồi thay vì giải quyết nó bố tôi lại để nó hoàn toàn khống chế mình. Điều tiếp theo bạn được biết là dự án sẽ bị chấm dứt, và ông sẽ nhảy sang dự án kế tiếp, và cái vòng lại bắt đầu. Bố tôi bị ngã lòng quá dễ dàng. Đó là lý do ông có cả tá bản thảo chưa hoàn tất khóa kín trong ngăn kéo bàn làm việc, và lý do tại sao cửa hàng bán chim ông cùng cô Susie định mở chẳng bao giờ trở thành hiện thực và tại sao bố tôi có bằng cử nhân về ngôn ngữ châu Á nhưng chưa bao giờ đến châu Á. Ông đã bốn mươi sáu tuổi mà vẫn đang cố gắng tìm kiếm bản thân mình, cố gắng chứng minh ông không cần tới tiền của mẹ tôi.

Điều ông thực sự cần là một cuộc trò chuyện để cô vũ tinh thần, mà tôi không cảm thấy mình đủ khả năng để dành nó cho ông, vậy là tôi cố khéo léo thay đổi chủ đề. “Kẻ quấy rối này đang ở đâu ạ?” tôi hỏi. “Con nghĩ thị trấn có phòng nào cho thuê thì bố con mình đã thuê hết rồi.”

“Bố đoán anh ta cắm trại”, bố tôi đáp.

“Trong thời tiết này sao?”

“Đó là phong cách của một tay đam mê điều cầm học cứng cựa. Điều kiện khó khăn giúp ta gần gũi hơn với đối tượng của mình, cả về thể chất và tâm lý. Thành công qua nghịch cảnh, những thứ kiểu đó.”

Tôi bật cười. “Thế sao bố không ra ngoài đó?” tôi nói, rồi lập tức ước gì đừng nói như vậy.

“Bởi cùng lý do khiến nhiều khả năng cuốn sách của bố sẽ không ra đời. Luôn có ai đó tận tâm hơn bố.”

Tôi bối rối cựa mình trên ghế. “Con không có ý định đó. Ý con là...”

“Suyt!” Bố tôi cứng người lại, lén nhìn ra phía cửa. “Liếc nhanh vào nhưng đừng lộ liễu quá. Anh ta vừa bước vào đây.”

Tôi cầm tờ thực đơn lên che mặt và nhìn qua phía trên tờ giấy. Một người đàn ông bộ dạng bản thủ luộm thuộm để râu đang đứng trên ngưỡng cửa, giữ nước từ trong ừng ra. Ông ta đội mũ đi mưa, đeo kính đen và mặc trên người thứ gì đó có vẻ như vài chiếc áo khoác chồng lên nhau chiếc này ngoài chiếc kia, làm ông ta trông vừa béo vừa có vẻ ăn xối ở thì.

“Con thích bộ dạng ông già Noel vô gia cư ông ta trưng ra”, tôi thì thầm. “Một vẻ bề ngoài khó rời mắt nổi. Rất đi trước thời trang.”

Bố tảng lờ tôi. Người đàn ông khệnh khạng đi tới chỗ quầy bar, và những cuộc trò chuyện xung quanh ông ta chợt hơi lặng xuống. Kev hỏi vị khách muốn gì, người đàn ông nói gì đó và Kev đi vào trong bếp. Ông ta nhìn chằm chằm thẳng về phía trước trông khi chờ đợi, và một phút sau Kev quay trở ra, đưa cho vị khách này một túi đựng đồ ăn. Ông ta cầm lấy, ném vài tờ bạc xuống quầy bar, rồi đi ra cửa. Trước khi rời đi, ông ta quay lại chậm rãi nhìn quanh phòng. Rồi sau một hồi lâu, ông ta rời đi.

“Anh ta hỏi mua gì vậy?” bố tôi lớn tiếng hỏi sau khi cánh cửa đã đóng sập lại.

“Bíp tét”, Kev đáp. “Nói anh ta không quan tâm chúng được nướng thế nào, vậy là anh ta lấy chúng sau khi mỗi mặt được nướng mười giây. Và chẳng phàn nàn gì.”

Mọi người bắt đầu xì xào bàn tán, âm lượng những cuộc trò chuyện của họ lại tăng lên.

“Bíp tét sống”, tôi nói với bố. “Bố phải thừa nhận là chuyện này hơi quái lạ, kể cả với một nhà điều tra học.”

“Có thể anh ta là người thích ăn đồ sống”, bố tôi đáp.

“À vâng. Hoặc có thể ông ta đã phát chán với việc sống bằng máu cừu.”

Bố tôi đảo mắt. “Người này hẳn là có bếp nấu dã ngoại. Có thể anh ta chỉ thích nấu ăn ngoài trời thôi.”

“Trong mưa sao? Mà sao bố cứ phải bênh vực ông ta vậy nhỉ? Con nghĩ ông ta là kẻ thù không đội trời chung của bố cơ mà.”

“Bố không hy vọng con sẽ hiểu”, ông nói, “nhưng con không lôi bố ra làm trò cười nữa cũng là tốt lắm rồi.” Và ông đứng dậy đi tới chỗ quầy bar.

Vài giờ sau, bố tôi loạng choạng leo lên lầu, sặc sụa mùi rượu, và lăn kềnh ra giường. Ông ngủ ngay lập tức, ngáy to khùng khiếp. Tôi vớ lấy một cái áo khoác và ra ngoài đi gặp Emma, không cần phải lén lút nữa.

Các con đường đều vắng tanh và im ắng tới mức ta gần như có thể nghe thấy tiếng sương rơi xuống. Những đám mây lưa thưa giăng ra trên bầu trời, và chỉ còn lại vừa đủ ánh trăng xuyên qua để soi đường cho tôi. Trong khi tôi leo qua triền đồi, một cảm giác gai gai bỗng len lỏi trong người tôi, tôi bèn nhìn quanh, thấy một người đang theo dõi mình từ một mô đất nhô lên đằng xa. Người nọ đang đưa hai bàn tay lên mặt, hai khuỷu tay khuỳnh ra như thể ông ta đang nhìn qua ống nhòm. Điều đầu tiên tôi nghĩ là *khỉ thật, mình đã bị bắt gặp*, đoán chừng đó là một trong những người nuôi cừu đang canh chừng đống vai thám tử. Nhưng nếu đúng vậy, tại sao người đó không tới đối diện với tôi? Thay vì thế, ông ta chỉ đứng đó quan sát và tôi nhìn lại.

Cuối cùng, tôi ngẫm ra *nếu mình bị bắt gặp thì cũng đã bị bắt gặp rồi*, vì cho dù bây giờ tôi có quay về hay đi tiếp, kiểu gì chuyến du hành khuya khoắt của tôi cũng sẽ đến tai bố. Vậy là tôi giơ tay lên làm cử chỉ chào bằng một ngón và đi xuống, dần bước vào màn sương mù giá buốt.

Khi tôi chui ra khỏi mộ đá, có vẻ như những đám mây đã bị lột sạch đi và mặt trăng căng tròn như một quả bóng lớn màu vàng, sáng đến mức tôi gần như phải nheo mắt lại. Vài phút sau, Emma xuất hiện, lội qua đầm lầy, vừa xin lỗi vừa nói liến thoắng.

“Xin lỗi vì tớ đến muộn. Đợi mãi mọi người mới lên giường đi ngủ hết! Thế rồi trên đường ra ngoài tớ lại bắt gặp Hugh và Fiona đang ôm chặt lấy nhau hôn hít ngoài vườn. Nhưng đừng lo. Họ đã hứa không nói gì nếu tớ cũng làm thế.”

Cô quàng hai cánh tay quanh cổ tôi. “Tớ nhớ cậu”, cô nói. “Xin lỗi vì chuyện lúc trước.”

“Cả tớ cũng vậy”, tôi vừa nói vừa ngượng nghịu vỗ lên lưng cô. “Nào, chúng ta nói chuyện nào.”

Cô kéo tôi đi. “Không phải ở đây. Có một chỗ tốt hơn. Một nơi đặc biệt.”

“Tớ không biết...”

Emma cầm lấy bàn tay tôi. “Đừng thế chứ. Rồi cậu sẽ thích nó, tớ hứa đấy. Và khi chúng ta đó, tớ sẽ kể cho cậu biết tất cả.”

Tôi biết chắc đó là một sắp đặt để kéo tôi đi tâm sự yêu đương cùng cô, và giá như tôi chín chắn hay khôn ngoan hơn, hay là một anh chàng vẫn thường qua lại với các cô nàng hấp dẫn đến mức chuyện đó trở thành cơm bữa, rất có thể tôi đã có đủ cứng rắn để yêu cầu được nói chuyện ngay lập tức tại đó. Nhưng tôi lại chẳng phải mấy loại người kia. Thêm nữa, còn phải kể đến cách cô rạng rỡ nhìn tôi, nở nụ cười với cả tấm lòng, hay một cử chỉ bẽn lãn như khi cô vuốt tóc ra sau cũng có thể khiến tôi muốn đi theo cô, giúp đỡ cô, làm bất cứ điều gì cô yêu cầu. Tôi đã bị áp đảo tới mức vô phương chống đỡ.

Mình sẽ đi, nhưng mình sẽ không hôn Emma, tôi tự nhủ. Tôi nhắc lại nó như lời niệm chú trong khi cô dẫn tôi băng qua đầm lầy. Không hôn! Không hôn! Chúng tôi hướng về phía thị trấn nhưng lại rẽ về phía bãi biển đầy đá nhìn ra ngọn hải đăng, thận trọng tìm đường theo lối mòn dốc đi xuống bãi cát.

Đến mép nước, Emma bảo tôi đợi rồi chạy đi lấy thứ gì đó. Tôi đứng nhìn luồng sáng của ngọn hải đăng chiếu xoay vòng, lướt qua mọi thứ - cả triệu con chim biển đang ngủ trên các vách đá lở chỗ đầy hốc; những tảng đá lớn mà thủy triều xuống để lộ ra; một chiếc thuyền nhỏ đã mục nát vùi

trong cát. Khi Emma quay lại, tôi thấy cô đã thay sang bộ đồ bơi của mình và đang cầm hai cái mặt nạ lặn.

“Ồ không”, tôi nói. “Không phải chứ.”

“Có lẽ cậu sẽ muốn cởi bớt đồ ra đây”, cô nói, nhìn đầy ngờ vực vào cái quần jean và áo khoác của tôi. “Những thứ cậu đang mặc đều chẳng hợp để bơi chút nào.”

“Đó là vì tớ không định bơi! Tớ đồng ý lên ra đây gặp cậu giữa đêm khuya, được rồi, nhưng chỉ để nói chuyện thôi chứ không phải...”

“Chúng ta sẽ nói chuyện”, cô quả quyết.

“Dưới nước. Trong khi tớ mặc quần đùi ấy à.”

Emma đá cát về phía tôi và bắt đầu quay đi nhưng rồi lại quay người trở lại. “Tớ sẽ không tán công cậu đâu, nếu đó là điều cậu đang lo. Đừng có tự tán dương mình như thế.”

“Đâu có.”

“Vậy thì nhanh lên, cởi cái quần dài ngớ ngẩn đó ra!” Và sau đó cô tán công tôi thật, vạt tôi xuống cát, rồi vạt lộn dùng một bàn tay cố cởi thắt lưng tôi ra, trong khi dùng bàn tay kia hất cát lên mặt tôi.

“Ặc!” tôi vừa kêu lên vừa phì phì nhổ cát ra, “đồ chơi xấu, chơi xấu!” Tôi không có lựa chọn nào khác ngoài đáp trả bằng một vốc tay đầy cát, và chẳng mấy chốc chuyện này biến thành một cuộc đấu ném cát không giới hạn. Khi trận đấu kết thúc, cả hai chúng tôi đều cười ngặt nghẽo và cố gắng giữ hết cát ra khỏi tóc nhưng chẳng ăn thua gì.

“Hay lắm, giờ thì cậu cần phải tắm một lượt, vì thế hãy xuống dưới làn nước khỉ gió kia đi.”

“Rồi, được thôi.”

Thoạt đầu nước lạnh đến rùng mình - một tình thế chẳng mấy hay ho trong điều kiện chỉ có độc chiếc quần đùi trên người - nhưng rồi tôi làm quen với nhiệt độ rất nhanh. Chúng tôi lội ra ngoài, qua các tảng đá tới chỗ có một chiếc xuồng được buộc vào cái cọc đánh dấu độ sâu. Chúng tôi leo

vào trong xuồng, rồi Emma đưa cho tôi một mái chèo, cả hai chúng tôi cùng bắt đầu chèo xuồng, hướng tới chỗ ngọn hải đăng. Buổi tối âm áp, mặt biển lặng sóng, và trong vài phút tôi đắm mình trong giai điệu vui tai của mái chèo khỏa nước. Cách ngọn hải đăng chừng một ki lô mét, Emma ngừng chèo và bước qua mạn. Trước sự kinh ngạc của tôi, cô không chìm xuống dưới những con sóng mà đứng thẳng dậy, nước chỉ ngập tới hai đầu gối.

“Cậu đang đứng trên một doi cát hay cái gì vậy?” tôi hỏi.

“Không phải.” Cô vớ tay vào trong lòng xuồng, lấy ra một cái neo nhỏ và ném xuống. Cái neo rơi chừng một mét thì dừng lại keng một cái. Một khoảnh khắc sau, luồng sáng của ngọn hải đăng quét qua và tôi nhìn thấy một cái thân tàu trải rộng phía dưới chúng tôi.

“Một chiếc tàu đắm!”

“Lại đây nào”, cô nói, “chúng ta gần đến nơi rồi. Và mang theo mặt nạ lặn của cậu.” Cô bắt đầu bước đi trên mặt thân con tàu đắm.

Tôi thận trọng bước ra khỏi xuồng và đi theo. Nếu ai đó quan sát từ trên bờ, trông chúng tôi chắc có vẻ như đang bước đi trên nước.

“Cái tàu này to chừng nào vậy?” tôi hỏi.

“Khổng lồ. Nó là một chiến hạm của Đồng minh. Đụng phải mìn quân nhà và chìm ngay tại đây.”

Emma dừng bước. “Tránh nhìn về phía hải đăng trong một phút”, cô nói. “Hãy để mắt cậu làm quen với bóng tối.”

Vậy là chúng tôi đứng nhìn vào bờ và đợi trong khi những con sóng nhẹ vỗ vào ống chân chúng tôi. “Được rồi, bây giờ làm theo tớ và hít một hơi thật sâu vào.” Cô bước tới một cái lỗ đen ngòm trên thân tàu - một cái cửa theo như hình dạng của nó - rồi ngồi xuống bên mép và nhao người vào trong.

Thật điên rồ, tôi thầm nghĩ. Rồi sau đó tôi chụp cái mặt nạ lặn cô đã đưa cho và lao xuống theo sau cô.

Tôi căng mắt nhìn vào khoảng không gian tối đen bao quanh giữa hai chân mình và thấy Emma đang lao người xuống sâu hơn nữa theo các thanh ngang của một chiếc thang. Tôi nắm lấy đầu trên thang và lặn theo, đưa từng bàn tay một kéo thân người xuống sâu dần cho tới khi cái thang dừng lại ở một mặt sàn kim loại, cô đang đợi ở đó. Dường như chúng tôi đang ở trong một kiểu khoang chứa hàng, cho dù ở đây quá tối để có thể nói được gì nhiều hơn thế.

Tôi gõ vào khuỷu tay Emma rồi chỉ vào miệng mình. *Tớ cần thở*. Cô vỗ lên cánh tay tôi ra hiệu hiểu rồi vội lấy một đoạn ống nhựa nằm gần đó được nối với một cái ống chạy ngược theo thang lên mặt nước. Cô ngậm ống vào miệng thổi, má cô phồng ra vì cố sức, sau đó cô hít một hơi từ đường ống rồi chuyển nó sang cho tôi. Tôi hăm hờ hút không khí vào đây căng hai buồng phổi. Chúng tôi đang ở sâu sáu mét dưới mặt nước, bên trong xác một con tàu đắm cũ, và chúng tôi đang thở.

Emma chỉ về phía một khung cửa phía trước chúng tôi, chẳng hơn một cái lỗ đen ngòm trong bóng tối âm u là mấy. Tôi lắc đầu. Không muốn. Nhưng cô nắm lấy bàn tay tôi như thể tôi là một chú nhóc chưa thay răng sữa đang hoảng sợ và kéo tôi về phía đó, lôi theo cả cái ống.

Chúng tôi trôi qua khung cửa vào bóng tối ken đặc. Trong một hồi, chúng tôi chỉ ở yên đó, thay nhau dùng ống thở. Không có âm thanh nào ngoài những hơi thở của chúng tôi òng ọc sủi bọt ra và những tiếng thành thành mơ hồ từ sâu bên trong con tàu khi những mảnh thân tàu vỡ bị va đập trong dòng nước. Nếu tôi có nhắm mắt lại, không gian xung quanh cũng không thể tối hơn. Chúng tôi giống như hai nhà du hành vũ đang trôi nổi trong một vũ trụ không có lấy một vì sao.

Thế nhưng sau đó, một điều đáng kinh ngạc và thật huy hoàng xảy ra - lần lượt từng vì sao hiện ra, rải rác đây đó trong thứ ánh sáng màu lục lóa lên trong bóng tối. Tôi tưởng mình đang bị ảo giác. Nhưng rồi thêm nhiều đốm sáng nữa bùng lên, rồi nhiều nữa, cho tới khi cả một quần tinh tú hiện ra quanh chúng tôi như hàng triệu vì sao xanh lục nhấp nháy, soi sáng cơ thể chúng tôi, phản chiếu ánh sáng lên mặt nạ lặn của chúng tôi. Emma giơ một bàn tay ra vẫy, nhưng thay vì tạo ra một quả cầu lửa, bàn tay cô bùng

lên một quầng sáng xanh lơ lấp lánh. Những ngôi sao màu lục kết lại quanh bàn tay ấy, lóe sáng và xoay tròn, bắt chước theo những cử động của cô như một đàn cá, và tôi chợt nhận ra đây đúng là một đàn cá thật.

Bị mê hoặc, tôi mất cả ý niệm về thời gian. Chúng tôi ở lại đó có lẽ phải đến hàng giờ, mặc dù thực ra chỉ là vài phút. Sau đó, tôi cảm thấy Emma thúc khuỷu tay vào tôi, và chúng tôi rút lui qua ngưỡng cửa, leo lên thang, và khi chúng tôi ngoi lên khỏi mặt nước, thứ đầu tiên tôi trong thấy là một dải ngân hà dài huy hoàng vắt ngang qua bầu trời và tôi cảm thấy bầy cá và những ngôi sao tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh, những phần trùng khớp của một tổng thể cổ xưa và bí hiểm nào đó.

Chúng tôi chui lên ngòai trên vỏ tàu và tháo mặt nạ lặn ra. Suốt hồi lâu, chúng tôi chỉ ngòai như thế, nửa người chìm trong nước, chân chạm vào nhau, không nói nên lời.

“Những con cá đó là gì vậy?” cuối cùng tôi nói.

“Bọn tớ gọi chúng là cá phát sáng.”

“Tớ chưa bao giờ nhìn thấy cá phát sáng.”

“Hầu hết mọi người cũng thế”, cô nói. “Chúng ản mình.”

“Chúng thật đẹp.”

“Phải.”

“Và đặc biệt.”

Emma mỉm cười. “Cũng đúng nốt.” Rồi bàn tay cô đặt lên đầu gối tôi, và tôi để nó nằm đó, vì bàn tay ấy thật ấm áp và đem đến cảm giác thật dễ chịu dưới làn nước lạnh. Tôi lắng nghe tìm kiếm giọng nói trong đầu nhắc tôi không được hôn cô, nhưng nó đã lặng thinh.

Thế rồi chúng tôi hôn nhau. Cảm giác mãnh liệt khi môi chúng tôi chạm nhau, lưỡi chúng tôi ép vào nhau còn bàn tay tôi áp lên gò má trắng mịn hoàn hảo của Emma chặn đứng mọi suy nghĩ về đúng hay sai cũng như tất cả ký ức về lý do vì sao ban đầu tôi lại theo cô đến đó. Chúng tôi hôn và hôn, thế rồi đột nhiên tất cả kết thúc. Khi cô lùi ra xa, khuôn mặt tôi vẫn tìm

theo cô. Cô đặt một bàn tay lên ngực tôi, vừa dịu dàng vừa kiên quyết. “Tớ cần thỏ đã, chàng ngốc.”

Tôi bật cười: “Được rồi.”

Cô nắm lấy hai bàn tay tôi và nhìn vào tôi, tôi liền nhìn lại. Chỉ nhìn nhau thôi, nhưng cảm xúc này gần như còn mãnh liệt hơn cả hôn. Rồi Emma nói, “Cậu cần ở lại.”

“Ở lại”, tôi nhắc lại.

“Ở đây. Với bọn tớ.”

Hiện thực trong những lời cô nói len lỏi vào, và sự mê hoặc của những gì vừa xảy ra giữa hai chúng tôi liền tan biến.

“Tớ muốn lắm, nhưng tớ không nghĩ mình có thể.”

“Tại sao lại không?”

Tôi ngẫm nghĩ về ý tưởng đó. Mặt trời, tiệc tùng, bạn bè - và sự đồng nhất, những ngày giống hệt nhau toàn tập. Bạn có thể phát ốm với bất cứ cái gì nếu quá nhiều, như tất cả những thứ xa xỉ phù phiếm mẹ tôi mua về để rồi nhanh chóng phát chán với chúng.

Nhưng Emma. Còn có Emma. Có thể không lạ lắm, những gì chúng tôi có thể có. Tôi hoàn toàn có thể ở lại một thời gian, yêu cô rồi sau đó về nhà. Nhưng không. Đến khi tôi muốn rời khỏi thì đã là quá muộn. Emma chính là một nàng tiên cá mồi chài thủy thủ lao vào chỗ chết. Tôi cần mạnh mẽ lên.

“Người cậu muốn là ông tớ, không phải tớ. Tớ không thể đóng vai ông cho cậu được.”

Emma nhìn đi chỗ khác, vẻ đau khổ. “Đó không phải lý do vì sao cậu nên ở lại. Cậu thuộc về nơi này, Jacob.”

“Không phải. Tớ không giống cậu.”

“Có, có đấy”, cô khẳng khẳng.

“Không phải. Tớ là một người bình thường, giống như ông nội tớ.”

Emma lắc đầu. “Có thực là cậu nghĩ thế không?”

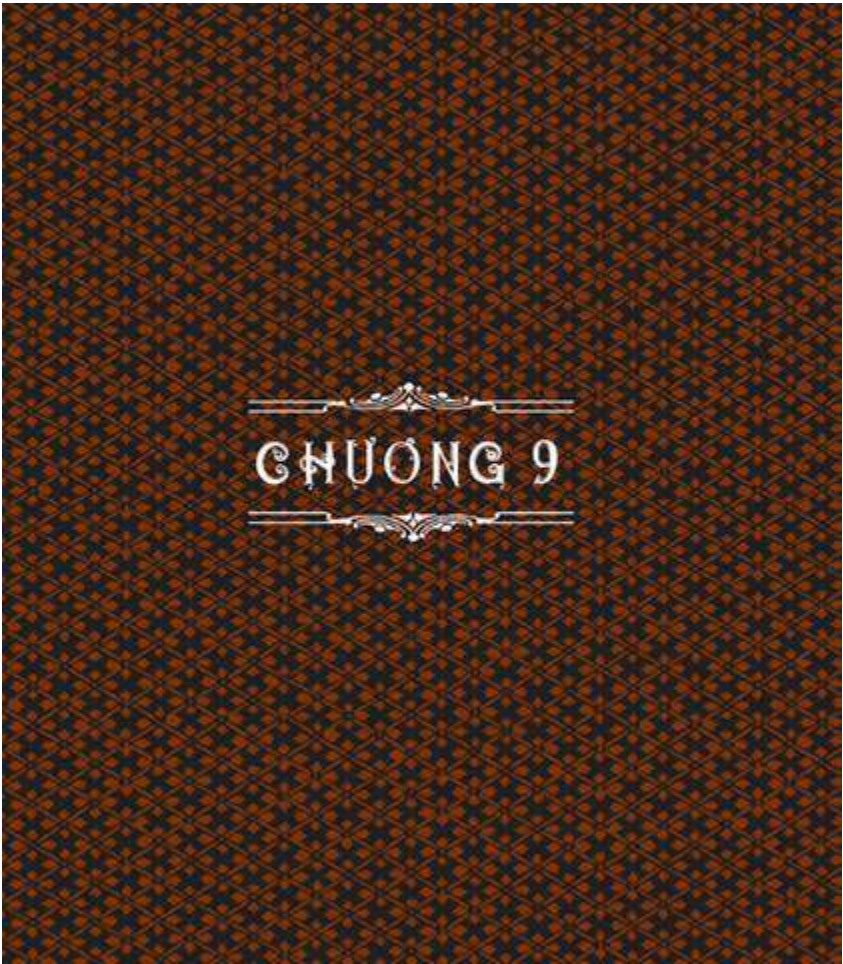
“Nếu tớ có thể làm được gì đó ngoạn mục như cậu, cậu không nghĩ là giờ này tớ đã bị để ý đến rồi sao?”

“Tớ không định nói với cậu điều này”, cô nói, “nhưng người bình thường không thể đi xuyên qua các vòng thời gian được.”

Tôi ngẫm nghĩ câu nói này trong giây lát, nhưng cũng chẳng thấy có nghĩa lý gì. “Chẳng có gì đặc biệt ở tớ cả. Tớ là người tầm thường nhất trên đời cậu có thể gặp.”

“Tớ lấy làm ngờ chuyện đó lắm”, Emma đáp. “Abe có một năng lực rất hiếm có và đặc biệt, một điều hầu như không ai khác có thể làm được.”

Và sau đó, cô nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói, “Anh ấy có thể nhìn thấy lũ quái vật.”



Chương 9

Anh ấy có thể nhìn thấy lũ quái vật. Ngay khi cô nói ra những lời này, tất cả nỗi kinh hoàng tôi vốn tưởng mình đã để lại đằng sau bỗng cuộn cuộn ùa về. Chúng có thật. Chúng có thật và chúng đã giết ông tôi.

“Tớ cũng có thể nhìn thấy chúng”, tôi nói với cô, thì thầm như thể đó là một nỗi xấu hổ thâm kín.

Đôi mắt Emma ướt nhòe, cô liền ôm chầm lấy tôi. “Tớ biết có điều gì đó đặc biệt ở cậu mà”, cô nói. “Và ý tớ muốn nói đó là lời khen ngợi lớn nhất.”

Tôi vẫn luôn biết mình kỳ lạ. Song chưa bao giờ mơ mình lại đặc biệt. Nhưng nếu tôi có thể nhìn thấy những thứ mà gần như không ai khác có thể, điều đó sẽ giải thích tại sao Ricky đã không thấy gì trong rừng buổi tối ông nội tôi bị giết. Điều đó giải thích vì sao tất cả mọi người đều nghĩ tôi bị điên. Tôi không hề điên hay bị ảo giác hay rối loạn stress; cảm giác hốt hoảng quặn thắt trong bụng tôi mỗi khi chúng ở gần - cũng như nỗi kinh hoàng khi trông thấy chúng - đó là do năng lực dị thường của tôi.

“Và các cậu không thể nhìn thấy chúng sao?” tôi hỏi cô.

“Chỉ cái bóng của chúng thôi, đó là lý do chúng đi săn chủ yếu vào ban đêm.”

“Điều gì ngăn cản chúng tìm tới cậu ngay lúc này?” tôi hỏi, sau đó tự chỉnh lại. “Ý tớ là tìm tới tất cả chúng ta.”

Emma trở nên nghiêm túc. “Chúng không biết tìm chúng ta ở đâu. Và chúng không thể đi vào vòng thời gian. Vì thế chúng ta được an toàn trên đảo - nhưng chúng ta không thể rời đi.”

“Nhưng Victor đã làm thế.”

Cô buồn bã gật đầu. “Anh ấy bảo là cứ ở đây thì sẽ phát điên mất. Bảo là anh ấy không thể chịu đựng thêm được nữa. Khô thân Bronwyn. Abe của tớ cũng đã rời đi, nhưng ít nhất anh ấy không bị những hồn rỗng sát hại.”

Tôi buộc mình nhìn thẳng vào cô. “Tớ thực sự xin lỗi phải nói với cậu chuyện này...”

“Cái gì? Ôi không.”

“Người ta thuyết phục tớ rằng đó là những con thú hoang. Nhưng nếu những gì cậu đang nói là đúng, ông nội tớ cũng bị chúng sát hại. Lần đầu tiên và duy nhất tớ nhìn thấy một con chính là vào buổi tối ông mất.”

Emma ép đầu gối sát vào ngực và nhắm mắt lại. Tôi quàng tay ôm lấy cô, còn cô tựa vào đầu tôi.

“Tớ biết cuối cùng thế nào chúng cũng tìm được anh ấy”, cô thì thào. “Anh ấy đã hứa sẽ được an toàn tại Mỹ. Hứa rằng anh ấy có thể tự bảo vệ bản thân. Nhưng chúng ta không bao giờ được an toàn - tất cả chúng ta - một cách thật sự.”

Chúng tôi ngồi nói chuyện trên xác tàu đắm cho tới khi trăng lặn và nước dâng lên vỗ vào cổ chúng tôi, còn Emma bắt đầu rùng mình vì lạnh. Sau đó, chúng tôi nắm tay nhau cùng lội trở lại chỗ chiếc xuồng. Chèo xuồng về phía bãi biển, chúng tôi nghe thấy có tiếng người đang gọi tên mình, sau đó, chúng tôi vòng qua một tảng đá và nhìn thấy Hugh cùng Fiona đang đứng trên bờ vẫy chúng tôi. Thậm chí từ xa cũng có thể thấy rõ có chuyện gì đó không hay.

Chúng tôi buộc xuồng rồi chạy tới gặp họ. Hugh đang thở không ra hơi, lũ ong kích động bay vo ve quanh cậu ta. “Có chuyện rồi! Cậu cần quay về cùng bọn tớ!”

Không có thời gian để tranh luận nữa. Emma mặc quần áo ra ngoài bộ đồ bơi của cô, còn tôi xỏ chân vào cái quần dính đầy cát của mình. Hugh nhìn tôi có vẻ ngần ngại. “Nhưng cậu này thì không”, cậu ta nói. “Chuyện này nghiêm túc đấy.”

“Không, Hugh”, Emma nói. “Chim đã đúng. Cậu ấy là một trong chúng ta.”

Cậu ta há hốc miệng hết nhìn cô rồi nhìn tôi. “Cậu đã kể với cậu ta rồi?!”

“Tớ buộc phải làm thế. Dù thế nào cậu ấy cũng đã tự đoán ra rồi.”

Hugh có vẻ bối rối trong giây lát, nhưng sau đó quay sang bắt tay tôi một cách quả quyết. “Vây thì chào mừng tới với gia đình.”

Tôi không biết phải nói gì, vì thế tôi chỉ đáp, “Cảm ơn.”

Trên đường quay về trại trẻ, chúng tôi lượm lấy những mảnh thông tin đứt đoạn về những gì đã xảy ra từ Hugh, nhưng phần lớn thời gian chúng tôi chỉ chạy. Khi chúng tôi dừng lại trong rừng để nghỉ lấy hơi, cậu ta nói, “Đó là một trong những người bạn Chủ Vòng Thời Gian của Chim. Cô ấy bay tới cách đây một giờ trong tình trạng thật khủng khiếp, la hét kinh hoàng và làm tất cả mọi người bật dậy khỏi giường. Bọn tớ còn chưa kịp hiểu cô ấy muốn nói gì thì cô ấy đã ngất xỉu.” Hugh vịn vẹo hai bàn tay, có vẻ rất khổ sở. “Ôi, tớ chỉ biết có chuyện xấu đã xảy ra.”

“Tớ hy vọng là cậu lắm”, Emma nói, và chúng tôi chạy tiếp.

Ngoài hành lang, ngay bên ngoài cửa phòng khách đang đóng kín, lũ trẻ trong bộ đồ ngủ nhàu nhĩ đang xúm xít quanh một cây đèn dầu, rì rầm bàn tán xem có chuyện gì đã xảy ra.

“Có lẽ họ đã quên khởi động lại vòng của họ”, Claire nói.

“Cực với cậu đó là bọn hôn rỗng”, Enoch nói. “Cực với cậu chúng cũng đã ăn thịt rất nhiều người trong bọn họ, nuốt chửng đến cả ửng!”

Claire và Olive than vãn, úp mặt vào hai bàn tay nhỏ xíu. Horace quỳ gối xuống bên hai cô gái và nói với giọng trấn an, “Nào, nào. Đừng để Enoch nhồi nhét những chuyện rác rưởi vào đầu các cậu. Mọi người đều biết đám hôn rỗng thích những đứa trẻ hơn cả. Chính vì thế chúng đã để bạn cô Peregrine chạy thoát - cô ấy có hương vị như bã cà phê để lâu ngày ấy!”

Olive nhìn ra từ các kẽ ngón tay. “Thế những đứa trẻ có hương vị thế nào?”

“Như quả dâu tây vậy”, cậu ta nói như thật. Hai cô gái lại rên lên.

“Để cho họ yên!” Hugh gất lên, và một bầy ong xua Horace vừa la vừa chạy tít xuống cuối hành lang.

“Có chuyện gì ở ngoài đó vậy?” bà Peregrine hỏi vọng ra từ trong phòng khách. “Có phải tôi nghe thấy cậu Apiston không vậy? Cô Bloom và cậu Portman đâu?”

Emma rụt người lại và hướng ánh mắt e dè về phía Hugh. “Cô ấy biết à?”

“Khi cô ấy phát hiện ra cậu ra ngoài, thiếu chút nữa cô đã phát cuồng. Cứ tưởng cậu đã bị đám xác sống hay một con quỷ nào đó bắt cóc. Xin lỗi, Em. Tớ đành phải nói cho cô biết.”

Emma lắc đầu, nhưng tất cả những gì chúng tôi có thể làm là đi vào và đối diện với hậu quả. Fiona lặng lẽ ra dấu chào chúng tôi - như thể để chúc chúng tôi may mắn rồi chúng tôi mở cửa.

Bên trong phòng khách, ánh sáng duy nhất là từ một lò sưởi đang cháy, hắt những cái bóng nhảy múa lên bức tường. Bronwyn lo lắng cúi xuống một bà lão đang tựa mình nửa tỉnh nửa mê trên một chiếc ghế tựa, cả người quấn kín trong một tấm chăn. Bà Peregrine ngồi trên một chiếc ghế dài có đệm, bôn cho bà lão từng thìa đầy thứ chất lỏng sẫm màu.

Khi Emma nhìn thấy khuôn mặt bà lão, cô cứng người lại. “Ôi Chúa ơi”, cô thì thầm. “Đó là cô Avocet.”

Chỉ đến lúc ấy tôi mới nhận ra, dù chỉ mơ hồ, từ bức ảnh bà Peregrine đã đưa cho tôi xem, chụp chính bà khi còn là một cô gái. Bà Avocet trong ảnh trông có vẻ thật bất khuất, nhưng giờ đây trông bà thật mong manh, yếu ớt.

Trong khi chúng tôi đứng nhìn, bà Peregrine cầm một cái bình bạc kê vào môi bà Avocet rồi nghiêng bình, và trong một khoảnh khắc bà Chủ Vòng Thời Gian già dường như hồi tỉnh lại, ngồi nhồm ra trước, mắt sáng lên. Nhưng sau đó vẻ mặt bà trở lại đờ đẫn, bà lại đổ vật xuống ghế.

“Cô Bruntley”, bà Peregrine nói với Bronwyn, “hãy đi chuẩn bị chỗ nằm nghỉ cho cô Avocet, rồi sau đó đi lấy một chai vang coca và một bình brandy nữa.”

Bronwyn đi ra ngoài, lễ phép gật đầu chào. Tiếp theo, bà Peregrine quay sang chúng tôi và hạ giọng nói, “Ta vô cùng thất vọng về cô, cô Bloom. Vô cùng. Lại còn chọn đúng tối nay để lên ra ngoài.”

“Em xin lỗi, thưa cô. Nhưng làm sao em biết được sẽ có chuyện không hay xảy ra ạ?”

“Ta sẽ phạt cô. Tuy nhiên, tính đến hoàn cảnh, có lẽ cũng chẳng cần phí công để làm điều đó.” Bà đưa một bàn tay lên vuốt xuôi mái tóc bạc trắng của người đã dạy dỗ mình. “Cô Avocet sẽ không bao giờ bỏ những người mình phải trông nom để tới đây trừ phi có chuyện gì rất khủng khiếp đã xảy ra.”

Ngọn lửa rừng rực cháy làm những giọt mồ hôi rịn ra trên trán tôi, nhưng trên ghế bà Avocet đang nằm run rẩy. Liệu bà có chết không? Liệu có phải thảm kịch đã diễn ra giữa ông nội và tôi lại sắp sửa tái diễn, lần này là giữa bà Peregrine và cô giáo của bà hay không? Tôi mừng rỡ tưởng lại nó: tôi ôm lấy ông, kinh hoàng và bối rối, không bao giờ có thể ngờ tới sự thật về ông hay về bản thân tôi. Tôi rút ra kết luận rằng những gì đang xảy ra lúc này không hề giống những gì đã xảy đến với tôi. Bà Peregrine vẫn luôn biết bà là ai.

Lúc này thật khó có thể coi là đúng thời điểm để nhắc tới song tôi thấy tức giận và không thể kìm mình được. “Bà Peregrine?” tôi bắt đầu, và bà ngược lên. “Đến khi nào bà mới định nói cho cháu biết?”

Bà định hỏi là *chuyện gì*, nhưng rồi ánh mắt bà rời sang Emma, và dường như đọc được câu trả lời trên khuôn mặt cô. Trong khoảnh khắc, bà có vẻ rất tức giận nhưng sau đó bà nhìn thấy vẻ bực bội của tôi, và cơn giận của bà lắng xuống. “Sớm thôi, chàng trai. Làm ơn hãy hiểu. Bày ra trước mặt cậu toàn bộ sự thật ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa chúng ta sẽ là một cú sốc tệt hại. Không thể dự đoán phản ứng của cậu. Cậu có thể đã bỏ chạy và không bao giờ quay trở lại. Ta không thể chấp nhận rủi ro đó.”

“Vậy là thay vì thế bà cố gắng dụ dỗ cháu bằng thức ăn, thú vui và các cô gái trong khi vẫn giấu kín mọi điều tồi tệ như một bí mật?”

Emma thẳng thốt. “Dụ dỗ? Ôi, làm ơn, đừng nghĩ về tớ như thế, Jacob. Tớ không chịu nổi đâu.”

“Ta e rằng cậu đã hiểu lầm chúng ta một cách tệ hại”, bà Peregrine nói. “Còn về dụ dỗ cậu, những gì cậu thấy là cách chúng ta sống. Chẳng có sự lừa dối nào cả, chỉ là không tiết lộ vài sự thực thôi.”

“Được thôi, đây là một sự thực dành cho bà đây”, tôi nói. “Một trong những sinh vật đó đã giết ông nội cháu.”

Bà Peregrine nhìn chăm chăm vào ngọn lửa một lát. “Ta rất tiếc khi biết điều đó.”

“Cháu đã nhìn thấy con vật đó bằng chính mắt mình. Khi cháu kể cho những người khác, họ cố thuyết phục cháu là cháu đã mất trí. Nhưng cháu không hề mất trí, và ông nội cháu cũng không. Suốt đời mình ông vẫn luôn nói cho cháu biết sự thật, vậy mà cháu lại không tin ông.” Nỗi hổ thẹn tràn ngập trong tôi. “Nếu cháu tin, có lẽ ông vẫn còn sống.”

Bà Peregrine thấy tôi đang loạng choạng, bèn bảo tôi ngồi xuống cái ghế đối diện với bà Avocet.

Tôi ngồi xuống, và Emma quỳ gối xuống bên cạnh tôi. “Abe chắc đã biết cậu là một người đặc biệt”, cô nói. “Và anh ấy hẳn phải có một lý do xác đáng để không nói với cậu.”

“Đúng là cậu ấy có biết”, bà Peregrine đáp. “Và cậu ấy đã nói rõ điều đó trong một lá thư.”

“Thế thì cháu không hiểu. Nếu tất cả những chuyện ông kể đều đúng, và nếu ông biết cháu giống mình, tại sao ông lại giữ bí mật về điều đó tới tận phút cuối đời?”

Bà Peregrine dùng thìa bón thêm brandy cho bà Avocet, bà này rên lên, ngồi nhồm dậy một chút rồi lại nằm vật xuống ghế. “Ta chỉ có thể đoán là cậu ấy muốn bảo vệ cậu”, bà nói. “Cuộc sống của chúng ta có thể đầy thử thách và thiếu vắng nhiều thứ. Cuộc đời Abe còn khắc nghiệt gấp đôi thế vì cậu ấy là người Do Thái sinh vào đúng thời điểm tệ hại nhất. Cậu ấy phải đối diện với hai cuộc diệt chủng, cuộc diệt chủng người Do Thái của bọn Quốc Xã và cuộc diệt chủng người đặc biệt của đám hồn rỗng. Cậu ấy bị

giảng xé bởi ý nghĩ mình đang trốn tránh ở đây trong khi đồng loại với cậu ấy, cả người Do Thái lẫn người đặc biệt, đang bị tàn sát.”

“Ông từng nói ông ra trận để chiến đấu với bọn quái vật”, tôi nói.

“Đúng thế”, Emma nói.

“Chiến tranh chấm dứt chế độ Quốc Xã, nhưng bọn hồn rỗng lại trở nên hung dữ hơn bao giờ hết”, bà Peregrine nói tiếp. “VẬY nên như nhiều người đặc biệt khác, chúng ta phải tiếp tục ẩn trốn. Nhưng ông nội cậu khi trở về đã thay đổi hoàn toàn. Cậu ấy đã trở thành một chiến binh, và quyết tâm xây dựng một cuộc đời cho mình bên ngoài vòng. Cậu ấy từ chối trốn tránh.”

“Tớ đã cầu xin anh ấy đừng đi Mỹ”, Emma nói. “Tất cả bọn tớ đều làm thế.”

“Tại sao ông lại chọn nước Mỹ?” tôi hỏi.

“Vào thời ấy, tại đó có rất ít hồn rỗng”, bà Peregrine đáp. “Sau chiến tranh, đã có một cuộc di cư nhỏ của những người đặc biệt tới Mỹ. Trong một thời gian, nhiều người đã có thể sống như bình thường, giống như ông nội cậu. Ước ao lớn nhất của cậu ấy là được bình thường, sống một cuộc đời bình thường. Cậu ấy thường nhắc tới chuyện đó trong những lá thư của mình. Cậu ấy muốn cậu có những gì cậu ấy không bao giờ có được.”

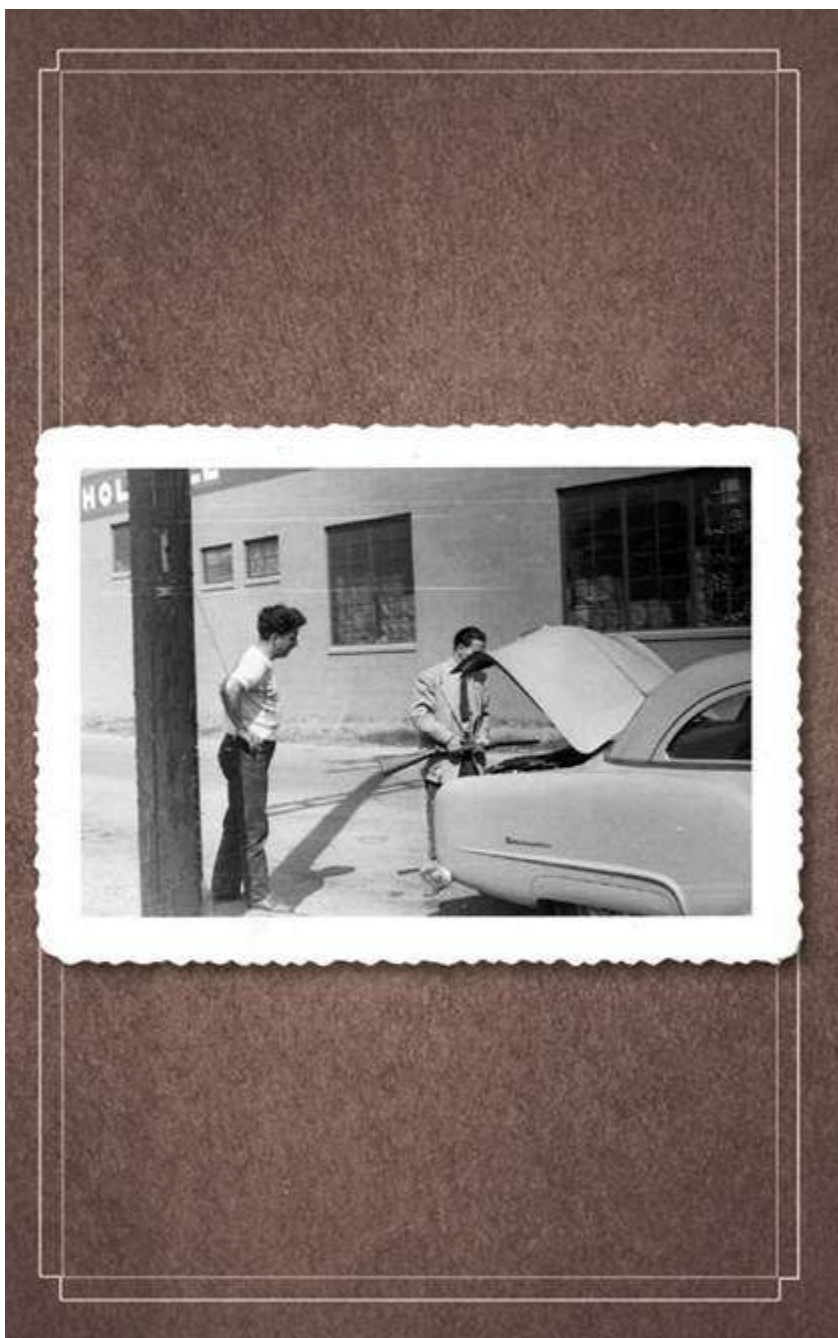
“Được làm người bình thường”, tôi nói.

Bà Peregrine gật đầu. “Nhưng cậu ấy không bao giờ có thể thoát khỏi sự đặc biệt của mình. Năng lực độc nhất vô nhị cộng với sự anh dũng trong chiến tranh của cậu ấy với tư cách một người săn hồn rỗng, khiến cậu ấy trở nên quý giá. Cậu ấy thường xuyên bị thúc ép phải nhập cuộc, được yêu cầu giúp loại bỏ những ổ hồn rỗng gây rắc rối. Bản tính khiến cậu ấy hiếm khi từ chối.”

Tôi nghĩ tới tất cả những chuyến đi săn dài ông nội Portman vẫn thường tiến hành. Gia đình tôi có một bức ảnh chụp ông trong một chuyến đi săn như thế, cho dù tôi không rõ ai đã chụp nó hay vào lúc nào, vì ông hầu như

luôn đi một mình. Nhưng khi còn bé, tôi từng nghĩ bức ảnh này thật buồn cười, vì trong ảnh ông mặc một bộ vest. Ai lại mặc vest đi săn chứ?

Giờ tôi đã biết: ông đi săn thứ gì đó ghê gớm hơn những con thú.



Tôi xúc động trước ý niệm mới mẻ rằng ông nội không phải là một kẻ hoang tưởng bị súng đạn ám ảnh hay một kẻ lãng nhãng vụng trộm hoặc một người đàn ông chẳng bao giờ có mặt bên gia đình, mà là một hiệp sĩ lang thang mạo hiểm tính mạng mình vì người khác, sống trong ô tô hay

các nhà trọ rẻ tiền, truy đuổi những cái bóng giết người, quay về nhà với một cơ số đạn ít hơn so với lúc mang đi, mang trên người những vết bầm tím ông không bao giờ có khả năng giải thích và những cơn ác mộng ông không thể kể về. Đồi lại vô vàn hy sinh của mình, ông chỉ nhận được sự trách móc và ngờ vực từ những người ông yêu quý. Tôi đoán đó là lý do vì sao ông viết nhiều thư đến thế cho Emma và bà Peregrine. Họ hiểu ông.

Bronwyn quay lại cùng một bình vang coca và thêm một bình brandy nữa. Bà Peregrine bảo cô gái đi ra rồi đem trộn hai thứ chất lỏng với nhau trong một cốc uống trà. Sau đó, bà bắt đầu vỗ nhẹ lên gò má nổi những đường gân xanh của bà Avocet.

“Esmerelda”, bà nói, “Esmerelda, cô phải tự ngồi dậy và uống thứ đồ uống tăng lực em đã chuẩn bị.”

Bà Avocet rên khê, và bà Peregrine đưa cốc kê vào môi bà lão. Bà lão uống vài ngụm, và cho dù bị sặc và ho, phần lớn chỗ chất lỏng đỏ tía đã chui xuống họng bà. Trong giây lát, bà mở mắt nhìn chăm chăm như thể sắp chìm trở lại vào trạng thái đờ đẫn, nhưng sau đó bà ngồi thẳng dậy, mặt bừng sáng.

“Ôi trời”, bà thốt lên, giọng khàn khàn khô khốc. “Tôi đã ngủ thiếp đi sao? Thật bất nhã quá.” Bà nhìn chúng tôi, hơi có vẻ ngạc nhiên, như thể chẳng hiểu chúng tôi từ đâu ra. “Alma? Có phải cô đấy không?”

Bà Peregrine xoa nắn đôi bàn tay xương xẩu của bà lão. “Esmerelda, cô đã đi cả một đoạn đường dài tới gặp chúng em giữa đêm khuya. Em e là cô đã làm tất cả chúng em lo lắng kinh khủng đấy.”

“Thật sao?” Bà Avocet nheo mắt và cau mày, đôi mắt bà dường như nhìn dán vào bức tường đối diện, sống động với những cái bóng chập chờn. Rồi trên khuôn mặt bà thoáng hiện lên vẻ ám ảnh. “Phải”, bà nói. “Tôi tới để cảnh cáo cô, Alma. Cô cần cảnh giác. Cô không được phép để mình bị bắt ngờ, giống như tôi đã bị.”

Bà Peregrine dùng xoa bóp. “Bởi cái gì ạ?”

“Chúng chỉ có thể là lũ xác sống. Hai con tìm đến tối hôm qua, nguy trang thành các thành viên hội đồng. Tất nhiên, chẳng có thành viên nam nào trong hội đồng, nhưng lột nguy trang đó đã lừa dối được lũ trẻ đang ngái ngủ do tôi quản lý để trói chúng lại và bắt chúng đi.”

Bà Peregrine há hốc miệng. “Ôi, cô Esmerelda...”

“Cô Bunting và tôi thức giấc khi nghe thấy tiếng kêu tuyệt vọng của chúng”, bà lão giải thích, “nhưng chúng tôi phát hiện ra mình bị chặn cửa nhốt lại trong nhà. Phải mất một lúc lâu mới phá được cửa, chúng tôi liền lần theo mùi tanh của đám xác sống ra ngoài vòng thời gian, nhưng khi đó đã có cả một bày dã thú chỉ nhìn thấy bóng chờ sẵn ở phía bên kia. Chúng gầm rú ập vào tấn công chúng tôi.” Bà ngừng lời, cố làm những giọt nước mắt.

“Còn lũ trẻ?”

Bà Avocet lắc đầu. Đôi mắt bà dường như đã tắt hẳn ánh sáng. “Lũ trẻ chỉ là môi nhử”, bà nói.

Emma cầm lấy bàn tay tôi siết chặt, và tôi nhìn thấy hai má bà Peregrine ướt long lanh trong ánh lửa.

“Cô Bunting và tôi mới là những người chúng muốn. Tôi đã thoát được, nhưng cô Bunting thì không may mắn như thế.”

“Bà ấy bị giết rồi sao?”

“Không, bị bắt cóc. Cũng như cô Wren và cô Treecreeper khi vòng của họ bị tấn công nửa tháng trước. Chúng đang tìm bắt các Chủ Vòng Thời Gian, Alma. Đây là một âm mưu được phối hợp có hệ thống. Nhằm mục đích gì thì tôi không hình dung ra được.”

“Vậy thì chúng sẽ tìm đến chúng em”, bà Peregrine khẽ nói.

“Nếu chúng có thể tìm ra cô”, bà Avocet đáp. “Cô ẩn trốn tốt hơn những người khác, nhưng cô cần phải chuẩn bị sẵn sàng, Alma.”

Bà Peregrine gật đầu. Bà Avocet bắt lực nhìn đôi bàn tay mình đang run rẩy trong lòng như một con chim gãy cánh. Bà bắt đầu nấc lên. “Ôi, lũ trẻ

yêu quý của tôi. Hãy cầu nguyện cho chúng. Giờ đây chúng hoàn toàn đơn độc.” Rồi bà quay đi và khóc.

Bà Peregrine kéo chần trùm lên vai bà lão rồi đứng dậy. Chúng tôi theo bà ra ngoài, để bà Avocet ở lại cùng nỗi đau khổ của bà.

Chúng tôi gặp lũ trẻ đang xúm lại quanh cửa phòng khách. Dù bọn họ không nghe thấy tất cả những gì bà Avocet vừa nói thì cũng đã nghe được đủ nhiều, và điều đó hiện rõ trên những khuôn mặt đầy lo âu của họ.

“Cô Avocet tội nghiệp”, Claire vừa nói vừa thút thít, môi dưới run rẩy.

“Những đứa trẻ tội nghiệp của cô Avocet”, Olive nói.

“Liệu bây giờ chúng có tìm đến chúng ta không, thưa cô?” Horace hỏi.

“Chúng ta sẽ cần đến vũ khí!” Millard la lên. “Rìu chiến!” Enoch nói.

“Bom!” Hugh nói.

“Dừng lại ngay!”, bà Peregrine lớn tiếng, giơ hai bàn tay lên yêu cầu mọi người im lặng. “Tất cả chúng ta cần giữ bình tĩnh. Phải, điều đã xảy ra với cô Avocet thật bi kịch - vô cùng bi kịch - nhưng bi kịch như vậy không nhất thiết lặp lại ở đây. Tuy vậy, chúng ta cần cảnh giác. Từ giờ trở đi các cô cậu sẽ chỉ được đi ra khỏi khuôn viên trại trẻ nếu được ta cho phép, và trong trường hợp đó phải đi thành cặp. Nếu thấy ai đó lạ, cho dù họ có vẻ là người đặc biệt, hãy lập tức tới báo cho ta biết. Chúng ta sẽ thảo luận về những chuyện này và những biện pháp đề phòng khác vào buổi sáng. Từ giờ tới lúc đó, tất cả lên giường! Lúc này không phải là thời điểm cho một cuộc họp.”

“Nhưng thưa cô...” Enoch bắt đầu nói.

“Lên giường!”

Đám trẻ lon ton chạy về phòng. “Còn về cậu, cậu Portman, ta không thoải mái cho lắm về việc cậu lang thang một mình. Ta nghĩ có lẽ cậu nên ở lại, ít nhất cho tới khi mọi thứ ít nhiều bình lặng trở lại.”

“Cháu không thể cứ thế biến mất được. Bố cháu sẽ lo cuống lên mất.”

Bà Peregrine cau mày. “Trong trường hợp đó, ít nhất cậu cần ở lại đây qua đêm. Ta kiên quyết yêu cầu như vậy.”

“Cháu sẽ ở lại, nhưng bà phải kể cho cháu mọi thứ bà biết về những sinh vật đã giết ông nội cháu.”

Bà nghiêng đầu, quan sát tôi, dường như lấy làm thích thú. “Được lắm, cậu Portman, ta đồng ý rằng cậu cần phải biết. Hãy thu xếp chỗ nghỉ cho mình đêm nay trên đi vắng, rồi chúng ta sẽ trao đổi trước hết về điều đó.”

“Cháu cần biết ngay bây giờ.” Tôi đã đợi mười năm để nghe sự thật, và tôi không thể chờ thêm một phút nào nữa. “Làm ơn đi.”

“Chàng trai trẻ ạ, có những lúc cậu đứng chông chênh trên một lần ranh rất mong manh giữa cứng đầu một cách cuốn hút và ương ngạnh một cách không thể chịu đựng nổi.” Bà quay sang Emma. “Cô Bloom, cô có thể đi lấy bình vang coca giúp ta được chứ? Có vẻ như đêm nay ta sẽ không ngủ, và ta phải nhờ đến nó nếu cần thức cả đêm.”

Phòng học quá gần khu phòng ngủ của đám trẻ để trò chuyện khuya, vì thế cô phụ trách và tôi rời sang một căn nhà kính nhỏ nằm ven rừng. Chúng tôi ngồi lên những cái chậu trồng cây úp ngược giữa các cây hồng leo, một cây đèn bão được đặt dưới mặt cỏ giữa hai chúng tôi, bình minh vẫn chưa ló dạng đằng sau những bức tường kính. Bà Peregrine lấy một cái tẩu từ trong túi ra, cúi xuống châm tẩu thuốc nhờ ngọn lửa của cây đèn. Bà trầm ngâm rít vài hơi thuốc, nhả lên trên những quàng khói xanh lơ, rồi bắt đầu nói.

“Vào thời cổ đại, người ta lầm tưởng chúng ta là thần thánh”, bà nói, “nhưng những người đặc biệt chúng ta cũng có sinh có tử chẳng khác gì người thường. Các vòng thời gian chỉ đơn thuần trì hoãn điều không thể tránh khỏi, và cái giá chúng ta phải trả cho việc sử dụng chúng là rất nặng nề - sự đoạn tuyệt vĩnh viễn với hiện tại đang diễn ra. Như cậu biết đấy, những người sống quá lâu trong vòng không thể đặt chân ra ngoài hiện tại nếu không sẽ già đi nhanh chóng và chết. Đây là sự sắp đặt đã tồn tại từ cổ xưa.”

Bà bập thêm một hơi thuốc, rồi nói tiếp.

“Nhiều năm trước, vào khoảng cuối thế kỷ trước, một nhóm tách biệt xuất hiện trong cộng đồng chúng ta - một nhóm những người đặc biệt bất mã, mang theo những ý tưởng nguy hiểm. Họ tin rằng họ đã khám phá ra một phương pháp cho phép lợi dụng chức năng của vòng thời gian để đem đến cho người dùng một điều giống như sự bất tử, không chỉ đơn thuần là ngừng lại quá trình lão hóa, mà còn đảo ngược nó. Họ nói tới tuổi trẻ vĩnh cửu có thể tận hưởng bên ngoài giới hạn của vòng thời gian, tới chuyện nhảy tới nhảy lui từ tương lai về quá khứ mà không phải trả giá, không phải chịu đựng những hậu quả tồi tệ vẫn luôn ngăn chặn những hành động nông nổi như thế - nói cách khác là làm chủ thời gian mà không bị cái chết làm chủ. Toàn bộ ý tưởng này thật điên rồ - hoàn toàn là chuyện ba hoa rỗng tuếch - một sự bác bỏ những quy luật thực tế kiểm soát mọi thứ!”

Bà thở hắt ra thật mạnh, sau đó dừng lại một lát để trấn tĩnh.

“Dù thế nào đi nữa, hai em trai ta, xuất sắc về kỹ năng nhưng lại thiếu sự tinh táo, đã bị ý tưởng đó hấp dẫn. Chúng thậm chí còn cả gan đề nghị ta trợ giúp để biến nó thành thực tế. Các cậu đang nói đến chuyện biến mình thành các vị thần đấy ta đã nói vậy. Không thể làm được điều đó. Và cho dù có thể thì cũng không nên làm. Nhưng chẳng thế nào khiến chúng đổi ý. Vì đã lớn lên giữa các học viên Chủ Vòng Thời Gian của cô Avocet, chúng biết về kỹ năng độc nhất vô nhị của chúng ta nhiều hơn phần lớn các nam giới đặc biệt - vừa đủ để trở thành nguy hiểm, ta e là vậy. Bất chấp những lời cảnh báo, thậm chí là đe dọa của Hội đồng, vào mùa hè năm 1908, các em trai ta và vài trăm thành viên của nhóm ly khai này - trong đó có cả một số Chủ Vòng Thời Gian hùng mạnh, tất cả đều là những tên phản bội - tìm đến vùng đài nguyên Siberia để thực hiện thí nghiệm ghê tởm của chúng. Chúng chọn địa điểm là một cái vòng cũ vô danh đã không được dùng đến trong hàng thế kỷ. Chúng ta đã trông đợi chúng trở về vòng suốt một tuần, trong nỗi thất bại ê chề, bị bẽ mặt trước bản chất không thể khuất phục của tự nhiên. Nhưng thay vì thế, sự trừng phạt giáng xuống đầu chúng còn kinh hoàng hơn nhiều: một vụ nổ thảm họa đã làm vỡ tung kính cửa sổ ở tận

Azores^[21]. Tất cả những ai có mặt trong vòng bán kính năm trăm ki lô mét chắc chắn đều đã nghĩ vụ nổ là ngày tận thế. Chúng ta cho rằng tất cả chúng đều đã bị giết, vụ nổ kinh hoàng làm chấn động thế giới đó là tiếng hét đồng thanh cuối cùng của chúng.”

“Nhưng bọn họ sống sót”, tôi đoán.

“Có thể nói như vậy. Những người khác có thể gọi trạng thái tồn tại của chúng sau đó là một kiếp sống đọa đày. Vài tuần sau vụ nổ, bắt đầu xuất hiện một loạt vụ tấn công nhằm vào những người đặc biệt bởi những sinh vật ghê tởm không thấy hình chỉ thấy bóng, trừ những người đặc biệt như cậu - đây là những cuộc chạm trán đầu tiên của chúng ta với đám hồn rỗng. Phải mất một thời gian chúng ta mới nhận ra những con quái vật ghê tởm miệng đầy xúc tu kia trên thực tế chính là những người anh em lạc lối của chúng ta, những kẻ đã bò ra khỏi miệng hố bốc khói nghi ngút mà thí nghiệm của chúng để lại. Thay vì trở thành các vị thần chúng đã biến mình thành những con quái vật.”

“Chuyện gì đã diễn ra vậy?”

“Đó vẫn là một vấn đề được tranh cãi. Một giả thuyết là chúng đã đảo ngược tuổi tác cho bản thân về một thời điểm thậm chí linh hồn của chúng còn chưa được hình thành và cũng vì thế chúng ta gọi chúng là đám hồn rỗng - vì chúng không có trái tim hay linh hồn. Trong một sự trớ trêu đầy mỉa mai, chúng đã đạt được sự bất tử vốn tìm kiếm. Người ta tin rằng các hồn rỗng có thể sống hàng nghìn năm, nhưng đó là một cuộc sống trong sự già y và thường trực về thể xác, của nỗi nhục nhã ê chề - kiếm ăn bằng những con vật đi lạc, sống trong lẫn tránh cô độc - cùng sự thèm khát vô bờ máu thịt của các đồng loại trước đây của chúng, vì máu chúng ta là hy vọng cứu rỗi duy nhất chúng có. Nếu một hồn rỗng ăn thịt đủ nhiều người đặc biệt, nó sẽ trở thành một xác sống.”

“Lại từ đó”, tôi nói. “Khi chúng cháu gặp nhau lần đầu tiên, Emma đã buộc tội cháu là một xác sống.”

“Rất có thể ta cũng nghĩ đến điều tương tự nếu ta không từng quan sát cậu trước đó.”

“Chúng là ai vậy?”

“Nếu trở thành hồn rỗng đồng nghĩa với sống trong địa ngục - và chắc chắn đúng là như thế - thì trở thành xác sống cũng gần như sống trong luyện ngục. Xác sống gần như là người thường. Chúng không có năng lực đặc biệt nào. Nhưng vì chúng có thể hòa lẫn vào cộng đồng người, chúng sống để làm tôi tớ cho các huynh đệ hồn rỗng của chúng làm những việc thám thính, gián điệp và cung cấp nguồn thịt sống. Đó là hệ thống phân công thứ bậc trong đội ngũ những kẻ bị nguyên rửa nhằm mục tiêu đến một ngày nào đó biến toàn bộ hồn rỗng thành xác sống và tất cả những người đặc biệt thành xác chết.”

“Nhưng điều gì đã ngăn cản chúng vậy?” tôi hỏi. “Nếu chúng từ là người đặc biệt, chẳng phải chúng biết tất cả những nơi ẩn náu của bà và những người như bà sao?”

“May thay, có vẻ chúng không lưu được chút ký ức nào của cuộc sống trước đây. Và dù các xác sống không hùng mạnh hay kinh khủng như đám hồn rỗng, chúng cũng nguy hiểm không kém. Không như các hồn rỗng, chúng không chỉ hành động theo bản năng, và thường có khả năng hòa lẫn vào cộng đồng dân cư bình thường. Rất khó phân biệt chúng với người thường cho dù có một số dấu hiệu. Chẳng hạn như mắt của chúng. Thật lạ lùng, lũ xác sống không có đồng tử.”

Tôi bỗng nổi gai ốc khắp người, nhớ lại người hàng xóm có đôi mắt trắng đã đang tưới nước cho bãi cỏ mọc quá cao của ông ta vào đêm ông nội tôi bị sát hại. “Cháu nghĩ cháu đã nhìn thấy một gã. Lúc đấy cháu cho rằng gã chỉ là một ông lão mù lòa.”

“Vậy là cậu đã tinh ý hơn phần lớn những người khác”, bà nói. “Xác sống rất khéo qua mặt người đời. Chúng có xu hướng sắm vai những nhân vật hoàn toàn mờ nhạt trong xã hội: người đàn ông mặc bộ đồ xám trên tàu hỏa, người nghèo khổ ăn xin những đồng xu lẻ; chỉ là những khuôn mặt như vô vàn khuôn mặt trong đám đông. Cho dù người ta biết có một số từng

chấp nhận mạo hiểm với nguy cơ bị lộ tẩy khi đặt mình vào những vị trí nổi bật hơn - bác sĩ, chính khách, giáo sĩ - nhằm tương tác được với số lượng người lớn hơn, hoặc để có được quyền lực nhất định lên họ, qua đó chúng có thể phát hiện những người đặc biệt đang ẩn mình trong đám đông bình thường - như Abe chẳng hạn - dễ dàng hơn.”

Bà Peregrine với lấy một cuốn album ảnh bà đã cầm theo từ trong nhà ra và bắt đầu lật giở. “Những bức ảnh này đã được rửa lại và phân phát cho những người đặc biệt ở khắp nơi, cũng giống như những tấm hình truy nã. Hãy nhìn đây”, bà vừa nói vừa chỉ vào một bức ảnh chụp hai cô gái cưới trên một con tuần lộc giả, một ông già Noel có đôi mắt trắng dã khiến người ta ớn lạnh đang nhìn vào ống kính qua bộ gạc của con tuần lộc. “Gã xác sống này đã bị phát giác khi đang làm việc trong một khu bách hóa ở Mỹ vào dịp Giáng sinh. Gã đã có thể tiếp xúc với rất nhiều trẻ em trong một thời gian cực ngắn - chạm vào chúng, hỏi chuyện chúng - và dò tìm những biểu hiện của năng lực đặc biệt.”

Bà lật trang để lộ ra bức ảnh chụp một nha sĩ với vẻ mặt bệnh hoạn. “Xác sống này làm việc như một bác sĩ phẫu thuật răng miệng. Ta không hề ngạc nhiên khi biết được rằng cái sọ hấn chụp ảnh cùng thuộc về một trong những nạn nhân đặc biệt của hắn.”

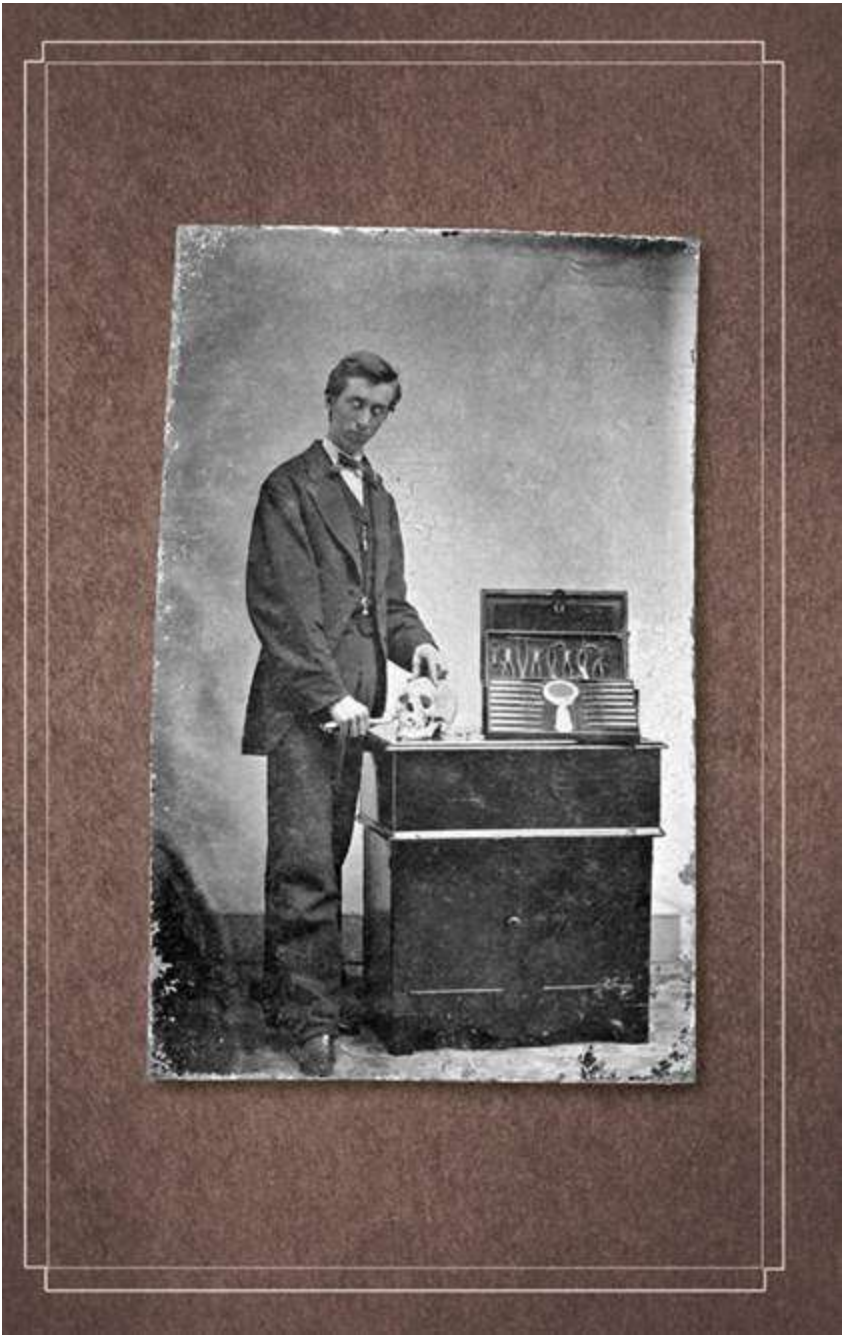
Bà Peregrine lại lật trang, lần này sang bức ảnh chụp một cô bé con đang co rúm người lại trước một cái bóng to tướng. “Đây là Marcie. Cô bé rời khỏi chúng ta ba mươi năm trước để sống với một gia đình bình thường ở nông thôn. Ta đã cầu khẩn cô bé hãy ở lại, nhưng cô bé rất kiên quyết. Không lâu sau đó, cô bé bị một xác sống bắt cóc trong lúc đợi xe buýt của trường. Người ta tìm thấy một cái máy ảnh tại hiện trường cùng phim chụp bức ảnh này bên trong.”

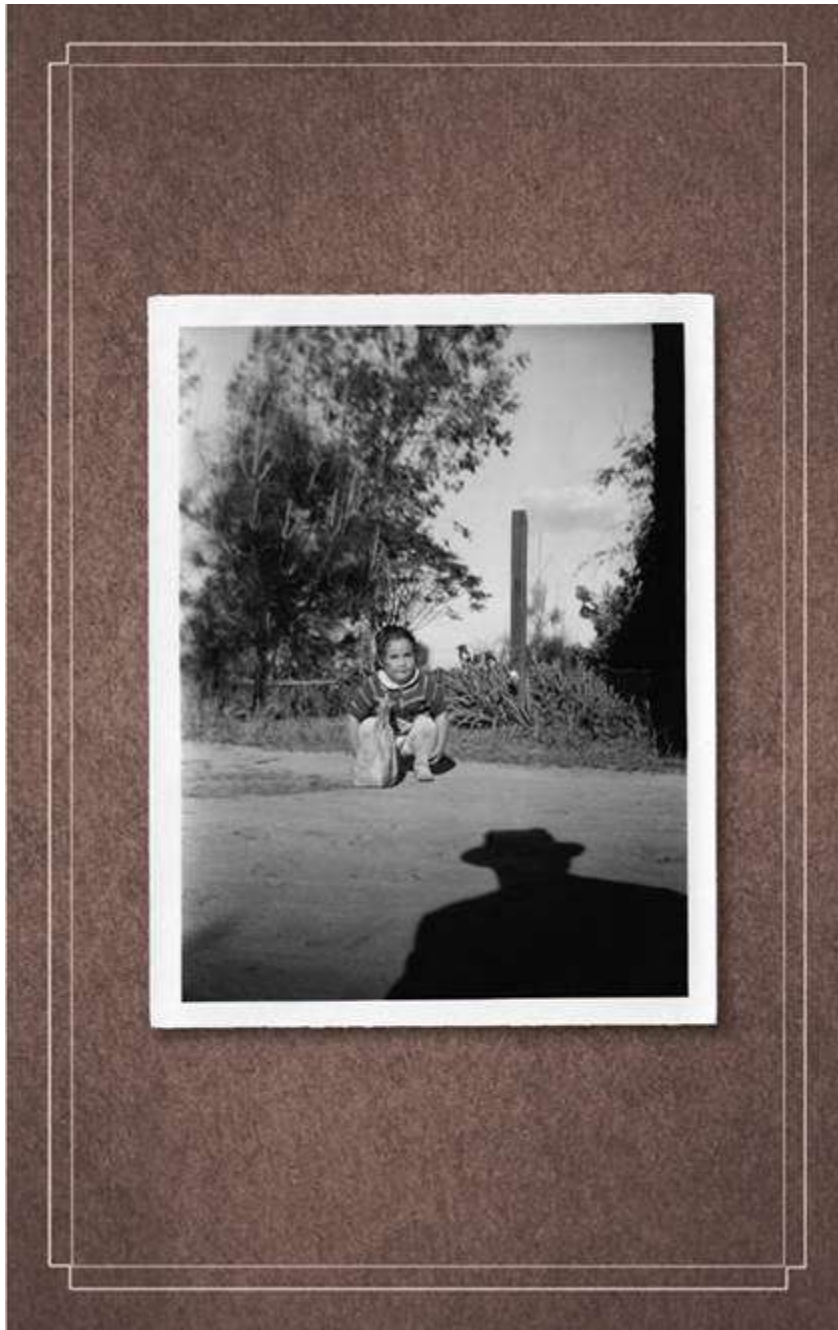
“Ai đã chụp nó vậy?”

“Chính gã xác sống. Chúng thích những hành động kịch tính, và luôn để lại đằng sau một vật kỷ niệm cay độc nào đó.”

Tôi chăm chú nhìn các bức ảnh, cảm giác rờn rợn quen thuộc khẽ cuộn lên bên trong tôi.







Khi không thể nhìn vào những bức ảnh đó thêm được nữa, tôi đóng cuốn album lại.

“Ta nói với cậu tất cả chuyện này vì cậu có quyền biết chúng”, bà Peregrine nói, “nhưng cũng vì ta cần sự giúp đỡ của cậu. Cậu là người duy nhất trong chúng ta có thể ra ngoài vòng mà không gây nghi ngờ. Chừng nào cậu ở đây cùng chúng ta và nhất định tiếp tục đi đi về về, ta cần cậu theo dõi những người mới tới đảo và báo lại tình hình của họ cho ta.”

“Vừa có một người hôm trước”, tôi nói, nghĩ tới người quan sát chim đã làm bố tôi buồn phiền.

“Cậu có nhìn thấy mắt người đó không?” bà hỏi.

“Thực sự thì không. Lúc đó rất tối, và ông ta đang đội một cái mũ to che khuất một phần khuôn mặt.”

Bà Peregrine cắn nhẹ khớp đốt ngón tay, lông mày bà nhíu lại.

“Sao thế? Bà nghĩ người đó có thể là một trong số chúng không?”

“Không thể nào chắc chắn được nếu không nhìn thấy đôi mắt”, bà nói, “nhưng khả năng cậu bị bám theo khi tới hòn đảo này làm ta rất lo ngại.”

“Ý bà là sao? Bị một xác sống bám theo?”

“Có thể chính là kẻ cậu mô tả là đã trông thấy vào buổi tối ông cậu chết. Điều đó có thể giải thích vì sao chúng để lại mạng sống cho cậu - để cậu có thể dẫn chúng tới một miếng mồi còn đáng giá hơn: nơi này.”

“Nhưng làm sao chúng biết cháu là người đặc biệt? Đến cháu còn không biết!”

“Nếu chúng biết về ông cậu, cậu có thể tin chắc là chúng cũng biết cả về cậu nữa.”

Tôi nghĩ về tất cả những cơ hội chắc chắn chúng đã có để giết tôi. Tất cả những lần tôi cảm thấy chúng ở gần kề trong những tuần tiếp sau cái chết của ông nội Portman. Có phải chúng đã theo dõi tôi không? Để chờ tôi làm đúng những gì tôi đã làm, và tới đây?

Cảm thấy choáng váng, tôi gục lên hai đầu gối. “Cháu không nghĩ bà có thể cho phép cháu uống một ngụm thứ vang đó”, tôi nói.

“Đương nhiên là không.”

Đột nhiên, tôi cảm thấy ngực mình thắt lại. “Liệu có nơi nào cháu được an toàn không?” tôi hỏi bà.

Bà Peregrine đặt bàn tay lên vai tôi. “Ở đây cậu được an toàn”, bà nói. “Và cậu có thể sống cùng chúng ta đến chừng nào cậu muốn.”

Tôi cố mở lời, nhưng chỉ phát ra được những lời lí nhí rời rạc. “Nhưng cháu... cháu không thể... bố mẹ cháu.”

“Họ có thể yêu cậu”, bà thì thầm, “nhưng họ sẽ không bao giờ hiểu được.”

Khi tôi về tới thị trấn, mặt trời đang hắt những cái bóng dài đầu tiên vắt ngang qua các con đường, những bọm rượu đã uống cả đêm đang chênh choáng quay vòng quanh các cột đèn trên cuộc hành trình bất đắc dĩ trở về nhà, các ngư dân đang nặng nhọc lê bước ra bến tàu với những đôi ủng to màu đen, còn bố tôi chỉ mới bắt đầu cựa mình tỉnh dậy từ một giấc ngủ nặng nề. Trong khi ông xuống khỏi giường mình, thì tôi đang leo lên giường tôi, kéo chăn trùm lên bộ quần áo đầy cát chỉ vài giây trước khi ông mở cửa để kiểm tra.

“Cảm thấy ổn chứ con?”

Tôi rên lên và lăn người tránh xa khỏi bố, ông bèn đi ra ngoài. Chiều muộn hôm đó, tôi tỉnh dậy thì thấy một tờ giấy nhắn đầy cảm thông và một hộp thuốc cảm trên mặt bàn phòng sinh hoạt chung. Tôi mỉm cười và cảm thấy có lỗi trong thoáng chốc vì đã nói dối ông. Sau đó, tôi bắt đầu lo lắng, ông đang lang thang ngoài kia qua các mũi đất cùng cái ống nhòm và cuốn sổ ghi chép nhỏ của ông, có thể cùng với một gã điên đã giết đám cừu.

Dụi dụi xua giấc ngủ ra khỏi đôi mắt sau đó mặc áo mưa, tôi đi một vòng quanh làng rồi quanh những vách đá và bãi biển gần đó, hy vọng sẽ bắt gặp bố tôi hoặc nhà điều cầm học kỳ dị kia - và nhìn thật rõ đôi mắt ông ta - nhưng chẳng thể tìm thấy ai trong hai người. Trời đã nhá nhem, cuối cùng tôi đành bỏ cuộc và quay về Priest Hole thì thấy bố đang ngồi ở quầy bar, nhâm nhi bia cùng các vị khách quen. Từ những vỏ chai rỗng ở quanh ông, tôi nghĩ hẳn ông đã ngồi đó được khá lâu.

Tôi ngồi xuống cạnh ông, hỏi ông có thấy nhà quan sát chim râu xồm hay không. Ông bảo không thấy.

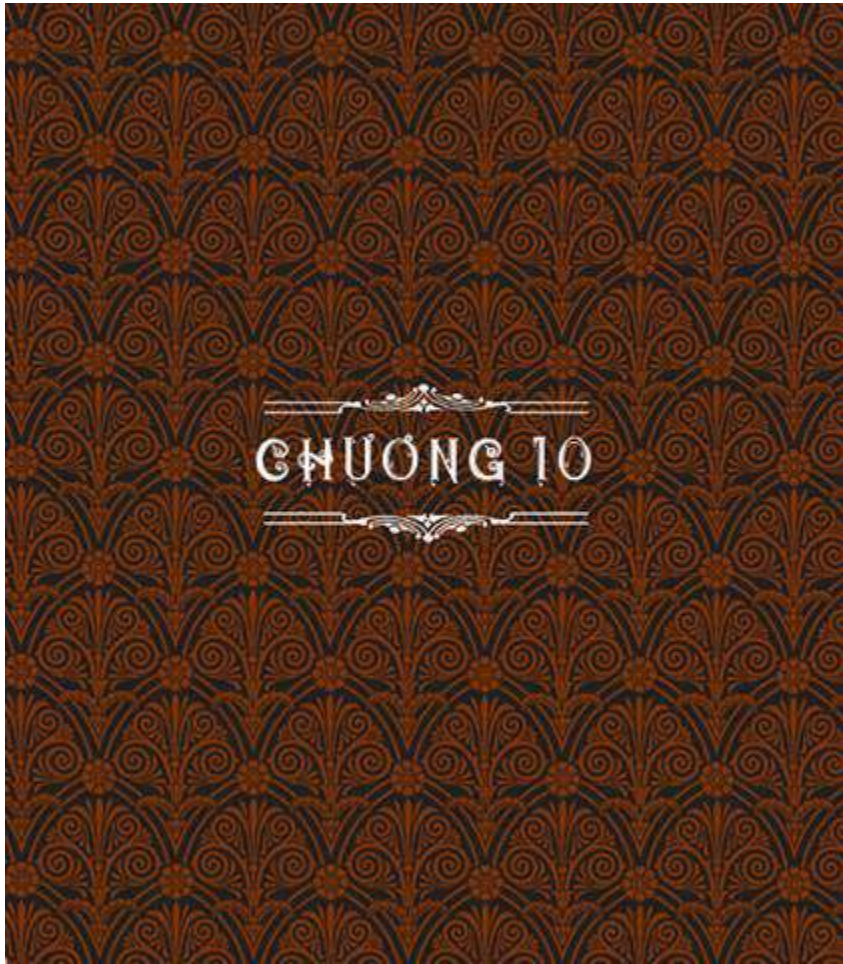
“À, nếu bố có gặp”, tôi nói, “làm ơn hãy vì con mà giữ khoảng cách với ông ta, được chứ ạ?”

Bố nhìn tôi thật lạ. “Tại sao?”

“Chỉ là ông ta làm con thấy bất an. Nhớ ông ta là một gã điên nào thì sao? Nhớ đâu ông ta lại chính là kẻ đã giết mấy con cừu kia?”

“Con lấy đâu ra những ý tưởng kỳ quái đó vậy?”

Tôi muốn nói với bố. Tôi muốn giải thích tất cả, và muốn ông nói với tôi là ông hiểu, rồi dành cho tôi lời khuyên của một người cha. Vào khoảnh khắc đó, tôi muốn mọi thứ quay trở lại như trước khi chúng tôi tới đây; trước khi tôi tìm thấy lá thư của bà Peregrine, trở lại khi tôi chỉ là một cậu ấm con nhà giàu bình thường hay sinh chuyện ở ngoại ô. Thay vì thế, tôi ngồi xuống cạnh bố một hồi mà không nói gì, và tôi cố nhớ xem cuộc đời mình từng thế nào trong thời kỳ xa xăm vô tận cách đây bốn tuần, hay hình dung xem nó có thể sẽ ra sao sau bốn tuần nữa - nhưng tôi không thể. Cuối cùng, hai bố con tôi chẳng còn gì nữa để nói với nhau, tôi bèn tìm có rút lui rồi lên lầu để được một mình.



Chương 10

Vào tối thứ Ba, phần lớn những điều tôi nghĩ mình đã hiểu về bản thân hóa ra đều sai cả. Đến tối Chủ nhật, bố tôi và tôi đã dự kiến sẽ thu xếp hành lý về nhà. Tôi chỉ còn vài ngày để quyết định xem nên làm gì. Ở lại hay ra đi - chẳng lựa chọn nào có vẻ tốt. Làm sao tôi có thể ở lại đây và bỏ sau lưng mọi thứ tôi đã biết? Nhưng sau tất cả những gì đã tìm hiểu được, làm sao tôi có thể về nhà đây?

Tệ hơn thế, chẳng có ai tôi có thể tâm sự về việc đó. Kể với bố thì không được rồi. Emma thường xuyên đưa ra những lý lẽ tha thiết để thuyết phục tôi ở lại, song chẳng có lời nào trong đó nhắc đến cuộc sống tôi sẽ phải từ bỏ (cho dù nó có tầm thường đến đâu đi nữa), hay sự biến mất đột ngột không thể lý giải nổi của đứa con duy nhất có thể tác động thế nào tới bố mẹ tôi, hay cảm giác tù túng ngột ngạt mà chính Emma đã thú nhận cô cảm thấy khi ở trong vòng thời gian. Cô hẳn sẽ chỉ nói, “Sẽ tốt hơn khi có cậu ở đây.”

Bà Peregrine còn chẳng giúp được bằng chừng đó. Câu trả lời duy nhất của bà là bà không thể đưa ra một quyết định như thế cho tôi dù tôi chỉ muốn nói đến cùng cho rõ. Dẫu vậy, rõ ràng bà muốn tôi ở lại ngoài sự an toàn của bản thân tôi, sự hiện diện của tôi trong vòng thời gian sẽ làm cho những người khác an toàn hơn. Nhưng tôi không có hứng thú với ý tưởng dành cả cuộc đời mình làm lính canh cho họ. (Tôi bắt đầu ngờ rằng ông tôi đã có cảm giác tương tự, và đó là một phần lý do ông từ chối quay lại sau chiến tranh.)

Gia nhập cùng đám trẻ đặc biệt cũng sẽ có nghĩa là tôi không thể học xong trung học hay vào đại học, hoặc làm bất cứ việc gì trong số những điều bình thường người ta vẫn làm khi trưởng thành. Đến đây, tôi lại phải nhắc nhở bản thân liên tục là tôi không phải người bình thường, và chừng nào các hồn rỗng còn tiếp tục săn đuổi tôi, bất cứ cuộc sống nào bên ngoài vòng cũng sẽ gần như chắc chắn rất ngăn ngại. Tôi sẽ phải dành phần đời

còn lại của mình sống trong sợ hãi, luôn phải nhìn trước ngó sau, bị những cơn ác mộng giày vò, chờ đợi khoảnh khắc khi cuối cùng chúng cũng tới và tiễn tôi sang thế giới bên kia. Đoạn kết này nghe còn ngán ngẩm hơn nhiều so với chuyện bỏ lỡ đại học.

Sau đó tôi nghĩ: chẳng lẽ không có lựa chọn thứ ba sao? Chẳng lẽ tôi không thể như ông nội Portman, trong năm mươi năm đã sống thoải mái và đánh bại đám hồn rỗng ở bên ngoài vòng thời gian sao? Đến đây, giọng nói tự ti trong đầu tôi lại chen vào.

Ông đã được huấn luyện trong quân ngũ, đồ ngốc. Ông là một tay cứng cựa có cái đầu lạnh. Ông chẳng khác gì một kho vũ khí di động đầy ắp súng gấn đạn ghém nòng ngắn. Dem so với cậu thì ông đúng là Rambo đấy.

Tôi có thể đăng ký một lớp học bắn súng, phân lạc quan trong tôi liền nghĩ. *Học Karate. Rèn luyện thể lực.*

Đùa đấy à, anh bạn? Cậu thậm chí còn chẳng thể bảo vệ nổi bản thân ở trường trung học! Cậu phải mua chuộc thằng nhóc lỗ mãng kia làm vệ sĩ cho mình. Và chỉ cần chĩa một khẩu súng thật vào ai đó thôi là cậu đã tè cả ra quần rồi.

Không, tôi sẽ không như thế.

Cậu là một kẻ yếu đuối. Cậu là một kẻ thua cuộc. Đó là lí do vì sao ông nội không bao giờ nói cho cậu biết cậu thực sự là ai. Ông biết cậu sẽ không thể gánh vác nổi điều đó.

Im đi. Im đi.

Suốt nhiều ngày tôi cứ nghiêng đi ngã lại giữa hai dòng nước như thế. Ở lại hay ra đi. Tôi bị ám ảnh triền miên mà không tìm ra nổi một giải pháp nào. Trong khi đó, bố đã hoàn toàn cạn hứng với cuốn sách của mình. Ông càng làm việc ít đi thì càng trở nên thoái chí nhiều hơn, và càng thoái chí thì ông lại càng dành nhiều thời gian hơn ở quày bar. Tôi chưa bao giờ thấy ông uống kiêu đó trước đây - sáu bảy chai bia một tối - và tôi không muốn ở gần bố khi ông như vậy. Tâm trạng ông rất tệ, và những lúc không làm lì im lặng, ông sẽ nói với tôi những điều tôi thực sự không muốn biết.

“Thế nào cũng có ngày mẹ con bỏ bố”, ông nói vào một buổi tối. “Nếu bố không làm ra được gì đó thật sớm, bố thực sự nghĩ mẹ sẽ làm thế.”

Tôi bắt đầu tránh ông. Tôi không chắc thậm chí ông nhận ra điều đó. Việc nói dối lúc đi về với tôi trở nên dễ dàng đến phát nản.

Trong lúc đó, tại trại trẻ đặc biệt, bà Peregrine áp đặt tình trạng gần như khóa trái cửa. Cứ như thể tình trạng thiết quân luật vừa được ban bố: những đứa trẻ ít tuổi hơn không được phép đi đâu mà không có người đi cùng, những đứa trẻ lớn hơn cần đi theo cặp, và bà Peregrine phải biết tất cả mọi người đang ở đâu vào bất cứ lúc nào. Chỉ nguyên việc xin được ra ngoài cũng đã khổ công lắm rồi.

Những người trực gác được cắt cử luân phiên để quan sát đằng trước và đằng sau trại trẻ. Vào bất cứ lúc nào, cả ban ngày và phần lớn buổi đêm, bạn cũng có thể thấy những khuôn mặt buồn chán đang ngó ra qua các cửa sổ. Nếu trông thấy ai đó lại gần, họ sẽ giật một sợi dây kéo làm rung một cái chuông trong phòng bà Peregrine, nghĩa là bất cứ khi nào tôi tới nơi, bà cũng đang đợi bên trong cửa để thẩm vấn tôi. Tình hình bên ngoài vòng thế nào? Tôi có thấy gì lạ không? Tôi có chắc mình không bị bám theo không?

Không mấy ngạc nhiên, đám trẻ bắt đầu trở nên bứt rứt. Những đứa bé trở nên cáu bẳn trong khi những đứa lớn hơn rầu rĩ, phàn nàn về những quy định mới với giọng vừa đủ lớn để người khác nghe thấy. Những tiếng thở dài ngao ngán chọt vang lên trong không khí thường là manh mối duy nhất cho biết Millard vừa lang thang vào một căn phòng. Bầy ong của Hugh bay khắp nơi và đốt mọi người cho tới khi chúng bị cấm cửa bên ngoài nhà, sau đó Hugh dành toàn bộ thời gian ngồi bên khung kính cửa sổ, trong khi bầy ong của cậu ta bu đầy bên kia mặt kính.

Olive, tuyên bố cô đã để thất lạc mất đôi giày trọng lực của mình, thường xuyên bò qua bò lại trên trần nhà như một con ruồi, rắc những hạt gạo xuống đầu người khác cho tới khi họ ngẩng đầu lên và nhận ra cô, lúc đó cô mới phá lên cười hết cỡ, tới mức khả năng bay của cô không còn được duy trì, và cô phải bám vào một chùm đèn hay một thanh treo rèm để khỏi bị rơi xuống. Lạ lùng hơn cả là Enoch, cậu này biến mất xuống phòng thí nghiệm

dưới tầng hầm để thực hiện các thí nghiệm giải phẫu có thể khiến Tiến sĩ Frankenstein phải cúi đầu ngưỡng mộ trên đám lính đất sét của mình: cắt cụt chân hai chú lính để biến chú lính thứ ba thành một thứ người nhện quái gở, hay nhét bốn quả tim gà vào một lồng ngực duy nhất trong nỗ lực nhằm tạo nên một siêu nhân đất sét không bao giờ cạn năng lượng. Lần lượt, những thân thể bé nhỏ màu xám của chúng đều gục ngã dưới thử thách, và tầng hầm thành ra giống một quân y viện dã chiến thời Nội chiến.

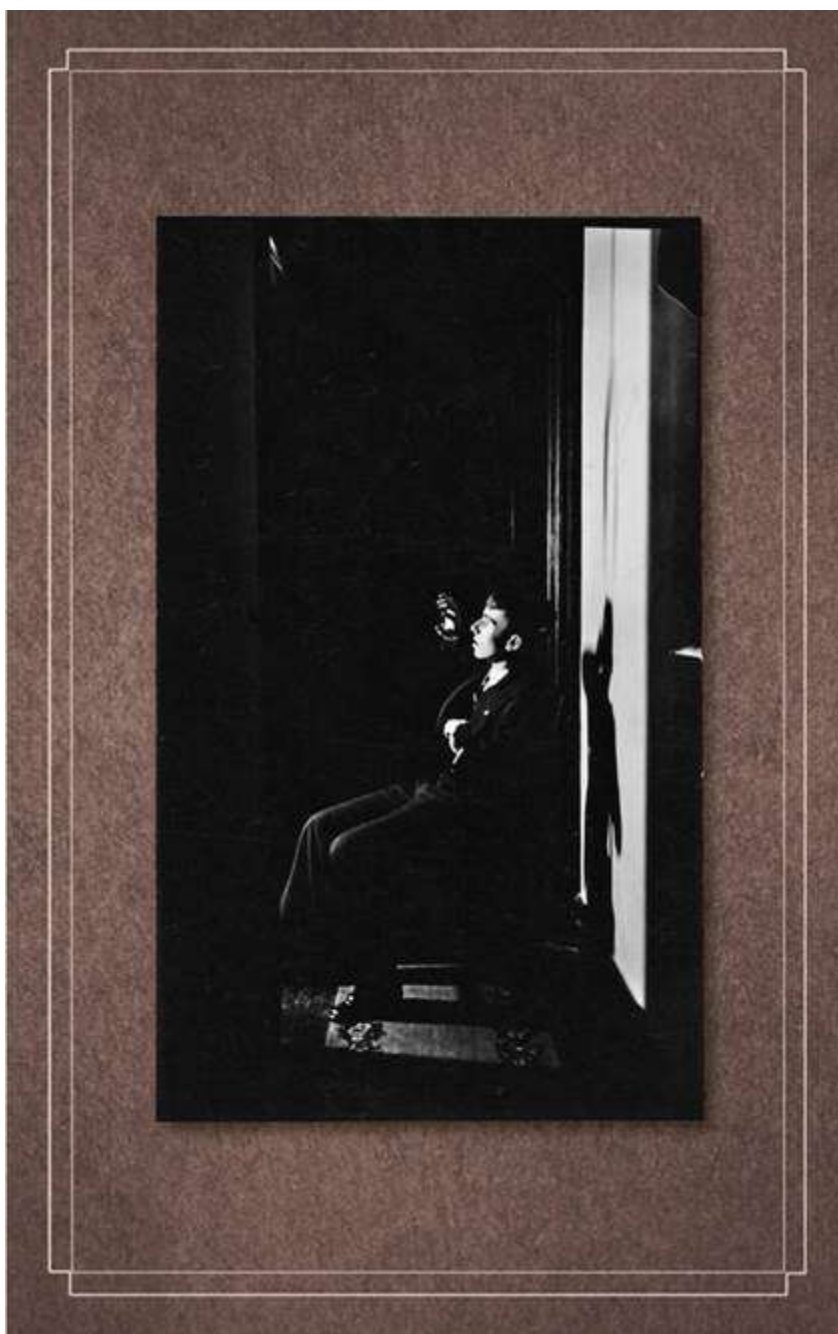
Về phần mình, bà Peregrine cứ luôn tay luôn chân, hút hết tẩu thuốc này đến tẩu thuốc khác trong khi tập tễnh đi từ phòng này sang phòng khác để kiểm tra đám trẻ như thể chỉ rời khỏi tầm mắt bà là chúng có thể biến mất ngay lập tức. Bà Avocet ở lại, thỉnh thoảng lại thức tỉnh khỏi cơn mê mệt để lang thang theo các hành lang, khỏ sở gọi tên những đứa trẻ tội nghiệp bị bỏ rơi của bà trước khi ngã quy trên tay ai đó để rồi được đưa trở lại giường. Tiếp theo là vô vàn phỏng đoán hoang tưởng về tai họa bi thảm của bà Avocet cùng lý do tại sao các hồn rỗng lại muốn bắt cóc các Chủ Vòng Thời Gian, với đủ giả thuyết từ kỳ quái (như để tạo ra vòng thời gian lớn nhất trong lịch sử, đủ để bao trùm cả hành tinh) đến lạc quan một cách lộ bịch (như để làm bạn chơi với các hồn rỗng, một quái vật khủng khiếp chuyên ăn các linh hồn cũng có thể trở nên vô cùng cô đơn).

Cuối cùng, một sự im lặng nặng nề đè nặng lên trại trẻ. Hai ngày giam hãm đã làm tắt cả mọi người bơ phờ. Tin rằng hoạt động thường nhật là cách tốt nhất chống lại trầm uất, bà Peregrine cố gắng thu hút sự quan tâm của mọi người bằng việc chuẩn bị các bữa ăn mỗi ngày, và bằng cách giữ cho ngôi nhà ngăn nắp sạch sẽ. Nhưng bất cứ khi nào không nhận lệnh trực tiếp là phải làm gì đó, đám trẻ lại nặng nề ngồi ủ rũ xuống những chiếc ghế tựa, mắt nhìn chăm chăm vô hồn qua các khung cửa sổ khóa trái, lần giờ những cuốn sách quăn mép chúng đã đọc qua cả trăm lần trước đó hay ngủ.

Tôi chưa bao giờ tận mắt thấy năng lực đặc biệt của Horace cho đến một buổi tối cậu ta bắt đầu la hét. Đám chúng tôi hồi hả lao lên cầu thang tới chỗ tầng áp mái, nơi cậu ta đang làm nhiệm vụ cảnh giới và bắt gặp cậu ta cứng đờ trên một chiếc ghế, hai bàn tay chơi với quờ quạng trong không khí đầy kính hãi, như thể đang cố bầu vịu lấy thứ gì đó trong cơn ác mộng. Thoạt

đầu, cậu ta chỉ la ầm ĩ, nhưng sau đó bắt đầu lấp bắp, gào thét về cái gì mà mặt biển sôi sùng sục và tro trút xuống như mưa từ trên bầu trời và một thảm khói vô tận phủ kín mặt đất. Sau vài phút không ngừng lảm nhảm những lời tiên đoán như về tận thế này, có vẻ đã kiệt sức, cậu ta chìm vào giấc ngủ chập chờn.

Những người khác đã chứng kiến chuyện này xảy ra trước đây - thường xuyên đến mức có cả ảnh chụp những lần lên đồng của cậu ta trong cuốn album của bà Peregrine và họ biết phải làm gì. Theo chỉ dẫn của cô phụ trách, đám trẻ khiêng cậu ta về giường, và khi tỉnh lại vài giờ sau đó cậu ta khẳng định không nhớ gì về giấc mơ, mà những giấc mơ cậu ta không thể nhớ được thì hiếm khi trở thành sự thật. Những người khác chấp nhận điều này vì họ còn có quá nhiều điều khác để lo lắng. Tôi cảm thấy cậu ta đang giấu chuyện gì đó.



Khi ai đó mất tích ở một thị trấn nhỏ bé như Cairnholm, người ta sẽ nhận ra ngay. Chính vì vậy, vào thứ Tư, khi ông Martin không mở cửa bảo tàng như thường lệ hay rẽ vào Priest Hole làm một chén rượu tối theo thói quen, người ta bắt đầu băn khoăn liệu có phải ông ta bị ốm hay không, và khi vợ Kev đến nhà ông ta kiểm tra, bà ta thấy cửa trước để mở, ví và kính của ông Martin để trên quầy bếp nhưng không có ai trong nhà, người ta bắt đầu bàn tán liệu có phải ông ta đã chết. Khi thấy ông ta vẫn không xuất hiện vào ngày hôm sau, một đám đàn ông được phái đi mở cửa tất cả các chuông gia

súc, tìm bên dưới những chiếc thuyền lật úp, tìm kiếm ở mọi nơi xem biết đâu người đàn ông độc thân mê whisky này say quá mà ngủ quên mất. Nhưng họ chỉ mới bắt đầu thì có một cuộc gọi qua radio sóng ngắn cho biết: thi thể ông Martin đã được kéo lên ngoài biển.

Khi người ngư dân đã tìm thấy ông ta đi vào quán rượu thì tôi đang ở đó cùng bố. Lúc đó mới tầm giữa trưa, nhưng ông này vẫn được đưa cho một chai bia theo đúng nguyên tắc phục vụ, và chỉ trong vòng vài phút, người đàn ông đã thuật lại câu chuyện của mình.

“Lúc đó tôi đang ở trên chõ mũi Gannet để kéo lưới”, ông ta bắt đầu. “Lưới nặng kinh khủng, một chuyện thật lạ vì bình thường ở đó tôi chỉ kéo được rất ít, gần như chẳng có gì, vài con tôm vớ vẩn, thế thôi. Nghĩ rằng mình đã kéo phải một lồng bẫy cua, tôi liền vớ lấy cây lao có mấu và quờ quạng bên dưới thuyền cho tới khi nó móc vào thứ gì đó.” Tất cả chúng tôi cùng nhích người lui lại trên ghế của mình, như thể đang trong giờ kể chuyện tại một trường mẫu giáo quái gở nào đó. “Đó chính là Martin. Có vẻ như ông ta đã rơi từ trên một vách đá xuống và bị đám cá mập rĩa. Có Chúa mới biết ông ta lang thang làm gì ngoài chõ vách đá giữa đêm khuya trong khi chỉ choàng độc cái áo và đi dép.”

“Ông ta không mặc đồ à?” Kev hỏi.

“Có lẽ đồ để ngủ thôi”, người ngư dân nói. “Không phải để ra ngoài trời mưa.”

Người ta cầu nguyện vài lời ngắn ngủi cho linh hồn ông Martin, đoạn bắt đầu trao đổi các giả thiết. Chỉ trong vòng vài phút, quán rượu trở thành nơi họp bàn mật mờ khói thuốc của các Sherlock Holmes chính choáng hơi men.

“Có thể ông ta say”, một người đoán liêu.

“Mà nếu ông ta lang thang ra chõ vách đá, có thể ông ta chính là kẻ giết cừu và lúc đó đang bị săn đuổi”, một người khác nói.

“Thế còn cái gã mới tới trông như con sóc ấy thì sao?” ông ngư dân kia nói. “Cái tay vẫn cầm trại ấy.”

Bố tôi thẳng người dậy trên cái ghế đầu chân cao đang ngồi. “Tôi đã bắt gặp anh ta”, ông nói. “Tối hôm kia.”

Tôi ngạc nhiên quay sang bố. “Sao bố chẳng kể gì với con?”

“Tôi cố đến nhà thuốc trước khi đóng cửa, còn anh chàng này đi theo hướng ngược lại, ra khỏi thị trấn. Có vẻ rất vội. Tôi đụng vào vai anh ta khi anh ta đi ngang qua và làm anh ta bực mình. Anh ta dừng lại nhìn chằm chằm vào tôi. Cố dọa nạt. Tôi nhìn thẳng vào mặt anh ta, bảo là tôi muốn biết anh ta đang làm gì ở đây, đang có mục đích gì. Ở đây ai cũng nói về mình cả, tôi nói vậy.”

Kev cúi người qua quầy bar. “Và?”

“Trông anh ta như sắp sửa đâm tôi một cú, nhưng rồi chỉ bỏ đi.”

Rất nhiều người thắc mắc - một nhà điều cầm học thì làm gì, tại sao tay kia lại cầm trại, và nhiều điều khác tôi vốn đã biết. Tôi chỉ có một câu đang nóng lòng muốn hỏi. “Bố có để ý thấy điều gì lạ về ông ta không? Khuôn mặt ấy?”

Bố tôi nghĩ trong giây lát. “À, thực ra thì có. Anh ta đeo kính râm.”

“Vào buổi tối sao?”

“Nghe thật kỳ cục.”

Cảm giác buồn nôn cuộn lên trong tôi, và tôi tự hỏi bố tôi đã cặn kẽ một chuyện còn tồi tệ hơn một cuộc so nắm đấm đến mức nào. Tôi biết mình cần phải kể cho bà Peregrine biết chuyện này - và thật sớm.

“À, khi thật”, Kev nói. “Đã hàng trăm năm nay không có vụ giết người nào ở Cairnholm. Tại sao lại có ai đó muốn giết ông già Martin chứ? Nghe chẳng có lý gì cả. Tôi dám cược một châu cho tất cả các vị là kết quả giải phẫu tử thi được trả về sẽ cho thấy ông ta đã xin quốc càn câu.”

“Có thể phải mất khá lâu trước khi có kết quả đấy”, ông ngư dân nói. “Con bão đang tràn đến, người dự báo thời tiết nói nó sẽ rất dữ dội. Trận bão tệ nhất chúng ta phải chịu trong cả năm nay.”

“Người dự báo thời tiết nói”, Kev dè bieu. “Tôi sẽ không tin gã khôn ngớ ngần ấy biết liệu bây giờ trời có đang mưa hay không.”

Người dân trên đảo thường đưa ra những dự báo ảm đạm về những gì Mẹ Thiên nhiên định dành cho Cairnholm - nói gì thì nói, họ cũng nằm dưới sự khống chế của các yếu tố thiên nhiên, và bản chất vốn đã bi quan nhưng lần này những lo ngại tồi tệ nhất của họ đã được xác nhận. Gió và mưa vốn trút xuống hòn đảo suốt cả tuần đến tối hôm ấy bỗng mạnh lên thành một cơn bão tồi tệ ập tới tới sầm trời đất và làm mặt biển cuộn sóng ngẫu bọt. Giữa những tin đồn về việc ông Martin đã bị sát hại và thời tiết thị trấn cũng rơi vào cảnh cửa đóng then cài chẳng kém gì trại trẻ. Mọi người ở tịt trong nhà. Các cánh cửa chớp đóng chặt, cửa ra vào được cài chốt chặt. Ngoài bến đậu, các con thuyền va đập vào nhau trong cơn sóng mạnh nhưng không chiếc nào rời bến ra khơi trong một cơn cuồng phong như vậy chẳng khác gì tự sát. Và bởi vì cảnh sát trong đất liền không thể ra nhận thi thể ông Martin cho tới khi biển lặng, cư dân thị trấn buộc phải giải quyết câu hỏi phiền toái về chuyện cần làm gì với cái xác. Cuối cùng, người ta quyết định rằng ông chủ hàng cá, người tích trữ nhiều nước đá nhất trên đảo, sẽ giữ lạnh nạn nhân đằng sau cửa hàng của mình, giữa những con cá hồi, cá tuyết và các thứ hải sản khác. Những thứ cũng giống như ông Martin, đã được vớt lên từ biển.

Tôi phải nghe theo yêu cầu nghiêm khắc của bố là không được rời Priest Hole, nhưng tôi cũng bị ràng buộc bởi yêu cầu của bà Peregrine phải báo lại bất cứ sự lạ nào xảy ra - và nếu một cái chết đáng ngờ không phải là sự lạ thì chẳng còn gì đáng gọi như vậy nữa. Thế là tối đó tôi giả bộ bị cúm và khóa trái mình lại trong phòng, sau đó trèo qua cửa sổ rồi tụt xuống đất theo ống thoát nước. Không còn ai ngờ ngần đến mức mò ra ngoài, vì thế tôi chạy một mạch theo đường cái mà không sợ bị phát hiện, mũ trùm áo khoác đập phành phạch dưới cơn mưa như roi quất.

Khi tôi tới trại trẻ, bà Peregrine đưa mắt nhìn tôi một cái là biết ngay có chuyện gì đó không ổn. “Có chuyện gì xảy ra vậy?” bà hỏi, đôi mắt nổi đầy tia máu nhìn khắp người tôi dò hỏi.

Tôi kể lại tất cả với bà, mọi chi tiết vụn vặt và những tin đồn tôi hóng được, mặt bà liền tái nhợt. Bà hồi hải kéo tôi vào trong phòng khách, trong cơn hốt hoảng, bà đã tập hợp tất cả những đứa trẻ có thể tìm thấy lại đó rồi vội vã tập tễnh bước ra tìm số ít còn lại đã tăng lời tiếng gọi của bà. Số còn lại bị để đứng đó, lo lắng và bối rối.

Emma và Millard đôn tôi vào góc. “Tại sao cô lại cuống lên thế?” Millard hỏi.

Tôi khẽ kể cho họ biết về ông Martin. Millard tặc lưỡi còn Emma khoanh tay lại, trông có vẻ lo lắng.

“Có thực là nghiêm trọng đến thế không?” tôi hỏi.

“Ý tứ là, chuyện đó không thể do các hồn rỗng gây ra. Chúng chỉ săn đuổi người đặc biệt thôi, phải không?”

Emma rên lên. “Cậu muốn nói cho cậu ấy biết, hay tớ sẽ nói đây?”

“Hồn rỗng ưa thích người đặc biệt hơn nhiều so với người thường”, Millard giải thích, “nhưng chúng có thể ăn thịt bất cứ cái gì để sống, miễn đó là cơ thể sống và có máu thịt.”

“Đó là một trong những cách để cậu biết có thể có một hồn rỗng lẩn khuất xung quanh”, Emma nói. “Xác chết sẽ liên tục xuất hiện. Đó là lý do vì sao chúng chủ yếu du cư. Nếu chúng không thường xuyên di chuyển từ nơi này sang nơi khác, người ta sẽ rất dễ lần ra chúng.”

“Thường xuyên đến mức nào?” tôi hỏi, một cơn ớn lạnh chạy dọc theo sống lưng. “Ý tứ là chúng có cần ăn không?”

“À, rất thường xuyên”, Millard nói. “Xoay xở bữa ăn cho đám hồn rỗng là việc đảm xác sống dành phần lớn thời gian của chúng để làm. Chúng tìm kiếm những người đặc biệt khi có thể, nhưng một phần đáng kể công sức và nỗ lực của chúng là dành cho việc lùng tìm những nạn nhân bình thường, cả thú vật lẫn người, cho bọn hồn rỗng, sau đó xóa dấu vết.” Cậu ta nói đầy vẻ uyên bác, như thể đang bàn luận về thói quen sinh sản của một loài gặm nhấm tương đối thú vị nào đó.

“Nhưng đám xác sống không bị bắt sao?” tôi nói. “Ý tớ là chúng tiếp tay cho việc giết người, các cậu có nghĩ...”

“Một số bị bắt”, Emma nói. “Tớ cược là cậu đã nghe thấy không ít, nếu cậu theo dõi tin tức. Có một gã bị người ta tìm thấy cùng những cái đầu người để trong thùng lạnh và một cái nồi to đựng đầy phủ tạng băm nhỏ đang đun sôi lăn tăn, cứ như thể hắn đang chuẩn bị bữa tối Giáng sinh vậy. Tính theo thời đại của cậu thì chuyện này xảy ra cũng chưa lâu lắm.”

Tôi nhớ - chỉ lơ mờ - về một chương trình ti vi đặc biệt giật gân phát lúc tối muộn về một kẻ giết người hàng loạt và ăn thịt người ở Milwaukee, hắn đã bị bắt trong hoàn cảnh ghê rợn tương tự.

“Ý cậu là... Jeffrey Dahmer?”

“Tớ tin rằng đó là tên của quý ông nọ, phải”, Millard nói. “Một vụ đáng kinh ngạc. Dường như hắn chưa bao giờ mất đi sự thèm muốn thịt sống, cho dù hắn đã không còn là hồn rỗng trong nhiều năm.”

“Tớ cứ nghĩ các cậu đáng lẽ không biết gì về tương lai cơ đấy”, tôi nói.

Emma mỉm cười dè dặt. “Chim chỉ giữ lại những điều tốt ở tương lai cho riêng cô ấy, nhưng cậu có thể cược là bọn tớ được nghe tất cả những chuyện khiến người ta bĩn ra quần.”

Sau đó, bà Peregrine quay lại, nắm tay áo Enoch và Horace lôi theo sau. Tất cả mọi người đều đứng nghiêm.

“Chúng ta vừa được biết tin về một mối đe dọa mới”, bà nói, rồi dành cho tôi một cái gật đầu tán thưởng. “Một người đàn ông bên ngoài vòng của chúng ta đã chết một cách đáng ngờ. Chúng ta không thể biết chắc nguyên nhân cái chết hay liệu điều đó có báo hiệu một mối đe dọa cho sự an toàn của chúng ta hay không, nhưng chúng ta cần xử sự như thể là có. Cho tới khi có thêm thông báo, không ai được phép ra khỏi nhà, thậm chí là để hái rau hay mua một con ngỗng về cho bữa tối.”

Tất cả cùng rên lên, đáp lại, bà Peregrine cao giọng, “Mấy ngày vừa rồi đúng là thử thách với tất cả chúng ta. Cô mong các em hãy tiếp tục kiên nhẫn.”

Những bàn tay giơ lên quanh phòng, nhưng bà dứt khoát từ chối mọi câu hỏi và đi ra ngoài để khóa các cửa ra vào. Tôi hốt hoảng chạy theo bà. Nếu thực sự có thứ gì đó nguy hiểm trên đảo, nó có thể giết tôi ngay khi tôi bước chân ra bên ngoài vòng. Nhưng nếu ở lại đây, tôi sẽ bỏ mặc bố tôi không được bảo vệ, đó là chưa kể tới việc ông sẽ lo điên lên vì tôi. Điều đó có vẻ còn tồi tệ hơn.

“Cháu cần đi”, tôi nói khi bắt kịp bà Peregrine.

Bà kéo tôi vào trong một căn phòng trống rồi đóng cửa lại. “Cậu phải hạ giọng xuống”, bà ra lệnh, “và cậu phải tôn trọng quy định của ta. Những gì ta đã nói áp dụng cho cả cậu nữa. Không ai rời khỏi trại trẻ này hết.”

“Nhưng...”

“Cho tới giờ ta đã cho cậu quyền tự chủ chưa hề có tiền lệ trong việc đến và đi như cậu muốn, xuất phát từ việc tôn trọng vị thế đặc biệt của cậu. Nhưng có thể cậu đã bị bám theo tới đây, và việc đó đẩy tính mạng những đứa trẻ ta quản lý vào cảnh rủi ro. Ta sẽ không cho phép cậu gây nguy hiểm cho chúng - hay cho chính cậu - thêm nữa.”

“Bà không hiểu sao?” tôi bực bội nói. “Thuyền không thể ra khơi được. Những người dân trong thị trấn đang mắc kẹt. Bố cháu cũng mắc kẹt. Nếu thực sự có một xác sống, và hẳn chính là kẻ cháu đã nghĩ, thì thiếu chút nữa hẳn và bố cháu đã đánh nhau rồi. Nếu hẳn vừa đem một người hoàn toàn xa lạ ra làm môi cho một con hồn rỗng thì bà nghĩ xem hẳn sẽ tìm đến ai tiếp theo?”

Khuôn mặt bà vẫn như tạc bằng đá. “An nguy của cư dân thị trấn không phải là trách nhiệm của ta”, bà nói. “Ta sẽ không đẩy đám trẻ ta phụ trách vào cảnh nguy hiểm. Dù vì bất kì ai.”

“Đó không chỉ là cư dân thị trấn. Còn là bố cháu nữa. Bà thực sự nghĩ vài cánh cửa khóa trái có thể ngăn cản cháu ra đi sao?”

“Có thể là không. Nhưng nếu cậu khẳng khẳng muốn rời khỏi đây, ta kiên quyết yêu cầu cậu không bao giờ quay lại nữa.”

Tôi bị sốc đến mức phải bật cười. “Nhưng bà cần cháu”, tôi nói.

“Phải, chúng ta cần cậu”, bà đáp. “Rất cần.”

Tôi đứng đờ đờ lao lên lầu tới phòng Emma. Bên trong là một cảnh tuyệt vọng dường như bước ra từ một bức tranh của Norman Rockwell, nếu Norman Rockwell từng vẽ những người trải qua thời gian khổ sở trong tù. Bronwyn nhìn chăm chăm vô hồn ra ngoài cửa sổ. Enoch ngồi dưới sàn, chuốt gọt một khối đất sét cứng. Emma đang ngồi bên mép giường, hai khuỷu tay chống lên đầu gối, xé những tờ giấy ra từ một cuốn sổ tay rồi đốt cháy chúng giữa các ngón tay mình.

“Cậu đây rồi!” cô thốt lên khi tôi bước vào.

“Tớ đã đi đâu”, tôi đáp. “Bà Peregrine không cho tớ đi.” Mọi người lắng nghe trong khi tôi giải thích cảnh tiến thoái lưỡng nan của mình. “Tớ sẽ bị cầm trở lại nếu cô rời đi.”

Cả cuốn sổ tay của Emma đã cháy hết. “Cô ấy không thể làm thế!” cô kêu lên, không hề để ý đến ngọn lửa đang liếm vào bàn tay mình.

“Cô ấy có thể làm những gì cô ấy thích”, Bronwyn nói. “Cô ấy là Chim.”

Emma ném cuốn sổ của cô xuống và dập tắt lửa.

“Tớ tới chỉ để nói cho cậu biết tớ sẽ đi, dù bà ấy có muốn hay không. Tớ sẽ không để bị cầm tù, và tớ sẽ không rúc đầu tìm chỗ trốn trong khi chính bố tớ đang gặp nguy hiểm thực sự.”

“Vậy tớ sẽ đi với cậu”, Emma nói.

“Cậu đùa à”, Bronwyn lên tiếng.

“Tớ nghiêm túc đấy.”

“Điều cậu đang nói thật ngớ ngẩn”, Enoch nói. “Cậu sẽ biến thành một quả mận héo nhăn nheo, và vì cái gì chứ? Cậu ta à?”

“Tớ sẽ không bị”, Emma nói. “Cậu phải ra ngoài vòng nhiều giờ đồng hồ liền thì thời gian mới bắt kịp cậu, và chuyện này sẽ không mất nhiều thời gian đến thế, phải không nào, Jacob?”

“Đó là một ý tưởng tồi”, tôi nói.

“Ý tưởng tồi là sao?” Enoch nói. “Bạn ấy thậm chí còn chẳng biết mình đang mạo hiểm tính mạng để làm gì.”

“Cô phụ trách sẽ không thích chuyện này đâu”, Bronwyn nói, chỉ ra chuyện đương nhiên. “Cô sẽ *giết* bọn tớ mất. Em.”

Emma đứng dậy và đóng cửa. “Cô ấy sẽ không giết chúng ta”, cô nói, “những con quái vật kia thì có. Và dù chúng không làm thế, thì sống như thế này có khi còn tồi tệ hơn cả chết. Chim kìm chúng ta chặt đến mức chúng ta hầu như không thở nổi nữa, và tất cả chỉ vì cô ấy không có đủ can đảm để đối đầu với những thứ ở ngoài kia!”

“Hoặc không có ở ngoài kia”, Millard nói, tôi đã không nhận ra cậu ta vẫn ở trong phòng cùng chúng tôi.

“Nhưng cô ấy sẽ không thích điều đó”, Bronwyn nhắc lại.

Emma dấn một bước về phía bạn mình thách thức, “Cậu có thể nấp sau váy cô ấy bao lâu đây?”

“Cậu đã quên chuyện gì đã xảy ra với cô Avocet rồi sao?” Millard nói. “Chỉ khi những đứa trẻ cô ấy phụ trách rời khỏi vòng thì chúng mới bị giết và cô Bunting bị bắt cóc. Nếu chúng cứ ở yên trong vòng, hẳn đã không có gì xấu xảy ra.”

“Không gì xấu ư?” Emma nói đầy nghi ngờ. “Phải, đúng là các hồn rỗng không thể đi qua các vòng. Nhưng xác sống có thể, và cũng chính theo cách đó đám trẻ bị lừa rời khỏi vòng. Chẳng lẽ chúng ta cứ ngồi im đợi chúng tìm tới tận cửa nhà mình sao? Sẽ thế nào nếu thay vì những lột nguy trang khôn ngoan, lần này chúng mang súng tới?”

“Đó là điều tớ sẽ làm”, Enoch nói. “Đợi cho tới khi tất cả đã ngủ say, tớ sẽ chui xuống ống khói như ông già Noel và ĐOÀNG!” Cậu ta làm bộ bắn một khẩu súng lục tưởng tượng vào cái gối của Emma. “Ốc bắn đầy tương.”

“Cảm ơn cậu vì mấy câu vừa rồi”, Millard thở dài nói.

“Chúng ta cần tấn công chúng trước khi chúng biết là chúng ta biết chúng ở đó”, Emma nói, “trong khi chúng ta vẫn còn yếu tố bất ngờ.”

“Nhưng chúng ta không biết chúng ở đâu!” Millard nói.

“Chúng ta sẽ tìm ra.”

“Và cậu định sẽ làm việc đó như thế nào? Lang thang khắp nơi cho tới khi cậu thấy một hòn rỗng à? Khi đó thì sao? ‘Thứ lỗi cho tôi, chúng tôi đang tự hỏi ngài dự định ăn thịt chúng tôi thế nào’ chắc?”

“Chúng ta có Jacob”, Bronwyn nói. “Cậu ấy có thể nhìn thấy chúng.”

Tôi cảm thấy họng mình thất lại, ý thức được rằng nếu đội săn lùng này hình thành, về mặt nào đó tôi sẽ là người chịu trách nhiệm an nguy của mọi người.

“Tớ mới chỉ nhìn thấy một con thôi”, tôi cảnh báo họ. “Vì thế tớ không thể gọi bản thân là một chuyên gia thực sự được.”

“Và nếu cậu ấy không tình cờ thấy được con nào thì sao?” Millard nói. “Điều đó có thể nghĩa là chẳng có con quái vật nào hoặc chúng đang lẩn trốn. Cậu vẫn sẽ chẳng có manh mối nào, cũng như chắc chắn lúc này đang không có.”

Khắp xung quanh là những cặp lông mày cau lại. Millard có lý.

“À, có vẻ là lý trí lại thắng cuộc rồi”, cậu ta nói. “Tớ đi xuống lấy ít cháo để ăn tối đây, có ai trong mấy nhân vật muốn nổi loạn các cậu thích đi cùng không?”

Lò xo giường kêu cọt két khi cậu ta đứng dậy đi ra cửa. Nhưng cậu ta chưa kịp ra khỏi phòng, Enoch đã đứng bật dậy và reo lên, “Tớ nghĩ ra rồi!”

Millard dừng lại. “Nghĩ ra cái gì?”

Enoch quay sang tôi. “Người đàn ông có thể đã bị một hòn rỗng ăn thịt mà cũng có thể là không đó - cậu có biết người ta giữ xác ông ta ở đâu không?”

“Ở chỗ hàng cá.”

Cậu ta xoa xoa hai bàn tay vào nhau. “VẬY thì tớ biết chúng ta có thể xác minh bằng cách nào rồi.”

“Bằng cách nào đây?” Millard hỏi.

“Chúng ta sẽ hỏi ông ta.”

Một đội thám thính được thành lập. Đi cùng tôi sẽ có Emma, cô thẳng thừng từ chối để tôi đi một mình, Bronwyn, người rất không thích chọc giận bà Peregrine nhưng khăng khăng quả quyết chúng tôi cần sự bảo vệ của cô, và Enoch, người nghĩ ra kế hoạch chúng tôi định thực hiện. Millard, thì dù khả năng tàng hình của cậu ta có thể rất hữu ích nhưng cậu ta không muốn dính dáng vào chuyện này, và chúng tôi đã phải mua chuộc để cậu ta khỏi ton hót về chúng tôi.

“Nếu tất cả chúng ta đi”, Emma lý luận, “Chim sẽ không thể trục xuất Jacob. Cô sẽ phải trục xuất cả bốn chúng ta.”

“Nhưng tớ không muốn bị trục xuất!” Bronwyn nói.

“Cô sẽ không bao giờ làm thế, Wyn. Đó chính là điểm quan trọng. Và nếu chúng ta có thể quay về trước giờ tắt đèn, có khi cô còn chẳng biết chúng ta đã đi.”

Tôi lấy làm ngờ về chuyện đó, nhưng tất cả chúng tôi đều đồng ý là đáng thử một phen.

Chuyến đi diễn ra như một cuộc vượt ngục. Sau bữa tối, khi trại trẻ ở vào thời điểm hỗn độn nhất và bà Peregrine bị phân tâm nhất, Emma giả bộ tới phòng khách, còn tôi tới phòng học. Chúng tôi gặp nhau vài phút sau đó ở cuối hành lang trên lầu, tại đó một cái nắp hình chữ nhật trên trần được kéo xuống để lộ một chiếc thang. Emma leo lên, tôi theo sau, đóng kín nắp trở lại sau lưng, thế là hai chúng tôi ở trên một khoang áp mái chật chội, tối tăm. Ở cuối khoang áp mái ấy có một ống thông hơi có thể dễ dàng vặn ốc tháo ra, dẫn tới một phần mái phẳng.

Chúng tôi bước ra ngoài trời đêm và gặp những người khác đã đợi sẵn. Bronwyn dành cho mỗi chúng tôi một cái ôm tương xứng muốn sụn lưng rồi

phân phát những chiếc áo mưa màu đen cô đã xoáy được, tôi đã đề nghị cả bọn mặc vào để ít nhiều chống đỡ với cơn bão đang hoành hành phía bên ngoài vòng. Tôi đang định hỏi chúng tôi định làm thế nào để xuống đất thì thấy Olive lơ lửng xuất hiện trong tầm nhìn, bay qua rìa mái nhà.

“Có ai thích chơi nhảy dù không?” cô hỏi, miệng cười hết cỡ. Cô đang chân trần và mang một sợi dây buộc lại quanh eo. Tò mò muốn biết cô được buộc vào cái gì, tôi ngó qua rìa mái xuống thì thấy Fiona, cầm dây trên tay, ló đầu qua một khung cửa sổ và vẫy tay chào tôi. Có vẻ như chúng tôi còn có tông phạm.

“Cậu đầu tiên”, Enoch nói.

“Tớ?” tôi hỏi lại, ngần ngại lùi lại khỏi rìa mái nhà.

“Ôm lấy Olive và nhảy xuống”, Emma nói.

“Tớ không nhớ kế hoạch này có bao gồm chuyện tớ phải đập vỡ xương chậu mình.”

“Cậu sẽ không sao đâu, đồ ngọc, nếu cậu ôm chặt lấy Olive. Sẽ rất nhộn. Chúng tớ đã làm thế vô số lần rồi.” Cô ngẫm nghĩ giây lát. “Thôi được, một lần.”

Có vẻ như không còn lựa chọn nào khác, tôi bèn trấn tĩnh lại bước tới bên rìa mái nhà. “Đừng sợ!” Olive nói.

“Cậu thì dễ rồi”, tôi đáp. “Cậu làm sao rơi được!”

Cô chìa hai cánh tay ra và ôm vòng quanh người tôi, tôi cũng ôm vòng ra sau lưng cô, và cô thì thầm, “Rồi, đi nào.” Tôi nhắm mắt lại rồi bước chân ra ngoài khoảng không. Thay vì cú rơi tôi đã sợ, chúng tôi từ từ hạ xuống mặt đất như một quả khí cầu bị xì dần helium.

“Thật nhộn”, Olive nói. “Bây giờ cậu buông tay ra đi!”

Tôi làm theo, và cô lại bay vọt lên mái, vừa bay vừa nói “Viiiu!” suốt dọc đường. Những đứa trẻ khác suýt bảo cô im lặng, rồi lần lượt từng người một, họ ôm lấy Olive và hạ xuống bên cạnh tôi. Khi đã tập hợp đầy đủ, chúng tôi bắt đầu âm thầm đi về phía khu rừng dưới mặt trăng đang lên, còn

Fiona và Olive vẫy tay chào đằng sau chúng tôi. Có thể chỉ là tôi tưởng tượng, nhưng dường như cả những sinh vật được tủa thành từ các tán cây có gió thổi qua dường như cũng đang vẫy chào chúng tôi, trong số đó Adam đang nghiêm nghị gật đầu từ biệt.

Khi chúng tôi dừng lại ở rìa đầm lầy để nghỉ lấy hơi, Enoch thò tay vào trong chiếc áo khoác căng phồng của cậu ta và lấy ra những cái bọc gói trong vải thưa. “Cầm lấy những cái này”, cậu ta nói, “Một mình tớ không mang hết được.”

“Cái gì thế này?” Bronwyn hỏi, mở lớp vải ra để lộ một tảng thịt màu nâu sẫm với những cái ống nhỏ thò từ trong ra. “Eo ôi, tanh quá”, cô kêu lên, đưa nó ra xa khỏi mình.

“Bình tĩnh nào, chỉ là một quả tim cừu thôi”, Enoch nói, dúi thứ gì đó ghê ghê có cùng kích cỡ vào tay tôi. Thứ này sặc mùi formal, và cho dù đã bọc trong vải, nó vẫn có vẻ nhớp nhớp thật khó chịu.

“Tớ sẽ ói mất nếu phải mang cái này”, Bronwyn nói.

“Tớ sẽ rất thích được thấy cảnh đó”, Enoch cần nắn, có vẻ méch lòng. “Nhét nó vào trong áo mưa của cậu và cố mà quen với nó đi.”

Chúng tôi lần theo dải đất cứng ẩm kín để vượt qua đầm lầy. Đến giờ tôi đã đi qua nơi này nhiều lần tới mức gần như quên mất nó có thể nguy hiểm tới mức nào và đã nuốt chửng bao nhiêu sinh mạng qua các thế kỷ. Bước chân lên gò mộ đá, tôi bảo tất cả mọi người cài kín khuy áo khoác của mình lại.

“Nếu chúng ta thấy ai đó thì sao?” Enoch hỏi.

“Cứ tỏ ra bình thường”, tôi nói. “Tớ sẽ nói với họ các cậu là bạn tớ từ Mỹ tới.”

“Nếu chúng ta thấy một xác sống thì sao”, Bronwyn hỏi.

“Chạy.”

“Nếu Jacob nhìn thấy một hồn rỗng thì sao?”

“Trong trường hợp đó”, Emma nói, “hãy chạy như quỷ sứ đang đuổi theo cậu.”

Lần lượt từng người một, chúng tôi chui vào trong mộ đá, biến mất khỏi buổi tối mùa hè bình lặng đó. Tất cả đều yên lặng cho tới khi chúng tôi tới cuối căn phòng trong cùng, rồi sau đó áp suất không khí tụt xuống, nhiệt độ giảm và bão tố gầm rít như một thực thể đang rống lên hết cỡ. Chúng tôi quay về phía âm thanh, hồi hộp, và trong một khoảnh khắc chỉ đứng đó lắng nghe trong khi nó gào rống ở phía miệng đường hầm. Nghe giống như một con thú bị nhốt vừa được cho thấy bữa tối của nó. Chẳng thể làm gì ngoài tự mình dẫn thân bước vào nó.

Chúng tôi quỳ gối xuống, bò vào nơi trông giống như một cái hố đen, các vì sao đã biến mất sau những đám mây tích mưa sừng sững như những ngọn núi, làn mưa rát rạt và cơn gió lạnh cóng đâm xuyên qua áo khoác chúng tôi, những tia chớp làm chúng tôi sáng lóa lên rồi khiến bóng đêm tiếp sau chúng dường như càng tối tăm hơn. Emma cố thấp một ngọn lửa, nhưng trông cô giống như một cái bật lửa hỏng, tia lửa nào lóe lên khi cô phẩy cổ tay cũng tắt phụt trước khi kịp bùng cháy, vì thế chúng tôi đành kéo áo khoác thu sát vào người, cúi gập xuống chạy dưới cơn mưa trút xối xả vượt qua đầm lầy đang dềnh rộng lên búa chặt lấy chân chúng tôi, định hướng nhờ vào trí nhớ cũng nhiều như vào đôi mắt.

Trong thị trấn, mưa trút xuống đập rầm rầm như đánh trống vào mọi cánh cửa ra vào và cửa sổ, nhưng tất cả mọi người đều ở tịt trong nhà cửa đóng then cài, chúng tôi chạy qua các đường phố ngập nước mà chẳng ai phát hiện ra, ngang qua một con cừu đơn độc bị mưa làm tối mắt đang lạc bầy kêu rống lên, qua một cái nhà vệ sinh đang tuôn những thứ nó chứa ra ngoài đường, để tới cửa hàng cá. Cửa ra vào bị khóa, nhưng bằng hai cú đá huỳnh huých Bronwyn đã hất nó mở tung vào trong. Lau khô hai bàn tay ở bên trong áo khoác, Emma cuối cùng cũng có thể thấp lửa. Trong khi những con cá tầm nhìn trừng trừng từ trong các bể thủy tinh, tôi dẫn cả toán vào trong cửa hàng, đi vòng qua cái quầy Dylan đã đứng cả ngày vừa làm bằm rửa sả vừa chặt cá thành khúc, qua một cánh cửa gỉ lỗ chỗ. Ở bên kia là một căn phòng bảo quản lạnh nhỏ, chỉ là một chái nhà sàn đất lợp tôn, tường làm

bằng những tấm ván gỗ được cưa cắt thô kệch, mưa hắt vào qua những nơi các tấm ván đã co lại tách rời nhau như những chiếc răng xấu xí. Chen chúc trong phòng là một tá những chiếc bồn hình chữ nhật kê trên các bệ đỡ bốn chân, bên trong đựng đầy đá.

“Ông ta đang ở trong cái nào?” Enoch hỏi.

“Tớ không biết”, tôi nói.

Emma đưa ngọn lửa của cô chiếu sáng xung quanh trong khi chúng tôi đi giữa những cái bồn, cố đoán xem cái nào có thể chứa bên trong thứ gì khác ngoài cá - nhưng tất cả chúng trông đều giống nhau, như những chiếc quan tài không nắp đầy đá. Chúng tôi có thể sẽ phải tìm từng bồn một cho tới khi thấy ông ta.

“Miễn cho tớ nhé”, Bronwyn nói, “tớ không muốn trông thấy ông ta. Tớ không thích những thứ chết chóc.”

“Cả tớ cũng thế, nhưng chúng ta phải làm”, Emma nói. “Chúng ta cùng hội cùng thuyền mà.”

Mỗi chúng tôi chọn một cái bồn rồi vục tay vào trong như một con chó đang bới một luống hoa quý giá, hai lòng bàn tay khum lại của chúng tôi bốc từng vốc đá ném xuống sàn. Tôi đã vét vơi được nửa một cái bồn và đang mất dần hết cảm giác từ các ngón tay thì nghe thấy Bronwyn kêu thét lên. Tôi quay sang và thấy cô loạng choạng lùi ra khỏi một cái bồn, hai bàn tay đưa lên bịt miệng.

Chúng tôi xúm quanh để xem cô đã bới ra cái gì. Thò lên khỏi đống đá là một bàn tay cứng đờ cong queo đầy lông. “Dám cược là cậu đã tìm thấy người chúng ta muốn tìm”, Enoch nói, và qua kẽ các ngón tay đưa lên che mắt, chúng tôi quan sát trong khi cậu ta gạt bỏ thêm nước đá, từ từ làm lộ ra một cánh tay, rồi thân trên, và cuối cùng là toàn bộ thân thể te tua của ông Martin.

Đó là một cảnh tượng ghê rợn. Chân tay ông ta bị bẻ vụn vẹo theo những góc độ không thể tưởng tượng nổi. Bụng và ngực ông ta đã bị dùng kéo mở phanh và moi hết nội tạng ra, băng đá được nhồi đầy vào thế chỗ của chúng.

Khi khuôn mặt ông ta lộ ra, tất cả chúng tôi nhất loạt hít mạnh vào. Nửa khuôn mặt là một mớ giập nát đỏ bầm rách ra thành từng dải như một tấm mặt nạ bị xé. Nửa kia chỉ còn đủ lạnh lặn để nhận ra ông Martin qua: một mảng hàm lấm tẩm râu, một phần má và lông mày như bị cưa rời ra, và một con mắt màu xanh lục, bị phủ một lớp băng mỏng và mở trừng trừng trống rỗng. Trên người ông ta chỉ mặc có quần lót và những mảnh rách tướp của cái áo choàng ngủ bằng vải bông. Không thể có chuyện ông Martin mặc như thế tự mình đi bộ ra chỗ các vách đá giữa đêm khuya. Ai đó - hoặc thứ gì đó - đã lôi ông ta ra đây.

“Ông ta nát quá rồi”, Enoch vừa nói vừa ngắm nghía ông Martin như một bác sĩ giải phẫu đánh giá một bệnh nhân vô phương cứu chữa. “Tớ phải nói trước với các cậu là cách này có thể sẽ không ăn thua.”

“Chúng ta cứ phải thử đã”, Bronwyn nói, mạnh dạn bước tới chỗ cái bồn cùng Emma và tôi. “Chúng ta đã đi đến tận đây, vì thế ít nhất cũng phải thử.”

Enoch mở áo mưa của cậu ta và lấy từ túi áo trong ra một quả tim được gói ghém. Trông nó giống như một cái găng của cầu thủ bắt bóng chày tự gập lại. “Nếu ông ta thức dậy”, Enoch nói, “ông ta sẽ không vui về lắm đâu. Vậy hãy lùi lại và đừng có nói là tớ đã không báo trước với các cậu.”

Tất cả chúng tôi đều lùi lại một bước thật dài ngoại trừ Enoch, cậu ta cúi gập người vào trong bồn, vục tay vào trong đám đá nhét đầy trong lòng ngực ông Martin, đảo qua đảo lại như thể đang khoắng tìm một lon xô đa trong thùng lạnh. Sau một lát, cậu ta có vẻ cầm được thứ gì đó, và dùng bàn tay còn lại giơ quả tim cừ lên quá đầu.

Một cơn rùng mình chạy dọc cơ thể Enoch và quả tim cừ bắt đầu đập, phun ra một luồng những hạt dung dịch ngấm pha lẫn máu nhỏ mịn như sương. Enoch thở từng nhịp nhanh, nhẹ. Cậu ta dường như đang truyền thứ gì đó. Tôi quan sát thi thể ông Martin xem có dấu hiệu cử động nào không, nhưng ông ta vẫn nằm im.

Dần dần, quả tim trên tay Enoch bắt đầu đập chậm lại và co quắp màu chuyển dần sang xám đen, giống như thịt để quá lâu trong tủ đá. Enoch ném

nó xuống đất và chìa bàn tay không của cậu ta về phía tôi. Tôi lấy ra quả tim vẫn giữ trong túi và đưa nó cho cậu ta. Cậu ta lặp lại quá trình như lúc trước, quả tim co bóp, phun phì phì một lúc rồi co quắp lại như quả trước. Sau đó, cậu ta lặp lại lần thứ ba, sử dụng quả tim đã đưa cho Emma.

Chỉ còn lại quả tim Bronwyn đang giữ - cơ hội cuối cùng của Enoch. Khuôn mặt cậu ta trở nên căng thẳng hơn hẳn khi cậu ta giờ nó bên trên cổ quan tài thô kệch của Martin, bóp chặt quả tim như thể muốn bầm xuyên các ngón tay vào nó. Khi quả tim bắt đầu lắc lư run rẩy như một chiếc mô tơ quá tải, Enoch hét lên, “Dậy đi, người chết. Dậy đi!”

Tôi nhìn thấy một cử động thoáng qua. Có thứ gì đó đã nhúc nhích dưới lớp đá. Tôi lấy hết can đảm cúi xuống, tìm kiếm xem có dấu hiệu nào của sự sống không. Suốt một hồi lâu không có động tĩnh gì, nhưng sau đó thì thể co giật đột ngột và dữ dội tới mức như thể đã bị sốc điện bằng điện thế cả nghìn vôn. Emma kêu thét lên, và tất cả chúng tôi cùng bật lùi lại. Khi tôi bỏ tay xuống để nhìn trở lại đầu ông Martin đã quay về phía tôi, một con mắt đục lờ đảo loạn lên rồi dường như dán vào tôi.

“Ông ta nhìn thấy cậu rồi!” Enoch reo lên.

Tôi cúi người vào. Người chết bốc mùi của đất mới xới lật lên, cùng mùi nước biển và thứ gì đó còn tệ hơn. Đá rơi khỏi bàn tay ông ta trong khi nó giờ lên run rẩy trong không khí giây lát, đau đớn và xanh rớt, rồi đặt lên cánh tay tôi. Tôi cố tranh đấu với nỗi thôi thúc muốn hát nó ra.

Đôi môi ông tách ra và miệng ông ta há ra. Tôi cúi xuống lắng nghe xem ông ta nói gì, nhưng chẳng có gì để nghe cả. *Tất nhiên là không thể có*, tôi thầm nghĩ, *vì phổi ông ấy đã vỡ nát* - nhưng sau đó một âm thanh rất khẽ thoát ra, tôi liền cúi xuống gần hơn, tai tôi gần như chạm vào đôi môi đông cứng của ông ta. Thật lạ, tôi chợt nghĩ tới máng thoát nước mưa ở cạnh nhà tôi, ở đó nếu cúi đầu xuống chỗ các thanh song chắn và đợi đến khi dòng xe cộ tạm lắng, bạn có thể nghe thấy tiếng thì thầm của một dòng suối chảy ngầm dưới lòng đất, nó bị vùi dưới nền móng xây lên thị trấn nhưng vẫn tiếp tục chảy, bị cầm tù trong thế giới của bóng đêm thường trực.

Những người khác đang xúm quanh, nhưng tôi là người duy nhất có thể nghe thấy người chết nói gì. Từ đầu tiên ông ta nói là tên tôi.

“Jacob.”

Cảm giác sợ hãi lần khắp người tôi. “Vâng.”

“Tôi chết rồi.” Từng từ được phát ra chậm chạp như một thứ chất lỏng đang rỉ rỉ nhỏ giọt. Ông ta chỉnh lại. “Tôi là người chết.”

“Hãy nói cho cháu biết chuyện gì đã xảy ra”, tôi nói. “Ông có thể nhớ lại không?”

Tiếp theo là một khoảng ngừng bật. Gió rít qua các khe hở trên tường. Ông Martin nói gì đó nhưng tôi không nghe được.

“Ông nói lại đi. Làm ơn nào, Martin.”

“Ông ta đã giết tôi”, người chết thì thầm.

“Ai cơ?”

“Ông lão của tôi.”

“Ý ông là cụ Oggie sao? Là chú của ông sao?”

“Ông lão của tôi”, ông nhắc lại. “Ông ta to ra. Và khỏe, khỏe lắm.”

“Ai đã giết ông, ông Martin?”

Con mắt ông ta nhắm lại, và tôi sợ ông ta đã lịm hẳn. Tôi nhìn sang Enoch. Cậu ta gật đầu. Quả tim trên bàn tay cậu ta vẫn đập.

Mi mắt ông Martin lại động dậy. Ông ta lại bắt đầu nói, chậm chạp, đều đều, như thể đang thuật lại điều gì đó. “Ông ta đã ngủ yên qua cả trăm thế hệ, cuộn mình lại như một bào thai trong lòng đất bí hiểm, bị rễ cây tiêu hóa, đã phân hủy trong bóng tối, như hoa quả mùa hè đóng hộp bị lãng quên trong chạn thức ăn cho tới khi lưỡi mai của một người nông dân moi ông ta ra, một bà đỡ thô vụng cho một vụ thu hoạch lạ lùng.”

Ông Martin ngừng lời, đôi môi run rẩy, và trong khoảng im lặng ngắn ngủi Emma nhìn tôi thì thầm, “Ông ấy đang nói gì thế?”

“Tôi không biết”, tôi nói. “Nhưng nghe như một bài thơ vậy.”

Ông ta nói tiếp, giọng lạc đi nhưng lúc này đã đủ lớn để tất cả mọi người có thể nghe thấy - “Ông ta nằm an nghỉ, đen nhánh, khuôn mặt hiền hòa mang màu bò hóng, tứ chi héo tàn như những vĩa than, đôi bàn chân như những súc gỗ trôi bám đầy những chùm nho héo quắt” - và cuối cùng tôi cũng nhận ra bài thơ. Đó là bài thơ ông ta viết về cậu bé đằm lầy.

“Ôi, Jacob, tôi đã chăm lo cho ông ta cẩn thận biết bao!” ông Martin nói. “Lau bụi trên kính, thay đất và làm cho ông ta một ngôi nhà - như chăm đứa con đã lớn bị bầm giập của chính mình. Tôi chăm lo cẩn thận biết bao, vậy mà...” Ông ta bắt đầu run rẩy, và một giọt nước mắt chảy xuống gò má ông ta rồi đóng băng ở đó. “Vậy mà ông ta đã giết tôi.”

“Ý ông là cậu bé đằm lầy sao? Là Ông Lão sao?”

“Đưa tôi trở lại đi”, ông ta cầu xin. “Đau quá.” Bàn tay lạnh giá của ông ta nắm lấy vai tôi, giọng nói của ông ta lại tắt dần.

Tôi đưa mắt nhìn Enoch cầu cứu. Cậu ta siết chặt các ngón tay cầm quả tim và lắc đầu. “Giờ hãy nhanh lên, anh bạn”, cậu ta nói.

Thế rồi tôi hiểu ra một điều. Cho dù ông Martin đã mô tả về cậu bé đằm lầy, nhưng không phải cậu bé đằm lầy đã giết ông ta. *Chúng chỉ trở nên hữu hình với những người còn lại, với chúng ta, khi chúng đang ăn, bà Peregrine đã nói với tôi như thế, có nghĩa là khi đã quá muộn.* Ông Martin đã nhìn thấy một hòn rỗng - vào ban đêm, trong mưa, trong khi nó xé ông ta thành từng mảnh - và tưởng nhầm đó là hiện vật trung bày quý giá nhất của mình.

Cảm giác sợ hãi cố hữu lại sống dậy, làm cả người tôi nóng bừng. Tôi quay sang những người khác. “Một hòn rỗng đã gây ra chuyện này với ông ấy”, tôi nói. “Nó đang ở đâu đó trên đảo.”

“Hãy hỏi ông ấy xem ở đâu”, Enoch nói.

“Ông Martin, ở đâu, cháu cần biết ông đã thấy nó ở đâu?”

“Làm ơn. Đau quá.”

“Ông đã thấy nó ở đâu?”

“Ông ta tới cửa nhà tôi.”

“Ông Lão sao?”

Hơi thở Martin bỗng nín bật lạ lùng. Thật kinh khủng khi phải nhìn vào ông nhưng tôi buộc mình làm thế, dõi theo ánh mắt ông trong khi nó di chuyển rồi tập trung nhìn vào thứ gì đó sau lưng tôi.

“Không”, ông ta nói. “Là *hắn*.”

Thế rồi một luồng sáng quét qua trên người chúng tôi và một giọng quát to, “*Ai ở đằng kia đấy!*”

Emma nắm tay lại, và ngọn lửa tắt phụt, tất cả chúng tôi cùng quay ngoắt lại thì thấy một người đàn ông đang đứng trên ngưỡng cửa, một bàn tay cầm đèn pin, trên bàn tay kia là một khẩu súng ngắn.

Enoch rút cánh tay ra khỏi cái bồn đá trong khi Emma và Bronwyn đứng sát lại quanh cái bồn để che Martin khỏi tầm nhìn. “Chúng cháu không hề có ý đột nhập”, Bronwyn nói. “Chúng cháu đang định rời đi đây, thật đấy ạ!”

“Đứng yên tại chỗ của chúng mày!” người đàn ông quát. Giọng ông ta trầm trầm, không rõ khẩu âm vùng nào. Tôi không thể nhìn thấy được khuôn mặt ông ta đằng sau luồng sáng, nhưng những cái áo khoác được mặc chồng lên nhau lập tức cho biết danh tính chủ nhân. Đó chính là người quan sát chim nọ.

“Thưa ông, chúng cháu chưa có gì ăn suốt cả ngày hôm nay rồi”, Enoch rên rỉ, và một lần hiếm hoi nghe đúng như một cậu nhóc mười hai tuổi. “Chúng cháu chỉ đến đây tìm một hai con cá thôi, cháu xin thề đấy ạ!”

“Vậy sao?” người đàn ông nói. “Có vẻ chúng mày đã moi một con ra rồi. Để xem là loại nào nào.” Người đàn ông đưa qua đưa lại cây đèn pin như thể muốn dùng luồng sáng tách chúng tôi ra. “Đẹp sang bên!”

Chúng tôi làm theo, và ông ta quét luồng sáng lên người ông Martin, một cảnh tượng bệnh hoạn đến rùng rợn. “Chúa ơi, quả là một con cá kỳ lạ, phải không nào?” ông ta nói, hoàn toàn dửng dưng. “Chắc phải là cá tươi. Nó vẫn còn đang quẫy!” Luồng sáng dừng lại trên khuôn mặt ông Martin. Con

mắt ông ta đảo đảo, đôi môi ông ta mấp máy không thành tiếng, chỉ là chút hồi quang phản chiếu trong khi sự sống Enoch truyền cho ông ta cạn dần.

“Ông là ai?” Bronwyn hỏi.

“Điều đó còn phụ thuộc vào việc mày muốn hỏi về ai”, người đàn ông đáp, “và điều đó còn xa mới quan trọng bằng việc tao biết *chúng mày là ai*.” Ông ta chiếu đèn pin vào mỗi chúng tôi và nói như thể đang dẫn ra một hồ sơ mật. “Emma Bloom, một người phát lửa, bị bỏ rơi tại một gánh xiếc khi bố mẹ cô ta không bán được con mình cho gánh xiếc nào. Bronwyn Bruntley, sở hữu thần lực, chiến binh hung hãn, không hề biết đến sức mạnh của chính mình cho tới buổi tối cô ta thộp cổ gã bố dượng thôi tha. Enoch O’Connor, có năng lực hồi sinh, ra đời trong một gia đình làm nghề mai táng không thể hiểu nổi tại sao các khách hàng của họ cứ liên tục bỏ đi.” Tôi thấy từng người thu mình lại tránh xa khỏi ông ta. Rồi ông ta chiếu đèn vào tôi. “Và Jacob. Những ngày vừa rồi cậu qua lại với những người đặc biệt thật nhỉ.”

“Làm sao ông biết tên tôi?”

Người đàn ông hắng giọng, và khi lên tiếng trở lại, giọng ông ta đã thay đổi hẳn. “Cậu quên tôi nhanh vậy sao?” ông ta nói với khẩu âm New England. “Nhưng khi đó tôi chỉ là ông già lái xe buýt tầm thường, vì thế tôi đoán là cậu không nhớ nổi.”

Chuyện này nghe thật vô lý, nhưng bằng cách nào đó người đàn ông này đã làm tôi nhớ ngay tới ông lái xe buýt ở trường cấp hai của tôi, ông Barron. Một người chẳng mấy ai ưa, tính khí khó chịu, cứng nhắc như người máy tới mức vào ngày cuối cùng của năm lớp tám chúng tôi đã dùng ghim dập kín lên khuôn mặt ông ta trên bức ảnh trong cuốn niên giám trường, làm nó trông như một hình nộm đang ngồi sau tay lái vậy. Tôi vừa kịp nhớ ra những gì ông ta thường nói khi tôi bước xuống xe buýt vào mỗi buổi chiều thì người đàn ông trước mặt tôi nhắc lại nó:

“Hết tuyến, Portman!”

“Ông Barron?” tôi hoài nghi hỏi lại, cố tìm cách nhìn ra khuôn mặt ông ta đằng sau luồng sáng đèn pin.

Người đàn ông phá lên cười rồi háng giọng, khẩu âm ông ta lại thay đổi: “Hoặc ông ta hoặc người làm vườn”, ông ta nói bằng giọng Florida trầm trầm lè nhè. “Cây nhà ôông bààà cần được cắt tỉa. Tôi sẽ tính giá phải chăng cho ôông bààà!” Đó chính xác là giọng nói của người đàn ông trong nhiều năm đã chăm lo bãi cỏ của gia đình tôi và dọn sạch bể bơi cho chúng tôi.

“Làm sao ông làm được thế”, tôi hỏi. “Làm thế nào ông biết những người đó?”

“Vì tôi chính là những người đó”, người đàn ông nói, khẩu âm lại trầm xuống. Ông ta bật cười, làm bùng lên nỗi kinh hoàng trong tôi.

Tôi chợt nghĩ tới một điều. Đã bao giờ tôi thấy đôi mắt của ông Barron chưa nhỉ? Thực sự thì chưa. Ông ta luôn đeo cặp kính mát to tướng che kín mặt. Người làm vườn cũng đeo kính mát, và đội một cái mũ rộng vành. Tôi đã bao giờ quan sát thật kỹ bất cứ ai trong số họ chưa? Kẻ muôn mặt này còn từng đóng bao nhiêu vai nữa trong cuộc đời tôi đây?



“Có chuyện gì xảy ra thế?” Emma hỏi. “Người này là ai?”

“Im mồm!” gã đàn ông gất lên. “Rồi sẽ đến lượt mày.”

“Ông đã theo dõi tôi”, tôi nói. “Ông đã giết những con cừu đó. Ông đã giết ông Martin.”

“Ai, tôi ư?” hắn nói, giọng vẻ như vô tội. “Tôi chẳng giết ai cả.”

“Nhưng ông là một xác sống, đúng chứ?”

“Đó là cách gọi của chúng”, hắn nói.

Tôi không hiểu nữa. Tôi đã không còn gặp người làm vườn kể từ khi mẹ tôi thay ông ta bằng người khác ba năm trước, và ông Barron cũng đã biến mất khỏi cuộc đời tôi sau năm lớp tám. Liệu có thật là họ - gã này - đã theo dõi tôi không?

“Làm thế nào ông biết phải tìm tôi ở đâu?”

“Sao chứ, Jacob”, hắn nói, giọng lại thay đổi thêm lần nữa, “chính cậu đã cho tôi biết. Một cách bí mật, tất nhiên rồi.” Giờ lại là khẩu âm miền Trung nước Mỹ, nhẹ nhàng, có học thức. Hắn chìa cây đèn pin lên trên để quảng sáng của nó chiếu vào mặt mình.

Bộ râu tôi thấy hắn mang hôm trước đã biến mất. Giờ đây thì không thể nhầm lẫn được nữa.

“Bác sĩ Golan”, tôi thốt lên, giọng nói ào ào của tôi bị chìm chìm trong tiếng mưa trút xuống rầm rầm.

Tôi nhớ lại cuộc nói chuyện điện thoại giữa chúng tôi mấy ngày trước. Tiếng ồn phía đầu dây bên kia - hắn nói đang ở sân bay. Nhưng không phải hắn đang đi đón em gái. Hắn đang tới tìm tôi.

Tôi tựa lưng vào cái bồn ông Martin năm, choáng váng, cả người mù mịt. “Người hàng xóm”, tôi nói. “Ông già đang tưới nước bãi cỏ vào đêm ông nội tôi chết. Đó cũng là ông.”

Gã đàn ông mỉm cười.

“Nhưng còn đôi mắt của ông”, tôi nói.

“Kính áp tròng”, hắn trả lời. Hắn dùng ngón cái lấy một bên kính áp tròng ra, để lộ một con mắt trắng đục. “Ngày nay người ta có thể làm giả những thứ thật đáng kinh ngạc. Và nếu tôi có thể dự đoán thêm vài câu hỏi nữa của cậu thì, phải, tôi là một bác sĩ tâm lý có bằng cấp - đầu óc của những người bình thường đã từ lâu hấp dẫn tôi - và không, bất chấp việc những buổi trị liệu của chúng ta dựa trên sự dối trá, tôi không nghĩ chúng

hoàn toàn lãng phí thời gian. Kỳ thực, tôi có thể tiếp tục giúp đỡ cậu - hay đúng hơn là chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau.”

“Làm ơn, Jacob”, Emma nói, “đừng nghe hấn ta.”

“Đừng lo”, tôi nói. “Tớ đã một lần tin tưởng hấn. Tớ sẽ không mắc lại sai lầm đó đâu.”

Golan tiếp tục nói như thể không nghe thấy lời tôi. “Tôi có thể trao cho cậu sự an toàn, tiền bạc. Tôi có thể trả lại cho cậu cuộc sống của cậu, Jacob. Tất cả những gì cậu phải làm là làm việc cùng chúng tôi.”

“Chúng tôi?”

“Malthus và tôi”, hấn nói, quay người ra sau gọi, “Hãy tới chào hỏi đi nào, Malthus.”

Một cái bóng xuất hiện trên ngưỡng cửa đằng sau ông ta, và giây lát sau tất cả chúng tôi đều nghẹt thở bởi một thứ mùi tanh tươi nồng nặc xộc lên. Bronwyn đưa tay bịt miệng và lùi lại một bước, còn tôi thấy hai nắm tay Emma siết lại, như thể cô đang định tấn công nó. Tôi đặt bàn tay lên cánh tay cô và mấp máy miệng nhắc, *Đợi đã*.

“Đây là toàn bộ đề nghị của tôi”, Golan tiếp tục, cố làm ra vẻ chững mực. “Giúp chúng tôi tìm ra thêm những người như cậu. Đổi lại, cậu sẽ không có gì phải sợ từ Malthus hay các đồng loại của ông ấy. Cậu có thể sống ở nhà. Những lúc rỗi rãi cậu sẽ đi cùng tôi và tìm hiểu thế giới, và chúng tôi sẽ trả cậu hậu hĩnh. Chúng ta sẽ nói với bố mẹ cậu rằng cậu là trợ lý nghiên cứu của tôi.”

“Nếu tôi đồng ý”, tôi nói, “chuyện gì sẽ xảy ra với các bạn tôi?”

Gã đàn ông làm một cử chỉ đe dọa bằng khẩu súng của mình. “Bọn họ đã có lựa chọn cho mình từ lâu rồi. Điều quan trọng là có một kế hoạch lớn lao đang diễn ra, Jacob, và cậu sẽ là một phần trong đó.”

Tôi có cân nhắc tới điều đó không ư? Tôi đoán hấn là có, cho dù chỉ trong một khoảnh khắc. Bác sĩ Golan đã đề nghị tôi đúng thứ tôi đang tìm kiếm: lựa chọn thứ ba. Một tương lai không phải là *ở đây vĩnh viễn hay rời*

đi và chết. Nhưng chỉ cần một cái đưa mắt nhìn qua các bạn tôi, những khuôn mặt căng thẳng tột độ vì lo âu của họ, là đủ để xua tan mọi cảm dỗ.

“Thế nào?” Golan hỏi. “Câu trả lời của cậu là gì?”

“Tôi thà chết còn hơn làm bất cứ điều gì để giúp ông.”

“Thế à”, hắn nói, “nhưng cậu vốn đã giúp tôi rồi.” Hắn bắt đầu lùi ra phía cửa. “Thật tiếc là chúng ta sẽ không có thêm buổi trị liệu nào cùng nhau nữa, Jacob. Cho dù tôi nghĩ đây không hoàn toàn là một mất mát vô ích. Bốn người các cậu có thể đủ để cuối cùng cũng giúp ông bạn Malthus trút bỏ được hình thù thấp kém ông ấy đã mắc kẹt quá lâu này.”

“Ôi không”, Enoch khóc nức lên, “tớ không muốn bị ăn thịt!”

“Đừng khóc, mắt mặt quá đày”, Bronwyn gất. “Chúng ta phải giết chúng, có thể thôi.”

“Ước gì tôi có thể ở lại quan sát”, Golan nói trên ngưỡng cửa. “Tôi thực sự thích chứng kiến!”

Sau đó hắn bỏ đi, chỉ còn lại chúng tôi và nó. Tôi có thể nghe thấy con quái vật kia thở trong bóng tối, tiếng thở rin rít như đường ống hỏng bị rò. Tất cả chúng tôi đều lùi lại một bước, rồi một bước nữa, cho tới khi lưng chúng tôi chạm tường, và chúng tôi đứng sát vào nhau như những tội nhân bị kết án trước một đội xử bắn.

“Tớ cần ánh sáng”, tôi thì thầm với Emma, cô đang rơi vào trạng thái bị sốc đến mức dường như quên mất năng lực của mình.

Bàn tay cô như bốc cháy, và giữa những cái bóng chập chờn tôi nhìn thấy nó, đang ẩn nấp giữa mấy cái bồn. Cơ ác mộng của tôi. Nó cúi rạp xuống đó, trần trụi, nhẵn thín, lớp da xám đen lốm đốm rữa xuống ngoài bộ xương thành những nếp gấp chùng, đôi mắt nó nằm giữa thứ chất nhầy tanh thối chảy nhỏ giọt viền quanh, chân vòng kiềng, bàn chân thô kệch và các bàn tay xương xẩu biến dạng thành các móng vuốt vô dụng - từng phần cơ thể trông đều nhăn nheo tàn tạ như thân hình của một người già không đếm nổi số tuổi, trừ một thứ. Bộ hàm ngoại cỡ của nó là đặc trưng nổi bật, bên trong là bộ răng dài và sắc như những con dao lóc thịt nhỏ, còng kềm đến mức

phần lợi không tài nào chứa đựng nổi, vì thế đôi môi của nó luôn co lại thành một nụ cười quái gở.

Thế rồi những cái răng khú�ng khiếp đó bắt đầu há ra, miệng con quái vật mở rộng để ba cái lưỡi ngoằn ngoèo thò ra vươn lên trong không khí, mỗi cái to bằng cỡ cổ tay tôi. Chúng duỗi dài ra tới nửa chiều dài căn phòng, phải đến ba mét hoặc hơn, rồi lơ lửng ở đó, uốn éo, con quái vật thở phì phò qua hai cái lỗ như bị hủi trên khuôn mặt, tựa hồ đang ngửi mùi chúng tôi và ngẫm nghĩ xem nên ngấu nghiến chúng tôi thế nào là hay nhất. Lý do duy nhất khiến chúng tôi chưa chết là vì chúng tôi quá dễ bị giết như một kẻ sành ăn đang chiêm ngưỡng một bữa thịnh soạn, nó chẳng có lý do nào để nóng vội.

Những người khác không thể nhìn thấy con quái vật như tôi nhưng nhận ra cái bóng của nó cùng những cái lưỡi như dây thừng hắt trên tường. Emma vẫy cánh tay, và ngọn lửa của cô cháy mạnh hơn. “Nó đang làm gì?” cô thì thầm. “Tại sao nó không xông vào chúng ta?”

“Nó đang đùa bỡn với chúng ta”, tôi nói. “Nó biết chúng ta đã như cá nằm trên thớt.”

“Chúng ta không phải thế”, Bronwyn thì thầm. “Chỉ cần tớ nhìn được rõ thẳng mặt nó. Tớ sẽ tống bộ răng kinh tởm đó tụt hết vào trong mồm nó.”

“Tớ sẽ không lại gần bộ răng đó đâu nếu tớ là cậu”, tôi nói.

Con hồn rỗng ì ạch bước thêm vài bước tương ứng với những bước chúng tôi lùi lại, những cái lưỡi của nó rời nhau hơn rồi tách hẳn khỏi nhau, một cái hướng về phía tôi, cái thứ hai về phía Enoch và cái thứ ba về phía Emma.

“Để bọn tao yên!” Emma hét lên, vung bàn tay rùng rục như một ngọn đuốc đánh ra. Cái lưỡi ngoặt đi tránh khỏi ngọn lửa của cô, sau đó rút lại như một con rắn chuẩn bị tấn công.

“Chúng ta cần tới chỗ cánh cửa!” tôi hô lớn. “Con hồn rỗng đang ở chỗ cái bồn thứ ba từ trái sang, vì vậy hãy đi sang bên phải!”

“Chúng ta sẽ không bao giờ tới được đó!” Enoch kêu to. Một cái lưới chạm vào má cậu ta, cậu ta liền hét toáng lên.

“Chúng ta sẽ chạy khi đếm đến ba!” Emma hô lớn. “Một...”

Thế rồi Bronwyn lao mình về phía con quái vật, hét lớn như một nữ thần báo tử. Con quái vật rít lên và đứng thẳng người dậy trên hai chân, mớ da bùng nhùng của nó căng lên. Đúng lúc nó định lao ba cái lưới về phía cô, cô bèn đâm sầm cả người vào cái bồn đá có Martin, đưa hai cánh tay luôn xuống đáy cái bồn khi nó lật nghiêng rồi nhấc bổng nó lên, và cả cái bồn to tướng đó, đầy áp đá cá và thi thể của Martin, bay bổng trong không trung và rơi ập xuống con hòn rỗng với một tiếng rầm khủng khiếp.

Bronwyn quay ngoắt lại lao về phía chúng tôi. “TRÁNH RA!” cô hét lên, tôi vừa kịp tránh sang bên thì cô lao rầm vào bức tường ngay cạnh tôi, phá tung thành một cái lỗ qua những tấm ván nát mục. Enoch, người bé nhỏ nhất trong chúng tôi, lao qua đầu tiên, theo sau là Emma và tôi còn chưa kịp phản đối thì Bronwyn đã chộp lấy hai vai lỏng vai tôi vào màn đêm ướt sũng. Tôi tiếp đất đập ngực xuống một vũng nước mưa. Cái lạnh làm tôi rùng mình, nhưng miễn đã cảm nhận được bất cứ cái gì ngoài cái lưới con quái vật hòn rỗng siết lại quanh cổ mình, tôi đã mừng lắm rồi.

Emma và Enoch kéo tôi đứng dậy, và chúng tôi bắt đầu chạy. Một lát sau, Emma lớn tiếng gọi tên Bronwyn rồi dừng lại. Chúng tôi ngoái lại sau và nhận ra Bronwyn không đi cùng chúng tôi.

Chúng tôi gọi cô và căng mắt tìm kiếm trong bóng tối không đủ can đảm để chạy trở lại, rồi sau đó Enoch reo lên, “Đằng kia!” và chúng tôi thấy Bronwyn đang dựa người vào một góc cái kho lạnh.

“Bạn ấy đang làm gì thế!” Emma kêu lên. “BRONWYN CHẠY ĐI!”

Có vẻ như cô gái đang bám lấy cái nhà kho. Sau đó, cô lùi lại chạy lấy đà rồi thúc vai vào góc chịu lực của căn nhà, và như một công trình xếp bằng que diêm, cả nhà kho đổ sập xuống, một đám mưa đá vụn và mảnh dăm gỗ văng ra tung tóe và bị một cơn gió thổi cuốn theo xuống con đường.

Tất cả chúng tôi cùng reo hò và hoan hô trong khi Bronwyn chạy hết tốc lực về phía chúng tôi với một nụ cười hề hả trên khuôn mặt, rồi đứng dưới cơn mưa xối xả, chúng tôi ôm hôn cô và cười phá lên. Song chẳng mấy chốc, tâm trạng chúng tôi lại chùng xuống vì cú sốc từ những gì vừa xảy ra dần đè nặng xuống, rồi sau đó Emma quay sang tôi hỏi một câu chắc hẳn đang nằm trong đầu cả ba người.

“Jacob, làm sao gã xác sống kia lại biết nhiều về cậu thế? Và cả bọn tớ nữa?”

“Cậu gọi hắn là bác sĩ”, Enoch nói.

“Hắn là bác sĩ tâm lý của tớ.”

“Bác sĩ tâm lý!” Enoch thốt lên. “Tuyệt làm sao! Không chỉ đem kể tuốt về chúng ta với một gã xác sống, cậu ta còn bị điên nữa!”

“Nói lại ngay!” Emma hét lên, đẩy cậu ta thật mạnh. Cậu ta định đẩy lại thì tôi chen vào giữa.

“Dừng lại!” tôi nói, tách hai người khỏi nhau. Tôi nhìn thẳng vào Enoch. “Cậu nhầm rồi. Tớ không điên. Hắn làm cho tớ nghĩ như thế, mặc dù chắc chắn hắn đã biết tớ là người đặc biệt ngay từ đầu rồi. Nhưng cậu đã đứng về một điều. Tớ đã để lộ về các cậu. Tớ đã kể những câu chuyện của ông nội với một người xa lạ.”

“Đó không phải lỗi của cậu”, Emma nói. “Cậu đâu biết là chúng tớ có thật.”

“Tất nhiên là có chứ!” Enoch hét lên. “Abe kể cho cậu ta mọi thứ. Thậm chí còn cho cậu ta xem cả những bức ảnh chết tiệt chụp chúng ta!”

“Golan biết mọi thứ ngoài việc làm thế nào để tìm ra các cậu”, tôi nói. “Và tớ đã dẫn hắn tới thẳng đây.”

“Nhưng hắn đã lừa cậu”, Bronwyn nói.

“Tớ chỉ muốn các cậu biết tớ rất xin lỗi.”

Emma ôm lấy tôi. “Ồn rồi. Chúng ta còn sống.”

“Trong lúc này”, Enoch nói. “Nhưng gã điên đó vẫn ở ngoài kia, và từ chuyện hấn sẵn sàng cho con thú cung hồn rỗng của mình chén chúng ta, tớ dám cược hấn đã biết được cách để tự mình đi vào vòng.”

“Ôi Chúa ơi, cậu có lý”, Emma nói.

“Nếu vậy”, tôi nói, “tốt hơn chúng ta nên quay về đó trước hấn.”

“Và trước khi nó chui ra”, Bronwyn nói thêm. Chúng tôi quay lại và thấy cô đang chỉ vào kho lạnh vừa đổ sập, những mảnh vỡ đã bắt đầu nhúc nhích trong đống đổ nát. “Tớ đoán nó sẽ lao thẳng tới chỗ chúng ta, và vừa khéo tớ chẳng còn cái nhà nào để đẩy sập xuống đầu nó nữa.”

Ai đó hô lớn, *Chạy!* nhưng chúng tôi vốn đã chạy rồi, lao xuống con đường về nơi duy nhất hồn rỗng không thể bắt kịp chúng tôi - trong vòng. Chúng tôi hồi hả chạy khỏi thị trấn trong bóng tối đặc quánh, những đường viền xanh mờ mờ của các trại trẻ nhường chỗ cho những cánh đồng dốc thoải thoải, rồi đến lượt chạy lên triền dốc, từng dòng nước chảy xiết ngang qua chân chúng tôi, làm lối mòn trở nên đầy bất trắc.

Enoch trượt chân ngã nhào. Chúng tôi nâng cậu ta dậy và chạy tiếp. Khi chúng tôi sắp leo lên đỉnh đồi, hai bàn chân Bronwyn cũng trượt đi, và cô gái trượt dài xuống dốc đến sáu mét rồi mới dừng lại được. Emma và tôi chạy trở lại giúp đỡ, và trong khi hai chúng tôi nắm lấy tay cô, tôi quay lại nhìn phía sau chúng tôi, hy vọng trông thấy bóng dáng con quái vật kia. Nhưng chỉ có màn mưa xối xả, tối đen như mực. Khả năng phát hiện ra các hồn rỗng của tôi chẳng còn mấy giá trị khi không có ánh sáng để nhìn thấy chúng. Nhưng sau đó, khi chúng tôi leo ngược trở lên đỉnh đồi, lòng ngực phập phồng hỗn hển, một tia chớp chạy dài lóe lên thắp sáng màn đêm, tôi liền quay lại thì thấy nó. Nó ở cách phía sau chúng tôi một quãng nhưng đang leo lên rất nhanh, những cái lưới chắc nịch cắm xuống bùn và kéo nó lên sườn dốc dần dần như một con nhện.

“Chạy!” tôi hét lên, và tất cả chúng tôi cùng lao xuống triền dốc bên kia, cả bốn cùng ngòai bệt xuống trượt đi cho tới khi xuống tới đất bằng và có thể chạy tiếp.

Lại một tia chớp nữa lóe lên. Con quái vật đã ở gần hơn lúc trước. Với tốc độ này, chúng tôi khó lòng chạy thoát khỏi nó. Hy vọng duy nhất của chúng tôi là bày mưu đánh lừa nó.

“Nếu nó bắt kịp chúng ta, nó sẽ giết hết chúng ta”, tôi nói lớn tiếng, “nhưng nếu chúng ta tách ra, nó sẽ phải lựa chọn. Tớ sẽ dẫn nó đi vòng vèo theo đường dài và cố làm nó bị lạc trong đầm. Các cậu hãy tới chỗ vòng nhanh nhất có thể!”

“Cậu điên rồi!” Emma kêu lên. “Nếu có ai đó cần ở lại đằng sau, người đó phải là tớ! Tớ có thể dùng lửa chiến đấu với nó!”

“Trong mưa thì không được đâu”, tôi nói, “với lại cậu cũng đâu có nhìn thấy nó!”

“Tớ sẽ không để cậu tự sát như thế đâu!” cô hét lên.

Không còn thời gian tranh luận nữa, Bronwyn cùng Enoch chạy tiếp về phía trước trong khi Emma và tôi rẽ khỏi lối mòn, hy vọng con quái vật sẽ đuổi theo, và nó làm thế thật. Lúc này nó đã đuổi gần tới mức không cần tia chớp nào lóe lên tôi cũng biết nó đang ở đâu; chỉ cần cảm giác cuộn thắt lại trong bụng là đủ để tôi xác định nó.

Chúng tôi cầm tay nhau chạy, băng qua một cánh đồng đầy luống cày và rãnh, vấp ngã và níu lấy nhau trong cuộc chạy trốn thực mạng. Tôi đang đưa mắt nhìn quanh tìm những hòn đá để dùng làm vũ khí thì trong màn đêm phía trước xuất hiện một cái nhà - một cái lán nhỏ xiêu vẹo, cửa sổ vỡ kính còn cửa ra vào thì đâu mất, lúc trước vì quá hoảng hốt nên tôi đã không nhìn thấy nó.

“Chúng mình phải trốn đi thôi!” tôi nói giữa hai nhịp thở.

Cầu trời cho con quái vật này ngu ngốc, tôi thầm cầu nguyện trong khi chúng tôi rẽ về phía cái lán, *cầu trời, cầu trời cho nó ngu ngốc*. Chúng tôi đi thành một vòng cung rộng, hy vọng vào được trong lán mà không bị phát hiện ra.

“Đợi đã!” Emma kêu lên khi chúng tôi chạy vòng ra đằng sau lán. Cô lấy một miếng vải thừa của Enoch từ trong áo khoác ra và cuống cuồng quấn nó

quanh một hòn đá nhặt dưới đất, làm thành một thứ kiểu như dây lẳng đá. Cô bung nó giữa hai bàn tay cho tới khi nó bắt lửa rồi lẳng nó ra xa khỏi chúng tôi. Nó rơi xuống đám bùn lầy ngoài xa, sáng lên yếu ớt trong bóng tối.

“Để đánh lạc hướng”, cô giải thích, rồi chúng tôi quay lại chui vào ẩn mình trong căn lán u ám.

Chúng tôi lách qua một cánh cửa đã bung khỏi bản lề rồi đặt chân vào một bãi phân chuồng tối đen rộng mênh mông nồng nặc mùi. Khi bàn chân chúng tôi lún xuống trong tiếng òm ọp lộn mửa, tôi mới nhận ra chúng tôi đang ở đâu.

“Cái gì thế này?” Emma thì thầm, rồi đột ngột có tiếng con vật gì đó thở hắt ra làm cả hai chúng tôi giật nảy mình. Căn lán đầy nghịt những con cừu tìm chỗ trú ẩn khỏi màn đêm bất trắc, hết như chúng tôi. Khi thị lực đã dần dần thích ứng được, chúng tôi bắt gặp những ánh mắt lơ mơ của chúng đang nhìn chằm chằm vào mình - có đến hàng chục, hàng chục con.

“Đây đúng là thứ tớ nghĩ phải không”, Emma vừa nói vừa rón rén nhắc một bàn chân lên.

“Đừng nghĩ về nó”, tôi đáp. “Lại đây nào, chúng ta cần tránh xa khỏi cái cửa này.”

Tôi cầm lấy tay cô và hai chúng tôi tiến sâu vào trong lán, lách giữa một bày những con vật nhút nhát co rúm lại khi chúng tôi chạm phải. Chúng tôi đi qua hành lang hẹp vào một căn phòng có cái cửa sổ cao và cửa ra vào vẫn nằm nguyên trên bản lề, tách biệt khỏi màn đêm bên ngoài, còn những căn phòng khác chẳng biết có được vậy hay không. Lách vào tận góc trong cùng, chúng tôi quỳ gối xuống chờ đợi và lắng nghe, nấp sau một bày cừu sợ sệt.

Chúng tôi cố ngồi không quá sát xuống lớp phân nhưng thực sự không thể nào tránh nổi chuyện này. Sau một phút nhìn chằm chằm mờ mịt vào bóng tối, tôi bắt đầu nhận ra những hình dáng trong phòng. Trong một góc

có những chiếc thùng và hộp xếp chất đống, dọc theo bức tường sau lưng chúng tôi treo những món dụng cụ han gỉ. Tôi tìm kiếm xem có thứ gì đó đủ sắc để dùng làm vũ khí. Nhìn thấy một vật trong giống cái kéo khổng lồ, tôi đứng dậy cầm lấy.

“Định xén lông vại con cừu à?” Emma hỏi.

“Còn hơn không có gì.”

Đúng lúc tôi gỡ cái kéo xén lông cừu từ trên tường xuống, có tiếng gì đó vang lên bên ngoài cửa sổ. Lũ cừu be be hoảng hốt, rồi sau đó một cái lưới dài đen sì chui vào qua khung cửa sổ mát kính. Tôi ngồi trở lại xuống sàn nhẹ nhàng hết mức có thể. Emma đưa bàn tay lên che miệng để giấu hơi thở của mình.

Cái lưới sục sạo quanh phòng như một cái kính tiềm vọng, dường như đang xem xét không gian này. May thay, chúng tôi đã ẩn trốn trong căn phòng nặng mùi nhất trên cả hòn đảo. Mùi của từng ấy con cừu hẳn đã át hết mùi hai chúng tôi, vì sau một phút có vẻ như con quái vật đã bỏ cuộc và thu lưới ra ngoài cửa sổ. Chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân nó đi xa dần.

Emma đưa bàn tay che miệng xuống và thở hắt ra. “Tớ nghĩ nó bị lừa rồi”, cô thì thầm.

“Tớ muốn cậu biết một điều”, tôi nói. “Nếu chúng ta thoát được lần này, tớ sẽ ở lại.”

Emma nắm lấy bàn tay tôi. “Cậu định thế thật chứ?”

“Tớ không về nhà được. Không thể, sau những gì đã xảy ra. Dù thế nào đi nữa, dù không biết tớ có giúp được không, tớ cũng nợ các cậu điều đó và còn nợ nhiều hơn nữa. Tất cả các cậu từng an toàn tuyệt đối cho tới khi tớ đến đây.”

“Nếu chúng ta qua được lần này”, cô vừa nói vừa tựa vào tôi, tớ sẽ không nuối tiếc gì nữa.”

Rồi, dường như một thứ nam châm kỳ lạ nào đó khiến đầu chúng tôi cứ thế xấp lại gần nhau, nhưng đúng lúc môi chúng tôi sắp chạm nhau, sự yên tĩnh bị những tiếng be be kinh hoàng vọng lại từ căn phòng bên cạnh phá

vỡ. Chúng tôi rời nhau ra trong khi âm thanh kinh khủng kia làm lũ cừ xung quanh chúng tôi cuồn lên nhón nháo, nhảy chồm lên nhau và đẩy chúng tôi áp vào tường.

Con quái vật không ngu ngốc như tôi đã hy vọng.

Rồi sau đó tôi có thể ngửi thấy mùi nó, thậm chí còn nồng nặc hơn những thứ mùi xú uế khác trong căn lán, và tôi có thể cảm thấy nó đang ở ngưỡng cửa căn phòng. Toàn bộ lũ cừ lập tức dạt ra xa cửa, xúm xít vào nhau như một đàn cá, thành ra chúng tôi bị lèn chặt vào tường đến mức không khí bị ép hết ra khỏi phổi. Hai chúng tôi bám chặt vào nhau nhưng không dám phát ra âm thanh nào, và trong một khoảnh khắc căng thẳng tột độ, chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng be be của lũ cừ và tiếng những cái móng chân loạng choạng đang khua lộc cộc. Sau đó, một tiếng kêu kinh hoàng vang lên, đột ngột và tuyệt vọng rồi im bật cũng đột ngột như thế, bị cắt ngang bởi tiếng gặm xương răng rắc ròn tóc gáy. Không cần nhìn tôi cũng biết một con cừ vừa bị xé toạc ra.

Cánh hỗn loạn nổ ra. Những con vật hoảng loạn nhảy chồm chồm lên va vào nhau, hất chúng tôi đập vào tường nhiều lần đến mức tôi xây xẩm mặt mày. Con hồn rỗng rít lên một tiếng chói tai rồi bắt đầu tóm lũ cừ đưa lên hai hàm răng ròn ròn nước dãi của nó, hết con này tới con khác, ngoạm mỗi con một nhát làm máu phun ra tung tóe rồi ném sang bên như một ông vua phàm ăn đang ngón ngấu một bữa tiệc thời Trung cổ. Nó lặp đi lặp lại hành động đó - giết dần lũ cừ để mở đường về phía chúng tôi. Tôi cứng đờ người vì sợ hãi. Đó là lý do vì sao tôi hoàn toàn không lý giải được điều diễn ra sau đó.

Tất cả bản năng của tôi đều lớn tiếng thúc giục tôi hãy ẩn kín, hãy rúc sâu nữa xuống đồng phân, nhưng rồi một ý nghĩ rõ ràng lóe lên xuyên qua con tê liệt - *mình sẽ không để hai đứa chết trong cái lán đầy phân này* - và tôi kéo Emma ra đằng sau con cừ to nhất tôi có thể thấy rồi lao tới chỗ cửa ra vào.

Cánh cửa đang đóng và cách đó ba mét, đồng thời có rất nhiều cừ đứng chen giữa nó và tôi, nhưng tôi mở một đường lách qua chúng như một câu

thủ tiên vệ. Tôi thúc vai vào cánh cửa và nó mở tung ra.

Tôi nhào ra con mưa bên ngoài và hét lên, “Lại đây bắt tao đi, đồ khôn kiếp xấu xí!” Tôi biết mình đã thu hút được sự chú ý của nó vì nó rống lên một tiếng thật ghê rợn và những con cừu bay ra khỏi cửa qua trước mặt tôi. Tôi loạng choạng đứng lên, và khi đã chắc con quái vật đang đuổi theo tôi chứ không phải Emma, tôi chạy về phía đầm lầy.

Tôi có thể cảm thấy nó đằng sau mình. Tôi đã có thể chạy nhanh hơn, nhưng tôi vẫn cầm theo cái kéo xén lông cừu - dường như tôi không thể buộc mình bỏ nó đi được - và rồi mặt đất mềm ra dưới chân tôi, và tôi biết mình đã tới đầm lầy.

Hai lần con hồn rỗng đã tới đủ gần để lưỡi của nó quẹt được lên lưng tôi, và cả hai lần, đúng lúc tôi tin chắc một cái lưỡi sắp sửa quấn quanh cổ tôi và siết lại đến khi đầu tôi vỡ tung, nó lại vấp ngã và tụt lại. Lý do duy nhất khiến tôi đến được chỗ mộ đá với cái đầu vẫn còn nguyên vẹn gắn vào người là vì tôi biết chính xác phải đặt chân lên chỗ nào; nhờ Emma, tôi có thể chạy gấp qua chặng đường đó vào một đêm không trăng giữa cơn bão tố.

Leo lên gò đất của mộ đá, tôi chạy vòng quanh tới lối vào kè đá và chui vào. Bên trong đen kịt như hắc ín, nhưng điều đó cũng chẳng quan trọng - chỉ cần tới được căn phòng trong cùng là tôi sẽ an toàn. Tôi bò tới bằng hai bàn tay và đầu gối, vì thậm chí đứng thôi cũng sẽ làm mất thêm thời gian mà tôi thì không có thời gian để lãng phí, và khi đã bò được nửa đường tới đích, đồng thời cảm thấy một chút lạc quan dè dặt về cơ may sống sót của mình, thì đột nhiên tôi không thể bò đi thêm được nữa. Một trong những cái lưỡi đã quấn lấy cổ chân tôi.

Con hồn rỗng đã quấn hai cái lưỡi của nó quanh những tảng đá bên ngoài cửa đường hầm như để giữ cho nó khỏi trượt đi trên bùn, rồi phủ kín lối vào bằng thân hình của nó như một cái nắp úp lên miệng bình. Cái lưỡi thứ ba đang lôi tôi về phía nó, tôi đã trở thành một con cá mắc câu.

Tôi cào xuống đất, nhưng phía dưới toàn là sỏi và các ngón tay tôi lập tức trượt đi. Tôi lật ngửa người ra và dùng bàn tay còn tự do bấu vào các tảng

đá, nhưng tôi đang trôi đi quá nhanh. Tôi cố dùng cái kéo xén lông cừu của mình đâm vào cái lưới, nhưng nó quá gân guốc và chắc chắn, như cái dây chảo tạo thành từ những bó cơ đang uốn lượn, trong khi lưới kéo của tôi quá cùn. Vậy là tôi nhắm chặt mắt lại, vì tôi không muốn hai hàm răng đang há hoác của nó là thứ cuối cùng tôi nhìn thấy, và nắm chặt cái kéo xén lông cừu chĩa ra phía trước bằng cả hai bàn tay. Thời gian dường như bị kéo căng ra, người ta bảo đó là tình trạng thường thấy trong những vụ đâm xe, tai nạn tàu hỏa hay những cú rơi tự do từ trên máy bay xuống, và điều tiếp theo tôi cảm thấy là một cú va đập làm cả người tôi nảy lên khi tôi đâm sầm vào con hồn rỗng.

Tất cả không khí trong lồng ngực tôi bị ép hết ra ngoài, và tôi nghe thấy nó rỗng lên. Tôi và nó cùng nhào ra khỏi đường hầm rồi lăn từ trên gò mộ xuống đầm lầy, và khi mở được mắt ra, tôi thấy cái kéo xén lông cừu của mình đâm lút cán vào hai hốc mắt của con quái vật. Nó rỗng lên như mười con lợn cùng bị thiến một lúc, lăn lộn và quẫy đạp trong lớp bùn đang dềnh lên vì mưa, tuôn ra cả một dòng chất lỏng đen ngòm của chính nó, thứ chất lỏng sền sệt phun lên tay cầm han gỉ của cái kéo.

Tôi có thể cảm thấy nó đang chết dần, sự sống bị tháo cạn dần khỏi nó, lưới nó lỏng ra quanh cổ chân tôi. Tôi có thể cảm thấy cả sự khác biệt ở mình, cơn hoảng loạn khiến dạ dày tôi quặn thắt đã dần dần biến mất. Cuối cùng, con quái vật cứng đờ ra và chìm ngấm, trước mắt tôi, lớp chất lỏng nhớt quánh khép lại trên đầu nó, một đám máu đen thẫm là dấu hiệu duy nhất cho hay nó từng ở đó.

Tôi có thể cảm thấy đầm lầy đang nuốt tôi xuống cùng con quái vật. Tôi càng vùng vẫy, nó dường như càng muốn tôi hơn. Tôi thảm nghĩ hẳn sẽ kỳ lạ lắm nếu một nghìn năm sau người ta tìm thấy tôi và con vật kia cùng được bảo quản trong than bùn dưới đầm lầy.

Tôi cố quẫy đạp tiến về phía đất cứng nhưng chỉ càng làm mình lún xuống sâu hơn. Bùn lầy dường như đang leo lên tôi, dâng lên theo cánh tay tôi, lên ngực tôi, bao quanh cổ tôi như một nút thòng lọng.

Tôi la lên kêu cứu - và thật kỳ diệu, cứu viện đến thật dưới dạng mà ban đầu tôi nghĩ là một con đom đóm đang nhấp nháy bay về phía tôi. Sau đó nghe thấy tiếng Emma gọi, tôi liền đáp lại.

Một cành cây đáp xuống nước. Tôi chộp lấy nó rồi Emma kéo, và cuối cùng khi đã ra được khỏi đầm lầy, tôi run rẩy đến mức không thể đứng nổi. Emma ngồi xuống bên cạnh tôi, và tôi đổ ập vào vòng tay cô.

Minh đã giết nó, tôi nghĩ. Minh giết được nó thật rồi. Trong suốt khoảng thời gian sống trong sợ hãi, tôi chưa bao giờ mơ mình có thể thực sự giết được một con quái vật!

Điều đó làm tôi cảm thấy mạnh mẽ. Giờ đây tôi có thể tự bảo vệ bản thân. Tôi biết mình sẽ không bao giờ có thể mạnh mẽ như ông nội, nhưng tôi cũng không phải là một kẻ yếu đuối hèn nhát. Tôi có thể giết chúng.

Tôi dè dặt cất lời. “Nó chết rồi. Tớ đã giết nó.”

Tôi bật cười. Emma ôm lấy tôi, áp má cô vào má tôi. “Tớ biết anh ấy hẳn sẽ rất tự hào về cậu”, cô nói.

Chúng tôi hôn nhau, cảm giác thật êm ái dễ chịu, mưa nhỏ xuống từ mũi chúng tôi và chạy vào trong khuôn miệng vừa hé mở của chúng tôi thật ấm. Emma lùi ra ngay và thì thầm, “Điều lúc trước cậu đã nói ấy, cậu có ý đó thật chứ?”

“Tớ sẽ ở lại”, tôi nói. “Nếu bà Peregrine cho phép.”

“Cô sẽ cho phép. Tớ sẽ đảm bảo chắc chắn điều đó.”

“Trước khi lo lắng về chuyện ấy, tốt hơn chúng ta cần tìm ra tay bác sĩ tâm lý của tớ và đoạt lấy súng của hắn.”

“Đúng thế”, cô nói, nét mặt đanh lại. “Vậy đừng lãng phí thời gian nữa.”

Chúng tôi bỏ lại cơn mưa sau lưng và chui ra giữa một khung cảnh mờ mịt khói và tiếng động. Vòng thời gian vẫn chưa được khởi động lại, đầm lầy chỉ chít hố bom, bầu trời âm ỉ tiếng động cơ máy bay, từng bức tường lửa màu cam lùn về phía hàng cây ngoài xa. Tôi đang định đề xuất là chúng

tôi hãy đợi đến khi hôm nay trở thành hôm qua và tất cả những thứ này biến mất rồi hãy cố gắng tìm đến trại trẻ thì hai cánh tay rần rôi bỗng ôm chầm lấy tôi.

“Cậu còn sống!” Bronwyn reo lên. Enoch và Hugh đang ở cùng cô, và khi cô lùi ra hai cậu con trai tiến lại bắt tay tôi và ngắm nghía tôi từ đầu đến chân.

“Tớ xin lỗi đã gọi cậu là một kẻ phản bội”, Enoch nói. “Tớ rất vui là cậu không chết.”

“Cả tớ cũng thế”, tôi đáp.

“Tất cả vẫn lành lặn chứ?” Hugh vừa hỏi vừa ngắm nghía tôi.

“Còn đủ hai tay hai chân”, tôi nói, vung chân đá lên để chứng tỏ chúng còn nguyên lành. “Và các cậu không phải lo về con hồn rỗng đó nữa. Chúng tớ giết nó rồi.”

“Ồ, khiêm tốn làm gì!” Emma nói đầy tự hào. “Cậu đã giết nó.”

“Xuất sắc”, Hugh nói, nhưng cả cậu ta lẫn hai người kia đều không hề mỉm cười.

“Có chuyện gì vậy?”, tôi hỏi. “Đợi đã. Tại sao ba cậu không ở trại trẻ? Bà Peregrine đâu?”

“Cô ấy đi rồi”, Bronwyn nói, môi run rẩy. “Cả cô Avocet nữa. Hấn bắt họ đi.”

“Ôi Chúa ơi”, Emma thốt lên. Chúng tôi đã quá muộn.

“Hấn đến mang theo súng”, Hugh nói, mắt nhìn chăm chặp xuống đất. “Định bắt Claire làm con tin, nhưng bạn ấy cắn hấn bằng cái miệng sau gáy, thế là hấn tóm tớ. Tớ cố chống lại, nhưng hấn dùng súng nện vào đầu tớ.” Cậu ta sờ tay vào sau tai và khi bỏ ra, các ngón tay cậu ta dính máu. “Hấn nhốt tất cả mọi người dưới hầm và nói nếu cô phụ trách và cô Avocet không biến thành chim, hấn sẽ khoan thêm một cái lỗ nữa lên đầu tớ. Họ đành làm theo, và hấn nhét cả hai vào trong một cái lồng.”

“Hấn có một cái lồng sao?” Emma hỏi.

Hugh gật đầu. “Một cái lồng nhỏ, để họ không có chỗ mà làm gì hết, như biến hình đổi dạng hay bay đi.”

“Tớ cứ nghĩ chắc mình sẽ bị bắn, nhưng sau đó hấn tổng tớ xuống hầm cùng những người khác rồi mang hai con chim bỏ chạy.”

“Và bọn tớ tìm thấy họ như thế khi quay về”, Enoch cay cú nói. “Trôn tránh như một đám hèn nhát.”

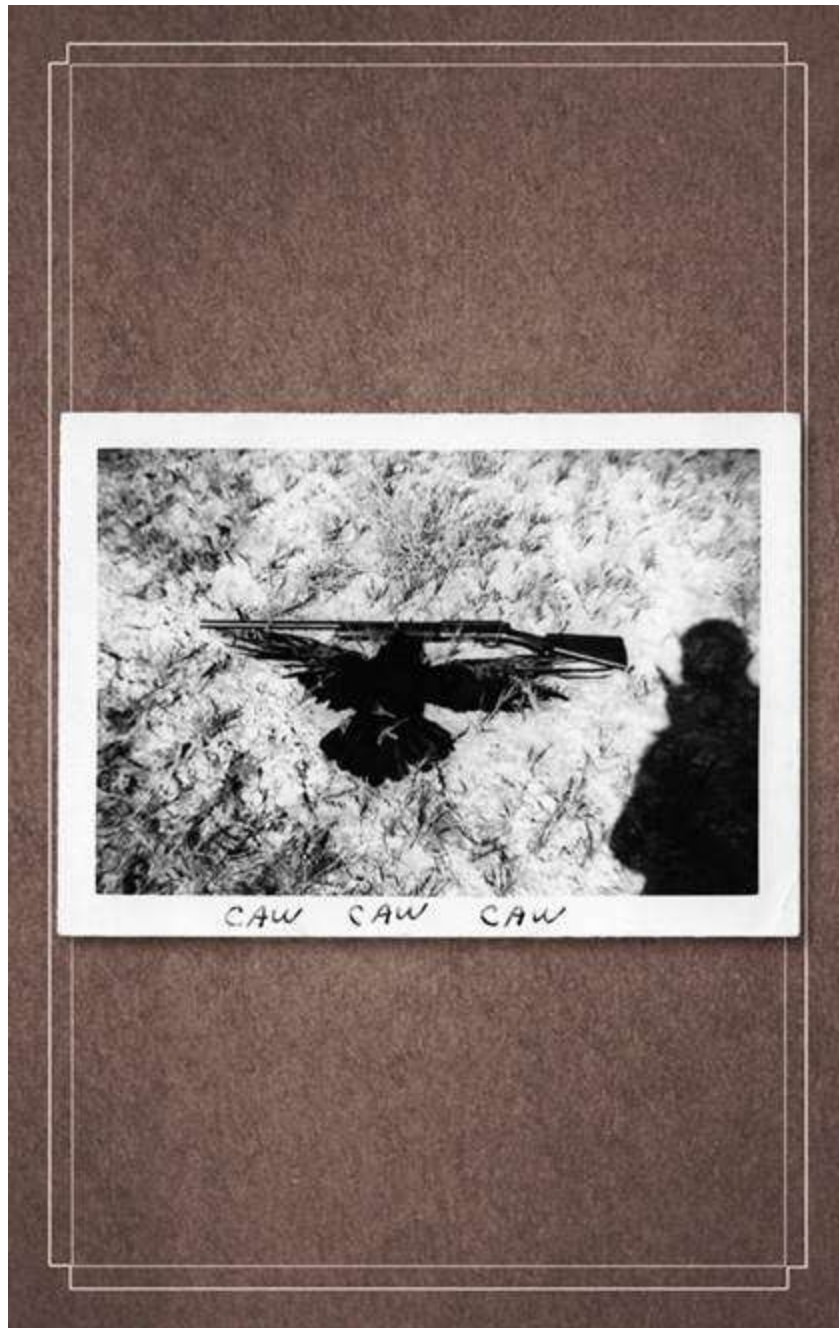
“Bọn tớ không phải đang trốn!” Hugh gất lên. “Hấn nhốt bọn tớ lại! Suýt nữa thì hấn đã bắn bọn tớ!”

“Quên chuyện đó đi”, Emma quát. “Hấn chạy đi đâu rồi? Tại sao các cậu không đuổi theo hấn?!”

“Bọn tớ không biết hấn đi đâu”, Bronwyn nói. “Bọn tớ đã hy vọng các cậu thấy hấn.”

“Không, bọn tớ không thấy hấn!” Emma nói, bực bội đá vào một tảng đá.

Hugh lấy thứ gì đó trong túi áo sơ mi ra. Đó là một bức ảnh nhỏ. “Hấn nhét cái này vào túi áo tớ trước khi bỏ đi. Nói nếu chúng tớ tìm cách bám theo hấn, đây là điều sẽ xảy ra.”



Bronwyn giật bức ảnh trên tay Hugh. “Ôi”, cô thảng thốt. “Có phải đó là cô Raven không?”

“Tớ nghĩ đó là cô Crow”, Hugh nói, đưa hai bàn tay lên xoa mặt.

“Có nghĩa là họ coi như đã chết”, Enoch rên rỉ. “Tớ biết ngày này thế nào cũng tới mà!”

“Đáng lẽ chúng ta không bao giờ nên rời khỏi nhà”, Emma khổ sở nói. “Millard đã đúng.”

Ở rìa phía xa của đầm lầy, một quả bom rơi xuống, sau tiếng nổ nghệt lại dưới bùn của nó là một trận mưa bùn đất bị hất tung lên ngoài xa.

“Đợi một phút đã”, tôi nói. “Thứ nhất, chúng ta không biết đây là bà Crow hay Raven. Cũng hoàn toàn có thể chỉ là ảnh chụp một con quạ bình thường. Và nếu Golan định giết bà Peregrine và bà Avocet, tại sao hẳn lại phải khổ công đến thế để bắt cóc họ? Nếu hẳn muốn họ phải chết, họ đã chết rồi.” Tôi quay sang Emma. “Mà nếu chúng ta không ra ngoài, chúng ta cũng đã bị nhốt lại dưới tầng hầm như mọi người khác, và bây giờ vẫn còn một hòn rỗng đang lảng vảng ngoài kia!”

“Đừng cố vỗ về tớ làm gì!” cô nói. “Tất cả chuyện này xảy ra là lỗi của cậu!”

“Mười phút trước cậu còn nói là cậu rất mừng!”

“Mười phút trước cô Peregrine còn chưa bị bắt cóc!”

“Các cậu thôi đi nào!” Hugh nói. “Điều quan trọng bây giờ là Chim bị bắt đi rồi và chúng ta cần cứu cô về!”

“Được”, tôi nói, “vậy chúng ta hãy cùng nghĩ xem. Nếu các cậu là một xác sống, các cậu sẽ mang hai Chủ Vòng Thời Gian bị bắt cóc đi đâu?”

“Còn tùy vào việc cần làm gì với họ”, Enoch nói. “Mà điều đó thì chúng ta không biết.”

“Trước hết cậu sẽ phải đưa họ rời khỏi đảo đã”, Emma nói. “Vì thế cậu cần một cái thuyền.”

“Nhưng là hòn đảo nào?” Hugh hỏi. “Ở trong hay ở ngoài vòng thời gian?”

“Hòn đảo ở ngoài đang bị một cơn bão tàn phá tanh bành”, tôi nói. “Không ai có thể đi xa được với một cái thuyền ngoài đó cả.”

“Vậy thì hẳn chắc phải ở bên này”, Emma nói, bắt đầu có vẻ hy vọng. “Vậy thì chúng ta còn nấn ná ở đây làm gì? Tới chỗ bến tàu thôi!”

“Có thể hẳn đang ở bến tàu”, Enoch nói. “Đấy là nếu hẳn chưa rời đi. Cho dù hẳn không có ở đó và chúng ta tìm được cách lần ra hẳn giữa đêm

hôm tối tăm thế này mà không bị các mảnh trái phá xuyên thủng ruột trên đường, vẫn còn phải nghĩ tới khẩu súng của hắn nữa. Các cậu điên hết rồi sao? Các cậu muốn Chim bị bắt cóc hay bị bắn ngay trước mắt chúng ta hơn?”

“Hay lắm.” Hugh hét lên. “Thế thì chúng ta chỉ cần bỏ cuộc và quay về nhà thôi, nhỉ? Ai thích một cốc trà nóng để chịu trước khi lên giường nào? Khi thật, đằng nào Chim cũng không có nhà, cứ thay hắn bằng một cốc rượu toddy đi!” Cậu ta khóc trong giận dữ, đưa tay lên chùi mắt. “Làm sao đến thử mà cậu cũng không dám, sau tất cả những gì cô đã làm cho chúng ta chứ hả?”

Enoch còn chưa kịp trả lời, chúng tôi đã nghe thấy tiếng ai đó gọi từ phía con đường mòn. Hugh bước tới, neho mắt, và sau giây lát khuôn mặt cậu ta trở nên thật lạ. “Đó là Fiona”, cậu ta nói. Trước lúc đó tôi chưa bao giờ nghe thấy Fiona thốt ra dù chỉ một tiếng lí nhí. Không thể luận ra nổi cô đang nói gì trong tiếng động cơ máy bay và những tiếng nổ đằng xa, vậy là chúng tôi cùng chạy băng qua đầm lầy.

Khi tới chỗ con đường mòn, chúng tôi đều đã thờ hỏn hển còn Fiona đã khàn đặc giọng vì la hét, đôi mắt cô cũng hoang dại chẳng kém gì mái tóc. Ngay lập tức, cô bắt đầu lôi kéo, đẩy chúng tôi theo lối mòn về phía thị trấn, cuồng loạn la hét bằng thứ khẩu âm Ireland nặng trĩch mà không ai trong chúng tôi hiểu nổi. Hugh nắm lấy hai vai cô và bảo cô hãy trấn tĩnh lại.

Fiona hít một hơi thật sâu, người run rẩy như một chiếc lá, đoạn chỉ về phía đằng sau mình. “Millard bám theo hắn!” cô nói. “Cậu ấy đã trốn khi hắn nhót tất cả chúng ta xuống tầng hầm, và khi hắn chuồn ra ngoài cậu ấy liền bám theo!”

“Tới đâu?” tôi hỏi.

“Hắn có một cái thuyền.”

“Thấy chưa!” Emma reo lên. “Bên tàu!”

“Không”, Fiona nói, “đó là cái thuyền của cậu, Emma. Cái thuyền cậu nghĩ không ai biết đến, mà cậu vẫn buộc ở chỗ cái bãi cạn bé xiu ấy. Hắn đã

leo lên thuyền cùng cái lồng và chỉ đi vòng vòng, nhưng sau đó thủy triều lên quá mạnh, vì thế hấn ghé thuyền vào chỗ gò đá có ngọn hải đăng, và hấn vẫn đang ở đó.”

Chúng tôi hồi hả lấy hết sức chạy tới chỗ ngọn hải đăng. Khi tới chỗ vách đá nhìn xuống nó, chúng tôi tìm thấy những đứa trẻ còn lại trong một bãi cỏ túi rậm rạp gần rìa đá.

“Năm xuống!” Millard khẽ suyt.

Chúng tôi quỳ gối xuống và bò tới chỗ họ. Đám trẻ đang nằm phục xuống thành một đám rải rác đằng sau đám cỏ túi, thay nhau nhìn về phía hải đăng. Trông họ như bị sốc vì sức ép trái phá - nhất là những đứa bé nhất - tựa như chưa hoàn toàn tiếp nhận được cơn ác mộng đang diễn ra. Việc chúng tôi mới vừa sống sót qua khỏi một cơn ác mộng của riêng mình hầu như không được để tâm tới.

Tôi bò giữa đám cỏ túi tới rìa vách đá và nhìn ra. Xa hơn chỗ con tàu đắm nằm chìm dưới nước, tôi có thể thấy chiếc xuống của Emma được buộc vào các tảng đá. Không thấy Golan và hai Chủ Vòng Thời Gian đâu.

“Hấn đang làm gì dưới kia vậy?” tôi hỏi.

“Ai biết được”, Millard đáp. “Chờ ai đó tới đón, hoặc chờ con nước đứng để hấn có thể chèo ra.”

“Trong cái xuống bé xíu của tớ sao?” Emma hỏi có vẻ hoài nghi.

“Như tớ nói rồi đây, bọn tớ không biết.”

Ba tiếng nổ đinh tai vang lên liền nhau, và tất cả chúng tôi đều nằm phục xuống trong khi bầu trời lóe sáng màu cam.

“Có quả bom nào rơi xuống quanh đây không, Millard?” Emma hỏi.

“Nghiên cứu của tớ chỉ liên quan tới hành vi của con người và động vật thôi”, cậu ta đáp. “Chứ không phải bom.”

“Quả là hữu ích vô cùng cho bọn mình lúc này”, Enoch nói.

“Cậu còn chiếc thuyền nào giấu quanh đây không?” tôi hỏi Emma.

“Tớ e là không”, cô nói. “Chúng ta đành phải bơi qua đó thôi.”

“Bơi qua đó rồi sao?” Millard hỏi. “Để bị bắn nát bét ra à?”

“Chúng ta sẽ nghĩ ra cách”, Emma trả lời.

Millard thờ dãi. “Ồ, đáng yêu quá. Tự sát ngẫu hứng.”

“Thế nào?” Emma nhìn từng người trong chúng tôi. “Ai có ý tưởng nào hay hơn không?”

“Nếu tớ có đám lính của tớ...” Enoch lên tiếng.

“Chúng sẽ mủn ra từng mảnh trong nước”, Millard nói.

Enoch gục đầu xuống. Những người khác im lặng.

“Vậy là quyết định rồi nhé”, Emma nói. “Ai tham gia nào?”

Tôi giơ tay lên. Bronwyn cũng vậy. “Các cậu sẽ cần tới ai đó mà gã xác sống không thể trông thấy”, Millard nói. “Để tớ đi cùng, nếu các cậu nhất định phải đi.”

“Bốn là đủ rồi”, Emma nói. “Hy vọng tất cả các cậu đều bơi tốt.”

Không còn thời gian để nghĩ lại hay nói những lời tạm biệt dài dòng. Những người còn lại chúc chúng tôi may mắn, và chúng tôi lên đường.

Chúng tôi cởi những chiếc áo khoác đi mưa màu đen của mình ra rồi lách qua đám cỏ túi, lom khom cúi gập người xuống như lính biệt kích đến khi tới chỗ lồi mòn dẫn xuống bãi biển. Chúng tôi ngồi bệt trượt xuống, một dòng cát nhỏ chảy xuống quanh hai bàn chân và dọc theo hai ống quần chúng tôi.

Đột nhiên, một tiếng ồn vang lên như có năm mươi chiếc cưa máy cùng hoạt động trên đầu chúng tôi, chúng tôi vừa nằm bẹp xuống thì một chiếc máy bay âm âm lao qua, luồng gió thổi bạt tóc chúng tôi và làm tung lên một cơn lốc cát. Tôi nghiêng chặt hai hàm răng, chờ đợi một quả bom nổ tung xé banh chúng tôi thành từng mảnh. Không có quả bom nào tới.

Chúng tôi tiếp tục đi. Khi tới bãi biển, Emma tập hợp chúng tôi sát lại nhau.

“Có một xác tàu đắm nằm giữa chỗ này và hải đăng”, cô nói. “Theo tớ ra chỗ nó. Ngâm mình dưới nước. Đừng để hẳn thấy các cậu. Khi tới chỗ xác tàu đắm, chúng ta sẽ tìm kiếm hẳn và quyết định xem tiếp theo làm gì.”

“Hãy mang các Chủ Vòng Thời Gian của chúng ta về”, Bronwyn nói.

Chúng tôi bò trườn xuống những con sóng và úp sấp bụng lao vào làn nước lạnh. Thoạt đầu việc bơi ra tương đối dễ dàng, nhưng chúng tôi càng bơi xa bờ, dòng nước càng có xu hướng đẩy chúng tôi trở lại. Thêm một chiếc máy bay nữa lao vọt qua trên đầu, làm bắn vọt lên một đám hạt nước rất rạt.

Tới chỗ xác tàu đắm thì chúng tôi đều thở dốc. Bám vào thân tàu han gỉ, chỉ nhô đầu lên khỏi mặt nước, chúng tôi nhìn chăm chú về phía hải đăng và hòn cù lao nhỏ trợ trợ nó được xây trên, nhưng không thấy tung tích gì của tay bác sĩ tâm lý khó lường. Trăng tròn là là trên bầu trời, thỉnh thoảng lại hiện ra qua màn khói bom, sáng lên như ngọn hải đăng thứ hai chập chờn ma quái.

Chúng tôi lần tiến lên hết dọc thân con tàu đắm, chỉ còn phải bơi gần năm trăm mét qua biển là tới chỗ ngọn hải đăng.

“Tớ đề nghị chúng ta nên làm như sau”, Emma nói. “Hẳn đã chứng kiến Wyn khỏe như thế nào, vì thế bạn ấy là người gặp nhiều nguy hiểm nhất. Jacob và tớ sẽ tìm Golan và thu hút sự chú ý của hẳn trong khi Wyn lén tiếp cận từ phía sau và nện cho hẳn một cú ra trò vào đầu. Cùng lúc, Millard đoạt ngay lấy lòng chim. Có ai phản đối gì không?”

Như thể để trả lời, một phát súng vang lên. Thoạt đầu chúng tôi không nhận ra nó là gì - nghe không giống như những phát súng lớn mà chúng tôi từng nghe thấy, xa xa và dữ dội. Đây là tiếng nổ của một khẩu súng cỡ nhỏ một tiếng *bộp* thay vì *đoàng* - và chỉ đến khi nghe thấy phát súng thứ hai, kèm theo tiếng nước bắn lên ngay gần, chúng tôi mới biết đó là Golan.

“Lùi lại!” Emma hét lên, chúng tôi liền leo lên khỏi mặt nước và cầm đầu chạy băng băng trên thân tàu cho tới khi nó tụt sâu vào lòng nước dưới chân chúng tôi, rồi nhào xuống nước phía đằng sau thân tàu. Một lát sau, tất cả chúng tôi cùng tập trung lại, hỏn hển thở lấy hơi.

“Thế này mà đòi tập kích hấn cơ đấy!” Millard nói.

Golan đã ngừng bắn, nhưng chúng tôi có thể thấy hấn đứng canh chừng cạnh cửa vào hải đăng, tay lăm lăm súng.

“Hấn có thể là một gã khôn đê tiện, nhưng hấn không ngu”, Bronwyn nói. “Hấn biết chúng ta bám theo.”

“Bây giờ thì không được rồi, chúng ta không thể!” Emma vừa nói vừa đập tay xuống nước. “Hấn sẽ bắn nát bét chúng ta!”

Millard bước lên trên xác tàu. “Hấn không thể bắn được thứ hấn không nhìn thấy. Để tớ đi.”

“Dưới biển cậu có còn vô hình nữa đâu, đồ ngốc”, Emma nói, và đúng là thế - chỗ cậu ta đứng trong nước, có một khoảng trống hình thân người nhấp nhô.

“Còn hơn các cậu”, cậu ta nói. “Dù thế nào đi nữa, tớ đã bám theo hấn suốt quãng đường trên đảo mà hấn không hề biết gì. Tớ nghĩ tớ có thể xoay sở thêm vài trăm mét nữa.”

Thật khó tranh luận, vì lựa chọn duy nhất còn lại của chúng tôi là bỏ cuộc hoặc lao vào một làn đạn.

“Được”, Emma nói. “Nếu cậu thực sự nghĩ cậu có thể làm được.”

“Ai đó cần phải làm anh hùng”, cậu ta đáp, và bước đi ngang qua thân tàu.

“Lời trắng trối trừ danh”, tôi thì thầm.

Ngoài xa, giữa làn khói, tôi nhìn thấy Golan quỳ gối xuống trên ngưỡng cửa ngọn hải đăng và ngắm bắn, gác tay súng qua một hàng lan can.

“Cẩn thận!” tôi hét lên, nhưng đã quá muộn. Một phát súng vang lên. Millard kêu thét.

Tất cả chúng tôi cùng leo lên trên xác tàu và hồi hả chạy tới chỗ cậu ta. Tôi cảm thấy chắc như bấp là mình sắp bị bắn, và trong khoảnh khắc tôi nghĩ tiếng bàn chân chúng tôi bì bõm trong nước chính là những viên đạn đang trút như mưa xuống chúng tôi. Nhưng sau đó tiếng súng ngừng lại -

phải nạp đạn, tôi thầm nghĩ - và chúng tôi có một quãng nghỉ ngắn để hành động.

Millard đang quỳ gối trong nước, đờ đẫn, máu đang trào ra chảy dọc thân người cậu ta. Lần đầu tiên tôi có thể nhìn thấy hình dáng thực của cơ thể cậu ta, nhuộm trong màu đỏ.

Emma cầm lấy cánh tay cậu ta. “Millard! Cậu không sao chứ? Nói gì đi!”

“Tớ xin lỗi”, cậu ta nói. “Có vẻ tớ đã bị lộ và làm mình dính đạn.”

“Chúng ta cần phải cầm máu!” Emma nói. “Chúng ta phải mang cậu ấy trở vào bờ.”

“Vớ vẩn”, Millard nói. “Gã đó sẽ không bao giờ để các cậu lại gần hẳn lần nữa đâu. Bây giờ mà quay lại là chúng ta chắc chắn sẽ để mất cô Peregrine.”

Thêm nhiều phát súng vang lên. Tôi cảm thấy một viên đạn bay vèo sượt qua tai mình.

“Đằng này!” Emma hô lớn. “Lặn xuống!”

Thoạt đầu tôi không biết ý cô là gì - chúng tôi còn cách đuôi cái tàu đắm đến ba mươi mét - nhưng rồi tôi nhìn thấy chỗ cô đang chạy tới. Đó là cái lỗ đen ngòm trên boong tàu, cửa dẫn xuống khoang chứa hàng.

Bronwyn và tôi nâng Millard lên và chạy theo cô. Những đầu đạn kim loại đập choang choang vào thân tàu xung quanh chúng tôi. Nghe như ai đó đá vào một cái thùng rác.

“Nín thở”, tôi bảo Millard, rồi chúng tôi nhảy xuống khoang tàu và lặn.

Chúng tôi kéo mình xuống theo cái thang, xuống sâu vài thanh ngang và bám lại ở đó. Tôi cố giữ mắt mở nhưng nước mặn xót quá. Tôi có thể nếm thấy vị máu của Millard trong nước.

Emma đưa cho tôi ống thở, và chúng tôi lần lượt truyền nó cho nhau. Tôi đã hết cả hơi sau cuộc chạy, và vài giây mới được thở một hơi trong cái ống không đủ cho tôi. Hai buồng phổi tôi đau rát, và tôi bắt đầu cảm thấy choáng váng.

Ai đó giật áo sơ mi của tôi. Ngoi lên. Tôi chậm chậm kéo mình lên theo thang, rồi sau đó Bronwyn, Emma và tôi ngoi lên mặt nước vừa đủ để thở và nói, trong khi Millard ở lại chỗ an toàn dưới đó mấy mét, một mình dùng hẳn cái ống thở.

Chúng tôi khẽ thì thầm, không rời mắt khỏi ngọn hải đăng.

“Chúng ta không thể ở lại đây”, Emma nói. “Millard sẽ mất máu đến chết.”

“Đưa cậu ấy vào bờ phải mất hai mươi phút”, tôi nói. “Nguy cơ cậu ấy chết dọc đường cũng chẳng kém.”

“Tớ không biết phải làm gì khác nữa!”

“Hải đăng rất gần đây”, Bronwyn nói. “Chúng ta sẽ đưa cậu ấy tới đó.”

“Nếu thế Golan sẽ khiến tất cả chúng ta mất máu đến chết!” tôi nói.

“Không đâu”, Bronwyn đáp.

“Sao lại không? Cậu chóng được đạn à?”

“Có thể”, Bronwyn đáp đầy bí hiểm, rồi hít một hơi và biến mất xuống dưới thang.

“Cô ấy nói gì thế?” tôi hỏi.

Emma có vẻ lo lắng. “Tớ cũng chịu. Nhưng dù là gì đi nữa, tốt hơn bạn ấy nên khẩn trương lên.” Tôi cúi xuống để xem Bronwyn đang làm gì, nhưng thay vì thế lại loáng thoáng thấy Millard ở chỗ cái thang phía dưới chúng tôi, xúm quanh là những con cá đèn tò mò. Sau đó, tôi cảm thấy rung động của thân tàu truyền vào bàn chân mình, và giây lát sau, Bronwyn ngoi lên, cầm theo một tấm kim loại hình chữ nhật dài mét tám rộng mét hai, phía trên là một cái lỗ tròn được đóng đinh tán xung quanh. Cô đã giật rời cánh cửa khoang chứa hàng ra khỏi bản lề của nó.

“Cậu định làm gì với cái đó vậy?” Emma hỏi.

“Tới chỗ ngọn hải đăng”, Bronwyn đáp. Sau đó cô đứng dậy, giơ cánh cửa ra che phía trước mình.

“Wyn, hấn sẽ bắn cậu mất!” Emma kêu lên, rồi một phát súng nổ - nó trúng vào cánh cửa và nảy đi.

“Thật kinh ngạc!” tôi thốt lên. “Nó là một cái khiên!”

Emma bật cười. “Wyn, cậu đúng là thiên tài!”

“Tớ có thể cõng Millard trên lưng”, cô nói. “Còn các cậu, nấp ra đằng sau.”

Emma kéo Millard lên khỏi mặt nước và quàng hai cánh tay cậu ta quanh cổ Bronwyn. “Dưới đó thật tuyệt diệu”, cậu ta nói. “Emma, tại sao cậu chẳng bao giờ kể cho tớ biết về những thiên thần đó?”

“Thiên thần nào cơ?”

“Những thiên thần màu xanh lục đáng yêu sống ngay dưới kia.” Cậu ta đang run rẩy, giọng mơ màng. “Họ đã đề nghị đưa tớ lên thiên đường, thật tử tế.”

“Không ai sắp được lên thiên đàng hết”, Emma nói, trông cô có vẻ lo lắng. “Cậu bám chắc lấy Bronwyn, được chứ?”

“Tốt thôi”, cậu ta chờ đợi nói.

Emma, đứng đằng sau Millard, đẩy cậu ta áp vào lưng Bronwyn để cậu ta không bị tuột xuống. Tôi đứng đằng sau Emma, làm đoạn hậu cho đoàn ròng rần ngấn ngùn lạ lùng này, rồi chúng tôi bắt đầu chạt vật lê bước đi qua boong tàu về phía ngọn hải đăng.

Chúng tôi là một cái bia lớn, và ngay lập tức Golan bắt đầu nã đạn về phía chúng tôi. Tiếng những viên đạn của hấn đập vào cánh cửa nảy đi vang lên đỉnh tai - nhưng đồng thời lại có gì đó làm người ta yên tâm - song sau chừng hơn chục phát súng, hấn ngừng lại. Có điều tôi không lạc quan tới mức nghĩ hấn đã hết đạn.

Đến đuôi xác tàu, Bronwyn cẩn thận dẫn chúng tôi xuống nước, luôn giữ cho cánh cửa to tướng che đằng trước chúng tôi. Đoàn ròng rần của chúng tôi trở thành một chuỗi người bơi chó xúm lại đằng sau cô. Emma nói với

Millard trong khi chúng tôi bơi, buộc cậu ta trả lời các câu hỏi để cậu ta không lịm đi.

“Millard! Ai đang là thủ tướng?”

“Winston Churchill”, cậu ta nói. “Cậu bị mất trí à?”

“Thủ đô của Miến Điện là gì?”

“Chúa ơi, tớ không biết. Rangoon.”

“Tốt! Sinh nhật cậu là khi nào?”

“Cậu có thể thôi gào lên và để tớ được bình yên chảy máu không hả!”

Không mất mấy thời gian để băng qua khoảng cách ngắn ngủi giữa xác tàu đắm và ngọn hải đăng. Khi Bronwyn dùng vai đỡ tấm lá chắn của chúng tôi và leo lên các tảng đá, Golan bắn thêm vài phát nữa, và sức va chạm của những viên đạn làm cô mất thăng bằng. Trong khi chúng tôi co ro thu mình lại sau lưng Bronwyn, cô loạng choạng và thiếu chút nữa trượt chân ngã ra sau rơi khỏi bờ đá, nếu thể trọng lượng của cả cô và cánh cửa hẳn sẽ đè bẹp tất cả chúng tôi. Emma chống hai bàn tay vào lưng Bronwyn và đẩy, cuối cùng cả Bronwyn và cánh cửa cùng lao đảo tiến lên chỗ đất khô. Ba chúng tôi xúm xít lại loạng choạng đi theo cô, run lẩy trong màn đêm lạnh giá.

Nơi rộng nhất khoảng năm mươi mét, mồm đá nơi ngọn hải đăng tọa lạc trên thực tế là một cù lao nhỏ. Ở dưới chân đế han gỉ của ngọn hải đăng có chùng một tá bậc đá dẫn lên một cánh cửa để mở, Golan đang đứng đó chĩa khẩu súng ngắn của hắn thẳng về hướng chúng tôi.

Tôi đánh bạo liếc một cái qua lỗ trên cánh cửa. Một bàn tay hắn cầm một cái lồng chim nhỏ, trong lồng là hai con chim đang vỗ cánh đứng chen sát nhau đến mức tôi không thể phân biệt nổi con nào với con nào.

Một phát đạn rít lên bay vèo qua và tôi vội thụp xuống.

“Lại gần thêm nữa là tao sẽ bắn cả hai mục!” Golan hét lên, rung rung cái lồng.

“Hắn nói dối đấy”, tôi nói. “Hắn cần họ.”

“Cậu làm sao biết chắc được”, Emma nói. “Nói cho cùng, hắn là một gã điên.”

“Thế nhưng chúng ta không thể không làm gì cả.”

“Xông tới chỗ hắn!” Bronwyn nói. “Hắn sẽ không biết phải làm gì. Nhưng để thành công chúng ta cần xông tới NGAY!”

Và chúng tôi còn chưa kịp cân nhắc, Bronwyn đã chạy về phía hải đăng. Chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài chạy theo - nói gì thì nói, cô đang mang lá chắn bảo vệ của chúng tôi - và một khoảnh khắc sau đạn đã liên hồi nện choang choang vào cánh cửa và trúng vào những tảng đá quanh chân chúng tôi.

Cảm giác lúc đó không khác gì bám trên nóc một đoàn tàu tốc hành. Bronwyn thật kinh khủng, cô hét lên như một chiến binh man rợ: các mạch máu trên cổ hần lên, máu Millard dính bết trên khắp cánh tay và sau lưng cô. Vào khoảnh khắc đó, tôi cảm thấy thật mừng là mình không ở phía bên kia cánh cửa.

Khi chúng tôi lại gần ngọn hải đăng, Bronwyn hô lớn, “Nấp vào sau tường!” Emma và tôi giữ lấy Millard và nhao sang trái nấp sau bức tường phía xa của hải đăng. Trong khi chúng tôi chạy đi, tôi thấy Bronwyn nhấc bổng cánh cửa lên quá đầu rồi ném nó về phía Golan.

Một tiếng rầm như sấm động vang lên, tiếp ngay sau là một tiếng thét, và vài giây sau Bronwyn gia nhập cùng chúng tôi đằng sau tường, mặt đỏ bừng, thở hổn hển.

“Tớ nghĩ tớ nện trúng hắn rồi!” cô nói đầy kích động.

“Còn về mấy con chim thì sao?” Emma nói. “Cậu có nghĩ đến họ không?”

“Hắn đánh rơi họ xuống. Họ ổn cả.”

“À, đáng lẽ cậu nên hỏi bọn tớ trước khi hăng máu lên và mạo hiểm tính mạng tất cả chúng ta!” Emma gắt lên.

“Yên nào”, tôi gắt khẽ. Chúng tôi nghe thấy tiếng kim loại nghiêng ken két rất nhỏ. “Chuyện gì vậy?”

“Hắn đang leo lên cầu thang”, Emma đáp.

“Tốt hơn các cậu nên bám theo hắn”, Millard thều thào. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn cậu ta. Cậu ta đang ngồi sụp xuống tựa vào tường.

“Bọn tớ lo xong cho cậu cái đã”, tôi nói. “Ai biết ga rô cầm máu không?”

Bronwyn cúi xuống và xé ống quần đang mặc ra. “Tớ biết”, cô nói. “Tớ sẽ cầm máu cho cậu ấy, hai cậu đi tóm gã xác sống đi. Tớ đã nện hắn một cú nặng, nhưng chưa đủ nặng. Đừng để hắn có cơ hội hồi sức.”

Tôi quay sang Emma. “Cậu đi chứ?”

“Nếu như thế có nghĩa là tớ cần đun chảy khuôn mặt gã xác sống đó ra”, cô nói, những vầng lửa nhỏ hình vòng cung bùng lên giữa hai bàn tay cô, “thì chắc chắn là có.”

Emma và tôi leo qua cánh cửa khoang tàu đang nằm méo mó trên các bậc thang nó tiếp đất, và đi vào trong hải đăng. Tòa tháp về cơ bản là một gian phòng hẹp và vươn lên hun hút theo phương thẳng đứng - đúng ra là một lồng cầu thang khổng lồ - trong đó chiếm phần lớn không gian là một cầu thang mỏng mảnh chạy xoắn ốc từ sàn lên tới một chiếu nghỉ bằng đá, cao tới hơn ba mươi mét. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng bước chân Golan khi hắn leo lên cầu thang, nhưng bên trong quá tối để có thể biết hắn còn cách đỉnh tháp bao xa.

“Cậu có thấy hắn không?” tôi hỏi, ngược mắt nhìn lên độ cao chóng mặt của lồng cầu thang.

Câu trả lời dành cho tôi là một phát đạn trúng vào bức tường gần đó nảy ra, tiếp theo là một phát đạn nữa trúng vào cánh cửa dưới chân tôi. Tôi nhảy vọt ra sau, tim đập thành thịch.

“Ở trên kia!” Emma kêu lên. Cô nắm lấy cánh tay tôi và kéo tôi vào sâu hơn bên trong, tới một chỗ những phát súng của Golan không thể với tới -

ngay bên dưới cầu thang.

Chúng tôi leo lên vài bậc, những bậc thang lúc này đã lắc lư như một con thuyền trong thời tiết xấu. “Mấy cái bậc thang này khiếp quá!” Emma kêu lên, các ngón tay cô trắng bệch ra trong khi bám lấy lan can. “Cho dù chúng ta lên được tới đỉnh mà không bị rơi, rồi hấn cũng sẽ bắn chúng ta mất!”

“Nếu không thể leo lên”, tôi nói, “có lẽ chúng ta có thể làm hấn rơi xuống.” Tôi bắt đầu nhún qua nhún lại chỗ đang đứng lắc mạnh thanh lan can và giậm chân, làm từng đợt rung chấn truyền lên phía trên. Emma nhìn tôi trong một giây như thể tôi là một gã khùng, nhưng sau đó hiểu ra; cô liền bắt đầu rung lắc, đạp chân cùng tôi. Không mấy chốc, cầu thang đã rung lên bần bật như hóa rồ.

“Nhỡ toàn bộ chỗ này sụp xuống thì sao?” Emma hét lên.

“Hãy hy vọng là không!”

Chúng tôi lắc mạnh hơn. Ốc vít, bu lông bắt đầu rơi xuống rào rào. Thanh lan can rung lên mạnh tới mức tôi gần như không nắm được nó nữa. Tôi nghe thấy Golan gào lên một tràng rủa rủa rất ấn tượng, rồi sau đó có một vật rơi lạch cạch xuống cầu thang, rồi tiếp đất ngay gần đó.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là, *Ôi Chúa ơi, nhờ đó là cái lồng chim thì sao* - và tôi lao vụt xuống cầu thang qua trước mặt Emma, chạy xuống đất để kiểm tra.

“Cậu làm gì thế?!” Emma kêu lên. “Hấn sẽ bắn cậu mất!”

“Không, hấn sẽ không bắn đâu!” tôi vừa nói vừa đắc thắng cầm khẩu súng ngắn của Golan giơ lên. Khẩu súng vẫn còn nóng do tất cả những phát đạn hấn đã bắn, giờ nằm nặng trĩu trên bàn tay tôi, và tôi không rõ liệu bên trong còn viên đạn nào không mà cũng chẳng biết làm cách nào để kiểm tra việc đó trong bóng tối gần như đen đặc. Tôi cố nhớ lại một cách vô vọng điều gì đó hữu ích từ vài bài học bắn súng bố mẹ đã để ông dạy tôi, nhưng cuối cùng tôi chỉ chạy trở lại theo các bậc thang lên chỗ Emma.

“Hấn mắc kẹt trên đỉnh rồi”, tôi nói. “Chúng ta cần phải từ tốn, cố gắng thương thuyết với hấn, nếu không ai mà biết được hấn sẽ làm gì với hai con

chim.”

“Tớ sẽ thương thuyết với hắn ngay khi hắn lộn cổ xuống”, Emma nói qua hai hàm răng nghiến chặt.

Chúng tôi bắt đầu leo lên. Cầu thang rung lắc dữ dội và hẹp tới mức chúng tôi chỉ có thể nối nhau leo lên, cúi khom người xuống để không bị cộc đầu vào các bậc thang phía trên. Tôi thề cầu nguyện rằng những món ốc vít bu lông chúng tôi đã lay cho rơi xuống không làm nhiệm vụ siết chặt lấy phần nào quan trọng.

Chúng tôi chậm lại khi lên gần tới đỉnh. Tôi không dám nhìn xuống, chỉ còn lại hai bàn chân tôi đặt trên các bậc thang, một tay tôi trượt theo thanh lan can đang run bần bật còn bàn tay kia cầm khẩu súng. Không còn thứ gì khác tồn tại.

Tôi chuẩn bị sẵn sàng đón nhận một cuộc tấn công bất ngờ, nhưng không có cuộc tấn công nào tới. Cuối cầu thang là một lối mở dẫn lên một chiếu nghỉ bằng đá trên đầu chúng tôi, qua nó tôi có thể cảm thấy cái lạnh se người của trời đêm và nghe thấy tiếng gió rít như huyết sáo. Tôi chĩa khẩu súng qua khoảng mở, rời lối đi lên. Cả người tôi căng ra, sẵn sàng giao chiến, nhưng tôi không thấy Golan. Một bên tôi là ngọn đèn đồ sộ đang quay, nằm sau lớp kính dày - ở gần thế này, ngọn đèn sáng đến chói lóa, tôi buộc phải nhắm tịt mắt lại khi nó quay qua - và bên kia là hàng lan can mảnh khảnh. Bên ngoài hàng lan can là khoảng không: mười tầng nhà trống hoác, dưới nữa là đá và mặt biển dậy sóng.

Tôi bước lên lối đi hẹp và quay lại chìa tay để kéo Emma lên. Chúng tôi đứng tựa lưng vào lớp kính nóng ấm bao ngoài ngọn đèn, mặt hướng ra làn gió lạnh căm. “Chim đang ở gần đây”, Emma thì thầm. “Tớ có thể cảm thấy cô.”

Cô vẫy cổ tay và một quả cầu lửa đỏ ối bùng lên dữ dội. Có điều gì đó trong màu sắc và cường độ của ngọn lửa cho thấy rõ lần này thứ cô tạo ra không chỉ là một nguồn sáng, mà còn là một vũ khí.

“Chúng ta cần tách ra”, tôi nói. “Cậu đi theo một hướng và tớ đi theo hướng khác. Như thế hắn không thể trốn thoát được chúng ta.”

“Tớ sợ lắm, Jacob.”

“Tớ cũng thế. Nhưng hấn bị thương rồi, chúng ta lại có súng của hấn.”

Cô gật đầu và chạm vào cánh tay tôi, sau đó quay đi.

Tôi chậm chậm đi vòng theo ngọn đèn, nắm chặt lấy khẩu súng có thể có đạn, và dần dà nhìn được phía bên kia.

Tôi thấy Golan đang ngồi xổm, đầu cúi gục xuống, lưng tựa vào lan can, cái lồng chim đặt giữa hai đầu gối hấn. Một vết rách trên sống mũi hấn đang chảy máu đầm đìa, những tia máu đỏ bầm chạy thành vệt trên mặt hấn như nước mắt.

Một cái đèn đỏ nhỏ được kẹp vào một trong các nan lồng. Cứ vài giây nó lại chớp nháy.

Tôi tiến thêm một bước, hấn liền ngẩng đầu lên nhìn tôi. Khuôn mặt hấn là một mảng máu bết cứng lại, một con mắt trắng dã của hấn vẫn những tia đỏ ngầu, nước bọt sùi ra từ hai bên khóe miệng hấn.

Hấn loạng choạng đứng dậy, một bàn tay cầm cái lồng.

“Đặt nó xuống.”

Hấn cúi người xuống như thể để làm theo nhưng chỉ giả bộ nhằm lùi xa khỏi tôi và cố bỏ chạy. Tôi hét lớn và đuổi theo, nhưng ngay khi hấn vòng ra biển mất sau nhà đèn, tôi thấy quầng lửa của Emma phụt tới qua lớp bê tông. Golan rống lên, lùi lại phía tôi, mái tóc bốc khói nghi ngút, một cánh tay đưa lên che mặt.

“Dừng lại!” tôi quát hấn, và hấn nhận ra đã bị mắc kẹt. Hấn giơ cái lồng lên che chắn cho mình, và lắc cái lồng một cái đầy đe dọa. Hai con chim kêu rít lên và mổ vào bàn tay hấn qua nan lồng.

“Mày muốn cái này chứ gì?” Golan gào lên. “Tới đây, đốt tao đi! Lũ chim cũng sẽ bị đốt trụi! Bắn tao đi, tao sẽ ném cái lồng qua lan can!”

“Không đâu, nếu tôi bắn vào đầu ông!”

Hấn cười phá lên. “Có muốn thì mày cũng không bắn được súng. Mày quên rồi à, tao đã quá quen với cái tâm hồn mong manh bạc nhược của mày.”

Làm thế mà sẽ gặp ác mộng đấy.”

Tôi cố hình dung ra điều đó: vòng ngón tay tôi quanh lấy cò và siết lại; cú giật và tiếng nổ đing tai. Có gì nặng nề đến thế nhỉ? Tại sao chỉ nghĩ tới việc đó thôi bàn tay tôi đã run rẩy rồi? Ông tôi đã giết bao nhiêu xác sống? Hàng chục? Hay hàng trăm? Nếu ông ở đây thay vì tôi, Golan hẳn đã chết rồi, hẳn sẽ bị bắn ngã thẳng cẳng trong khi đang chờ đờ đẫn tựa lưng vào lan can. Đó là một cơ hội tôi đã bỏ phí mất, chỉ một phần nghìn giây không quyết đoán cũng có thể khiến hai Chủ Vòng Thời Gian mất mạng.

Ngọn đèn biển khổng lồ quay qua, làm chúng tôi tràn ngập trong ánh sáng, biến chúng tôi thành những hình khối trắng lóa. Golan, đang đứng quay mặt vào đèn, liền nhả mặt quay đi chỗ khác. Lại thêm một cơ hội nữa bị lãng phí, tôi thầm nghĩ.

“Hãy để cái lồng xuống và đi cùng chúng tôi”, tôi nói. “Sẽ không ai bị thương nữa.”

“Tớ không biết đâu đây”, Emma nói. “Nếu Millard không qua khỏi, có thể tớ sẽ cân nhắc lại chuyện đó.”

“Mày muốn giết tao à?” Golan nói. “Được lắm, làm cho xong đi. Nhưng chúng mày sẽ chỉ trì hoãn điều không tránh khỏi, chưa kể sẽ còn làm sự tình xấu hơn với chính chúng mày. Giờ đây bọn tao đã biết làm thế nào để tìm thấy chúng mày. Đồng bọn của tao đang tới, và tao có thể cam đoan những tổn thất họ gây ra sẽ khiến những gì tao đã làm với bạn chúng mày có vẻ vẫn là một hành động nhân từ.”

“Làm cho xong đi ấy à?” Emma nói, ngọn lửa của cô bắn một chùm tia nhỏ lên trời. “Ai nói chuyện đó sẽ nhanh nhỉ?”

“Tao đã nói với chúng mày rồi, tao sẽ giết bọn họ”, Golan nói, kéo cái lồng áp vào ngực.

Emma bước một bước về phía hắn. “Tao đã tám mươi tám tuổi”, cô nói. “Trông tao có giống như vẫn cần đến hai bà trông trẻ không?” Về mặt cô lạnh lẽo, khôn dò. “Mày không biết đã bao lâu tao mong muốn được thoát

khỏi đôi cánh người đàn bà đó. Tao xin thề là mày đang làm ơn cho chúng tao đây.”

Golan quay đầu hết xuôi lại ngược, bối rối xem xét chúng tôi. *Con bé này nói thật đấy à?* Trong giây lát hấn dường như thực sự hoảng sợ, nhưng rồi hấn nói, “Chúng mày thật ngu ngốc.”

Emma xoa hai lòng bàn tay vào nhau rồi từ từ tách chúng ra, kéo ra một quãng lửa. “Để rồi xem.”

Tôi không chắc Emma sẽ đẩy chuyện này xa tới đâu, nhưng tôi cần phải can thiệp vào trước khi mấy con chim cháy thui hay bị ném qua lan can.

“Hãy nói cho chúng tôi biết ông muốn gì ở các Chủ Vòng Thời Gian này, và có thể cô ấy sẽ nhẹ tay với ông”, tôi nói.

“Chúng tao chỉ muốn kết thúc thứ chúng tao đã bắt đầu”, Golan nói. “Đó là tất cả những gì chúng tao muốn từ trước đến giờ.”

“Ý mày là cái thí nghiệm đó”, Emma nói. “Bọn mày đã thử nó một lần, và hãy xem điều gì đã xảy ra. Bọn mày đã biến chính mình thành quái vật!”

“Phải”, hấn nói, “nhưng cuộc đời sẽ chán ngắt đến thế nào nếu chúng ta luôn thành công ngay từ lần đầu tiên chứ.” Hấn mỉm cười. “Lần này chúng tao sẽ tập hợp năng lực của tất cả những người kiểm soát Thời gian xuất chúng nhất thế giới, như hai quý bà đây. Chúng tao sẽ không thất bại lần nữa. Chúng tao đã có cả trăm năm để tìm ra bước đi sai lầm. Kết luận là tất cả những gì chúng tao cần là một phản ứng lớn hơn!”

“Một phản ứng lớn hơn?” tôi nhắc lại. “Lần trước các người đã thổi tung một nửa Siberia!”

“Nếu ta phải thất bại”, hấn nói vẻ khoa trương, “hãy thất bại cho ngoạn mục!”

Tôi nhớ tới giấc mơ tiên tri của Horace và những đám mây tro cùng mặt đất cháy sém, và tôi hiểu ra cậu ta đã mơ thấy cái gì. Nếu đám xác sống và hồn rỗng lại thất bại, lần này chúng sẽ phá hủy nhiều lần hơn so với chỉ năm trăm dặm rừng không người ở. Còn nếu chúng thành công và biến mình thành những bán thần bất tử như chúng vẫn mơ tưởng trở thành... tôi

rùng mình khi nghĩ tới điều đó. Riêng việc phải sống dưới quyền của chúng đã là một địa ngục.

Ánh đèn quay vòng tới và làm Golan chói mắt lần nữa - tôi căng người, sẵn sàng lao tới - nhưng khoảnh khắc đó kết thúc quá nhanh.

“Không quan trọng”, Emma nói. “Cứ bắt cóc tất cả Chủ Vòng Thời Gian bọn mày muốn. Họ sẽ không bao giờ giúp bọn mày.”

“Có, bọn họ sẽ giúp. Họ sẽ phải làm thế nếu không chúng tao sẽ giết bọn họ từng người một. Và nếu như thế không ăn thua, bọn tao sẽ giết từng đứa chúng mày và bắt họ chứng kiến.”

“Các người điên rồi”, tôi nói với hắn.

Hai con chim bắt đầu hoảng hốt kêu rít lên. Golan gào to át tiếng chúng.

“Không! Điều thực sự điên rồ là việc những người đặc biệt chúng mày trốn tránh khỏi thế giới trong khi chúng mày có thể thống trị nó - quy phục cái chết trong khi chúng mày có thể khống chế nó - và để những kẻ mang bộ gene người bình thường đẩy chúng mày xuống bùn, trong khi chúng mày có thể dễ dàng biến chúng thành nô lệ của mình, như chúng xứng đáng phải bị như thế.” Cứ nói hết một câu, hắn lại lắc mạnh cái lồng. “Đó mới là điên rồ!”

“Dừng lại!” Emma hét lên.

“Vậy ra mày có quan tâm!” Hắn lắc cái lồng mạnh hơn. Đột nhiên, cái đèn nhỏ màu đỏ gắn vào nan lồng bắt đầu sáng lên gấp đôi, và Golan quay ngoắt đầu lại tìm kiếm trong màn đêm đằng sau hắn. Sau đó, hắn quay lại nhìn Emma và nói, “Mày muốn bọn họ chứ gì? Đây!” đoạn hắn lùi lại và vung cái lồng quật vào mặt cô.

Emma kêu lên và cúi xuống tránh. Như một vận động viên ném đĩa, Golan tiếp tục vung tay cho tới khi cái lồng bay qua trên đầu cô, sau đó thả tay ra. Nó rơi khỏi tay hắn, bay qua lan can, lộn nhào trong không trung biến mất vào màn đêm.

Tôi bật rửa, còn Emma kêu thét lên và lao người tới với qua lan can, quơ vào không khí trong lúc cái lồng rơi xuống biển. Trong khoảnh khắc

hỗn loạn đó, Golan chồm tới quật tôi xuống sàn. Hắn đâm một cú vào bụng tôi, cú nữa nện vào cằm tôi.

Tôi quay cuồng chóng mặt và không thở nổi. Hắn chớp lấy khẩu súng, và tôi phải vận hết sức lực để giữ không cho hắn cướp mất nó. Vì hắn muốn đoạt lấy khẩu súng đến thế, tôi biết súng chắc chắn có đạn. Tôi đã định ném khẩu súng qua lan can, nhưng hắn thiếu chút nữa đã giật được nó và tôi không thể buông khẩu súng ra. Emma hét lên, *Đê tiện, mày là đồ đê tiện*, rồi hai bàn tay cô, với quần lửa bao quanh như găng tay, lao tới từ phía sau và chớp lấy cổ hắn.

Tôi nghe thấy da thịt Golan kêu xèo xèo như miếng thịt bò lấy ra từ tủ lạnh đặt lên một vỉ nướng nóng. Hắn gào lên, quay đi khỏi tôi, mái tóc thưa của hắn cháy bùng lên, sau đó hai bàn tay hắn thộp lấy cổ Emma, như thể miễn là bóp nghẹt được cô, hắn không bận tâm sẽ bị chết cháy. Tôi đứng bật dậy, giơ khẩu súng lên bằng cả hai bàn tay và ngắm bắn.

Tôi có được tầm bắn thoáng chỉ trong một khoảnh khắc. Tôi cố trấn tĩnh đầu óc mình và tập trung giữ vững cánh tay, tạo nên một đường thẳng tưởng tượng kéo dài từ vai tôi qua đầu ruồi tới mục tiêu - cái đầu của một người. Không, không phải người, mà là thứ rác rưởi của người. Một quái vật. Một thế lực đã dàn xếp sát hại ông nội tôi và làm tiêu tan tất cả những gì tôi từng khiêm nhường gọi là cuộc sống, cho dù có thể là một cuộc sống chẳng mấy thú vị và lồi tôi đến đây, tới nơi này và khoảnh khắc này, cũng gần như cái cách mà những thế lực ít xấu xa bạo lực hơn đã nhào nặn cuộc sống của tôi và quyết định thay phần tôi từ khi tôi đủ lớn để đưa ra nhưng quyết định. *Thả lỏng hai bàn tay, hít vào, giữ súng thẳng*. Nhưng giờ đây tôi đã có cơ hội để đẩy lùi thế lực đó, một cơ hội mong manh đến mức gần như không tồn tại mà tôi cảm thấy rõ ràng đang trôi đi mất.

Giờ siết cò nào.

Khẩu súng ngắn giật nảy lên trong tay tôi, tiếng nó vang lên như vừa có một cơn địa chấn, dữ dội và đột ngột tới mức tôi nhắm tịt mắt lại. Khi tôi mở mắt ra, mọi thứ dường như bị đóng băng lại một cách lạ lùng. Mặc dù Golan đang đứng sau lưng Emma, khóa quật hai cánh tay cô lại, lồi cô ra

phía lan can, nhưng trông như thể hai người được đúc bằng đồng vậy. Chẳng lẽ các Chủ Vòng Thời Gian đã trở lại thành người và đang phò phép lên chúng tôi? Nhưng rồi sau đó mọi thứ trở lại bình thường và Emma vùng được hai cánh tay ra, còn Golan bắt đầu loạng choạng lùi lại, sau đó hấn lao đảo khổ sở ngòi tựa vào lan can.

Há hốc miệng kinh ngạc nhìn tôi, hấn định nói nhưng nhận ra mình không thể. Hấn áp hai bàn tay lên cái lỗ bằng cỡ đồng xu tôi đã khoan vào cổ hấn, máu trào ra giữa các ngón tay hấn, chảy xuống theo cánh tay, rồi sức lực tuôn chảy hết ra khỏi người, hấn ngã lộn ra sau và biến mất.

Ngay khoảnh khắc Golan biến mất khỏi tầm nhìn, chẳng ai buồn nhớ tới hấn nữa. Emma chỉ tay ra biển và kêu lên, “Kìa, nó kìa!” Theo hướng ngón tay cô và nheo mắt nhìn ra xa, tôi có thể lờ mờ nhìn thấy một ngọn đèn LED màu đỏ đang nhấp nháy trên các con sóng. Sau đó, chúng tôi hối hả chạy lại chỗ cửa xuống cầu thang rồi cuống cuồng chạy mãi, chạy mãi xuống cái cầu thang xoáy ốc, gần như không hy vọng tới kịp chỗ cái lồng trước khi nó chìm xuống nhưng vẫn điên cuồng cố gắng.

Chúng tôi lao ra ngoài, thấy Millard mang trên mình một dải băng ga rô và Bronwyn đứng bên cạnh cậu ta. Cậu ta la lớn lên gì đó tôi không nghe rõ, nhưng chừng đó là đủ để trấn an tôi rằng cậu ta còn sống. Tôi nắm lấy vai Emma và nói, “Cái xuống!” đồng thời chỉ tới chỗ chiếc xuống bị đánh cắp đã được buộc vào một tảng đá, nhưng nó ở quá xa, tận phía bên kia hải đăng, mà thời gian thì không còn nữa. Thay vì thế, Emma kéo tôi ra phía biển, chúng tôi liền chạy tới rồi lao mình xuống.

Tôi hầu như không cảm thấy lạnh. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là tới kịp chỗ cái lồng trước khi nó biến mất dưới các con sóng. Chúng tôi khóa nước, nhổ phì phì và ho sặc trong khi từng cơn sóng còn đen kịt vỗ vào mặt chúng tôi. Thật khó nói ngọn đèn báo hiệu kia ở cách bao xa, nó chỉ là một đốm sáng le lói giữa đại dương tối om cuộn sóng. Nó nhô lên rồi chìm xuống, xuất hiện rồi biến mất, đã hai lần chúng tôi mất dấu nó và phải dừng bơi, cuống cuồng tìm kiếm rồi mới lại trong thấy nó.

Dòng hải lưu mạnh đang cuốn cái lồng ra ngoài khơi, và cuốn theo cả chúng tôi. Nếu không nhanh tới được chỗ cái lồng, chúng tôi sẽ kiệt sức và chết đuối. Tôi giữ ý nghĩ bi quan này cho riêng mình chừng nào có thể, nhưng khi ngọn đèn biển mất lần thứ ba, và chúng tôi tìm kiếm nó lâu đến mức thậm chí không còn chắc nó đã biển mất từ phía nào trên mặt biển cuộn trào đen kịt, tôi bèn hét to, “Chúng ta phải quay lại thôi!”

Emma không buồn nghe. Cô bơi phía trước tôi, ra xa hơn ngoài khơi. Tôi chộp lấy bàn chân đang đập nước của cô nhưng cô đá hất tôi ra.

“Nó biển mất rồi! Chúng ta sẽ không tìm thấy nó đâu!”

“Im đi, im đi!” cô hét lên, và từ hơi thở khó nhọc của cô, tôi có thể thấy cô cũng đã kiệt sức không kém gì tôi. “Im mồm lại và tìm đi!”

Tôi túm lấy cô, nhìn thẳng vào mặt cô và hét lên, còn cô đá tôi ra, đến khi thấy tôi vẫn không chịu buông tay, còn cô không thể buộc tôi làm thế, cô bắt đầu khóc, chỉ còn là những tiếng gào thét tuyệt vọng không thành lời.

Tôi cố kéo Emma về phía ngọn hải đăng, nhưng cô giống như một tảng đá dưới nước, lại kéo tôi xuống. “Cậu phải bơi!” tôi hét lên. “Bơi đi, nếu không chúng ta sẽ chết đuối!”

Thế rồi tôi nhìn thấy nó - một đốm sáng đỏ nhấp nháy rất mờ. Nó ở rất gần, ngay dưới mặt nước. Thoạt đầu tôi không nói gì, sợ rằng mình chỉ tưởng tượng ra, nhưng sau đó đốm sáng nhấp nháy lần thứ hai.

Emma vừa ho vừa reo lên. Có vẻ như cái lồng đã nằm lại trên một xác tàu đắm khác - nếu không làm thế nào nó có thể nằm nông dưới nước như thế? - và vì nó chỉ vừa mới chìm xuống, tôi tự nhủ rất có thể hai con chim vẫn còn sống.

Chúng tôi bơi tới, chuẩn bị lặn xuống vớt cái lồng, mặc dù tôi không biết phải lấy dưỡng khí từ đâu, chúng tôi gần như đã hết hơi. Thế rồi thật lạ lùng, cái lồng có vẻ như đang trôi lên về phía chúng tôi.

“Chuyện gì vậy?” tôi hét lên. “Có phải đó là một xác tàu đắm không?”

“Không thể nào. Không có cái nào ở đây hết!”

“Vậy thì đó là cái quái gì chứ?”

Trông nó giống như một con cá voi sắp sửa trôi lên mặt nước, dài, đồ sộ, và xám xịt, hoặc một con tàu ma đang trôi lên từ năm mồ biển cả, và rồi một con sóng cồn đột ngột, dữ dội từ phía dưới dâng lên, đẩy chúng tôi ra xa. Chúng tôi có bơi ngược lại nhưng cũng chẳng có nhiều cơ may hơn một vật nổi lềnh bềnh bị cuốn vào một cơn thủy triều, rồi đợt sóng cồn ấy xô ập vào chân chúng tôi và cả chúng tôi cũng bị nâng lên, cưỡi lên con sóng.

Từ trong lòng nước bên dưới chúng tôi, thứ đó nổi lên, vừa rít lên vừa kêu lanh canh như một con quái vật kim khí khổng lồ. Chúng tôi bị mắc kẹt lại trong một làn sóng sủi bọt lăn nhanh đi theo mọi hướng trên mặt nước, rồi bị hất mạnh lên một bề mặt làm bằng các tấm lưới kim loại. Chúng tôi móc các ngón tay vào các ô lưới để không bị trôi tuột xuống biển. Tôi nheo mắt lại nhìn qua làn nước mặn bắn tung tóe và thấy cái lồng đã nằm lại giữa thứ gì đó trong như hai cái vây nhô lên khỏi lưng con quái vật, một cái nhỏ hơn cái kia. Sau đó, tia sáng từ ngọn hải đăng quét qua, và trong vầng sáng của nó tôi nhận ra chúng không phải là những cái vây mà là một tháp chỉ huy và một khẩu pháo lớn bị gắn cố định xuống. Thứ chúng tôi đang nằm lên không phải là một con quái vật, một xác tàu đắm hay một con cá voi...

“Nó là một chiếc U-boat!” tôi hét lên. Không phải ngẫu nhiên mà chiếc tàu ngầm trôi lên từ bên dưới chúng tôi. Chắc hẳn đây là thứ Golan đã đợi.

Emma đã đứng dậy và chạy qua mặt boong tròn tránh về phía cái lồng. Tôi loạng choạng đứng dậy theo. Đúng lúc tôi bắt đầu chạy, một con sóng ào qua boong hất cả hai chúng tôi nằm bẹp xuống.

Tôi nghe thấy một tiếng quát, bèn ngẩng đầu lên thì thấy một người đàn ông mặc quân phục xám nhô lên từ một cửa chui trên cái tháp chỉ huy và chĩa súng vào chúng tôi.

Đạn trút xuống như mưa, nện chan chát lên mặt boong. Cái lồng còn ở cách quá xa - chúng tôi sẽ bị bắn nát bươm trước khi kịp tới chỗ nó - nhưng tôi có thể thấy Emma vẫn định thử làm điều đó.

Tôi chạy tới, ngáng cô và cả hai chúng tôi lăn khỏi boong rơi xuống nước. Mặt biển đen ngòm khép lại bên trên chúng tôi. Đạn cày rào rào

xuống nước, để lại đằng sau những đường vạch sủi bọt.

Khi chúng tôi trôi trở lại lên mặt nước, Emma túm lấy tôi và hét lên, “Tại sao cậu làm thế? Tớ gần cứu được họ rồi!”

“Hắn định giết cậu!” tôi vừa nói vừa vùng ra - và sau đó tôi chợt vỡ lẽ thậm chí có thể Emma còn không hề trông thấy hắn, vì cô đã quá tập trung vào cái lồng, vì thế tôi chỉ lên boong tàu, nơi gã xạ thủ đang sải bước tới chỗ cái lồng. Hắn cầm cái lồng lên lắc lắc. Cửa lồng mở tung, và tôi thấy hình như có gì cử động bên trong - một lý do để hy vọng - rồi sau đó luồng sáng từ hải đăng quét qua trùm lên tất cả. Tôi nhìn thấy khuôn mặt gã xạ thủ hiện lên tròn vẹn trong luồng sáng, miệng hắn nở nụ cười ma mãnh, đôi mắt trắng dã vô hồn. Hắn là một xác sống.

Hắn thò tay vào cái lồng và lấy ra một con chim ướt sũng, chỉ có một con trong đó. Từ trên tháp chỉ huy, một tên lính nữa huýt sáo với hắn, và hắn cầm theo con chim chạy về phía cửa chui.

Chiếc tàu ngầm bắt đầu kêu càn cạch và rít lên. Nước xung quanh chúng tôi sủi lên như đang sôi.

“Bơi, nếu không nó sẽ cuốn chúng ta chìm xuống theo nó mất!” tôi hét lên với Emma. Nhưng cô không nghe thấy tôi nói - đôi mắt cô đang hút về một chỗ khác, về phía một mảng nước tối đen gần đuôi tàu.

Cô bơi về phía nó. Tôi cố ngăn cô lại nhưng cô hất tôi ra. Sau đó, giữa tiếng âm ã của chiếc tàu ngầm, tôi nghe thấy một tiếng kêu chói tai, cao vút. Bà Peregrine!

Chúng tôi tìm thấy bà đang đập dềnh trên các con sóng, vật lộn cố giữ cho đầu nhô lên khỏi mặt nước, một cánh đập đập, cánh kia có vẻ bị gãy. Emma vớt bà lên. Tôi hét to bảo chúng tôi cần phải đi.

Chúng tôi bơi đi bằng chút sức lực còn lại. Đằng sau chúng tôi, một xoáy nước đang mở ra, tất cả lượng nước bị chiếc tàu ngầm chiếm chỗ ào ạt cuộn trở lại lấp đầy khoảng trống khi nó lặn xuống. Biển đang nuốt lấy chính nó và cố nuốt chửng cả chúng tôi, nhưng giờ đây chúng tôi đã mang theo bên mình một biểu tượng chiến thắng có cánh đang kêu rít lên, hay ít nhất cũng

là một nửa chiến thắng, và bà đem lại cho chúng tôi sức mạnh để chống lại dòng xoáy ghê gớm đó. Sau đó, chúng tôi nghe thấy Bronwyn đang lớn tiếng gọi, và cô bạn lực sĩ lao tới băng qua các con sóng kéo chúng tôi trở vào nơi an toàn.

Chúng tôi nằm trên bãi đá dưới bầu trời quang đãng, thở hổn hển lấy hơi, cả người run lẩy bẩy vì kiệt sức. Millard và Bronwyn có quá nhiều câu hỏi, nhưng chúng tôi chẳng còn hơi sức đâu để trả lời họ. Họ đã thấy Golan rơi xuống, rồi chiếc tàu ngầm nổi lên và lặn xuống cũng như bà Peregrine được đưa lên khỏi mặt nước, nhưng bà Avocet thì không; họ đã hiểu những gì cần hiểu. Hai người ôm lấy chúng tôi cho đến khi chúng tôi thôi không run rẩy nữa, và Bronwyn áp bà phụ trách vào dưới áo mình để ủ ấm cho bà. Khi đã ít nhiều lấy lại được sức, chúng tôi tháo dây buộc chiếc xuống của Emma và chèo về phía bờ biển.

Khi chúng tôi tới đó, cả đám trẻ cùng lội ra chỗ nước nông để gặp chúng tôi.

“Bọn mình nghe thấy tiếng súng!”

“Cái tàu lạ đó là gì thế?”

“Cô Peregrine đâu?”

Chúng tôi leo ra khỏi xuống, và Bronwyn vén áo lên để lộ con chim đang thu mình trong đó. Đám trẻ xúm lại xung quanh, bà Peregrine hơi há mồm ra quàng quạc với bọn họ để chứng tỏ bà mệt mỏi nhưng ổn cả. Một tràng hoan hô vang lên.

“Các cậu làm được rồi!” Hugh reo lên.

Olive nhảy một điệu jig nho nhỏ và hát, “Chim, Chim, Chim! Emma và Jacob đã cứu Chim!”

Nhưng cuộc ăn mừng rất ngắn ngủi. Mọi người nhanh chóng nhận ra bà Avocet vắng mặt, cũng như tình trạng nguy kịch của Millard. Đoạn ga rô cho cậu ta được buộc chặt, nhưng cậu ta đã mất nhiều máu và đang yếu dần.

Enoch đưa cho Millard áo khoác của mình, còn Fiona đưa cho cậu cái mũ len cô đội.

“Bọn tớ sẽ đưa cậu vào thị trấn tìm bác sĩ”, Emma nói với cậu ta.

“Vớ vẩn”, Millard đáp. “Ông ta chưa bao giờ trong thấy một cậu nhóc vô hình, và ông ta sẽ chẳng biết phải làm gì nếu có gặp đi nữa. Ông sẽ chữa nhầm bên chân hoặc hét tướng lên rồi bỏ chạy.”

“Ông ta có hét tướng lên rồi bỏ chạy hay không không quan trọng”, Emma nói. “Một khi vòng được khởi động lại, ông ta sẽ chẳng nhớ gì hết.”

“Hãy nhìn quanh cậu đi. Đáng ra vòng phải được khởi động lại từ một tiếng trước rồi.”

Millard nói đúng - bầu trời im ắng, trận không kích đã kết thúc, nhưng những cuộn khói bom vẫn đang hòa lẫn giữa các đám mây.

“Không hay chút nào”, Enoch nói, và mọi người đều thấy lo ngại.

“Dù thế nào đi nữa”, Millard nói tiếp, “tất cả những gì tớ cần đều ở trong nhà. Chỉ cần cho tớ một bát còn thuốc phiện và rửa vết thương bằng rượu mạnh. Dù sao vết thương cũng chỉ vào phần mềm. Sau ba ngày tớ sẽ lại ngon lành như thường.”

“Nhưng vết thương vẫn còn chảy máu”, Bronwyn nói, chỉ ra những giọt nhỏ màu đỏ lấm chấm trên mặt cát phía dưới cậu ta.

“Vậy hãy buộc cái ga rô mắc dịch đó chặt hơn nữa!”

Cô làm theo, và Millard thở hắt ra mạnh đến nỗi khiến mọi người cùng co rúm lại, sau đó ngất xỉu trong vòng tay cô.

“Cậu ấy không sao chứ?” Claire hỏi.

“Chỉ ngất đi thôi”, Enoch nói. “Cậu ấy không hề khỏe như vẫn cố giả bộ.”

“Chúng ta làm gì bây giờ?”

“Hỏi cô Peregrine!” Olive nói.

“Phải. Đặt cô xuống để cô có thể biến hình trở lại”, Enoch nói. “Cô không thể cho chúng ta biết phải làm gì khi vẫn còn trong lột chim đâu.”

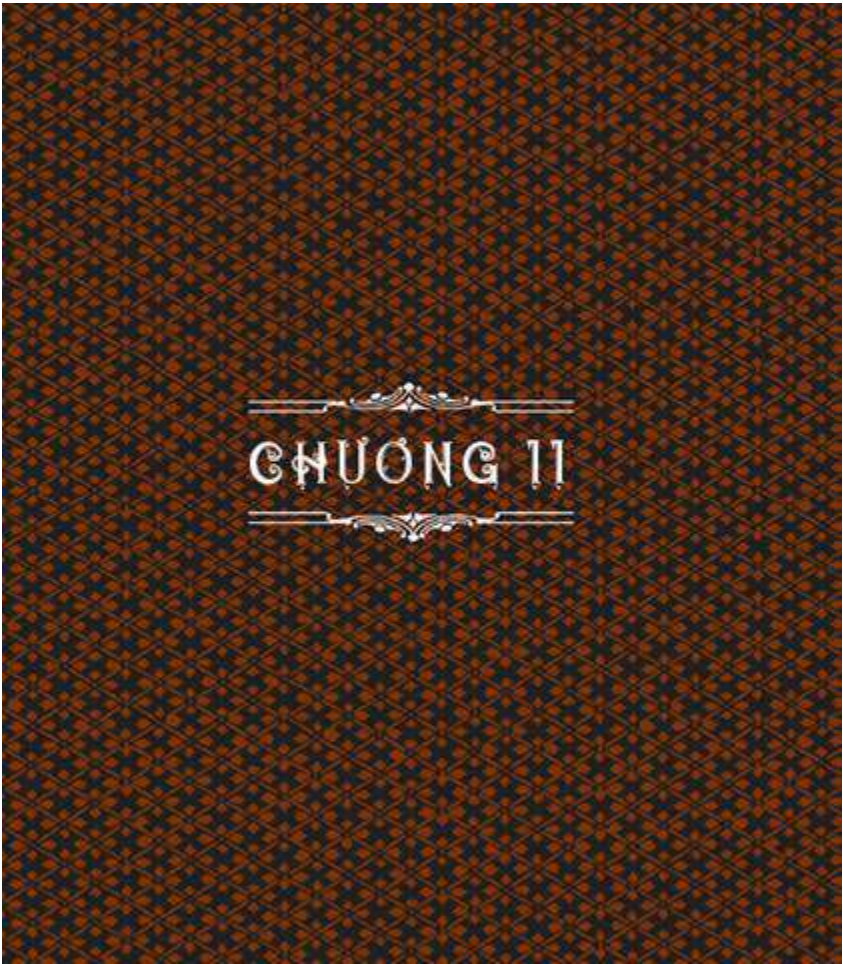
Vậy là Bronwyn đặt bà xuống một đám cát khô, và tất cả chúng tôi lùi lại chờ đợi. Bà Peregrine nhảy chồm lên vài lần, đập bên cánh còn lành, sau đó quay cái đầu phủ đầy lông vũ nhìn quanh và chớp mắt với chúng tôi - nhưng chỉ có thế. Bà vẫn là một con chim.

“Có thể cô muốn một chút riêng tư”, Emma gợi ý. “Chúng mình hãy quay lưng lại.”

Và chúng tôi làm theo, tạo thành một vòng lớn quanh bà. “An toàn rồi, cô P”, Olive nói. “Không có ai nhìn đâu ạ!”

Sau một phút, Hugh ghé mắt nhìn và nói, “Không được, vẫn là chim.”

“Có thể cô quá mệt và lạnh!” Claire nói, và khá nhiều người tán thành rằng lý do này hợp lý, nên chúng tôi quyết định sẽ quay trở về trại trẻ, chữa vết thương cho Millard với những thứ chúng tôi có, và hy vọng sau một thời gian nghỉ ngơi, cả cô phụ trách lẫn vòng thời gian của bà sẽ trở lại bình thường.



Chương 11

Chúng tôi leo lên triền dốc và vượt qua đỉnh đồi như một toán cựu binh đã rã rời vì chiến tranh, thành hàng một, đầu cúi gằm: Bronwyn bé Millard trên tay, còn bà Peregrine nằm trên mái tóc như tổ chim của Fiona. Quang cảnh xung quanh lở chỗ những hố bom còn bốc khói, những đám đất vừa bị xới lên hất vung vãi ra khắp nơi như thể một con chó khổng lồ nào đó đã đào bới. Tất cả chúng tôi tự hỏi không biết cái gì đang chờ đợi mình ở nhà, nhưng không ai dám nói ra lời.

Chúng tôi có được câu trả lời thậm chí từ trước khi đi qua khu rừng. Bàn chân Enoch đá phải thứ gì đó, cậu ta bèn cúi người xuống nhìn. Đó là một viên gạch đã cháy đen một nửa.

Cơn hoảng loạn bùng lên. Đám trẻ bắt đầu cuống cuồng chạy theo lối mòn. Khi họ tới chỗ bãi cỏ, những đứa nhỏ nhất òa khóc. Khói bốc mù mịt khắp nơi. Quả bom đã không dừng lại trên ngón tay Adam như thường lệ mà xẻ dọc anh ta làm đôi ngay chính giữa và nổ tung. Góc đằng sau nhà đã biến thành một đồng đồ nát sụn xuống bốc khói ngùn ngụt. Những đám lửa nhỏ cháy trên lớp giấy dán tường đã thành than của hai căn phòng. Nơi Adam từng nằm là một cái hố nham nhở đủ sâu để chôn một người đứng thẳng. Giờ đây thật dễ hình dung cảnh tượng nơi này sẽ ra sao vào một ngày nào đó: chính là đồng phế tích buồn thảm như có ma ám tôi đã khám phá ra lần đầu tiên mấy tuần trước. Ngôi nhà ác mộng.

Bà Peregrine nhảy xuống từ trên đầu Fiona và bắt đầu hối hả chạy vòng quanh trên mặt cỏ cháy sém, kêu lớn lên hốt hoảng.

“Cô phụ trách, chuyện gì đã xảy ra vậy?” Olive hỏi. “Tại sao thời điểm chuyển đổi không tới?”

Bà Peregrine chỉ có thể kêu rít lên đáp lại. Dường như bà cũng bối rối và hoảng loạn như tất cả chúng tôi.

“Làm ơn hãy biến hình trở lại!” Claire nài nỉ, quỳ gối xuống trước mặt bà.

Bà Peregrine đập cánh, nhảy lên và dường như đang cố gồng mình, nhưng vẫn không thể biến hình. Đám trẻ xúm quanh đây lo ngại.

“Có chuyện gì đó không ổn”, Emma nói. “Nếu có thể trở lại thành người thì đến lúc này cô đã làm rồi.”

“Có lẽ chính vì thế vòng thời gian bị dịch chuyển”, Enoch đề xuất. “Còn nhớ chuyện về cô Kestrel lúc trước không khi cô ấy bị ngã xe đạp trong một vụ tai nạn giao thông chứ? Cô ấy bị đập đầu xuống và biến thành một con chim cắt trong cả một tuần. Và chính lúc đó vòng thời gian của cô ấy bị dịch chuyển.”

“Chuyện đó thì có liên quan gì tới cô Peregrine?”

Enoch thở dài. “Có thể cô chỉ bị chấn thương đầu và bọn mình chỉ cần đợi một tuần để cô bình phục lại.”

“Một cái xe tải đang phóng nhanh là một chuyện”, Emma nói. “Bị đám xác sống hành hạ lại là chuyện khác. Chẳng thể biết được tên khốn đó đã làm gì cô Peregrine trước khi bọn tớ cứu được cô ấy.”

“Đám xác sống? Số nhiều à?”

“Chính đám xác sống đã bắt bà Avocet đi”, tôi nói.

“Làm sao cậu biết được?” Enoch hỏi.

“Chúng là đồng bọn của Golan, phải không nào? Và tớ đã thấy đôi mắt của cái gã bắn vào bọn tớ. Chẳng còn gì để nghi ngờ nữa.”

“Vậy thì cô Avocet chết chắc rồi”, Hugh nói. “Chúng chắc chắn sẽ giết cô ấy.”

“Có thể là không”, tôi đáp. “Ít nhất cũng không phải ngay lập tức.”

“Tớ biết một điều về đám xác sống”, Enoch nói, “chúng giết những người đặc biệt. Đó là tập tính của chúng. Chúng sẽ làm thế.”

“Không, Jacob nói đúng”, Emma nói. “Trước khi gã xác sống đó chết, hẳn đã nói cho bọn tớ biết vì sao chúng bắt cóc nhiều Chủ Vòng Thời Gian

đến thế. Chúng sẽ ép buộc họ phải thực hiện lại phản ứng từng tạo ra các hòn rỗng hồi trước - chỉ có điều ở quy mô lớn hơn. Lớn hơn rất nhiều.”

Tôi nghe thấy ai đó kêu lên thảng thốt. Những người khác đều im lặng. Tôi nhìn quanh tìm bà Peregrine và thấy bà cô độc đậu bên rìa cái hố bom ở chỗ Adam.

“Chúng ta cần chặn chúng lại”, Hugh nói. “Chúng ta cần tìm ra nơi chúng mang các Chủ Vòng Thời Gian tới.”

“Bằng cách nào?” Enoch hỏi. “Bám theo một chiếc tàu ngầm chắc?”

Đằng sau tôi, một tiếng hắng giọng vang lên thật to, chúng tôi quay lại thì thấy Horace đang ngồi xếp bằng trên đất. “Tớ biết nơi chúng đang tới”, cậu ta khẽ nói.

“Ý cậu là sao, cậu biết ư?”

“Đừng bận tâm cậu ấy biết bằng cách nào, cậu ấy biết”, Emma nói. “Chúng đã mang cô ấy đi đâu, Horace?”

Cậu ta lắc đầu. “Tớ không biết tên nơi đó”, cậu ta nói, “nhưng tớ đã thấy nó.”

“Vậy hãy vẽ nó ra”, tôi nói.

Cậu ta ngẫm nghĩ giây lát rồi kiên quyết đứng dậy. Trông như một người truyền bá Phúc Âm hành khát trong bộ vest đen rách toạc, cậu ta lê chân tới chỗ một đồng tro tràn ra từ bên trong ngôi nhà nứt toác rồi cúi xuống bốc đầy một lòng bàn tay muội than. Tiếp theo, dưới ánh trăng dịu dịu, cậu ta bắt đầu vẽ lên một bức tường vỡ bằng những nét thật rộng.

Chúng tôi xúm lại quanh để xem. Cậu ta đang vẽ một hàng những nét đậm thẳng đứng, trên cùng là những vòng xoắn mảnh, trông như cọc rào và dây thép gai. Ở một bên là một khu rừng tối tăm. Dưới đất có tuyết phủ, được thể hiện bằng muội than đen. Và đó là tất cả.



Sau khi vẽ xong, cậu ta loạng choạng lùi ra và ngồi phịch xuống cỏ, ánh nhìn đờ đẫn, xa xăm. Emma dịu dàng đặt tay lên vai cậu ta và nói, “Horace, cậu còn biết gì thêm về nơi này không?”

“Nơi đó lạnh lẽo lắm.”

Bronwyn bước tới xem xét những nét Horace vạch ra trên tường. Cô vòng cánh tay ôm lấy Olive, đầu Olive hiền hòa tựa vào vai cô. “Tớ trông nó như một nhà tù vậy”, Bronwyn nói.

Olive ngẩng cổ lên. “Thế nào?” cô khẽ hỏi. “Khi nào chúng ta đi?”

“Đi đâu?” Enoch vừa nói vừa giơ hai bàn tay lên. “Đó chỉ là một mớ nguệch ngoạc!”

“Đó là một nơi nào đó”, Emma nói và quay lại nhìn thẳng vào mặt cậu ta.

“Chúng ta không thể cứ tới chỗ nào có tuyết và tìm một cái nhà tù.”

“Và chúng ta cũng không thể ở lại đây.”

“Sao lại không?”

“Hãy nhìn tình trạng nơi này đi. Hãy nhìn cô phụ trách. Chúng ta đã có khoảng thời gian rất tuyệt ở đây, nhưng nó kết thúc rồi.”

Enoch và Emma đôi co một hồi. Những người còn lại ai nấy chọn cho mình một bên. Enoch lý luận rằng họ đã tách biệt quá lâu khỏi thế giới, họ sẽ bị mắc kẹt trong cuộc chiến tranh hay bị đám hồn rỗng bắt nếu rời khỏi vòng, và tốt hơn nên tìm cơ hội ở đây, ít nhất họ cũng thông thuộc địa hình nơi này. Những người khác nhấn mạnh rằng đằng nào giờ chiến tranh và đám hồn rỗng đã tìm đến với họ rồi, và họ không có lựa chọn nào khác. Đám hồn rỗng và bọn xác sống sẽ quay lại tìm cô Peregrine, và thậm chí khi đó chúng còn đông hơn. Và phải nghĩ tới cả cô Peregrine nữa.

“Chúng ta sẽ tìm một Chủ Vòng Thời Gian khác”, Emma đề xuất. “Chỉ có những người bạn của cô phụ trách mới biết cách giúp cô.”

“Nhưng sẽ thế nào nếu tất cả các vòng thời gian khác cũng đều đã bị dịch chuyển?” Hugh nói. “Sẽ thế nào nếu tất cả Chủ Vòng Thời Gian khác đều đã bị bắt cóc?”

“Chúng ta không thể nghĩ theo lối đó. Nhất định phải còn lại vài người.”

“Emma nói đúng”, Millard nói, nằm trên mặt đất lấy một mảnh tường vỡ làm gối kê đầu. “Nếu lựa chọn còn lại là cứ chờ đợi và hy vọng - rằng sẽ không có thêm hồn rỗng nào mò tới, rằng cô phụ trách sẽ khá hơn - thì theo tớ đó chẳng phải là lựa chọn.”

Những người thoái chí cuối cùng cũng bị làm cho bẽ mặt và phải đồng ý. Cần rời bỏ trại trẻ. Đồ mang theo cần được đóng gói. Cần trưng dụng vài

chiếc thuyền từ chỗ bến tàu để sử dụng, và đến sáng tất cả sẽ lên đường.

Tôi hỏi Emma họ sẽ định hướng ra sao. Nói gì thì nói, đám trẻ đã ở trên đảo gần tám mươi năm, còn bà Peregrine lại không thể nói hay bay được.

“Có một bản đồ”, cô nói với tôi trong khi chậm rãi quay đầu nhìn về phía trại trẻ đang bốc khói. “Đây là trong trường hợp nó chưa bị cháy mất.”

Tôi xung phong giúp cô đi tìm nó. Quấn vải ướt lên che mặt, chúng tôi đánh liều đi vào trong nhà, chui vào qua bức tường đồ sập. Các cửa sổ đã vỡ hết kính, không gian mù mịt khói nhưng nhờ ánh sáng mạnh từ ngọn lửa trên bàn tay Emma, chúng tôi tìm được đường tới phòng học. Tất cả các giá sách đã đổ ập xuống như những quân domino, chúng tôi đẩy chúng sang bên và phủ phục xuống tìm kiếm trong những cuốn sách rơi vung vãi trên sàn. Và như thể vận may đã mỉm cười, cuốn sách thật dễ tìm: đó là cuốn sách to nhất trong thư viện. Emma reo lên mừng rỡ và cầm nó lên.

Trên đường quay ra, chúng tôi tìm thấy rượu mạnh, còn thuốc phiện và băng gạc sạch cho Millard. Sau khi giúp lau sạch và băng vết thương lại cho cậu ta, chúng tôi cùng ngồi xuống xem cuốn sách. Thực ra đây là một tập bản đồ chứ không phải một tấm bản đồ, được đóng trong bìa da được nhuộm màu đỏ thẫm như vang Bourgogne, mỗi trang đều được vẽ cẩn thận trên thứ chất liệu gì đó như giấy da. Tập bản đồ rất đẹp và cổ, khổ to đến mức khít một vòng tay ôm của Emma.

“Nó được gọi là bản đồ Các Ngày”, cô nói. “Nó thể hiện tất cả các vòng thời gian được cho là từng tồn tại.” Trang cô đã giở ra có vẻ là một bản đồ Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù không có con đường nào được vẽ, không biên giới nào được vạch rõ. Thay vào đó, tám bản đồ có vẽ rải rác những vòng xoáy ốc nhỏ xíu, tôi đoán đó là vị trí các vòng thời gian. Ở giữa mỗi vòng xoáy là một ký hiệu đặc trưng tương ứng với một chú giải ở phía cuối trang bản đồ, tại đó các ký hiệu xuất hiện trở lại cạnh một dãy các con số cách nhau bằng dấu gạch ngang. Tôi chỉ vào dòng ghi 29-3-316 / ?-?-399 và hỏi, “Đây là cái gì vậy, một loại mật mã à?”

Emma đưa ngón tay lần theo dòng số. “Vòng thời gian này là ngày hai mươi chín tháng Ba năm 316 Công nguyên. Nó tồn tại cho tới tận thời điểm

nào đó vào năm 399, nhưng ngày tháng thì không rõ.”

“Chuyện gì xảy ra năm 399 vậy?”

Cô nhún vai. “Trong đó không nói rõ.”

Tôi vươn người ra trước cô và lật sang một bản đồ Hy Lạp, trên đó còn dày đặc các vòng xoáy ốc và con số hơn. “Nhưng liệt kê tất cả những cái này ra để làm gì?” tôi hỏi. “Làm thế nào cậu có thể tới những vòng cổ xưa này được?”

“Bằng cách nhảy cóc”, Millard nói. “Đó là một việc cực kỳ phức tạp và nguy hiểm, nhưng bằng cách nhảy cóc từ một vòng tới một vòng khác - một ngày thuộc về năm mươi năm trước trong quá khứ chẳng hạn - cậu có thể thấy mình tiếp cận được toàn bộ những vòng đã ngừng tồn tại trong vòng năm mươi năm vừa qua. Nếu từ đó cậu có thể tìm được tới chúng, ở trong các vòng đó cậu sẽ còn tìm thấy những vòng khác, và cứ thế tăng lên theo số mũ.”

“Đó là du hành vượt thời gian”, tôi kinh ngạc thốt lên. “Du hành vượt thời gian thật sự.”

“Phải, tớ cho là vậy.”

“Vậy thì nơi này”, tôi nói, chỉ tay vào hình vẽ bằng muội than của Horace trên tường. “Chúng ta không những phải xác định xem nó nằm ở đâu, mà còn vào thời điểm nào nữa, đúng không?”

“Tớ e là thế. Và nếu quả thực cô Avocet đang bị đám xác sống, những kẻ khét tiếng thành thạo trong việc nhảy cóc thời gian bắt giữ, thì rất có khả năng nơi cô ấy và các Chủ Vòng Thời Gian khác bị đưa tới nằm ở đâu đó trong quá khứ. Điều đó sẽ khiến cho việc tìm họ càng thêm khó khăn, và việc đến đó càng thêm nguy hiểm. Vị trí những vòng thời gian trong quá khứ đều bị các kẻ thù của chúng ta biết rõ, và chúng thường lảng vảng chờ chực ngay gần lối vào.”

“À, nếu thế”, tôi nói, “quả là chuyện tốt khi tớ đi cùng các cậu.”

Emma quay sang nhìn tôi. “Ồ, thế thì tuyệt quá!” cô reo lên rồi ôm chầm lấy tôi. “Cậu chắc chứ?”

Tôi nói với cô là tôi chắc. Dù đang mệt rã rời, đám trẻ cũng hồ hởi huýt sáo và vỗ tay. Một vài người ôm hôn tôi. Thậm chí cả Enoch cũng bắt tay tôi. Nhưng khi tôi quay lại nhìn Emma, nụ cười của cô đã biến mất.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

Cô cựa người bối rối. “Có một chuyện cậu cần phải biết”, cô nói, “và tớ e là nó sẽ làm cậu không muốn đi cùng bọn tớ.”

“Không đâu”, tôi cam đoan với cô.

“Khi chúng ta rời khỏi đây, vòng thời gian sẽ khép lại đằng sau chúng ta. Có thể cậu sẽ không bao giờ còn quay lại được thời điểm cậu xuất phát để tới đây. Hay ít nhất cũng không dễ dàng.”

“Chẳng có gì cho tớ ở đó nữa”, tôi vội nói. “Thậm chí dù có thể quay lại, tớ cũng không chắc mình muốn thế.”

“Bây giờ cậu nói vậy thôi. Tớ cần cậu phải chắc chắn.”

Tôi gật đầu, rồi đứng lên.

“Cậu đi đâu thế?” Emma hỏi.

“Đi dạo.”

Tôi không đi xa, chỉ chậm rãi vòng quanh khoảng sân gọn ghẽ, ngắm nhìn bầu trời lúc này đã quang đãng, với hàng tỷ ngôi sao trải ra rải rác. Những ngôi sao cũng là những kẻ du hành vượt thời gian. Có bao nhiêu trong số những đốm sáng cổ xưa kia là dư ảnh cuối cùng của các mặt trời giờ đây đã chết? Có bao nhiêu ngôi sao nữa đã hình thành nhưng ánh sáng của chúng vẫn chưa đi xa được tới đây? Nếu tất cả các mặt trời trừ mặt trời của chúng ta đều vụt tắt tới nay, sẽ phải mất quãng thời gian bằng bao nhiêu đời người nữa chúng ta mới nhận ra sự cô độc của mình? Tôi vẫn luôn biết bầu trời đầy ắp các bí ẩn - nhưng mãi tới bây giờ tôi mới nhận ra mặt đất cũng đầy ắp bí ẩn đến mức nào.

Tôi tới chỗ con đường mòn dẫn vào rừng. Ở đầu bên kia là nhà và mọi thứ tôi biết, không bí ẩn, bình thường và an toàn.

Có điều nó *không an toàn*. Không hẳn an toàn. Không còn an toàn nữa. Đám quái vật đã sát hại ông nội Portman, và chúng đã bám theo tôi. Sớm muộn gì chúng sẽ lại tiếp tục. Có khi nào một ngày nào đó tôi quay về nhà và thấy bố mình nằm chết dưới sàn, người đầm đìa máu? Hoặc là mẹ tôi? Ở đầu bên này con đường, đám trẻ đang tập trung thành từng nhóm nhỏ đây phàn khích, lần đầu tiên trong cuộc đời được bàn bạc lên kế hoạch cho tương lai.

Tôi bước trở lại chỗ Emma, cô vẫn đang cúi xuống tập bản đồ to tướng. Bà Peregrine đậu cạnh Emma, dùng mỏ mỏ lên chỗ này chỗ kia trên bản đồ. Cô ngược lên khi tôi lại gần.

“Tớ chắc”, tôi nói.

Cô mỉm cười. “Tớ rất vui.”

“Chỉ còn một việc tớ phải làm trước khi đi.”

Tôi quay về thị trấn ngay trước bình minh. Mưa cuối cùng cũng ngớt, và khởi đầu của một ngày quang đãng đã hé rạng phía chân trời. Đường cái trông giống như một cánh tay với các tĩnh mạch bị rạch toang, những vết rạch dài ở nơi nước lụt cuốn trôi lớp sỏi rải đường đi mất.

Tôi bước vào quán rượu, qua chỗ quầy bar vắng tanh lên lầu, đến hai căn phòng của bố con tôi. Tôi om, cửa phòng bố tôi vẫn đóng, điều này khiến tôi nhẹ nhõm vì tôi vẫn chưa nghĩ ra được làm thế nào để nói những gì phải nói với ông. Thay vì thế, tôi ngồi xuống, lấy bút và giấy rồi viết cho ông một lá thư.

Tôi cố giải thích mọi thứ. Tôi viết về đám trẻ đặc biệt, về các hồn rỗng cũng như việc tất cả những câu chuyện ông nội Portman kể hóa ra đều là sự thật. Tôi kể với bố những gì đã xảy đến với bà Peregrine và bà Avocet, đồng thời cố giải thích để ông hiểu vì sao tôi phải ra đi. Tôi mong ông đừng lo lắng.

Sau đó, tôi dùng bút rồi đọc những gì vừa viết. Không ổn. Bố sẽ không bao giờ tin vào lá thư. Ông sẽ nghĩ tôi đã bị mất trí hết như ông nội, hoặc

cho rằng tôi đã bỏ trốn hay bị lừa đi theo kẻ nào đó, hay nhảy từ trên vách đá xuống. Dù là thế nào, tôi cũng sẽ hủy hoại cuộc sống của ông. Tôi vo tờ giấy lại và ném nó vào sọt rác.

“Jacob?”

Tôi ngoảnh lại và thấy bố đang tựa người vào thành cửa, đôi mắt lơ mờ, tóc rối bù, mặc một chiếc áo sơ mi bết bùn và quần jean.

“Con chào bố.”

“Bố sẽ hỏi con một câu đơn giản, không vòng vo”, ông nói, “và bố muốn một câu trả lời đơn giản, không vòng vo. Tối qua con đã ở đâu?” Tôi có thể thấy ông đang cố sức để giữ bình tĩnh.

Tôi đã quyết định chấm dứt việc nói dối. “Bố, con ổn cả. Con đã ở cùng các bạn con.”

Chẳng khác gì tôi giật chột an toàn một quả lựu đạn.

“ĐÁM BẠN CỦA CON CHỈ LÀ TƯỢNG TƯỢNG!” bố tôi hét lên. Ông bước lại phía tôi, mặt đỏ gay. “Bố ước gì mẹ con và bố đừng bao giờ để gã bác sĩ tâm lý lập dị đó thuyết phục đưa con tới đây, vì chuyện đó đã trở thành một *tai họa* ghê gớm! Vừa rồi là lần cuối cùng con nói dối bố đấy! Giờ hãy vào phòng con và bắt đầu gói ghém đồ. Chúng ta sẽ lên chuyến phà tiếp theo!”

“Kìa bố?”

“Và khi chúng ta về nhà, con sẽ không được ra khỏi nhà cho tới khi chúng ta tìm được bác sĩ tâm lý nào đó không *ngu* toàn tập!”

“Bố!”

Tôi cân nhắc trong giây lát xem mình có buộc phải chạy trốn khỏi ông hay không. Tôi hình dung ra bố đè tôi xuống, lớn tiếng gọi người tới giúp, rồi điệu tôi lên phà với hai cánh tay bị giữ lại trong một cái áo bó chặt người dùng để kiểm soát bệnh nhân tâm thần.

“Con không đi với bố đâu”, tôi nói.

Đôi mắt ông nheo lại, rồi ông nghiêng đầu sang một bên như thể chưa nghe rõ. Tôi đang định nhắc lại câu vừa rồi thì có tiếng gõ cửa.

“Biển đi!” bố tôi gắt lên.

Tiếng gõ cửa lại vang lên, lần này to rõ hơn. Bố tôi ùng ùng xông tới mở toang cửa ra, và đứng trên đầu cầu thang là Emma, một quả cầu lửa xanh lơ nhỏ xíu nhảy múa trên bàn tay cô. Bên cạnh cô là Olive.

“Xin chào”, Olive nói. “Chúng cháu tới đây gặp Jacob.”

Bố tôi ngó người ra nhìn họ. “Cái gì thế này...”

Hai cô gái lách qua ông vào trong phòng.

“Hai người đang làm gì ở đây vậy?” tôi khẽ gắt lên với họ.

“Bọn mình chỉ muốn tự giới thiệu thôi”, Emma đáp, nhoẻn một nụ cười hết cỡ về phía bố tôi. “Chúng cháu gần đây có chơi khá thân với con trai chú, vì thế chúng cháu thấy ghé qua thăm cũng là hợp lẽ.”

“Được thôi”, bố tôi nói, đưa mắt nhìn qua nhìn lại hai vị khách.

“Cậu ấy thực sự là một chàng trai cừ khôi”, Olive nói. “Rất can đảm!”

“Và đẹp trai nữa!” Emma nói thêm và nháy mắt với tôi. Cô bắt đầu chao qua chao lại quả cầu lửa giữa hai bàn tay mình như một món đồ chơi. Bố tôi nhìn nó chăm chăm như bị thôi miên.

“Ph... phải”, ông lắp bắp. “Hẳn rồi.”

“Chú không phiền nếu cháu cởi giày ra chứ ạ?” Olive hỏi, rồi cởi luôn giày ra mà không đợi câu trả lời, và lập tức lơ lửng bay lên tận trần. “Cảm ơn chú. Thế này thoải mái hơn nhiều!”

“Bố, đây là các bạn con. Những người bạn con đã kể với bố. Đây là Emma, còn kia là Olive, trên trần ấy.”

Bố tôi loạng choạng lùi lại một bước. “Bố vẫn đang ngái ngủ”, ông mơ màng nói. “Bố mệt quá...”

Một cái ghé tựa nhắc mình lên khỏi sàn, bồng bênh bay tới chỗ ông, đằng sau là một dải băng bó được quấn rất có nghề nhấp nhô trong không khí.

“VẬY MỜI CHÚ NGỒI XUỐNG”, MILLARD LÊN TIẾNG.

“ĐƯỢC”, BỐ TÔI ĐÁP, VÀ ÔNG NGỒI XUỐNG.

“CẬU LÀM GÌ Ở ĐÂY VẬY?” TÔI THÌ THÀO HỎI MILLARD. “ĐÁNG LẼ CẬU CẦN NẪM NGHĨ CHỨ?”

“TỚ ĐI LOANH QUANH THÔI.” CẬU TA GIƠ LÊN MỘT LỌ THUỐC TRÔNG CÓ VẼ HIỆN ĐẠI. “TỚ PHẢI CÔNG NHẬN TRONG TƯƠNG LAI HỌ CHẾ TẠO ĐƯỢC NHỮNG VIÊN THUỐC GIẢM ĐAU CÔNG HIỆU ĐẾN KỲ DIỆU!”

“BỐ, ĐÂY LÀ MILLARD”, TÔI NÓI. “BỐ KHÔNG NHÌN THẤY CẬU ẤY VÌ CẬU ẤY VÔ HÌNH.”

“RẤT VUI ĐƯỢC GẶP CHÁU.”

“CHÁU CŨNG VẬY”, MILLARD NÓI.

TÔI ĐẾN BÊN BỐ VÀ QUỖY GỒI XUỐNG CẠNH GHẾ ÔNG NGỒI. ĐẦU ÔNG HƠI GẬT GÙ. “BỐ, CON SẼ ĐI. CÓ THỂ BỐ CON MÌNH SẼ KHÔNG GẶP NHAU MỘT THỜI GIAN.”

“Ồ, VẬY SAO? CON ĐỊNH ĐI Đâu?”

“MỘT CUỘC DU HÀNH.”

“MỘT CUỘC DU HÀNH”, ÔNG NHẮC LẠI. “KHI NÀO CON VỀ?”

“CON CŨNG KHÔNG BIẾT NỮA.”

BỐ TÔI LẮC ĐẦU. “HỆT NHƯ ÔNG NỘI CON VẬY.” MILLARD VẶN NƯỚC TỪ VÒI VÀO MỘT CÁI CỐC RỒI MANG TỚI CHO BỐ TÔI, ÔNG ĐƯA TAY RA CẦM LẤY NÓ, NHƯ THỂ NHỮNG CÁI CỐC THỦY TINH BAY LƠ LỬNG CHẴNG CÓ GÌ LẠ THƯỜNG. TÔI ĐOÁN ÔNG THỰC SỰ NGHĨ MÌNH ĐANG MƠ. “ĐƯỢC RỒI, CHÚC NGỦ NGON”, BỐ TÔI NÓI RỒI ĐỨNG DẬY, BẮM VÀO GHẾ ĐỂ ĐỨNG VỮNG HẸN, SAU ĐÓ LÊ BƯỚC VỀ PHÒNG NGỦ CỦA MÌNH. DỪNG LẠI NGOÀI CỬA, ÔNG QUAY LẠI NHÌN VÀO MẶT TÔI.

“JAKE NÀY?”

“VẬY, THƯA BỐ?”

“CẨN THẬN CON NHÉ!”

TÔI GẬT ĐẦU. BỐ TÔI ĐÓNG CỬA LẠI. MỘT KHOẢNH KHẮC SAU TÔI NGHE THẤY ÔNG NẪM VẬT XUỐNG GIƯỜNG.

Tôi ngồi xuống và đưa tay lên xoa mặt. Tôi không biết phải cảm thấy thế nào nữa.

“Bọn mình có giúp được gì không?” Olive hỏi từ chỗ cô đang bám trên trần.

“Tớ không rõ nữa”, tôi nói. “Tớ không nghĩ vậy. Sau đây bố tớ sẽ chỉ thức dậy và nghĩ ông đã nằm mơ thấy tất cả các cậu.”

“Cậu có thể viết một lá thư”, Millard gợi ý. “Nói với ông ấy bất cứ điều gì cậu muốn - ông ấy không bám theo bọn mình được đâu.”

“Tớ đã viết một lá thư. Nhưng nó không phải là bằng chứng.”

“À”, cậu ta đáp. “Phải, tớ hiểu khó khăn của cậu rồi.”

“Bị vậy cũng hay nhỉ”, Olive nói. “Ước gì bố mẹ tớ đã yêu tớ đủ để lo lắng khi tớ rời khỏi nhà.”

Emma đưa tay ra siết nhẹ bàn tay Olive. Rồi Emma nói, “Có lẽ tớ có bằng chứng đấy.”

Cô lấy từ trong cặp váy ra một cái ví nhỏ rồi lấy từ đó ra một bức ảnh. Cô đưa bức ảnh cho tôi. Đó là ảnh chụp cô và ông tôi khi ông còn trẻ. Tất cả sự chú ý của cô tập trung vào ông, nhưng ông dường như đang để tâm đi đâu. Bức ảnh thật buồn và đẹp, bao hàm toàn bộ phần ít ỏi tôi biết về mối quan hệ của hai người.

“Nó được chụp ngay trước khi Abe lên đường ra trận”, Emma nói. “Bố cậu sẽ nhận ra tớ, phải không?”

Tôi mỉm cười với cô. “Trông cậu như chưa già thêm lấy một ngày.”

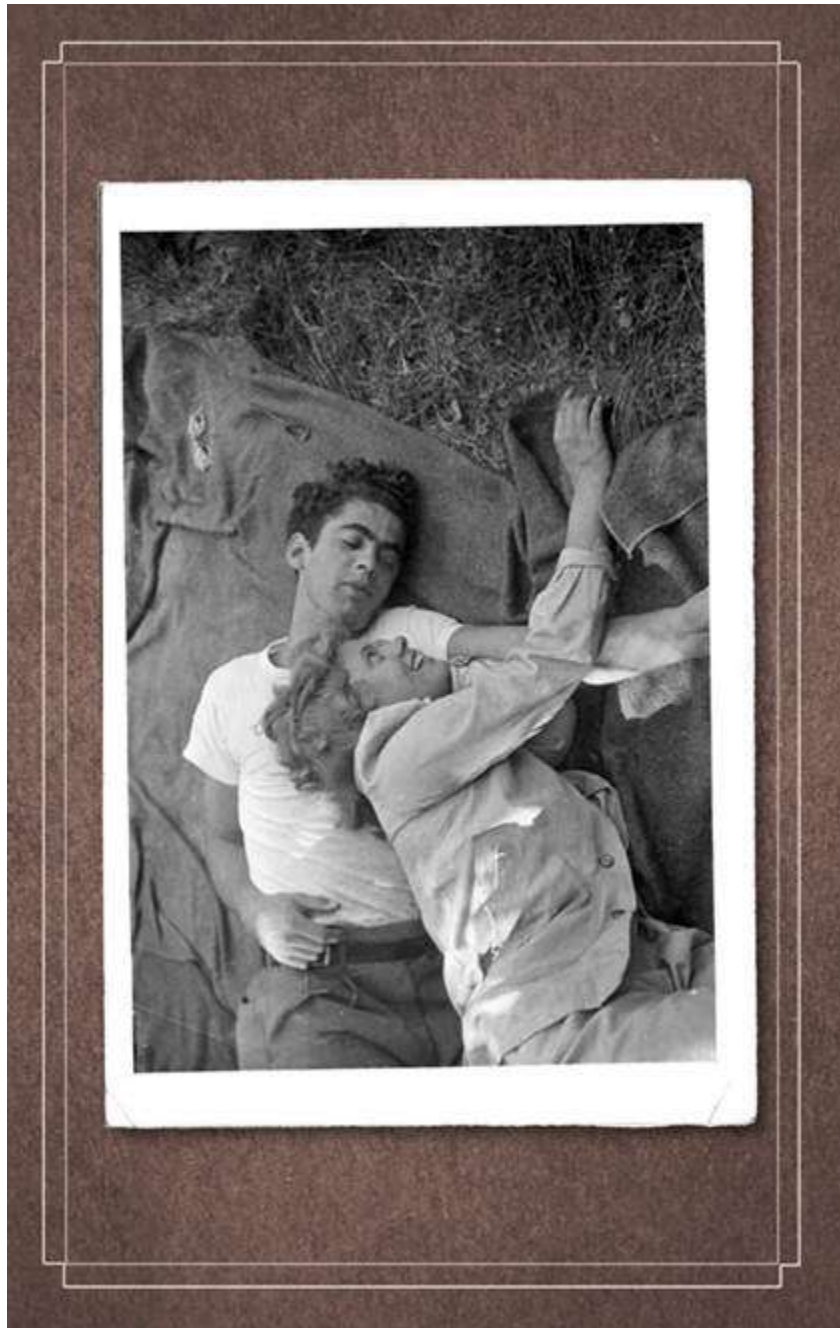
“Tuyệt vời!” Millard nói. “Đó là bằng chứng của cậu.”

“Cậu luôn giữ bức ảnh này bên mình sao?” tôi hỏi khi trả lại Emma bức ảnh.

“Phải. Nhưng tớ không còn cần đến nó nữa.” Cô tới bên bàn, cầm lấy cây bút của tôi và bắt đầu viết lên đằng sau bức ảnh. “Tên bố cậu là gì?”

“Franklin.”

Khi đã viết xong, cô đưa bức ảnh cho tôi. Tôi xem qua cả hai mặt rồi lấy lá thư của mình từ trong sọt rác ra, vuốt phẳng nó, rồi để lại trên bàn cùng bức ảnh.





Franklin thân mến,

Rất vui được gặp cậu. Đây là một bức ảnh của bố cậu và tôi đã chụp khi ông ấy sống ở đây. Tôi hy vọng nó sẽ đủ để thuyết phục cậu rằng tôi vẫn còn sống, và những câu chuyện Jacob kể không phải là hư cấu.

Jacob sẽ đi cùng các bạn tôi và tôi trong một thời gian. Chúng tôi sẽ tông chùng cho nhau được an toàn hết mức mà những người như chúng tôi có

thể giữ được. Một ngày nào đó, khi nguy hiểm đã qua, cậu ấy sẽ trở về với cậu.

Tôi xin hứa với cậu.

Thân,

Emma Bloom

T.B: Tôi biết có thể cậu đã tìm thấy một lá thư tôi gửi cho bố cậu nhiều năm trước. Đó là một lá thư không hợp tình hợp lý cho lắm, và tôi cam đoan với bố cậu rằng bố cậu không hề đề nghị tôi viết; và ông ấy cũng không trả lời nó. Ông ấy là một trong những người chính trực nhất mà tôi từng biết.

“Sẵn sàng đi rồi chứ?” tôi hỏi.

Các bạn tôi đang đứng trên ngưỡng cửa, chờ đợi tôi.

“Chỉ đi nếu cậu cũng sẵn sàng”, Emma đáp.

Chúng tôi lên đường tới triền đồi. Khi tới gần đỉnh đồi nơi tôi luôn dừng lại để xem mình đã đi xa đến mức nào, lần này tôi vẫn bước đi tiếp. Đôi khi tốt hơn không nên nhìn lại.

Khi chúng tôi tới chỗ mộ đá, Olive vồ lên các tảng đá như một con thú cưng đã thân quen lâu ngày. “Tạm biệt, vòng thân mến”, cô nói. “Mày đã luôn là một cái vòng thật tốt, và chúng tao sẽ nhớ mày lắm.” Emma bóp khẽ lên vai cô gái, cả hai người cùng quỳ phục xuống và chui vào trong.

Vào đến căn phòng trong cùng, Emma ghé ngọn lửa của cô sát lên tường và chỉ cho tôi thấy thứ tôi chưa bao giờ nhận ra trước đây: một danh sách dài các ngày tháng và chữ cái viết tắt họ tên được khắc vào đá. “Đó là tất cả những lần người ta từng dùng vòng thời gian này”, cô giải thích. “Tất cả những ngày khác mà vòng thời gian đã được cài đặt theo.”

Nhìn vào danh sách, tôi đọc được một dòng *P.M 3-2-1853* và một dòng *J.R.R. 1-4-1797* và một dòng gần như không còn đọc nổi *X.J. 1580*. Gần dưới cùng là một vài dấu hiệu lạ lùng tôi không hiểu được.

“Chữ Rune”, Emma nói. “Cổ lắm rồi.”

Millard lần tìm trong đám sỏi cho tới khi thấy một viên đá có cạnh sắc, rồi dùng một viên đá khác làm búa, cậu ta đục một dòng ghi chú của mình bên dưới những dòng khác. Dòng này viết *A.P. 3-9-1940*.

“AP là ai vậy?” Olive hỏi.

“Alma Peregrine”, Millard nói, rồi cậu ta thở dài. “Đáng ra người khắc dòng này phải là cô, chứ không phải tớ.”

Olive lần bàn tay lên trên những nét khắc thô ráp. “Cậu có nghĩ lúc nào đó một Chủ Vòng Thời Gian khác sẽ tới đây để tạo ra một vòng thời gian không?”

“Tớ hy vọng là thế”, cậu ta nói. “Tớ thực lòng hy vọng là thế.”

Chúng tôi chôn cất Victor. Bronwyn bê cả chiếc giường của anh ta lên và mang nó ra ngoài, Victor vẫn nằm trên đó, và khi toàn bộ đám trẻ tập hợp lại trên bãi cỏ, cô kéo chăn đắp ra và ôm lấy Victor, đặt cái hôn cuối cùng lên trán anh ta. Mấy cậu con trai chúng tôi nâng các góc giường lên như những người khiêng linh cữu và đưa anh ta tới đặt xuống cái hố quả bom đã đào thành. Rồi tất cả chúng tôi cùng leo lên ngoài trừ Enoch, cậu ta lấy một người đất sét từ trong túi áo ra và nhẹ nhàng đặt lên ngực chàng trai.

“Đây là chú lính cừ nhất của tớ”, cậu ta nói. “Để làm bạn cùng cậu.” Người đất sét ngồi dậy, Enoch bèn dùng ngón cái ấn nó nằm xuống. Người đất sét bèn lăn sang bên, một cánh tay kê dưới đầu và có vẻ như ngủ thiếp đi.

Khi cái hố đã được lấp đầy, Fiona kéo vài chồi cây và đoạn dây leo rải lên nền đất mới đắp và bắt đầu trồng chúng. Khi những người còn lại trong chúng tôi đã hoàn thành việc gói ghém đồ cho cuộc hành trình, Adam đã trở lại vị trí cũ của anh ta, chỉ có điều giờ đây anh ta đánh dấu ngôi mộ của Victor.

Sau khi đám trẻ đã nói lời từ biệt trại trẻ, một số cầm theo vài mảnh gạch hay bông hoa ngắt trong vườn làm kỷ niệm, chúng tôi thực hiện chuyến đi cuối cùng qua hòn đảo: qua những vạt rừng cháy đen nghi ngút khói, qua

đầm lầy bị những hố bom đào xói, qua rặng đồi và xuống qua thị trấn nhỏ với làn khói than bùn lơ lửng phía trên nơi các cư dân đang nán ná bên các khung cửa sổ và cửa ra vào, quá mệt mỏi và choáng váng tới mức dường như chẳng hề nhận ra cuộc diễu hành nho nhỏ của những đứa trẻ có dáng vẻ đặc biệt ngang qua phía trước họ.

Chúng tôi lặng lẽ nhưng đầy kích động. Đám trẻ đã không hề ngủ, nhưng nếu nhìn vào họ bạn sẽ không thể biết được điều đó. Hôm ấy là ngày mùng bốn tháng Chín, và lần đầu tiên sau một thời gian rất dài, ngày tháng lại bắt đầu trôi qua. Vài người trong đám trẻ quả quyết họ có thể cảm nhận thấy sự khác biệt; không khí trong buồng phổi họ tươi mới hơn, dòng máu tuần hoàn trong người họ chảy nhanh hơn. Họ cảm thấy tràn đầy sức sống và chân thực hơn.

Cả tôi cũng thế.

Tôi từng mơ thoát khỏi cuộc sống bình thường của mình, song cuộc đời tôi chưa bao giờ bình thường. Chỉ đơn giản tôi đã không thể nhận ra nó khác thường tới mức nào. Cũng như thế, tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng nhà có thể là một nơi tôi sẽ nhớ nhung. Ấy vậy nhưng khi chúng tôi chuyển đồ xuống những chiếc thuyền của mình trong ánh bình minh đang dần ló dạng, trước một lần ranh mới của Trước và Sau, tôi nghĩ tới mọi thứ mình sắp để lại sau lưng - bố mẹ, thị trấn nơi tôi sống, cậu bạn từng thân nhất và là người bạn duy nhất của tôi - và nhận ra việc ra đi sẽ không hề giống như tôi từng tưởng tượng, không giống như rũ bỏ một gánh nặng. Ký ức về chúng là thứ gì đó rõ ràng và nặng nề, và tôi sẽ mang nó theo mình.

Ấy thế nhưng, cuộc sống trước đây của tôi là một thứ không thể quay trở lại, cũng như ngôi nhà bị trúng bom của đám trẻ. Các cánh cửa đã bị hất tung ra khỏi những cái lồng của chúng tôi.

Mười đứa trẻ đặc biệt và một con chim đặc biệt cần được thu xếp đủ chỗ chỉ trên ba chiếc thuyền chèo tay, trong khi rất nhiều thứ cần bị lược bỏ và để lại trên bến tàu. Khi chúng tôi đã xong việc, Emma đề nghị một người trong chúng tôi nói điều gì đó - một lời phát biểu dành cho chuyến đi phía

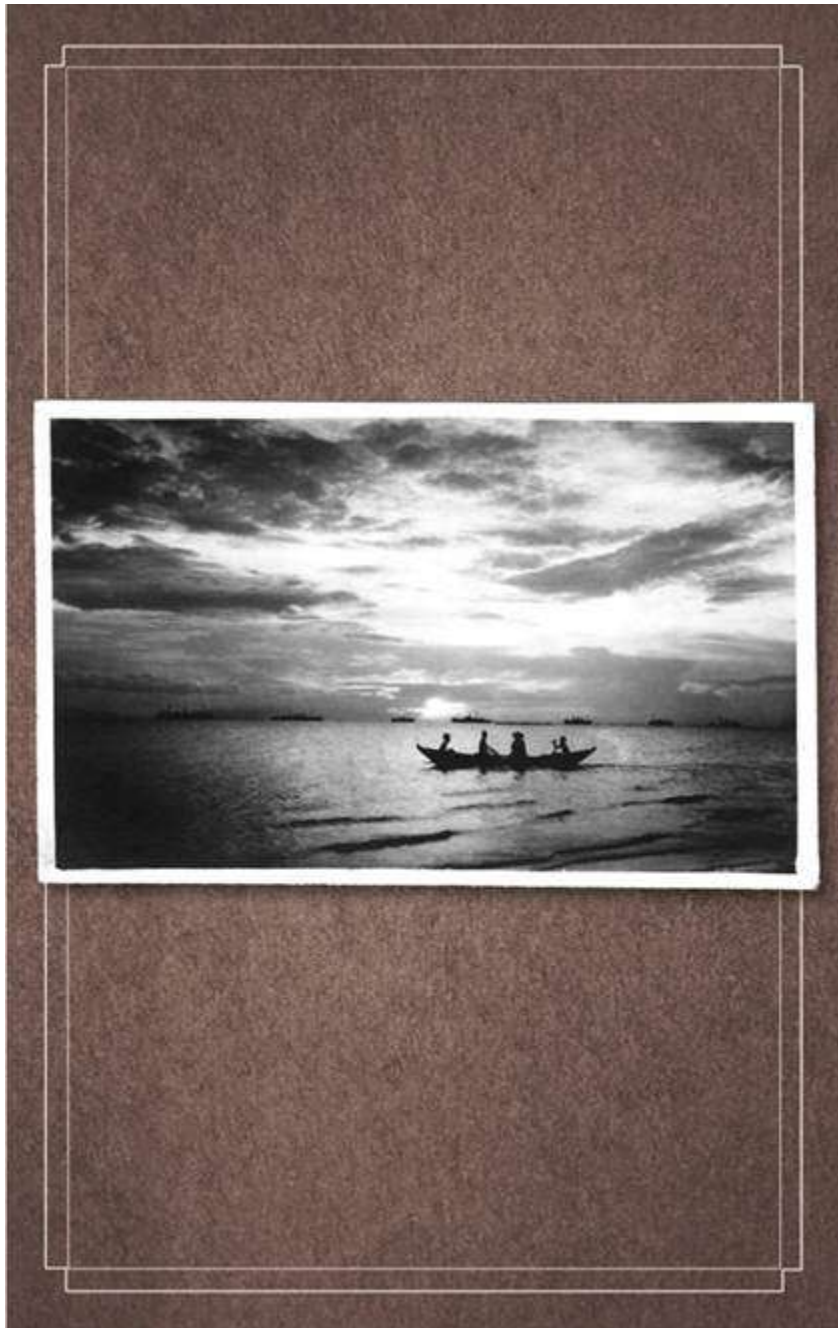
trước - nhưng dường như không ai có sẵn từ ngữ. Vậy là Enoch giơ cao cái lòng của bà Peregrine lên, bà liền kêu lên một tiếng thật to, chói tai. Chúng tôi đáp lại bằng một tiếng hô vang, vừa là tiếng reo chiến thắng vừa là lời than vãn, dành cho mọi thứ đã mất đi nhưng vẫn có thể giành lại.

Hugh và tôi chèo chiếc thuyền đầu tiên. Enoch ngồi quan sát chúng tôi ở mũi thuyền, sẵn sàng chờ đến lượt mình, trong khi Emma đầu đội mũ ngắm nhìn hòn đảo đang lùi xa dần. Mặt biển như một tấm gương gợn sóng lăn tăn trải ra vô tận phía trước chúng tôi. Ngày mới ảm áp, nhưng một cơn gió lạnh nổi lên khỏi mặt nước, và tôi có thể thoải mái chèo trong hàng giờ. Tôi tự hỏi làm thế nào sự bình yên này có thể thuộc về một thế giới đang trong chiến tranh.

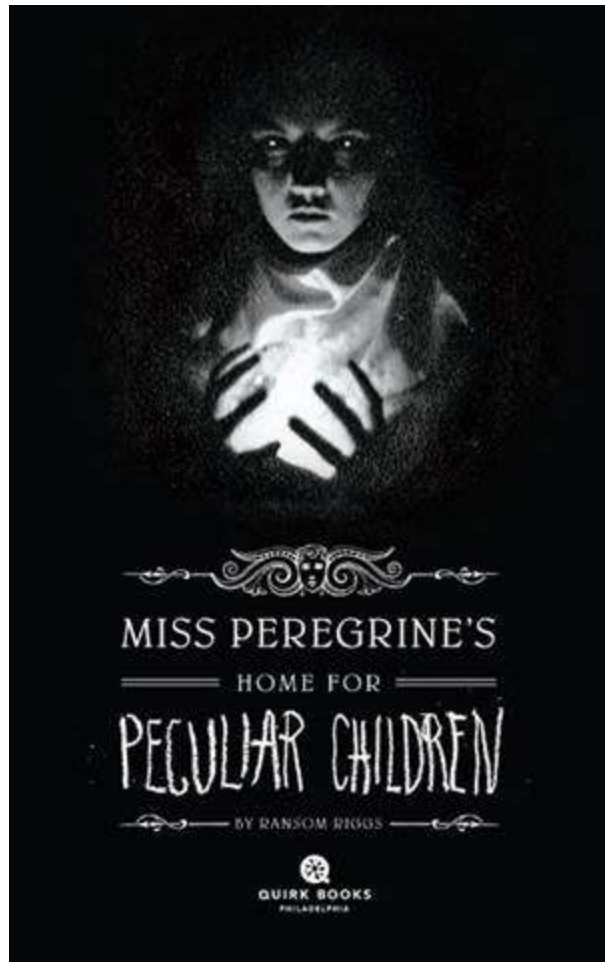
Trên chiếc thuyền kế tiếp, tôi thấy Bronwyn vẫy tay và đưa chiếc máy ảnh của bà Peregrine lên mắt. Tôi mỉm cười đáp lại. Chúng tôi không mang theo bất cứ cuốn album ảnh cũ nào; có thể đây sẽ là bức ảnh đầu tiên trong một cuốn album mới tinh. Thật lạ khi nghĩ tới chuyện một ngày kia có lẽ tôi cũng sẽ có xấp ảnh ó vàng của chính mình để chỉ cho những đứa cháu đang hoài nghi xem - cùng những câu chuyện hoang đường của chính tôi để kể lại cho chúng.

Sau đó, Bronwyn hạ chiếc máy ảnh xuống và giơ cánh tay lên, chỉ vào thứ gì đó phía đằng sau chúng tôi. Ngoài xa, nổi lên đen sẫm trong ánh mặt trời đang lên, một đoàn chiến hạm xuất hiện nơi đường chân trời.

Chúng tôi chèo nhanh hơn.



HẾT



-
- [1] Nguyên văn là "cute", cấp tính tiếng Anh là "acute", ở đây mẹ Jacob chơi chữ để đùa cậu.
- [2] Thứ tiếng của người Do Thái ở Trung Âu và Đông Âu, gần với tiếng Đức cổ.
- [3] Khốn khổ (tiếng Yiddish).
- [4] Thằng ngốc (tiếng Yiddish).
- [5] Một đạo diễn điện ảnh Mỹ có phong cách làm phim kinh dị, ám ảnh người xem.
- [6] Một sản phẩm dùng để thông các đường ống dẫn nước thải.
- [7] Cây cầu dài 6,67 ki lô mét bắc qua vịnh Tampa ở Florida, có nhịp giữa treo bằng cáp.
- [8] Phiên âm tiếng Anh của từ tiếng Đức U-Boot (Unterseeboot - tàu ngầm), thường dùng để gọi tàu ngầm Đức trong hai cuộc Thế chiến.
- [9] Hole, nguyên văn tiếng Anh, ám chỉ tên nhà trọ Priest Hole.
- [10] Nguyên văn là "piss hole", lúc trước Jacob nghe nhầm từ "Priest Hole" thành "piss hole"
- [11] Nguyên văn tên nhà trọ "Priest Hole", dịch theo nghĩa đen là "hố tu sĩ".

[12] MC (emcee): thông thường được hiểu là người dẫn chương trình, còn trong âm nhạc hiphop, từ này dùng để chỉ rapper.

[13] Biệt danh đặt cho lính Đức trong cuộc Thế chiến thứ Hai, cũng như Tommy chỉ quân Anh, Ivan chỉ quân Nga v.v.

[14] Tiếng Anh là "Peregrine", trùng với họ cô phụ trách trong lá thư Jacob nhận được chính vì vậy đoạn trước ông của Jacob có nói tới một "con chim ưng hút tẩu" thực ra là ám chỉ cô phụ trách Peregrine.

[15] Nguyên văn tiếng Anh là "cairn", tên thị trấn là Cairnholm.

[16] Nguyên văn tiếng Anh: "Wot, no sugar?" một câu đùa được cho là xuất phát từ quân đội Anh, binh lính vạch lên nơi họ có mặt để phàn nàn về tình trạng tiếp tế thiếu thốn, lâu dần trở thành một câu đùa quen thuộc.

[17] Cũng như họ của cô Peregrine (một loại chim ưng), họ của tất cả các Chủ Vòng Thời Gian đều là tên các loài chim. Gannet là chim điên. Nightjar là cú muỗi. Avocet là chim mỏ cứng. Treecreeper là chim sâu. Bunting là chim sẻ đất. Finch là chim sẻ.

[18] Jacob nói là "cool", theo ngôn ngữ giới trẻ hiện đại có thể hiểu là "hay, tuyệt", nhưng nghĩa gốc của từ này là "mát", Emma hiểu theo nghĩa này.

[19] Một trong những biệt danh của ban nhạc rap The Notorious B.I.G.

[20] Nhân vật luật sư trong các truyện trinh thám của Erle Stanley Gardner.

[21] Một quần đảo trên Đại Tây Dương.